HANSUYIN

NGUYỄN HIẾN LÊ dịch

một mùa hè vắng bóng chim



HAN SUYIN
(Hàn Tú Anh)

MỘT MÙA HÈ VẮNG BÓNG CHIM

Bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

❑ Nguyên tác BIRDLESS SUMMER 1968
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch theo bản tiếng Pháp
Un été sans oiseaux
của nhà Stock - Paris - 1968

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Mùa hè vắng bóng chim, *cuốn tiểu thuyết tự truyện của Han Suyin (Hàn Tú Anh), thuật chuyện riêng của đời tác giả, một thiếu nữ Trung Quốc lai Bỉ (cha gốc Hán, mẹ là người Bỉ), nhiệt thành yêu đất nước Trung Hoa, và tình nguyện trở về cứu nước, khi thấy đất nước trước họa xâm lăng của Nhật Bản.*

Han Suyin, xuống tàu Laborde, nhổ neo ở Marseille (Pháp) và đi Hương Cảng. Bà gặp bạn cũ là Tang Pao Huang, hồi nhỏ học ở Bắc Kinh, tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, vì lí tưởng, họ yêu nhau và cưới nhau trên đường về nước.

Nhưng ngay sau ngày cưới, Han Suyin đã thấy ngay những dự định của mình thành ảo tưởng. "Mùa hè vắng bóng chim" bắt đầu từ đấy... Cuốn tự truyện thuật lại hết sức sinh động, bi kịch từ hai phía: lí tưởng phục vụ tổ quốc và tình yêu... Chỉ khi về đến Tổ quốc, chỉ khi chung sống với Pao, một sĩ quan trẻ của quân đội Tưởng Giới Thạch, Han Suyin mới thực sự vỡ mộng. Tổ quốc Trung Hoa mà bà yêu tha thiết, trong tay chính quyền Tưởng Giới Thạch, đã thực sự suy yếu. Tập đoàn cai trị, từ Tưởng Giới Thạch, Hà Ứng Khâm, Hồ Tôn Nam, Tai Lee, dưới mắt tác giả, đều là

những chính khách bất tài, dùng những thủ đoạn chính trị để bóc lột đàn áp dân chúng, đàn áp phong trào kháng chiến, bòn rút tiền viện trợ của ngoại quốc, để làm giàu cho bản thân họ.

Còn Tang Pao Huang chồng Han Suyin, bề ngoài tưởng là một thanh niên yêu nước thật sự, nhưng thật ra hệ tư tưởng của anh cũng không thoát khỏi ý thức của lớp trí thức trẻ, con các gia đình phong kiến rất hám danh lợi, ích kỉ. Dù là hạng tân học, song đầu óc Pao đặc sệt tư tưởng cổ hủ của phong kiến xưa. Dù yêu vợ, song Pao không hề mong vợ có chí tiến thủ, chỉ muốn biến vợ thành một người lệ thuộc, phục vụ riêng cho mình... Han Suyin là một phụ nữ tiến bộ, lại ở nước ngoài từ bé, sẵn có tư tưởng dân chủ trong mình, hoàn toàn chống lại... Và Pao đã hành hạ Han Suyin rất thậm tệ, đánh đập không tiếc tay, ở trong nhà và ngay ở công viên...

Nhờ vào chức vụ của Pao, thói hãnh tiến của anh ta mà Han Suyin đã tiếp xúc với được nhiều hạng người trong giới thượng lưu, do đó bà đã rõ bộ mặt thối nát của tập đoàn Tưởng Giới Thạch, và thất vọng về tương lai của Tổ quốc.

Cuốn tự truyện đã vượt ra khỏi đời riêng của một phụ nữ Trung Hoa, vẽ ra một bức tranh toàn cảnh, rất sinh động về tình hình đất nước của bà từ ngày Nhật xâm lăng, chiếm Mãn Châu, cho đến lúc Thế Chiến thứ hai kết thúc.

Bằng một bút pháp linh hoạt, tinh tế, mổ xẻ những

hiện tượng tâm lí xã hội của tấn bi kịch riêng của vợ chồng bà, cũng như tấn bi kịch lớn của đất nước Trung Hoa, "Mùa hè vắng bóng chim" là một cuốn tiểu thuyết có giá trị về nhiều phương diện.

Tác phẩm phản ánh những diễn biến lịch sử phức tạp với những âm mưu giáo quyệt, với chính sách thâm độc của chính quyền Tưởng Giới Thạch, phản ánh những mâu thuẫn gay gắt giữa những thế lực ngoại bang Mĩ, Anh, Nhật trong đại chiến thế giới lần thứ hai... Nó nói thực sự sa đọa của bọn cầm quyền thối nát và nỗi khổ cực của tầng lớp thợ thuyền và nông dân Trung Quốc. Cuốn sách có nhãn quan bén nhạy khi nhìn triển vọng đất nước thông qua những người thực tâm đuổi Nhật để giành lấy một đất nước Trung Hoa tự chủ và độc lập hoàn toàn...

Nhưng hấp dẫn hơn là gương tự lập của một phụ nữ vượt lên tất cả những ràng buộc, những vật cản của con đường tiến thân, với một nghị lực phi thường, một ý chí không lay chuyển, để phát triển tài năng và đạt được lí tưởng của mình...

Cuộc đời riêng của Han Suyin đầy éo le, và cũng rất điển hình cho số phận của những thiếu nữ tân học, đầy nhiệt tình, sống có lí tưởng, nhưng số phận bị xô đẩy trôi nổi cũng hết sức dữ dằn.

Cuốn tự truyện hấp dẫn bởi những chi tiết hiện thực nghiêm khắc, mà tác giả đã bình tĩnh phân tích một cách sắc sảo... Cuốn sách đọc một mạch và để lại một dư âm, một ấn tượng khó phai. Hạnh phúc của một đời người phải trả những giá quả là rất đắt...

Bút pháp Han Suyin rất sinh động, tự nhiên, chính xác, phù hợp với tâm hồn nhạy cảm, khi thì phân tích những tình huống nóng bỏng của thời cuộc, hoặc những mâu thuẫn nội tâm đang giằng xé quyết liệt. Lời văn nhiều chỗ mạnh mẽ và trữ tình.... Qua bản dịch, dịch giả đã để nhiều công phu để bản dịch được hoàn hảo, khiến độc giả say sưa theo từng trang sách.

Ngoài "Mùa hè vắng bóng chim", Han Suyin còn là tác giả một số tiểu thuyết khác nổi tiếng... Bà là một nữ tác giả Trung Hoa rất nổi tiếng ở nước ngoài. Các tác phẩm của bà đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ngay sau khi xuất bản lần thứ nhất.

Nhà xuất bản Văn Hóa - Thông Tin
xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TỰA

(của dịch giả)

Thực ra là *Hai* mùa hè vắng bóng chim, một mùa hè của tác giả lồng trong mùa hè của sáu trăm triệu dân Trung Hoa, cả hai đều "dài đăng đẳng" hơn mười năm trời đều *«nóng bỏng đến nỗi chim chóc không hót nữa"*, nhưng sau lò lửa đó, *«người ta đã cảm thấy ngọn gió biển đầu tiên đem lại trận mưa tế độ"*.

Nguyên do chỉ tại Nhật Bản đã muốn thôn tính Trung Hoa từ lâu, ngày mùng 7 tháng 7 năm 1937 viện cớ một người lính Nhật mất tích (sau lại trở về) mà tấn công đồn Uyên Bình của Trung Hoa ở gần Lư Câu Kiều và gây ra cuộc chiến tranh Trung Nhật 1937 - 1945. Hay tin quân Nhật ồ ạt chiếm đánh Hoa Bắc, Han Suyin (Hàn Tú Anh), 21 tuổi, đương học năm thứ ba Y Khoa ở Đại Học Bruxelles nổi cơn khủng hoảng tinh thần: bực tức, dễ quạu, mất ngủ, khóc lóc - con người đó cực kì đa cảm - nhất định bỏ học, trở về Trung Hoa để cứu nước, mặc dầu họ hàng bên ngoại và bạn bè đều cho như vậy là điên khùng. Nhưng Han Suyin một mực đáp: "cây thì có gốc rễ nên tôi trở về gốc rễ", ở lại đây, tôi sẽ nhớ nước mà chết mất".

Bà chỉ có một nửa máu Trung Hoa, tên thực là Rosalie Tchou (Hàn Tú Anh chỉ là bút hiệu) mà yêu Trung Hoa hơn cả cha mẹ và bản thân bà nữa. Thân phụ là Tchou Yen Tong, sanh trong một vọng tộc ở Thành Đô (tỉnh Tứ Xuyên), qua Bỉ học từ 1904 đến 1913, trở về nước với một bằng cấp Kỹ sư hỏa xa và một người vợ Bỉ trong giai cấp đại tư sản, Marguevite Denis, rồi làm cho một công ti Hỏa xa của Bỉ, xây cất nhiều đường xe lửa ở Hoa Bắc. Cha vẫn giữ cốt cách Trung Hoa, điềm đạm, nghệ sĩ, thích làm thơ. Mẹ thì lãng mạn, nóng nảy, bướng bỉnh, nhưng rất can đảm.

Han Suyin sanh năm 1917 ở Bắc Kinh, hồi nhỏ rất cực khổ. Nhà nghèo vì cha không muốn hưởng gia tài của tổ tiên, mà lương một kĩ sư "da vàng" chỉ bằng một phần năm lương một kĩ sư "da trắng". Lại bị mẹ ghét bỏ vì không đẹp mà tính tình cứng cỏi. Mười lăm tuổi phải thôi học, khai gian tuổi xin một chân thư kí để giúp nhà và có tiền học thêm. Nhờ tư chất rất thông minh, thi đậu vô đại học Yen tching ở Bắc Kinh, và hai năm sau, năm 1935, được một người Bỉ, Joseph Hers, bạn của cha - vì vậy trong truyện này, Han Suyin gọi là Bác - xin cho một học bổng qua Bruxelles học Y Khoa.

Ở Bruxelles, bà học cũng rất tấn tới, luôn luôn đỗ đầu, thường diễn thuyết, hô hào lòng ái quốc trong hội Ái hữu Trung Bỉ, yêu một luật sư Bỉ trẻ tuổi, tên là Louis hai người định cưới nhau thì chiến tranh Trung Nhật

phát, và bà quyết tâm từ bỏ hết: thầy học, bạn bè, họ hàng bên ngoại, vị hôn phu và cả tương lai nữa để về Trung Hoa kháng Nhật.

Truyện bắt đầu từ lúc bà xuống tàu *Jean Laborde* nhổ neo ở Marseille để đi Hương Cảng. Bà gặp một bạn cũ ở Bắc Kinh hồi nhỏ, Tang Pao - Houang, sinh viên trường võ bị Sandhurst (Anh) cùng về một chuyến tàu, cũng để kháng Nhật. Hai người cùng chung một hoài bão, một lí tưởng:

«Cô về Trung Hoa?... một thiếu nữ mà ái quốc thì càng đáng khen hơn nữa... Tôi sẽ về thẳng Vũ Hán để trình diện với thượng cấp... Tôi sẵn sàng chết vì Tổ quốc... còn cái vinh dự nào bằng chết vì chiến đấu với quân xâm lăng?".

Những lời đó "tung bay trong ngọn gió từ mặt biển sặc sỡ đưa lên", làm cho Han Suyin tưng bừng, tưởng tượng cuộc đời sắp tới, gian khổ nhưng anh dũng, đầy đủ ý nghĩa và tràn trề hi vọng.

Họ yêu nhau, ghé Hương Cảng ít bữa rồi nôn nả đi thẳng về Vũ Hán, chỉ sợ trễ quá, không kịp dự trận kháng Nhật đương xảy ra tại đó. Họ cưới nhau ở Vũ Hán, dự định chồng sẽ cầm quân, vợ sẽ làm y tá trong quân y viện.

Nhưng toàn là ảo tưởng cả. *Mùa hè"* nóng bỏng của Han Suyin bắt đầu từ đó: Tang Pao-Houang, tưởng là một thanh niên nhiệt tâm ái quốc thì chỉ là hạng phong kiến, hám danh hám lợi, mặc dầu có tân học mà tinh thần rất hủ bại, đối với vợ tàn nhẫn không tưởng tượng

nổi, cứ ít bữa lại đánh đập vợ, cả những khi ở giữa công viên, ở trong tiệm ăn Han Suyin *«vì muốn hi sinh cho Trung Hoa"* mà phải cắn răng chịu đựng. Trong những giờ bị hành hạ đó:

«... tôi tập vừa hít thật sâu, vừa đếm: «Trung Hoa có sáu trăm triệu dân: 1, 2, 3, 4, 5... Anh ấy sắp chán... anh ấy sắp chán... và sắp nghỉ tay". Dù cảnh đó kéo dài... có khi tới gần 10 giờ, tôi không được ăn uống gì cả, mà cũng vẫn phải ngồi co ro trên sàn, đợi những cú giáng xuống, sợ nhất là bị đòn mà hóa đui hoặc mặt mày thành sẹo...".

Mà hầu hết các bạn của Pao, các sĩ quan Hoàng Phố đều như vậy, có kẻ còn nhốt vợ vào cũi, bêu ở ngoài đường cho tới chết đói mà không ai dám can ngăn kể cả cha mẹ người đàn bà xấu số! Thực tế đã vượt hẳn sức tưởng tượng. Han Suyin xin li dị, Pao nhất định không cho, xin đi học thêm cũng mấy lần bị từ chối. Pao chỉ muốn vợ mình làm nô lệ trong nhà để thỏa mãn nhục dục và những cơn điên của mình thôi, hoặc để giúp mình tiến thân. Và Han Suyin chịu cuộc đời nô lệ đó tám năm, theo Pao từ Vũ Hán đến Quảng Tây, vô Trùng Khánh, sau cùng qua Londres khi Pao được phái làm tùy viên quân sự ở Anh.

Năm 1945, Bà oán Pao tới nỗi đâm ra ghê tởm lây hết thảy bọn đàn ông, sau đó trong bốn năm, bà bị bệnh thần kinh, tưởng hóa điên. Sau bà quyết li thân, để Pao

về Trung Hoa một mình [1], bà ở lại Londres học tiếp y khoa, để có nghề tự nuôi thân và nuôi một đứa con gái nuôi năm tuổi.

Vậy hoài bão là trở về Trung Hoa để giúp quê hương trong cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, mà thực tế chỉ là để sống một cuộc đời vô ích và tủi nhục. Nhưng không bao giờ bà tiếc mấy năm đó cả, vì nhờ theo Pao, bà mới thấy được tận mắt chế độ thối nát kinh khủng của Tưởng Giới Thạch (Pao là một sĩ quan cấp tá được Tưởng hơi tin cậy), thấy được tình cảnh điêu đứng của bần dân Trung Hoa sống như loài vật trên một non sông tuyệt đẹp. Tóm lại là được mục kích, được sống "một mùa hè nóng bỏng" của dân tộc, khiến bà càng yêu quê hương và đồng bào của bà hơn.

Phần tả đời sống của phu phen, nông dân Trung Hoa, dưới sự đàn áp, bóc lột của bè phái Tưởng Giới Thạch, xen lẫn với phần tả đời sống riêng tư của bà một cách điều hòa, khéo léo, không phần nào lấn phần nào, mà giọng văn luôn luôn linh động, có chỗ mỉa mai, dí dỏm, nhiều chỗ phẫn uất, hình ảnh mới mẻ, bút pháp rất mạnh.

Chính nhờ đọc cuốn này - chứ không phải những

---

(1) Marianne Monestier trong một bài phỏng vấn Han Suyin, (chúng tôi dịch trong cuốn *15 gương phụ nữ* - Trí Đăng - 1970) đã lầm chăng khi bảo rằng, năm 1945 bà trở về Trung Hoa với Pao, sau trở qua Londes học lấy nốt bằng cấp y sĩ.

cuốn sử hiện đại của Trung Hoa - tôi mới hiểu tại sao năm 1945 danh của Tưởng Giới Thạch lên tới tột đỉnh, mà chỉ bốn năm sau ông ta đã phải dắt vợ con và một bọn thủ hạ chạy trốn qua Đài Loan, không quên ôm theo 450 triệu Mĩ Kim, vàng, và Mĩ bỏ non sáu tỉ [1] vào cuộc nội chiến Trung Hoa mà không cứu vãn nổi, lại chuốc thêm một nỗi hận chua chát.

Nguyên nhân thất bại nằm ngay trong lòng Quốc Dân đảng từ trước 1938. Đủ hết các cảnh độc tài và thối nát trong một tấn tuồng vừa bi vừa hài: chính quyền Quốc Dân đảng chỉ lo củng cố địa vị và làm giàu, không nghĩ tới dân, không kháng Nhật, rút lui hoài về phía Tây, nhường hết những miền phì nhiêu cho Nhật, để sống trong những hầm bọc sắt tại Trùng Khánh bảo toàn lực lượng, chờ thế chiến chấm dứt mà *«bất chiến tự nhiên thành"*, rồi lúc đó sẽ xua quân diệt Cộng, họ đề cao nhân vị mà lại lùng bắt nông dân ở ngoài đồng, phu phen ở ngoài phố, lấy dây thừng hay dây chì cột lại thành từng *«xâu"* lùa vào các trại quân, rồi đánh đập, bỏ đói, họ mua quan bán chức, bán chợ đen dược phẩm, y phục, lương thực của lính, bán lậu khí giới cho Nhật, đi công du ngoại quốc thì kẻ nào cũng chở từng xe cam nhông xa xỉ phẩm về, họ bắt dân nhổ lúa để trồng thuốc phiện, họ đặt ra hàng trăm thứ thuế: *thuế tóc, thuế cửa sổ, thuế số nhà,*

---

(1) Ở Việt Nam, Mĩ đã tiêu tới nay 210 tỉ.

thuế thương người, thuế hạnh phúc, thuế làm biếng (nghĩa là không trồng thuốc phiện...) [1], họ lạm phát giấy bạc tới cái mức dân phải khiêng cả thúng giấy bạc đi mua một vé xe buýt [2] gái điếm nhung nhúc, mật vụ cũng nhung nhúc. Đức có bọn *Sơ mi nâu* thì họ có bọn *Sơ mi lam*, hạng công chức hay quân nhân cao cấp Quốc Dân đảng thì bốn năm vợ, ngày nào cũng đánh mạt chược từ khi mở mắt cho tới khi đi ngủ, một kẻ kiêm bảy tám chức vụ, lãnh bảy đầu lương, và lâu lâu mới tới nhiệm sở một hai giờ, còn hạng công chức thấp thì rách rưới, đói khát, chỉ được cấp gạo vừa đủ cho vợ con khỏi chết đói, cho nên công việc bê trễ, và nạn hối lộ lan tràn từ trên xuống dưới, thành một *«quốc sách”* bắt dân phải gián tiếp trả thêm lương cho công chức.

Còn hạng dân đen thì:

«... ngay dưới chân tôi, dưới 478 bục đá kia [1] *là bờ sông chất lộn xộn những thùng, những bành hàng hóa mà phu phen tranh nhau đưa lên vai để khiêng rồi leo, leo, leo những bực thang, thành một hàng bất tuyệt, leo hoài không ngừng, và người ta thấy cổ họ, chân họ nổi gân lên, nghe thấy hơi thở hổn hển của họ phát từ những bộ ngực lép xẹp, thót lại... Tôi thấy những phu khiêng kiệu chiến đấu từng bực, từng bực một, cái cán bằng tre đâm sâu trong*

---

(1) Có những quân phiệt bắt dân đóng thế trước 50 năm.

(2) Có hồi họ “đúc” tiền bằng đất sét.

thịt họ mỗi khi kiệu lắc lư, trong kiệu, các công chức... ưỡn người ra khoan khoái..."

Ngày ngày Han Suyin nhìn thấy tình cảnh những người lao động đó quần rách để hở đít, đầy rận, kẻ nào cũng xanh xao, ốm tong teo vì nghiện thuốc xái - họ không đủ ăn, phải dùng thứ đó để lấy sức mà khiêng vác, cứ hai giờ lại nghỉ để hút - bà thương họ vô hạn, và:

«Thật là vô lí, không hiểu tại sao tôi lại muốn ở vào địa vị họ, tôi muốn đôi dép rơm mà họ đi, uống thứ trà đậm, chát mà họ uống ở các quán cóc... rồi tôi cũng leo những bậc thang như họ, nhưng hỡi ôi, không vác gì trên vai cả!".

Bà uất hận, tin chắc rằng tình trạng đó không thể kéo dài hoài được, một ngày kia cách mạng phải vì bọn họ mà dấy lên, như một cơn nước dông, cuốn hết các nhơ nhớp của chính thể Quốc Dân đảng, và năm 1945, khi Nhật đầu hàng Đồng minh, bà mừng rỡ đoán trước rằng cuộc cách mạng sắp phát.

Đọc phần đó, chúng ta không thể không liên tưởng đến tình cảnh nước ta trong mười mấy năm qua, tôi cho rằng có những luật bất di bất dịch trong lịch sử: những dân tộc cùng một văn hóa, đặt trong một hoàn cảnh như nhau thì phản ứng cũng như nhau và rốt cuộc cùng đi tới

---

(1) Trùng Khánh cất trên núi, từ bờ sông Dương Tử lên thành phố phải leo 478 bực đục trong đá.

một điểm lịch sử như nhau. Điều đó tôi đã dẫn chứng trong Bộ *Văn học Trung Quốc hiện đại,* [1] đọc tác phẩm của Han Suyin, tôi càng thấy nó đúng. Thật lạ lùng! Việt Nam và Trung Hoa sát nách nhau, sự thất bại của Tưởng Giới Thạch như tấm gương tầy liếp mà Ngô Đình Diệm và các người sau không biết soi, ngay như Mĩ cũng vậy, đã thất bại ở Trung Hoa mà càng không biết rút ra một bài học, lại sa vào vết xe cũ. Cơ hồ như con người không biết dùng lí trí, hành động toàn theo một bản năng do hoàn cảnh, nếp sống quyết định. Ít ai học được bài học của lịch sử!

Bà mạt sát kịch liệt chế độ Quốc Dân đảng làm cho ta có cảm tưởng rằng bà thiên Cộng. Sự thật không phải vậy: bà chỉ ghét những kẻ tàn bạo và chỉ yêu dân tộc Trung Hoa thôi, hễ phải thì bà khen, trái thì bà chê, cho nên Quốc Dân đảng đã ghét bà mà Cộng Sản cũng không ưa: Năm 1948 đã "tố" bà rồi, năm 1966 - 1967, một nhóm ở Bắc Kinh lại tố thêm một lần nữa trong cuộc cách mạng Văn hóa.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Marianne Monestier (năm 1967 hay 1968) Bà nói:

«... Tôi chưa bao giờ là cộng sản, mà cũng không bao giờ có thể thành cộng sản được vì đã tới cái tuổi không còn tin một cách khá mãnh liệt bất kì một cái gì nữa. Mục

(1) NXB Nguyễn Hiến Lê, 1972, Sài Gòn, NXB Văn học tái bản, 1999

đích của bà là ghi lại các biến cố *«một cách vô tư và trung thực, không khôi phục dĩ vãng, cũng không chiến đấu cho hiện tại, để cho các thế hệ sau biết hết những gì đã xảy ra"* vì *«thế giới cần có những nghệ sĩ chép lại các biến cố một cách thiện cảm mà không cuồng nhiệt, hơn là cần các nhà truyền giáo độc ác hô hào những cuộc chiến đấu hư ảo chống lại sự thật"*.

Bà khởi công từ năm 1964. Trước năm đó bà đã xuất bản được sáu bảy cuốn, cuốn đầu là *Destination Tchoungking* viết từ hồi sống ở Trùng Khánh, chung với một nữ bác sĩ Mĩ (bà viết rồi bạn bà sửa lại) kể cuộc đời của vợ chồng bà từ Vũ Hán theo Tưởng Giới Thạch lại Trùng Khánh. Cuốn đó xuất bản ở Mĩ, rồi ở Anh. Sau đó bà ngưng viết khoảng mười năm. Năm 1949 đậu Y Khoa bác sĩ rồi (chồng bà đã tử trận ở Mãn Châu) nhiều nơi ở Londres nhờ bà cộng tác, bạn bè cũng khuyên bà ở lại Anh làm việc, nhưng lần này cũng như mười năm trước, bà quyết định trở về Á Châu, dù không sống ở Hoa lục thì ít nhất cũng sống ở sát Hoa lục để coi xem tình hình ra sao, dân chúng Trung Hoa dưới chế độ cộng sản sống ra sao? *«Tôi không thể sống yên ổn ở Anh được... tôi không từ bỏ Trung Hoa, tôi không quay lưng lại với nó"*.

Và bà đáp xuống Hương Cảng, mở phòng mạch trị bệnh cho người Á Châu, sau lại Singapore cũng để vừa làm nghề y sĩ, vừa xét tình cảm người Trung Hoa, người Mã Lai...

Trong thời gian từ năm 1950 đến 1964, bà viết thêm những cuốn:

Multiple Spleudeur về Trung Hoa.

Et la pleve pour ma souf về cuộc kháng Anh ở Mã Lai.

La montagne est jeune

v.v...

Cuốn nào cũng đã được dịch ra tiếng Pháp (nhà Stock ở Paris, và nhà Rencontre ở Lausanne), nhiều cuốn đã được in trong loại sách bỏ túi.

Nhưng hình ảnh những cùng dân Trung Hoa vẫn ám ảnh bà, bà bất mãn về các cuốn đã viết về Trung Hoa, nhất là cuốn *Destination Tchoungking* viết hồi sống dưới chế độ kiểm duyệt gắt gao của Tưởng Giới Thạch, trái hẳn sự thực, cho nên năm 1964 bà ngưng hoạt động y sĩ, soạn một bộ kể lại đời sống của gia tộc bà và lịch sử Trung Hoa từ cuối thế kỉ trước cho tới những ngày gần đây nhất, để giải tỏa nỗi lòng. Điều đó làm cho chúng ta nhớ trường hợp Somerset Maugham bỏ viết kịch để viết truyện *Of human bondage* (1).

Bộ đó gồm bốn cuốn, tới nay đã xuất bản được ba:

- *L'arbre blessé-1965* (Cây bị thương tích) chép giai đoạn từ 1885-1928.

---

(1) Bản Việt dịch là *Kiếp Người* Lửa Thiêng XB, 1970, Sài Gòn Văn học tái bản, 1992.

- *Une fleur mortelle-1967* (Một bông hoa tai hại) chép từ 1928-1938.

- *Un été sans oiseaux-1968* (Một mùa hè vắng bóng chim) chép từ 1938 đến 1949.

Cả ba cuốn đó đã được dịch ra tiếng Pháp từ khi bản tiếng Anh mới xuất hiện và có thể còn được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nữa.

Cuốn thứ tư, nhan đề là *La moisson du Phénix* (Mùa gặt của chim Phượng), chưa xuất bản, chép tiếp từ 1949 trở đi, và sẽ cho ta được nhiều tài liệu quí về các sự thay đổi triệt để ở Hoa lục, trong đời sống của mọi giai cấp, vì trong khoảng mười mấy năm nay, năm nào bà cũng về Hoa lục *«thăm bà con bè bạn, tìm lại những sự kiện, kỉ niệm cũ..."* thu thập ghi chép những điều mắt thấy tai nghe.

Toàn bộ sẽ dày khoảng 1.600 trang khổ lớn, xấp xỉ bộ *Chiến tranh và hòa bình* của Léon Tolstoi, có giá trị hơn các truyện Pearl Buck viết về Trung Hoa, Pearl Buck chỉ giúp người Phương Tây hiểu một cách hời hợt đời sống cùng tâm hồn người Trung Hoa, những điều mà chúng ta, cùng một văn hóa với Trung Hoa, đều biết cả rồi. Han Suyin sâu sắc hơn, cho ta thấy thân phận bi đát, tủi nhục của phụ nữ (chính là thân phận của bà) của bần dân Trung Hoa, và hiểu được lịch sử hiện đại của Trung Hoa, một bi kịch lớn nhất của thời đại, làm sụp đổ một

nền văn minh bốn ngàn năm và đương làm rung chuyển cả thế giới, hậu quả chưa biết sẽ tới mức nào. Chính bi kịch chung của một dân tộc đó đã gây ra một bi kịch riêng cho gia đình họ Tchou trong hai thế hệ, thế hệ của thân phụ bà và của bà.

Trong ba cuốn đã ra, chúng tôi lựa cuốn sau cùng *«Một mùa hè vắng bóng Chim"* để giới thiệu với độc giả vì cuốn đó tả một giai đoạn bi đát nhất, có ảnh hưởng lớn nhất tới tương lai của Đông Á, mà người Việt chúng ta lại được biết ít nhất.

Trong mười mấy năm nay, chúng tôi đã nhờ các bạn thân kiếm giùm ở Hương Cảng, ở Đài Bắc một cuốn sử của người Trung Hoa viết về giai đoạn đó, mà không được. Chúng tôi đành phải tìm các cuốn sách người Anh, người Pháp viết. Cũng được vài cuốn có giá trị (khảo cứu công phu, có tinh thần khách quan) như cuốn *Les origines de la Révolution Chinoise* (1915-1919) của Lucien *Bianco* (Gallimard 1967) nhưng những cuốn này là sử, tài liệu tuy dồi dào mà không gợi được cái không khí của thời cách mạng, cùng cái nỗi lòng của dân chúng. Tác phẩm của Han Suyin bổ túc được khuyết điểm đó, và chính Lucien Bianco cũng nhiệt liệt giới thiệu cuốn *L'arbre blessé* [1] là cuốn đáng đọc nhất về

---

(1) Khi ông giới thiệu cuốn đó thì cuốn *Un été sans oiseaux* chưa xuất bản.

lịch sử Trung Hoa hiện đại trong loại sách phổ thông.

Khi dịch, chúng tôi đã cắt bớt chín trang đầu tác giả tự giới thiệu, vì những ý chính trong đoạn đó đã được đưa vào *Tựa* này rồi, nhiều đoạn khác chép những kỉ niệm riêng của tác giả về một số người thân hoặc bạn bè (có giá trị về tình cảm đối với tác giả mà ít quan trọng đối với chúng ta). Tôi cũng cắt bớt hoặc tóm tắt lại cho khỏi mất sự liên tục trong truyện.

Han Suyin mượn nhiều danh từ khoa học, nhất là y khoa để tạo những hình ảnh đột ngột, dùng một bút pháp tự nhiên, có nhiều góc cạnh không đẽo gọt như Pearl Buck, chính vì vậy mà lời văn rất mạnh, nhưng cũng khó dịch đôi khi chúng tôi phải phóng bút, cốt diễn lại được một phần cảm xúc của tác giả thôi.

Chúng tôi đã tra cứu trong hai bộ:

- *Asia Who's Who (in lần thứ ba)* của cơ quan Pan Asia Newspaper Alliance - Hương Cảng.

- *China Year Book* 1967-1968 của nhà China Publishing Co - Đài Bắc để tìm ra các danh nhân, địa danh Trung Hoa phiên âm ra tiếng Pháp trong tác phẩm.

Dĩ nhiên có nhiều tên không thể tra được, như những nhân danh Tochou Yentong, Tang Pao houang, thân phụ và chồng của Han Suyin những địa danh Nonyu, Chin Kan shan... mặc dầu rất thường nhắc tới trong truyện mà không có hai cuốn kể trên, chúng tôi đành phải để

nguyên lối phiên âm trong bản tiếng Pháp, chứ không dám làm cái việc đoán mò.

Những tên tra được thì tôi dùng ngay tên Việt như Bạch Sùng Hi, Hà Ứng Khâm, Diên An, Quế Lâm... rồi cuối sách mới lập một bảng chép thêm những tên đó bằng tiếng Anh: Pai-Tchoug-hsi, Ho Ying K'in Yenan, Koueilin...

Sài Gòn, ngày 01-08-1971
Xem lại tháng 12-1980
N.H.L

PHẦN THỨ NHẤT
1938 - 1942

1

Mọi sự bắt đầu xảy ra trên chiếc tàu Jean-Laborde. Bảy người Trung Hoa đi hạng nhất là những sinh viên lục quân ở các trường võ bị Đức, Anh hồi hương, trong số đó có Tang Pao Houang [1] Anh nhận ra tôi trước tiên, ngay từ giờ đầu, trong khi chiếc tàu ra khơi, lục địa Châu Âu chỉ còn là một đám bông xám, và anh Louis [2] đứng trơ trơ trên bờ, như một vết vô tri giác, vô danh. Tang Pao Houang cũng nán lại trên boong, vẫy tay từ biệt các bạn thân, và trong số tất cả các sinh viên Trung Hoa, chỉ duy nhất có anh là tán thành quyết định của tôi.

"Cô về Trung Hoa... một thiếu nữ mà như vậy thì càng đáng khen hơn nữa". Mấy hôm sau tôi không gặp lại anh, nhưng mấy người khác thì cứ lảng vảng chung

---

(1) Tang Pao Houang và Han Suyin quen nhau hồi nhỏ, ở Bắc Kinh, sau xa cách nhau.

(2) Luật sư trẻ, tình nhân của Han Suyin.

quanh tôi, xuống boong hạng nhì, và hỏi tôi tại sao lại về nước. Tôi kể cho họ nghe chuyện của tôi và mặc dầu ngây thơ chứ tôi cũng thấy rằng họ không tin tôi, điều đó làm cho lòng tự ái của tôi bị thương tổn. Sau này tôi mới biết rằng họ chỉ muốn làm quen với tôi cho những ngày vượt biển đỡ buồn thôi (...)".

Hôm đó Tang Pao Houang, bác sĩ You và tôi đi bách bộ trên boong, cười cười nói nói, bàn tính về những hi vọng trong một tương lai chưa biết ra sao. Pao cũng như bác sĩ You, tràn trề thiện ý, hứa giúp đỡ tôi mọi việc, tôi cảm thấy Pao suy nghĩ nghiêm trang hơn bác sĩ You và tôi tự nhủ thầm rằng đời sống, hoặc Trời Phật hoặc thần hộ mạng của tôi đã nhân từ quá muốn thưởng thiện ý của tôi nên cho tôi gặp được người bạn chân thành mà hoạt động như vậy, không phải chỉ biết gợi ý mà thôi đâu, còn có vẻ nhiệt tâm ái quốc, hoàn toàn Trung Hoa nữa. Ngay trong mấy ngày đầu đó, Pao đã nói đến bổn phận tỏ ra nóng lòng muốn ra mặt trận rồi: "Tôi sẽ về thẳng Vũ Hán để trình diện với Thượng cấp... Tôi sẵn sàng chết vì Tổ quốc... kẻ nào không sẵn sàng hi sinh như vậy thì không phải là thực tâm ái quốc, cũng không phải là một hảo hán nữa... còn cái vinh dự nào bằng chết vì chiến đấu với quân xâm lăng..." Bây giờ đây, tôi còn như nghe thấy những lời đó tung bay trong ngọn gió từ mặt biển sặc sỡ đưa lên, những lời đã làm cho lòng tôi bừng bừng. Lúc đó tôi mong rằng, Pao đừng vội chết quá sớm, ít nhất là đừng chết trước khi tôi cũng đã làm được cái gì đó cho Tổ quốc, chứng tỏ rằng tôi không

phải là con người vô dụng, mà cũng là người Trung Hoa đây, cũng sẵn sàng chết cho Trung Hoa... Mặc dầu thỉnh thoảng trong lòng tôi lại nhói lên, xót xa nhớ lại rằng đối với nhiều người Trung Hoa, mình là một thiếu nữ lai Âu, không luôn luôn được họ chấp nhận đâu, Nhưng Pao hình như không nghĩ vậy: "Cô có máu Trung Hoa mà, máu là do cha truyền cho, mẹ chỉ tiếp nhận thôi". Những ý kiến lạc hậu phản khoa học đó làm cho tôi mỉm cười, nhưng tôi cảm ơn anh đã không khinh tôi vì tôi lai Âu...

Tâm hồn nhẹ nhàng như trong giấc mộng, chúng tôi vùn vụt vượt Ấn Độ dương, nói chuyện về Trung Hoa và về Pao, trong khi những bầy cá heo quậy lên ở gần lườn tàu. Và Pao đối với tôi là hiện thân của Trung Hoa.

Tới Sài Gòn, Pao muốn rằng chúng tôi hứa hôn với nhau, tôi từ chối, lấy lẽ rằng tôi đã *«gần như»* là vợ một thanh niên Bỉ, sau đổi ý để hồi hương. Có lẽ Pao không hiểu tôi muốn ám chỉ rằng tôi không còn là con gái tân nữa. Vì không hiểu (lúc đó tôi có ngờ đâu là anh không thể hiểu được), nên anh chỉ bình tĩnh gật đầu: "Tôi mừng về điều đó lắm... phụ nữ Trung Hoa không nên lấy người ngoại quốc..."

Tôi đi kiếm bác sĩ You để nhờ ông khuyên bảo. Ông đáp: "Tuyệt vời. - Phải bỏ dĩ vãng lại phía sau đi, như tôi này, và chỉ nhìn về phía trước thôi. Tang Pao Houang là một thanh niên rất đáng mến, gia đình nền nếp lắm, rất nền nếp!"

28 tháng chín, - Giữa biển trên chiếc tàu Jean-Laborde.

Thưa bác [(1)] *Joseph,*

Tàu đã rời bến Sài Gòn hôm qua và hiện đương thẳng tiến về Hương Cảng, cháu biết rằng bác giận cháu lắm, vì đã đổi lộ trình. Bác đã khuyên cháu lên Sài Gòn ra Hà Nội rồi qua Côn Minh vì bác đã viết thư cho đức Cha ở dưỡng đường Công giáo nơi đó, nhờ săn sóc cháu giùm bác. Có lẽ cháu sẽ ở lại Hương Cảng hai ngày rồi cháu sẽ đi xe lửa lên Vũ Hán. Cháu biết rằng bác muốn cháu đi Côn Minh vì ở đó cháu được yên ổn hơn, nhưng cháu không muốn lạc vào trong đám người tị nạn ở đó. Các báo Trung Hoa ở Sài Gòn đăng tin rằng đám người tị nạn cuồn cuộn đổ xuống Côn Minh đông nghẹt, cháu muốn ở càng gần mặt trận càng tốt, nghĩa là ở Vũ Hán. Hiện đương có một trận lớn ở đó... và cháu muốn lại đó...

Hôm nay đọc lại bức thư đó tôi ngạc nhiên nhớ lại rằng tấm bưu thiếp đầu tiên mà cuối cùng tôi gởi cho vị hôn phu của tôi, anh Louis ở Bỉ, là tấm gởi từ Port-Said. Sau đó tôi không viết thêm một chữ nào cho anh hết, cơ hồ như qua khỏi kinh Suez rồi thì không thể nào thư từ với anh được nữa. Còn ông ngoại tôi [(2)] thì tôi có gởi được vài bức ngắn và vài tấm bưu thiếp cho biết tôi mạnh khỏe... Tôi không thể ngồi vào bàn viết những bức thư dài nữa được, vì tất cả những gì tượng trưng cho châu

---

(1) Tức Joseph Hers, người đã che chở, xin được học bổng cho Han Suyin và Han Suyin trọng như cha.

(2) ở Bỉ.

Âu, đối với tôi đã hóa ra mơ hồ, hư ảo, mà tôi thì không thể giải được nỗi lòng của tôi cùng những việc xảy ra chung quanh tôi, vì chung quanh tôi toàn là Châu Á, mà tôi không thể cao hứng tả Châu Á đó như một du khách được, vì nó mật thiết với tôi quá. Anh Louis đối với tôi chỉ còn như một cái bóng, giá có gặp ảnh, không chắc tôi đã nhận ra được...

Công của ông ngoại tôi đối với tôi lớn lắm, tôi biết vậy, nhưng khi tôi báo tin cho người hay tôi đã có chồng và sẽ ở lại Trung Hoa, thì người trả lời rằng sẽ từ bỏ tôi từ đó. Rồi chiến tranh xảy ra ở Châu Âu, và ông tôi mất năm 1940...

2

Tới Hương Cảng, Anh Pao và tôi ở lại một khách sạn và mọi sự được dễ dàng vì anh có nhiều bạn, tới đâu cũng gặp bạn. Những liên hệ giai cấp, những đặc quyền gia tộc lại thêm tình bằng hữu ở trong các trường Võ bị đã tạo thành một cơ cấu thống trị chặt chẽ mà anh là một thành phần. Từ thời nào tới giờ, sự đoàn kết về giai cấp đó, cũng giúp họ dễ nắm được quyền hành. Mạnh mẽ, uyển chuyển, tinh vi ghê gớm, sự kết hợp của giới thượng lưu thống trị, vượt qua được cả những cuộc cách mạng, và bọn thượng lưu đó có thể ẩn nấp, trốn tránh mà chờ thời.

Tang Pao Houang là sản phẩm của giai cấp thống

trị điền chủ - quân phiệt - phong kiến. Giai cấp phong kiến đó dùng chính sách quan lại mà cầm quyền ở Trung Hoa cho tới cách mạng 1949.

Nay từ khi đặt chân lên Hương Cảng, Pao đã được hồi phục trong giai cấp của anh rồi: được giúp đỡ, che chở, hầu hạ, kính trọng. Bạn bè anh lại kiếm chúng tôi, có người mời ăn, có người sẵn sàng cho anh mượn tiền, dắt chúng tôi đi mua sắm. Tôi, trước kia chẳng ở trong một đoàn thể nào cả, sống cô độc, không giao du với ai, xa cách mọi người, bây giờ không còn cô đơn nữa, không phải thủ thế nữa. Không có một cảm giác nào thích thú bằng được gia nhập một đoàn thể, *được chấp nhận*. Mà tôi được vậy là nhờ Pao. Được yên ổn, khỏi thắc mắc nữa, lương tâm tôi trơn tru không còn luôn luôn lo lắng, khó tính như trước nữa. Vì tôi không biết chút gì về các cơ cấu giai cấp, nên tôi tưởng rằng toàn thể người Trung Hoa cũng vui vẻ chấp nhận tôi như nhóm của anh Pao lúc đó. Bây giờ tôi có thể hiểu được những hồi đam mê quyến rũ hạng người rán vượt lên khỏi thân phận thấp hèn - thực sự hay tưởng tượng của mình - để "tiến lên" sau cùng "thành công". Họ vui sướng làm sao khi không nén được những khoái cảm đó. Họ la lên: "Mình sẽ được hôn những tiểu thư, những bà lớn" "Mình đã thắng". Thời trước ở Trung Hoa có biết bao nhiêu thanh niên giảo hoạt sinh trong gia đình nghèo, được tuyển dụng để tăng cường quyền uy của giới quan lại cầm quyền! Và họ thành công tức là họ hoàn toàn phản bội vì kẻ bạo phát - còn hơn ai hết - dùng những đức và những tật của giới họ đã

len lỏi vô được để củng cố thêm quyền thế cho giới đó.

Chính tôi cũng vậy, là nạn nhân của một âm mưu ngầm mà hồi đó tôi không hay. Pao là người Trung Hoa, tôi là vị hôn thê của anh, nên được Trung Hoa thừa nhận (hoặc tôi tưởng tượng như vậy), và tôi đã bỏ Châu Âu vì nước Trung Hoa chứ không phải vì một người nào. Đó là ảo tưởng lớn của tôi.

Chúng tôi đến Hương Cảng ngày mà ở Âu Châu người ta tuyên bố hiệp ước Munich, và các nhật báo Anh ở Hương Cảng chạy tít lớn, rầm rộ hoan hô *«Thời chúng ta được Hòa Bình"*. Tôi bảo: *«Sang năm sẽ có chiến tranh ở Châu Âu"*, Pao gật đầu, bảo: *«Xong công việc rồi thì chúng mình rời Hương Cảng liền, không ở thêm một ngày nào nữa. Chúng mình sẽ lại Vũ Hán để cứu nước... Vị thủ lãnh ở đó, chúng mình phải lại đó hi sinh. Chúng mình sẽ kháng chiến tới cùng..."* Khuôn mặt trẻ trung, nhẵn nhụi của anh nghiêm lại, dũng cảm, lạnh như đá, tin tưởng ở tương lai, tôi thấy lúc đó anh thật là cao thượng, anh hùng, vẻ vang. Tôi không nhận ra rằng lòng tận trung cuồng nhiệt của anh dâng riêng cho một người là Tưởng Giới Thạch, chứ không phải cho dân tộc Trung Hoa, nền giáo dục và giai cấp của anh tạo nên như vậy, anh trung với một Đảng có tính phong kiến chứ không thực là ái quốc, là hi sinh. Anh trái ngược hẳn với bọn người do dự, không dấn thân, nhút nhát ở lại phía sau. Mãi lâu về sau đối với tôi, anh vẫn tượng trưng cái hạng người cao quí nhất của Trung Hoa, vì anh ở Châu Âu về chiến đấu cho Tổ quốc, tôi mê anh vì vậy, và tôi sẵn sàng theo anh tới

bất kể nơi nào, trước hết là tới Vũ Hán, nơi đương xảy ra trận đánh lớn nhất...

Trong mấy tuần sau, anh dạy tôi cái đạo "trung tín" trước kia tôi chỉ có một ý kiến rất mơ hồ về Tưởng Giới Thạch không có gì để ghét mà cũng chẳng có thiện cảm đặc biệt gì với ông ấy. Hồi nhỏ được nghe những chuyện mơ hồ về cách ông tàn sát đối thủ để chiếm quyền hành, làm cho tôi còn ngờ ông, nhưng rồi tôi sợ chế độ cộng sản, và trong ba năm ở đại học Bruxells, nghe kể những hành vi bạo ngược của Stalin tâm hồn tôi đã bị ảnh hưởng mạnh. Mặc dù Tưởng đã bao lâu nay không chịu kháng Nhật, nhưng bây giờ ông đã thay đổi thái độ rồi tượng trưng cho phong trào kháng chiến. Pao bảo tôi rằng không có bọn cộng sản chỉ gây rối hoài làm cho đất nước bị tàn phá, dân tình khốn khổ, thì Trung Hoa đã thịnh vượng, hùng cường rồi, rằng cộng sản muốn bán nước cho Nga, nhận lệnh của Moscou, chính vì vậy mà Tưởng phải tiễu phạt chúng trong mấy năm nay.

Vì cảnh nội loạn mà Tưởng không kháng Nhật và người ta buộc tội một cách bất công rằng ông đã chịu thua Nhật, sự thực ông chỉ muốn hoãn lại để củng cố thêm lực lượng. Theo Pao, chứng cớ hiển nhiên là năm 1932 ông đã đọc một diễn văn bí mật trước một số sinh viên sĩ quan được tuyển lựa, ở Trường võ bị Hoàng Phố trong đó ông đã tiên tri, phác họa chiến thuật đó. Sự thực toàn thể diễn văn đó có một lời tuyên ngôn nào chống Nhật đâu, chỉ lập lại ý định, sẽ mở một cuộc hành

quân diệt cộng nữa để đàn áp những tiếng thì thầm phản đối ông ta ngay trong hàng ngũ Quốc Dân đảng, vì ông nhu nhược không chống lại những cuộc tấn công của Nhật mà tuôn vô số quân ra để diệt cộng. Nhưng lúc đó tôi biết gì đâu, tin ngay lời của Pao "chúng ta sẽ kháng Nhật tới cùng... Vị Tối cao thủ lãnh của chúng ta bảo vậy". Giọng nói trẻ trung trong trẻo đặc biệt của Pao càng làm tôi tin rằng Tưởng là người duy nhất kháng Nhật.

Các nhật báo Trung Hoa ở Hương Cảng đều hò hét *«Vũ Hán sẽ không đầu hàng"*. Sau ba ngày chạy khắp các tiệm, và được bạn bè của Pao tiếp đón, chúng tôi nhờ một người mua giùm cho được giấy xe lửa, và chúng tôi chuẩn bị đi Vũ Hán, hi vọng rằng còn tới đó kịp, trận đánh lớn chưa tàn...

Suốt sáu ngày ngồi xe lửa từ Hương Cảng tới Vũ Hán, Pao tiếp tục huấn luyện tôi về đức dục:

- Tưởng thống chế vị thủ lãnh của chúng ta, chép nhật kí. Bọn anh, hồi học võ bị ở Châu Âu, không ai không có một nhật kí để ghi những tư tưởng của mình và cải thiện đức dục của mình. Em cũng phải tập chép nhật kí di.

Anh lấy trong vali ra một tập vở mới (lúc nào anh cũng có sẵn một tập). Tôi viết tên của tôi lên tập, và anh chê chữ tôi xấu quá [1] bảo:

---

(1) Viết chữ Trung Hoa.

- Em viết như con nít vậy.

Tôi bực tức, đáp lại:

- Thì có ai dạy cho em viết đâu [1].

Và tôi định bụng hễ có lúc nào rảnh là tập viết, nhưng lại tự hỏi ở giữa trận mạc sôi nổi, còn tập với tành gì được.

Ở Trung Hoa và Nhật Bản thời phong kiến, các nhà trí thức, các chính khách, các nhà cầm quyền đều chép nhật kí về tư tưởng, hành vi của mình [2] Những tập nhật kí đó, ai đọc cũng được, để tỏ rằng người viết thành thực.

Hậu bán thế kỉ XIX, khi Trung Hoa phái những sinh viên đầu tiên xuất ngoại du học, người ta ra lệnh cho họ phải chép nhật kí, và mỗi tháng phải gởi cho viên thanh tra giáo dục ở tòa Đại sứ Trung Hoa tại nước họ du học. Sau cách mạng 1911, các sinh viên lơ là với lệ đó, nhưng riêng các sinh viên sĩ quan Hoàng Phố vẫn theo đúng, để bất kì lúc nào cũng tỏ lòng trung thành của mình đối với Đảng, giữ đúng đường lối của Đảng, không bị những "ảnh hưởng tai hại", nghĩa là chính kiến không bị lệch lạc. Như vậy là cấm tuyệt mọi cuộc thảo luận. Tùy những điều kiện chép trong nhật kí mà người ta xét lòng "trung thành" của mỗi sinh viên, vì nhật kí sẽ được đem ra đọc

---

(1) Hồi nhỏ tác giả học tiếng Pháp và tiếng Anh nhiều hơn tiếng Trung Hoa.

(2) Tức như các tập *«ngôn hành lục"* của các nhà Nho đời Tống.

- và Tưởng Giới Thạch cùng các sĩ quan trẻ trong cái chữ "thành" đó vô cùng. Lệ đó còn được một số đảng viên cộng sản Trung Hoa giữ được, nhưng không chính thức và mấy năm gần đây còn thấy thi hành trong các trường đại học Trung Hoa. Và sau cùng, năm 1966, trong cuộc cách mạng Văn hóa, các lối giả dối do khuynh hướng rất phổ biến ở Trung Hoa xét người *theo lời nói* đó đương bị bãi bỏ.

Tôi kiếm được rất ít cách ngôn "xưng tụng, kích động" để chép vô tập vở bìa xanh dương mà anh Pao đưa cho tôi. Trong mấy tháng sau, biết bao lần anh gắng sức một cách tuyệt vọng cố đọc nhật kí của tôi để tìm cách biện giải cho những lỗi lầm của tôi... mà không thấy một câu nào có giá trị, để anh tin rằng tinh thần của tôi đáng khen, việc đào tạo tính khí cho tôi mà anh cương quyết làm, đã thành công. Ngay từ buổi đầu anh đã quyết định rằng cái phần *ngoại quốc* trong con người tôi phải tận diệt mới được, mà muốn tận diệt thì phải trở về truyền thống phong kiến của đạo Khổng.

Trong tập nhật kí của tôi có những câu sáo, thật chán, miễn cưỡng lặp đi lặp lại tới nhàm lời chép của Pao: "Vâng lời là một đức quí... làm con phải hiếu trước hết...". Tôi phải chiến đấu với bản thân, tìm được những lí lẽ để tin chắc cái gì là thiện, cái gì là ác, thắng được cái xu hướng ương ngạnh lúc nào cũng hoài nghi, nó ở trong thâm tâm tôi, thuộc về bản ngã của tôi. Tôi phải làm sao thắng được những nhược điểm của tôi, sửa lỗi của tôi...

Vậy mà, trên những mảnh giấy đó, tôi lại ghi những cái gì làm cho tôi thực xúc động như màu trời, cảnh nhà ga Yochow bị dội bom, ăn uống thiếu thốn, và tôi viết về dân chúng, về dân tộc Trung Hoa lạ lùng, bất diệt này, dắt dìu nhau tản cư ra khỏi những châu thành bỏ trống, bị dội bom, một dân tộc kiên nhẫn, luôn luôn bị chà dưới chân, có vẻ như hoàn toàn nhu thuận mà rốt cuộc thắng được hết thảy. “Em phải chép những ý nghĩa của em về chiến tranh, về vị Thủ lãnh của chúng ta chứ”. Tôi lí nhí phản kháng. “Nhưng chúng mình chưa ra trận mà, và em đã gặp thống chế lần nào đâu” (luôn luôn tôi tránh, không dùng tiếng Thủ lãnh, tiếng nó làm sao ấy!). Pao đáp: “Em ở ngoại quốc lâu quá... bây giờ em phải quyết định chỉ là người đàn bà Trung Hoa thôi, quyết định đó em chép lại đi... chép cái ý muốn thành một người đàn bà Trung Hoa chính cống, có đức hạnh...”.

Tôi nghe lời chép lại, hăng hái lắm, đầy thiện chí, và dĩ nhiên tôi muốn trở thành người Trung Hoa... cũng như anh cả tôi mấy năm trước đã muốn là người Trung Hoa... nhưng anh đã bỏ ý đó, còn tôi thì tôi sẽ không bỏ đâu. Dĩ nhiên tôi có muốn những tư tưởng cao thượng. Thế mà một mặc cảm tội lỗi len lỏi vào thâm tâm tôi. Một ý thức tội lỗi theo đạo Khổng, lại thêm cái ý thức tội lỗi theo đạo Kitô, làm cho tôi nghẹt thở, đầu óc bị bao vây trong mấy năm, rồi sau toàn thân tôi tuyệt vọng vùng vẫy mới thoát ra được.

Nhưng chung quanh tôi là non sông Trung Hoa mênh mông, tuyệt đẹp, với dân chúng Trung Hoa, lực

lưỡng mà khốn khổ, phá sản, bị rận chấy hút máu, bị giai cấp cầm quyền ngược đãi một cách dã man, nhưng vẫn cao thượng, đẹp đẽ khiến lòng tôi không thể không xúc động, vui vẻ, yêu quí họ, mà nhận ra rằng những đau khổ, lo sợ của tôi chẳng thấm gì cả so với luồng sóng khốn cùng ghê gớm mà họ kiên nhẫn chịu đựng đó.

Chính trong chuyến xe lửa về Vũ Hán, mà tôi bỗng thấy mình trở về với cái mùi, cái cảm giác của đất Trung Hoa; cái gì cũng quen thuộc với tôi, thân thiết với tôi và linh hoạt, sống động, đám dân chúng trong những nhà ga coi ghê tởm vì cái cảnh ăn mày, người tị nạn, quân lính chỉ còn da với xương, vàng bủng vì sốt rét, đói quá, kiệt sức, lết không nổi để tiến ra mặt trận, trong một chiến tranh kẻ chết vì bệnh tật, vì bị ngược đãi lại nhiều hơn kẻ chết vì bom đạn; từ đầu này đến đầu kia của giang sơn mênh mông đó, dân chúng đâu đâu cũng mở lòng ra, rồi từ cánh đồng, mùi đất Trung Hoa xông lên, tôi đã tìm lại được tất cả cái đẹp rất nhân bản của đất đai đó, mà lòng tôi hồi hộp: tôi đã về quê hương.

Sau sáu ngày ngồi xe lửa chúng tôi tới Vũ Hán (gồm ba huyện: Hán Khẩu, Hán Dương, Vũ Xương) một thủ phủ hình tam giác nằm vắt qua con sông Cái (sông Dương Tử), nổi tiếng với hai cuộc cách mạng 1911 và 1926, thuở mà dân chúng bị bóc lột tàn nhẫn và ùn ùn nổi dậy, nơi mà hiện lúc đó, tháng 10 năm 1938, đương chống cự với quân xâm lăng Nhật. Khi thấy thị trấn anh dũng đó, thị trấn theo tin đăng trên báo sẽ kháng Nhật với bất kì giá

nào đó, bị cái nạn tham nhũng nhớp nhúa làm cho thối nát, tan rã hoàn toàn, tôi đau xót biết chừng nào!

Vũ Hán, ngày mùng 9 tháng 10 năm 1938.

Thưa bác Joseph,

Rời Hương Cảng ngày mùng 3, cháu đã tới đây tối hôm qua, mùng 8. Chỉ có một lần mắc kẹt vì bị oanh tạc. Đời sống ở Hương Cảng đắt đỏ ghê gớm mà khắp Trung Hoa bây giờ nơi nào cũng vậy. Một phòng ngủ không có chút đồ đạc gì mà 75 đồng một tháng. Các khách sạn đều hết chỗ, hội Y.W.C.A (1) *cũng vậy, đông nghẹt những người từ Trung Hoa tản cư tới, nhất là hạng người giàu. Chưa biết cháu sẽ ở lại đây hay đi nơi khác, đi nơi khác thì có lẽ hơn vì các dưỡng đường đã dời đi gần hết rồi. Vũ Hán thực là ghê tởm, thiên hạ chỉ nghĩ tới chuyện ăn chơi cho thỏa thích thôi, ở đâu cũng thấy bán công khai những dụng cụ để ngừa thai... Hôm nay là chủ nhật, tết Trung thu, mà ngày mai lại là ngày lễ Song thập,* (2) *cho nên ai nấy ăn uống linh đình... dù sao cháu cũng mừng được ở đây... tiếp xúc với mọi hạng người... cháu học hỏi được nhiều, về mọi mặt.*

Pao và tôi đã tiêu gần hết 60 Anh bảng mà bác sĩ Hers đã cho tôi trước khi tôi đi: trả tiền khách sạn và mua bán lặt vặt: tới Vũ Hán chỉ còn khoảng 10 Anh bảng.

---

(1) Young Womens christian Association - *Hội Thanh nữ Kitô giáo.*

(2) Lễ cách mạng của Trung Hoa, ngày quân cách mạng chiếm Vũ Xương ngày 10 tháng 10 năm 1911 (dương lịch).

Tôi đã quyết tâm làm việc trong một dưỡng đường, tự mưu sinh lấy, không nhờ cậy anh Pao nữa.

Buổi tối hôm tới đây, chúng tôi dạo mát, trăng tròn vành vạnh, dòng sông lấp lánh, nhiều gia đình đi thưởng trăng như không hề có chiến tranh. Anh Pao nói cho tôi nghe về thân phụ danh vọng của anh, và sau đó trong phòng ngủ, anh cho tôi coi một tấm hình anh bảo là hình thân mẫu anh. Tôi không nhận ra được vì kí ức tuổi thơ của tôi khác [1] và bây giờ tôi biết rằng anh đã nói dối, hình đó không phải hình thân mẫu anh, mà là hình một thị nữ của Thái Hậu Từ Hi. Anh bảo rằng thân phụ anh là bạn thân của Tôn Dật Tiên và làm cách mạng. Mà ông chú (hay Bác) anh, Tướng quân Tang - Chúng tôi sắp phải lại chào - thì cũng vậy. Hỡi ơi, thân phụ anh giàu sang quá mà trụy lạc, nghiện thuốc phiện, có mấy cô nàng hầu, và khuyên con trai đừng bắt chước mình.

Pao cho tôi hay rằng hồi còn là sinh viên, anh gia nhập một tiểu tổ cách mạng, bị cảnh sát vây bắt, anh trốn thoát... anh nhắc đến một giáo sư trẻ, nhút nhát, khiêm tốn, tốt bụng, một hôm bị bắt vì là cộng sản (thứ thực) rồi bị xử bắn...

- Dễ nhận được tụi Cộng sản: chúng có vẻ lương thiện, ôn hòa, hiếu học lắm, lúc nào cũng đọc sách... ngay cả trong đám sinh viên sĩ quan Hoàng Phố, chúng anh nữa, hễ thấy một anh chàng nào đọc nhiều sách quá,

---

(1) Hồi nhỏ, Han Suyin ở gần nhà Pao tại Bắc Kinh, thường lại nhà Pao chơi, nên được gặp thân mẫu của Pao.

cơ hồ không có tật xấu nào cả, là chúng anh nghi ngờ... hắn chưa biết chừng là cộng sản đấy. Tụi cộng sản đóng trò như vậy để được lòng mọi người, sự thực chúng làm việc cho ngoại quốc... Vị thủ lãnh của chúng ta bảo rằng Trung Hoa có hai kẻ thù truyền kiếp: Anh và Nga... Rồi Pao ngó mặt trăng, vẻ mặt dữ tợn, như thể nhầm thấy trong cái vầng trắng đục mờ mờ đó hai kẻ thù kia muốn tấn công anh vậy.

Lúc đó tôi không biết rằng lời anh nói bóng nói gió về bọn cộng sản ham đọc sách đó, là nhắm vào tôi, trong nhiều năm, tôi phải lén lút đọc những sách mà anh không "lựa" cho tôi. Nhưng tháng 10 năm 1938, ở Vũ Hán, ngày tết Trung thu đó tôi chỉ nghĩ tới điều này là chúng tôi sắp làm lễ cưới và sẽ cùng nhau phục vụ Trung Hoa.

*

Trong cựu tô giới Anh, những ngôi nhà cao còn nguyên vẹn, xây bằng gạch theo một kiến trúc thực dân Anh, ngạo nghễ vươn lên nền trời trong trẻo, mát mẻ. Cờ và bảng treo biểu ngữ mắc vào tường hoặc giăng ngang đường phố với hàng chữ: *«Vũ Hán nhất định sẽ được bảo vệ"*. Thấy đám đông dắt díu đàn trẻ vui vẻ và láo nháo, thấy cảnh thanh bình mênh mông này, con sông Dương Tử sóng bạc nhấp nhô dưới ánh trăng lòng tôi vững lại. Chắc chắn là Vũ Hán sẽ chống cự tới cùng. Ngày lễ Song Thập, có duyệt binh, đoàn quân tình nguyện diễn qua trong tiếng trống tiếng kèn, dưới cờ và phướng,

Tưởng Giới Thạch ra mắt dân chúng trong tiếng hoan hô nhiệt liệt vì Vũ Hán được bảo vệ tới cùng.

Cảnh đó làm cho nhiệt tâm âm ỉ của tôi lại bừng bừng lên. Tưởng Giới Thạch quả là một vị anh hùng! Mà anh Pao là một đảng viên xứng với Tưởng, cũng là một vị anh hùng nữa! Tôi sung sướng làm sao, được ở Vũ Hán đúng vào cái thời hào hùng của thị trấn dũng cảm đó, được chống cự với quân xâm lăng, được nhập vào cái đám đông đương gào hét rát cổ, tỏ lòng ái quốc nhiệt liệt và ý chí chiến đấu tới giọt máu cuối cùng! Tôi mừng quá tới lệ trào ra và tôi hét lớn hơn ai hết.

Tối hôm đó chúng tôi đi thăm các bạn thân của Pao, một viên thiếu tá tên là Wou, thân hình rất mảnh khảnh, và bà vợ gốc ở Tứ Xuyên có một chỗ loét ở bụng, do vi trùng lao, lúc nào cũng dán một lá thuốc cao dơ dáy vô cùng, bà ta bảo rằng bị ông chồng truyền bệnh hoa liễu, nên mới có vết loét đó và hỏi tôi cách trị ra sao. Thiếu tá Wou cam đoan rằng có thể kiếm ngay cho tôi được một chỗ làm trong một bệnh viện. Sự thực ông làm Tổng giám đốc các quân y viện trong miền. Nhưng hôm sau có người khuyên tôi đừng nhận việc trong các quân y viện đó vì họ tuyển các nữ y tá chỉ để cho các sĩ quan tiêu khiển thôi. Vài ngày sau tôi gặp một kĩ sư Trung Hoa ở hải ngoại về, ông ta cho tôi biết nhiều điều khác về các "bệnh viện" đó nữa, và dặn tôi: "Nhưng đừng kể lại cho người khác nghe nhé: người ta cấm loan những tín đó. Cô nên xin việc trong một bệnh viện của các nhà truyền

giáo ở hội Hồng Thập Tự thì hơn. Nhớ đừng nói với ai rằng tôi khuyên cô như vậy nhé"...

Chính vị quán lí hội Hồng Thập Tự, bác sĩ R.K.S Lim khuyên tôi đừng nên vô làm trong một quân y viện Trung Hoa. Tôi còn nhớ niềm xúc động mãnh liệt của buổi chiều hôm đó, khi lại phòng giấy của ông. Hồi đó tôi không ngờ rằng nét mặt sạm, cương quyết kia lại giấu kín một nỗi thống khổ tinh thần vì bác sĩ Lim bị giằng co một bên là nghề nghiệp, một bên là bổn phận phải nói rõ sự thật về tình trạng kinh khủng do các nạn tham nhũng, hối lộ của các sĩ quan và các công chức trong các "quân y viện" gây ra. Mà hễ chỉ trích thì tức là phản quốc, bác sĩ Lim đã bị tố cáo là *«bất trung"*, vì trong một câu chuyện với bạn bè ông đã nói nhỏ rằng quân lính Trung Hoa chết vì sự bỏ bê, hoặc sự tàn bạo của các sĩ quan Quốc Dân đảng nhiều hơn là chết vì bom đạn trên chiến trường. Nhưng trước mặt tôi ông vẫn tỏ ra là vị chỉ huy Hồng Thập Tự đa tài và tự tín, phối trí tất cả các bệnh viện của Trung Hoa... "Cô muốn làm việc ư? Tốt lắm, nhưng chúng tôi sắp dời các bệnh viện lại Trường Sa và vài nơi khác nữa..." Rồi ông khuyên tôi lại bệnh viện của hội truyền giáo, của Hồng Thập Tự quốc tế. "Nếu cô còn ở lại đây một thời gian, thì tại đó không thiếu gì việc cho cô làm...".

Đương lúc Trung Hoa chiến đấu để khỏi chết... thì làm sao lại chỉ trích Trung Hoa được? Chính các nhà truyền giáo ở Hồng Thập Tự quốc tế cũng nghĩ vậy khi tôi lại kiếm họ. Một nhà truyền giáo Anh đã nói: "Được ngoại quốc viện trợ đã là khó khăn rồi... Nếu chúng ta

mở miệng ra chỉ trích thì mọi viện trợ sẽ bị cúp liền... Với lại, tình trạng đó từ hồi nào tới giờ vẫn xảy ra ở Trung Hoa... Thời nào cũng bê bối như vậy mà".

Và khi tôi tỏ nỗi nghi ngờ ra thì anh Pao đã có sẵn câu để đáp: ... Dĩ nhiên, bê bối thật đấy, có những kẻ bất lương, những quân tham nhũng đấy, nhưng chính vì vậy mà chúng ta phải đứng sau lưng vị thủ lĩnh của chúng ta để quét sạch tất cả sự bê bối đó đi. Tưởng Giới Thạch, đoàn thể sĩ quan Hoàng Phố gồm những thanh niên như Pao, và các ưu tú của Tưởng sẽ quét sạch tất cả những cái đó... Sự bê bối, sự tham nhũng, dơ dáy, giả đạo đức, là những sản phẩm của thời xưa, phải từ bỏ cho hết. Trong khi chờ đợi, chúng tôi phải bì bõm trong đám bùn đó. *«Nhưng vẫn phải giữ mình cho trong sạch"*. Mà muốn cho trong sạch thì phải thực hành những đức cao đẹp của tổ tiên. *«Chỉ những đức đó mới cứu vãn được Trung Hoa!"*.

Thưa Bác,

Như cháu đã viết cho bác, người ta nhận cho cháu vào làm trong một quân y viện của chính phủ, nhưng đàn bà không thể nào sống trong quân y viện đó được...

Không có nữ y tá, chỉ có một bọn gái điếm dành riêng cho sĩ quan, còn binh lính thì bị cấm ngặt. Lính chết như ruồi, không có phòng thuốc, không có bác sĩ, bệnh nhân không được săn sóc một chút nào cả...

Trong các khách sạn, Vũ Hán, luôn luôn thực đơn

được đưa ra kèm theo một bản kê giá khác nữa: bản này là một tờ giấy lớn dán đầy những tấm hình gái điếm, khổ hình như trên sổ thông hành, mỗi tấm ghi một số. Khách hàng lựa một hình nào vừa ý, cho tên bồi biết số của tấm hình, và tức thì gái điếm đó lại ngồi vào bàn. Sau này tôi thấy ở Trùng Khánh cũng dùng lối đó mà còn thêm mấy hàng ghi thêm những vẻ đẹp, tên tuổi và giá tiền của mỗi gái điếm nữa...

Chiều tối ngày 11 tháng 10, Pao và tôi hay rằng Vũ Hán sẽ không được bảo vệ, mặc dầu tối hôm trước, người ta còn căng biểu ngữ, còn diễn binh, còn vác đuốc biểu diễn ngoài đường ánh lửa lấp lánh còn hăng hái hô hào ái quần ái quốc, và chính quyền còn long trọng tuyên bố đủ thứ.

Tôi la lên: "nhưng phải bảo vệ, nhất định phải bảo vệ Vũ Hán chứ!..." Thì mới hôm qua, tôi còn thấy những đoàn diễn binh, biểu ngữ hô hào: *BẢO VỆ VŨ HÁN, CHỐNG CỰ TỚI CÙNG*, và hôm nay, còn thấy ở khắp nơi: *CÓ TIỀN THÌ GIÚP TIỀN, CÓ SỨC THÌ GIÚP SỨC* và trong cuộc biểu diễn, học sinh, thương gia, chiến xa, đại bác kéo đi thành hàng, mọi người hò hét, và hôm nay còn có hàng trăm quân tình nguyện tiến ra mặt trận... Tất cả những cái rầm rộ đó chẳng lẽ chỉ là trò chơi sao?...

Người cho chúng tôi hay tin là tướng Tang, ông chủ của Pao, một người thích yên ổn, thận trọng, mặt mỏng, nhăn nheo, mũi quặm, mấy năm sau ông suy nhược về thần kinh, rầu rĩ, ngày ngày lại phòng giấy ở Trùng

Khánh, nghiêm trang ngồi vào bàn làm việc không nhúc nhích, mắt nhắm lại, vì ông không được Tưởng Giới Thạch tin dùng, và mọi người trách ông vì ông liêm khiết. Trong thâm tâm ông đã từ bỏ cuộc chiến đấu rồi, ông biết rằng chế độ không cứu vãn được nữa, nhưng ông không chịu bán nước cho Nhật Bản như một số thượng cấp của ông. Binh nghiệp của ông mờ lần đi cho tới lúc ông bị mật vụ của Tưởng tố cáo là *«thiếu trung thành"* và ông bị ra rìa, nhường chỗ cho một người khác... ông biến mất... nhưng để rồi tái hiện năm 1965, làm Phó Tỉnh trưởng trong nước Trung Hoa mới, vì lúc đó giá trị của con người không tùy theo những mưu mô quỉ quyệt nữa? Tháng 10 năm 1938, hôm đó ở Vũ Hán, chính tướng Tang đã làm cái bộ thờ ơ tế nhị nói nhỏ cho chúng tôi hay rằng "có lẽ không thực cần thiết phải bảo vệ Vũ Hãn".

Ngày 15 tháng 10, Pao và tôi làm lễ cưới. Chủ lễ là bác sĩ Kent, vừa là linh mục vừa là hội viên hội Hồng Thập Tự, có hai người làm chứng: Kĩ sư Houang trong không quân, ở hải ngoại về, vừa dứt cơn sốt rét thì lại dự lễ, làm phù rể, và đại tá Pei, một người lùn mập, bận toàn đồ đen, đội nón nỉ, mà sau này tôi rất ghét vì biết ông ta làm mật vụ. Hôm đó tôi vui vẻ nên bao nhiêu nỗi nghi ngờ tiêu tan hết, ít nhất thì anh Pao và tôi cũng sẽ cùng nhau sát cánh kháng chiến, trong cái cảnh tàn phá, thối nát, buồn thảm này. Hậu quả của chiến tranh rồi sẽ qua, chỉ phải chịu đựng tạm một thời gian thôi... Với lại còn có nhiều người lương thiện phải giữ vững lòng tin mới được... Kế đó tôi lại hay tin "chẳng cần bảo vệ Quảng

Châu nữa", cũng như chẳng cần bảo vệ Vũ Hán mà chiến tranh vẫn tiếp tục, và Quảng Châu thất thủ...

Quân Nhật bắt đầu tấn công Quảng Châu ngày 12 tháng 10, mặc dầu có 200.000 lính Trung Hoa tại đó mà Quảng Châu cũng bị chiếm ngày 21. Tưởng Giới Thạch ra lệnh không chống cự và quân đội bèn rút lui.

Quân Nhật tấn công cả trên đất lẫn trên biển, ba chục chiếc thuyền Nhật chở 20.000 quân đổ bộ lên. Bốn mươi ba ngàn quân tình nguyện Quảng Châu sẵn sàng chiến đấu ngay ở trong thành phố, nhưng các công chức trốn hết và không ai chịu cấp khí giới cho họ. Chiếc cầu trên Châu Giang [1] ở Quảng Châu bị dội bom cùng một lúc với thành phố, chiều 21 những đoàn quân Nhật cưỡi xe máy dầu chạy ùa vào Quảng Châu. Như vậy, Nhật đặt sẵn quân lực ở đó để ba năm sau tấn công thuộc địa Anh ở Hương Cảng. Các nhật báo Vũ Hán tố giác rằng Nhật hành động như vậy là bắt đầu mở rộng chiến tranh xuống miền Đông Nam Á, nhưng chẳng ai để ý đến điều đó cả, nhất là người Anh. Họ tự cảm thấy yên ổn, tự cho là một cường quốc, một đại cường da trắng, và Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa cũng đủ mệt rồi... không điên gì mà tấn công đế quốc Anh.

Bây giờ tôi thấy lạ lùng quá, tại sao Pao đã rời Vũ Hán rồi mà tôi còn bắt đầu vô bệnh viện của hội truyền giáo và tiếp tục làm việc trong nhiều ngày nữa. Pao đã

---

(1) Rivière des Perles.

nhận được lệnh bổ sung vô Tổng tham mưu và anh xuống tàu ngày 16 tháng 10 để cùng với nhân viên Tổng tham mưu lại Trường Sa (Tchengsa). Nhiều đoàn y tế Hồng Thập Tự đã đi Trường Sa (Tchengsa) trong khi chúng tôi đương làm lễ cưới.

Cưới nhau hôm trước thì hôm sau Pao ra đi, còn tôi ở lại... Ngay lúc này đây, tôi cũng không hiểu sao được điều đó. Có lẽ tại các biểu ngữ tiếp tục cổ vũ dân chúng Vũ Hán chiến đấu tới giọt máu cuối cùng, vì thiên hạ vẫn còn ở lại, nếu tôi không sao tin được rằng thị trấn sẽ bị bỏ rơi? Bộ tham mưu ra đi, Pao ra đi, nhưng những đoàn quân tình nguyện vác gậy (vì không có súng) vẫn bị đưa ra mặt trận để bị hạ từng loạt mà không có gì để tự vệ. Những lá cờ lệnh lớn mắc vào các ngôi nhà vẫn phấp phới với hàng chữ: *VŨ HÁN PHẢI ĐƯỢC BẢO VỆ TỚI CÙNG*. Bây giờ tôi còn nhớ lời phản kháng của tôi hồi đó ***«Nhưng dân chúng có biết đâu rằng Bộ chỉ huy đương đánh tháo... chính quyền không thể bỏ rơi dân chúng được... mà không báo trước...”***.

Pao đáp: “chính quyền đã báo trước rồi”. Lời đó sai, cho tới ngày 18, không có lời báo trước nào cả, chắc chắn vậy. Cho nên khi Pao ra đi rồi, tôi ở lại để làm việc, dạo phố, ngó thị trấn bắt đầu thưa thớt xe cộ, còn lại những chiếc xe bò, xe cam nhông, xe bù-ệt [1] nào đều bị các sĩ quan cấp dưới và các thư lại trưng dụng để chở gia đình

---

(1) Brouette thứ xe một bánh do một người đẩy tới trước, ngoài Bắc gọi là xe cút-kít, vì tiếng bánh xe kêu cút-kít.

họ và chính họ lại một nơi yên ổn hơn. Một thị trấn trống rỗng lần lần thực là một cảnh quái dị. Buối tối, các gia đình vẫn dắt trẻ dạo mát, hít không khí ban đêm, cười cười nói nói. Nước sông lên cao ban ngày, trên mặt quãng non hai cây số, khối nước vĩ đại màu vàng vẫn lấp lánh cuồn cuộn, và các khu ở bến tàu còn đầy nhóc kiện hàng, thùng và máy móc...

Trong mấy ngày đó, ở bệnh viện, tôi tập săn sóc các người bị thương. Tôi còn nhớ rõ nét mặt của họ, nhất là nét mặt một người đàn ông mà tôi băng bó vết thương, vụng quá, miếng băng sổ ra, và vẻ ông ta cười cười trỏ cánh tay gãy lúc lắc của ông ta cho tôi thấy. Các bài xã thuyết trên báo ngày 17 còn nhắc lại trận thắng Nhật anh dũng của tướng Lí Tôn Nhân tại Tai Er chouang (Đài Nhi Trang), đầu xuân 1938 và cho rằng trận Vũ Hán cũng sẽ làm một đại thắng như Tai Er chouang...

Nhưng các nhà truyền giáo ở bệnh viện Hồng Thập Tự thì thầm với nhau rằng: "Trung Hoa sụp đổ... không sao tồn tại được quá ba tháng nữa... Vũ Hán là trận cuối cùng...".

Câu chuyện có giọng hòa nhã, điều độ, thận trọng, không ai chỉ trích gì cả... Bệnh sốt rét trong quân đội tăng lên... gần như mọi người đều mắc phải... Bệnh đó với bệnh kiết làm cho quân lính chết rất nhiều, nhưng tệ hại nhất là họ "thiếu ăn". Phải mua kí ninh ở chợ đen.

Chúng tôi chỉ nói phớt qua về chuyện đó thôi, một cách tế nhị. Với lại không thể chỉ trích được, giữa thời

chiến, những cái đó vẫn thường xảy ra. Quốc hội Ấn đã phái qua năm bác sĩ Ấn, và ở một nơi nào đó tại phía Bắc, cũng có một bác sĩ Gia Nã Đại, Norman Béthune, nhưng nói tới đó thì mọi người lảng qua chuyện khác, vì Norman Béthune là cộng sản, theo Hồng quân, và các hội truyền giáo ngoại quốc không muốn tiếp tế cho Norman Béthune. Nói về phía đó, về mặt trận Tây Bắc là điều nguy hiểm không nên... Trong tất cả các quân y viện của Trung Hoa chỉ có độ mười hai bác sĩ thực có khả năng. Bác sĩ R.K.S Lim tận lực xoay xở... Nhưng thiếu thuốc men, thiếu thức ăn, lính tráng chết như ruồi.

Tôi lại dạo mát ở bờ sông, nhìn những đoàn người nối đuôi nhau, bất tận, đợi xuống "bắc". Họ đợi suốt ngày đêm. Vé đã mua từ mấy tuần trước... Bây giờ tất cả các xe có động cơ, đều bị trưng dụng rồi, và những chiếc cam nhông cuối cùng rầm rộ chở từng núi nhỏ đồ đạc, các công chức ra khỏi thị trấn. Không có xe cam nhông chở kẻ nghèo, họ phải đi bộ. Ngày 18 dân chúng bắt đầu tản cư, họ rời thị trấn, đi bộ, đi bộ miệt mài hết cây số này đến cây số khác. Tôi nghe thấy tiếng những cánh cửa sổ khép lại, kêu lạch cạch và giữa ban ngày mà đường phố bỗng im lặng như ban đêm. Tôi hơi lo sợ... nếu Vũ Hán thất thủ thật thì sao? (Lúc đó tôi chưa thể tin được điều đó). Thân phận tôi sẽ ra sao? Tôi không thể sống trong một miền bị quân Nhật chiếm đóng được... Tôi kín đáo hỏi nhỏ bà y tá trưởng. Bà bảo: "Bà dùng thêm chén trà nữa này" bà ta không hề lo lắng. Anh đâu có đánh nhau với Nhật mà sợ...

Tôi vô phòng bệnh nhân, thấy hai nữ binh còn trẻ, một cô cẳng nát ngấu... mà mỉm cười: khuôn mặt tròn trĩnh, cặp mắt tròn linh động... Tôi tự hỏi hai cô đó vì đâu mà bị vậy... Tụi Nhật hễ gặp thương binh Trung Hoa là dùng lưỡi lê đâm túi bụi. Ở Nam Kinh chúng có thủ đoạn đó, tàn sát tất cả người bị thương nằm trong các bệnh viện, giết cả các nữ y tá và y sĩ Trung Hoa nữa...

Chiều ngày 18 tôi ra bờ sông và gặp anh Houang, viên kĩ sư ở xưởng phi cơ, đã làm phù rể, trong đám cưới của chúng tôi, anh ta đương coi người ta khuân vác máy móc xuống một chiếc tàu, các xưởng đã bị phá gỡ chở đi được mảnh nào thì chở, anh chở những thứ đó đi đâu bây giờ?" "Đi Yi Tchang, Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, và vài nơi khác ở phía Tây". Khi tôi cho anh hay Pao đã đi, còn tôi ở lại thì anh ngó tôi trừng trừng bằng cặp mắt vì bệnh sốt rét mà lòng trắng hóa ra vàng còn mống (iris) mắt thì màu nâu, như mắt chim. Chắc anh nghĩ bụng: "Chị này, sao mà ngớ ngẩn vậy? Bị anh chàng kia gạt rồi, chắc vậy". Nhưng anh ấy có lễ độ "dạ... tôi, nếu tôi có vợ, thì tôi sẽ dắt theo. Chỉ ít ngày nữa, thị trấn này sẽ nguy hiểm lắm".

Tôi mua số báo *Ta Kung* ngày 18-10-1938, Báo đăng một bài thông cáo gởi "sĩ tốt", lời lẽ hùng hồn, hứa với họ sẽ *«chống cự tới cùng»*. Lật qua trang sau, tôi thấy tòa soạn cho hay các máy in đã chở tới Trùng Khánh và số đó là số cuối cùng in ở Vũ Hán.

Tôi kể lại điều đó cho bà y tá trưởng nghe, bà gần

như nổi quạu với tôi: "Nhưng thống chế và phu nhân còn ở đây mà... Tối hôm qua tôi còn uống trà với phu nhân, vậy không phải có gì đáng ngại cả...".

Tôi nghĩ bụng: "Phải, không có gì đáng ngại với họ. Các ông bự đó có thể trưng dụng phi cơ bất kì một thứ gì... Còn bà y tá trưởng là người Âu: Anh và Mĩ trung lập, đâu có giao chiến với Nhật. Họ được an toàn, ít nhất là lúc này. Nhưng tôi là người Trung Quốc. Tôi không biết ở Nam Kinh đã xảy ra những gì. Và tôi không tin ở sự che chở của người da trắng. Tôi mới ở Âu Châu về, và tôi đã thấy người ta bỏ mặc Y Pha Nho, chẳng giúp đỡ gì cả". Một điều làm cho những sĩ quan trẻ như anh Pao bất bình, phản đối, là người Anh và người Mĩ làm "áp phe" với Nhật một cách công khai.

Mĩ cho rằng không có gì mà ngưng bán khí giới, sắt vụn, dầu lửa, máy móc cho Nhật, và chỉ tuyên bố "trung lập" trong chiến tranh Hoa Nhật này là đủ rồi... và mặc dầu chính Tưởng cũng buôn bán với Nhật mà chẳng bí mật gì lắm, bọn sĩ quan trẻ chỉ bất bình với bọn ngoại quốc thôi.

"Một ngày nào đây, chúng ta sẽ thành bạn của Nhật và Hoa, Nhật cùng đuổi tụi da trắng ra khỏi Châu Á" - "Tại sao lại đánh nhau với Nhật? Đánh nhau với Anh với Nga mới phải chứ..." Đó, trong mấy ngày ở Vũ Hán, tôi nghe thấy các sĩ quan nói với nhau như vậy.

Tôi lại thăm bác sĩ Kent, vị linh mục đã làm lễ cưới

cho chúng tôi. "Tôi không muốn ở lại đây nếu tụi Nhật tới". Tôi ở Châu Âu hồi hương không phải là để sống trong một thị trấn do Nhật chiếm đóng". Và ông vận động giúp tôi, sau cùng giữ cho tôi được một chỗ trên chiếc tàu của Hồng Thập Tự quốc tế ngày 22 sẽ đi Trường Sa. Chuyến đó là chuyến chót và chiếc tàu đó do chính quyền trưng dụng...

"Chỉ tới khi nào thấy người ta dội bom hoặc đặt mìn phá hỏng các lâu đài dinh thự để khỏi lọt vào tay quân Nhật, tôi mới tin rằng Vũ Hán quả thực đã thất thủ..." Nhưng các dinh thự vẫn còn đứng trơ trơ vì bọn kinh doanh Anh và Mĩ đã gỡ hột nổ trong các bom, họ ở lại và tính làm "áp phe" với bọn Nhật khi Nhật vô chiếm thị trấn.

Quá nửa đêm 21, tôi đương ngủ trong phòng riêng ở bệnh viện, thì có người tới đánh thức. Anh Pao đã trở về kiếm tôi. Anh đã đột nhiên nhận thấy rằng để tôi ở lại Vũ Hán là điều quá khinh suất, vì ông chú của anh, tướng Tang, gặp anh trên tàu chở các sĩ quan lại Trường Sa mà không thấy tôi, đã bảo anh: "cháu điên hay sao đấy, Vũ Hán không được bảo vệ, tụi Nhật sắp vô chiếm, sẽ tan rã hết". Tức thì anh la lớn, bảo tàu ngừng lại! Nhưng tàu đã rời bến rồi, làm sao ngừng lại được. Hai ngày sau, tàu ghé một giang cảng đầu tiên, anh mới lên bờ được và dùng đường bộ quay trở về Vũ Hán và sự khinh suất điên khùng đối với tôi lần đó, chứng tỏ rằng tâm hồn anh cao đẹp vô cùng, can đảm vô cùng, hi sinh tánh mạng để trở về kiếm tôi... Tôi không ngờ như vậy... Tôi đã tính tự

giải thoát bằng những phương tiện của tôi. Tối 22, chúng tôi cùng xuống tàu của Hồng Thập Tự quốc tế, chiếc đó là chiếc cuối cùng rời Vũ Hán trước khi người ta đắp các đập ngang sông để "ngăn tụi Nhật". Nhưng đập đó không ngăn được tụi Nhật. Tàu do tổ chức Thanh Niên hội Tam Dân [1] một tổ chức của chính quyền trưng dụng, bà Tưởng đích thân coi chừng cho một đoàn thiếu nữ xuống tàu. Lúc đó (1938) thấy vậy, tôi rất tôn kính bà, coi bà là một nữ anh hùng. Và năm nay (1967), bà đã diễn thuyết xin Mĩ thả bom xuống quê hương của bà, dân tộc của bà.

Ngày 25 tháng 10, quân Nhật vào Vũ Hán. Một bọn phản quốc, gái điếm, du đãng... sặc sỡ, lòe loẹt, ôm hoa và căng biểu ngữ đi rước chúng. Vũ Hán không bị bom phá, gần như còn nguyên vẹn, và tụi Nhật bắt tay vô việc liền, tuyên bố thành lập một "chính phủ" và săn bắt cộng sản.

Nhưng trong các miền thôn quê, du kích Đỏ xuất hiện, đào khí giới đã chôn giấu lên, tổ chức dân chúng... bao vây các thành thị theo địch, và sau cùng thắng được...

3

Thư gởi bác Hers - Ngày 28-10-1938

Nanyu, qua Hengshan (Hành Sơn) tỉnh Hồ Nam

---

(1) Tức chủ nghĩa Tam dân của Tôn Văn.

«Cháu ở lại Vũ Hán tới ngày 22 (...) rồi xuống tàu của Hồng Thập Tự quốc tế để lại Trường Sa (Tchengsa) tỉnh Hồ Nam. Hai ngày cuối cùng ở dưới tàu không có đèn, cũng không có thức ăn. Trường Sa ngày nào cũng bị dội bom, chúng cháu không ở đó lâu, và tản cư lại đây (Nanyu), có lẽ ở đây nhiều lắm là một tháng, rồi lại đi chỗ khác... Bộ tham mưu đóng ở Hengshan, và ở đây nữa... hai nơi cách nhau dăm cây số... một thành phố nhỏ ở trong núi không có đèn điện, điện thoại, xe lửa; ở giữa thiên nhiên, nhưng cảnh đẹp làm sao, đẹp lạ lùng..."

Ngày 22, ngày chúng tôi rời Vũ Hán thì các tấm biểu ngữ *CỐ THỦ VŨ HÁN, THỀ BẢO VỆ VŨ HÁN TỚI CÙNG* vẫn còn ương ngạnh rũ xuống trong những đường phố thê thảm câm lặng, và gió đánh những tấm đó, nghe phất phất như tiếng gọi lính vậy, các đoàn quân tình nguyện vẫn còn nối hàng tiến ra "mặt trận", tiến tới cái chết, thương binh vẫn còn nằm trên giường, tàu Hồng Thập Tự không tản cư họ đi.

Cảnh im lặng, càng làm nổi bật tiếng kéo lê bất tuyệt của bốn trăm ngàn bàn chân rời khỏi thị trấn, thành những hàng dài, dài như đoàn rết, người nào người nấy đều gánh đồ, vừa đi vừa nhún nhẩy theo cái điệu vạn cổ bất dịch của dân gồng gánh Trung Hoa, để cho xương thịt thích ứng với sự lên xuống nhịp nhàng các gói hành lí treo ở hai đầu đòn gánh. Những đoàn người tản cư trôi như dòng sông, quyết liệt không biết mỏi, vô tận. Không có một chiếc xe kéo. Các ngọn cờ phấp phới trên nóc các dinh thự đã được hạ lần lần.

Phải mất ba ngày rưỡi, tàu mới tới Trường Sa (Tchengsa) thủ phủ tỉnh Hồ Nam, trên con sông Hsiang (Tương?) Khi tàu ghé bến, nhìn lên bờ chỉ thấy lộn xộn, hỗn độn. Vũ Hán thất thủ làm cho mọi người hoảng hốt, những người tị nạn ở Trường Sa (Tchengsa) từ ít bữa trước, lại bắt đầu ra đi, đụng đầu với những kẻ từ Vũ Hán tản cư tới. Bọn người này nhìn lại hỏi: "Có gì xảy ra vậy?" Bọn kia đáp: "Trường Sa (Tchengsa) không yên đâu bà con, nên đi xa thêm nữa, đi nữa đi, đi sâu vào phía tây..." có những gia đình người nào người nấy đều kiệt lực vì đi bộ, nằm ngồi ngổn ngang với các gói hành lí ở giữa đường phố, làm nghẽn cả lối đi, hoặc ở bờ sông và cột chiếc khăn mặt vào đầu một cây gậy, nhúng xuống nước sông, kéo lên lau mặt. Hai bên bờ sông và hai bên đường lộ, họ ngồi nối nhau, ngút mắt. Tuy nhiên, nhìn vào sự hỗn độn đó một lát thì cũng nhận ra được một sự chuyển động theo một hướng. Một con rắn vĩ đại ngày đêm đều bò tới, để lại phía sau những kẻ ngồi xuống chờ đợi, hoặc ngừng lại vì quá mệt, không đi xa được nữa, nằm xuống chờ chết, trừ vài kẻ chạy ngược chiều trở lại. Hàng triệu người đã chạy trốn khỏi thành thị, theo đường bộ tỏa về thôn quê, về phía Tây.

Tôi đoán có tới khoảng *hai chục triệu người tị nạn* trên các đường lộ ở các tỉnh miền Trung, và tụi Nhật đã hạ họ bằng súng liên thanh, y như quân Đức tháng 5-1940 đã thả bom xuống những đoàn người tản cư chật đường ở Pháp.

Và khắp nơi trong tiếng rầm rầm nhức óc của xe

cam nhông, xe gip (Jeep), xe lửa chở quân đội, dân chúng vẫn lầm lũi, lặng lẽ, gánh nặng trên vai, bước từng bước một, thành một cuộc rút lui vĩ đại, để tiếp tục sống, tiếp tục chống cự. Vì các tướng tá, trước cũng như sau, luôn luôn là những kẻ đầu tiên đào tẩu, trưng dụng mọi thứ xe cộ để thoát thân, còn dân đen thì luôn luôn là những người cuối cùng tản cư bằng chân, mà sau lưng họ, các đoàn quân tình nguyện vẫn còn ở lại tiếp tục cuộc chiến đấu...

Tới chiều tối, cát bụi dày quá tới nỗi nó thấm vô da, luồn vô tóc, ta nuốt nó vào đầy miệng. Chúng tôi mướn mấy chiếc xe kéo chở chúng tôi từ bến tàu tới ga xe lửa, nhưng chuyến xe lửa đặc biệt chở bộ Tổng tham mưu lại những đồn dinh mới trong miền núi ở Nanyu và Hengshan đã khởi hành từ buổi chiều rồi. Anh Pao nếu không quay trở lại kiếm tôi thì đã đáp chuyến xe đó và bây giờ anh phải xoay xở lấy để đuổi theo kịp đoàn tham mưu. Viên xếp ga bảo: "Tối nay có một chuyến xe" nhưng không bán vé. Nhà ga là một trại tị nạn, rất nhiều gia đình chiếm sân ga, đợi xe từ mấy ngày nay, chỉ có chỗ ngồi chứ không có chỗ nằm, và chuyến xe đợi từ hai hôm trước có lẽ tối nay sẽ tới. Nhưng rồi xe cũng không tới, và sau khi ngồi đợi khoảng hai giờ, đã quá nửa đêm rồi, chúng tôi trở về thị trấn. Đường lộ đầy ổ gà, bụi và bùn. Tôi gặp những chiếc xe bò do đàn ông kéo (dây thừng cột họ vào xe, lằn sâu vào vai họ), trên xe chồng chất ngất ngưởng đủ thứ: giường, tủ, bàn ghế, thau bỏ trong những cái lưới, quần áo, đồ đạc, dồn trong những

cái gói bao bằng vải son, tất cả đều lắc lư, lăn qua lăn lại Xe buýt chất nặng quá, cao quá, tới nỗi lảo đảo. Còn bọn người bộ hành thì bước nặng nề, đeo con trên lưng, và đèo thêm nào gối mền, giẻ rách, chén sắt để uống nước. Dĩ nhiên, anh Pao có một người bạn trong thị trấn, chúng tôi lại gõ cửa, đánh thức người đó dậy, người đó giới thiệu một người bạn khác, cũng đương ngủ, cũng bị chúng tôi đánh thức dậy, và cho chúng tôi hay có một chiếc cam nhông của quân đội sáng sớm sẽ khởi hành.

Bây giờ đây, đôi khi tôi ngỡ rằng tất cả những bạn, những "anh em kết nghĩa" của anh Pao đó - như anh nói - đều là những nhân viên mật vụ trong đoàn thể Sơ-mi-lam. Đoán vậy chứ không thể nào biết chắc được điều đó, mà hồi đó thì dĩ nhiên tôi đâu dám hỏi, có hỏi thì Pao cũng trả lời: "họ là" anh em, "đồng chí, cùng trong đoàn thể, thế thôi...". Mà Pao là một vị anh hùng đã hi sinh vì yêu tôi, quay trở lại kiếm tôi... Mỗi khi nghĩ tới điều đó, tôi lại rưng rưng nước mắt, có ai mà hi sinh cho tôi tới mức đó... Cho nên tôi sung sướng theo anh tới bất kì nơi nào mà các anh em trong nhóm Hoàng Phố, hoặc các mật vụ "sơ-mi-lam" của Tưởng vạch đường cho chúng tôi tới. Sau này có tới non 300.000 người ở lại lục địa để phá hoại cuộc cách mạng 1949.

Chúng tôi lại lên xe tới một khách sạn, mướn được một chiếc phòng nhỏ dơ dáy kê một chiếc tủ đứng lớn, trong đặt một cái khạp da lươn, có nắp gỗ, dùng làm cầu tiêu. Có một chiếc giường, một chiếc khăn đắp chân bằng

sa tanh hồng bẩn thỉu, một chiếc mùng dày, khi chúng tôi giũ ra thì những nếp mùng, bụi và muỗi bay ra vo ve. Năm giờ sáng, một chiếc cam nhông bóp còi inh ỏi trước khách sạn, đánh thức chúng tôi dậy và một người bồi vô gọi. Chiếc cam nhông của quân đội đó có một tấm bố màu xanh che mưa, phía trong, ngoài bốn người to lớn, còn chất đầy khí giới, thùng đạn, từng chồng lựu đạn... Chúng tôi chui vào dưới tấm bố và bắt đầu liệng bớt một phần hành lí đi... Vì là chạy loạn, đáng lẽ tôi phải mang theo một cái thau cũ, hai miếng giẻ, một cục xà bông, một cái mền bông nhỏ, nhẹ, một tấm vải sơn vừa thay áo mưa vừa dùng để bao các vật lặt vặt, lại có thể trải ra, nằm lên được một sợi dây thừng để cột tất cả lại, hoặc một bao lưới lớn, ít quần áo, thay đổi, hai đôi giày ten-nít, một cái chén bằng thiếc, (để uống nước, súc miệng), và dĩ nhiên một cuộn giấy bản để đi cầu, hết thảy thành một bọc nặng độ mười kí mà một người như tôi có thể mang được. Nhưng tôi lại (dại dột) mang theo hai bộ đồ len, một chiếc áo bông dài, nhẹ, quần áo trong (mua ở Hương Cảng), một bộ áo tắm (trèng ơi, sao lại mang theo đồ tắm?) một chiếc áo dài Trung Hoa ở Quảng Châu bằng vải sơn, chiếc áo cưới màu lam, hai chiếc áo vải màu lam may cắt ở Vũ Hán trong có bốn giờ, rồi vớ, giày da... Tôi bỏ lần lần tất cả những thứ đó lại ở dọc đường, hoặc tại các khách sạn trong mấy tuần lễ sau đó. Trước hết là chiếc áo tắm, tôi tặng một anh bồi, anh ta mỉm cười nhận mà ngần ngừ, lim dim, chẳng biết dùng của nợ đó vào việc gì được. Có khác gì tặng một đôi giày ban

cao gót cho một thím nhà quê sắp chết đói, hoặc phân phát một gói kẹo cho những trẻ bị phỏng nặng vì napalm, thật là ngu ngốc, chẳng ý thức được cơn ác mộng nó đương đeo đuổi tất cả bọn chúng tôi.

*

«Ở Nanyu, ngọn núi nào cũng có vô số đầu chùa. Một số các vị chỉ huy quân sự cao cấp nhất lại đó để mặc niệm... Trong thôn đầy nghẹt người. Thật là may mắn vô cùng, cháu kiếm được một phòng trong khách sạn, tiền thuê mỗi ngày sáu cắc. Không có điện, không có nước, nhưng vị tối cao còn phải trú ngụ trong một ngôi đền, còn các tướng lãnh tranh giành nhau một căn phòng năm đồng mỗi tháng ở trong làng - thì hạng như cháu được vậy đã ra vẻ quí phái lắm rồi. Thật là tuyệt, và thấy cái cảnh đó chắc bác sẽ cười mà nghĩ bụng: «đáng kiếp" bọn sang trọng có nhà cửa dinh thự ở Nam Kinh, Thượng Hải... bây giờ phải chạy đông chạy tây, vì một căn phòng bẩn thỉu... Thế còn vợ họ? Phần lớn các bà sĩ quan cao cấp không lại đây vì không thể chịu được lối sống này, các bà ấy «con nhà gia giáo" quá, làm sao nuốt được hoàn thuốc «đắng" ấy. Vậy chỉ còn vợ các sĩ quan cấp dưới với bọn nàng hầu... Cháu cho tiền anh bồi phòng để mỗi ngày anh cung cấp cho hai thau nước thật nóng. Cháu mua vải trắng để làm «ra" và vải lam để trải lên giường... Cháu thích đời sống ở đây... khí hậu mát mẻ lạ lùng mà phong cảnh mới đẹp làm sao..."

Phải, Nanyu đẹp thật.

Con đường quốc lộ trải những phiến đá vôi lớn, xuyên qua Nanyu từ bắc tới nam, và đây là một trung tâm rất lớn trên con đường đưa từ Quảng Châu lên các thị trấn ở miền đông Dương Tử, con đường mà trải qua bao nhiêu thế kỉ nay, trải qua bao nhiêu triều đại, các đoàn kị binh và các đoàn xe của các đại thần vẫn qua qua lại lại mà Nanyu cũng là một nơi hành hương nữa. Một chiếc cầu đẹp, có thác có ghềnh, có những ngọn suối ào ào đổ từ trên núi xuống. Đã có bao nhiêu đoàn chở cống phẩm: muối, ngũ cốc, lụa từ những tỉnh mầu mỡ ở miền Trung qua chiếc cầu đó để tiến lên kinh đô, chiến sĩ và dân tị nạn cũng đã bao nhiêu lần qua đây, và thời Thái Bình Thiên Quốc nổi loạn cách đây một thế kỉ các đoàn dân binh cũng theo con quốc lộ này, qua Nanyu lên Trường Sa, tiến lên nữa để chiếm Vũ Hán. Dãy Hengshan có nhiều ngọn núi nhìn xuống Nanyu mà ngọn cao nhất, linh nhất miền nam, là ngọn Tou Yun Feng. Có những ngôi chùa mênh mông, tường đỏ nóc vàng, kiến trúc cân đối, thanh nhã, chung quanh là những cổ thụ mấy trăm năm, những ngôi chùa rực rỡ vàng son, lộng lẫy đó càng nổi bật lên trong cảnh nghèo nàn của làng Nanyu nhỏ xíu, khiến cho thời nào ai cũng lấy làm ngạc nhiên. Ngôi chùa nép ở dưới chân núi đã được trùng tu trong đời Minh và được dùng làm nơi huấn luyện quân sự. Hengshan thị trấn chính, cách nơi đó dăm cây số có một khách sạn của Sở Du Lịch Trung Hoa, sơn trắng, sạch sẽ, lúc đó các vị bộ trưởng, giám đốc, công chức cao cấp

lại ở chật ních. Vị mà trong thư, gởi cho bác Hers, tôi gọi là vị "Tối cao" tức Tưởng Giới Thạch, ở trong các ngôi chùa trong núi cùng với các ông lớn trong nội các và bộ tổng tham mưu.

Chúng tôi rất mừng kiếm được một phòng trong "đại khách sạn Nanyu" ở trong thung lũng, dưới chân núi, khách sạn gồm một dãy quán gỗ, bên một dòng sông, trên dòng sông cất nhiều cầu tiêu, nhưng ngọn gió thu ranh mãnh và dòng nước suối cuồn cuộn nổi bọt đã đánh bạt những hơi thối đi, căn phòng chúng tôi thật bẩn thỉu, suốt ba tuần lễ ở đó, tôi thường chùi rửa, vì tôi có thói quen ở sạch rồi, luôn luôn phải tấn công trừ cho hết những cái cáu bẩn, không thì không chịu được, cơ hồ như tin rằng, bàn tay của các bà nội trợ có thể làm cho thế giới có trật tự, sạch sẽ hơn được. Có nhiều phụ nữ như vậy, suốt ngày lau chùi đánh bóng như cái máy thì tâm trí mới được yên tĩnh.

Các bà vợ thứ và các nàng hầu ở phòng khác không bị cái đó ám ảnh như tôi, cho nên ngạc nhiên ngó tôi - con quái vật này - hăng hái lau chùi quét dọn, trang hoàng phòng bằng những chậu vãn cảnh (fuchsia) và cúc: đâu có ở đây lâu, chỉ tuần sau, chưa biết chừng, ngày mai đây là phải tản cư nữa, thì sửa sang quét dọn làm chi? Tôi nổi danh, một cái danh chẳng đẹp đẽ gì, người ta bảo tôi là "ngoại nhân", là "kì cục", lại thêm tôi làm việc chân tay, mà công việc chân tay hạ phẩm giá con người... Chưa biết chừng tôi là dòng dõi nô tì chăng? Đối với nhiều bà

trong bọn đó thì đức tự trọng chính là cái tài sống trong sự dơ dáy lọm giọng. Họ để từng đống xương gà ở trên mặt bàn và những đám ruồi vo ve như tiếng tụng kinh cầu nguyện không hề làm giảm cái vui trò chuyện, tiếp đãi bạn bè của họ, họ liệng vỏ cam hoặc nhai trái cây, nút hết nước rồi phun nhổ bã trên sàn, họ tập cho con họ tiểu, tiêu ngay trên ban công. Không khi nào họ động tới một ngón tay để lượm các rác rưởi, mà luôn luôn sai đầy tớ. Họ nhìn tôi lau chùi cả thành cửa sổ, dán những mảnh báo để thay những chỗ cửa kính đã bể. Họ rình tôi, đánh mạt chược với nhau, khạc nhổ và cười hô hố, lại đưa ngón tay trỏ tôi cho con họ nhìn theo nữa. Những người hồi trẻ, mới đầu thấy tôi lau chùi mà mỉm cười, bây giờ đã thành bạn thân của tôi, ngày nào cũng đem nước nóng và trứng cho chúng tôi, thỉnh thoảng còn đập ruồi cho tôi nữa, thiên hạ cười thì cười, tôi mặc kệ, cứ tiếp tục làm theo ý tôi, mua bông về chưng nhiều hơn là mua thức ăn. Nhưng Pao thì không cười và chẳng bao lâu chính tôi cũng không cười được nữa.

«Thư gởi từ Nanyu, không đề ngày.

Thưa Bác,

Bây giờ cháu mới chua xót nhận ra rằng chiến tranh này Trung Hoa đã thua rồi, vì những kẻ vụng về, hèn nhát, phản quốc, mà những người có thiện chí (nguyên văn) như cháu cũng đành khoanh tay... Không một thiếu nữ nào dám vô một quân y viện cả. Không còn phụ nữ trên mặt trận nữa, trừ cộng sản... và không còn binh sĩ

nữa, chỉ có dân đen... binh sĩ chết rồi... chỉ còn những kẻ đào tẩu... không một bệnh viện nào do người Trung Hoa điều khiển mà hoạt động đàng hoàng. Hồng Thập Tự rán giúp đỡ các người tị nạn, nhưng chỉ như một giọt nước trong sa mạc... Trung Hoa cần nhiều người có kinh nghiệm, được đặt vào đúng chỗ... không một người nào làm cái nghề thực sự của mình..."

Nhưng hôm sau, tính tình tôi lại thay đổi.

Cháu cứ tưởng sau ba năm xa quê, về đây cháu sẽ lạ nước lạ non, nhưng giờ đây, ở giữa miền quê này, cháu lại thấy «quen thuộc" hơn với quê hương hơn trước nữa... Sức khỏe cháu rất dồi dào... Cháu rán trở về bên đó cho kịp để khỏi mất một năm học... Công việc quan trọng nhất cháu có thể giúp nước bây giờ là tiếp tục học hành. Anh Pao bảo rằng bà Tưởng khuyên ai có thể ra ngoại quốc được thì cứ đi... Nếu bác có viết thư xin bác đề là bà Tang. Tốt hơn là dùng...

Tôi đã tự mâu thuẫn, kì dị, nhất là tung những câu cuối, nhưng như vậy chỉ là phản ánh sự hỗn loạn chung lúc đó ở Nanyu.

Vì lúc đó bắt đầu xung đột trong đời sống của tôi với Pao. Chúng tôi ngồi ăn bữa trưa trong khách sạn. Tôi không nhớ lúc đó chúng tôi đang nói chuyện với nhau về vấn đề gì, chỉ nhớ thình lình Pao bảo: "Đàn bà không được cãi lí, em không được thảo luận với anh. Em phải nghe lời anh. Và chừa cái thói cãi lại đi." Tôi ngó anh ấy trừng trừng. Tôi có thực cãi lí với ảnh không? Đâu có.

Rồi tiếp, theo anh độc thoại thôi một hồi. Tôi "tây" quá, phải tập thành "Trung Hoa" hơn nữa. Thiên hạ bắt đầu nói này nói nọ. Người ta gọi tôi là "máu lai". Quốc gia chỉ có thể cứu vãn được bằng những đức của cổ nhân. Tưởng Giới Thạch đã bảo vậy. Tôi cũng phải học những đức đó mà một trong những đức đó là vâng lời. "Tài năng không làm cho phụ nữ có đức". Tôi phải thành "một người vợ hiền và một người mẹ kiểu mẫu". Vì vậy, tôi không bao giờ được cãi lời ảnh, trong khi ảnh nói: "Cãi lời chồng là một dấu hiệu vô luân" - "Vô luân ư?" Nhưng thiếu tá X lại thăm mình hôm qua đó, dắt theo một đứa cháu gái mười sáu tuổi... và chính anh nói với em rằng đứa cháu đó là nàng hầu thứ tư của ông ta, cái đó em mới gọi là vô luân..."

Pao vươn tay qua mặt bàn tát ngay vào mặt tôi "Chỉ được cái nói người, nhìn lại cái thân coi. Mày dám trả lời tao, miếng một miếng hai với tao hả." Tôi ngạc nhiên quá đỗi, chỉ đáp lại: "Anh đánh tôi, đánh tôi đau..." Anh bảo: "Mày cũng làm cho tao đau khổ, mày tưởng cưới một con vợ mất tân, tao sung sướng lắm sao?".

Tôi nổi giận lên mà đồng thời cũng thấy mình xấu hổ vì có tội. Một người đàn bà khó mà không cảm thấy có tội trong trường hợp như vậy, mặc dù tất cả những thuyết về tự do tính dục, và nam nữ bình quyền. Dĩ nhiên tôi biết rằng trước khi có chồng mà mất tân là một điều nhục nhã mặc dầu lệ đó không áp dụng vào bọn thợ đàn bà bị các chú cai mặc tình hiếp dâm; cũng không áp dụng

vào các nhà chứa điếm như những nhà mới mở ở Hengshan nơi đó có những em gái tám tuổi "tiếp" các ông tướng trong bộ tham mưu. Cái lối chuyên chế bất công đó: đàn bà thì phải trinh tiết còn đàn ông thì tha hồ điếm đàng, đó đức hạnh truyền thống là vậy.

Người ta càng đề cao đức hạnh bằng một giọng ưu thời bao nhiêu thì người ta lại càng mở nhiều nhà chứa điếm bấy nhiêu. Và hạng nô tì mua ở thôn quê, hạng "vợ cho mướn" để các ngài sĩ quan trong trại dùng tạm, hai hạng đó cũng không cần phải có tiết hạnh.

- Nhưng, anh Pao, khi cưới tôi anh đã biết rồi chứ, biết rằng tôi không còn tân mà. Chúng ta đã sống chung với nhau cả mấy tuần trước khi cưới và tôi đã kể với anh...

- Mày đã kể với tao! Phải, mày đã cả gan nói với tao về những cái đó, coi cái chuyện thiếu nữ Trung Hoa ngủ với một thằng da trắng, một tên ngoại quốc là một chuyện thường tình vậy. Tự xét coi, đứng trước một người đàn ông, có bao giờ mày nhìn xuống đâu... Tối qua, thiếu tá Tchang và đại úy Wang lại chơi, mày đã chuyện trò, cười cười với họ, như thể không biết rằng nam nữ hữu biệt...

- Nhưng các anh ấy là bạn thân của anh mà...

- Dĩ nhiên, họ là bạn thân của tao, nhưng vợ họ không có cử chỉ, thái độ như vậy...

- Phải... vợ họ quát tháo đầy tớ, la hét, sống dơ dáy, đánh mạt chược (lúc đó tôi nổi khùng lên). Và chính anh bảo tôi rằng họ chỉ là thứ vợ tạm thời, vợ mướn...

- Nhưng họ không ngủ với một *tên ngoại quốc,* một *tên da trắng*... Mày có dan díu với mười tổng trưởng hoặc hai chục công chức cao cấp, thì tao cũng mặc, miễn họ là người Trung Hoa. Nhưng một tên ngoại quốc..."

Đúng là cái tinh thần bài ngoại tràn trề như nước lũ, tinh thần đặc biệt của các sĩ quan trẻ tuổi Hoàng Phố của Tưởng Giới Thạch nữa, tinh thần đó đi đôi với quan niệm rằng đàn bà là một vật sở hữu. Cái dĩ vãng, bị nhục nhã, tước đoạt, chém giết do phương Tây, gây ra ở châu Á, đã lưu lại trong giới quan lại Trung Hoa một mặc cảm chủng tộc lộn ngược, biểu lộ trong lòng thù oán mãnh liệt đó, nhất là trong vấn đề tính dục mà người đàn bà bị coi như một vật sở hữu. Nhưng về phần Pao, cũng như tất cả cái đoàn thể sĩ quan trẻ, thái độ bài ngoại chẳng phải chỉ là oán thù, mà còn là một sự tiện lợi nữa, khi chính họ phản quốc thì họ tìm ngay được những con vật để tế thần, gánh hết tội cho họ, và họ có thể hô hào "cứu quốc" theo một nguyên tắc kì thị chủng tộc gay gắt, bệnh hoạn.

Trong sân, một đám phụ nữ tươi như hoa lặng lẽ dạo mát lắng tai nghe. Vách ván của khách sạn mỏng quá, mà những vết nứt, lỗ hở ở vách cũng như ở sàn rộng lớn quá, nên thiên hạ nghe thấy hết. Mặc dầu tôi đã gắng sức mà không làm sao giống hệt với các bà, các cô chung quanh tôi được sự khác biệt đó tố cáo tôi: tôi quá thích lau chùi, quét dọn, tôi thích dạo mát một mình, tôi đọc sách, tôi muốn làm việc trong một bệnh viện...

Chỉ sau khi Pao mắng chửi tôi, đối xử tàn nhẫn với tôi là vài sinh viên ở Châu Âu về, trước kia đã thấy tôi giao du với Louis [1] mới độc địa tô điểm thêm vào. Có ai muốn hoặc có thể thương hại tôi không? Chắc nhiều người nghĩ rằng tôi đã mưu mô dụ dỗ Pao cưới tôi. Tôi đề nghị trả lại tự do cho Pao, tôi năn nỉ anh buông tha cho tôi đi, tôi chẳng đòi hỏi gì cả, chỉ xin được đi thôi. Nhưng anh nhất định không chịu. Tôi la: "anh thật là khó hiểu, nếu anh cho tôi là đứa khốn nạn, thì tại sao anh không buông tôi ra?" Nhưng anh lại không muốn vậy.

Tôi thờ thẫn trong làng Nanyu, leo đồi nhìn các người dân làm việc, để xa lánh các nghĩa huynh "độc ác" và các bà vợ tạm thời của họ. Trong làng có thợ mộc, thợ may, thợ nề, phu vác đồ, phu gánh nước, tôi trò chuyện với người bồi trẻ đã tận tâm giúp đỡ cho đời sống chúng tôi được dễ chịu, và với ông già nặng nề, chậm chạp vừa quét sân vừa hát nho nhỏ trong miệng:

«Đứng lên đi, các bạn không chịu đời nô lệ, cùng nhau đem xương máu ra, xây dựng trường thành của chúng ta."

Tôi nhìn những người sửa đường ngồi đập từng đống đá sỏi, tiếng búa vang trong không khí ấm áp trong trẻo. Họ không chế giễu tôi, chỉ liếc ngó tôi rồi tiếp tục làm việc, tôi không có cảm tưởng rằng họ ghét tôi. Mà những

---

(1) Luật sư Bi, tình nhân cũ của tác giả.

bài họ hát không phải là thứ mà các "nghĩa huynh" ưa. Khi tôi trở về khách sạn thì các bà vợ sĩ quan đương chơi mạt chược ngó trừng trừng tôi, khạc nhổ rồi cười ngạo.

Hôm sau vụ gây lộn dữ dội đó, Pao rất dễ thương. Ngày đó là ngày thứ bảy, nhân buổi chiều vàng, chúng tôi nắm tay nhau đi dạo mát. Tôi chỉ còn hơi tê mê một chút, nhưng rồi bản chất tôi uyển chuyển, thắng được, quên được, như một vết thương đã kín miệng, lên lớp da non mềm mại. Tôi không rầu rĩ, trầm tư nữa, đời có biết bao điều để học, bao việc phải làm và tôi muốn tiếp tục tiến tới hoài. Nhưng ít hôm sau, lại gây lộn trở lại, còn lâu hơn, tệ hơn nữa. Rồi lại hòa được. Pao ủ dột bảo rằng sắp phải từ biệt tôi để đem quân ra mặt trận. Anh chua xót nhận rằng đã thua, phải bỏ cuộc thôi. "Hết lính rồi".

Ở Nanyu có một cuộc hội nghị quân sự quan trọng... "chưa biết lúc nào, anh sẽ phải ra mặt trận" - Anh Pao nói vậy - và lòng tôi lại nhiệt thành hướng về anh, vị anh hùng đau khổ vì tổ quốc đã bại trận, mang nhục... Một người đàn ông trẻ như vậy, tốt như vậy, cương quyết như vậy thì có lỗi gì tôi cũng bỏ qua được hết. Ảnh cộc cằn một chút, cái đó có quan trọng gì? Biết bao người đã đau khổ trong khi tôi sống sung sướng ở Bỉ... còn cái sự mất tân thì đúng là lỗi của tôi, và chỉ riêng tôi có lỗi. Tại sao tôi không đợi cho tới khi gặp Pao rồi anh cưới tôi? Tôi sẽ gắng sức sửa lỗi, sẽ tỏ ra rất dễ thương, không bao giờ than thân trách phận.

Một hôm Pao bảo tôi nên trở qua Bỉ học tiếp. Bà

Tưởng đã đọc diễn văn khuyên ai có thể xuất ngoại để du học, tự chuẩn bị sau này chiếm lại non sông ở trong tay địch thì cứ đi. Và nhiều người trong họ hàng bà đã qua Mĩ học rồi. Tôi viết thư cho bác Hers bảo rằng có lẽ tôi sẽ phải trở về Bruxelles để học vì Trung Hoa đã thua rồi. Pao bảo anh có lẽ cũng sắp được phái ra ngoại quốc để chuẩn bị kế hoạch, đợi ngày "phục thù"... Nhưng hai hôm sau lại không tính chuyện đi nữa, cả hai đều ở lại và đời sống lại tiếp tục... Cuộc hội nghị tối cao của các nhà chỉ huy quân sự càng diễn tiến thì tin tức thay đổi từng ngày và Pao, tùy theo các tin đồn chung quanh bộ tham mưu, mà mỗi ngày về nói với tôi một khác...

Rồi một cuộc khủng hoảng nữa xảy ra, sau lần chúng tôi đi chơi núi Tou-Yun Feng, ngọn núi cao nhất và thiêng nhất trong miền. Hôm đó trời thật đẹp, chúng tôi leo những bục đục trong đá, đã mòn vì lâu đời, lên thăm tịnh xá cất ở đỉnh núi. Không khí trong trẻo, lấp lánh, tới nỗi hơi thở mà nghe như tiếng hát. Chúng tôi đem theo một ít cam, vòm trời mênh mông càng về chiều càng xanh đậm, thăm thẳm hơn, cho tới khi bóng tối tím như nhảy múa đổ xuống triền núi. Mỗi lần nhớ lại cảnh đẹp đó, lòng tôi lại như bừng sáng lên.

Chúng tôi đi chung một bọn: có cô Lou, vị hôn phu của cô, thiếu tá Tchang, và vài ông bạn khác trong bộ tham mưu. Chúng tôi lên tới tịnh thất, ăn bữa cơm chay và nghe vị hòa thượng thuyết pháp. Suốt đêm đó, chúng tôi nghe gió rít trên đỉnh núi, sáng hôm sau dậy sớm

nhìn cảnh mặt trời mọc, và lúc xuống núi chúng tôi gặp Tướng Phùng Ngọc Tường, phó chủ tịch Hội đồng quân lực ở dưới núi lên, có hai ông cũng dự hội nghị tối quan trọng đương họp lúc đó, và giữa hai cuộc họp, ông đi thăm cảnh núi.

Và bỗng nhiên Pao sa sầm nét mặt lại, trách móc thái độ của tôi. Tại sao tôi lại nói chuyện với hòa thượng, với các người đàn ông khác? "Thấy cô Lou đấy không, cô ấy không hề thốt một tiếng, rõ là trinh khiết Tôi cãi lại: Cô ấy ngủ với vị hôn phu của cổ - Pao quát tháo: Người ta sắp cưới nhau, và cô ấy sẽ không còn biết một người đàn ông nào khác (sau này mới biết lời đó sai: vị hôn phu của cô Lou đổi ý và cô cưới một người khác, và hai người rất sung sướng với nhau). Tôi phát khóc lên vì những lời trách móc đó, đúng lúc đó, một tiếng vù vù, mới đầu lầm với tiếng thác chảy, lần lần lớn lên, làm rung động không khí chung quanh và trên nền trời hiện lên lác đác vài phi cơ phóng pháo. Chúng tôi chạy kiếm chỗ núp trong khi chúng trút những trái bom lấp lánh như bạc xuống, làm cho hang núi vang dội tiếng bay véo véo và tiếng nổ của bom ầm ầm. Chúng tôi bò tới chỗ núp, một ông bạn núp trong một cầu tiêu công cộng nhỏ. Khi các phi cơ bay đi rồi, nhìn xuống thấy một đám bụi và khói phủ làng Nanyu như một chiếc khăn liệm màu đen. Ngôi chùa rộng dùng làm trung tâm huấn luyện quân sự bị bom dội trúng: nóc ngói vàng tan từng mảnh, cây cối gãy đổ, xác người ngổn ngang, bụi tỏa mù mịt trong một khu rộng, tiếng rên la, gào thét vang lên bất tuyệt trong

khi chúng tôi đi xuống khỏi đường dốc mà tiến tới cửa trước ngôi chùa. Không kịp suy nghĩ, tôi buột miệng nói ngay: "Chúng ta có thể tiếp tay khiêng các người bị thương". Pao quay lại, nổi giận tím mặt lại: "Điên hả... một người đàn bà có đức hạnh không đâu bỏ chạy như vậy?... Thích đàn ông tới cái mức đó ư?... Phải rờ mó đàn ông thì mới chịu được hả?... Muốn chạy theo họ hả?... địa vị của mày là ở bên cạnh tao này, là săn sóc cho chồng... cho chồng mày, nghe chưa?".

Chúng tôi trở về khách sạn. Một trái bom nổ làm cho ngôi nhà rung rinh và mặt sàn căn phòng chúng tôi la liệt những mảnh vụn. Tôi tìm được cây chổi, lo quét dọn, Pao nằm phịch xuống giường, một lát sau mới ra. Tôi gạt tàn bấc đèn dầu và nghe thấy trong các phòng bên tiếng chơi mạt chược lách cách và tiếng la, tiếng cười của các bà...

Hôm sau, người ta chỉ bàn tán về tin bộ Tổng tham mưu đã dời xuống Quế Lâm trong tỉnh Quảng Tây, nơi đó an toàn hơn Nanyu. Thế là hội nghị quân sự giữa chừng bỏ dở.

Ngày 12 tháng 11, một phần lớn thị trấn Trường Sa (Tchengsa) bị tiêu hủy không do quân Nhật mà do chính Quốc Dân đảng. Họ theo chính sách "tiêu thổ" lần lần, vô lí, điên cuồng, phá phách một cách vô ích tới đâu gây cảnh tan hoang khốn khổ tới đó, tai hại cho dân chúng hơn là cho quân thù. Vì vậy mà mùa xuân năm 1938, do lệnh của Tưởng Giới Thạch, họ phá một khúc đê Hoàng

Hà, để nước ùa vào đồng ruộng, mà ngăn chặn quân Nhật. Đã chẳng chặn được quân Nhật mà cả một miền bị lụt và một triệu dân chết đuối.

Rồi sau đó lại là một chiến thuật tàn phá nữa, vô ích mà không sao hiểu nổi về mặt quân sự. Tưởng lại ban lệnh đốt thành phố Trường Sa (Tchengsa), gần trọn thị trấn ra tro, hàng trăm người chết và hàng ngàn người khác mất chỗ che mưa đụt nắng. Sau này họ trút trách nhiệm cho một người tên là Sou Peiken, ông ta đã lầm lỗi nặng, đã đốt số xăng dự trữ ở phi cảng mà người ta chưa kịp dời đi chỗ khác. Tưởng Giới Thạch nổi cơn lôi đình: vì xăng cần cho phi cơ của ông để ông bay đi nơi này nơi khác, nên ông quí nó hơn sinh mạng con người. Sau Peiken bị cách chức, nhờ có Tang Tsung, nhân vật số 2 của cơ quan mật vụ, che chở, ông ta mới thoát chết. Các sĩ quan tham mưu sợ run lên, nhất là vì cơn thịnh nộ của Tưởng, họ tự hỏi nhau thống chế rồi đây có đem bắn bỏ vài mạng "làm gương" không, vì mất số xăng đó; Sou Peiken bị nhốt khám một ít lâu, nhưng sau này tôi gặp lại ông ta ở Trùng Khánh, béo phục phịch, mắt long lên và khạc nhổ ồn ào.

Thực ra Trường Sa (Tchengsa) bị thiêu hủy vì trong thành phố có một nhóm cộng sản hoạt động trong bóng tối, người ta đồn rằng mật vụ muốn giết Chu Ân Lai lúc đó đương ở Trường Sa. Cả miền đó đầy những quân du kích sống lẩn lút vì Trường Sa từ mấy năm nay là đại bản doanh bí mật của đảng cộng sản. Và Mao Trạch Đông đã đào tạo cán bộ tại đó...

Lúc đó tôi không biết rằng cách Nanyu không xa, bên kia sông có Quận (?) Trà Lăng tại đó Mao Trạch Đông đã thành lập Ủy Ban hành chánh đỏ đầu tiên. Khỏi Trà Lăng là ngọn núi Tsin Kang Chan, nơi cộng sản đã thành lập căn cứ đầu tiên tháng 10 năm 1927. Vậy ông lão quét khách sạn có hát khúc:

«Đứng lên đi, những ai không chịu đời nô lệ... thì cũng không có gì lạ.

Tôi cũng không rõ cuộc hội nghị quân sự ở Nanyu có cái tầm quan trọng ra sao. Chính thức thì người ta tuyên bố rằng Tưởng đã quyết định *«tiếp tục chiến đấu"* nhưng lại có tin phong thanh rằng vẫn còn đàm phán hòa giải với Nhật.

✳

Thượng Hải, Nam Kinh thất thủ rồi, tiếp theo là Vũ Hán và Quảng Châu, như vậy Quốc Dân đảng chỉ còn hai thị trấn quan trọng: Trùng Khánh và Tây An ở phía tây. Nhật đã chiếm trọn miền duyên hải. Đầu hàng chăng? Thương thuyết chăng?

Tưởng Giới Thạch cùng vợ, Fong Yu Hiang (Phùng Ngọc Tường) Tống Tử Văn, Khổng Tường Hi, Hà Ứng Khâm, khoảng mười hai bộ trưởng và sáu chục tướng lúc đó ở Nanyu, có nhiều lời đồn lắm nhưng chỉ có tin này là rõ rệt: họ luôn luôn đấu khẩu nhau. Tại sao bà Tưởng lại thúc giục tất cả những người nào có thể "trốn đi du học" được thì cứ đi? Tại sao Vũ Hán lại gần như

đầu hàng mà không chịu chống cự, mặc dầu đã mộ 50.000 quân tình nguyện, đưa họ ra mặt trận mà không có khí giới, không có lương thực? Có đúng rằng "sống với Nhật còn hơn với Cộng" như vài "nghĩa huynh" đã nghĩ, như Pao đã tuyên bố một hôm khi trở về khách sạn không? Có đúng rằng chúng ta đã đàm phán về hòa bình với Nhật không?

Pao không chịu cho tôi biết các tin tức một cách có liên tục, chỉ tuyên bố những câu tổng quát như: "hết thảy chúng ta phải chết vì tổ quốc, anh sẵn sàng rồi". Như vậy có nghĩa là phe các quan lớn trong Quốc Dân đảng muốn điều đình với Nhật không thắng thế được rồi, mà Phùng Ngọc Tường đã cương quyết đòi tiếp tục chiến đấu. Nhưng, mặt khác, khi Pao bảo: "Thà sống với Nhật còn hơn sống với Cộng", thì có nghĩa là phe muốn điều đình đã lấn bước. Và những điều kiện Nhật đưa ra bắt buộc ta chấp thuận sẽ làm cho Trung Hoa vĩnh viễn nô lệ Nhật dưới chiêu bài *«liên minh chống cộng"*. Tôi cảm thấy rằng dân tộc Trung Hoa muốn tiếp tục chiến đấu, không nghĩ tới chuyện nhận một sự "hòa giải" với Nhật, tôi nói với Pao như vậy, anh cười rộ "Biết cái gì mà nói?" tại sao không lo việc nội trợ mà cứ xen vào chính trị?".

Rồi anh thuyết giáo về sự vô luân, thiếu đạo đức của tôi "đàn bà không có tài thì mới có đức. Coi trong lịch sử đó. Mỗi lần một người đàn bà lên cầm quyền là đế quốc sụp đổ".

Ngoài cơ quan quân sự chính quyền Quốc Dân đảng, ở Nanyu còn có Uông Tinh Vệ, con người tài danh nhưng

âm hiểm lúc đó giữ chức Phó Tổng thống. Uông mới đầu là một sinh viên cách mạng, năm 1909 liệng một trái lựu đạn vào nhiếp chính vương nhà Thanh, khi cách mạng 1911 phát sinh, Uông theo Tôn Dật Tiên, có người nói rằng chính ông ta sửa soạn và thảo một số diễn văn cho Tôn, và Tôn đã đọc lời di chúc cho ông ta chép, do đó, khi Tôn mất năm 1925, ông ta thành "môn đệ thân tín" của Tôn. Ông ta chống quyền hành quân sự mỗi ngày mỗi tăng của Tưởng Giới Thạch cũng là môn đệ của Tôn, lí do chỉ vì tham vọng cá nhân chứ không phải vì nguyên tắc, đường lối. Trong những năm 1920-1929, ông theo tả Đảng trong chính quyền Quốc Dân đảng ở Vũ Hán chống cuộc đảo chánh quân sự của Tưởng tháng ba và tháng tư 1927. Sau các cuộc tàn sát do Tưởng tổ chức ở Thượng Hải và vài thành phố khác, Uông đầu hàng và cũng dự vào việc diệt cộng, thành ra chống cộng còn hăng hái hơn đa số bạn đồng liêu trong phe hữu nữa. Vì tham vọng cá nhân, ông ta luôn luôn âm mưu, trù tính gian kế. Tụi Nhật lúc đó chuẩn bị chiếm Trung Hoa, vuốt ve ông, ông thích lắm, vốn có tính hoạt đầu, ông ta dám cho rằng Tôn Dật Tiên hồi sinh thời đã hoạt động cho cuộc "liên minh Hoa - Nhật".

Năm 1938-39, chính quyền Nhật trình bày thuyết "khu thịnh vượng chung ở Châu Á" trong đó Nhật và Hoa liên hiệp với nhau cai trị Châu Á sau khi đuổi hết tụi da trắng đi rồi. Uông chấp nhận thuyết đó và tới Nanyu dự cuộc hội nghị để bênh vực quan điểm của mình với Nhật.

Tháng 10 năm 1938, quân Nhật muốn ngưng chiến trên khắp các mặt trận Trung Hoa trong khi họ chuẩn bị chiếm Đông Nam Á, sau khi Vũ Hán và Quảng Châu thất thủ, họ muốn củng cố quyền hành ở các miền đã chiếm, và nếu trong thời gian không hoạt động về quân sự đó, họ có thể vận động kéo Trung Hoa vào hàng ngũ của họ thì cái mộng làm bá chủ Châu Á của họ gần như thực hiện được rồi. Nhưng bọn quân phiệt Nhật đòi cho cuộc "hòa giải" đó một giá quá cao, cao tới nỗi Trung Hoa mà chấp nhận thì không khác gì đầu hàng không điều kiện, và mặc dầu Uông Tinh Vệ, Hà Ứng Khâm và nhiều người khác hăng hái tán thành, Tưởng Giới Thạch nhận thấy rằng chấp nhận những điều khoản đó thì thế nào cũng bị lật đổ. Phùng Ngọc Tường bảo Tưởng rằng không khi nào dân Trung Hoa chịu chấp nhận những điều kiện của Nhật.

Vì dân Trung Hoa tận lực cổ vũ, ủng hộ cuộc chiến tranh kháng Nhật này. Ngay Tưởng, trong các diễn văn cũng phải tuyên bố theo giọng của Mao Trạch Đông. *«Chiến tranh này là chiến tranh của dân Trung Hoa... là một cuộc chiến tranh của nhân dân"*. Những quân tình nguyện bảo vệ các thị trấn quả thực là tự ý tới, không phải do Quốc Dân đảng, hoặc Mặt Trận Thống Nhất (có khuynh hướng cộng sản) vận động, thúc đẩy. Trung Hoa thành ba miền: Mãn Châu (từ 1931 gọi là Mãn Châu Quốc, ở dưới quyền kiểm soát của Nhật) Hoa Bắc và Hoa Nam, như vậy quân Nhật sẽ chiếm đóng đảo Đài Loan, Tưởng bảo: *«Như vậy thì tôi sẽ lưu xú muôn năm"*

- Nhật Bản đòi những điều kiện hoàn toàn vô lí". Và một số tướng đồng ý với ông. Trong tất cả các cuộc thương thuyết đó. Tưởng phải kể tới mặt trận ở phía Tây Bắc, mặt trận kháng Nhật của Cộng sản mà trung tâm ở Diên An.

Cuộc kháng chiến đó tiếp tục, vững vàng, kèm thêm một cuộc cải cách xã hội, được dân chúng làm hậu thuẫn. Nếu Tưởng có vẻ đầu hàng Nhật thì Mao chứ không còn ai khác nữa, sẽ xuất hiện, thành niềm hi vọng duy nhất, vị cứu tinh của Trung Hoa.

Quân chánh qui Quốc Dân đảng đã hoàn toàn thất bại. Tháng chạp năm 1937, Tưởng ra lệnh chống cự ở Nam Kinh, và chỉ duy có lần đó, ông tung ra mặt trận những đoàn quân thiện chiến nhất của chính ông, mà bị tiêu diệt. Sau khi Nam Kinh thất thủ, ông không muốn đưa quân của chính ông ra nữa. Tháng 10 năm 1938 ở Vũ Hán, ông lại ra lệnh phải chống cự, nhưng thị trấn đó đã đầu hàng... Bây giờ đây quân Nhật chiếm hết miền duyên hải, các đường xe lửa, các thị trấn lớn, trừ những tỉnh cực tây và những căn cứ của Hồng quân.

Trên mặt trận cộng sản, người ta dùng một chiến lược khác: chiến tranh du kích, chiến tranh hao mòn do Mao Trạch Đông vạch ra qui tắc. Ở Tây Bắc, mùa thu 1937, Lâm Bưu thắng được trận quan trọng nhất ở Pin Hing Luouan, trong giai đoạn đầu của chiến tranh. Cuộc đại thắng đó làm thay đổi diễn tiến của chiến tranh ở Hoa Bắc, vì chặn được quân Nhật vô miền Tây Bắc mà

bảo vệ được một miền mênh mông, đồng thời tạo được một căn cứ cho kế hoạch dài hạn len lỏi vào hậu tuyến Nhật. Mãn Châu sau này thành ra khu chiến lược chủ yếu trong cuộc nội chiến ở Trung Hoa cuối thế chiến thứ nhì, năm 1945.

Cuối năm 1938, Diên An, căn cứ chính của Hồng quân, không phải chỉ là một đồn điền mà thôi, nó đã thành một ngọn đèn rực rỡ, tỏa tinh thần ái quốc nồng nhiệt thu hút các sinh viên, các nhà trí thức khắp nơi ở Trung Hoa. Nếu Tưởng nhượng bộ Nhật thì nhất định là uy tín của Diên An sẽ lôi cuốn toàn dân Trung Hoa.

*

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1937, Nhật thấy sức kháng cự của Trung Hoa mạnh lên, bèn tấn công Lư Câu Kiều, cách Bắc Kinh khoảng mười cây số. Đạo quân 29 tự ý phản công liền, trong khi Tưởng ở một nơi trong miền núi, do dự luôn mấy ngày, thảo luận với các công chức và quân nhân cao cấp xem nên đánh hay không. Nhưng tại Diên An, căn cứ cộng sản, mọi người đã bị động viên để kháng chiến, và khắp Trung Hoa, dân chúng hô hào phải viện trợ thật nhiều cho đạo quân 29, và đòi thành lập một mặt trận thống nhất với Hồng quân ở Diên An. Lần này quân đội Trung Hoa kháng Nhật sẽ không để cho chính viên tổng tư lệnh cho họ: Tưởng Giới Thạch, phá ngầm như những năm 1931-32, 33 nữa, ngày 17 tháng 7 Tưởng đưa ra một báo cáo gồm bốn điểm, bảo rằng đã

tới "giai đoạn cuối cùng" Trung Hoa phải *«chiến đấu tới cực độ nếu không thì vĩnh viễn bị tiêu diệt"*. Mao Trạch Đông cho rằng đã từ mấy năm nay mới nghe được Tưởng tuyên bố một lời hợp chính nghĩa về mặt ngoại giao". Nhưng mãi tới ngày 22 tháng 9, nguyên tắc Mặt trận Thống Nhất mới được phê chuẩn, mặc dầu Cộng sản đã đề nghị từ một năm trước và toàn thể dân tộc Trung Hoa đều hưởng ứng tháng 8 năm 1938, Hồng quân tổ chức lại thành đệ Bát lộ quân gồm 40.000 người, mà 30.000 người rời Diên An để đi đánh Nhật.

Vậy là hai lực lượng bề trong chống đối nhau, đã cùng nhau kháng Nhật. Lực lượng thứ nhất là Hồng quân do Mao Trạch Đông thành lập, đã được cuộc Vạn lí trường chinh [1] tôi luyện, và tự khi quân Nhật xâm chiếm Mãn Châu, đã thành cái biểu tượng mỗi ngày mỗi lớn của tinh thần đoàn kết, thống nhất, tinh thần kháng Nhật và cải tạo xã hội.

Còn lực lượngg kia là chính quyền Tưởng Giới Thạch xây dựng trên Quốc Dân đảng. Một đám chủ ngân hàng, chủ điền, và quân nhân do hoàn cảnh đoàn kết với nhau thành một thứ bá quyền có rất nhiều quân đội và một tổ chức mật vụ mỗi ngày mỗi mạnh.

---

(1) Năm 1934, phe cộng bị Tưởng tấn công, phải bỏ Giang Tây chạy lên Thiểm Tây. Cuộc triệt thoái đó kéo dài non một năm, vượt 12.000 cây số, qua 11 tỉnh, sau cùng đầu năm 1936 họ lập chính phủ ở Diên An, cuộc triệt thoái đó trong sử gọi là cuộc *«Trường hành"* hoặc *«Trường chinh"*.

Ngay từ buổi đầu đã có hai mặt trận và hai chiến trường. Hai đạo quân đương đầu với bọn Nhật xâm lăng ở nhiều nơi, mỗi đạo quân hoạt động theo một lối, theo tổ chức, truyền thống chính trị cùng kinh nghiệm chiến đấu của mỗi bên. Tới cuối chiến tranh, vẫn còn hai đạo quân, hai mặt trận, hai chiến trường, nhưng sự quân bình về uy lực đã thay đổi, nghiêng về phía Hồng quân hơn là về phía Tưởng.

Khẩu hiệu của du kích đỏ là: "Len lỏi vào trong hậu tuyến địch, phá đường giao thông, tổ chức đại chúng, huấn luyện cho họ có ý thức về chính trị, để cho du kích quân sống được trong dân chúng như cá trong nước, mà địch không dám tin cậy ai nữa". Tập *luận về chiến tranh trường kì kháng Nhật* do Mao Trạch Đông viết, chứa tất cả những nguyên tắc chiến lược và chiến thuật áp dụng để chống Nhật từ 1937-1945.

Cuộc thắng trận của Lâm Bưu ở Ping Hing Kouan chẳng những mở đầu cho cuộc xâm nhập của quân du kích và cuộc nhân dân kháng chiến ở sau lưng địch mà còn ngăn Nhật tiến vô miền Tây Bắc, lại củng cố mặt trận thống nhất, ít ra là bề ngoài: nhóm thân Nhật ở chung quanh Tưởng không thể đòi thương thuyết với Nhật nữa, các cán bộ đào tạo trong khu cộng được tung vào phía sau lưng địch, các nhà tổ chức quần chúng từ Diên An tủa vào các đồng quê để thành lập các hội nông dân, sinh viên, thương nhân, phụ nữ, thiếu nhi kháng Nhật, để tạo những đoàn thanh niên du kích và những đoàn quân tự vệ già và trẻ; như cá lội trong biển, chúng ta tự

do đi đi lại lại giữa dân chúng: chúng ta tổ chức huấn luyện dân chúng thì tự nhiên tụi phản quốc bị tiêu trừ, chúng ta dựa vào lòng dân".

Từ tháng 10 năm 1938, Đệ bát lộ quân đã hoạt động mà làm cho hai mươi sư đoàn Nhật không tiến được nữa.

Nhưng mặt trận thống nhất vẫn bấp bênh. Tám tháng sau khi thành lập, tất cả các tổ chức thanh niên tiến bộ phải ghi tên, tới tháng 7 năm 1938, nhiều tổ chức lại bị cấm chỉ, tất cả các sinh viên bắt buộc phải nhất loạt chuyển qua Đoàn thanh niên Tam dân chống cộng, thành lập ngày 16 tháng 6. Tưởng Giới Thạch đọc một diễn văn về "Trách nhiệm của Thanh niên Trung Hoa". Bộ Giáo dục quyết định rằng các sinh viên đại học là những nhân tài rất quí cho quốc gia, không thể đem hi sinh phi phạm cho chiến tranh mà phải "để dành sau này dùng vào việc kiến thiết quốc gia." Sự thực đó đủ là chính sách động viên thanh niên để chặn ảnh hưởng cộng sản.

Giữa tháng 10 năm 1938, Chu Đức, Tổng Tư lệnh Hồng quân, cùng với Chu Ân Lai bay lại Vũ Hán đề nghị "thực hiện kế hoạch Mặt trận thống nhất một cách tốt đẹp hơn". Tưởng Giới Thạch đòi cho Hội Đồng quân lực của ông ở Trung ương có quyền kiểm soát Hồng quân, nhưng cuộc đàm phán không có kết quả.

Tháng 11 năm 1938, Mao Trạch Đông hay tin Quốc Dân đảng muốn phản bội, không cho Mặt trận thống nhất thành một tổ chức hữu hiệu, bèn đọc một diễn văn nổi danh nhấn mạnh vào sự cần thiết phải thận trọng võ

trang: "Từ năm 1911, tất cả bọn quân phiệt đều coi quân đội như sinh mạng của họ và chú trọng vào qui tắc này: kẻ nào nắm được quân đội là nắm được quyền hành. Tưởng Giới Thạch cũng coi quân đội như sinh mạng ông ta. Ông ta tạo một đạo quân trung ương lớn lao với mục đích phản cách mạng... Ông ta trung thành với qui tắc căn bản, nắm được quân đội là nắm được quyền, và chiến tranh quyết định được hết thảy... Về điểm đó, ông đã cho chúng ta một bài học. Đây là then chốt của vấn đề; nội chiến và diệt Cộng hay tiếp tục kháng Nhật? Tháng 11 năm 1938 ở Nanyu, nhiều người tán thành phải chống Cộng trước hết, hòa giải với Nhật thành lập một liên minh Hoa Nhật diệt Cộng. Hà ứng Khâm và Uông Tinh Vệ lập lại thuyết của bọn quân phiệt Nhật, bảo rằng: "Một trăm năm nữa, Nhật Bản và Trung Hoa sẽ đoàn kết, chỉ còn là một quốc gia và chúng ta sẽ thực sự làm chủ Châu Á". Trước hai chủ trương trái ngược nhau đó, Tưởng theo một chính sách bề ngoài là tiếp tục kháng Nhật, nhưng sự thực thì chuẩn bị cho một sự quốc tế hóa chiến tranh, để được hưởng cái lợi chiến thắng mà đồng thời Hồng quân sẽ mệt mỏi, Tưởng sẽ diệt được căn cứ Diên An của Mao Trạch Đông...

Do đó có khẩu hiệu "đổi không gian lấy thời gian" nghĩa là bề ngoài tiếp tục chiến đấu mà vẫn không bỏ hẳn các cuộc thương thuyết với Nhật, đồng thời ngăn không cho Hồng quân lớn mạnh lên.

Ngày 12 tháng 11 ở Nanyu, người ta quyết định như vậy.

Hôm sau, Tưởng và vợ bay vô Trùng Khánh "kinh đô của Trung Hoa tự do", theo sau là các nhân viên cao cấp, còn Bộ tổng tham mưu thì ngày 14 ngồi xe lửa xuống Quế Lâm, từ đó sẽ tới Trùng Khánh sau. Thấy quyết định tiếp tục chiến đấu đó, tôi hăng hái, vui thích quá, viết: *«Hễ còn một Trung Hoa đầy sinh khí (nói theo giọng Tưởng Giới Thạch) thì chúng ta không chịu thua sức mạnh... không gì thắng nổi chúng ta... và Trung Hoa sẽ còn được tự do".*

Tôi đâu có biết rằng lời thách đố đó chẳng có gì là anh dũng cả, trái lại chỉ là những tính toán kĩ lưỡng, những bội tín khéo sắp đặt... Niềm vui của tôi là một ảo vọng, mà đa số những người thành thực tin rằng Tưởng có ý kháng Nhật thật, cũng vỡ mộng như tôi.

Đề nghị hòa giải với Nhật mà không thành, Uông Tinh Vệ [1] cũng tới Trùng Khánh. Ở dưới bóng của Tưởng Giới Thạch, ông ta chẳng có nhiệm vụ nào cả Tháng chạp năm 1938, ông ta được phái đi diễn thuyết ở trường Võ bị Côn Minh, người ta cho ông sử dụng một phi cơ. Tai Lee, thủ lĩnh tổ chức "Sơ-mi-lam" và cố vấn của Tưởng, ra phi trường tiễn Uông. Uông thấy cơ hội tốt quá để trốn thoát bằng phi cơ. Ông thoát khỏi Côn Minh tới Hà Nội, Tưởng phái mật vụ tới Hà Nội để ám sát Uông, nhưng chỉ giết được viên bí thư của Uông. Từ Hà Nội Uông tới Thượng Hải, được quân Nhật tiếp rước trọng thể, và năm 1940 đưa lên hàng tổng thống một chính phủ Hoa Nam

---

(1) Còn gọi là Uông Triệu Minh.

dưới sự kiểm soát của Nhật, kinh đô ở Nam Kinh, Nhật còn một tên bù nhìn nữa, Ying Jou-Keng, tổng thống một chính phủ Hoa Bắc, kinh đô ở Bắc Kinh, còn Mãn Châu thì từ năm 1934, Nhật đã biến thành một quốc gia tách ra khỏi Trung Hoa, đón Phổ Nghi, ông vua cuối cùng của nhà Thanh bị cách mạng 1911 truất ngôi cho làm hoàng đế Mãn Châu quốc.

Vài nhà quan sát Âu Tây cho sự "trốn thoát" của Uông Tinh Vệ là một mưu kế, một thủ đoạn của Tưởng Giới Thạch đưa Uông qua với bọn Nhật để Uông mang cái danh ô nhục là phản quốc... Đời Uông Tinh Vệ, một con người hoạt đầu có tài mà vô sỉ, tới đó kể như là hết. Có một tấm hình chụp hắn được tướng Nhật Toyama tiếp và giao cho một thanh gươm. Trong buổi lễ đó, hắn bận lễ phục Âu, đội một cái nón nỉ cao và đeo găng trắng.

*

Trong ba năm sau, mặt trận do quân của Tưởng Giới Thạch đóng, được yên tĩnh, cho tới năm 1944, không có cuộc đại tấn công nào của Nhật, chỉ là những trận nhỏ đánh vào các đội quân địa phương, và chắc chắn là không hề có một cuộc xáp chiến nào giữa một đạo quân hơi quan trọng của Nhật với những sư đoàn được bảo vệ rất kĩ của Tưởng. Quân Nhật đem phần lớn lực lượng lên mặt trận của Cộng mà căn cứ lớn là Diên An.

Từ đầu năm 1939, Quốc Dân đảng không tiếp tế khí giới, tiền bạc, quân nhu cho Đệ Bát lộ quân của Cộng

sản như đã ghi trong hiệp ước. Năm 1935 Tưởng đã bổ nhiệm Hồ Tôn Nam, một sĩ quan ông cho là có tương lai nhất lên tỉnh Cam Túc ở miền Tây Bắc. Năm 1937, Hồ Tôn Nam được quyền cai trị cả miền Tây Bắc và từ năm 1939 đến 1945, Hồ dựng một hệ thống vĩ đại, phong tỏa Diên An, gồm hầm, hào, hàng rào dây kẽm gai, đồn lũy, không khác chiến lũy Maginot (của Pháp trước thế chiến thứ nhì). Những khí giới tốt nhất, những sư đoàn thiện chiến nhất (500.000 quân) và bao nhiêu đồ tiếp tế tốt nhất do Nga Sô rồi Mĩ sau này gởi qua, đều dành cho Hồ Tôn Nam hết, để chuẩn bị cuộc chiến duy nhất mà Tưởng thực tâm muốn phát khởi, là cuộc chiến tranh diệt Cộng, quân của Hồ tuyệt nhiên không giao chiến với Nhật.

Cuộc hội nghị Nanyu, thảo kế hoạch dài hạn đó phải giảm bớt các cấp bậc đi cho bớt kềnh càng. Do đó mà những sĩ quan trẻ cựu sinh viên Hoàng Phố, những nhân vật mật vụ và bọn sơ mi lam được lên cầm quyền và những người như Pao được thăng chức rất mau.

Chiến dịch thanh toán những phần tử tiến bộ lại tiếp tục trở lại. Đầu năm 1939, người ta khai trừ một số nhân viên trong Cục bộ chính trị của Hội Đồng Quân Lực quốc gia, trước kia tạo ra để "hợp nhất" tất cả các người ái quốc, Phòng Ba, tức Phòng Tuyên truyền, trước dùng vài nhà trí thức phe tả như Quách Mạt Nhược, bây giờ bị dẹp. Chu Ân Lai, đại diện cộng sản liên lạc với Hội đồng quân lực, bị tước hết chức vụ thực sự. Người ta thảo những chỉ thị mật về cách cô lập bọn "phản quốc có tư tưởng nguy hại". Người ta lục soát trở lại các tiệm

sách... Tháng ba năm 1939, vài sĩ quan của Đạo quân số 4 mới thành lập (Cộng sản) bị bắt và chôn sống... ở Tứ Xuyên, có những gia đình sĩ quan cộng bị mật vụ giết... Sự kiểm duyệt mỗi ngày mỗi thêm nghẹt thở, báo chí bị khớp mỏ, Từ đó trở đi, Mặt Trận Thống Nhất hữu danh mà vô thực.

*

Vậy là Tưởng theo chính sách tạm thỏa hiệp, nhượng bộ Nhật hi vọng được các cường quốc phương Tây viện trợ, lung lạc các nhóm chỉ huy, dùng quyền lợi tài chính trước mắt mà diệt Cộng trong một cuộc nội chiến.

Tháng chạp 1938, Cộng sản đã thành lập được vài căn cứ kháng Nhật quan trọng ở miền Bắc và hai căn cứ phụ ở Hoa Bắc, sau cuộc chiến thắng của Lâm Bưu ở Bình Hình Quan, hai căn cứ rộng lớn được thành lập ở Sơn Tây và trong dãy núi Đại Hùng.

Ở Hoa Trung, căn cứ của đạo quân thứ tư, đã bắt đầu hoạt động.

Ở Hoa Nam, sau khi Quảng Châu thất thủ (tháng 10 năm 1938) họ thành lập một đội du kích chống Nhật, tức đội quân Châu Giang. Thành phần cốt cán gồm những du kích quân mười một năm trước, năm 1937, đã dự vào những cuộc chiến đấu của thị xã Quảng Châu trong những ngày mà Chu Ân Lai, Yeting, Chu Đức và vài người khác đã can đảm chống cự những kẻ thù đông hơn nhiều. Quốc Dân đảng đã trả thù vụ đó một cách rùng rợn, vậy

mà một số chiến sĩ Quảng Châu cũng trốn thoát, ẩn náu được, bây giờ họ tái xuất hiện, hợp với các sinh viên, thợ thuyền, các người Trung Hoa hải ngoại hồi hương do ngã Hương Cảng, thêm một số quân Quốc Dân đảng trụ lại sau (khi Quảng Châu đã bị Nhật chiếm) và một số người tình nguyện, ngay ở Quảng Châu nữa. Họ đào những khí giới đã chôn cất lên, cướp khí giới của bọn lính đào tẩu và thành lập đội du kích Châu Giang. Mới đầu họ chỉ có tám cây súng dùng được làm cho tụi Nhật không lúc nào được yên. Tới cuối năm 1939, họ đã giải phóng được một khu gồm 200.000 dân.

Một nhóm cộng thành lập ở đảo Hải Nam và duy trì được tới hết chiến tranh. Sau khi quân Nhật chiếm đảo đó ngày 10 tháng 2 năm 1939, nhóm đó bị thiệt hại, nhưng không bao giờ ngưng chiến đấu.

Từ 1939 đến năm 1945, hai phe, hai chủ trương (Quốc Dân đảng và Cộng sản) tranh nhau quyết liệt phần thắng. Và chiến tranh nhân dân thực hiện được những thành tích phi thường: dân chúng được động viên, huấn luyện, có ý thức về chính trị, đã như nước với cá - du kích - hết thảy, đàn ông, đàn bà, trẻ con đều thành những chiến sĩ và họ đã thắng.

Thời đó có một bài hát đề cao sức mạnh của du kích quân như sau:

Chúng ta đều là tay thiện xạ,
Mỗi viên đạn trúng một tên địch.

Chúng ta là một đạo quân có cánh,
Không sợ núi cao sông sâu.
Trong rừng rậm, khắp nơi,
Chỗ nào cũng ẩn nấp đồng chí.
Trên các ngọn núi cao cheo leo,
Có vô số anh em của chúng ta.
Chúng ta không có thức ăn quần áo,
Thì đã có địch cung cấp cho chúng ta.
Chúng ta không có súng đạn,
Thì đã có địch chế tạo cho chúng ta dùng.
Chúng ta sinh đẻ trên đất này,
Mỗi tấc đất là của chúng ta.
Kẻ nào muốn lại xâm chiếm,
Thì chúng ta sẽ kháng cự tới cùng.

Nhưng không có một bóng dáng du kích quân nào cả khi đoàn tham mưu của Tưởng Giới Thạch rời Nanyu trong cảnh hỗn độn, lúng túng, bề bộn dụng cụ, đồ đạc, văn thư, quần áo, đùm đề gia đình gồm mấy trăm phụ nữ (trong số đó có tôi). Thật là một đám cồng kềnh, lộn xộn, léo nhéo chạy tán loạn. Hôm nay, tôi còn nhớ tới những người ở lại, nhớ còn rõ hơn là nhớ những tướng tá, tôi nhớ người bồi trẻ giúp đỡ chúng tôi, rất ân cần mà rất ngây thơ, nhớ ông lão ít ngây thơ hơn, vừa quét sân vừa hát: "đứng lên đi..." Có thể họ ở trong đoàn du kích. Tôi mong rằng năm 1944, khi quân Nhật tiến vô Nanyu thì họ thành du kích quân.

4

25 tháng 11 năm 1938

Thưa Bác Hers,

Sau vài trận dội bom của quân Nhật, chúng cháu đã rời Nanyu ngày 16 tháng 1 và đã tới Quế Lâm. Xe lửa đi lâu quá, may mắn làm sao, chúng cháu kiếm được một phòng nhỏ ở Quế Lâm. Cơ hồ như ai cũng lại đây tị nạn. Người ta bảo: «Đọc lại sử Trung Hoa thì sẽ biết cái gì sắp xảy ra «Như vậy là nghĩa làm sao? Thường thường người ta nghĩ tới tỉnh Tứ Xuyên có lẽ lần tản cư sau, người ta đi Tứ Xuyên, tức là Trùng Khánh... Cháu đương tìm hiểu về dân tộc cháu, quê hương cháu. Hành lí quả là cả một vấn đề, cháu liệng thêm ít quần áo đi nữa, được rảnh lúc nào cháu học lúc nấy...

Thật là chán nản, ghê tởm, sự hỗn độn dơ dáy trên xe lửa từ Nanyu tới Hành Sơn và từ Hành Sơn tới Quế Lâm. Mà thật là đáng nổi dóa lên, cái cảnh hành lí của các sĩ quan và gia đình họ chiếm biết bao chỗ trong các toa, còn dân tị nạn thì chồng chất trên nóc toa, chịu mưa chịu nắng, trong lúc mệt mỏi, mê man, té từ nóc toa xuống - có kẻ hấp hối vì một bệnh truyền nhiễm, hoặc bệnh sốt rét, và bị người khác xô xuống đường, có kẻ lại chỉ vì muốn tiêu tiểu nhưng yếu quá, không vịn chắc mà thiệt mạng.

Tại ga nào, cũng có lố nhố một biển đầu người và thân thể chen chúc nhau đợi xe, họ lúc nhúc lấn ra tới cả ngoài hàng rào của nhà ga, xô nhau chiếm sân ga, leo lên xe, bị quất, đập, gạt ra, đẩy lui lại, mà vẫn cứ ùn ùn trở lại nữa. Từng đoàn phu gánh các hồ sơ, văn thư của bộ tham mưu trong những cái thúng lớn, nối gót nhau kéo đi thành hàng dài bất tuyệt như con rết khổng lồ.

Chuyến xe leo dốc, ngừng lại hàng giờ, hàng ngày. Chúng tôi ở bốn ngày bốn đêm trong một lẫm lúa của một nông dân giàu có (giàu theo mức sinh hoạt Trung Hoa chẳng có gì cao lắm), trong khi ngủ, chuột chạy trên người chúng tôi, cái đó có đáng kể gì đâu, còn cả triệu nông nổi như vậy nữa, và phước đức lắm đấy mới khỏi chết ở dọc đường. Rồi mưa xối gió quất, cũng là một cái phước nữa vì đỡ được những cuộc dội bom gần như xảy ra hàng ngày.

Bốn ngày trú trong trại ruộng đợi xe, Pao và tôi không gây lộn nhau. Sau cùng xe tới, chúng tôi cùng với hàng ngàn người khác, xô nhau, níu kéo nhau, tranh nhau lên xe, có kẻ leo lên nóc, có kẻ bíu vào cửa sổ. Ngồi trên xe chưa được một ngày, Pao lại bắt đầu lớn tiếng chửi mắng tôi, chẳng kể có người ở xung quanh. Toa chứa 87 hành khách, chúng tôi ngồi trên một cái băng hẹp đối diện với chúng tôi là hai người khác, năm ngày như vậy, thành thử người ta nghe thấy, trông thấy hết. Tại sao trước mặt bao nhiêu người như vậy mà Pao gây với tôi? Sau này, ảnh có vẻ như lựa những nơi công cộng như khách sạn, công viên để la tôi, có khi đánh đập tôi nữa.

Anh hét lớn, mắng tôi là vô luân, không trinh tiết, và tôi làm hại lớn cho tiền đồ của anh vì tôi lai Âu.

- Anh giảng với 85 hành khách khác như vậy. Rồi anh ôn lại tất cả những đức cần để cứu quốc: Lễ độ, chính trực, liêm khiết, tự trọng, trung thành, nhân ái. Thực là quái dị, hơi khôi hài nữa trong chỗ đó, nhưng tôi không cười được. Rồi anh bảo rằng những người nền nếp như anh luôn luôn trung thành, mà Trung Hoa cần có những người như vậy, còn tôi làm mất "thể diện" của Trung Hoa, sở dĩ Trung Hoa lâm nguy như ngày nay chính là vì những kẻ như tôi.

Sau mấy giờ rầy la vô lí như vậy, nước tiểu của một người tị nạn ngồi trên nóc xe nhỏ giọt xuống người tôi. Tôi la lên: "Đấy, coi dân chúng của anh đấy, ở trên nóc toa ấy". Anh nổi quạu leo lên nóc đánh đập người ta. Và lúc đó, tôi mới cảm thấy rằng mình quả có tội.

Bây giờ nhớ lại, mấy năm đời công chức của anh lên như diều, thì tôi thấy những lời anh trách tôi đó quả là lố bịch, anh vừa ngại tôi vừa chê tôi cả về thể xác lẫn tâm hồn, mà lại say mê tôi, lòng oán và tình yêu đó cột anh vào với tôi, hành hạ anh và anh phản ứng lại bằng những cơn âu yếm đến cực độ mà cừu thị cũng cực độ. Thành thử anh đau khổ ghê gớm, đau khổ một cách thành thực mà vô ích, nhất là không có chút tinh thần hài hước nào cả, anh bị chìm đắm trong cái bi kịch thăm thẳm nửa yêu nửa oán đó. Sau khi khóc chán vì sự tàn nhẫn quá mức của anh, tôi bật cười, và anh cảm thấy bị xúc phạm

dữ dội... Không có gì làm cho anh bị xúc phạm bằng...

Chuyến xe tiếp tục chạy về Quế Lâm, thời khắc trôi qua, và Pao thuyết hoài, gần như điên, về đức hạnh, về truyền thống, tới khi mệt lử mới thôi.

Lúc đó mới chỉ là đầu *«mùa hè bi thảm*" của tôi, và năm ngày sau, khi xe tới Quế Lâm, chúng tôi lảo đảo bước xuống, tôi gần như ngây ngây dại dại, còn Pao thì bây giờ mới làm thinh, không "thuyết" nữa, nhưng làm thinh không lâu. Kế đó là hai tuần lễ ở Quế Lâm, thị trấn tỉnh Quảng Tây, phong cảnh ở đây đẹp nhất thế giới, núi ở đất đâm vọt lên trời và có nhiều hang động, dòng sông như ngọc lam, ngọc bích, dợn lên những mỏm đá, cuồn cuộn chảy,.chim bói cá bay lượn, bộ lạc Miêu, đàn bà lực lưỡng, siêng năng đeo vòng và xuyến bằng bạc, đàn ông coi lịch sự trong bộ áo nút bạc, Quảng Tây được khen là một tỉnh "kiểu mẫu" do hai nhà quân phiệt Lí Tôn Nhân và Bạch Sùng Hi cai trị, họ đôi khi không đồng ý với Tưởng Giới Thạch nhưng lúc đó vì chiến tranh mà ủng hộ Tưởng. Sau khi chúng tôi tới, một hôm Nhật dội bom xuống Quế Lâm, và đám đông hoảng hốt, chen lấn nhau qua cầu để núp trong các hang, xô đẩy tôi và tôi té xuống sông, Pao vớt tôi lên.

Thế là tôi lại lệ thuộc Pao, hối hận... vì lòng ái quốc vì mang ơn anh, vì hôn nhân và tình ái, tôi không rời anh được.

Ở Quế Lâm tôi thường thơ thẩn, vô các tiệm sách mua sách cũ đem về nhà: *thơ*, *Tam Quốc Chí*... Tôi tập

viết. Pao không cho tôi đọc tập thơ; “Em không nên đọc những thứ này, em đã lãng mạn quá rồi”, và chỉ cho tôi đọc bộ *Tam Quốc Chí,* bộ truyện mà anh biết kĩ vì anh thường tự ví mình với một hai nhân vật trong truyện, đặc biệt là về đức trung quân.

Cuối tuần lễ đầu ở Quế Lâm, ngày nào chúng tôi cũng bị Nhật dội bom, núi và hang là những chỗ trú ẩn tự nhiên rất tốt. Nhưng tránh được bom thì lại không tránh được những lời thuyết giáo nghiêm khắc và thái độ tàn nhẫn mới phát sinh của Pao. Dù tôi muốn hay không, thì anh cũng phải cải thiện, nhồi nặn lại tôi... Tôi chịu nhường, chịu nhịn, khóc lóc, ăn năn, mà anh cũng không tha, cứ một mục “thuyết” hoài thuyết hủy... như cái máy phóng thanh mà tôi không sao nhận nút hãm được... và rốt cuộc anh cũng không thay đổi được tôi.

Quế Lâm, 25 tháng 11.

Thưa Bác

Cháu đã viết thư cho ông ngoại cháu, nhưng không viết cho anh Louis, cháu sẽ thưa tại sao. Cháu muốn tiếp tục học thành bác sĩ, và cháu đã có lỗi thân mật quá với một người ngoại quốc... Anh Pao bảo cháu bây giờ có cơ hội gây lại thanh danh... Anh đã biết tất cả dĩ vãng cùng những lầm lẫn, tội lỗi của cháu. Chúng cháu còn trẻ, có thể làm việc, Trung Hoa cần bọn cháu... Ảnh bảo Ảnh muốn cháu thay đổi, học hành, đọc các sách cổ, lịch sử... Ảnh bảo chúng cháu phải lập kế hoạch, cháu phải thành y sĩ... Ảnh bảo thanh niên Trung Hoa cần những vị thủ

lãnh, và nếu người ta cho anh cơ hội thì anh có thể thành thủ lãnh được. Ảnh bảo muốn cháu trở về Châu Âu để được yên ổn, nhưng cháu không muốn đi, cháu có nhiều điều phải học về tổ quốc của cháu... Dĩ nhiên chúng cháu đương gặp cơn quẩn bách... Sống chung với một đám người, không có phương tiện chuyên chở, có lẽ phải đi bộ tới Trùng Khánh, nhưng cháu không sợ cảnh đó, Cháu mạnh lắm. Pao bảo ở Trung Hoa, nếu không được người che chở thì cháu không có hi vọng nào tự tạo một địa vị được, cháu là đàn bà, có nét mặt lai và có dĩ vãng như vậy. Ảnh mê cháu lắm, muốn che chở cháu. Cháu có thể giúp đỡ anh rất nhiều vì anh cần có một người vợ nói được ngoại ngữ, mà ảnh có thể dắt theo trong các cuộc tiếp tân được, ảnh bảo vậy...

Bức thư lời lẽ lộn xộn đó cho thấy rõ tham vọng của Pao ở đâu và vì những lí gì mà anh giữ tôi lại, bây giờ đọc lại, tôi hiểu tâm lí anh, hiểu tâm thần hoảng hốt, mờ ám của tôi, và hiểu một khi anh đã uốn nắn tôi thành người vâng lời, dễ bảo để anh sai khiến thì tôi sẽ phải phục vụ tham vọng của anh ra sao?

*

Đầu tháng chạp chúng tôi rời Quế Lâm, tiếp tục cuộc hành trình bằng xe buýt theo những đường núi xuyên qua các tỉnh Quảng Tây và Quí Châu để tới Tứ Xuyên. Tôi nói với Pao: "Tứ Xuyên là quê bên nội em, em có họ hàng ở đó". Chúng tôi đi qua những miền lạc hậu ở sâu

trong nội địa mà rất ít người ở miền biển đặt chân tới. Có những khu gồm toàn những dân tộc thiểu số như Miêu, Dao, Lolo, sống trên những đồi núi cao và thường đánh nhau với người miền đồng bằng. Họ to lớn, nước da đỏ, ăn lúa đen, mắt nhìn trừng trừng và dữ, săn bắn và trồng lúa, có bộ lạc còn ở trình độ dã man, có bộ lạc còn giữ những di tích của chế độ mẫu quyền. Vậy chúng tôi đi qua miền Tây Nam mênh mông, càng tiến thì càng thấy cảnh nghèo khổ ghê gớm, nó đè nặng lên thể chất làm đọa lạc tâm hồn con người một cách tàn nhẫn, hiển nhiên tới nỗi Pao phải nhận thấy, nhưng lại cho là tại "họ thiếu đạo đức". Có những kẻ vật vờ, có những làng bỏ trống trong những khu rừng núi tan tành vì thác đổ, và chỗ nào cũng có thuốc phiện.

Chính trong cuộc hành trình đó Pao bị các bạn trêu chọc. Buổi tối, khi chúng tôi ngừng lại để ăn, họ lớn tiếng chỉ trích, nét mặt của tôi: "Rõ ràng là lai". Ai mà không thấy nét mặt tôi là lai Âu! Nhưng tôi không cãi anh, còn anh thì nổi quạu với tôi, như thể tôi chịu trách nhiệm về nét mặt của tôi vậy!... Nhưng cuộc hành trình mệt quá chừng, và chỉ nội cái việc phải giữ gìn sức khỏe để sống sót trên con đường ngoằn ngoèo chữ chi, nghiêng về một phía đó, trong chiếc xe buýt chạy hết tốc lực, qua đèo qua suối, lắc lư, dằn xóc đó cũng đủ làm cho tôi quên ngay được những lời xúc phạm của các hành khách khác.

Các anh em kết nghĩa của Pao ngoài miệng thì thuyết về tình huynh đệ, mà thực tâm thì tranh đấu với nhau để

“thành công”, tìm mọi cách phá hoại tiếng tăm của nhau, nói xấu nhau để làm nổi bật mình lên. “Có hai cách thành công: một là tự xây dựng tiếng tăm của mình, như một ngọn núi, mà leo lên tới đỉnh, một cách nữa là đào những cái bẫy để cho tất cả những kẻ kình địch rớt xuống, mà chỉ còn riêng mình là có vẻ không có khuyết điểm nào cả”. Họ thường nói như vậy và “cách thứ nhì dễ thực hành hơn cách thứ nhất”. Tạo tiếng tốt cho mình, hoặc gây tiếng xấu cho người khác, hoặc làm cho người mất mặt, chủ yếu của quỉ kế trong xã hội là ở đó, kĩ thuật leo lên địa vị cao, chiến lược và chiến thuật làm mòn sức, kẻ kình địch để cho mình thành công là ở đó. Bọn “anh em kết nghĩa” đó khoái chí ra sao khi kể với nhau những chuyện để hạ uy tín của các anh em vắng mặt! Pao cũng cười với họ, và tôi nghĩ bụng: “Hễ vắng mặt ảnh thì họ lại nói xấu ảnh và mình”. Trong chiếc xe buýt, thói giả dối, như một xú khí, bao quanh chúng tôi suốt ngày, suốt đêm... làm cho tôi sững sờ, tưởng như không sống trong cảnh thực nữa, không có tôi nữa, chỉ có cảnh đẹp và hùng vĩ của miền bị tàn phá chúng tôi đi qua là bình tĩnh...

Ngồi cạnh nhau mà rất ít khi họ giúp nhau, chỉ suốt ngày châm chọc nhau, châm chọc Pao và tôi. Vợ họ nhã nhặn muốn gợi chuyện với tôi. Tôi đưa ý kiến. Họ ngồi nghe ra vẻ có thiện cảm, rồi thình lình quỉ quyệt đập tôi một vố chí tử... làm sao đàn bà mà lại có kiến thức kì cục như vậy được... và lời mạt sát đó làm cho lòng thật thà của tôi tắt phụt đi, và Pao lại bồi thêm cho tôi nữa.

Bây giờ tôi mới hiểu thế nào là ngầm phá tinh thần

người khác. Tuy chẳng có gì mà hậu quả thật tai hại như giọt nước đều đều nhỏ xuống trán ta hàng giờ liên tiếp, như lối hình phạt bằng kim đâm, và bây giờ tôi thấu được nỗi đau khổ ghê gớm của những kẻ bị chỉ trích dai dẳng, nhai nhải hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần, rốt cuộc phải tự tử. Tôi nghĩ bụng: "Tới Tứ Xuyên sẽ dễ chịu hơn... Tới đó mình có họ hàng..."

Dọc đường từ Trùng Khánh, chúng tôi gặp một chiếc cam nhông đi trước chúng tôi, chở các sĩ quan trẻ với hành lí của họ. Chúng tôi đuổi kịp họ và thấy chiếc cam nhông lật bên lề đường. Như mọi tài xế khác, người lái xe đó cho xe chạy như điên như gió cuốn, để từ đỉnh núi băng xuống làng xóm trong thung lũng, và tới một khúc quẹo, trơn vì mưa lất phất, chiếc xe sụp vào một ổ gà. Không có ai bị thương, các sĩ quan ở trong xe chỉ bị lắc mạnh thôi, vài cái chén dĩa bị bể, vài đồ nấu bếp văng ra ngoài giỏ... vậy mà bọn sĩ quan trẻ đó cùng nổi cơn điên, uất hận vì một cơn kinh hoảng và mất thể diện, hè nhau lượm những mảnh, những phiến đá từ sườn núi rớt xuống vì mưa, bão, liệng túi bụi vào người tài xế tới chết mới thôi.

Xác chú ta còn nằm trơ trơ trên đống đá, khô lần lần rồi, chiếc cam nhông vẫn đưa bốn bánh lên trời như một con quái vật đã chết. Bọn sĩ quan trẻ đợi chiếc xe chúng tôi tới. Chúng tôi chỉ chở được dăm ba người thôi, còn thì phải đợi chiếc xe sau.

May thay, tới đó chúng tôi tìm được một làng cách

chỗ đó vài ba cây số một làng ghê tởm, nhà rách nát. Dân đều nghiện thuốc phiện như những bộ xương biết đi. Thấy xác người lái xe ở trong núi, anh Pao dịu lòng xuống, trầm ngâm, bỗng anh quay lại phía tôi, âu yếm, bừng bừng, nhưng một tiếng cười the thé của một người đàn bà rình chúng tôi làm anh ngừng lại, anh thấy nhục như mất thể diện vậy. Một đám sương mù trắng từ trong cõi đêm tối giữa rừng núi phát ra, trời mông lung trong không khí. Tôi nằm mê thấy hồn người tài xế chập chờn trong đám khói thuốc phiện bao vây chúng tôi, và ác mộng đó thực hợp với cảnh tàn phá quái dị và bi thảm mà chúng tôi đương bị xô xuống. Bây giờ đây mà có khi tôi còn bị cơn ác mộng đó, nửa đêm thức dậy, nhớ lại sườn núi dưới vòm trời lạnh lẽo đêm đó, nhớ lại những kẻ sát nhân ngu xuẩn, khoái chí nhe răng ra cười đó. Mấy hôm sau, tôi lặp lại câu này hoài như một lời thần chú: "Tới Trùng Khánh sẽ dễ chịu hơn... mọi sự sẽ dễ chịu hơn".

Rồi một buổi chiều nọ, sau khi rời Quế Lâm được năm tuần, chúng tôi tới con Sông Cái, vua các con sông, tức sông Dương Tử, rộng lớn hùng dũng, cuồn cuộn chảy, ào ào, đỏ như đồng, giữa hai vách núi cách nhau một cây số rưỡi. Thị trấn Trùng Khánh đứng cheo leo hiểm trở, ngạo nghễ trên ngọn núi. Ở chỗ mà hai nhánh sông giao nhau thành một khối vĩ đại; và thêm các sườn núi gần như dựng đứng, cách mặt nước trên 60 thước là những nhà sàn tồi tàn, tối tăm, trông xa như một đám sò bám vào núi mà leo lên, chung quanh là nước. Thị trấn trải ra

trong đám sương mù buổi chiều, khói xám tỏa trong cái tổ mùa đông, một cảnh huyền ảo, một giấc mơ, một phiến đá vĩ đại trên ngôi mộ của người khổng lồ. “A, tới rồi... tới đây rồi”. Mọi người đều vui vẻ sung sướng. Đàn ông ca hát, đàn bà thở ra nhẹ nhàng tử tế với nhau, lấy những chiếc khăn lông nho nhỏ chùi mặt cho con bú, rồi thấm những phân cùng sửa chúng ọc ra trên quần áo họ “ở đây mọi sự sẽ dễ chịu hơn”. Tôi cũng lau mặt chẳng những cho hết bụi, hết cáu ghét, mà còn cho lòng trút được nỗi chua chát chất cả tháng nay nữa. Dĩ nhiên, bây giờ thì dễ chịu hơn rồi. Có một bệnh viện, có công việc để làm... Pao sẽ làm việc, sẽ bớt quạu quọ... Tôi sẽ tìm được gia đình, họ hàng ở Tứ Xuyên. Chưa biết chừng, chính họ hàng cũng không muốn tiếp tôi... Nhưng tôi cứ rán, rán nhiều vào. Phải chiếm được lòng của mọi người ở phía đó mà, mà tôi biết rằng công việc đó rất khó khăn. Một lần nữa, tôi sẽ rán...

Trong khi leo bốn trăm tám mươi bục đá ở sườn núi để tới chỗ bắt đầu có đường phố, chúng tôi thấy Trùng Khánh ban đêm có vẻ mênh mông và cao quí; đá như có một sức hùng dũng mới mẻ. Vậy, chúng tôi đã tới trung tâm kháng Nhật, tới thị trấn cao thượng bị bao vây này. Tôi nghiến răng leo dốc, lòng tràn trề hi vọng “Cảnh khổ nào tôi cũng sẽ chịu được, tôi sẽ kiên nhẫn tới cùng”. Vì lúc đó tôi còn trẻ, đầy sinh lực, tôi tập chịu đựng, chỉ bám lấy thôi, bám chắc lấy như những căn nhà tồi tàn cố bám vào sườn núi gần dựng đứng này. Tôi sẽ không buông tha.

Bây giờ, năm mươi tuổi rồi, biết rằng những năm đó tôi đã phỉnh gạt, chính tôi cũng tự phỉnh gạt tôi nữa, mà tôi vẫn không ân hận đã cố bám vào tổ quốc, như con sò, hoặc như những căn nhà tối tăm kia bám vào đá một cách vô vọng.

*

Trùng Khánh là một ảo tưởng, một quái vật nặng nề, dữ tợn, một cái quái dị hoàn toàn, hư ảo; một thành lũy mà cây cối không mọc nổi trên lớp đất dày khoảng một lóng tay bao phủ lớp đá. Thị trấn đó nhớp nhúa, bẩn thỉu, khí hậu khó chịu nhất thế giới: mùa hè nóng như lò lửa, mùa đông chìm trong một đám sương mù tàn nhẫn, tuy bề ngoài bẩn thỉu, khốn cùng - chuột đâu mà nhiều thế - bi thảm, tàn nhẫn, mà bên trong có một đời sống ồn ào, đẹp đẽ, rung động của một triệu dân cực nhọc thắng được thiên nhiên, đau khổ cơ hồ như vô tận, nhưng đức can đảm, kiên nhẫn, khoan dung của họ trước một sự bất công thô bạo, không khác gì ngọn lửa ủ dưới lớp tro, một ngày kia sẽ thiêu hủy hết cái tổ chức độc ác đó.

Chúng tôi tới đó ngày mùng 2 tháng giêng, vào lúc mùa đông lạnh nhất. Một đám sương mù dày đặc bao phủ hết những căn nhà kì cục ngoan cố mọc ra cùng với những nấm, rêu, rễ cây, tất cả những cái đó ngâm và tan rã trong cảnh tan hoang, dơ dáy. Sông Cái hồi đó cạn nhất, bãi cát màu vàng lợt dài ở giữa, tên là Sheuang-hupa, dùng làm chỗ cho phi cơ đáp xuống trong nửa

năm, trải ra ở giữa dòng sông phẳng lặng; dưới lớp sương mù nghẹt thở. Mặt trời không còn nữa trong cái không khí êm dịu màu xám vàng, êm dịu nhưng mà rất độc tới đá cũng phải mòn.

Mấy ngày đầu chúng tôi không biết phải thức dậy lúc nào, vì không thấy mặt trời, ánh nắng, vợ chồng tôi đều quá mệt mỏi, nhất là tôi, vì khóc lóc, rối loạn tâm hồn. Một thứ ẩm ướt nhờn nhờn lúc nào cũng bám vào tóc, vào da chúng tôi. Tôi không có đủ quần áo - vì đã liệng bỏ bớt ở dọc đường - cho nên lúc nào cũng lạnh run. Lại thêm chứng xuất huyết, tuy làm cho nỗi đau dữ dội dịu xuống, nhưng lại khiến tôi suy nhược, không chống nổi lạnh.

Hai tuần đầu chúng tôi trọ trong một khách sạn mà ban đêm từng bầy chuột chạy trong cầu thang, tụi gái điếm dắt nhau từng đám lên lên xuống xuống suốt ngày đêm. Tiếng ho, tiếng khạc đờm, tiếng kêu khàn khàn tiếng cười, tiếng gọi nhau, tiếng em bé oe oe, tiếng lạch cạch chơi mạt chược không lúc nào ngớt, tiếng thùng rác đụng vào cánh cửa, tất cả những tiếng đó chỉ một hai ngày, nghe rồi cũng quen. Tôi sợ nhất là sự dơ dáy của những chiếc khạp lớn bằng sành có nắp đậy đặt ở mỗi đầu cầu thang để dùng làm cầu tiêu, sợ vì bọn gái điếm tiêu tiểu ở đó, mà cái bệnh hoa liễu hoành hành ở Trùng Khánh, do cái "đức" chủ yếu của không khí.

Tôi thích những cầu tiêu công cộng ít nghẹt thở hơn, vì sương mù len lỏi qua được mái tranh đã nát, mà vách

bằng phên trét đất, không bí lắm, chỗ đó đông người, nhưng tại khách sạn cũng vậy, một phần do thức ăn, một phần do thần kinh kích thích quá trong những cơn nổi quạu của tôi, nên tôi bị chứng kiết, có buổi sáng phải chạy ra cầu tiêu hai chục lần hoặc hơn nữa, tôi mệt mỏi chỉ sự ngồi trên mặt cầu bằng đất trơn, té xuống hầm cầu thì khốn.

Vào khoảng ngày thứ năm sau khi tới Trùng Khánh Pao đã đánh tôi hai lần trong chỗ đông người - một lần trong công viên, một lần trong khách sạn, lần trong khách sạn tàn nhẫn ghê gớm, tới nỗi những người bồi cũng phải can, nhưng Pao quay phắt lại quát to: "Tao sẽ sai bắn tụi bây". Thế họ thản nhiên, làm công việc của họ. Còn lần trong công viên - gọi là công viên chứ chỉ là một cái đài nhỏ xíu ở giữa, chung quanh có những bậc thạng nhỏ, dựng đứng đưa lên - thì một đám đông tò mò chạy lại coi, nhưng rồi vội vàng tản ra ngay khi thấy bộ quân phục của Pao, các bà mẹ la lớn bầy trẻ: "Ngó cái gì vậy? Có gì đâu mà ngó..." Rồi lôi kéo chúng đi chỗ khác, bắt chúng nín thinh.

Trùng Khánh, ngày mùng 3 tháng giêng năm 1939.

Thưa Bác.

... Hôn nhân đẹp đẽ thật, nhưng cũng khổ não quá... Pao khi cưới cháu, biết dĩ vãng cháu chứ, mà bây giờ đây cuộc đời của chúng cháu như cõi địa ngục trên trần, ảnh bảo, ảnh cảm thấy cuộc đời vĩnh viễn hỏng rồi, ảnh mất tất cả niềm hăng hái rồi... gia đình ảnh cực kì đạo đức

(ảnh bảo vậy) ảnh có nghị lực, thông minh, tương lai rực rỡ. Bây giờ đây, chỉ vì cháu đã thất thân với một người ngoại quốc, mà tương lai ảnh sẽ tan nát. Ảnh không sao trút bỏ được ý nghĩ đó. Mà ảnh không muốn li dị. Cháu xin ảnh để cho cháu đi, cho cháu tự tử, ảnh bảo như vậy cũng chẳng thay đổi được gì cả.

Thưa bác cháu sẽ không trở qua Âu nữa đâu. Pao bảo, anh muốn trừng phạt cháu, mà cách tốt nhất là bắt cháu cấm cung, săn sóc một em bé, không được ra ngoài làm việc. Anh bảo cháu làm mất thể diện của Trung Hoa... Cháu muốn làm việc giúp nước, Pao bảo muốn vậy thì phải làm việc với ảnh. Như vậy dĩ nhiên là cực khổ nhưng nếu không có cách nào khác thì cháu sẽ rán. Đồng thời, cháu còn biết bao điều cần học hỏi về Trung Hoa...

Bây giờ cháu phải lựa chọn, và mặc dầu tất cả những cái đó, cháu cũng lựa Trung Hoa. Có lẽ cái kiếp của cháu là phải đau khổ như hiện nay cho tới suốt đời để giúp nước được nhiều hơn... Cháu không biết nữa. Có thể rằng cháu sẽ có một đứa con, nó sẽ thực hiện được những chuyện cháu không làm dược...

Pao bảo cháu không được cho ai biết rằng cháu có máu lai trong huyết quản...

Bây giờ đọc lại bức thư đó, tôi cảm thấy mệt mỏi buồn nôn... Pao lợi dụng lòng yêu Trung Hoa của tôi. Lợi dụng cái máu lai của tôi, ảnh đánh đập tôi, làm cho tôi kinh hoảng, gọt óc tôi, chẳng có lí do gì cả, chẳng hợp lí chút nào cả... Có lần tôi bảo anh: "Anh phàn nàn tình

cảnh Trung Hoa thật rối beng, nói hoài rằng chúng ta phải đoàn kết với nhau mà giúp nước, thì tại sao anh lại ngồi đó hàng giờ, hàng ngày than thân trách phận rằng đã cưới tôi, rồi đánh tôi, rầy mắng tôi? Nhưng như vậy chỉ làm cho cơn điên của anh kéo dài hơn, thành thử tôi nín thinh, câm miệng, ủ rủ, lầm lì chịu cho anh đánh đập. Và *ba chục năm sau, vài tuần lễ trước khi có cuộc cách mạng văn hóa vô sản, lại nghe những lời giảng đạo đức một cách cuồng nhiệt,* tôi nhận ngay ra được cái giọng quen thuộc hồi trước, và tôi gần hóa ra trầm uất, tinh thần thác loạn.

Bây giờ tôi còn thường nằm mê thấy *mùa hè gay gắt vắng bóng chim đó trong đời tôi,* còn nghe thấy tiếng gào thét của những kẻ bắt buộc phải vào trại trưng binh, của những kẻ bị đánh đập đến chết, tiếng thở hổn hển của những người vừa đuổi bắt bọn lính đào ngũ vừa la: "đào binh, đào binh", tiếng giày ống của họ giày xéo các bụi cây trong khi họ chiếu đèn rọi lục lọi trong đêm tối ghê rợn, cái xác của chú tài xế bị ném đá tới chết do một sức thần bí kì dị nào đó ưỡn lên, và biết bao cảnh khác nữa, và tôi hả dạ rằng cuộc cách mạng đó đã xảy ra, và tôi tin rằng nỗi đau khổ chồng chất như Hi Mã Lạp Sơn mà dân chúng phải chịu đó - đem ra so sánh thì nỗi đau khổ của tôi chỉ như hạt cát, không đáng kể - tất cả nỗi đau khổ đó đã không phải là vô ích. Nhưng cái dĩ vãng của Trung Hoa đã đâm rễ sâu quá, chặt quá đến nỗi ngay cả trong Tân Trung Hoa... nhiều khi tôi còn nghe thấy cái giọng luân lí quan liêu phong kiến, hoặc dầu đã khoác một lốt

mới. Và tôi thỏa mãn rằng một cuộc cách mạng đương muốn làm lại Con Người bắt đầu từ con người Trung Hoa, để cởi bỏ những tư tưởng đã có từ mấy ngàn năm, không ra khỏi cái dấu xe cũ từ thời đại đồ đồng. Sẽ khó khăn đấy, vì mới đây, ngay ở Trung Hoa, một "cán bộ" Cộng sản đã quay lại nhìn tôi và la *«có cái nét mặt như bà thì đứa trẻ Trung Hoa nào trông thấy cũng phát sợ"*...

Tôi còn nhớ đại tá Pang, một "nghĩa huynh" (anh em kết nghĩa) của chúng tôi, cao lớn, đẹp trai, ở sát vách chúng tôi tại khách sạn Quế Lâm, đi cùng chuyến xe buýt với chúng tôi tới Trùng Khánh. Ông ta có một bà vợ e lệ, ít nói như câm, to béo phục phịch, ngây dại, ăn ở với ông ta, đã có được bốn đứa con trai. Vậy mà gần như tuần nào ông ta cũng thượng cẳng chân, hạ cẳng tay đánh đập bà vợ tới chết ngất. Chúng tôi ở bên cạnh, nghe thấy ông ta đánh bình bịch như đập vào cái nệm, chỉ khác mà thỉnh thoảng có tiếng rên rỉ. Chính ông ta nói với chúng tôi, trong khi ngồi trong chiếc ghế bành, bận một bộ quân phục may cắt ở Đức, rất khéo, rất bảnh bao:

- Tôi không hiểu tại sao lại hành động như vậy. Nhà tôi rất hiền, đã cho tôi bốn đứa con trai, không khi nào cãi lại tôi cả, luôn luôn đợi tôi về rồi mới ăn, cả những khi tôi đi dự tiệc, tới khuya mới về. Vậy mà đôi khi tôi cảm thấy nổi cơn điên lên nghẹt thở... phải đánh đập nhà tôi thì mới chịu được. Không bao giờ nhà tôi dám chống cự...

Tôi nghe ông ta, giọng ông ta ngọt ngào, ông ta uống trà, vầng tráng đẹp hơi cau lại vì cái tật đó của ông.

Pao cười, trỏ tôi, bảo:

- Anh Pang, bứt rứt về điều đó làm quái gì! Tôi cũng đập mụ này như vậy, mà mụ cũng chẳng bao giờ phản kháng.

Rồi còn chuyện một người "nghĩa huynh" (anh em kết nghĩa) khác nữa mà Pao khoái chí kể đi kể lại hoài cho tôi nghe, khiến tôi không bao giờ quên được... Vợ người "anh em" đó một hôm dắt con về thăm cha mẹ vài ngày. Khi ở nhà cha mẹ, nàng đi coi hát với một người chị họ, người anh rể và ba đứa cháu. Trong lúc tạm nghỉ giữa hai màn, người chị họ dắt ba đứa con đi tiểu, và người chồng ngồi lại với cô em bên vợ vài phút ở giữa rạp hát đầy khán giả.

Vậy mà có người đồn rằng người đàn bà đó đã đi coi hát một mình với một người đàn ông. Chỉ trong vài tuần, tiếng đồn lan ra, rùm beng, thành một chuyện ô nhục.

Một buổi tối, sĩ quan chồng của nàng, chơi mạt chược với các "nghĩa huynh", thắng và vơ tiền bộn bộn. Một người anh em bảo: "anh đánh bạc hên, nhưng anh có biết rằng anh đội mũ xanh [1] không? - "Anh muốn nói gì vậy?" - "Ủa, vậy chứ anh không biết rằng chị nhà thích coi hát lắm sao?" Mọi người cười rộ.

---

(1) Nghĩa là "mọc sừng".

Sĩ quan đó về nhà, nắm tóc vợ mà giựt, đánh vợ gãy răng rồi nhốt vợ trần truồng trong một cái cũi. Những chiếc cũi bằng gỗ, tre và dây kẽm gai đó chỉ cao vừa đủ cho một người đứng thẳng, người ta dùng để nhốt cộng sản trong các trại giam, và trước kia các ông quân phiệt dùng để hành hạ những nông dân thiếu thuế. Chấn song làm bằng thân tre quấn dây kẽm gai dựa mình vào là nó đâm vào thịt. Sĩ quan đó nhốt vợ vào cũi rồi đem bêu ngoài đường cho mọi người trông thấy. Phải vài ngày sau, người vợ mới chết đói, trong khi đó không ai dám giúp đỡ nàng cả, mà nàng cũng không được trông thấy đứa con vì nó bị nhốt trong nhà với người vú. Gia đình nàng muốn nhờ pháp luật can thiệp, nhưng phải cái tội không giàu có, cũng không có quyền thế. Sĩ quan đó bảo: "nó chỉ là một thứ vợ mướn thôi, nó đã làm cho tôi nhục nhã".

Trong ba năm sau, tôi phải chịu nỗi kinh hoàng mỗi ngày mỗi tăng đó, những cơn đánh đập mỗi ngày mỗi tàn bạo trút xuống tôi từng loạt. Để qua những giờ bị hành hạ đó, tôi tập vừa hít thật sâu vừa đếm "Trung Hoa có bốn trăm triệu người: 1, 2, 3, 4, 5... Anh ấy sắp chán... Anh ấy sắp chán, sắp nghỉ tay". Dù cảnh đó kéo dài, tiếp tục trong sáu, bảy có tới gần mười giờ, tôi không được ăn uống gì cả, mà cũng phải ngồi co ro trên sàn, đợi những cú giáng xuống, và tôi sợ nhất là bị đòn mà hóa đui hoặc mặt mày thành sẹo, tôi gom hết tàn lực để cố thu lại cho thành một cục nhỏ, nhỏ xíu trong thâm tâm tôi mà lặp đi lặp lại như tụng kinh: "Anh ấy sắp mệt... sắp

chán tay... chỉ rán chịu thêm một chút nữa thôi... chỉ thêm một giờ, hai giờ nữa thôi... thế nào anh ấy đánh riết rồi cũng phải mệt..." Có lần tôi thấy mệt quá chừng, nhất là những khi tôi không ăn uống gì cả, nhưng không ăn mà lại hay, vì như vậy tôi mê man, chơi vơi, không nghe thấy cái giọng hét lớn những đức mà tôi thiếu một cách xấu hổ, kể những đức "chính trực" huyền ảo của Trung Hoa phong kiến, nhờ đó có thể cứu vãn được Trung Hoa - vị Thủ lãnh Tưởng Giới Thạch bảo vậy - ... (và sau này, mỗi lần Pao nhắc tới vị "Thủ lãnh" lại chụm chân lại, hai gót giày đập vào nhau đến "cắc" một cái).

Tôi còn nhớ một vụ. Hôm đó, Pao trở về nhà lúc giữa trưa, tôi đoán có chuyện gì không êm rồi. Anh gọi to: "lại đây" - (tôi lại gần anh). Anh liệng mình xuống giường "má mày phải là Do Thái không?" - "Do Thái? - không, má tôi không phải là Do Thái, mà là gốc người Flandre [1] theo Công giáo". Chỉ nghĩ tới điều người ta có thể ngờ má tôi là Do Thái, tôi cũng phì cười, và tôi vui vẻ, nhẹ dạ, quên cơn nguy nên nói tiếp: "Tôi đôi khi tiếc rằng không phải là Do Thái, giá là Do Thái thì tôi đã tài giỏi hơn nhiều..."

- "Mày nói gì đó?"

Mắt trợn lên, cổ áo sơ mi banh ra, Pao thình lình ngồi phắt dậy - ảnh tập có những cử động đột ngột đó làm cho tôi kinh hoàng.

---

(1) Miền bắc nước Bỉ.

- "A, mày tiếc không phải là Do Thái hả? Quân đê tiện này, mày có chút danh dự gì đâu mà sợ mất, có chút thể diện gì đâu, mày muốn làm Do Thái hả?

Vừa nói, ảnh vừa xắn tay áo sơ mi lên.

- Là Do Thái thì có xấu gì? Họ cũng là người như...

- Câm cái miệng lại, không thì tao đánh chết bây giờ. Mầy là vợ một sĩ quan Trung Hoa mà dám mở miệng nói là muốn làm Do Thái hả?

Và anh tiếp tục chửi mắng tôi thô lỗ... không thể nào chép lại đây được. Tụi Do Thái ghê tởm, dâm đãng, xấu xa... luôn luôn tìm cách phá tân những con gái nhà lành... Tôi đã biết rõ nhiều người Do Thái... Lời vu oan đó thật là tàn nhẫn, không tin được, lố bịch. Tôi thở hổn hển... Tôi kinh hoàng.

- Hôm nay có người cho tao hay rằng mày gốc Do Thái, má mày là người Do Thái nhập tịch Ba Lan.

- Má tôi không phải là Do Thái.

Hôm sau, Pao đem về cho tôi một cuốn *Mein Kampf* [1] các sĩ quan và các tổ chức thanh niên phải đọc cuốn đó cũng như đọc các diễn văn của Tưởng Giới Thạch.

- Này, đọc đi... Mày sẽ biết tất cả những điều cần biết về tụi Do Thái: Phải đọc cuốn đó.

---

(1) "*Cuộc chiến đấu của tôi*" do Hitler viết để vạch chương trình hành động của Đức Quốc Xã.

Tôi đáp:

- Tôi không đọc. Anh có giết tôi thì giết, tôi không đọc sách của một quái vật. Tôi cho Hitler là một quái vật, một kẻ đồi bại.

Lần đó là lần đầu tiên tôi thắng ảnh, một thắng lợi rất nhỏ mà tai hại cho tôi: trong mấy tháng trời Pao cầm cuốn đó liệng vào mặt tôi, hét lớn: "Tao sẽ bắt mày đọc, mày bất chấp tao, tao đập bể đầu mày". Nhưng tôi vẫn không đọc *Mein Kampf*. Thế là tối nào, Pao cũng đọc lớn tiếng từng đoạn, xen vào những diễn văn của vị thủ lãnh, những bài văn giảng luân lí của Tăng Quốc Phiên, và những đoạn trích trong một cuốn nhan đề là "*Một ngàn tiết phụ*" kể truyện những người đàn bà tự ải, tuyệt thực hoặc tự tử bằng cách khác để khỏi bị một kẻ ve vãn, khỏi phải tái giá hoặc khỏi bị hiếp dâm, người ta không phân biệt ba tình cảnh đó. Những người đàn bà đó chết rồi làm vẻ vang cho họ hàng, làng mạc và được người ta dựng miếu thờ... Còn tôi thì chẳng những không trọng tiết hạnh, mà còn *cố ý thất tiết với ngoại nhân* nữa.

Mười mấy năm sau, năm 1954, ở Mã Lai, trong một cuộc tiếp tân, tôi nhớ lại vụ đó. Ông Fenner, sĩ quan trong mật vụ Anh, sau làm Giám đốc công an Mã Lai, cùng với một sĩ quan đồng sự khác, khéo léo kéo tôi lại một góc để hỏi:

- Bà có lần nào qua Nga không?

- Qua Nga? Không, không bao giờ... à, để tôi nhớ lại:

hồi 19 tuổi tôi có dùng đường xe lửa xuyên Sibérie đi ngang qua Nga...

- À, à.

Họ ngó nhau, có vẻ đầy ý nghĩa, rồi một người hỏi tôi:

- Và bà có ngừng ở Varsovie không?

- Ngừng ở Varsovie làm gì? Tại sao tôi lại ngừng ở Varsovie.

Tôi chẳng hiểu gì cả.

Vài tháng sau mới vỡ lẽ: trong thẻ của tôi ở Sở Công an, người ta ghi rằng má tôi là Do Thái nhập tịch Ba Lan, do đó tôi thành người khả nghi!

Điều đó chứng tỏ rằng Sở Mật vụ Anh, ít nhất là ở Mã Lai đã dùng những thẻ cũ và sai của Mật vụ Quốc Dân đảng...

Lời Pao mắng tôi: "Hành vi của mày làm nhục nước Trung Hoa" làm cho tôi đau xót ghê gớm, đau xót nhất. Và tôi viết cho Bác Hers: *«Cháu phải chuộc lại tuổi trẻ nhơ nhớp của cháu... như thể tất cả cảnh hỗn độn ở Trung Hoa hiện nay là do cháu gây nên cả".*

Giữa những tiếng mắng chửi quát tháo và những trận đòn mà Pao bắt tôi chịu, thể chất tôi vừa đau đớn, vừa đói, bao tử thắt lại và đầu óc trống rỗng. Tôi đi thơ thẩn trong những đường Trùng Khánh gần dựng đứng như những cái thang, đi lên đi xuống, lảo đảo, đê mê,

trong đám sương mù. Thành phố dựng trên những bờ dốc, chung quanh là những con đường chính, những chiếc công xa, vài chiếc xe buýt lúc lắc và những chiếc kiệu bằng tre do hai người khiêng trên vai, một người phía trước một người phía sau...

Chỗ nào cũng nhơ nhớp, cũng có những cảnh tàn bạo, những kẻ hành khất, những tiếng ha ha, hi hi của người dọn tuyết li và phu khuân vác, kéo, đẩy, khiêng trên vai cái nạn chiến tranh, và sự tham nhũng của chủ, da thịt họ khô đét, bắp thịt và mắt họ lồi ra vì sức lao động tàn phá đời họ, tiếng hổn hển *ha ha, hi hi* trong cái nhớp nhúa như mồ hôi của lớp sương mù giết người, và trong cái nhớp nhúa của chính mồ hôi họ tiết ra, tức sinh khí của họ tiết ra. Rồi những quần áo rách rưới của họ đầy rận mới ghê tởm chứ, khiến những người như tôi đã quen thấy cảnh lam lũ rồi mà cũng phải ngạc nhiên trước những giẻ rách như xơ mướp đó, có khi để lòi cả đít lúc nhúc những rận, như thể những giẻ rách đó là da thịt họ tróc vảy vậy. Và trong các chiến dịch “động viên tinh thần” khi người ta đem bỏ tù họ vì ăn bận lôi thôi, “thô lỗ” thì chúng ta uất hận vì chế độ đó ngu xuẩn quá mức, mà cứ phải nén giận, riết rồi tới kiệt lực. Trong suốt mấy năm đó, tôi không hề thấy một người cu li nào bận quần áo lành lặn bao giờ, mà chỉ thấy những bộ mặt lòi xương và da, những hàm răng hư, gãy, những thân thể gớm ghiếc, trán thô, cong vòng, toàn là những dấu vết của trọn một đời cùng khốn, thêm những dấu vết của bệnh nghiện thuốc phiện nữa: cử chỉ chậm chạp, lóng cóng,

sườn hổn hển, vì họ phải hút lấy hút để những xái thuốc phiện bằng những tẩu tre, để cho dịu nỗi đau khổ đi.

Khi có một vị thượng khách nào ghé thăm Trùng Khánh, thì cảnh sát đứng nối nhau thành hàng ngăn chặn, đuổi các hành khất đi, để cho đường phố có vẻ sạch sẽ, và trẻ con trong các lều lẻn ra, bò trong các hầm bùn lầy hoặc ngồi bắt rận cho nhau: da chúng xám ngoẹt y như những con chuột cống tu tập trên các vĩa hè ban đêm, chuột cống khoét thịt em bé, ăn thịt những con chuột già rụng lông và thường khi cắn cả người lớn nữa.

Vậy mà, mặc dầu tất cả những cái đó, mặc dầu hết thảy, một cảm giác hùng mạnh vẫn toát ra từ cuộc sống buồn thảm, lúc nhúc, cần cù đó, ngay trong hai tuần đầu, tôi đã cảm thấy như vậy, cảm thấy lòng hăng hái của dân chúng, chí kiên quyết tới ương ngạnh của thị trấn, một sức mạnh bị dồn ép như sức mạnh của dòng sông phi thường kia, hiện nay đương mùa đông, bĩnh tĩnh hạ xuống, nhưng rồi đây sẽ đứng lên, dưng lên, dưng lên, 40, 60, 70 thước để chồm lên, cuồn cuộn cuốn tất cả các chiến thuyền, buồm lớn và rách, đưa chúng băng băng xuống các cánh đồng miền xuôi. Các căn lều dơ dáy với những đống rác và phân chất dưới chân thành lũy, sẽ bị dòng sông mùa xuân cuốn đi hết! Lúc đó tôi có cảm tưởng rằng chính dân chúng cũng đợi mùa đó tới, và tôi ẩn nhẫn đợi trong niềm hi vọng... Một hôm tôi bảo Pao “Sắp xảy ra một cái gì nó quét sạch tất cả những cái này đi”, nhưng giọng tôi xa vắng, mơ hồ quá, có lẽ ảnh không nghe thấy.

Những người ham làm mà người ta gọi là culi đó, đau khổ gắng sức leo, leo từng bục đá ở Trùng Khánh. Một sự gắng sức đau đớn, chua xót, một hàng bất tuyệt những bàn chân không - cực khổ leo dốc, thở hổn hển; da thịt con người mà phải vác, gánh trên vai một cách không hợp với con người chút nào cả, như con trâu, con ngựa, gánh, khiêng những bành bông vải, những thùng xăng, những rổ đầy rau, hoặc đầy phân, phân người để bón ruộng, lại phải khiêng cả những người khác nữa chứ, các quan lớn, quan bé, các sĩ quan, các nhà ngoại giao, những ông đầu to bụng bự, phải khiêng hết thảy bọn đó trên vai mà lên lên, xuống xuống những con đường đục thành nấc thang ở Trùng Khánh. Trên những bả vai đó, nổi lên những cục u lớn, chai lại, lớn bằng nắm tay, và nhiều người phải bị bệnh sán khí kinh niên, phải lấy rơm cột lại, bịt lại cho khỏi lòi ra ngoài những tấm giẻ rách nhíu lại bằng dây gai, thay cho quần.

*

Trong ba năm sau, anh Pao và tôi là nhân viên trong chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh. Tôi phải giảng cách tổ chức của chính quyền đó thì độc giả mới hiểu được những biến cố đã xảy ra.

Có hai người làm trụ cột cho quyền uy của Tưởng: Hồ Tôn Nam, thủ lãnh nhóm sĩ quan trẻ Hoàng Phố và Tai Lee, giám đốc mật vụ. Hai người đó là nòng cốt của tổ chức hoàn toàn phát xít gọi là “sơ mi lam”, họ thay

hình đổi dạng, mang nhiều tên hoạt động về mọi mặt chính trị, võ bị, có khi trong bóng tối, có khi giữa thanh thiên bạch nhật.

Lí thuyết gia của đoàn thể tinh hoa phát xít đó là Trần Lạp Phu một nhân vật cực hữu, năm 1938 làm bộ Trưởng Giáo dục, "triết gia" của Quốc Dân đảng mà những tư tưởng về nhân vị (Ngô Đình Diệm sau này áp dụng ở Việt Nam). Tổ chức sơ mi lam thành lập ngày mùng một tháng tư năm 1932, nòng cốt gồm mười ba cộng sự viên thân cận nhất của Tưởng Giới Thạch, với hai anh em họ Trần: Lạp Phu và Quả Phu (?), họ họp nhau, lập một cơ quan "cải lương tinh thần". Trong số 13 người kể trên, có một số sĩ quan Hoàng Phố, năm 1926-1927 ở trong một hội Thanh niên cách mạng, sau hóa ra phản cách mạng. Chính Tai Lee là một cựu sinh viên Hoàng Phố và ở trong số 13 người đó [1].

Phong trào phát xít sơ-mi-lam phát triển mạnh, có rất nhiều hình thức, tổ chức, đoàn thể, cơ quan, nhưng quyền chỉ huy tối cao lần lần vào tay Tai Lee hết, ông này là nhân vật số 2, sau Tưởng Giới Thạch và chỉ thuộc quyền Tưởng thôi.

---

(1) Tổ chức này gọi là *Hội Phục hưng* hay *Phục hưng xã* đứng đầu là Tưởng Giới Thạch, sau Tưởng là Tai Lee (Phong Đế?). Hội có *13 thái bảo*, gồm: Phong Đế (Tai Lee) đứng đầu và sau là *Hạ Trung Hàn, Phan Hựu Cường, Quế Vĩnh Thanh, Đặng Văn Nghi, Cát Khải Vũ, Lương Can Kiều, Tiếu Tán Dục, Đằng Kiệt, Khang Trạch, Đỗ Tâm Như, Hồ Tôn Nam, Tằng Khuyết Thanh* (B.T. theo *Bí mật gia tộc họ Tưởng*).

Đoàn thể sĩ quan trẻ Hoàng Phố tuy chính thức không thuộc quyền Tai Lee, nhưng là nền tảng quân sự cho phong trào sơ-mi-lam, dựa vào tổ chức đó để làm những cuộc "thanh trừng chính trị" trong những nhóm quân nhân và bán quân nhân, nhất là sau ngày hội nghị quân sự ở Nanyu chủ trương diệt Cộng.

Tổ chức Sơ-mi-lam gồm ba vòng. Ở trọng tâm là 13 nhân vật kể trên, rồi tới bọn sĩ quan Hoàng Phố, tức vòng ngoài là hội Phục Hưng (?) (FouHing). Hội này lo việc trưng tập các sinh viên, các nhà trí thức, và tuyển một số lớn hội viên, sau này lựa lại những người có khả năng lãnh đạo. Chính hội đó tuyển các sinh viên du học Châu Âu, và nhiều sinh viên được kết nạp vì lí do này hay lí do khác, mà nhiều khi chính họ không hay. Các cán bộ Sơ-mi-lam len lỏi vào tất cả các Trường Trung học và Đại học, người ta đem xe cam nhông lại chở sinh viên tới một phòng hội họp và tại đó người ta bắt họ phải ghi tên vào hội Phục Hưng. Năm 1943, hội gồm năm triệu "hội viên".

Một tổ chức khác của phong trào đó là Đoàn thể Tam Dân cho thanh niên, đoàn thể này dùng một cách trực tiếp hơn để trưng dụng các thanh niên dưới 19 tuổi trong các trường. Đoàn thanh niên đó được Tưởng thành lập ở Hán Khẩu tháng sáu năm 1938, thanh niên hồi đó nhiệt tâm theo Hồng quân và có từng đám bỏ trường đi bộ lại Diên An, vì vậy phải thành lập một tổ chức chống lại để phá bọn đó. Từ năm 1939, Tai Lee không ngớt tổ chức những hệ thống đặc biệt để ngăn chặn sinh viên đi

Diên An. Mà con đường đi Diên An phải qua Tây An, đại bản doanh của Hồ Tôn Nam, viên tỉnh trưởng nhà binh có nhiệm vụ phong tỏa căn cứ cộng sản, cho nên chính ở Tây An, bọn sinh viên bị cả quân nhân lẫn nhân viên công an bắt và tra tấn: đa số các trại tập trung thanh niên (mệnh danh là "học đường" hoặc "viện") đều ở Tây An.

Trong giai đoạn phát triển của phong trào sơ-mi-lam đó, người ta chịu ảnh hưởng của ý thức hệ thống phát xít, bắt chước thuật đột kích của Hitler, bắt chước tổ chức sơ mi nâu [1]. Những hội viên "vòng trong" và những cận vệ tinh nhuệ của Tưởng Giới Thạch bắt buộc phải đọc cuốn *Mein Kampf.* Sau 1943, cuốn *Số phận Trung Hoa* do Tưởng soạn, thay cuốn *Mein Kampf.* Trong nhóm sĩ quan Hoàng Phố, ai có tương lai nhất, sau này có thể tuyển làm nhân viên chỉ huy, thì được đưa qua Đức Quốc xã của Hitler trực tiếp học thuyết phát xít. Người con thứ của Tưởng Giới Thạch, tức Tưởng Vĩ Quốc qua Đức mấy tháng, và trong số sĩ quan trẻ được qua Đức "nghỉ" sáu tuần, có anh Pao. Trong tập album của Pao, mấy năm sau còn có một tấm hình chụp đứng chung với Vĩ Quốc. Ít nhất là sáu chục sinh viên lục quân từ 1934 đến 1938 được học lí thuyết và phương pháp của Đức Quốc Xã. Vậy họ ngưỡng mộ Hitler là phải, ngay một số lớn nhân vật "dân chủ tiểu tư sản" ở Châu Âu trước năm 1939 cũng phục Hitler.

Thuyết năng suất cao, ăn ở cho sạch sẽ, ái quốc cực

(1) Của Hitler.

đoan của người Đức đã thu hút các sĩ quan Trung Hoa trẻ mà lòng tự ái quốc gia bị thương tổn, hóa ra bài ngoại, tinh thần bài Do Thái của họ, ảnh hưởng của cuốn *Mein Kampf* ở Trung Hoa không áp dụng được, vì cộng đồng Do Thái cuối cùng ở Kaifeng (Khai Phong) thành lập hồi thế kỉ thứ VI đã đồng hóa với Trung Hoa từ lâu rồi.

Các chi nhánh của tổ chức Sơ-mi-lam thật nhiều và làm cho ta kinh ngạc. Tai Lee và Tưởng Giới Thạch cũng như hai anh em Trần Lạp Phu cũng ở trong cái hội kín Trung Hoa như tổ chức Tam Tài (?) (Triade) [(1)] Hồi trẻ, Tưởng là cháu nuôi của Hội Trưởng hội kín lớn nhất tại Thượng Hải. Ông được gia nhập bọn mạt lưu xã hội ở Thượng Hải nhờ thân phụ của hai anh em Trần Lạp Phu, chính ông cụ đó cũng là hội trưởng một hội kín quan trọng. Như vậy Tưởng mong được sự giúp đỡ của một bọn ăn cướp, chính Tai Lee cũng ở trong các hội kín, suốt thời chiến tranh, tiếp xúc với tổ chức Tam Tài ở Thượng Hải, trong vùng chiếm đóng của Nhật. Tưởng đã dùng bọn cướp trong tổ chức Tam Tài để tàn sát thợ thuyền Thượng Hải tháng 4 năm 1927, rồi tháng chạp năm đó, lại dùng họ nữa để đàn áp phong trào thị xã Quảng Châu. Trùm bọn cướp Thượng Hải, Tou Yue sheng, vì giúp Tưởng diệt thợ thuyền, được Tưởng đề cao là nhà bác ái, thưởng huân chương và đề cử vô Ủy Ban Hồng Thập Quốc Tế, lợi dụng chức vụ này, Tou

(1) Phù hiệu của tổ chức này là ba vòng tròn tượng trưng Trời, đất, và người (Tam Tài).

mua bán thuốc men, như kí ninh, lời vô cùng, lại buôn lậu nha phiến và bạch phiến nữa. Trong khi quân lính chết về bệnh sốt rét thì kí ninh chất đống trong kho... để phân phát cho bọn cướp của Tou Yue sheng đem bán chợ đen, mà được mật vụ của Tai Lee che chở. Tou Yue sheng theo Tưởng tới Trùng Khánh và gài bọn Sơ mi lam vào hội kín trong tỉnh, tức hội kín Kchao (hội các Đại ca), hội này có ác cảm với bọn Tưởng mới tới vì bị giật mối ngay trên đất săn của họ, tức Tứ Xuyên, bị cạnh tranh trong việc bán thuốc phiện và kiểm soát các ổ điếm.

Tưởng nắm quyền tối cao trong tổ chức đó của ông ta, đặt ra những nghi thức gồm tinh thần huynh đệ trong các hội kín, pha với tinh thần môn đệ trung thành với tôn sư của đạo Khổng và một triết lí phát xít dựng trên sự duy trì nòi giống cho thuần khiết không lai. Tai Lee lãnh nhiệm vụ củng cố tổ chức.

Trái với Hitler, Tưởng không bao giờ muốn chính thức thừa nhận tổ chức Sơ-mi-lam vì đó là một "hội kín". Nhưng ai muốn thăng chức mau, thì phải là một Sơ-mi-lam được Tai Lee che chở, và đối với nhiều sĩ quan trẻ, như Pao, chẳng hạn, muốn được tiếp xúc với Tai Lee thì nhờ Hồ Tôn Nam ở Tây An giới thiệu.

*

Tai Lee và Hồ Tôn Nam yêu nhau thắm thiết hơn anh em ruột thịt. Không thể bảo Tai Lee là có tật đồng tính ái (vì ai cũng biết ông ta nhăng nhít với rất nhiều

phụ nữ, lại có thói dùng chồng của tình nhân đó trong các vụ buôn bán chợ đen), nhưng Hồ Tôn Nam thì có thể có tật đó. Mỗi khi gặp nhau, Tai Lee và Hồ đi bách bộ thảo luận với nhau trọn đêm. Họ viết thư cho nhau rất thường, không ai dám phá mối tình thân thiết đó hoặc xen vào giữa họ. Khi hay tin rằng Hồ Tôn Nam sắp cưới người con gái thứ nhì của bộ trưởng tài chánh Khổng Trường Hi, Tai Lee khóc, vội vàng đáp phi cơ tới Tây An để ngăn cản Hồ. Cô ba họ Khổng đó nổi danh ở Trùng Khánh là có tài bắn súng sáu. Cô ăn bận như con trai, tay cầm roi, bên hông dắt súng sáu, theo sau là một bầy chó dữ hình thù như chó sói. Hễ không thích ai cô nổi quạu mắng thẳng người đó liền. Rất nhiều người sợ gặp cô lắm, mỗi lần đi qua những con đường đưa tới khu dinh thự ở tả ngạn Trùng Khánh của các bộ trưởng, sứ thần, sĩ quan cao cấp và Tưởng Giới Thạch là phải rảo bước, không dám la cà.

Tai Lee cho rằng cuộc hôn nhân đó tai hại, mặc dầu họ Khổng triệu phú[1]. Và vào làm rể nhà đó, Hồ sẽ được vào hàng thân thích của Tưởng, vì Khổng Tường Hi là Bộ trưởng bộ tài chánh, anh em cột chèo với Tưởng[2]. Người ta bảo vì vậy mà Tai tuyển một đào hát tên là Yeh,

---

(1) Hồi đó dân Trung Hoa gọi Khổng Tường Hi là "Khổng tài thần": *ông thần tài họ Khổng.*

(2) Tống Khánh Linh, lớn hơn cả, là vợ Tôn Văn, Tống Ái Linh, ở giữa, là vợ Khổng Tường Hi, Tống Mĩ Linh, nhỏ hơn cả, là vợ Tưởng Giới Thạch. Tống Tử Văn là em trai. Cũng gần như chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm.

cho giả làm sinh viên ngành chính trị, có tư tưởng tiến bộ, để dò xét các sinh viên đại học Thành Đô, báo cáo với mật vụ, rồi gởi cô ta tới Tây An tặng Hồ Tôn Nam. Không rõ cô Yeh có thành công trong nhiệm vụ không, chỉ biết rằng Hồ sau đó, không cưới cô ba họ Khổng.

Tai Lee và Hồ Tôn Nam liên kết với nhau để chống ảnh hưởng của hai anh em Trần và đồng bọn, mặc dầu chính họ Trần đã dựng nên phong trào Sơ-mi-lam. Tưởng giữ cho thế hai phe đó ngang nhau, đồng thời ủng hộ Bộ trưởng quốc phòng thân Nhật: Hà Ứng Khâm mà Tai và Hồ đều ghét. Dùng thuật cho bọn bộ hạ chống đối lẫn nhau đó. Tưởng thao túng được hết thảy, ngay Hồ Tôn Nam, viên tướng mà Tưởng tin cậy nhất cũng không làm gì Hà Ứng Khâm được. Để có tiền trả lương khoảng 600.000 nhân viên trong tổ chức Sơ mi lam, Tai Lee dùng 50.000 cán bộ "đặc biệt" làm trung gian, buôn bán các chất ma túy, thuốc phiện và bạch phiến với Nhật Bản. Những xưởng chế tạo bạch phiến ở Thượng Hải, Thiên Tân, Nam Kinh khi bị Nhật chiếm rồi mà vẫn kiếm được chỗ tiêu thụ ở khắp cõi Trung Hoa, và Tai Lee cung cấp cho xưởng đó nhựa cây thẩu để nấu.

Sau khi Vũ Hán thất thủ, bọn Sơ-mi-lam kéo nhau từng đoàn tới Tứ Xuyên, thành trì của Tưởng. Họ kiểm soát hết các món tiêu thụ hàng ngày, kể cả thực phẩm, đồng thời kiểm soát mọi phương tiện giao thông, trên không, trên sông và trên bộ.

Để tranh giành quyền hành và ảnh hưởng với Tai

Lee, Hà Ưng Khâm Bộ trưởng Quốc Phòng, cũng gian lận, biển thủ các đồ cung cấp cho quân đội. Có nhiều sư đoàn chết đói, chết bịnh trong khi đó các sĩ quan đem thực phẩm và quần áo của binh lính bán chợ đen. Hà bán các chức chỉ huy, báo cáo về các sư đoàn ma để tiếp tục nhận thực phẩm và tiền lương, và đem bán chợ đen nào là nỉ, gạo, da, xăng nhớt, nào là các dược phẩm cung cấp cho quân đội, do đó, vơ vét được một tài sản khổng lồ.

Khi Trùng Khánh thành kinh đô của Tưởng thì tụi Sơ-mi-lam đụng đầu với hội kín Kelao và các quân phiệt trong tỉnh. Hai bên Tai Lee và Kelao dàn trận choảng nhau, và Tai Lee dùng thuật tố cáo để dọa dẫm bọn chủ điền phong kiến cùng bọn "thân hào" ở Tứ Xuyên. Năm 1939, Tưởng mở một chiến dịch "diệt trừ nha phiến" ở Tứ Xuyên, và cứ cách quãng đều đều, lại thêm những chiến dịch "cải tiến đạo đức của dân tộc" thế là Tai Lee có cơ hội chiếm độc quyền bán thuốc phiện tại những nơi bọn quân phiệt Tứ Xuyên làm chủ, và tố cáo sự sa đọa trong đời tư của họ. Bọn Kelao nổi dóa, hăm ăn gan bọn Tai Lee nếu Tai Lee cướp mất món lợi thuốc phiện của chúng, nhưng năm 1943, bọn Sơ-mi-lam cũng đã giật được phần lớn mối lợi đó của dân Tứ Xuyên.

Tưởng biết rằng muốn nắm quyền hành thì phải được thanh niện ủng hộ, cho nên các trường đại học đầy bọn đi tuyển mộ Sơ-mi-lam. Năm 1940, người ta tổ chức các lớp huấn luyện giáo sư, giáo viên trong khắp các trường đại học, trung học, tiểu học ở Tứ Xuyên để "nâng cao

đạo đức" của họ. Người ta cấm họ nhắc tới các vấn đề cộng sản, lạm phát cũng không được nghiên cứu, vấn đề tham nhũng hoặc tình cảnh khốn cùng của nông dân. Những trại tập trung, mệnh danh là "những gia đình cải huấn" được thành lập, do bọn Sơ mi lam quản lí, để nhốt các sinh viên và các nhà trí thức có tư tưởng tiến bộ, bị bắt trên đường lại Diên An. Người ta trừng trị họ như "cha dạy con", "thuyết", họ, dùng roi vọt và bắt họ tập thể dục. Kẻ nào chịu theo họ thì họ cho đi dọ thám các người khác.

Từ năm 1937, bọn Sơ-mi-lam lãnh nhiệm vụ coi chừng nhân viên các tòa đại sứ ở ngoại quốc, và năm 1939, mỗi tòa đại sứ đều có một đại diện của Tai Lee, báo cáo về tư tưởng của sứ thần cùng các nhân viên. Sau cuộc hội nghị ở Nanyu, đoàn sĩ quan Hoàng Phố được tăng cường rồi, sự bổ nhiệm các tùy viên quân sự đi ngoại quốc phải được Tai Lee phê chuẩn.

*

Phần tinh hoa của chế độ tức nhóm "thượng lưu". Ở trên đỉnh cơ quan kiểm soát của Tưởng là sở "tuân lệnh và phục vụ", một tiểu chính phủ có quyền hành gần như tuyệt đối. Cơ cấu đó gồm những sĩ quan trẻ thuộc "vòng trong" nhưng không phải hết thảy như vậy, vì Tưởng cũng gây ra cả ở đó những sự tranh chấp, chống đối nhau bằng cách phân phối chức vị cho cả bọn Hà Ứng Khâm (thân Nhật) lẫn bọn thân Mĩ: Tống Tử Văn và

Khổng Tường Hi, bề ngoài làm ra vẻ vô tư, mà sự thực là để kiểm soát, dò xét hết thảy.

«Tuân lệnh và phục vụ" căn bản là một cơ cấu thân Trục [1] thân Đức, mà khi Đức xua quân qua chiếm Nga, họ thích lắm. Sau trận Trân Châu Cảng, bề ngoài họ thân Mĩ, và có nhiều người Mĩ qua Trung Hoa, ở trong phái đoàn quân sự: vậy càng ngày Tưởng càng tùy thuộc Mĩ.

Năm 1942, Sở Chiến lược của Mĩ thành lập một chi nhánh ở Trùng Khánh, do thiếu tá Miles chỉ huy, Miles là một sĩ quan phản gián trong Hải quân Mĩ, do đó người ta thành lập ngay một *Sở Hợp tác Hoa Mĩ*, Tai Lee làm giám đốc, Miles làm "đệ nhất cố vấn". Sở đó là nòng cốt của cơ quan tình báo CIA ở Á Châu ngày nay, nhiều nhân viên do Tai Lee đào tạo làm việc cho Sở đó, nhân viên Trung Hoa nhận được những báo cáo về những người Mĩ bị nghi ngờ có tinh thần tự do, để đáp lại, họ báo cáo về các người Trung Hoa khả nghi cho Mĩ biết. Vậy là nhiều phương pháp tinh mật của tổ chức Sơ mi lam được bọn sĩ quan "đặc biệt" của Mĩ dùng, nhờ đó sau này họ thành lập cơ quan CIA. (Tình báo Trung ương của Mĩ).

Ngân sách của Sở hợp tác Hoa Mĩ của tổ chức Sơ mi lam và của Cơ quan CIA không bị một chức quyền nào kiểm soát cả. CIA chỉ phải phúc trình với tổng thống Mĩ, còn tổ chức Sơ mi lam cả Tai Lee chỉ phải phúc trình với Tưởng Giới Thạch thôi.

---

(1) Tức Đức, Y, Nhật.

Tổ chức đó mà sự chấp hành tối cao thuộc về Sở "tuân lệnh và phục vụ" làm cho những quyết định của sở này thắng cả những ý kiến của các bộ trưởng, và chiến tranh càng kéo dài thì quyền hành của Sở, của Tai Lee càng tăng trong quân đội vì trong bộ tham mưu của sư đoàn nào cũng có tay chân của ông ta.

Bắt đầu từ 1944, các hợp đồng nhập cảng xuất cảng dầu, trâu, bông vải, thực phẩm, khoáng chất, và mọi sự chuyên chở đều do Sở "Tuân lệnh và phục vụ" quyết định hết. Chỉ một số ít công chức trong Sở đó là có thể xuất ngoại du học, và nhờ vậy được coi là có đủ khả năng lãnh chức tùy viên quân sự ở ngoại quốc, chức mà ai cũng khao khát, và thành "tai mắt" của Tai Lee ở thế giới bên ngoài.

Nhiệm vụ của những nhân viên quan trọng trong Sở đó là thu thập những tin tức trong nước về sự "diệt cộng", giao thiệp với các cơ quan tình báo ngoại quốc, các hội truyền giáo ngoại quốc, theo dõi các "nhà trí thức có những tư tưởng nguy hại". Họ che chở tất cả những người nào được Tưởng Giới Thạch giao cho một công việc và tất cả những vật dụng dành cho Tưởng, họ giữ những thẻ lí lịch của cả ngàn giáo sư, sinh viên, nhà trí thức, vân vân... giam trong các trại tập trung, họ dò xét hoạt động của nhân viên các tòa đại sứ ở ngoại quốc, và nhân viên hành chánh ở Trung Hoa. Họ dọ thám tất cả các bộ trưởng, giám đốc, tướng tá, thông tín viên ngoại quốc và nhà truyền giáo. Họ có sẵn một đoàn dùng vào

các "công tác riêng" như ám sát những kẻ họ không ưa. Họ đào tạo đoàn lính cận vệ của Tưởng Giới Thạch, họ biết "cách suy tư của vị Thủ lãnh" trước khi được công bố.

Trong các cuộc hội nghị quân sự có Tưởng diễn thuyết trước sĩ quan Hoàng Phố, thì nhân viên sở "tuân lệnh và phục vụ" sắp thành hàng ngũ, tay cầm cuốn sổ nhỏ để ghi lời của "Thủ lãnh". Quân phục rất tề chỉnh, đeo găng tay trắng, họ ra vẻ đoàn lính cận vệ của một bạo chúa lắm.

Quan niệm cứu quốc của Tưởng là trở về những truyền thống luân lí thời Trung cổ, ông ta quá chú ý tới cái mớ lộn xộn đạo đức cổ truyền đó mà không còn đầu óc để suy nghĩ một cách tích cực về công việc trị nước nữa.

"Đạo cha con, đạo vợ chồng, tình anh em, tình bằng hữu, phải phân biệt tôn ti, nam nữ, già trẻ". Sự tôn ti tự nhiên đó buộc con người phải tuân lệnh một cách mù quáng cho nên cũng như ở Đức Quốc Xã, ở Ý phát xít, "phụ nữ khi ở nhà phải nghe lời cha, về nhà chồng phải nghe lời chồng và góa chồng thì phải tự tử, như vậy là tiết nghĩa", đó là lí tưởng phải đạt được, điều đó có chi lạ.

*

Trước kia tôi tưởng rằng tới Trùng Khánh rồi thì mọi sự sẽ vui vẻ hơn, vợ chồng chúng tôi sở dĩ gây nhau

hoài vì cuộc hành trình bực bội, cực khổ quá, nên dễ quạu, tới nơi, có chỗ ăn chỗ ở rồi thì chúng tôi có thể làm một việc hữu ích được. Nhưng chẳng bao lâu tôi đã lầm lớn.

Vì Pao chỉ nghĩ tới việc tiến theo, leo lên đến ngọn thôi, về tới Trung Hoa là cái lớp sơn ở trường võ bị Sandhurst bên Anh, nứt rạn liền, điều gì anh nói ra cũng sai hết, còn anh thì càng tích cực dấn thân sâu thêm vì lòng "trung" với họ Tưởng. Tham vọng của anh sẽ đưa anh lên cao, rất cao, tới cái "vòng trong", tới nhóm "tuân lệnh và phục vụ", tới đỉnh...

Bây giờ tôi mới thấy rằng hồi đó tôi ở cái phe tà, rằng chẳng riêng gì tôi mà bất kì người nào khác cũng không thể làm được cái gì hữu ích, có chút giá trị trong chế độ đó. Vậy mà nhiều người cũng như tôi, trong bao nhiêu năm, vẫn cứ lầm lẫn hoài mà tin tưởng rằng bằng cách này hay cách khác, từ cái cảnh rối beng, hỗn độn dơ dáy tức cái nước Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch, cái kinh đô Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch đó, có thể một ngày kia sẽ xuất hiện một cái gì tốt đẹp.

5

Ngày 12 tháng giêng năm 1939, tôi nhận được một bức thư của song thân tôi ở Thiên Tân. Hồi ở Quế Lâm tôi có viết thư báo cho song thân rằng vợ chồng tôi sắp đi Tứ Xuyên và cho song thân tôi biết địa chỉ của Pao:

Hộp thư 132 Trùng Khánh, mỗi cơ quan trong quân đội có một hộp thư riêng. Tôi báo tin tôi đã có chồng và xin ba tôi cho biết địa chỉ họ hàng bên nội tôi ở Tứ Xuyên. Ba tôi vẫn thư từ đều đều với gia đình ở Thành Đô, nhưng ít khi cho chúng tôi hay. Người tách hẳn hai đoạn đời của người ra: đoạn ở Trùng Khánh với gia đình bên nội, và đoạn ở với chúng tôi tại Bắc Kinh, má tôi không ưa tất cả những gì liên quan tới họ Tchou (Chu?) ở Tứ Xuyên, người sợ rằng ba tôi sẽ quay trở về cố hương.

Trong chiến tranh, song thân tôi ở Thiên Tân, rồi Bắc Kinh trong khu vực Nhật chiếm đóng. Ba tôi bị Nhật bắt giam vài ngày, năm 1937, rồi được thả nhưng phải làm việc ở Sở hỏa xa. Trong giấy tờ của người, tôi thấy một cuốn sổ tay đầy chữ Nhật, vì tụi Nhật bắt các nhân viên hỏa xa phải học tiếng của họ. Suốt chiến tranh, miền bị Nhật chiếm đóng và Trùng Khánh vẫn liên lạc thư từ với nhau được, nhân viên bưu điện ở một miền đem thư từ gởi qua miền kia, giao cho những sở ở vài thị trấn đã được chỉ định trước, và nhân viên bưu điện của miền "địch" lại đó lấy, thỏa hiệp đó không có gì lạ vì vẫn có sự trao đổi tự do rất quan trọng giữa hai miền về mọi mặt hàng, cả những chất ma túy nữa, mà những công chức cao cấp nhất ở Trùng Khánh vẫn giao thiệp với tụi Nhật trong mấy năm đó.

Trong chiến tranh, hết thảy có tới 42 tướng, 70 sĩ quan, cấp tá và công chức cao cấp, và 500.000 quân lính Quốc Dân đảng, đưa qua mặt trận Nhật do sự đồng ý ngầm của Tưởng và sự xếp đặt của Tưởng và Tai Lee

viên trùm mật vụ, đúng với chính sách gian trá của Tưởng: vừa diệt cộng vừa thương thuyết với Nhật. Cũng là một sự tính toán quỉ quyệt giúp cho Tưởng giảm chiến phí được bộn. Tụi Nhật phải nuôi, trả lương, cung cấp quân nhu cho những đạo quân Trung Hoa chiến đấu cho họ. Năm 1942 và 1943, tỉ số đào ngũ tăng lên, đúng vào lúc Joe Stilwell, tổng tư lệnh do chính phủ Mĩ, sau vụ Trân Châu Cảng, phái qua tổ chức lại quân đội Trung Hoa để thành một lực lượng chiến đấu hữu hiệu, từ các căn cứ trên lục địa sẽ tấn công qua Nhật. Tưởng sợ bị bắt buộc phải chia bớt quyền hành với Mĩ, cho một nửa triệu quân qua phía Nhật, là làm cho số đó thoát khỏi sự chỉ huy của Mĩ, như vậy là phá hỏng kế hoạch của Mĩ muốn biến đổi Trung Hoa thành một xưởng chế tạo binh khí, mà lại giúp cho Nhật lúc đó đương thiếu rất nhiều quân trên mặt trận Đông Nam Á.

Sau năm 1942, Nhật giao vài vụ hành quân trên mặt trận Trung Hoa cho những đạo quân Trung Hoa tay sai đó, vì tin chắc rằng chỉ cộng sản là còn kháng chiến, còn ở phía Tưởng thì chiến thuật rút lui được theo đúng. Năm 1944, 98% quân đội tay sai đó được đạo quân thứ tám và đạo quân mới thứ tư của cộng thu dụng, chỉ còn 2% là mang cái danh chiến đấu cho Quốc Dân đảng. Tưởng Giới Thạch tính rằng khi hưu chiến, thì những quận đội của ông để tấn công vào các căn cứ cộng sản theo một cuộc hành quân gọng kìm vĩ đại từ Bắc tới Nam.

Sự tính toán quỉ quyệt đó là đặc điểm của Tưởng, cũng như cái mưu mô kì dị cho thư từ, hàng hóa, sáp xức

tóc, xức da, các chất ma túy tự do lưu thông từ mặt trận này qua mặt trận kia, dưới sự che chở của các "tổ chức thương mại" của đàng Sơ Mi lam, và các xí nghiệp độc quyền, Ming Houa và Fou Hing. Trong suốt chiến tranh, ngoại trưởng Nhật luôn luôn tiếp xúc với các công chức cao cấp trong sở "Tuân lệnh và phục vụ" và do đó, gián tiếp tiếp xúc với Tưởng Giới Thạch. Vậy không lấy gì làm lạ rằng thư từ của song thân tôi ở Thiên Tân, miền Nhật chiếm đóng, tới tay tôi rất nhanh.

*

Giọng thư của ba tôi rất bình tĩnh. Rõ ràng là người thỏa mãn lắm, người cho tôi địa chỉ văn phòng của chú Ba tôi, em ruột của người ở Trùng Khánh, và cũng cho địa chỉ họ nội tôi ở Thành Đô nữa. Người bảo tôi đừng lo gì cả: người vẫn khỏe mạnh. Điều rất lạ lùng là có thêm một câu của má tôi nữa, cho hay má tôi sẽ mừng được báo tin cho bạn bè rằng tôi đã có chồng, cơ hồ như nhờ cuộc hôn nhân của tôi mà má tôi làm lành với tôi. Người viết: "Thế là bây giờ má có thể báo cho *họ* rằng con gái của má *đã có chồng*" người gạch dưới mấy chữ đó mà không cho hay "họ" đó là ai.

Cùng với những bức thư đó, song thân tôi còn gởi cho tôi những tấm hình của tôi hồi nhỏ: hình tôi đứng bên cạnh má tôi, hình đứng cạnh con ngựa gỗ Balthazar của tôi, hình chụp với em tôi, hình chụp má tôi bồng đứa em mới sanh, hình song thân tôi đứng sát nhau...

Vài tuần sau, Pao một hôm bỗng nổi cơn âu yếm, dắt tôi đi chơi suốt ngày chung quanh những suối nước nóng ở Bắc Bồi, cách Trùng Khánh dăm cây số, đương đi, anh móc những tấm hình đó ở trong túi ra, khoét hết những mắt của má tôi, rồi xé tan tành, bắt tôi thề rằng từ nay không được liên lạc với ba má tôi nữa. Kế đó, anh viết thư cho ba tôi, tôi khóc vì không muốn ảnh làm ba tôi đau lòng. Tôi không bao giờ được biết hôm đó anh viết những gì mà ba tôi cũng không trả lời.

*

Hôm sau tôi nhận được thư của ba tôi và đi kiếm chú Ba theo địa chỉ Ba tôi cho.

Phòng giấy của chú Ba ở *Ngân hàng Meifeng*. Một ngôi nhà đồ sộ tám tầng, cửa bằng sắt và thủy tinh, phòng trước mênh mông, nhộp nhịp, có nhiều ghi sê. Đối diện là *Ngân hàng Muối* ở Tứ Xuyên, mặt ngoài coi cũng vĩ đại. Hai Ngân hàng đó gom lại, nắm được phần lớn số vốn của các địa chủ Tứ Xuyên mới thành những nhà kinh doanh, tư bản. Trước 1921, Ngân hàng Meifeng là Nghiệp đoàn Ngân hàng Mĩ tại Đông Phương (American Oriental Banking Corporation) nhưng sau các cuộc nổi loạn năm 1923 và 1925 người Mĩ rút hết vốn đi mà người Tứ Xuyên thành chủ nhân của Ngân hàng.

Năm 1956, khi tôi trở lại Tứ Xuyên thì hai Ngân hàng đó đã bị quốc hữu hóa: Ngân hàng Meifeng thành một chi nhánh ở Tứ Xuyên của Ngân Hàng Quốc Dân, còn

Ngân hàng Muối thành Ngân hàng Nông nghiệp của Quốc Dân.

Hôm đó tôi tới Ngân hàng Meifeng hồi chín giờ sáng, mới đầu đứng ở ngoài hàng rào chính, nhút nhát quá, không dám vô. Rồi tôi lẻn vô phòng trước. Một nhân viên hỏi tôi muốn gì. Tôi đáp rằng muốn vô thăm ông Tchou Kien San. Đúng lúc đó một người bước vô phòng, nét mặt rất giống ba tôi, nhưng lưỡng quyền cao hơn, dáng đi uyển chuyển và ung dung hơn. Ông bận một chiếc áo dài màu nâu bằng lụa lót da thú, đi giày bằng nhung đen, mắt sáng, vẻ nhìn cương quyết. Tôi nhìn phía lưng ông trong khi nhân viên nọ tiến lại gần ông, nhưng chú ba cảm thấy có người nhìn mình, quay lại, chăm chú ngó tôi. Tôi nói: "Thưa chú Ba, chú bảo: cháu đấy hả". Tôi cúi đầu chào: "Dạ", chú đã ngờ ngợ, nét mặt cháu phảng phất như ba cháu, và cũng như em, cháu Nguyệt Lan [1] nữa... Cháu có biết rằng hai năm trước nó lại chơi đây không? "Thưa không, cháu không biết". Có ai cho tôi hay rằng em gái tôi, Marianne đã lại Tứ Xuyên đâu.

Chú Ba bèn quay trở lại đi trước tôi, bước chân nhún nhảy êm như ru, vì giày bằng vải. Chú mở cửa, dắt tôi vô phòng giấy của chú, một căn phòng kê nhiều chiếc ghế bành bọc da, đã có từ hai chục năm trước, thời chịu ảnh hưởng của Mĩ, nhiều cái bàn và một chiếc bình phong bằng gỗ chạm, kiểu Tứ Xuyên, tường treo nhiều bức

---

(1) Orchidée de Lune.

hoành và liễn viết chữ Trung Hoa. Chú gọi người đem nước sôi vô, mở một cái tủ lớn làm ở trong tường, cửa kính, che lụa trắng, nhìn vào tôi thấy vô số hộp tròn, vuông, bát giác bằng tre, gỗ sơn, thiếc mỗi hộp đựng một thứ trà. Chú ba sành về trà, bảo một người hầu châm nước vào bình trà, rồi chú vén tay áo vừa lấy một nhúm trà, đựng trong một cái hộp bỏ vào bình, vừa giảng cho tôi thứ trà đó trồng ở đâu hái ra sao, vào mùa nào, giá bao nhiêu và không ngớt hỏi tôi làm gì, tại sao tới Trùng Khánh. Cặp mắt linh động của chú thỉnh thoảng liếc ngó tôi rồi quay đi, nhìn bước tường ở trước mặt vì ngó một người trong khi người đó nói là điều vô lễ, Tôi thưa rằng tôi đã có chồng, tôi đọc và viết chữ Pao cho chú coi, và chú bảo: "Cháu phải lại ở ngôi nhà của chú tại Trùng Khánh, không được ở khách sạn nữa".

Ngay chiều hôm đó, khi Pao ở Đại bản dinh về, tôi kể hết cho anh nghe và dắt anh lại thăm chú Ba. Kiệu ngừng trước cổng lớn bằng gỗ sơn then, tại đầu một lối đi có tên là Tiền Phu [(1)] khi ở trên kiệu bước xuống tôi thấy Pao sửa lại nét mặt cho nghiêm trang, cử chỉ cho lễ độ để chú tôi có ấn tượng tốt về gia phong của ảnh.

Qua cửa rồi, chúng tôi vào sân thứ nhất, rồi tới sân thứ nhì, sân thứ ba, biệt thự của chú Ba vào hàng đẹp nhất ở Trùng Khánh, lộng lẫy giữa cảnh nghèo nàn của mọi người, mặc dầu so với phương tây thì biệt thự có vẻ

---

(1) Bucheron.

lạnh lẽo, nhỏ mà thiếu tiện nghi. Phòng khách hình chữ nhật cũng lát gạch vuông như các phòng khác, vì đương mùa đông lạnh, nên trên các chiếc ghế bọc vải trắng, có chất những tấm da thú, da báo miền tuyết Tứ Xuyên, có vết đốm như cánh bướm, còn da gấu và da dê thì trải trên sàn. Trong không khí tĩnh mịch lạnh lẽo, thoang thoảng có hương lan mùa đông trong các bình trên bàn viết của chú Ba, khiến cho tôi thấy khoan khoái lạ lùng.

Vì hồi trẻ, không được học tới nơi tới chốn, nên bây giờ ngày nào chú Ba cũng tập viết. Mỗi buổi chiều, ngồi trước bàn giấy, chú phải viết cho xong một trang. Chú thích sạch tới cái mức cuồng nhiệt: đồ vật chung quanh mà dơ dáy, hỗn độn là chú không chịu được, đồ vật gì chú cũng bắt dán nhãn và sắp đặt một cách thực tỉ mỉ, ngay các hộp trà cũng vậy, trong ngăn kéo của chú, luôn luôn có sẵn một chiếc khăn lau bằng len mềm để chú đích thân lau chùi bàn viết: chú cầm cây chổi lông đi khắp nhà quét bụi, chú thuyết một tràng cho vợ con và gia nhân nghe về vệ sinh, sức khỏe và sự sạch sẽ. Chú cũng đã sắm một chiếc xe Ford nhỏ mà cứ để hoài ở ngoài sân, không bao giờ đi. Nhưng ngày nào cũng ra ngó xe, lấy khăn chùi cho bóng loáng, bộ phận chắn bùn, và dùng một cây chổi lông đặc biệt phủi hết bụi trên thùng xe. Ai cũng biết chiếc xe hơi của chú Ba, và có ai giễu chú, chú đáp: "cứ cười cho thỏa đi, tôi không vì lời nhạo của bà con mà bỏ chiếc xe của tôi đâu". Tình thân thiết giữa chú và tôi, sáng suốt và lâu bền từ buổi đầu đó, không bao giờ thay đổi.

Thấy chúng tôi vô, chú Ba la lên: "có khách đặc biệt! khách đặc biệt!" chú nhìn Pao mà mặt tươi lên. Lại pha trà, trong khi chú ngắm nghía Pao bảnh trai trong bộ quân phục may ở Anh (anh có tám bộ như vậy), và khen anh bằng những lời văn hóa hợp tình hợp cảnh. Tôi tin rằng chú thỏa mãn về cuộc hôn nhân của tôi lắm. Tôi đã không cưới một người ngoại quốc, nên phép xã giao, lễ nghi không hóa ra rắc rối Tôi đã cưới một sĩ quan Trung Hoa. "Tuyệt", chú Ba vừa nghĩ vậy vừa chăm chú ngó Pao bằng cặp mắt tinh đời tán thưởng, vừa hỏi thăm về quê hương, dòng họ anh, và nhớ ra rằng đã có lần gặp thân phụ Pao ở trường võ bị Paoting. Càng đàm đạo, nét mặt của chú càng tươi lên.

Chú Ba khen cuộc hôn nhân của chúng tôi là có lợi vào cái thời xáo trộn đó, thời mà Tứ Xuyên bị bốn chục triệu người lạ tới xâm chiếm, hạng người dân Tứ Xuyên gọi là "những kẻ ở dưới chân chúng ta" vì họ ở miền hạ lưu sông Dương Tử vì bị khinh là có tinh thần địa phương, cô lập. Các công chức cao cấp phong nhã ở Thượng Hải, Nam Kinh, trả đũa lại gọi dân ở đây là những "con chuột Tứ Xuyên". Giới quí phái trong miền sợ chính quyền Trung ương xen vào công việc của họ, nhưng có được một người bà con ở trong chính quyền Trung ương thì có thể nhờ cậy được, vì lúc ấy mọi từng lớp trong các tỉnh trước kia tự trị đó đã bắt đầu phải chịu nạn lạm thu, tham nhũng của Quốc Dân đảng rồi.

Ở Tứ Xuyên, cũng như ở khắp Trung Hoa, tình họ hàng quan trọng lắm, ở cái tiểu quốc hẻo lánh miền trung

đó, bất kì một sự kinh doanh nào cũng ghép chặt vào một hệ thống bè phái phong kiến và huyết thống, ấy là chưa kể hội kín các đại ca (Kelao) đâu cũng xâm nhập vào được.

Ở Ngân hàng Meifeng mà chú Ba hồi đó làm Tổng quản lí, có ba ông giám đốc là anh em ruột, ông thứ tư là anh em họ của ba ông kia. Chú Ba sở dĩ vô được ngân hàng đó là nhờ đã quản lí tài chánh trong một thời gian rất lâu cho vị quân phiệt lớn nhất Tứ Xuyên, Lieou Hiang, và nổi danh là nhà lí tài chuyên môn. Trong ngân hàng, con trai, con gái, cháu, anh em họ và bà con xa gần của các ông giám đốc chiếm rất nhiều chức vụ, nhất là ở chỗ thâu tiền, ở phòng kế toán và nhiều phòng quan trọng khác. Chú Ba cũng cho nhiều cháu trai, cháu gái vô làm ở Ngân Hàng tại Trùng Khánh, Thành Đô, Nội Giang và vài thị trấn khác. Bây giờ ngân hàng đã đổi chủ, những nhân viên đó (anh em chị em họ hàng của tôi) vẫn còn làm việc, tôi lại thăm vẫn thấy họ ngồi ở chỗ cũ, làm những công việc họ làm ba chục năm trước.

Hôm sau tôi và Pao dọn lại ở nhà chú Ba. Chú dành cho chúng tôi một phòng rất đẹp, kê một chiếc giường lớn chạm trổ, chung quanh có màn trướng bằng lụa, khăn đắp chân nhẹ như lông thiên nga, nhồi bằng tơ gốc, thêu hoa và chim. Chúng tôi có một phòng tắm với một bồn tắm mênh mông tráng men, trong đó gia nhân đổ nước nóng vô cho chúng tôi. Phòng rửa mặt rất sạch sẽ: luôn luôn có người chùi rửa. Ở cổng sơn then, mỗi khi Pao vô hay ra, người gác cổng đều hô lớn: "cậu Ba vô" hay "câu

Ba ra". Giờ nào chúng tôi cũng có trà ướp hoa mới châm, sàn rất sạch sẽ, có nhiều ống nhổ (mặc dầu chúng tôi không dùng tới) bằng sứ vẽ hoa, ngày nào cũng thay nước, đồ đạc bằng gỗ sơn không dính một hạt bụi, màn cửa sổ bằng lụa trắng. Phòng đó là phòng đẹp nhất trong nhà. Chú Ba chiều chúng tôi quá.

Tiếp theo là những bữa tiệc để giới thiệu vợ chồng tôi với thân hào Tứ Xuyên: Họ K'an, họ Trần, họ T'eng và nhiều họ khác, trong bữa tiệc, các sân được treo đèn lồng, trên các bàn tròn, bày những món ngon nhất trong tỉnh, và chú Ba vừa ăn ngon lành vừa giảng về thuật nấu bếp, khen hoặc chê vợ chồng tôi ăn nhiều hay ăn ít. Ai cũng có quà tặng tôi hàng chồng khăn phủ giường, Hàng tá xấp lụa giường, hàng tá xấp lụa để may quần áo. Pao ngạc nhiên, bảo: "Chú Ba coi em như một con ruột chú vậy".

Trong mười ngày đầu, Pao vui vẻ dễ thương lắm, dắt nhiều "Nghĩa huynh" lại nhà chú Ba để khoe họ hàng bên nội tôi sang trọng ra sao, cái đó vinh dự cho ảnh lắm.

*

Ngày nguyên đán Trung Hoa vào tháng hai dương lịch, chú Ba đưa tôi và người vợ bé của chú tên là Yao Niang (chị này coi sóc nhà cửa ở Trùng Khánh, còn thím Ba tôi chỉ huy nhà cửa ở Thành Đô), lên máy bay về thăm nhà chú ở Thành Đô. Mỗi năm chú về Thành Đô ít

nhất là ba, bốn lần, và trong ba năm kế đó, tôi thường nhân những dịp đó, theo chú về, vì mọi phương tiện chuyên chở đã bị tổ chức Sơ mi lam kiểm soát, nhân viên ngân hàng dễ mua giấy máy bay hơn là người thường. Ngân hàng nào cũng có một nhân viên chuyên đút lót bọn Sơ mi lam để xin các giấy chuyên chở mời họ đi uống trà...

Tôi về đó lần này để được giới thiệu với đại gia đình, họ hàng, và chú Ba dùng thành ngữ cổ, bảo rằng: "Cô dâu về làm lễ nhị hỉ". Pao không đi với tôi mà ở lại Trùng Khánh, được một đám gia nhân hầu hạ. Chiếc phi cơ buổi sáng cất cánh đi Thành Đô, chỉ một lát chúng tôi ra khỏi đám sương mù mà bay lên trời xanh, trong buổi đầu xuân đó. Nhìn xuống dưới thấy đồi núi như quay trôi đi, rồi chúng tôi bay trên cánh đồng Thành Đô lấp lánh trong không khí trong trẻo và lạnh dưới ánh mặt trời rực rỡ.

Tôi đã tả trong một cuốn khác [1] lần đi chúc Tết các bà con họ hàng đó, và niềm vui thích (lần nào cũng dào dạt) khi gặp đại gia đình phong kiến của tôi, mặc dầu ngày nay ở Tân Trung Hoa, người ta không chấp nhận nó nữa.

Tuy mấy tháng sau, tôi phải nhận thấy rằng, như mọi gia đình khác, tại gia đình của tôi cũng có những điều bí ẩn không tiện nói ra, những ganh tị, tranh giành

---

(1) Cuốn Destination Tchoungking (*Đường vô Trùng Khánh*).

mờ ám, những âm mưu lén lút, nhưng thù oán, những dục vọng dữ dằn, những cuộc cãi vã nho nhỏ, rằng, hơn nữa, gia đình đó, theo nguyên tắc ngày nay, gồm một nhóm người bóc lột kẻ nghèo, nhưng về Thành Đô, xa anh Pao tôi được nhẹ mình, thư thái, điều đó đủ giảng tại sao, tôi thấy người nào trong họ cũng cực kì dễ thương mà quả thực họ rất tử tế với tôi, nhất là thím Ba tôi, ai cũng hết sức làm cho tôi vui thích, giúp đỡ tôi! Và tình yêu thắm thiết - mà vẫn sáng suốt - đối với gia đình tôi không thể nào bị thời gian hay cách mạng hủy diệt, hoặc làm cho phai nhạt đi được.

Tết là những ngày hoan lạc; nội cái tục: Tết nhất thì ai cũng phải niềm nở, cũng đủ là một lá bùa hạnh phúc rồi, suốt mấy tuần đầu năm, người ta vui vẻ, tử tế với nhau, ăn ngon mặc đẹp. Phải giữ gìn không có một ngôn ngữ, một cử chỉ khó chịu nào làm mất cái vui đầu năm đó, bản tính tôi uyển chuyển, khiến cho tôi nếu không quên được thì cũng coi thường những cuộc gây lộn với Pao. Ở giữa đám bà con họ hàng đông đúc vui vẻ đó, tôi tràn trề hạnh phúc và chỉ muốn làm vui lòng họ, tôi tiếc cho anh Pao không có ở đó và tôi viết thư bảo tôi nhớ anh. Ở bên cạnh bà con, tôi quên những lúc đau khổ của tôi mà thỏa thuê hưởng những giờ tuyệt thú (dù chỉ vì mặt trời vui vẻ, rực rỡ chiếu, và mọi người có vẻ sung sướng, thì những giờ, những ngày đó cũng tuyệt thú rồi). Trong cái tháng ngắn ngủi đó [1] tôi rất dễ dàng thắng

(1) Ở Thành Đô người ta ăn Tết trọn tháng giêng.

được bản tính nóng nảy của tôi mà sống theo nhịp điệu uể oải, biếng nhác, không biết thời khắc của họ hàng tôi, làm gì thì chỉ là làm chơi một cách cực kì tỉ mỉ, kiên nhẫn. Có lẽ có tính cách hơi khôi hài đấy, nhưng tình yêu chân thành cho sự bó buộc đó hóa dễ dàng, thành thử lần đó tôi thực tình tan hòa, thích thú được tan hòa trong một nhóm và trong thâm tâm, tôi mừng tới ứa lệ rằng đã tìm được ***Đại gia đình*** rất dễ thương của tôi ở Tứ Xuyên.

Có nhiều nhà phải đi thăm: chú bác, cô dì, cậu mợ, ông chú, ông bác, thân thuộc xa gần, mà cách xưng hô không có trong tiếng Pháp, tôi phải học kĩ mới thuộc, rồi đi thăm, xá, ăn rồi xá, uống trà rồi xá, tôi ngoan ngoãn theo thím Ba tôi, như con gái của người vậy. Vui đáo để, ngày nguyên đán, phải xá tất cả những bậc trưởng thượng. Không khí lành lạnh đượm chút ánh nắng trong sân, trong vườn, những cây mai, cây mận, cảnh phơn phớt hồng hay phơn phớt vàng tỏa hương, nhè nhẹ, vạn vật được trang điểm rực rỡ, vui tươi, biến đổi hẳn đi, thị trấn Thành Đô cổ và yên tĩnh đẹp làm sao với những ngõ quanh co, những căn nhà bằng phên trát thạch cao, không vững, những nóc ngói xám, những con két xanh đỏ, đu đưa trên cái sào bằng thiếc, trước các cửa tiệm, những cánh cửa sơn then dán những tấm giấy điều mừng năm mới, những tiệm trà danh tiếng sao mà nhiều thế, và trong không khí lành lạnh ban mai, hương trà mới châm tỏa ra thơm phức, những con bé nghịch ngợm lăng xăng chạy qua chạy lại, má ửng đỏ, tóc chải nhẫn bóng,

kết thành hai cái bím cột bằng chỉ đỏ, quần áo của chúng bằng vải bông, màu sặc sỡ, coi y như những giỏ hoa biết cử động. Từng đám khách đi chơi xuân thơ thẩn trong các lối đi hai bên trồng trúc đào, ở công viên Shao-Sheng, nơi đó có dựng một đài kỉ niệm cuộc tranh đấu cho đường xe lửa Tứ Xuyên, cuộc tranh đấu đó là khởi điểm cuộc cách mạng đầu tiên (năm 1911) của Trung Hoa; những hồ đầy sen, những trà thất, và sắp thành từng hàng, từng hàng, những đông lan (lan mùa đông) màu xanh lợt, tím lợt, như hồi sinh để khoe sắc. Nên thơ thay và không sao quên được là cảnh công viên Đỗ Phủ với những bụi trúc nhắc ta đại thi hào bậc nhất của Tứ Xuyên. Trong sân, trong đền Vũ Hầu [1] mới sơn lại, màu lòe loẹt, chật cứng người lại lễ bái, nhiều gia đình kéo nhau đi hết, cha chỉ cho con tượng các vị anh hùng thời Tam Quốc. Tên những vị anh hùng đó sống lại trong những chiến công, những mưu mẹo tài tình mà người kể chuyện đạo diễn lại dưới ánh một tim đèn nhỏ bằng sợi, nhúng vào một cây đèn bằng đất đầy dầu cải (colza) hình dáng rất giống những cây đèn người Hi Lạp dùng trong thời đại anh hùng của họ. Cả ngàn hương vị cay cay của cái món ăn Tứ Xuyên, bánh mứt, hương thơm mát mát, chua chua của cam, quít, và cả một đám anh em chị em họ, khoác tay tôi (chỉ bọn phụ nữ thôi đấy), gọi tôi là chị Ba, em Ba... tôi học được cách nói của Tứ Xuyên, mặc cho thói cầu kì, kiểu cách chung quanh nhiễm lần vào tôi thấm nhuần tôi, bỏ

---

(1) Tức Khổng Minh.

hết mọi sự gò bó, tôi trôi trong sự ung dung, tin tưởng mà đại gia đình đã làm cho tôi tìm lại được, cơ hồ như phép màu đó không bao giờ dứt cả.

Sau một bữa tiệc đầy đủ mọi người, chú Ba bảo rằng đã tìm cho tôi được một tên [1] theo ngôi thứ, tức theo tuổi và thế hệ tôi, trong gia phả.

Chú Ba ghi mọi thế hệ vào gia phả, và sau này tặng tôi một bản: thế hệ tôi có tới hai mươi lăm người: bốn anh em do ba tôi sanh, bốn người con của chú ba, mười hai người con của chú sáu, và năm người con của bác cả, hai mươi mốt anh em chị em, con chú, con bác của tôi đó đều được sắp vào gia phả như anh chị em ruột của tôi, người con trai sanh ra đầu tiên gọi là Trưởng Nam, người con gái sanh ra trước hết gọi là Trưởng Nữ, không kể những người đó là con của bác tôi hay của các chú tôi, cứ ai lớn tuổi hơn hết về phía trai thì là anh cả, lớn tuổi hơn hết về phía gái thì là chị cả...

Trong sự sắp đặt theo huyết thống của cha đó, tên họ thành ra rất quan trọng vì là tên thị tộc (clan) và ở Tứ Xuyên người ta cho rằng hai người cùng một tên họ không bao giờ được cưới nhau, dù đã được chứng tỏ một cách rõ ràng họ không có một chút liên hệ nào về huyết thống. Chẳng hạn một người họ Chu không thể cưới một người

---

(1) Bản tiếng Pháp: nom de famille (tên họ) nhưng đọc đoạn sau chúng ta sẽ hiểu đây chỉ là tên đặt theo ngôi thứ trong họ, để người trong nhà, trong họ gọi, vì người Trung Hoa cũng như người mình, nhất là ở miền Nam này, không muốn gọi tên tục.

họ Chu, một người họ Lưu không được cưới một người khác cũng họ Lưu. Mà trong khắp nước Trung Hoa chỉ có 286 tên họ cho khoảng 500 triệu người, thành thử có rất nhiều cơ hội cho một người họ Chu cưới một người họ Chu, nhưng một sáng kiến khác của thời phong kiến làm cho việc đó không thể xảy ra được. Hôn nhân nào cũng phải do gia đình hai bên thu xếp với nhau, và không gia đình nào chịu kết hôn với một người cùng tên họ, vì như vậy có nghĩa là loạn luân, bị người khác chê cười, hiềm kị: tội đó nặng lắm, không ai dám mắc, không một người làm mai chuyên nghiệp nào lại nhận một việc ghê gớm như vậy [1].

Nguồn gốc tục đó, như nhiều cái khác nữa, có lẽ do sự kiện này: hệ thống thị tộc dựng trên huyết thống của đàn ông (tức phụ hệ) truyên thuyết nam tôn nữ ti ngầm chứa trong Khổng giáo, đã diệt hệ thống nguyên thủy tức mẫu hệ, và nghiêm khắc ngăn cấm sự loạn luân. Nhiều làng hồi xưa còn theo hệ thống bộ lạc, đa số dân chúng trong làng cùng mang một tên họ và kết hôn với người làng khác mang một tên họ khác, chứ tuyệt nhiên không bao giờ kết hôn với người cùng tên họ, tất cả các cuộc hôn nhân đó đều được cha mẹ sắp đặt, trai gái không được lựa chọn, tiếng "ái tình" bị cấm tuyệt, không khi

(1) Tục này ba bốn chục năm trước, ở Nam Việt còn có một số ít người theo, điều đó chứng tỏ rằng trong Nam chịu ảnh hưởng của Trung Hoa nhiều hơn ngoài Bắc, vì những cuộc di cư của Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu ở cuối thế kỉ XVIII.

nào dùng tới, hễ nói tới là làm cho người ta đỏ mặt lên, cười ngạo, nổi giận, chửi mắng...

Mặt khác, anh em con cô cậu có thể cưới nhau được, vì tên họ khác nhau. Ý niệm rằng tinh của đàn ông có ưu thế, rằng “khí huyết” do cha truyền cho, mẹ chỉ tiếp nhận để nuôi cái thai thôi cũng là một ý niệm phong kiến nữa, mà chính Pao tin là đúng.

Ngày nay đã thay đổi rồi, con cái có thể theo họ cha hay theo họ mẹ tùy ý, và nội điểm đó cũng đủ là một cuộc cách mạng văn hóa.

Cũng có những thị tộc đời đời làm thông gia với nhau, như họ Hồ, họ Hồng, họ Đăng (?) (Teng) khi sanh con, trai hay gái, thì kiếm ngay một đứa gái hay trai trong họ Chu để hứa hôn, ngược lại cũng vậy.

Trong những cuộc kết hôn đó còn xen vào những giao tình trong công việc kinh doanh, thương mại nữa, thật là rắc rối chồng chất.

Chú Ba giảng cho tôi - đúng hơn là cho hết thảy chúng tôi - những điều đó vì chú thích nói dông dài về gia đình, và không có lúc nào thuận tiện bằng ngày Tết để nhắc lại những tục lệ gắn bó ghì chặt mỗi cá nhân và cả toàn thể với cái hệ thống Đại gia đình phong kiến.

Vì vậy tôi được đặt tên là Ba và tên đó được ghi vào gia phả, hơi chiếm mất chỗ của người con gái chú Ba tôi, sanh sau tôi mười ngày, và trong nhà người ta quyết định gọi tội là *Ba cao,* cô em đó là *Ba mập* vì cô đó có da có thịt hơn tôi, mặt tròn và vui vẻ...

Ngay từ khi mới gặp mặt, tôi đã yêu quí thím Ba liền, tóc thím đen nhánh như huyền, da thím trắng và mịn, hai bàn tay rất đẹp. Hiện nay, đã 77 tuổi mà bàn tay thím còn đẹp mặc dầu da đã sạm nắng và tóc đã hoa râm. Chân thím bị bó, nhỏ xíu. Thím thấp bé tới nỗi ngồi trên ghế dựa mà chân không chạm đất. Thím rất thạo việc tề gia và việc trong họ, chỉ huy mà lúc nào cũng ôn tồn, ngọt ngào. Thím không hề phiền muộn vì chị Yao, vợ bé của chú tôi, chị này dung nhan tầm thường, có phần xấu xí, không bao giờ lên mặt ta đây, và hễ có thuốc phiện cho chị hút thì chị coi sóc nhà cửa ở Trùng Khánh một cách dễ dàng vì gốc gác ở đó, chú Ba gặp chị trong một thanh lâu, và chị đã săn sóc chú bị một bệnh không rõ rệt, chị thích thú tả cho tôi nghe triệu chứng của bệnh nhưng tôi chẳng đoán ra bệnh gì cả. Chú đã mua chị về và cho chị làm quản gia. Rất ít khi chú chuyện trò thân mật với chị, nhưng suốt ba chục năm, không để chị thiếu thốn gì cả, cả về cái khoản thuốc phiện, không bao giờ keo kiệt về tiền may sắm áo quần cho chị. Chị không tiêu hoang, kĩ lưỡng và đạm bạc như thím Ba, không uống rượu, không làm hại thanh danh gia đình, chị hút thuốc phiện một cách kín đáo, không bao giờ nướng quá ba điếu một lúc.

Ít tháng sau, chị và thím Ba tích cực liên kết với nhau vì chú Ba đam mê nhất thời một đàn bà hát bóng. Cô đào này đẹp, là "ngoại nhân" vì gốc ở Thượng Hải (cô ta bảo vậy) phá của dữ lắm, chính vì lí do cuối đó, chứ không phải vì lí do cô có thực tâm yêu chú Ba không

(điều này không sao biết rõ được), mà thím Ba và chị Yao đâm lo, mặt lúc nào cũng nhăn nhó. Thím Ba lẩm bẩm rằng chú Ba bị cô ta bỏ bùa mê, rồi thở dài, tiếp tục làm việc nhà môi mím lại, mày cau có, nghiêm khắc, còn chị Yao, thô lỗ hơn, lắm lời hơn, nghĩ tới cái nguồn thuốc phiện của mình có thể cạn đi, mà hoảng sợ, bảo rằng "minh tinh" đó là một con điếm, kẻ nào làm mai làm mối, chị biết rồi, quân bất lương đó âm mưu dùng ả nọ làm mồi để hại chú Ba, tống tiền chú Ba. Nhưng rồi mọi sự đâu vào đấy cả, "minh tinh" đó tốn kém quá, mỗi ngày mỗi đòi hỏi nhiều hơn và chú Ba chấm dứt.

Trên tường, trong phòng giấy ở ngân hàng và trong phòng khách ở Thành Đô, cả trong các phòng ở trại ruộng Ta Er Woh, gần Trùng Khánh, nơi mà chú tản cư, sau khi nhà ở Trùng Khánh bị bom dội sập, tháng 5 năm 1939, treo la liệt các hình của đào hát bóng đó: "ngực hậu hĩnh", má lúm đồng tiền, cặp mắt lớn, mơ mộng, ngước lên trời, hình nào cũng tô màu. Chị Yao càu nhàu: "Tốn kém, tai hại" Chú Ba hạ những tấm hình đóng khung đó xuống coi và diễn thuyết dài dòng về những cái đức của một khuôn mặt đẹp, có vẻ như chú trình bày một triết thuyết về cái đẹp vậy: "Này, coi những nét bày chẳng hạn, trán với cằm xứng nhau, tỏ rằng sức mạnh tinh thần rất cao... ngó cặp mắt này cách nhau ra sao... các nhà tướng số bảo khoảng cách giữa hai con mắt phải bằng chiều dài một con mắt..." Không bao giờ chú tỏ ra thô tục, khiếm nhã, nhưng hăng hái đề cao không ngớt những vẻ đẹp của ả nọ, mà chị Yao hồi đó gọi là một cái

"bộ xương", còn thím Ba thì bảo: "(Đào) nhất ở chỗ nào?" Rồi một hôm bỗng nhiên các tấm hình biến đâu mất hết, không còn ai nghe thấy chú Ba diễn thuyết về những luật của cái đẹp nữa. Chú lại tự giam mình trong phòng giấy mà tập viết. Rồi chú bước ra khỏi phòng, bảo khiêng kiệu lại, và từ tối đó, không ai nghe thấy chú nhắc tới đào hát bóng đó nữa.

Trừ cái vụ nhỏ nhặt đó ra, suốt mấy năm gần gũi chú thím, tôi thấy hai người rất hòa hợp nhau, hiểu biết nhau, bao dung nhau, không có một nứt rạn nào trong hôn nhân cả. Chú Ba thỉnh thoảng giễu thím nói chớt, và thím đỏ mặt lên như một thiếu nữ khi chú chuyện trò với thím. Buổi tối, thím thức đợi chú về, cũng như hết thảy chúng tôi, thím nóng ruột lắng nghe chân chú hàng giờ. Bây giờ chú thím đều già rồi mà vẫn không rời nhau. Sau cuộc cách mạng, chị Yao cai được thuốc phiện và chết vì bệnh lao mấy năm sau. Thím Ba săn sóc chị, và bây giờ, tuy chân bị bó, nhỏ xíu, mà thím vẫn hoạt động, có thể đi bộ mấy cây số, ngày nào cũng đi dự buổi học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, thím ham học lắm, thường tới trước buổi họp nửa giờ. Chú Ba vì đau đầu gối, ở nhà đợi thím về. Trong cảnh tương đối nghèo đó, thím vẫn sung sướng như hồi chú thím còn giàu có, giúp đỡ bao nhiêu bà con họ hàng và người dưng.

*

Qua mười ngày đầu năm ở Thành Đô rồi, thím Ba

và một nhóm trẻ trong đó có tôi, lại chơi Pihsien, một thị trấn nhỏ cách Thành Đô 15 dặm, khoảng 12 cây số. Đoàn chúng tôi ra cửa Tây, con đường sụp lún, lầy lội, bùn đỏ dính chặt vào chân bọn phu xe. Hôm đó trời nắng, thứ nắng dịu đó sẽ làm cho cánh đồng hóa ra nhớp nháp, ẩm thấp, như trong một nhà gương để trồng cây. Không khí oi ả, nặng như cái trần nhà, trùm lên vùng Thành Đô, lúc nào cũng đóng hơi nước nhè nhẹ, không khác trong phòng tắm hơi. Thứ sương đó cũng bốc từ những cánh đồng bón phân, đất đen và mầu mỡ lên chỉ trong vài tuần cuối đông - một mùa đông ngắn và không lạnh lắm - và trong hồi đầu xuân là không khí tương đối khô ráo. Khí hậu luôn luôn ẩm thấp đó làm cho da các thiếu nữ được mịn như cánh hoa mộc lan (magnolia); ngay những người đàn bà đã có chồng, xanh xao, siêng năng, lùn, mập, thiếu ăn, nước da cũng tốt. Bọn phu đi dép bằng rơm đan, lội bì bõm trong bùn, và một lát sau chúng tôi ra khỏi thị trấn, tiến nhanh về phía Pihsien. Tôi nhìn bắp thịt vồng lên trên lưng người phu xe của tôi. Chú ta ở trần, nhễ nhại mồ hôi mặc dầu trời lạnh, đầu quấn một cái khăn để mồ hôi khỏi chảy xuống mắt. Tôi muốn xuống xe đi bộ, nhưng như vậy không được, thím Ba không khi nào cho phép.

Chú Ba đã nói chuyện cho tôi nghe về thị trấn nhỏ Pihsien ở phía Nam này, nơi mà tổ tiên chúng tôi đã ngừng lại đầu tiên để làm ruộng, cũng như biết bao người dân khác ở Tứ Xuyên hiện nay, cũng như hai nhà văn Quách

Mạt Nhược và Ba Kim, như Chu Ân Lai, tổ tiên chúng tôi là những người Hakka (Khách Gia) [1] thế kỉ thứ XI, bỏ lưu vực Hoàng Hà mà di cư xuống miền Nam tránh sự tàn phá của người Mông Cổ, và Thát Đát, lập nghiệp ở các tỉnh miền Nam như Phúc Kiến, Quảng Đông, nhưng các cụ tới trễ quá, các ruộng tốt đã bị chiếm rồi, phải sống nghèo nàn, lãnh canh, thành thử thời nào cũng có người di cư đi hoài để kiếm những đất tốt hơn. Nhiều người gánh thuê, bán rong hoặc buôn muối lậu, làm giặc, nổi loạn. Sau cuộc xâm lăng của Mãn Thanh ở thế kỉ XVII, Tứ Xuyên chống cự bốn chục năm, một phần bị tàn sát, một phần bị dịch hạch, gần như không còn người dân nào cả. Nhà Thanh dùng chính sách di dân, bắt những người Hakka lại lập nghiệp trong các miền hoang vu. Thế kỉ XIX họ tổ chức các đoàn quân Hakka để dẹp các cuộc nổi loạn trong miền. Người Hakka do đó rời Quảng Đông mà lên miền Tứ Xuyên ở Tây Bắc, họ theo những thuyền chở muối đi trên các con kinh, và những đường mòn trong núi mà bọn buôn lậu muối vẫn dùng. Họ định cư ở các thung lũng phì nhiêu và trong cánh đồng Thành Đô. Trong số các khu đó, Pihsien phì nhiêu, phong phú hơn cả vì mỗi năm có thể làm hai, có khi ba mùa lúa được.

Những người phu xe vừa đi - gần như chạy - trên

---

(1) Tiếng này trỏ chung những người ở phương Bắc xuống phương Nam lập nghiệp - Quảng Đông đọc là *Hạc Cá*. Người Việt mình gọi là người *Hẹ*.

đường, vừa nói đùa với nhau trong không khí mát mẻ ban mai. Chú Ba cũng xen vào câu chuyện của họ, cho họ hay rằng họ may mắn không phải sống ở Trùng Khánh, nơi mà con đường nào cũng là những thang đá đưa từ đầu thang dưới tới chân thang trên, thành thử những phu khiêng kiệu và phu xe, mùa đông mưa và sương mù, đường trơn phải cẩn thận lắm mới khỏi té, mà mùa hè, nóng như thiêu, mồ hôi chảy ròng ròng, mờ cả mắt, họ trượt chân một cái thì có thể gãy xương lắm, mà gãy xương là bể nồi gạo, bao tử đói thắt lại, không sao tránh khỏi. Bọn phu xe cười, một người bảo đã được nghe nói về Trùng Khánh, vì có một người em khiêng kiệu ở đó, và bọn khiêng kiệu này không sống lâu được, sinh lực kiệt lần đi, mùa hè cũng như mùa đông, vì mùa hè nóng như lò lửa mà mùa đông lạnh như băng, người nghèo kiếm đâu được quần áo? Vậy bọn họ quả là may mắn được sống ở thị trấn Thành Đô đẹp đẽ, bằng phẳng này, đường nhẵn như sân một dinh thự, và chỗ nào cũng có nước, do đó có nhiều quán trà để giải khát. Trùng Khánh ít nước tới nỗi cây không mọc nổi trên đá, mà tia nắng quất vào vai như nọc roi, ấy là chưa kể những tay kiệu bằng tre lún sâu vào da thịt, nhất là khi kiệu nghiêng nghiêng lên những đường dốc gần như dựng đứng...

Một chú khác bảo vậy mà đời sống đó còn hơn đời sống trong quân đội, vì chú đã thấy nhiều sĩ quan bắt lính, họ dữ như chó sói, họ vác súng đi lượm những người ngồi trong quán trà hoặc đương làm ngoài ruộng, cột người ta lại bằng dây thừng rồi lôi đi, chưa hết, họ còn

bắt người ta khuân vác những bó củi, thùng dầu, khúc vải mà họ cướp của dân, đem về tỉnh bán nữa, họ lựa những người mạnh, quất bằng roi, nhiều người chết vì bị bỏ đói, họ bắt người ta đi một ngày ba chục dặm hoặc hơn nữa, ban đêm nhốt lại, sáng sớm người nào còn sống thì lượm những người chết, kéo lê ra tới đường cái, trước khi bọn sĩ quan ngó tới. Như vậy thà làm phu khiêng kiệu cho các thầy, các ông còn hơn là vác súng ở dưới quyền bọn người miền biển đó. Chú ta có một người em bị bắt cách đó hai tháng, để lại nhà nhiều miệng nuôi. Những người phu đó kể chuyện của người khác mà là gián tiếp kể lể nỗi điêu đứng của họ, bằng một giọng cho ta đoán được rằng trong thâm tâm họ, đã sùng sục lên một nỗi uất hận...

Thật giống một cách lạ lùng những điều mà thi hào Đỗ Phủ đã tả - giống cả tới lời nói đẹp đẽ mà tàn nhẫn - trong khúc *Oán Thành Đô* mà mỗi câu tận cùng bằng một âm kéo dài ra này: [1].

Theo con đường Hin An,
Tôi nghe thấy lời than thở của những người bị bắt lính.
Tôi hỏi, người thư lại đáp:
Làng thì nhỏ, hết người rồi,
Nhưng cần phải bắt thêm lính.
Không còn tráng đinh,

(1) Chúng tôi kiếm chưa ra được nguyên tác bài này.

Chỉ còn những thanh niên nhỏ bé, ốm o.
Những người no đủ, mẹ họ vừa đi bên cạnh họ vừa khóc,
Những kẻ đói thì cô độc, không ai chúc họ may mắn
Ánh rạng đông nghịch ngợm tỏa xuống.
Đồi núi dội lại tiếng la hét của những người bị thương...
Nhưng trời đất cứ thản nhiên...

Đoàn càng đi thì tôi càng thấy cái cảnh đau khổ suốt đời đi bộ, khiêng, kéo, suốt đời cực nhọc, muốn chết đi của những người dân nghèo trong khi những nhà chỉ huy đưa họ tới cảnh tàn phá, chết chóc, họ có chống cự lại thì thẳng tay giết họ, những kẻ vô danh, không ai biết tới. Có lẽ nào chỉ có mỗi một thi sĩ thế kỉ thứ VIII (Đỗ Phủ) là nhắc tới thân phận của họ thôi ư?

Chung quanh chúng tôi toàn là đồng ruộng rực rỡ, say ánh sáng, lồng lộng dưới vòm trời, những con heo con đang chui vào cái chòi rất bẩn, sàn là đất nện, rồi lại ủn ỉn chui ra, rồi tới những xóm nhà xám và đen, xây bằng gạch chắc, và chúng tôi thấy Pihsien hiện lên trước mặt, với thành lũy có cổng hẹp đưa vào một con đường lớn hai bên chen chúc các cửa tiệm, và một ngôi đền mái rộng, uốn cong lên trời, hồi đó đảng viên các hội kín của cuộc cách mạng 1911 họp nhau để đánh đuổi triều đình Mãn Thanh. Trong chính điện của ngôi đền, sau những tấm màn đóng bụi, là những tượng thần mỗi năm được

khiêng ra một lần để các ngài đi soát cửa thành và thành lũy có đục lỗ để bắn súng.

Tại một khu ngoại ô, có một ngôi đình lớn, tức nhà thờ tổ họ mà ông cố tôi đã xây cất, bên cạnh là mồ mả tổ tiên, có ngôi chỉ là một nấm đất nhỏ, có ngôi được trang hoàng bằng những phiến đá lớn.

Từ Pihsien mà vị thủy tổ của chúng tôi làm nghề bán rong tậu được một khu đất nhỏ, con cháu lần lần tủa ra làm ăn khắp trong tỉnh Tứ Xuyên, dựng được những cơ sở phụ khác, lựa nơi chôn cất, từ hàng nông phu tiến lên hàng địa chủ rồi thành "vọng tộc". Ở Pihsien sự phát đạt đó hiện ra rõ ràng: đứng ở ngôi nhà thờ tổ, bao quát được các đồng ruộng và khu nghĩa địa trồng những bụi cây *lan mu* cao và mềm mại để đánh dấu chỗ chôn cất các thế hệ sau, gỗ loại cây đó dùng để đóng quan tài sau này. Ở đó, những ngày Tết, thím Ba và các thím khác sửa soạn hằng chồng thỏi vàng, thỏi bạc, bông giấy để đốt trên mộ. Và trong ruộng, ngày thượng nguyên, có một cuộc lễ lớn, múa rồng. Từ trong đền, con rồng vĩ đại uốn khúc vừa tiến ra, vừa chớp nhoáng, nó dài tới nỗi phải có một trăm người đỡ mình nó, đầu nó ngửng lên chống bằng một cây sào, nó tiến theo các đường phố, ra đồng ruộng, đi vòng quanh thành lũy, nhiều người đốt những ống thuốc súng ngay sát mình họ mà không sợ bỏng, để trừ bệnh tật mà suốt năm được mạnh khỏe. Những người đỡ con rồng đó nhô lên, hụp xuống ùa tới, vặn người để theo kịp múa rồng trong tiếng nổ của pháo,

đi vòng quanh thị trấn, ra các ruộng cải vàng, lúa xanh màu ngọc thạch, các rẫy trồng thuốc lá, cả thuốc phiện nữa, nơi đó cả triệu đường mương long lanh đưa nước vào tưới mùa màng.

Trong ba năm sau, tôi trở lại Thành Đô, Pihsien bốn lần để theo thím Ba trong các cuộc du lãm bắt buộc đó, để giúp thím thực hiện những nghi lễ tôn kính cần thiết cho tình đoàn kết trong Đại gia đình phong kiến. Lần nào, tâm hồn tôi cũng nhu thuận, lờ lờ trở lại, nửa mơ mộng, nửa mệt mỏi vì một lối sống chẳng cần phải suy tư, tự do hoạt động, cứ theo từng mùa, theo nghi lễ và tập tục là đủ, những nghi lễ đó đã xác định rồi, không phải xét lại nữa. Nếu họ hàng tôi không tốt bụng - không phải là cá nhân tốt mà là cả đoàn thể tốt, tốt không phải với riêng với tôi mà đối với đoàn thể chúng tôi - nếu không có cái tình đó thì tôi không làm sao chịu được lâu chế độ đó. Trong mấy năm đó, tôi học được về nội địa Trung Hoa, về chế độ phong kiến, nhiều hơn là học suốt đời ở một thị trấn miền duyên hải, tôi bắt đầu học cẩn thận chữ Trung Hoa, và sau này tôi còn nhớ được những điều tôi đã học, nhờ vậy không còn dở về ngôn ngữ của dân tộc tôi nữa. Tôi tập cách xoay quanh một vấn đề, phớt qua nó thôi chứ không đi thẳng vào nó, tập xét đoán tinh thần phong kiến, điều đó rất ích lợi vì nó cho tôi nhận định được còn phải gắng sức ra sao nữa mới hiểu rõ được tinh thần, tâm lí người Trung Hoa, cởi được những ràng buộc của dĩ vãng, diệt được những thái độ đã có từ bao đời nay, và những hoài bão di truyền từ mấy ngàn năm

do tập tục phong kiến. Và ngày nay sở dĩ tôi hiểu được tất cả sự quan trọng của cuộc cách mạng văn hóa là nhờ mấy năm ở Tứ Xuyên đó.

Miền chung quanh Pihsien hồi đó còn sản xuất thuốc lá, ít thôi và thuốc là ngành buôn bán chính của họ Tchou từ 1799 đến 1917, năm mà tiệm Kouang Hing vỡ nợ. Chú tôi dắt tôi đi coi những kho chứa thuốc ở Pihsien, rộng rãi, sáng sủa, chất từng bành thuốc còn nguyên lá...

Ngoài thuốc lá ra, họ tôi còn bán muối lấy ở mỏ Tseu-king lên, những mỏ này được khai thác từ đời Hán. Chú Ba bảo rằng thứ muối mỏ đó tốt nhất, nấu ăn rất ngon, nhiều người thích. Trước kia, suốt bao nhiêu thế kỉ, triều đình giữ độc quyền bán muối, giao cho những viên chức chuyên môn kiểm soát: ông cố tôi là một trong những viên chức đó. Gia đình tôi còn bán những bánh ngọt để lâu được, làm trong các tỉnh miền Nam. Lại xuất cảng gỗ, dầu trẩu nữa, nhưng không khuếch trương lớn.

*

Theo con đường cái về phía tây, cách Pihsien vài cây số là Kouan-Hien (Quán Huyện?) nơi có những hoành sơn đầu tiên của dãy núi vĩ đại trùng trùng điệp điệp chạy từ Bắc tới Nam, giữa khoảng Tây Tạng và Tứ Xuyên. Tôi có lại đó nhiều lần, tới cả những núi Tsing Cheng, ở bên kia Kouan Hien, chỗ có nhiều đền và tịnh xá của Đạo giáo. Tất cả miền đó đều trồng thuốc phiện, trồng lan qua cả miền đồi ở chân núi, tới tận tỉnh Tây Khánh.

Những ruộng trồng cây anh túc (cây thải) hồng và trắng chiếm hết những thung lũng cách biệt nhau, và Pihsien ở trung tâm vùng đó: hái được bao nhiêu, đều chở lại Pihsien bất cứ hai người dân, thì gần như có một người nghiện. Coi nước da bủng, cặp mắt lờ đờ, thân hình ốm o chỉ còn xương với da, ta thấy được là họ nghiện, người giàu cũng hút, nhưng được tẩm bổ, nên thuốc phiện không tàn phá họ, còn hạng lao công, phu phen khiêng kiệu, chèo thuyền, ăn không đủ no mà nhờ thuốc phiện để có "hơi sức" thì mau tiều tụy lắm. Chú Ba bảo: "Gia đình mình không bao giờ buôn thuốc phiện" và trừ chị Yao, trong nhà không có ai nghiện. Riêng thế hệ tôi thì chắc chắn vậy vì từ hồi nhỏ đã được cha mẹ nhắc nhở những chiến tranh nha phiến, những cuộc cướp bóc tàn bạo dã man của các cường quốc phương Tây thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX.

Trong các ổ điếm và các tiệm hút ở Tứ Xuyên, loại thuốc phiện nào cũng có bán, từ những thứ thuốc Vân Nam ngon nhất, tới những thuốc xái cho hạng khiêng kiệu, cái việc buôn bán thuốc phiện nhơ nhớp đó một phần cũng do thói tham lam của bọn quân phiệt, họ cần tiền để gây những cuộc huynh đệ tương tàn, Tứ Xuyên là tỉnh giàu nhất Trung Hoa mà lại có những kẻ nghèo nhất, những đám rách rưới, nạn nhân trong mấy thế kỉ của sự tàn bạo và sự trồng thuốc phiện.

Nhiều người trong gia đình tôi, kể cả Chú Ba, đã sống thời quân phiệt ở Tứ Xuyên, ngay năm 1939, trong

Trung Nhật chiến tranh mà uy quyền của bọn quân phiệt vẫn còn. Sau cách mạng 1911, họ xuất hiện ở Tứ Xuyên sớm hơn các nơi khác, họ là những người đầu tiên chống Viên Thế Khải, và chống thói tham quyền của Viên muốn lên ngôi hoàng đế sau khi triều đình Mãn Thanh bị lật đổ, nhưng chẳng bao lâu họ vướng vào những cuộc thanh toán lẫn nhau. Từ 1915 đến 1939, Tứ Xuyên không được một lúc nào thái bình, trước sau có tới 410 trận chiến của bọn họ, những trận tàn khốc nhất xảy ra tại miền phì nhiêu Thành Đô. Bọn quân phiệt tỉnh khác. Từ 1917 đến 1923, Lieou Wen Houei ở Tứ Xuyên đánh nhau với bọn phiệt Vân Nam, có lần đánh nhau bảy ngày bảy đêm ngay trong vòng thành Thành Đô. Nạn nhân chính là dân chúng. Kế đó, Lieou Wen Houei chống Tai K'an ở tỉnh Quí Châu, qua chiếm Tứ Xuyên, đánh nhau mười tám ngày đêm cũng trong thị trấn và ở ngoại ô Thành Đô. Bọn quân phiệt Quí Châu và Vân Nam rút lui, nhưng chiến tranh vẫn tiếp tục ở trong tỉnh Tứ Xuyên, suốt hai chục năm không ngừng.

Đường phố Thành Đô chia ra làm ra hai khu vực của loạn Đảng; từ bờ lề bên đây đường qua bờ lề bên kia, phải đóng thuế "quan", vì qua một địa phận khác. Cũng như các chư hầu thời xưa, họ đổi thị trấn thành đồn lũy, dùng uy lực bắt nông dân làm lính cho họ. Năm 1934, Lieou Hiang tấn công Lieou Wen Houei - (cháu đánh chú [1] và cùng với Teng Hi Heou, họ bao vây Thành Đô

(1) Hay Bác?

một lần nữa, mỗi người chiếm một khu, ngày ngày đúng giờ thì choảng nhau trên những đường phố chính ở trung tâm thị trấn. Nghe nói có "nước" dùng chiến xa, một "ông tướng", tôi quên mất tên, sung công tất cả các xe bò chở phân người, sai bao một lớp chiếc, cho quân sĩ leo lên, đi tấn công "địch". Tội nghiệp bọn cu li xúc phân phải đẩy những "chiến xa" đó ra mặt trận như thường ngày họ đẩy qua đường phố, ra ruộng ở ngoài vòng thành. Chết nhiều nhất là bọn cu li đó.

Các quân phiệt cần nhiều người, tiền bạc, khí giới cho những chiến tranh tai hại đó. Người thì không thiếu gì, cứ lượm ở đồng ruộng, trên đường cái, trong thành phố. Ở Tứ Xuyên có câu: «*Ba trăm dặm, ba trăm ngàn đinh* (tới tuổi bắt lính)". Gần một triệu người bị bắt từng "bầy" cho các cuộc nội chiến ở Tứ Xuyên và quân số lúc nào cũng tới 400.000. Từ 1915 đến 1943, không kể tiền dùng vào chiến phí, 71 quân phiệt vơ vét của dân riêng trong tỉnh Tứ Xuyên gần sáu tỉ đồng làm của riêng.

Từ những tô giới Thượng Hải, Hán Khẩu, các nước Pháp, Mĩ, Anh cung cấp rất nhiều khí giới cho bọn quân phiệt Trung Hoa. Sau thế chiến thứ nhất, phần lớn những quân nhu thừa thải đều gởi qua Trung Hoa, qua các hãng xuất nhập cảng Âu Tây ở Thượng Hải, chẳng hạn hãng Jardine Matheson. Hãng chúa đó làm giàu nhờ bán khí giới và thuốc phiện. Hãng Sasson ở Thượng Hải từ 1920 đến 1930 cũng làm giàu nhờ bán súng đại bác và thuốc phiện.

Năm 1917, Tứ Xuyên đã phá sản, chỉ còn rất ít tiền bằng nén bạc, và đồng bạc thật mỗi ngày một mỏng đi, sau pha thêm chì, cuối cùng biến mất hết, thay bằng thứ tiền bằng đất sét nung, dùng vài lần là gãy vụn ra. Nhưng các quân phiệt chẳng lo lắng gì cả, vì hạng địa chủ đứng về phe họ, chính họ cũng là những đại địa chủ, và dân phải đóng thuế ruộng bằng tiền thật. Chính người dân mới phải thấy cái cảnh mồ hôi, nước mắt, mùa màng của mình biến mất để thu lại một nắm bùn.

Bọn quân phiệt đánh thuế và bán thuốc phiện để lấy tiền trả chiến phí. Chính sách thuế khóa ở Tứ Xuyên đã lừng danh. Nửa triệu người ở trong quân ngũ, suốt hai chục năm, tốn 86 triệu đồng, những năm trước 1940, những năm sau tốn 140 triệu, sau khi chính phủ Tưởng Giới Thạch tới Tứ Xuyên năm 1938-39, người ta lại tuyển thêm lính nữa, vơ vét thêm tiền nữa. Chính sách thu tiền vẫn là chính sách cũ từ thời quân phiệt, nghĩa là đánh thuế và bán thuốc phiện, nhưng nông dân phải è cổ ra mà chịu một cách nặng hơn.

Thuế thì có thuế ruộng, 50 phần trăm mùa gặt hè, rồi tới vô số thứ thuế khác, bao la và tạp đa không tưởng tượng nổi, mà người ta duy trì dưới hình thức này hay hình thức khác cho tới năm 1949. Xin kể sơ dưới đây: Thuế tổng quát, thuế thuốc lá, thuế rượu, thuế phụ về chuyên chở, thuế giáo dục, thuế thương mại, thuế cho mướn nhà, thuế hội hè, thuế săn bằng (?) [1] *thuế che chở khỏi*

(1) Taxe pour l'égalisation: không thể đoán nghĩa được.

lạnh (?), thuế quân nhu, thuế hằng tháng, thuế số nhà, thuế heo ngày Tết, thuế về răng (?) thuế về đầu (?) thuế hối lộ, thuế xét chợ, thuế đèn đỏ, thuế tiệc tùng, thuế cho làng được sạch sẽ, thuế cảnh sát, thuế đường, thuế giấy, thuế gạo, thuế phụ đánh vào muối (về muối có năm thứ thuế khác nhau) thuế tàu, thuế miễn bị trưng binh, thuế miễn làm tạp dịch, thuế sắt, thuế than, thuế hộp đựng muối, thuế lò sưởi, thuế thuốc hút vấn nguyên lá, thuế đặc biệt về đèn, thuế đồ thêu, thuế nhà in, thuế gởi hàng lên phía Bắc (đánh từ 1925) thuế thị xã, thuế chiều cao của cửa ra vào, thuế chiều rộng cửa sổ, thuế tóc, thuế máu (?) thuế cân và quả cân, thuế dẹp cướp, thuế diệt cộng, thuế phụ về bình định v.v...

Phải phục các ông «tướng" đó là có tài tuyệt luân tưởng tượng ra không biết bao nhiêu thứ thuế mới có những tên mê li như: thuế thương người, thuế cho quân lính được an lạc, thuế thêm gạo cho quân lính, thuế nước, thuế tạm thời... Nội thứ thuế «cứu tế xã hội" đánh trong thị trấn Pihsien cũng thu được hai lần 309.000 đồng trong hai năm...

Những thuế đó đè nặng lên vai nông dân, thợ thủ công và các tiệm buôn nhỏ. Thuế thổ trạch đánh vào địa chủ, địa chủ lại đánh xuống tá điền, tại các thị trấn, người giàu không phải đóng thuế cửa sổ vì họ xây xung quanh nhà những bức tường "mù' cao mà không có lỗ, không phải đóng thuế đèn vì sau những cánh cửa nặng nề bằng gỗ sơn theo, không có một ánh đèn nào lọt ra ngoài. Họ

không bị bắt lính vì họ có học, không phải làm tạp dịch vì họ không phải là hạng lao động chân tay.

Nhiều khi đánh thuế vào một vật lại cao hơn giá trị của nó, muốn chở những thảo mộc dùng làm thuốc từ Bích Thạch tới Trùng Khánh, phải qua 83 trạm thu thuế, đường chở từ Tso-tchouen tới Trùng Khánh (khoảng 320 cây số), phải trả 21 thứ thuế. Từ Loh Hien tới Trùng Khánh (400 dặm) có 134 trạm thu thuế hàng hóa.

Thuế đánh vào phân người và các cầu tiêu khiến cho bọn phú gia rất bất bình vì trực tiếp nhắm vào họ: họ làm chủ các cầu tiêu công cộng, nhưng họ chỉ phải trả có mỗi thứ thuế đó thôi. Thuế "đánh vào hạnh phúc" để buộc những người chịu thuế phải tỏ ra vui vẻ, làm cho người ta bàn tán rất nhiều trong các trà thất. Một kẻ bộ hạ xảo quyệt của một quân phiệt tạo ra thứ thuế "làm biếng" để kiếm tiền cho chủ. Thuế đó đánh vào những người nào không trồng thuốc phiện... Bọn quân phiệt đặt ra những cơ quan để "trừ thuốc phiện" [1] và thuế làm biếng tính theo số cây thẩu mỗi nhà trồng: trồng càng ít thì thuế càng nặng. Thuế đó đánh cả vào những nơi không thể trồng thuốc phiện được, như Nei k'iang, thị trấn sản xuất đường, mứt, trái cây kết tinh (?) (fruits sristallises) cũng phải đóng 10.000 đồng bạc thuế "làm biếng" vì đất không trồng thuốc phiện được.

Vậy nông dân bắt buộc phải trồng cây thẩu. Những

---

(1) Thật là mỉa mai và khôi hài.

chiến dịch trừ thuốc phiện và những cơ quan các ông tướng thành lập gọi là để diệt thuốc phiện thực ra là để bắt dân phải trồng thuốc phiện, có những đoàn thanh tra đi "diệt" thuốc phiện và báo cáo về năng suất mùa "hái" thuốc phiện sắp tới. Các ông tướng còn đem quân lính đến canh và bảo vệ công việc "hái" thuốc phiện để khỏi lọt vào tay các ông tướng khác. Lính cầm súng đứng coi chừng nông dân lấy nhựa đặc, màu nâu của trái thẩu... Các ông tướng ham thứ nhựa đó tới nỗi chủ ruộng phải cho người đi theo nông dân, đút từng muỗng cơm cho họ trong khi họ rạch trái thẩu để lấy nhựa, nhựa này chảy ra một lát là sậm lại, đặc lại, công việc tinh tế đó họ phải làm đi làm lại cả ngàn lần trong những khu ruộng trồng khẩu. Họ thay phiên nhau hứng cho thật mau thứ nhựa màu nâu, ngưng kết lại đó, và hứng được bao nhiêu thì chở đi liền, có lính vũ trang hộ tống, người ta trả công nông dân rẻ mạt, mỗi ngày vài đồng tiền, không bằng công gặt lúa nữa, nhưng nếu nông dân không trồng thẩu thì phải đóng một thứ thuế nặng hơn *thuế mướn ruộng*...

Trước năm 1935, người ta đã thu thuế trước cho ba mươi chín năm sau. Sau 1935, người ta tăng lên, thuế trước tới *bảy chục năm*. Năm 1940, có sự lạm phát "phi mã" mãi lực của đồng tiền giảm đi gần như không còn gì, cho nên sự trưng thuế và phụ thu về đất đai, lúa má càng đè nặng lên vai nông dân.

*

Năm 1939, do sự thúc đẩy của tổ chức Sơ mi lam, chế độ Tưởng Giới Thạch tìm cách quốc hữu hóa các phẩm vật dùng hàng ngày, thành lập các cơ sở kinh doanh nắm hết độc quyền các sản phẩm Tứ Xuyên. Vì số những sản phẩm đó hạn chế, rốt cuộc thuốc phiện lại vẫn là nguồn cung cấp tiền của nhiều nhất cho sở mật vụ.

Các Sơ mi lam giựt hết sự kiểm soát các nguồn tài nguyên ở trong tay các quân phiệt địa phương... Sau năm 1938, nhiều miền trước kia không sản xuất thuốc phiện, bây giờ cũng bắt đầu trồng vì nhu cầu mỗi ngày một tăng. *Sự chuyên chở thuốc phiện đã thành độc quyền của bọn Sơ mi lam.* Các văn phòng quận huyện của Quốc Dân đảng dùng làm thương quán, chứa các dược phẩm, vải lụa, dầu thầu và thuốc phiện để bán buôn, có những đoàn thu xếp thành hàng dài trước các công sở để gánh tới trung tâm cất hàng xuống tàu, những bao, thùng ngoài dán nhãn là: “giấy tờ của chính phủ” hoặc “chiến cụ”. Sông Dương Tử thành con đường chính chở thuốc phiện từ Tứ Xuyên tới Thượng Hải, cũng như con đường xe lửa từ Vân Nam sang Đông Dương suốt chiến tranh, sự mậu dịch giữa Kemp-tai (mật vụ Nhật) và Sơ mi lam ở dưới quyền của Tai Lee, không lúc nào gián đoạn, thuốc phiện còn nguyên chất chở tới các xưởng ở Thượng Hải, Thiên Tân, để nấu thành bạch phiến, nha phiến rồi bán đi khắp nơi, đầu độc dân chúng trong các thị trấn Nhật chiếm đóng...

Nói về chuyện đó cũng như các chuyện khác, chú

Ba thao thao bất tuyệt, Chú bắt chước cử động của những người lấy nhựa thuốc phiện cầm con dao nhỏ lưỡi cong rạch trái thẩu ra sao. Chú kể những cuộc đụng độ giữa bọn ăn cắp cũ, bọn Klao và bọn xâm lăng mới, những cuộc Sơ mi lam bắt cóc các ông tướng nhỏ bộ hạ của các ông tướng lớn, bắt họ hợp tác với mình trong việc cướp thuốc phiện. Bọn Klao thỉnh thoảng ủng hộ các nhà trí thức tự do để thanh toán "bọn cướp ở Hà Khẩu" danh từ họ dùng để trỏ chính quyền Tưởng Giới Thạch. Một trong số các ông chúa địa phương đó bị bọn trí thức thuyết phục, lập một "đại học" trong khu vực ông ta, và trong đại học đó, tức thì một tiểu tổ cộng sản len lỏi vào hoạt động... Bọn tay chân của Tai Lee bắt ông ta, buộc tội mang khí giới bất hợp pháp, buộc ông ta phải nộp một số tiền khổng lồ để được thả. Tới mùa hái thuốc phiện, đâu đâu cũng có những cuộc dàn trận giữa bọn Kelao và bọn Sơ mi lam.

Bọn Kelao trước kia là một hội ái quốc, phản Thanh, và đã đóng một vai trò quan trọng trong cách mạng 1911, nhưng lần lần trụy lạc, tổ chức các vụ cướp bóc, giết chóc, nắm hết sự buôn bán thuốc phiện và sự mãi dâm, đồng thời cung cấp vệ binh cho các quân phiệt. Tưởng Giới Thạch phái Dou Yuseng, tên cướp ở Thượng Hải, với những "đảng đen" tam tài của ông ta, để diệt bọn Kelao, nhưng bọn này chống cự tới cùng. Tháng 7 năm 1936, Mao Trạch Đông, thay mặt Ủy Ban Trung Ương, viết một bức thư cho bọn Kelao, gợi lòng ái quốc, nhắc

những ngày anh dũng của họ, kể cái nguy cơ Nhật xâm lăng, rán lôi kéo họ để cùng tấn công kẻ thù chung. Năm 1911, có vài tài liệu của đệ Bát lộ quân (Hồng quân) cho hay rằng quân lính gặp nhiều nỗi khó khăn do các hội kín có thế lực ở thôn quê gây ra. Năm 1949, bọn Kelao không giúp Tưởng Giới Thạch nữa mà đầu hàng Hồng quân, thành thử Mao chiếm Tứ Xuyên mà không phải ra quân. Có tin đồn rằng trong sự thương thuyết đó, người làm trung gian là một đảng viên có uy tín của Kelao, ở tại Hương Cảng và đồng thời cũng theo cộng quân. Hiện nay ở Tứ Xuyên không còn bọn Kelao, bọn quân phiệt, mà cũng không còn thuốc phiện nữa.

*

Chú Ba sở dĩ làm giàu, khôi phục lại được sản nghiệp họ Tchou là nhờ chế độ quân phiệt, như chú đã thú nhận năm 1956 khi chú viết bài tự kiểm. Chú gởi một bản sao cho ba tôi, nhờ vậy mà tới tay tôi. Chú đã theo những lớp giảng về Mác-xít, cho nên trong bài đó tuyên bố đã hiểu rằng giai cấp điền chủ đã bóc lột dân chúng...

Sau bốn tuần về thăm gia đình ở Thành Đô, chú Ba và tôi lại đáp máy bay đi Trùng Khánh. Pao ra phi trường đón: nhờ xa nhau, tính tình anh có vẻ dịu lại, chúng tôi không gây lộn nhau trong một thời gian, nhưng chẳng bao lâu, anh lại bị hành hạ một cách vô lí, lại suốt ngày phí thì giờ thuyết những điều cực nhàm chán, mà chẳng làm việc gì có ích. Mới đầu anh không bắt chú Ba xen

vào chuyện riêng của chúng tôi, nhưng rồi một buổi chiều nhân chú Ba đi ngang qua, anh kéo lại, bảo anh đã vớt tôi ra khỏi một cảnh nhục nhã, thà chết còn hơn: cưới một người ngoại quốc. Chú Ba nghe, mỉm cười làm thinh.

Mãi đến năm 1966, hai mươi bảy năm sau, tôi về thăm chú thím, lúc này ở trong một căn nhà rất tầm thường, phía ngoài cửa Nam thị trấn Thành Đô, trong khi tôi nhấp thứ trà mà chú đã kĩ lưỡng để dành cho tôi: "Tang Pao Huang không tốt với cháu. Nó là một thanh niên có quá nhiều tham vọng". Rồi nhìn chung quanh, chú thở dài, dĩ vãng đã xa lắc rồi, đã cách mấy chục năm, đã xảy ra một cuộc cách mạng rồi, Pao không còn nữa, mà mồ mả tổ tiên tôi đã bốc đi, cải táng trong một nghĩa địa công cộng, còn ngôi nhà thờ tổ mà ông cố tôi đã xây cất nay thành một Trường mẫu giáo dạy con nông dân ở Pihsien.

*

6

Do những sự ngẫu nhiên: chiến tranh Trung - Nhật khiến tôi quyết định về Trung Hoa năm 1938, rồi làm vợ Pao và vợ chồng bất hòa, đau khổ, mà tôi trở thành văn sĩ.

Mùa xuân 1939, tôi ăn Tết ở Thành Đô xong, trở về Trùng Khánh thì Pao đương đợi lệnh đi Tây An, mà anh gọi là "chiến tuyến", danh từ này làm cho tôi hiểu lầm

trong một thời gian lâu. Mỗi lần gặp bạn thân là anh tỏ vẻ oán trách rằng những người "đàng hoàng" thì đứng một chỗ, còn những kẻ có xảo thuật, biết đút lót, con ông cháu cha, thì được thăng quan tiến chức. Suốt ngày anh kể những chuyện "ngồi lê đôi mách" về bọn tướng tá, về Sou Peiken với những chuyện động trời của ông ta ở Trường Sa, về Ho Yaotsou và T'ang T'sung (Đường Tung), chủ Phòng Nhì, về Hà Ứng Khâm Bộ trưởng Quốc phòng. Một ông nọ đã tịch thu một toa đầy những đồ mà ông ta bảo là chiến cụ, một ông khác đã bị mất chức và chắc sẽ sổ sách tiền nong. Bọn sĩ quan trẻ bực tức lắm vì *«bọn già đã bôi keo vào ghế của họ rồi ngồi vào", cứ dính chặt lấy thôi. Người ta ganh nhau để thăng cấp một cách dữ dội, thâm hiểm. Người em họ của Pao là Tang Pao Houa, thường lại thăm chúng tôi và hơi sợ Pao. Chú ấy còn ở cấp Úy, lo về quân lương và chuyên chở, giúp chúng tôi được nhiều, nhờ chú mà những rương đồ của Pao được gửi từ Hương Cảng trả về cho chúng tôi, trong đó có một cái máy đánh chữ xách tay, đẹp mới tinh, mà Pao mua đúng lúc sắp rời nước Anh.*

Cuối tháng 3 năm 1939, xảy ra một việc mà Pao cho là rất quan trọng. Anh sắp được Tưởng Giới Thạch tiếp cùng với một số sinh viên quân lực mới ở Châu Âu về. Trong tuần lễ trước ngày yết kiến, Pao tỏ ra mơ mộng, hiền từ, gần như thành kính, rõ ràng là anh có thái độ suy tư long trọng lắm. Anh chăm chú nghiên cứu các diễn văn của Tưởng, và đọc cho tôi nghe, lòng sùng bái của anh gần như lây qua tôi, tính tình anh hóa dễ chịu,

lại hứa cả với tôi rằng, sau khi tôi thành kính trầm tư như anh, thấm nhuần được cái đức rồi, thì ít tháng sau có thể anh sẽ cho phép tôi làm việc trong một bệnh viện. Trong khi tôi chờ đợi thì tôi phải viết thư xin bác Hers gởi trả những quần áo và sách vở còn để lại ở Âu Châu. Khi nào Pao có một địa vị có thể tỏ tấm lòng "tận trung" được, thì tôi sẽ tiếp tục học nữa, trong khi anh hi sinh cho tổ quốc trên mặt trận". Bây giờ thì tất cả tương lai của anh còn đặt trên bàn cân, mọi sự còn tùy thuộc ấn tượng đầu tiên anh gây được trong tâm hồn vị Thủ lãnh (anh chụm chân lại, gót giày đập vào nhau: cắc).

Tôi bèn viết thư cho bác Hers xin gởi trả những đồ đạc của tôi, tôi cũng viết một bức thư nữa cho ông ngoại tôi. Trước đó, nhân dịp đầu năm, tôi đã viết một bức thư dài cho ông tôi, đề ngày mùng 3 tháng giêng. Cho hay tôi đã có chồng, và tôi sẽ không trở qua Bỉ nữa, tôi bảo tôi yêu quí ông tôi lắm, nhưng phải hành động như vậy vì tôi là người Trung Hoa. Viết tới đây tôi còn trước mặt tôi bức đó mà ông tôi đã gởi trả lại tôi.

Về những quần áo, sách vở của tôi để ở nhà ông tôi thì khỏi lo, ông giao lại cho Hers với mấy chữ cho hay rằng ông đã truất phần gia tài của tôi (gia đình Denis luôn luôn phản ứng như vậy). Nhưng tôi còn để lại một chiếc va li chứa ít quần áo và một bức chân dung của tôi với Louis do một bạn học vẽ cho, và thình lình Pao hỏi tôi từ trước có gởi cho thư cho Louis không. Dĩ nhiên tôi đáp có: Anh bảo phải đòi lại, tôi bảo để tôi viết thư đòi

Louis, nhưng Pao cấm, ra lệnh cho tôi phải nhờ bác Hers đòi cho. Tôi rán giảng rằng như vậy lòng tự ái của Louis sẽ bị thương tổn nặng, nhưng Pao nhất định không nghe và cái việc rất giản dị hóa ra một chuyện cực kì rắc rối, phiền lòng. Louis không chịu giao bất kì cái gì cho người khác, chỉ giao lại cho tôi thôi. Anh chỉ đòi tôi viết cho anh một chữ cho hay tôi đã đoạn tuyệt và muốn anh trả lại tất cả những cái gì của tôi. Anh viết thêm: "Sở dĩ anh chấp nhận như vậy là "vì nước Trung Hoa". Anh ngỡ rằng tôi đã bị ai ép buộc ra sao đó, nên tôi mới làm thinh và có thái độ kì cục như vậy. Ý muốn của anh không có gì đáng trách, anh tự cho anh là bị xúc phạm. Bác Hers bỗng nhiên viết thư giảng đạo lí cho tôi, tỏ rằng chính bác cũng chẳng hiểu việc gì đã xảy ra...

Và tất cả những rắc rối đó chỉ vì vài cái quần áo và vài bức thư. Pao hành động như thể tất cả tương lai anh tùy thuộc mấy thứ đó, anh nổi điên lên, hôn mê như người lên đồng, đánh đập tôi, bảo rằng một ngày kia anh sẽ thành một vĩ nhân, và Louis sẽ dùng những bức thư của tôi để làm nhục anh, dọa dẫm anh. Tôi không thể nào bảo anh hay rằng cái chuyện đó không chắc gì xảy ra, vì chưa nói thì anh đã hét lên: "Mày dám bênh vực nó, mày dám cãi lời người chồng cao thượng của mày hả?" Rồi đánh tôi túi bụi.

Rốt cuộc Louis phải nhường, mọi thứ đều gởi tới Hương Cảng, cất trong phòng sắt Ngân hàng Trung Hoa, và năm 1950 tôi lại đó lấy ra, lúc này Louis và Pao đều

không còn sống nữa, mà những cái đó có quí báu hoặc quan trọng gì đâu. Nhưng bác Hers gởi riêng cho tôi bằng đường hàng không, những bằng cấp của tôi ở đại học Bruxelles, may làm sao, gói đó tới trong khi Pao đi vắng. Em họ của anh, Pao Houa, giao lại cho tôi vì Pao chỉ dặn chú chặn thư chứ không chặn những bưu kiện gởi cho tôi. Tôi giao những bằng cấp đó cho chú Ba, chú cất mấy năm trong tủ sắt riêng của chú tại ngân hàng Meifeng.

Tới ngày Pao được vào yết kiến Tưởng Giới Thạch mặt mày nhẵn nhụi, giày đánh thất bóng, bận quân phục đẹp nhất, thật tề chỉnh, đeo găng tay trắng, Pao ra đi, tươi rói. Tôi đã giặt đi giặt lại đôi găng của anh, nhưng nước Trùng Khánh không trong sạch lắm, khó mà giặt găng cho trắng được, nên chúng tôi đã mua phấn bột để đánh thêm. Tôi mong rằng Pao đừng hăng hái xiết tay ai quá mạnh, kẻo phấn bay đi hết...

Cuộc yết kiến đó có hai kết quả, trước hết là Pao nhận được một tấm hình lớn của Tưởng Giới Thạch, với chữ đề tặng do chính tay Tưởng viết, chúng tôi đem treo ngay lên tường trong phòng ngủ, rồi vài hôm sau một ngôi sao nữa xuất hiện trên cổ áo của Pao: anh đã lên trung tá, không còn là thiếu tá nữa.

Cái thói kì cục đeo găng trắng đó là do Tưởng Giới Thạch cho rằng ăn bận như vậy mới đẹp, nó đã làm cho Pao có lần đau khổ vô cùng. Hôm đó anh quên đeo găng và thình lình Tưởng cho gọi lên hầu. Khi Tưởng thấy

anh quên đeo găng, rầy mắng anh, anh kinh hoảng về nhà, mặt nhợt nhạt... Thua một trận, mất một triệu quân lính, là điều không đáng kể, nhưng không đeo găng mà vô yết kiến thì là một trọng tội...

Vài tuần sau, Pao ra đi, bảo là để thanh tra "mặt trận đông bắc" ở Tây An. Anh khóc lóc, lắp bắp rằng chuyến này đi thì sẽ chết, tôi ân hận vô cùng, hứa sẽ viết thư đều đều cho anh. Anh là vị anh hùng hi sinh cho bổn phận, tôi sẽ là người vợ tiết nghĩa chờ đón ngày anh về... y như nhân vật trong các truyện lối cổ, trong cái hài kịch đó, chúng tôi lựa những vai đó...

*

Bước qua tháng tư, màn sương mù tan dần, trời quang đãng, và chỉ ít bữa, một màu trắng chói lọi, tản mạn tỏa khắp, do hơi nóng lóa mắt bốc từ núi ra, và ánh nắng phản chiếu từ dưới sông lên. Có vài lần báo động phi cơ Nhật bay tới: Báo đăng những chuyện trên mặt trận. Có những thị trấn được lấy lại ở trong tay Nhật rồi bỏ, theo "chiến thuật rút lui". Tin tức từ mặt trận không cho chúng tôi biết điều gì cả, thực sự chẳng có gì xảy ra, trừ ở mặt trận cộng sản, nơi duy nhất có vài trận thực sự tấn công Nhật. Nhưng báo chí Trùng Khánh chẳng đăng một hàng nào về mặt trận đó cả.

Tôi dạo thành phố, tập viết chữ, đọc *Tam Quốc Chí*, viết thư cho Pao. Anh cam đoan với tôi rằng sau khi anh về, tôi sẽ được phép làm việc... Tôi rất ít đi thăm ai, trừ

gia đình K'ang, ở một ngôi nhà rất rộng đối diện với nhà chú Ba, bên kia đường...

*

Năm mươi một tuổi, tôi bị xuất thần lần đầu tiên, như người lên đồng, đương lúc tỉnh, mới đầu tôi xấu hổ lắm vì không ai bị bệnh đó cả. Tôi cho tật đó là ghê gớm lắm, bất thường, liên quan chặt chẽ với một trọng tội. Hồi đó tôi không biết rằng nhà văn, những nhà sáng tạo thường có trạng thái đó. [1] Tôi đã sống trong một gia đình có tiếng "nghệ sĩ" cũng như tiếng "kép hát" hoặc "thi sĩ" là tượng trưng một sự bất lực nay vầy mai khác, một khuynh hướng đáng xấu hổ, mà cái việc "mơ mộng giữa ban ngày" là một việc gần như ngu xuẩn. Cho nên khi tôi bị cái trạng thái như mất hồn kì cục đó, thì mới đầu tôi rán thắng nó cũng như thắng cái thói quen làm bằng tay trái. Nhưng rồi xảy ra nhiều tai biến, chính cái gì khác trong bản chất tôi đó đã thắng tôi: Một đối thoại, một việc xảy ra, hoặc một giấc mộng đêm trước làm cho tôi quên hết mọi sự chung quanh, tới nỗi tôi đi mà gặp cái gì cũng đụng vào cái nấy. Má tôi la: *«Mày mở mắt mà ngủ đấy hả?"*.

Bây giờ ở Trùng Khánh tôi lại xuất thần, mà lần này là phước cho tôi, nhờ vậy mà tôi khỏi bị ám ảnh vì cảnh

(1) Chẳng hạn văn hào Nga Dostoievski và Mahamel, người sáng lập Hồi giáo.

ngộ hiện tại của tôi, vì Pao, khỏi bị lo lắng mà hại tôi suốt đời.

«Ông ta tập thản nhiên, vô tri giác, dù cây liễu mọc ở cánh tay hoặc chim làm tổ ở trên đầu ông cũng không biết".

Tôi đọc câu đó trong một cuốn sách của chú Ba và thấy nó cơ hồ như biện giải cho những lúc xuất thần của tôi. Từ khi Pao đi xa, tôi thơ thẩn, thích mơ mộng, quên hết thảy, trừ những giờ đăm đăm nhập định đó, một lát sau tôi cựa quậy, trở về trạng thái bình thường, để nói chuyện với chú Ba... Tôi nhận thấy có biết bao phụ nữ miệt mài trong cuộc sống vô nghĩa này mà tự ý làm cho cá tính của họ tiêu tan mà đi một cách đáng thương, và mặc dầu tôi có vẻ cũng lệ thuộc cuộc sống đó như họ - vì tôi cũng "lặp lại" cử chỉ của họ, làm tất cả những việc họ làm - nhưng tôi vẫn rán tìm cách thoát ra. Và, tôi thoát ra được.

Tôi thường lại chơi cái hẻm núi rộng lớn, nơi con sông Ka Ling đổ vào sông Dương Tử, ở đó có mỏm đá cao trên ngọn là thành phố Trùng Khánh, tôi đứng ngắm hàng giờ dòng nước cuồn cuộn với những thuyền chen chúc nhau, cánh buồm như những ô vuông. Phong cảnh dựng đứng và trơ trọi đó có một vẻ đẹp hùng vĩ, tôi nhìn dòng sông Dương Tử uốn khúc quanh những mỏm đá, như một đường hầm mờ mờ đưa tới xa xa tới những hẻm nổi danh ở Tứ Xuyên. Ngay dưới chân tôi, dưới 478 bục đá kia là bờ sông, chất lộn xộn những thùng, những bành

hàng hóa mà phu phen tranh nhau đưa lên vai để khiêng, rồi leo, leo, leo, những bục thang thành một đoàn bất tuyệt, leo hoài không ngừng, và người ta thấy cổ họ, chân họ nổi gân lên, nghe thấy hơi thở hổn hển của họ phát từ những bộ ngực lép xẹp thóp lại. Họ leo, leo dốc, nối nhau thành hàng bất tận, vai lúc nào cũng vác nặng. Tôi thấy những phu khiêng kiệu, chiến đấu từng bục, từng bục một, cái cán tre đâm sâu trong thịt họ, mỗi khi kiệu lắc lư, trong kiệu, các công chức đội nón nỉ, bận đồng phục gù cài tới cổ, ưỡn người ra khoan khoái. Tôi không ngớt nhìn những người lao động đó làm việc không nghỉ, vác bốc, kéo hàng - và thật là vô lí, không hiểu tại sao tôi lại muốn ở vào địa vị họ, tôi mua đôi dép rơm mà họ đi, uống thứ trà đậm, chát mà họ uống ở các quán cóc bốn bề gió thổi, tôi cũng leo những bục thang như họ, nhưng hỡi ơi, không vác gì trên lưng cả. Cảnh đó ám ảnh tôi, tới nỗi tôi đã hai lần tả trong hai tác phẩm của tôi.

Rồi bước qua tháng năm, có tin đồn rằng Nhật sẽ dội bom dữ vì trời quang đãng. Chú Ba về Thành Đô với chị Yao, sau khi bảo gia nhân đóng thùng tất cả các bảo vật trong nhà để đem gởi Ngân hàng. Bọn gia nhân và tôi bắt đầu đóng thùng thì ngày mùng 3 tháng 5 có nạn dội bom. Nhưng ngày mùng 4 cuộc dội bom mới tàn phá nhiều nhất những khu đông đúc nhất trong thị trấn, còi đã hụ chấm dứt báo động, ít nhất là chúng tôi tưởng vậy, nhưng phi cơ địch tưởng đã đi rồi, trở lại dội bom như mưa xuống những đường phố đông nhất ở Trùng Khánh,

và hỏa hoạn nổi lên khắp nơi. Một trái bom rớt đúng vào nhà chú Ba, tôi với hai gia nhân bị vùi một lúc dưới đám vôi gạch vụn, nhưng rồi chúng tôi chui thoát ra được và chạy trốn vừa kịp trước khi ngôi nhà bốc lửa, bom vẫn tiếp tục rớt xuống, và thiên hạ càng chạy ra khỏi những căn nhà cháy ngùn ngụt, thì nỗi kinh hoàng càng tăng lên. Tôi đã tả tất cả cảnh tưởng đó: [1] tối đó gần hết dân cư ở khu trung tâm đông đúc nhất, chạy ra ngoài thành phố ra sao, tôi chạy lại ngân hàng Meifeng ra sao, ở đó tôi gặp được anh Hai ra sao, tôi đã tả đám người tìm chỗ ẩn núp trong ngôi nhà rộng bằng đá đó trong khi trọn mấy dãy phố cháy chung quanh chúng tôi, trong ngân hàng đèn tắt hết trừ vài ngọn đèn dầu nhỏ chập chờn, mà ở ngoài thì là một lò lửa mênh mông! Tôi đã kể rằng đêm đó các nhân viên ngân hàng và tôi, khoảng trăm người ra khỏi châu thành đi bộ lại một chi nhánh của ngân hàng thôn quê tại Ta Er woh, vì có tin đồn tụi Nhật sắp trở lại nữa, dội bom cho tới khi nào Trùng Khánh chỉ còn là một đống gạch vụn bốc khói mới thôi, tôi đã tả đám đông ùn ùn kéo nhau đi, và nhờ ánh những ngọn lửa vĩ đại liếm các tường của thành phố mà chúng tôi thấy được những làn sóng người trong đó có chúng tôi, rồi chúng tôi đi suốt đêm ra sao, gần như do đám đông đẩy tới, khi hừng đông leo những đồi sỏi thấp ở chung quanh thành phố, và anh Hai và tôi tới Ta Er Woh ra

(1) Trong cuốn Destination Tehoungking - Nhà xuất bản Stock.

sao: đoàn chúng tôi gồm 14 phụ nữ và 39 đàn ông.

Hôm sau vẫn còn người tản cư. Chúng tôi nghỉ ngơi bên sườn đồi đưa từ cái sân có kho hàng của Ngân hàng Ta Er Woh xuống, nhìn thấy lớp sóng người bất tận ra khỏi Trùng Khánh, đeo theo những vật tùy thân. Nhưng tôi muốn trở về thị trấn, vì ngại rằng Pao tưởng tôi đã chết, tôi muốn đánh điện tín cho anh hay. Anh Hai không chịu hiểu tôi, cho rằng tôi điên, tôi mới tới mà đã đòi về liền. Nhưng tôi cảm thấy rằng bổn phận tôi phải làm cho anh Pao yên tâm... Ảnh đã chẳng bỏ hết để quay về Vũ Hán kiếm tôi đấy ư? Anh Hai mới chợp mắt được một chút. Giận lắm, bảo tôi: "Ít nhất cũng ăn đã rồi hãy đi". Tôi vâng lời anh rồi lại đi bộ 15 dặm (khoảng 10 cây số). Lần này đi ngược dòng đám người tị nạn, tôi có một cảm giác lạ lạ, tôi cứ bước tới, mặc dầu nhiều người la: "Coi kìa, cô kia quay trở lại kìa!".

Khoảng ba giờ chiều tôi tới trụ sở hội Thanh nữ Ki tô giáo, vẫn ôm chiếc áo choàng ngoại của Pao, vật duy nhất của tôi khỏi bị cháy. Sau cùng tôi tới Ngân hàng Meifeng, tìm được hai vòi nước để uống và rửa mặt. Kế đó tôi lại Sở Bưu điện, thấy một đám người tụ họp ở đó, nhưng nhân viên không nhận đánh điện tín nữa. Tôi đành trở về Ngân hàng, nghỉ trên một cái ghế hẹp mà dài, sáng hôm sau trở lại bưu điện. Tôi không đói khát nhờ có mấy hàng bán rong, họ đối với tôi rất tử tế. Họ cho tôi uống trà, ăn cơm, giúp đỡ tôi, mà tất cả những người đó đều ở lại, chứ không chạy trốn, tôi ăn một bữa cơm nữa

với một gia đình khác mà tôi không được biết tên.

Buổi chiều hôm sau, anh Hai trở ra. Không có đèn, chúng tôi lấy những sợi dây thừng cũ để cột thuyền, quấn lại thành bó đuốc, chúng tôi sống một tuần lễ như vậy trong khi thị trấn hồi sinh, các người tản cư lần lần trở về, các gia đình tìm kiếm nhau, một tờ báo nhỏ được phát hành (các máy in bị phá hư, ba nhật báo chính phải gom máy móc và nhân viên lại mới cho ra được số báo đó), một bọn người đánh chiêng đi rao khắp các đường phố tên những em thất lạc, ngày thứ ba, những người đưa thư bận quần áo xanh, cẩn thận đi ghi địa chỉ những nhà bị tàn phá và thỉnh thoảng thấy một cái thùng với một cái bảng ghi: *«Trước kia, đây là nhà số 4 đường Dép Nỉ"*, và ở bưu điện người ta đã phát thư cho những ai lại lấy.

Tôi không muốn lại đại bản dinh của Pao hoặc lại nhà các "nghĩa huynh" của ảnh. Tôi ở lại ngân hàng Meifeng... Ít bữa sau, tôi nhận được thư của chú Ba bảo tôi về Thành Đô. Tôi lên máy bay về Thành Đô. Thím Ba đưa tôi lại ông lang, tin chắc rằng thế nào tôi cũng đau. Thành Đô được nguyên vẹn, không có những nhà cửa đổ nát, thiên hạ vẫn bình tĩnh đi dạo, không phải tìm chỗ đặt chân trong đám vôi cát vụn, không phải lớn tiếng gọi những đứa con thất lạc, nhìn cảnh đó tôi thấy lạ lùng quá.

Tới Thành Đô rồi tôi mới bắt đầu có những phản ứng sợ sệt. Ban đêm, nghe tiếng phi cơ, trước khi tôi biết

rằng mình sợ, thì tim đã đập rất mau. Nhưng tới mùa thu, tôi bình phục.

*

Mãi đến tháng sáu. Pao mới ở "mặt trận" về, anh ở nhà chú Ba tại Thành Đô ba tuần, vì ở Trùng Khánh chúng tôi không còn nhà nữa.

Gặp lại anh, tôi mừng lắm, trong khi vắng anh, tôi quên hết những tật của anh, chỉ nhớ thái độ cao quí, lòng ái quốc, hi sinh cho quốc gia của anh thôi. Tôi ngây thơ hỏi anh có dự nhiều trận tại mặt trận Hoàng Hà, nơi anh bảo đã tới không. Anh đăm đăm ngó phía trước vẻ đau đớn và đáp: "Dĩ nhiên", mà chẳng cho tôi biết một chi tiết nào cả. Tôi rụt rè hỏi thêm:

- Tụi Nhật dã man lắm không? Anh có thấy rõ chúng không?

Anh xẵng giọng đáp:

- Một sĩ quan không bàn về vấn đề võ bị với đàn bà.

Thế là tôi không hỏi nữa. Nhưng ít bữa sau, các bạn của anh tới thăm anh và trong câu chuyện, họ thường nhắc tới tên Hồ Tôn Nam. Pao bảo rằng được Hồ tiếp đãi rất long trọng, rằng trong một cuộc đua ngựa, anh đã thắng mặc dầu tại bản dinh Hồ Tôn Nam có một đội quân Hồi ở Cam Túc, toàn là kị sĩ giỏi cả... Pao có vẻ tự mãn lắm, mấy ngày sau chỉ lo viết thư cho Hồ Tôn Nam.

Sau này tôi mới hay rằng mấy tháng đó anh ở Tây An, trong ban tham mưu của Hồ Tôn Nam, mà quân đội của Hồ không hề giao chiến với Nhật, vì họ chỉ có nhiệm vụ phòng tỏa Diên An thôi. Pao đi thăm là thăm "mặt trận" đó với vài sĩ quan trẻ khác, trong đó có Vĩ Quốc, người con thứ của Tưởng, đã vô bộ tham mưu của Hồ Tôn Nam.

Pao về được khoảng mười ngày thì thình lình hết dễ thương, lại bị con quỉ cũ của anh hành hạ. Phẩm Hạnh và Đạo Đức. Đạo Đức và Phẩm Hạnh. Tôi thiếu cả hai thứ đó. Nhiệm vụ của anh là phải cứu vãn tôi, dùng uy quyền tiêm hai cái đó cho tôi. Hôm sau, trong một bức thư. Hồ Tôn Nam đã ám chỉ đến tôi, hay rằng gia đình tôi ở Thành Đô, Hồ ngỏ ý muốn lại thăm tôi và gia đình tôi, và Pao sợ rằng khi thấy nét mặt tôi có vẻ lai, Hồ sẽ chê tôi, vì thói bài ngoại của Hồ, ai mà không biết. Như vậy Hồ có thể mất ấn tượng tốt về Pao! Pao viết thư cho Hồ rằng tôi "nhút nhát" lắm, không chịu gặp bất kì ai. Tôi sống trong đại gia đình tôi và không ai có thể "bứng" tôi ra khỏi được, lại thêm tôi đương có mang...

Thế là bắt đầu một loạt lẩn trốn thoái thác, bịa chuyện ra để nói dối. Không những anh dối trá khi nói về tôi, mà cả khi nói về anh nữa. Để cho tôi phục anh, anh bịa những chuyện lâm chiến của anh, anh bảo anh thuộc khóa Hoàng Phố thứ tám (thực sự là khóa mười một), để được thêm thâm niên trong chức vụ, những chuyện anh bịa ra để khoe khoang không ăn khớp với nhau, anh phải bịa

một chuyện khác để "giải thích". Bị bắt gặp tự mâu thuẫn với mình, anh chỉ còn cách ương ngạnh cãi rằng anh "thành thực", tỏ vẻ rất tức giận sao người ta dám nghi ngờ lời anh, cả những khi anh tuyên bố một điều ai cũng biết là sai: Trong những chuyện anh bịa ra loạn xạ đó, không còn gì là lẽ phải, là hợp lí nữa, cái gì anh tự cho là sự thực thì phải đúng, không cần mạch lạc, bàn bạc gì cả, cứ một mực chuyên chế, nay rày mai khác. Anh bắt tôi phải tuyên bố với mọi người rằng tôi có mang, không chịu đi đâu cả. Anh bắt tôi không được mang họ Tchou nữa, mà mang họ Tang... Điều đó tới tai chú Ba, chú vừa giận vừa sững sờ, gần như cho rằng anh muốn làm nhục họ Tchou. Nhưng chú vốn khoáng đạt, làm thinh, như thể không biết gì cả.

Pao đi dạo trong các đường phố Thành Đô, thăm bạn bè, nói chuyện hoài với họ mà không chán... Bọn họ đều sợ Tưởng Giới Thạch, đều vận động để được thăng chức, đều tỏ vẻ sùng bái - ngoài miệng thôi - những qui tắc đạo đức, mà không thực hành. Hết thảy đều vui vẻ kể những chuyện tham nhũng, hối lộ, nhờ cậy người quen, và làm đúng những điều họ chê ở người khác. Không có chuyện áp dụng những qui tắc họ đề cao, vì liêm khiết, cần mẫn là điều nguy hại. Không ăn hối lộ, không mưu mô xảo quyệt là "trái bản tính con người" là hành động như cộng sản. Chỉ bọn cộng sản mới từ chối hối lộ, mới hăng hái làm việc, và mới "ngu" mà chiến đấu với Nhật. Đọc sách, tìm một giải pháp, rán cải thiện một

tệ trạng cũng là điều đáng chê: như vậy là làm cho người khác "nói tới mình", đôi khi một công chức có thể vì vậy mà "mất mặt", việc tốt hơn hết là đừng làm gì cả - nhất là đừng đề cao một người khác. Làm một việc tài giỏi thì người bên cạnh có thể bị xúc phạm. Như vậy là cũng làm "mất mặt" họ, và khi mình cần đến họ thì họ không giúp đỡ mình. Nếu mình nhắc cái tội siêng năng làm việc, thì những báo cáo sẽ "thấm" lần lên, như dầu trong một cái tim bấc, lên tới một mức nào đó là mình có thể mất mạng. Cho nên cứ lặp lại những công thức sáo, rán đừng làm gì cả để tránh mọi sự rắc rối: giao du, để họp thành một bè phái nho nhỏ, chặt chẽ, rán kiếm ba bốn chức vụ một lúc để lãnh ba bốn số lương... lâu lâu chỉ lại bàn giấy một lần cho có mặt là đủ rồi, thành thử có nhiều anh bạn của Pao xoay xở làm sao mà "ở ba bốn chỗ một lúc".

Chính vị Thủ lãnh của cái trò hề quái đản và hấp hối đó, tức Tưởng Giới Thạch, cũng có những cơn giận tàn phá, có những lầm lẫn bất thường, những thói kì cục những ám ảnh không sao hiểu nổi. Ông ta không có mục tiêu gì rõ rệt, trừ mục tiêu bám lấy quyền hành, để đạt mục tiêu đó ông không thành tín với ai hết, không có một qui tắc hành động nào hết, làm cho người này chống đối người kia, đặt những bẫy thăm dò xét bọn mật thám của ông, thình lình ra lệnh xử tử một kẻ nào đó, không cho ai khuyên bảo, bàn luận gì cả, cứ bắt người ta nhắm mắt tin, nhắm mắt vâng lời. Thờ một ông chủ như vậy thì Pao làm sao có thể khá được.

Stilwell, sau này nhận ra được thái độ điên khùng của Tưởng. Tưởng có thói bất chấp bộ trưởng quốc phòng, bất chấp bộ tham mưu, bất chấp phòng hành quân, kêu điện thoại ra lệnh cho một Trung tướng Sư đoàn trưởng tiến quân rồi vài giờ sau lại ra lệnh rút lui. Khi nổi giận lên, ông thường thốt ra lời này: "Bắn bỏ nó đi!" (Ông cũng có thói quen liệng chén dĩa, bình hoa, ống nhổ nữa vào mặt những kẻ ông không ưa), thành thử những người được vị tối cao đó mời ăn cùng bàn, thường phải viết di chúc sẵn, phòng chết bất ngờ giữa bữa ăn. Cái lối tàn phá bất tuyệt đó, những tổ chức kiểu Gestapo [1] thói làm méo mó, vặn vẹo tất cả sự kiện, những phán xét vô lí, nham hiểm đó, làm tiêu ma cá tính của nhiều người có tài năng, khiến nhiều thanh niên tương đối lương thiện hóa ra trụy lạc.

Có lần Pao và các "nghĩa huynh" than thở về tình trạng hổn loạn đầy nghẹt khí độc đó, bảo rằng "rán chống lại đống phân trong một cầu tiêu", vậy mà họ không thể sống được chỗ đó. Họ luôn luôn chỉ trích sự "bất lương" của ông này ông nọ, kẻ thân tín của thủ lãnh, nhưng tuyệt nhiên không dám phê bình một tiếng về Tưởng, mặc dầu dĩ nhiên là họ biết rõ chứ. Lương tâm của họ có đột nhiên bùng lên một chút thì bị cái thói ích kỉ trên hoạn lộ của họ dập tắt liền. Mà hoạn lộ của họ tùy tính bất thường, lúc vui lúc giận của Tưởng, tùy những phát

---

(1) Cơ quan mật vụ của Hitler.

kiến cùng nghi ngờ của Tưởng, làm sao họ có thể không thành những con người thiếu nhất trí, nay vầy mai khác, như bị chia ra từng mảnh, khi phải sống trong một hoàn cảnh như vậy?

Đôi khi trong ngôn ngữ của họ, người ta có thể nhận thấy một sự kính trọng có vẻ đê tiện, một niềm sợ sệt ganh ghét đối với cộng sản mà họ gọi là "tụi côn đồ đỏ", như khi họ buột miệng nói về Diên An: "chúng nó chiến đấu trong khi chúng ta ngồi đây nói chuyện phiếm!" Họ chê cười cộng sản là "làm bộ" lương thiện, nhưng đúng là chúng lương thiện thật mà được lòng dân (ngày Pao và các bạn chiến đấu của anh hồi đó ở Thành Đô cũng nhận rằng "tụi dân ngu đứng về phe chúng nó"), thành thử chỉ còn có mỗi một điểm để chê chúng một cách vô tội vạ là quan niệm tính dục của họ, quan niệm "tự do luyến ái". Cộng sản tuyên bố "nam nữ bình quyền". Thật là những tội ác ghê gớm nguy hại cho Trung Hoa! Ngay những báo hăng hái chống cộng nhất cũng không thể buộc tội họ là thối nát, là để lính chết đói (như trong quân đội của Tưởng).

Trong Hồng quân có những thiếu nữ ăn bận như con trai và vác súng! Họ xúi giục bọn nô tì phản kháng lại chủ! Quả phụ của họ tái giá!... Nhưng Pao thuyết về đạo đức, liêm khiết bổn phận tuân lời đến thứ kỉ luật cứu quốc trong khi những đứa con gái tám tuổi bị đem bán vào các ổ điếm (điều đó không ai cấm đoán cả), trong khi bọn người bị bắt lính lảo rảo đi ngoài đường, kẻ nọ

cột với kẻ kia như những con thú, lảo đảo, hôi hám, đói tới nỗi chỉ còn da với xương, trong khi bọn gái điếm đứng nối đuôi nhau trước các tửu quán, trong các đường phố để đón khách, trong khi cứ bốn người lính thì ba người chết đói và chết bệnh, vì bọn sĩ quan bỏ túi hết số tiền lương thực của họ...

*

Chú Ba thấy Pao ủ rũ, khuyên tôi dắt anh lại Pihsein cho anh thăm nhà thờ tổ, rồi lại Quán Huyện nơi mà dưới chân dãy đồi ở phía Tây bắt đầu là cánh đồng, mà hiện nay vẫn còn thấy những công trình thủy lợi của Li Pin cách đây hai ngàn năm đã ngăn con sông Mân làm hai, biến con sông vô dụng đó thành một hệ thống kinh và mương đưa nước vào ruộng, nhờ vậy mà cánh đồng Thành Đô hóa ra phì nhiêu tới bây giờ...

Vào một buổi sáng, Pao và tôi lại Quán Huyện. Đền thờ Li Pin phơi những nóc rực rỡ nhiều màu, những đường xoáy ốc lam và tím, những dãi màu hổ phách và đỏ thắm lượn chung quanh những con vật tượng trưng, lên lên xuống xuống theo cạnh góc của các mái hiên xiên xiên, ở trong. Li Pin và người con trai, nghiêm trang ngồi im nhìn sự nghiệp của mình: cánh đồng Thành Đô đầy những thửa ruộng lấp lánh màu ngọc bích và màu vàng, nhìn khả năng sản xuất, phi thường của cánh đồng đó, đủ để nuôi dân, vậy mà bọn nông dân nghèo khổ không tưởng tượng nổi, chỉ được hưởng một phần nhỏ mùa màng

của họ thôi. Trời hôm đó tuyệt đẹp, thơ thẩn theo dòng con sông Mân, trong ngọn gió hè phất phất, ngó những phiến đá tròn như quả trứng trong những cái lưới bằng miên liễu để che chở bờ sông khỏi bị lỡ, nhìn những chiếc thuyền vùn vụt trôi theo dòng nước cuồn cuộn, thật thích thú lạ lùng. Vòm trời xanh lợt, như lơ đảng ngó xuống chúng tôi trong không khí bắt đầu oi ả, và tôi còn nhớ rõ những tiếng trạo phu gọi nhau như tiếng chim chung quanh chúng tôi; tiếng thác đổ như tiếng ngựa giậm chân, dội vào gặm mòn cột cầu bằng đá, có tên là *Mỏm đá Voi* (sau này sập, thành thử năm 1964, khi tôi trở lại thì không còn), và tiếng gió nữa, như tiếng chim mỏ nhát, thổi xuống những ngọn đồi cây cối rậm rạp, âm u...

Những cảnh đó không làm cho Pao vui một chút nào cả, chỉ là cơ hội cho anh thuyết giáo tôi nữa, nổi cơn lôi đình một cách quá quắt nữa, tiếp theo là đánh đập túi bụi vào mặt tôi. Tôi căm hận, lầm lì, lẩm bẩm: *«Anh không có mắt, không có tai, chẳng có gì cả... chỉ nghĩ tới anh và hoan lộ của anh thôi... Cả cái chính phủ của anh chỉ là thối nát... và anh chỉ lo giữ cái địa vị của anh thôi.."*

Thế là anh đánh đập tôi dữ hơn nữa, khiến tôi mửa, sau đó bị chứng kiết lị (bệnh này, mùa hè phát ra thường), tôi xúc động, hoảng quá, ngất đi. Như những người không biết gì về y khoa, thấy tôi ngất đi trong cái đình cất trên sông Mân, đối diện với Mỏm đá voi, tưởng tôi chết, Pao thình lình hối hận, đỡ tôi dậy, vỗ vỗ vào tay tôi, khóc lóc,

hứa lần sau, không vậy nữa, bảo tôi có thể tiếp tục học thêm, muốn làm gì thì làm, đánh trả lại anh cũng được. Tôi nằm yên, mắt nhắm khó chịu lắm vì đã són ra, không đáp mà cũng không nhúc nhích... Hôm sau chúng tôi đi tới núi Tsin Tcheng Chan, phía bên kia Quán Huyện.

Núi đó có một tịnh thất rất cổ và rất nổi danh của Đạo Giáo, bây giờ vẫn còn là một nơi du lãm ở Tứ Xuyên. Những ngôi đền thanh nhã, cất từ mấy ngàn năm ở trong đám cây Ging Ko, giữa tiếng róc rách của nhiều ngọn suối, mà một ngọn đổ vào những hốc đá do thời gian và nước xói mòn, đục thành nhiều hình khác nhau, nghe du dương như tiếng đờn. Có nhiều phòng cho du khách, những chiếc giường lớn, có cột mắc mùng, nhưng đầy rệp và đêm đó tôi bắt được và giết sáu mươi bốn con, nhất là giữa những kẽ chân, giết một cách dễ dàng, mà thích thú! Tôi sắp hàng những xác rệp đó lên mặt bàn trong phòng. Tường treo những bức tranh của các họa sĩ danh tiếng. Đền cất đã trên ngàn năm, nhiều lần trùng tu rồi, nhưng lần nào cũng giữ đúng kiến trúc cổ. Trên đầu chúng tôi, trong không khí mát mẻ, nhô lên những mỏm đá phía sau là những ngọn đầu tiên của dãy núi lớn.

Chúng tội đi theo những đường mòn trong núi, Pao thì quát tháo, còn tôi thì lòng rầu rĩ, như ngây dại. Khi xuống núi, những người đã khiêng kiệu cho chúng tôi từ chân núi lên, cứ đi được độ hai giờ lại ngừng để hút một điếu thuốc phiện, họ không có tiền, xin chúng tôi trả

trước cho! Vì số tiền trả lần lên núi, họ đã mua thuốc hút hết rồi. Pao dọa dẫm, tàn nhẫn ra lệnh họ phải tiếp tục đi mà không hút, họ đặt kiệu xuống, ngó chúng tôi một cách đáng sợ. Pao diễn thuyết một hồi về cái hại của thuốc phiện, mạt sát họ là trụy lạc, nhưng rồi cũng đưa tiền. Và chung quanh chúng tôi, trong những thung lũng khuất gió, chỗ nào cũng là những ruộng thẩu đầy hoa hồng hồng, vàng vàng...

*

Về tới Thành Đô, tôi lên cơn sốt. Thím Ba cho mời ông lang tới, ông coi mạch rồi bảo tôi "khí suy" khí nghẹt trong tim, phải cho thứ thuốc thông tim. Lông mày tôi cau lại là có con rắn cuộn tròn trong óc, phải uống thuốc giải nó. Tôi cho rằng ông lang đó chỉ coi mạch thôi mà đoán bệnh, chẳng cần hỏi một câu tất là phải già tâm lí. Tôi như sắp bị một thứ bệnh kinh niên, tôi lo lắng, uống vị nhân sâm ông lang bốc cho, thấy bình tĩnh, khỏe khoắn, nhưng rồi sinh lực dồi dào của tôi đã thắng được.

Hai ngày sau tôi bình phục, nhưng đã làm cho Pao sợ. Anh than thân trách phận, phải gắng sức để "thành công", mệt thật, anh làm hết sức anh, nhưng có điều trở ngại trên hoạn lộ là anh chưa bao giờ chỉ huy trong một cuộc tác chiến. Do đó, thiếu một bực thang để leo lên (anh nói đến những kẻ phụ tá có thể giúp anh được, đến một cách dễ dàng để gây vốn, vì quân đội chỉ là một tổ chức vĩ đại làm ăn bất lương). Tôi có thể giúp anh, nhưng

phải kiên nhẫn. Tôi bảo anh đã hứa cho tôi làm việc và tôi muốn làm việc, không thể ngồi không hoài được. Thình lình anh chấp nhận: Ừ, ở đâu tại Thành Đô, nếu tôi muốn, tôi có thể học thêm, anh sẽ dắt tôi lại trường đại học để tôi có thể học để hỏi bạn... Sự đổi ý đó làm tôi ngạc nhiên. Tôi nghĩ bụng: có lí nào, rồi anh ấy lại đổi ý cho mà coi... nhưng sáng hôm sau, chúng tôi cùng lại *Đại học Trung Hoa Liên hiệp miền Tây*, ở gần cửa nam Thành Đô.

Trường Đại học đó đã hóa ra quan trọng phi thường: tập hợp sáu đại học với đủ nhân viên, sinh viên từ những miền bị Nhật chiếm đóng, rút lui về đây để tiếp tục học hành. Pao xin được gặp vị khoa trưởng Trường Y khoa, bác sĩ Kilborm, một nhà truyền giáo Gia Nã Đại. Bác sĩ Kilborn tiếp chúng tôi, ông lực lưỡng, thân mật, nói tiếng Tứ Xuyên rất hay. Chúng tôi hỏi điều kiện nhập học. Tôi bắt đầu cảm thấy rằng trở lại đời sống sinh viên là điều tôi không muốn. Tôi muốn làm một công việc gì ích lợi ngay bây giờ, liên quan với tình thế kia. Vả lại tôi cũng ngại tính tình Pao thất thường, mà cái gì cũng tùy thuộc ảnh. Trước đó Pao đã nói Hồ Tôn Nam có một người "bà con" nữ sinh viên ở đây. Pao muốn dùng tôi để gặp cô ta chăng? Tôi nói với bác sĩ Kilborn rằng tôi muốn có việc làm, và ông khuyên tôi hãy lại thăm bác sĩ Marian Manley, cũng là một nhà truyền giáo, điều khiển một nhà hộ sinh ở sát bên trường Đại học: lại đó, tôi có thể giúp ích ngay được.

Rồi Pao rủ tôi đi chụp hình chung để kỉ niệm tình yêu bất diệt của chúng tôi, đã nhiều lần như vậy mà lần nào cũng để mừng vợ chồng làm lành với nhau. Hình chụp khéo, anh đưa tôi coi rồi lại bắt đầu gây sự. Khi ở tiệm chụp hình về, anh đã ghé một nhà coi tướng số. Ông này nhìn qua tấm hình của tôi, bảo tôi có tướng lãng mạn, phải răn đe, dạy dỗ nhưng cay đắng, vì tai nhỏ quá... Anh Pao lặp lại những lời đó với tôi, tôi cãi lại rằng ở Trung Hoa có bao nhiêu cái ghê tởm, có những người bị bắt lính, cột lại, lôi ra mặt trận, thì thật đáng buồn, rằng anh không biết làm gì khác mà cứ lặp lại hoài những lời chê bai tôi về tính dục, và về tai tôi. Không kịp suy nghĩ về hậu quả, tôi nói thẳng vào mặt anh: "Anh chỉ nói xấu dọa dẫm để bắt chẹt tôi, thế thôi". Anh bảo: "Tao cứu vớt mày... tao rán cứu vớt mày mà!" - Không, anh muốn giết tôi - nhưng coi chừng đấy, kẻo mà một ngày kia quá trớn...". Anh nổi quạu, cười gằn: "Mày muốn dọa tao hả? Mày làm gì được tao? - Tôi biết tôi chẳng làm gì được anh hết, nhưng nếu tôi chết đi thì anh không dễ gì giảng giải cái chết của tôi cho xuôi được đâu - Mày phải biết rằng đàn bà tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, không có cá tính riêng chứ... Và chính anh cũng do đàn bà sinh ra. Nói vậy là anh chửi chính thân mẫu anh và tất cả những bà mẹ khác". Tôi giận quá, thở hổn hển và khi thấy anh nắm tay lại, tôi co giò chạy "Cứ đánh tôi đi, chỉ cái đó là tài giỏi được. Tại sao không đi đánh tụi Nhật kia?" Ở Tây An anh làm cái nghề ngỗng gì, ngoài cái việc đua ngựa với bạn bè? Vâng mà trước khi đi, dám nói với

tôi rằng đi đánh Nhật. Trung Hoa đã mất một nửa đất đai rồi đấy, mà anh chẳng thấy có việc gì khác là đánh tôi - Câm miệng lại, câm ngay". Bỗng nhiên anh hóa ra bình tĩnh lạ thường. Từ hôm đó, anh không nói gì với tôi về Hồ Tôn Nam nữa.

*

Tôi một mình lại trường Hộ sinh ở đường Tiểu Thiên Trúc (?) [1] ngoài cửa Nam Thành Đô để gặp bác sĩ người Mĩ, Marian Manley mà bác sĩ Kilborn đã giới thiệu.

Cô Marian Manley bé nhỏ, rất linh hoạt, nét mặt không bao giờ già vì cơ hồ lúc nào cũng có nụ cười tinh quái như con nít. Cô là một nhà truyền giáo hoạt động nhưng không cố chấp, cô em cô tên Grace và song thân cô đều làm việc suốt cuộc đời ở Trung Hoa. Tại Tứ Xuyên có nhiều gia đình như vậy: Gia đình Endiott, gia đình Chester Ronning, hiện nay là một nhà ngoại giao cao cấp Gia Nã Đại. Cha mẹ họ đã làm nhà truyền giáo ở Trung Hoa và những người thời đó tôi gặp thuộc về thế hệ thứ nhì, họ coi Trung Hoa là xứ sở của họ, hơn cả tổ quốc họ nữa và họ rất quyến luyến với Trung Hoa, điều đó là một cản trở về tâm lí: khiến họ khó gia nhập chế độ mới, vì họ hoàn toàn tin ở địa vị quan trọng của họ cùng sự nghiệp thiêng liêng của họ khung cảnh cựu Trung Hoa. Endicott nói tiếng Trung Hoa như người Trung Hoa, Kilborn và William Sewell cũng vậy, ông này sau có viết

(1) Petit bambou céleste.

một cuốn tả những sự thay đổi ở đại học, năm 1949 khi cộng sản vô Tứ Xuyên. Các nhà truyền giáo Gia Nã Đại ở Thành Đô nổi tiếng là có tinh thần tự do, có người có cảm tình kín đáo với dân tộc Trung Hoa và Hồng quân. Nhưng đa số các nhà truyền giáo Mĩ mù quáng một cách hả hê, cho tới phút chót, họ vẫn ăn ở sung sướng trong những ngôi nhà đẹp đẽ bằng gạch xám, giữa những đồ đạc tuyệt đẹp mua sắm bằng ngoại tệ, còn chung quanh họ bạn đồng sự của họ cùng sinh viên thì thiếu ăn má xanh bủng xanh beo... Cô Marian Manley không biết chút gì về chính trị, về phương diện đó, cô rất ngây thơ, cô sợ cộng sản lắm, tin chắc như đinh đóng cột rằng sau chiến tranh, dưới sự lãnh đạo của tổng thống Tưởng Giới Thạch, Trung Hoa sẽ dân chủ, sáng suốt, theo Kitô giáo vì vợ chồng Tưởng đều theo phái Giám lí [1], một giáo phái ở Anh, chính sự cải giáo của Tưởng đã làm cho các nhà truyền giáo lầm trong thời gian lâu như vậy.

Buổi sơ kiến của chúng tôi rất thân mật, Marian nhận dạy tôi liền trong nhà hộ sinh nhỏ của cô, một ngôi nhà bằng gỗ, tầm thường ngói xám như mọi nhà khác ở Thành Đô, có hai tầng cất theo hình tứ giác chung quanh một cái sân và một cái giếng. Một nửa dùng làm chỗ ở cho các cô mụ và cho cô, còn một nửa làm phòng cho sản phụ, phòng đỡ đẻ và phòng coi mạch. Có ba phòng nhỏ hạng nhất, mỗi phòng chứa được hai sản phụ, hai phòng hạng nhì, mỗi phòng gồm mười hoặc trên mười

---

(1) Methodisme.

giường. Xét chung thì có thể cùng một lúc thu nhận từ 20 đến 25 sản phụ, lại có thêm một phòng hài nhi, nuôi trung bình 30 em bé. Mùa đông, phòng này chật ních, đôi khi phải nhận từ 35 đến 40 em bé. Mỗi chiếc nôi là một cái thùng có nắp, bốn bên và phía trên có lưới sắt chắc chắn để phòng chuột. Hết thảy đồ đạc, giường, nệm bằng xơ dừa, mền bằng vải, đều làm ở trong xứ.

Các cô mụ đều gốc gác Tứ Xuyên, phải học ba năm Bài học giảng bằng tiếng Trung Hoa, vì không một cô nào biết tiếng Anh, cô Marian đọc bài viết bằng một thứ tiếng Tứ Xuyên pha Mĩ. Có từ ba đến năm cô mụ giỏi và vài cô phụ giáo, có một phòng ngủ cho khoảng hai chục nữ sinh viên về phụ khoa. Việc đỡ đẻ hầu hết là làm tại nhà chứ không ở bệnh viện, nhưng nhiều bà mẹ thích phong lưu đem em bé lại gởi, đỡ phải săn sóc.

Tôi có cảm tưởng rằng tôi học về phụ khoa dễ hơn là học năm năm để làm bác sĩ. Ở đây, học vài tháng là tôi có thể giúp ích được, chứ phải đợi năm năm rồi mới làm được một việc gì thì lâu quá, tôi chịu không được... Tôi nói với cô Marian rằng tôi sẵn sàng học ngay. Rồi tôi trở về, uống nước nhân sâm, làm bộ té xỉu dọa Pao nếu không cho tôi làm việc thì tôi sẽ chết thình lình, tôi đau ruột, xanh xao... thành thử Pao càng dễ tin, Pao có vẻ bi thảm, đáp rằng anh sẽ đi một mình, chịu cuộc đời "cực khổ" ở Trùng Khánh, rồi chắc chắn anh sẽ đau, không bao giờ còn gặp mặt nhau nữa... Nhưng, lúc đó thần kinh tôi dễ kích thích lạ lùng, nên rất dễ giả vờ cảm động. Không có gì làm khô héo lòng bằng tâm bệnh như ích kỉ, đa nghi,

kiêu căng... mà không được người khác hiểu mình. Tôi khóc lóc, té xỉu nhưng nhất định không chịu nhường một mảy may. Ảnh lại thăm tôi ở nhà hộ sinh, thăm cô Marian, chỉ chê mỗi một điểm là bệnh viện "nhỏ quá". Rồi anh huyênh hoang bảo khi nào "anh thành một nhân vật quan trọng, em muốn cất bao nhiêu bệnh viện anh cũng cất cho, em có thể thành bộ trưởng Y tế". Tôi đâu có muốn làm bộ trưởng y tế, chỉ muốn tiếp xúc với thực tế thôi, và làm một công việc mà tôi cảm thấy ở trong thâm tâm tôi và trong lòng những người chung quanh tôi, là rất cần thiết, rất khẩn cấp.

Và Pao đi Trùng Khánh một mình, không đau khổ lắm, mặc dầu anh phải "hi sinh", vì nhiệm sở mới của anh là ở nha "Tuân lệnh và Phục vụ" đặt trực tiếp dưới quyền của Tưởng, còn tôi ở lại Thành Đô, khỏi thành một trở ngại cho anh: anh đã kể, biết bao điều láo khoét về tôi, cả cái điều tôi có mang, thành thử sự biệt tăm của tôi trong một thời gian rất hợp cho anh. Lại thêm Hồ Tôn Nam, lại Trùng Khánh dự một hội nghị quân sự và Pao cũng sẵn sàng, lúc nào cũng ra mặt, để khỏi bị quên lãng trong những lần thăng chức hỗn độn. Mãi tới cuối tháng 11 anh mới về đón tôi lại Trùng Khánh, và lúc đó chiến tranh thế giới nổ, làm tham vọng vô cùng của Pao có kết quả tốt, còn tôi thì đã thành một thứ nhà văn, mặc dầu phải hai chục năm nữa, tôi mới nhận định được ý nghĩa của tiếng đó.

*

Chưa ai vạch một tổng quan theo quan điểm Trung Hoa về mùa hè 1939 bi thảm đó, trong khi tại khắp Châu Âu, người ta chuẩn bị chiến tranh, chưa ai kể những hi vọng và suy đoán về việc quốc tế hóa chiến tranh trong đám người ở chung quanh Tưởng Giới Thạch, và những vai trò chơi đánh đu giữa Tưởng và người Nhật. Hầu hết các sử gia đều cho các âm mưu vận động và phản vận động của các nước Châu Âu thời đó, kể cả Nga Sô, là trung tâm của Thế chiến thứ nhì. Nhưng đứng ở một lục địa khác thì cách nhìn sẽ khác, và đối với nước Trung Hoa chúng tôi thì thế chiến thứ nhì manh nha từ ngày 18 tháng 9 năm 1931, ngày Nhật xâm chiếm Mãn Châu, rồi xảy ra thực sự ngày mùng 7 tháng 7 năm 1937, ngày Nhật xâm chiếm Trung Hoa, hậu quả đương nhiên là chiến tranh lan qua Châu Âu năm 1939 mà hóa ra quốc tế. Ở phương tây ít người chấp nhận ý kiến đó, Trung Hoa, dưới thời Tưởng Giới Thạch, vẫn còn là một "vật" để chịu mọi áp lực từ ngoài vô, vẫn là một quân cờ trên bàn cờ của các đại cường, thụ động, ức hiếp sao cũng được. Không ai đoán được rằng trong sự vùng dậy vĩ đại xảy ra lúc đó, vai trò nhục nhã mà Trung Hoa phải chịu đã bắt đầu tan biến, quyết định mà tháng chạp năm 1936 Mao Trạch Đông buộc Tưởng Giới Thạch phải theo, mặc dầu là miễn cưỡng theo, tức quyết định chống Nhật, đã đánh dấu một khúc quẹo trong lịch sử Trung Hoa, từ đó Trung Hoa đã đổi hướng.

Nhưng cánh cửa tương lai quay chậm chạp trên cái chốt do chiến tranh thoa dầu. Ngày mùng 10 tháng 3

năm 1939, Neville Chamberlain nói về một "kế hoạch hòa bình" năm năm ở Châu Âu. Cho tới tháng chạp năm 1941 Anh vẫn tích cực và thân thiện giao thiệp với Nhật, mặc dầu Nhật lấn Anh về thương mại ở Mãn Châu và Hoa Bắc. Họ tin rằng Trục Đức - Ý - Nhật có thể bị phân liệt mà Nhật sẽ được rảnh tay ở Trung Hoa mà chia "chia nhau" thị trường Trung Hoa: Anh sẽ nhường vài quyền lợi ở Hoa Bắc để làm chủ Hoa Nam. Mọi sự hòa giải ở Châu Âu đã thất bại mà bộ ngoại giao Anh còn tranh đấu cho một sự hòa giải ở phương Đông. Kế hoạch hòa bình năm năm, do thủ tướng Anh đề nghị ở Birmingham, bị thủ tiêu đúng ngày đó, vì Hitler đưa quân vô chiếm Prague ngày mùng 10 tháng 3 và ngày 14, nước Cộng hòa Tiệp Khắc bị sát nhập vào Đức Quốc xã, Ba Lan và Hung Gia Lợi được Hitler thí cho vài mảnh nhỏ của Tiệp Khắc.

Nhưng Mĩ, mà Anh cũng vậy, vẫn tìm cách xem có cách nào làm cho Nhật và Trung Hoa "thương thuyết" với nhau không, nghĩa là có cách nào cho chính họ hòa giải với Nhật không. Nhật và Hitler thấy họ chịu nhượng bộ như vậy, càng cho là họ yếu. Ngày 22 tháng chạp năm 1938, Nhật tuyên bố trật tự mới (ở Đông Á); rõ ràng là khiêu khích bọn thực dân da trắng ở Á Châu, họ muốn lấy sự kì thị chủng tộc làm nguyên lí để chiếm Đông Nam Á, chiếm địa vị của bọn đế quốc da trắng.

Mùa xuân 1939, các nhà "kinh doanh". Và mật vụ Nhật bắt đầu tuôn vào Hà Nội và Sài Gòn. Người Pháp lúc đó lo đối phó với các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam,

hoan hỉ tiếp bọn Nhật, giúp họ đàn áp tàn nhẫn phong trào độc lập ở Việt Nam. Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp qua Trung Hoa gặp Hồ Chí Minh, ông này sau vài năm ở Moscou, tháng 8 năm 1938 về Diên An, rồi năm 1939 hoạt động tại Hoa Nam. Ông bị nhốt khám gần hai năm, do lệnh Tưởng Giới Thạch, chân đeo xiềng, thành ghẻ loét. Bắt buộc phải đi năm khám khác, bị trói mà ngủ trên một cầu tiêu, ông ta trong mấy tháng đó làm được nhiều bài thơ hay nhất.

Y Pha Nho đầu hàng Franco (29 tháng 3 năm 1939), mà chế độ phát xít thêm một kiện tướng nữa, không chịu thua kém. Nhật cũng chiếm các đảo Spratley, cách Manille 700 hải lí về phía Tây, cách Sài Gòn ba trăm hải lí về phía Nam, và cách Hương Cảng một ngàn hải lí, đó là một căn cứ quân sự quan trọng ở tiền tuyến để xuất phát tấn công miền Đông Nam Á. Rồi tới phiên Mussolini chiếm Albanie ngày 7 tháng 4.

Các nước dân chủ phương tây vẫn thờ ơ, bám lấy ảo vọng rằng có thể thỏa hiệp với Trục để thành lập một “liên minh chống cộng” rất mạnh. “Kế hoạch hòa bình” của Chamberlain chỉ là một đề nghị trá hình để mở rộng và tăng cường hiệp ước chống cộng, kí kết giữa Đức, Ý, Nhật năm 1936, ăn khớp với đề nghị “đại liên kết chống cộng” mà Nhật đưa ra với Tưởng Giới Thạch tháng chạp năm 1938.

Tháng tư năm 1939, Hitler công bố hiệp ước Anh - Đức, Von Jodl, tham mưu trưởng quân đội Đức Quốc Xã

diễn thuyết về những "nguyên tắc chiến lược" thuận lợi cho vấn đề Ba Lan "sau khi đã" giải quyết thỏa mãn "vấn đề Tiệp Khắc". Cuộc âm mưu chính trị càng ngày càng chia ra nhiều phong trào phản đối nhau, mâu thuẫn nhau. Ngày 15 tháng 4, ở Moscou, sứ thần Anh và ngoại trưởng Nga, ông Litvinov đàm thoại với nhau. Churchill viết: "Cứ xét Nga Sô từ trước bị đối xử ra sao và hiện nay vẫn còn bị đối xử ra sao thì người ta không có thể trông cậy gì nhiều về họ". Ba Lan, Lỗ Ma Ni, các tiểu vương quốc Balte [1]. Không biết bị Đức xâm chiếm với phải hợp tác với Nga, bên nào tai hại hơn, "sự lựa chọn ghê tởm đó" [2] làm tê liệt chính sách của Anh và Pháp, "là một câu ý vị của Churchill. Nhưng làm tê liệt hai nước đó, chính là vấn đề nan giải, nên liên kết với Đức và Nhật, chia nhau các thuộc địa với họ trên khắp thế giới để thành lập một mặt trận chống cộng, hay là nên liên kết với một quốc gia cộng sản: Nga Sô?

Khi Mĩ bị liên can vào thì chính sách của họ cũng nước đôi, mâu thuẫn như vậy. Mĩ mệnh danh là "trung lập" mà tiếp tục gởi cho Nhật 92% số chiến cụ cần thiết cho Nhật đánh chiếm Trung Hoa, các nhóm Mĩ thân tín hoạt động tích cực và cho tới tháng chạp năm 1941, báo chí của Heart khó khăn lắm mới duy trì được chính sách "trung lập" của Mĩ. Nhưng dư luận lần lần thay đổi, các hoạt động của Nhật ngày càng làm cho dân chúng Mĩ lo

---

(1) Tức các nước Lituanie, Livonlé, Estonie ở gần bờ biển Baltique.

(2) Giữa Nga và Đức.

ngại, nhất là khi Nhật can thiệp vào Đông Dương mùa hè năm 1939.

Churchill viết: "Nga Sô sẽ làm gì? Staline thật là con người "bí mật". Sự thật, chính khách quỉ quyệt nhất là Staline biết rõ các chính khách phương tây có gì trong đầu óc rồi. Tháng 2 năm 1939, người ta đã thăm dò về phía Đức. Tháng 5 Churchill đọc ở Quốc hội, một diễn văn lời lẽ cương quyết, thiên về chính sách liên kết Anh, Pháp và Nga: "Gấp rồi đấy, đừng để trễ "Nhưng bộ ngoại giao Anh và Pháp chống cộng mạnh quá, thành thử các cuộc thương thuyết với Moscou cứ kéo dài ra.

Staline hành động khéo léo và thận trọng để có thể nghiêng về cả hai phía. Trong cái trò tế nhị đó, Nga Sô vẫn kín đáo và bí mật cho tới phút cuối cùng, mà ai có quyền trách họ điều đó được? Tương lai của quốc gia cộng sản đầu tiên trên thế giới đó đã nằm trên bàn cân!

Ở Trung Hoa, phe cộng sản ở Diên An và phe Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh đều theo dõi và hiểu những cuộc vận động đó. Tưởng so sánh những âm mưu đó với những âm mưu thời Tam Quốc hai ngàn năm trước. Không có gì lạ trong cái trò *Real politik* (chính trị thực tế) đó, nước bài của Churchill là "giao hảo với nước xa nhất để diệt cái nguy cơ gần nhất "nước bài của Staline là: tạm thời liên kết với Đức để gạt cái nguy cơ lớn nhất là bị mọi nước đều chống Nga, cả hai nước bài đó đều hợp lí cả.

Mùa hè năm đó, Tưởng Giới Thạch đã cảnh cáo Anh, bảo rằng cái ý muốn có một vụ Munich ở phương Đông [1] sẽ gây tai hại cho Anh, Tưởng cảnh cáo như vậy, không phải là vì muốn thắng Nhật, mà chỉ vì ngại bị phương Tây hất ra ngoài các cuộc âm mưu của họ, mà Staline có thể làm cho bộ máy chiến tranh của Hitler chuyển qua phía Tây. Tưởng bảo rằng lỗi lầm lớn của Hitler là liên kết với Nhật mà không liên kết với Trung Hoa. Từ 1933, Tưởng luôn luôn lựa các cố vấn Đức, như Von Beck để giúp ông ta chống cộng. Năm 1939, vẫn còn là cố vấn Đức ở Trung Hoa.

Tháng sáu năm 1939, vì có lời yêu cầu của Nhật, Pháp ở Đông Dương không cho gửi mọi khí cụ vô Trung Hoa, do ngã Hải Phòng và đường xe lửa Vân Nam nữa.

Tháng bảy năm 1939, Anh kí một hiệp ước Anh Nhật để tăng cường uy tín của họ (họ nghĩ vậy), bên cạnh Nhật "cuộc liên kết chống cộng" mà các thực dân Âu Châu kí kết với nhau để chống Nga Sô, bị Mao Trạch Đông tố cáo ở Diên An, và mùa hè càng qua thì thế giới càng mau bị nguy cơ chiến tranh.

Buổi tối ngày 19 tháng 8 năm 1939, Staline tuyên bố muốn kí hiệp ước với Đức. Ngày 22 tháng 8, Ribbentrop (Đức) qua Moscou, tối hôm sau hội kiến với Staline và kí ngay một hiệp ước bất tương xâm. Mao Trạch Đông bảo: "Đó là hậu quả chứ không phải nguyên nhân của

---

(1) Nghĩa là nhượng bộ Nhật.

các chính sách Anh và Pháp". Hiệp ước đó có giá trị trong mười năm, nhưng chỉ hai mươi hai tháng sau, tháng sáu năm 1941, Hitler đã xua quân qua chiếm Nga. Nhưng người ta cũng đã lợi được hai năm.

Đêm ba mươi tháng 8 rạng mùng 1 tháng 9 năm 1939, Ba Lan bị Đức xâm chiếm, Hitler tuyên chiến với Anh và Pháp, ngày mùng 1 tháng 9, tức mười một tháng sau vụ Munich, thế là hết "hòa bình trong thời đại chúng ta".

*

Ở Trùng Khánh, người ta cực kì hoan hỉ khi hay tin bấy lâu nay chờ đợi, rằng thế chiến thứ nhì đã bắt đầu. Từ nay chiến tranh ở Trung Hoa phải được coi là một mặt trận của cuộc xung đột thế giới, và như vậy là tiến được một bước như Tưởng đã ước ao: Mĩ phải gia nhập chứ không đứng ngoài được nữa, và phải đổ tiền vào cái chiến tranh của ông ta, chiến tranh chống Mao Trạch Đông...

Ở Châu Âu, các phong trào hòa bình hỗn độn lắm, bị nhồi sọ vì một chính sách tuyên truyền lạc quan, các nhà trí thức phương tây tách ra khỏi các đảng cộng sản Châu Âu, nhưng về phương diện Mác-xít người ta không thể lựa chọn giữa 2 bên: một bên là chính sách phát xít thô lỗ của Hitler với những cuộc tàn sát ghê tởm sáu triệu người Do Thái: một bên là chính sách dã man, thêm

tội diệt chủng, mà từ mấy chục năm nay, các nước tự mệnh danh là dân chủ, đã áp dụng ở các thuộc địa của họ. Nhưng đối với chủ trương ích kỉ coi Châu Âu là trung tâm vũ trụ - ngay những người Mác-xit cũng không tránh được tật đó - thì những việc xảy ra ở Châu Âu so với những việc xảy ra ở các châu khác vô cùng quan trọng hơn, hiện nay các đảng cộng sản Châu Âu vẫn còn mắc chứng cận thị đó...

Hiệp ước về Nhật Bản có hậu quả là làm cho tình thân thiện Đức Nhật giảm đi. Trong giới quân phiệt Nhật, người ta đã chuẩn bị khá nhiều cho cuộc xâm lăng Đông Nam Á rồi, nhiều chính khách mới, đóng vai bồ câu, nóng lòng muốn thỏa hiệp với Anh, Mĩ, Pháp để cùng nhau chia cắt Trung Hoa. Nhưng bọn quân phiệt thắng thế, vậy tháng 4 năm 1941 Nhật chỉ còn kí với Nga một hiệp ước trung lập gồm bốn điểm, để Nhật được yên ở phía sau, mà có thể chuẩn bị chiếm đóng Đông Nam Á được. Vì Hitler đã không bàn tính với Nhật khi đơn phương kí kết với Nga, bây giờ cũng trả đũa lại, không thèm bàn tính với Đức, điều đó ảnh hưởng tới sự diễn tiến của thế giới thứ nhì.

*

Một buổi chiều tháng chín, mưa lất phất mà oi ả. Tôi đã học và làm việc ở nhà hộ sinh được ba tháng rồi. Tôi vô phòng khách của cô Marian Manley để trả cô một cuốn sách. Ở nhà hộ sinh, xa Pao, tôi có thể đọc

sách mà không sợ bị anh giựt, có khi xé trước mặt tôi nữa.

Cô Marian đương ngồi trước máy đánh chữ, ngày nào cô cũng đánh máy những bức thư dài gởi về gia đình, cô lại viết truyện ngắn và làm một trường thi nội dung là một truyện cổ tích Trung Hoa. Vài truyện ngắn của cô viết về Trung Hoa đã được đăng trên các tạp chí Mĩ, như tạp chí *Woman's Home Companion* (Người bạn trong nhà của phụ nữ). Cô cũng đã viết một cuốn về Trung Hoa, nhưng chưa tìm được nhà xuất bản. Bây giờ cô muốn viết một tiểu thuyết kể một truyện xảy ra ở Trung Hoa. Cô bảo: "Tôi biết rằng tôi có thể viết được, tôi biết vậy".

Tôi không nhớ tại sao cô có vẻ "khác người", hơi cách biệt các nhà truyền giáo khác ở Đại học, ở tại bệnh viện Thành Đô, không phải vì tư tưởng tôn giáo của cô đâu, mà vì cô không có tính theo đời, nên thích được cô liêu, chỉ huy nhà hộ sinh nhỏ và trường phụ khoa này, sống nơi cách biệt với các nhà truyền giáo khác. Hay là tại văn nhân nào cũng cần được cô liêu chăng? Tôi thấy cô khả ái, và chúng tôi mỗi ngày một thân với nhau hơn.

Buổi chiều tháng chín đó, cô Marian đương đánh máy, ngước mặt lên khi tôi bước vô và mời tôi ở lại uống trà, ăn vài chiếc bánh cô vừa mới làm. Tôi vui vẻ nhận lời, và cô lại nói về công việc viết lách của cô, đòi cho tôi nghe vài trang tiểu thuyết cô đương viết. Khi cô gỡ cặp kính ra, mắt cô cơ hồ hết tinh thần, buồn ngủ như mọi người cận thị khác, cô hăng hái chùi cặp kính. Cô có vẻ

trẻ trung, gần như con nít, hai chân quắp lại ở dưới chiếc ghế dựa, trong khi cô đọc rõ ràng từng âm một, như người tụng kinh, bằng cái giọng Mĩ nhè nhẹ. Tôi vơ vẩn ngó ánh tà chiếu vào những đường gân trên các cột gỗ ở ngoài hàng ba, khói từ cả ngàn đám than củi tỏa lên vòm trời chiều trắng đục, và từ căn bếp ở dưới hầm, nơi mà cô Marian và cô Grac đã làm mứt bằng thứ cam Tứ Xuyên, rất nhiều, rất rẻ, có mùi vỏ cam đưa lên làm cho tôi thèm chảy dãi.

- Sao, bà thấy ra sao?

Thình lình cô Marian gỡ cặp kính ra, lại chùi nữa, gom cả can đảm lại để nghe những lời tôi nhận xét về tác phẩm của cô. Tôi phục con người đó quá, sao mà viết hay, viết khéo được như vậy: "Truyện hay tuyệt..." cô nhún vai, cười lớn tiếng, mạnh mẽ chùi cặp kính. "Tôi mong rằng người đại diện cho tôi thích truyện đó... Tôi ước gì ông ta kiếm cách cho xuất bản cuốn của tôi được! Nhưng có vẻ như ông ta không tìm ra được nhà xuất bản. Vậy mà tôi *biết* rằng tôi có thể viết được, tôi viết *hay* nữa chứ...".

Cô nói tôi *biết,* tôi viết *hay,* cũng mạnh mẽ như khi cô giậm chân, mỗi lần có điều gì bất như ý ở nhà hộ sinh. Rồi như để xin lỗi sau cuộc hăng say bộc phát nho nhỏ đó, cô ngậm cười lại, trên mặt cô lại hiện lên nụ cười ngây thơ, nhăn nhó. Quả thực là văn cô hay: trôi chảy, đều đều, lôi cuốn người đọc.

- Tôi thấy truyện tình đó hay lắm.

Truyện một thiếu nữ bị cha mẹ ép gã làm vợ bé cho một quân phiệt, cô ta trốn thoát, cưới một thanh niên mà cô yêu... Năm 1939 ở Tứ Xuyên hoàn toàn không có được chuyện đó. Cô Marian nói. Tôi muốn viết một truyện thực hay về Trung Hoa. Tôi cho rằng người Mĩ mới bắt đầu chú ý tới Trung Hoa".

Chiến tranh xảy ra ở Trung Hoa từ năm 1937, nhưng Mĩ không dự vì trung lập, tháng 9 năm 1939, chiến tranh xảy ra ở Châu Âu, Mĩ cũng đứng ngoài... ngay những người Do Thái ở Mĩ cũng không nhúc nhích, không phản kháng các vụ hành hung Do Thái ở Đức.

- Tôi nói với cô Marian:

- Tôi đã ghi ít điều về cuộc hồi hương của tôi tháng chín năm ngoái, về sự thất thủ của Vũ Hán, về cuộc hành trình của chúng tôi tới Trùng Khánh... những cảm tưởng khi đi đường, những cái đó có thể gợi ý cho tôi viết một truyện ngắn...

- Cho tôi coi được không?

Tôi trở về phòng để lấy những tờ ghi chép đó đưa cho cô. Chỉ có ba bốn trang, chứ không hơn. Không phải là thứ "nhật kí" mà Pao bắt tôi viết, để anh cau mày đọc xem tôi đã tấn bộ được chút nào chưa trong tư tưởng, mà là những ấn tượng của tôi, gặp đâu ghi đấy, trên những mảnh giấy nhỏ, nhét vào túi trong chiếc áo dài của tôi cùng với những giấy vệ sinh mang theo dọc đường, tôi

tự cảm thấy hơi có lỗi mà không cho Pao hay. Tôi coi lại những trang đó, viết thêm cho những ghi chép tản mác đó có chút mạch lạc, rồi buổi tối, tôi đem lại cho cô Marian. Lại thấy cô ngồi đánh máy chữ nữa rồi, cho nên tôi đặt lên trên bàn rồi rút lui. Nửa giờ sau, có tiếng gõ cửa; cô Marian bước vô, tay cầm những tờ ghi chép đó của tôi...

- Hay đấy... rất linh động... tôi muốn bà hay liền. Đọc những trang đó tôi thích lắm. Này, giá chúng mình nối lại được tất cả với nhau nhỉ, nếu có thêm thì dùng những ghi chép đó của bà và ngọn bút của tôi, chúng mình có thể viết một cuốn sách được đấy...

Chúng tôi gần như khởi công tức thì, trong ba ngày tôi thảo xong một chương, nghĩ tới đâu viết tới đấy, viết xong đưa cho cô Marian. Mỗi lần mười trang, hai mươi trang. Cô viết lại, tô chuốt, cho vào khuôn, sửa đổi câu chuyện, bỏ bớt những điều có thể làm cho những độc giả nghiêm khắc thấy chướng, hoảng sợ, hoặc có thể nguy hại cho chúng tôi vì hoàn cảnh lúc đó. Có nhiều điều không nên nói ra.

Ngày nay đọc lại công trình hợp tác của chúng tôi, cuốn *Destination Tchoungking* (Đường vô Trùng Khánh) đó, tôi có thể tách ra những đoạn nào của tôi: những chi tiết cụ thể, trực tiếp, những người đi đi lại lại, những xú khí, hơi nóng, phong cảnh, những từ ngữ chân xác. Đúng như nhà văn Nora Waln, sau này tôi gặp ở Anh, đã nhận xét trong một bài điểm sách, một bút pháp thanh nhã

như một lớp rêu đẹp đẽ, phủ lên các biến cố, không còn thấy cái gì xấu xa, sống sượng, khô khan, gây gỗ nữa. Cảnh khốn cùng, nhớp nhúa, những đau khổ của Trung Hoa, những cái ghê tởm và bất công đã được phủ một lớp men trắc ẩn bóng lộn, và nét quái gở của những cảnh đó giản dị. Không còn chút giận dữ nữa, phần lớn những nỗi bất bình cũng mất, không phải là một cáo trạng, chỉ là sự an toàn (cho tác giả) và lúc đó thì phải như vậy. Thời đó là thời chính Rewi Alley viết về cuốn của George Hogg [1] "có nhiều điều dẫn ra thì nguy hiểm", nên chính ông đã cắt đi nhiều đoạn "những trang cháy bỏng không thể cho truyền bá được", phải lấy ra, cất đi hoặc hủy đi. Đâu đâu cũng có bọn "cảnh sát tư tưởng" và không nhà văn nào ngu ngốc tới nỗi trong lòng nghĩ sao thì chép hết ra như vậy.

Ngay từ đầu sách, chúng tôi đã có một chú ý: viết sao cho hợp với trình độ cảm quan của độc giả Mĩ, cho họ thích, yêu và phục dân Trung Hoa và chính quyền hợp pháp của Trung Hoa đã anh dũng kháng Nhật. Nếu viết sự thực ra thì có khác gì giúp Nhật hại Trung Hoa, có khác gì phản Trung Hoa? Chính bên cộng sản cũng làm thinh vì quyền lợi của mặt trận thống nhất, chính họ cũng im đi nhiều cảnh tàn bạo mà họ phải chịu, vì lúc đó họ chỉ lo chống Nhật trước hết, và cũng vì cứ để cho Tưởng Giới Thạch công khai liên kết với Nhật mà lại hơn cả...

---

(1) I see a new China (*Tôi thấy một Trung Hoa mới*).

Thư nào cũng bị bóc ra, kiểm duyệt và hủy bỏ nếu chứa những "tin đồn nguy hại có thể làm cho công chúng bất mãn". Cô Marian và các nhà truyền giáo khác đều rất giữ ý, không phê bình chính phủ một lời nào cả trong các bức thư của họ. Sách còn nguy hại hơn nữa. Cô Marian bảo: "Tôi ngại không dùng tài liệu này được, để tôi coi xem có thể dùng nó cách nào được".

Về cuốn sách của "chúng ta" - như cô nói - điều thứ nhất phải tránh là đừng làm cho người Mĩ phẫn nộ... Trung Hoa còn chiến đấu thì làm vậy là bậy... phụ nữ Mĩ đã bắt đầu để ý tới và gởi tiền giúp người Trung Hoa... nhưng họ hơi nghiêm khắc theo lối Thanh giáo... Đừng nên kể chuyện rằng ông nhà và bà ở chung một khách sạn tại Hương Cảng... và cô tế nhị giảng cho tôi rằng các phụ nữ Mĩ trong sạch không có chuyện yêu nhau trước khi cưới (hồi đó là năm 1939). "Trên tàu biển mà tình tự với nhau, cái đó có thể làm cho người ta hiểu lầm..." Thế là chúng tôi sửa lại chuyện cho được chỉnh.

Những nhận xét về nạn mãi dâm biến mất. Có vài điều không thể tránh được... đọc xong, người ta có thể nghĩ bụng: "Tụi Trung Hoa sống bê bối, vô luân như vậy thì chúng ta giúp họ làm quái gì? Tại sao không để cho tụi Nhật tẩy sạch những dơ dáy đó đi, nếu chúng tẩy được?" Lại còn địa vị của nhà truyền giáo nữa. "Tôi không được xen vào một cuốn sách bút chiến hoặc không đoan chính... Tôi nghĩ không nên nói về..." Tôi đồng ý về mọi điểm, rất mang ơn cô đã khuyên bảo tôi.

Chúng tôi cũng giản dị hóa, rút bớt đi: dù sao, cũng không thực là một tự truyện, chỉ là một chuyện có lợi cho Trung Hoa, cô Marian hăng hái, có kinh nghiệm. Còn tôi lúc đó vẫn coi Tưởng Giới Thạch là một vị anh hùng của quốc gia, bị người ta khuyên bậy, bọn chung quanh không tốt, cái đó đúng. Cô Marian cũng nghĩ rằng Tưởng lo cứu Trung Hoa, ông ta theo Giám lí hội, theo Ki Tô giáo, bấy nhiêu chẳng đủ cho ta chấp nhận tất cả những việc ông làm ư?

Mấy chương đầu đã sửa xong, cô gởi cho người đại diện của cô ở Mĩ. Tác phẩm được vui vẻ chấp nhận, cô khoe với mọi người trong Đại học. Còn tôi, tôi lo lắng: Anh Pao mà biết được thêm cái việc kì quái này của tôi, mới làm sao đây? Ảnh chẳng đã lặp đi lặp lại rằng đàn bà không có tài thì mới có đức, còn phụ nữ nào có tài thì là một con quỉ đấy ư?".

Tháng mười một khi anh trở về đón tôi ra Trùng Khánh, thì anh có vẻ phát phúc hơn, mập lên một chút. Anh muốn cho tôi làm việc dưới quyền bà Tưởng Giới Thạch, bảo rằng tôi có thể giúp bà đắc lực. Tôi không thích giúp bà Tưởng, tôi chỉ muốn tiếp tục làm việc ở nhà hộ sinh, nhưng tôi bỗng nghĩ ra rằng cuốn sách đó có thể mở đường cho tôi ra sao. Pao lại thăm cô Marian, cô nói về tiểu thuyết đó, khéo léo nói ít thôi, chỉ bảo rằng theo ý cô, nó có thể hướng dẫn dư luận Mĩ được. Pao hoan hỉ vô cùng, bảo tôi: "hợp lúc lắm, tốt em nên ghi tất cả những thứ đó lên giấy, cho người ta biết đức lang quân

cao quí của em ra sao" Anh chỉ nghĩ tới chuyện tuyên truyền cho anh thôi, và mọi người đều biết rằng bà Tưởng luôn luôn nghe lời các nhà truyền giáo Mĩ. Pao bảo tôi: "Khi em viết xong, có thể chính phủ sẽ in cho. Phải gởi cho bà Tưởng coi, biết đâu bà chẳng giới thiệu cho? Và lúc đó người ta có thể bảo rằng em đã giúp chồng em được một chút, để chuộc những lỗi lầm trước kia của em".

Tôi nghĩ bụng, Trung Hoa đương đánh Nhật thì mình phải tin rằng Tưởng có lí. Những thanh niên liêm khiết, dữ dằn và trung tín như Pao sẽ quét sạch những cái bê bối. Tôi phải tin như vậy.

Và tôi trở ra Trùng Khánh với Pao; anh đã kiếm được một căn nhà, dắt tôi lại thăm Đổng Hiển Quang, lúc đó chỉ huy cơ quan tình báo tiếp xúc chặt chẽ với một nhóm họ Tống ở Mĩ về, đứng sau lưng và Tưởng Giới Thạch [1].

Sự thể thay đổi, cuộc chiến đấu của Trung Hoa mỗi ngày một thêm "tính cách quốc tế". Pao ở trong ban liên lạc với Anh, và liên lạc với Mĩ có phần tăng lên, anh muốn qua Mĩ, vì vậy rán lấy lòng các nhà truyền giáo. Anh hỏi tôi về cả tôn giáo nữa. Cải giáo có lợi cho nghề của anh không? Anh hỏi ý kiến một hai nhà truyền giáo rồi mua một thánh kinh. Chúng tôi dự cả một buổi lễ trong một nhà thờ Tin Lành (Phái Giám lí) và một buổi tiếp tân đêm lễ Phục sinh ở nhà Đổng Hiển Quang.

---

(1) Vợ Tưởng Giới Thạch họ Tống, tên là Mĩ Linh.

Trong các câu chuyện phiếm, tôi hay rằng Mĩ lo ngại hơn Anh về các dự tính của Nhật.

Bây giờ Pao nói với mọi người rằng tôi đã học ở Anh. "Anh không muốn em nói tới nước Bỉ, cái nước khốn nạn, nhỏ xíu, không quan trọng gì đó nữa... Phải nói rằng em đã du học ở Anh". Anh viết một tiểu luận về các cái hay của chế độ Tưởng và bảo tôi dịch ra tiếng Anh. Anh thu xếp để tôi phỏng vấn Pearl Chen bí thư của bà Tưởng. Cô Pearl là người Mĩ lai Trung Hoa, rất có khả năng trong nhiệm vụ thư kí, cho rằng nói chuyện với tôi phí thì giờ, nếu cứ ngó đồng hồ của cô hoài, tỏ vẻ rất bực mình. Chúng tôi ra về, không quyết định được gì cả. Pao muốn tôi được bà Tưởng cho yết kiến để trình cuốn sách của tôi cho bà coi. Tôi bảo anh rằng cuốn đó không phải của tôi viết mà của cô Marian viết theo bản nháp của tôi, lại viết chưa xong nữa. Tôi không muốn gặp bà Tưởng và không gặp bà. Biết nói với bà về chuyện gì bây giờ? Pao bảo tôi phải bắt chước bà về mọi mặt vì bà là một gương mẫu về mọi đức. Ngay cả khi bà diễn thuyết trước một đám đông gồm cả nam lẫn nữ, bà cũng chỉ ngó về phía đàn bà mà không bao giờ quay mặt về phía đàn ông... "Anh Pao bắt tôi lúc nào cũng phải nhìn xuống, vì tôi có thói quen nhìn thẳng vào mặt người khác, anh cho vậy là xấu lắm. Anh ngưỡng mộ những đàn bà tuẩn tiết theo chồng... "Trinh tiết là cái giá trị duy nhất mà người đàn bà có thể có được". Anh rán bắt tôi hứa rằng anh có mệnh hệ nào thì tôi sẽ tự tử. Anh không thể chấp nhận được rằng tôi không đồng ý với anh, nên vài

ngày sau lại ép tôi nữa, nhưng tôi vẫn không hứa.

Trong suốt mùa đông, tôi tiếp tục gởi bản nháp về Thành Đô cho cô Marian. Cuốn *Destination Tchoungking* tiến đều đều, giọng ôn hòa, như được san phẳng hết những chỗ gai góc, gồ ghề, chỉ còn những điều nhã nhặn, không làm mất lòng ai, để chiếu một hình ảnh về Trung Hoa có thể gợi được thiện cảm của người Mĩ. Đầu xuân 1940, tôi trở về Thành Đô với Kuan Chou, cô em vui tính, con chú Ba tôi. Chúng tôi đi xe buýt, mất mười ngày chứ không phải hai ngày như thường lệ. Lại qua một thời gian đỡ đẻ, làm việc, khuây khỏa sau cuộc đời nghẹt thở ở Trùng Khánh... Trọn mùa hè 1940, ở Trùng Khánh, trong khoảng từ cuộc dội bom nọ tới cuộc dội bom kia, không dữ dội lắm, tôi đánh máy và gởi những chương cuối cùng cho cô Marian. Sau cùng, tôi đánh bạo viết chương cuối bằng một giọng hơi chỉ trích và riêng về phần tôi thì công việc thảo cuốn đó hoàn tất vào cuối hè năm 1940.

Năm 1941, thình lình như một cơn dông miền nhiệt đới, tôi bắt đầu hiểu con người thực của Tưởng Giới Thạch. Đầu năm 1942, cuốn *Destination Tchoungking* xuất bản ở Mĩ. Lúc đó, vì có vụ Trân Châu Cảng tháng chạp năm 1941, người Mĩ có cảm tình với Trung Hoa. Cuốn *Destination Tchoungking* không bao giờ bán chạy, nhưng lần in đầu ở Mĩ bán hết ngay. Tác quyền là 1.000 Mĩ kim, tôi được lãnh một nửa, trừ 30%, còn lại 350 Mĩ kim, chỉ có bấy nhiêu thôi.

Trong mười năm sau tôi không viết nữa, trừ ít bài tiểu luận và vài truyện ngắn không in và tôi còn giữ bản thảo trong một chiếc vali.

Cuốn *Destination Tchoungking* không làm cho tôi tin rằng tôi viết được, trái lại, làm cho tôi có mặc cảm tự ti, không sao thành văn sĩ được. Bây giờ tôi mang ơn cô Marian đã không bỏ hết các đoạn tôi viết, mà còn giữ đúng được một phần nào. Tôi không cố ý, mà bị lôi cuốn nên mới viết, và tôi cho viết văn là một nắp xả hơi một hoạt động phụ mà tôi gần như không thừa nhận, còn nghề y sĩ mới thực là lẽ sống của tôi. Vì muốn thành bác sĩ, tôi đã quyết tâm chiến đấu lâu dài. Và tôi đã thành bác sĩ, đã tích cực hành nghề trong mười lăm năm, tới 1964. Mãi tới ngày nay, năm 1967, tôi mới chịu nhận rằng *tôi là một nhà văn, với đủ ý nghĩa của tiếng đó: phải dấn thân, phải có trách nhiệm tinh thần, chịu những nỗi nghi ngờ, thống khổ, mâu thuẫn.*

Đoạn sau không được đẹp. Nó xảy ra ở Anh năm 1943.

Nhà Jonathan Cape xuất bản *Destination Tchoungking* mùa thu năm 1942. Mặc dầu có lời khen của ông bà Tưởng Giới Thạch, mặc dầu truyện đã có lí tưởng hóa một cặp vợ chồng Trung Hoa can đảm chiến đấu cho Tổ quốc, mặc dầu truyện có vẻ một truyện thần tiên, mà có một kẻ trong đám nhân viên minh mẫn ở tòa đại sứ Trung Hoa, khéo nhận ra được lời chỉ trích của tôi

cả khi tôi đã giấu nó sau những lời tán tụng, và đã tỉ tê với Pao rằng cuốn đó không được "như ý".

Dĩ nhiên trong nhà không còn bản nào cả, Pao phải đi mua ở tiệm Bumpus. Anh đem về nhà, bảo tôi: "Bà Dorothy Woodman (trên tờ *New Stateman)* bảo chúng mình rằng tác phẩm hay lắm, nhưng có người ở Tòa đại sứ chê là tồi. Anh sẽ đọc". Đúng là Dorothy Woodman, Kingsley Martin, J.B. Priestley, Nora Walm, Stafford Cripps và Isobel Cripps hết thảy đều chiến đấu trong ủy ban vận động giúp Trung Hoa, quyên tiền và các phẩm vật vệ sinh cho Trung Hoa, đã đồng thanh khen *Destination Tchoungking,* cho rằng tác phẩm đã gây một "hình ảnh" khả ái về Trung Hoa lâm chiến, như vậy là có ích. Pao có bao giờ đọc gì khác ngoài những công văn, diễn văn của Tưởng, và cuốn *Mein Kampf* cho thấy những lời khen đó đủ bảo đảm rồi. Bây giờ anh bắt đầu nghi ngờ.

Việc xảy ra vào buổi tối. Pao ngồi đọc, tôi leo lên giường, đắp mền, sợ run lên... hồi hộp, lo ngại nằm đợi, chân tay lạnh ngắt. Pao đọc ở phòng bên... Vài giờ sau anh đọc tới trang cuối, tới những hàng duy nhất trong đó tôi để lộ niềm thất vọng về chế độ Tưởng Giới Thạch, và niềm tin ở một tương lai mà ảnh không nghĩ tới.

Trong cái tương lai rất lờ mờ lối ám chỉ đó, không có chỗ cho Tưởng và các sĩ quan trẻ tuổi của ông... tôi đã tán thưởng, ca tụng hạng phu phen.

"Ở Trung Hoa đáng quan trọng không phải là bọn

chúng tôi, bọn người ngồi kiệu trong khi anh cúi xuống để nâng chúng tôi lên, khiêng chúng tôi đi. Bọn công chức, thư lại, bọn tự xưng là trí thức chúng tôi, nếu không có anh, thì chẳng có giá trị gì cả. Chúng tôi vô tài, không tạo nổi tương lai. Con người quan trọng, chính là anh, anh cu li. Anh không biết anh chịu cực, anh chiến đấu, rồi yên lặng chết, gần như không tìm hiểu tại sao. Anh cu li ơi, khi anh đưa ngón tay lên dò những chữ viết trên tường, thì tôi thấy được tất cả ý nghĩa của cử động đó, thấy nó là dấu hiệu rằng anh bắt đầu tò mò tìm hiểu, thắc mắc. Cử động đó có một tầm quan trọng sâu sắc, và tôi, khi quan sát anh, tôi bỗng cảm thấy sung sướng, tin ở tương lai vì trong đám sương mù của hừng đông, anh đã đưa ngón tay lên dò từng chữ để đọc..."

Tôi viết đoạn đó để kết thúc tác phẩm, nó như cái nọc độc ở khúc cuối một truyện dài, vô hại. Tinh thần của Pao quen đoán được "sự phá hoại về tinh thần" dưới đoạn cuối đó. Anh vô phòng tôi, rảo bước tiến lại gần tôi. Tôi như thấy tiếng chân anh tới. Anh kéo tung mền tôi ra. Tôi ngồi nhỏm dậy, run cầm cập, trong khi anh đánh tôi, vừa đấm tôi, vừa đá tôi văng ra khỏi giường, vừa quát: "Mày là quân cộng sản, đầu óc mày trụy lạc vì chủ nghĩa cộng sản... Mày tuyên truyền cho cộng sản trong cuốn đó... làm sao mày dám viết rằng một ngày kia bọn cu li, bọn nông dân sẽ ngửng đầu lên để đọc ngửng đầu lên có nghĩa là nổi loạn. Làm sao mày dám nói rằng bọn cu li nổi loạn chống chúng tao?...

Mặt khác vì cuốn đó mà tôi bị những người thực sự tin cộng sản tấn công gay gắt: họ chỉ thấy tôi ca tụng Tưởng, một điều đáng khinh bỉ, cuốn đó bị đưa ra cho công chúng "tố" dữ dội, nhưng mãi đến năm 1945, một người Mĩ trong Bộ Ngoại giao cho tôi hay điều đó. Năm 1948 và 1949, ông ta ở Trung Hoa trong thời giải phóng và đã diễn thuyết ở Đại học cũ của tôi. Đại học Yen-tching. Ông ta bảo tôi: *«Bọn Trung Hoa đỏ không ưa bà đâu, họ chỉ rán lợi dụng bà thôi, một ngày nào đó họ sẽ quay lại mạt sát bà và sẽ dùng cuốn đó làm bằng cớ để buộc tội và diệt trừ bà".*

Rồi tới năm 1966, 1967, lại có một số người nữa cho tôi hay rằng có một "nhóm" ở Bắc Kinh đã tố cáo tôi một lần nữa trong cuộc Cách mạng văn hóa.

Nhưng tôi không hề lo ngại về điều đó, vì nhiệm vụ của nhà văn là dò dẫm, tìm tòi, lục lọi trong sự băn khoăn, hoang mang, thất vọng, phát kiến. Và ai muốn nói sao thì nói, muốn làm gì thì làm, tôi vẫn nhờ cuốn *Destination Tchoungking* mà lao mình trên con đường thăm thẳm đó, không biết nó sẽ đưa tôi tới đâu.

7

Nhờ tôi lại học ở nhà hộ sanh đường Tiểu Thiên Trúc và làm cô đỡ - mặc dầu là không liên tục, có nhiều lúc nghỉ - mà tôi được gặp cô Marian, do đó mới thành một nhà văn, ngoài ra tôi lại được hiểu về đời sống ở

nông thôn Trung Hoa, tình cảnh người nghèo tại các thành thị và chế độ phong kiến ở Tứ Xuyên, nhiều hơn là chỉ ở nhà làm công việc nội trợ tại Trùng Khánh, như Pao muốn...

Thực là một kinh nghiệm vô cùng xúc động khi tôi thấy lần đầu tiên một cái đầu nhỏ, tròn, tóc đen nhánh từ trong lòng một người đàn bà lọt ra, và nghe tiếng oe oe, vui gần như chịu không nổi, tôi trào lệ ra hàng giờ trước sự bí mật, kì diệu đó, một bí mật xảy ra hàng ngày ở khắp nơi, cả triệu lần, một phép màu thông thường nhất mà đặc biệt nhất của nhân loại.

Người đàn bà đầu tiên tôi đỡ đẻ là một chị nhà quê nhỏ nhắn sanh con so, một thời gian lâm bồn, chị ta không nói một tiếng, không thốt một lời rên rỉ, và khi mọi việc xong rồi, chị toác miệng ra cười, coi dễ thương lạ lùng. Tôi bắt đầu hiểu được nỗi vui đặc biệt của các cô mụ, mà đa số vì đỡ đẻ cho người khác, cơ hồ mất cái nhu cầu có con, vì họ tự động hóa với sản phụ - tôi sau này cũng vậy - gắng sức rặn với họ, giữ gìn sức khỏe thay họ, toát mồ hôi với họ, giúp đỡ, kích động tử cung và các bắp thịt của họ cho tới lúc cuối, lúc giựt giựt, lúc thành công, cái đầu nhỏ xíu chui ra, cái thân thể nhỏ xíu, mềm mại, trơn tuột lọt ra với tiếng oe oe, có lẽ nỗi thích thú đó đủ rồi, nên nhiều cô mụ mới ở độc thân suốt đời.

Cô Marian chịu khó dạy riêng tôi để tôi mau thành nghề... Phòng đỡ đẻ nhỏ hẹp, không khí ngột ngạt, ẩm thấp và nóng như một nồi hơi; mùa hè, trong lúc đỡ đẻ,

một sinh viên phải đứng ở bên để đập những con ruồi lách qua các kẽ cửa mà vô. Đồ đạc trong phòng, bàn đỡ đẻ, thau... đều là thủ công nghệ Thành Đô, các đồ giải phẫu do cô Marian mua hoặc do các hội truyền giáo tặng. Găng cao su luôn luôn là một vấn đề khó khăn, nhất là từ khi các đồ dự trữ tiếp tế bằng con đường Miến Điện trễ mấy tháng mới tới. Sau này, khi Thành Đô bị Nhật dội bom, tắt điện, các cô mụ phải làm việc trong bóng tối, cửa sổ che những tấm màn dày, đen để ánh sáng các ngọn đèn dầu nhỏ và ngọn đèn pin chiếu vào sản phụ khỏi lọt ra ngoài. Một cái hầm trú ẩn hẹp được đào trong sân, chung quanh bệnh viện, cho những người đàn bà chưa gần tới lúc sanh núp đỡ.

Trong thời gian đó, tôi sung sướng hơn trước nhiều có thể quên cả anh Pao, quên các tội của tôi mà giao du với người khác được, nhưng đôi khi tôi cũng đau khổ, trầm uất trở lại vì Pao trở về hoặc viết cho tôi những bức thư dài vạch tất cả những điều bại hoại của tôi. Mặc dầu vậy, cuộc đời tôi lúc này đã có những hoạt động liên tục mà ảnh không biết... Anh có thói cái gì không liên quan trực tiếp tới anh thì anh không để ý tới, nên tôi có thể sống được hai cuộc đời. Khi anh ở gần tôi, khi chúng tôi dắt nhau đi dạo các đường phố Thành Đô, tôi sợ nhất là gặp một người ở Đại học hoặc ở bệnh viện chào tôi, nếu người đó là một y sĩ hoặc chồng một bệnh nhân thì cử chỉ xã giao nhã nhặn đó có thể làm cho Pao có cớ để đối xử với tôi tàn nhẫn vô cùng nữa. Pao cho phép tôi lại nhà hộ sanh vì nơi đó chỉ có đàn bà mà cô Manley là một nhà

truyền giáo Mĩ, chính sách gây cảm tình với các nhà truyền giáo Mĩ (họ hướng dẫn dư luận Mĩ) được Tưởng Giới Thạch tán thành, chính ông ta đã cải giáo theo phái Giám lí...

Pao cũng không biết rằng trong khi tôi tập việc, mỗi tuần một hai lần tôi lại đại học dự các cuộc hội họp của Hội Thánh kinh trong các Nhà chung cất trên khu đất của Đại Học. Tôi rất ham trao đổi tư tưởng, sách vở. Những cuộc hội họp đó luôn luôn mở đầu bằng một bài giảng *Tân Ước* và phân tích một vấn đề tôn giáo, nhưng cũng bàn về các vấn đề khác nữa. Các nhà truyền giáo có tài lái câu chuyện về các biến cố chính trị, và Nhà chung là nơi yên ổn nhất để bàn bạc, chỉ trích gián tiếp chế độ Tưởng Giới Thạch. Thời đó Hội truyền giáo Tin Lành có 268 bệnh viện, 75% tổng số giường bệnh dành cho các người Trung Hoa không phải là quân nhân, do đó, ảnh hưởng của họ rất lớn, và Tưởng mong lợi dụng được ảnh hưởng đó.

Sau cùng, nhờ bệnh viện mà tôi xin được đứa con gái nuôi Yungmei. Nếu tôi không đỡ đẻ ở đường Tiểu Thiên Trúc thì trong đời tôi, không có được tất cả cái hạnh phúc mà chỉ nội cái tên Yungmei đủ làm cho lòng tôi nở ra rồi.

Nhà hộ sanh gần một trường học có từ 25 tới 30 nữ sinh viên phụ khoa, 6 cô mụ có bằng cấp và 3 giáo sư: cô Marian Manley, cô Hsu và cô Wang. Hầu hết các sinh viên tốt nghiệp ra mở riêng nhà hộ sinh ở các thị trấn

nhỏ, nhưng có vài cô ở lại giúp việc cho bệnh viện.

Suốt ngày suốt đêm, lúc nào cũng có một cô mụ và một hay hai sinh viên gác, có sản phụ nào mới lại nhà đỡ đẻ thì đi liền, hoặc đi bộ, hoặc ngồi xe "bù ệt" tùy đường gần hay xa.

Những căn chòi chúng tôi tới đỡ đẻ dơ dáy vô cùng. Thường thường gà lẩn quẩn ở dưới chân chúng tôi, có khi chúng tôi phải đuổi những con heo con ra nữa, lại phải đề phòng chuột vì chúng ngửi thấy máu là kéo nhau ra ngó chúng tôi làm việc. Một lần, đương săn sóc một sản phụ mình đẫm mồ hôi, nằm trên một cái nệm, tôi ngước mắt lên thấy một con chuột trên một cái kệ bên cạnh bàn thờ ông bà. Trong bóng mờ mờ chập chờn của ngọn đèn dầu hột cải thắp trong chiếc dĩa bằng sứ, cái mõm có lông của nó cử động và trong bóng tối nó có vẻ to lớn một cách quái dị...

Đôi khi chúng tôi đỡ đẻ trong những lều quán bằng ván hư nát, ghê tởm, không có giường nệm, không có quần áo, không có đèn, không có tiền để mua dầu hay một cái tim đèn nữa, sản phụ nằm trần truồng trên một tấm ván mục nát, kê trên mấy cục đá, ngay trên mặt đất bùn đỏ, cái gì cũng nhầy nhụa hôi thối, thực là trống rỗng hơn cả một hang thú nữa. Mùa đông ở Thành Đô không lạnh lắm, nhưng ẩm thấp, rất khó chịu đối với hạng người nghèo không thể chống cự nổi với sự đầm ấm quanh năm đó. Và cái gì cũng có mùi bùn, mùi phân, mùi rác rưởi nhờn nhờn bốc hơi, lại thêm tối tăm nữa,

nhiều khi trong lớp sương mù chúng tôi chẳng nhìn thấy cái gì cả, ngoài khuôn mặt xanh xao, mờ mờ, bụng và hai cái đùi. Chúng tôi đem theo một cây đèn pin và một cây đèn bão để rọi đường và chiếu sáng trong khi đỡ đẻ. Chúng tôi chở theo mấy chiếc thau để rửa tay, mấy chiếc nữa mà chúng tôi đổ cồn vào rồi đốt để khử độc, mang theo găng đã khử trùng, dụng cụ, áo bờ lu, khăn che mũi, miệng và hai xắc nặng đầy khăn bông. Ban đêm mà phải đi xa thì có một người đầy tớ trai ở bệnh viện đi theo.

Hầu hết các người chúng tôi đỡ đẻ đều nghèo, nhưng cũng có người giàu, hạng người này tuy sống trong những biệt thự trang hoàng đẹp đẽ, trướng sa tanh, giường chạm trổ, nhưng dơ dáy, hôi thối, khạc nhổ bừa bãi, chịu không nổi. Lại đó, có nước nấu sôi, có ánh sáng, khoảng khoát, khăn phủ chân, sản phụ có thức ăn mà chúng tôi có trà uống.

Trong giới sản phụ giàu có, tôi còn nhớ một bà là vợ lẻ thứ sáu hay thứ bảy của một quân phiệt họ Lieou (Lưu). Nhiều quân phiệt nho nhỏ ở Thành Đô có họ hàng với ba ông Lieou này: Lieou Hang, Lieou Wen-Houei, và Lieou Wen-Tsai, ông sau cùng khét tiếng tàn bạo ở miền Ta Yee, nơi ông có nhiều dinh thự mênh mông, cách Thành Đô khoảng 56 cây số, ông ta là địa chủ lớn nhất ở Thành Đô, khó tính nhất, độc ác nhất. Muốn hồi xuân, ông bú các thiếu phụ trẻ mới sinh, khiến bao nhiêu em bé đói sữa mà chết. Tôi đã thăm các dinh thự của ông ở

Ta Yee, và hiện nay người ta còn thấy những phòng tra tấn những đáy hầm đầy nước và chuột, những cũi mà người nào bị giam trong đó thì chỉ có thể đứng được thôi...

Mấy quân phiệt đó làm chúa tể Tứ Xuyên hai chục năm, tự cho là hậu duệ của Lưu Bị, nhân vật nổi danh thời Tam Quốc mà lãnh vực ở Tứ Xuyên, đứa trẻ nào ở Tứ Xuyên cũng biết.

Vậy cô vợ lẽ đặc biệt có mang, lại nhà hộ sinh để xin thăm dò cái thai. Những lần đó cô tới rất đúng kì hạn, ngồi lại nói chuyện với các cô mụ, và nhất là với cô Hsu, vị giáo sư lớn tuổi nhất, mặt tròn, thạo nghề, vui vẻ, khéo ngoại giao, được các sinh viên mến lắm.

"Xuân Ba" (1) (tên cô vợ lẽ của Lieou) có nét mặt rất đẹp nhưng thoa son lem luốc y như bọn đào hát vẽ mặt vậy, và trát một lớp phấn xuống tới tận cổ áo dài bằng lụa. Mớ tóc đen trơn bóng - phụ nữ Tứ Xuyên lấy vậy làm hãnh diện lắm - chải rất kĩ, bỏ tua xuống trán và kết thành một búi lớn ở sau gáy. Tay chân đều nhỏ nhắn, cô ta có vẻ tự tín nhưng không vênh váo vì làm vợ bé đương được sủng ái của một ông tướng. Ông chồng bận một chiếc áo cầu rộng lót da lông, đầu đội một chiếc mũ chụp bằng da lông, làm cho ông ta đổ mồ hôi nhễ nhại, ông dắt vợ tới và khi có mặt ông thì mọi người lăng xăng ân cần tiếp đãi, niềm nở mỉm cười, khúm núm và sợ sệt, vì cái bề

---

(1) Vague de printemps: *Sóng mùa xuân.*

ngoài tử tế của ông không che đậy được một bản tính thường gắt gỏng. Ông cho hay rằng ông quí cô vợ lẽ đó lắm và chúng tôi run sợ, nhỡ xảy ra chuyện gì không như ý thì khốn. Hôm nào, ông tướng không tới được thì có một cô vợ bé khác đi theo Xuân Ba. Được nuông chiều và tẩm bổ, an ủi, cô Xuân Ba bảo rằng chỉ muốn chúng tôi đỡ đẻ cho thôi, thực là một vinh dự lớn cho hết thảy chúng tôi, nhất là cho cô Hsu, vì chính cô sẽ lãnh nhiệm vụ đỡ đẻ.

Tới ngày cô Xuân Ba chuyển bụng, cô muốn sanh tại dinh thự của Tướng Lieou, cô mụ giỏi nhất với hai cô phụ tá và cô Hsu lại chờ sẵn ở dinh thự, chờ ba ngày, được tiếp đón rất ân cần: phòng tốt, giường có khăn phủ chân bằng vải tuyết, một bầy gia nhân để hầu hạ, và bàn đầy cao lương mĩ vị - Ba ngày qua rồi mà vẫn chưa thấy gì, nhưng không ai dám ra về cả. Bỗng nhiên cô Xuân Ba chuyển bụng thật. Và đúng ngày hôm đó, vài giờ trước khi đứa bé ra đời, trong khi Xuân Ba rên rỉ, cắn răng chịu đau luôn mấy giờ đằng đẳng, thì ông tướng dắt về nhà một cô vợ bé mới.

Nằm trong phòng sanh, Xuân Ba nghe thấy ở phòng bên chỉ cách một tấm bình phong, những tiếng cười ngớ ngẩn và những tiếng kêu nho nhỏ thích thú của kẻ tình địch đang ái ân với ông Tướng, và khi đứa bé sinh ra thì là một đứa con gái.

Xuân Ba kiệt sức, nằm nghỉ dưới cái mền sa tanh thêu hình chim phụng và hoa mẫu đơn, chân và môi hơi

run run, bọn nữ tì lấy những mền lụa khác đắp lên thân nàng, đổ thuốc bổ vào miệng nàng, tiếng ngáy của ông Tướng át cả những tiếng gù gù âu yếm mà các cô mụ luôn luôn phát ra như một nghi lễ, khi tắm rửa cho đứa nhỏ. Cô Wang khen: "Em bé này ngộ quá coi này, y hệt như mẹ vậy? Cô Hsu "túc túc" vui vẻ chuyện trò, mọi người làm bộ không nghe thấy tiếng gì cả và Xuân Ba, mỉm cười cảm ơn họ, vẻ đàng hoàng lắm.

Một tháng sau, nàng trở lại bệnh viện khám lại sức khỏe, vẫn vui vẻ, diễm lệ và mảnh mai như trước, nhưng hai bên thái dương sau lớp da mỏng nổi lên những đường gân xanh, nhưng có chút ám khí lo lắng, và trong giọng nói lớn, có một thanh âm the thé. Ông tướng lần đó không đi theo nàng, và một năm sau, cô vợ bé tới sau sanh được một đứa con cũng do các cô mụ của chúng tôi đỡ đẻ trong dinh thự của ông tướng họ Leiou...

Lại có trường hợp một ông Tướng khác, vợ lẻ mới sanh được hai giờ đã ép buộc nàng cho ông ân ái... người ta mời chúng tôi tới gấp, nhưng không kịp, cô ta chết trong khi băng huyết.

Hầu hết các sản phụ đều sanh tại nhà, và tuy đã có nhiều người mời các cô mụ chuyên môn "theo Tây y" nhưng hạng cô mụ vườn vẫn còn đông hơn và gây tai họa vô kể. Họ dùng những cái móc, làm rách thịt cả mẹ lẫn con, không có một ý niệm gì về sự sạch sẽ, bàn tay cáu bẩn, như những móng vuốt, moi sâu vào để lôi cái thai ra. Phần lớn các người đàn bà có mang lại kiếm chúng

tôi đều trẻ hoặc hơi trẻ, nhưng cũng có người lớn tuổi lại cho chúng tôi thăm dò cái thai, có người sanh tới thứ mười lăm hay mười sáu, lần nào cũng cho một tin mừng, họ không chịu dùng thuốc mê, sợ rằng khi mê man, hồn họ bị cướp mất.

Dù sanh ở bệnh viện hay ở nhà, họ ít rên la lắm và cả những lần đẻ khó và lâu, cũng có người hoàn toàn mím môi không thốt một tiếng. Những người la hét, gào thét thường là hạng vợ lẽ xinh đẹp của bọn phú gia, hoặc những đàn bà đã Âu hóa ở miền "xuôi" lên, nhưng người ta cho như vậy là sỗ sàng. Những người rất nghèo cũng lại bệnh viện rước chúng tôi. Thường thường là người chồng tới, đứng trước cổng, do dự không biết chúng tôi có chịu đi không. Nhưng chúng tôi cũng vẫn đi. Tôi còn nhớ một trường hợp: một thiếu phụ rất trẻ, rất nhỏ nhắn, cắn môi không thốt ra một tiếng trong lần đẻ con so bao giờ cũng đau đớn, dưới cái mái dựng vào bực tường bao vây thị trấn, trong một đêm tháng giêng, vừa lạnh lẽo, vừa mưa, mái chỉ là một tấm chiếu rách có hai thanh tre đỡ, chúng tôi giương một cây dù bằng giấy dầu để che thiếu phụ đó và chúng tôi trong khi đỡ đẻ. Mấy phiến đá của bức tường dùng làm gối, một tấm giẻ rách màu xám gió đánh phất phấp sau lưng chúng tôi, cánh cửa đẩy, công việc sát trùng thực khó khăn, chỉ có bóng tối là che chở, che đậy thiếu phụ, trên tấm ván dùng làm giường, không có mền, không có chiếu, không có gối, không có một tí gì hết, ngọn đèn pin của chúng tôi chiếu le lói trong bóng tối.

Người chồng làm nghề kéo xe, giúp đỡ chúng tôi đưa thân ra che mưa cho chúng tôi, và khi vợ đau quá anh ta ghì chặt vợ trong cánh tay, thủ thỉ những lời âu yếm, khi đứa bé ra đời, không có miếng tả để quấn nó, chỉ có chiếc áo dài rách tươm mà người vợ dùng để che thân, chỉ có chiếc áo thun và chiếc quần cũng rách tả tơi của người chồng: người chồng bèn cởi tuột quần ra để quấn đứa bé, nhưng hôm sau anh cần có quần để đi kéo xe chứ! Họ sẽ làm sao đây? Chúng tôi để lại cho họ chiếc khăn bông để bọc đứa bé (khăn bông hồi đó quí lắm), khi đứa bé rụng rốn rồi thì họ đành phải đem bán nó đi, và có lẽ người mẹ sẽ xin làm vú trong một nhà nào đó. Cô mụ đỡ đẻ xong, moi trong túi áo được một ít tiền đưa cho sản phụ, nói nho nhỏ rằng để mua *tzao tze* thứ gạo lứt mà người ta thường đưa cho sản phụ ăn, tin rằng sẽ tránh được xuất huyết. Thiếu phụ cảm ơn, đặt đứa bé nép vào sát mình nàng, vẻ âu yếm làm cho chúng tôi đứt ruột, người chồng tiễn chúng tôi ra: anh ta còn trẻ, gầy nhom và rất bình tĩnh. Tim tôi bừng bừng lên, nhất định là hạng người đó sẽ thấy một ngày tốt đẹp hơn, một ngôi sao sẽ mọc ở phương Đông.

Một lần khác người ta rước chúng tôi đi xa, ở giữa đồng quê. Phải mất hai giờ mới tới, một phần đường đi bộ, một phần ngồi xe bù-ệt. Một trại ruộng, một gia đình nông dân có ruộng đất, một thiếu phụ nằm trong cái phòng lớn duy nhất, trên một cái giường có cột, chung quanh đông nghẹt, có tới ba chục người hay hơn nữa. Bên ngoài, láng giềng và trẻ con tọc mạch chen chúc

nhau, gần như người nọ dính vào người kia, thọc ngón tay đâm thủng miếng giấy [1] dán trên các cửa sổ mắt cáo để nhìn vô. Thiếu phụ đã nằm đó cả tuần rồi, cuống nhau lòng thòng ở giữa hai đùi, đã khô đét lại, đầu cuống nhau còn dính đứa bé trơ xương nằm ở giữa hai bàn chân người mẹ. Mà gia đình nông dân đó vào hạng giàu có, trong số 5% những kẻ may mắn được làm chủ ruộng (một hay hai mẫu tây), mướn người làm công, có nhà cửa, giường nệm, đồ đạc...

Trong một tuần lễ mà chưa trục xuất hết ra, cô mụ làng, thiếu kinh nghiệm, rán nắn bụng sản phụ cho cái thai hạ xuống, rồi sau thọc tay vô. Trong khi chờ đợi người ta vẫn chưa cắt cuống nhau để giải thoát đứa bé, vì theo tục cổ ở Tứ Xuyên, chỉ khi nào cái nhau ra hết rồi mới được cắt cuống.

Rõ ràng là thiếu phụ đó hấp hối: nước da xanh như tàu lá, không nói được, không nuốt được nữa, bệnh *phá thương phong* đang hoành hành ở Tứ Xuyên, bệnh này xảy ra bất thường, nhiều trẻ mới sanh ra, chết vì người ta cắt cuống nhau bằng những chiếc kéo, những con dao dơ bẩn, lại có tục lấy rơm trộn với bùn đắp vào rốn của thai nhi nữa.

Người ta đỡ cho thiếu phụ ngồi, cứng như khúc cây, lưng dựa vào một đống mền cuộn tròn lại như chiếc gối dài, người ta rắc từng nắm hột gạo lên giường, lên áo

(1) Thay cửa kính.

quần của thiếu phụ để cúng các tà ma đã ngăn không cho cái nhau thoát ra, ở phía ngoài cửa treo những lá cờ nhỏ và những gùi rơm đã gỡ mối, tượng trưng bằng cái "then" ở trong bụng đã rút rồi, bụng và chân thiếu phụ đều vẽ bùa, lông gà bay khắp nơi, có lẽ người ta đã giết gà để cúng tà. Trong phòng, người ta xô đẩy nhau, chen lấn nhìn qua vai chúng tôi, và khi chúng tôi cởi cái túi chứa dụng cụ ra, họ đòi rờ coi, chúng tôi phải xô họ, đuổi họ ra: dĩ nhiên không ai ra cả, và người ở phía ngoài còn đục tấm giấy che cửa sổ nhiều hơn nữa, hết cặp mắt này tới cặp mắt khác ngó vào xem các bà bác sĩ làm gì, đem theo những cái gì. Cô Ma, cô mụ có nhiệm vụ đỡ đẻ, tâm thần rối loạn, khám bệnh cho sản phụ rồi, cau mày suy nghĩ một hồi lâu, vì tình trạng rõ ràng là bi thảm.

Cô Ma trạc tứ tuần, đời sống rất long đong. Hồi cô còn nhỏ xíu, cha mẹ cô đói quá phải đem bán cô, vì bệnh đậu mùa, mặt cô rỗ như tổ ong, xạm đi, xấu, bẩn, người ta bó chân cô, bây giờ đã cởi rồi, coi như những bàn chân cụt, vậy mà cô khập khiễng đi được cả mấy cây số mà không mệt. Hồi cô làm nô tì, cô đã trốn hai lần vì bị bà chủ nhà đánh bằng những thanh tre, chẻ dọc, hiện còn vết trên lưng và bắp chân. Người ta ép cô làm vợ bé một lái buôn nhỏ không đủ tiền mua một người thiếp đẹp hơn, người đó góa vợ, già, chỉ có con gái, và mong có một mụn con trai. Cô Ma vùng vẫy dữ tợn, phải mất một tuần lễ, người chồng mới ép cô được. Hai năm sau cô vẫn chưa có mang, người chồng tính đuổi cô đi hoặc

đem bán cho một nhà chứa điếm. Thế là cô lại trốn một lần nữa. Lúc đó phong trào ngũ tứ vận động [1] đương bồng bột ở trong nước, phụ nữ cắt ngắn tóc, trốn khỏi nhà để đi học và thà tự tử chứ không chịu bị ép duyên, họ la lớn: "Đả đảo đạo Khổng và sự áp chế phụ nữ!". Cô Ma cũng bị trào lưu Đại cách mạng lôi cuốn từ năm 1919 đến năm 1927. Rồi tới những cuộc tàn sát của Tưởng Giới Thạch năm 1927, khắp tỉnh Tứ Xuyên đâu đâu cũng có những cuộc khủng bố.

Nông dân nổi loạn gây một cuộc cách mạng điền địa đại qui mô, đánh đuổi chủ điền, chia nhau ruộng đất. Cô Ma suýt chết đói, bị ở cho người ta, lại bỏ trốn, sau cùng may gặp một bà chủ tốt bụng, già, gần như đui không đi được vì nửa mình tê liệt. Cô Ma khỏe mạnh, cõng bà ta, săn sóc bà, không ngại một công việc gì cả, công việc đổ phân. Bà ta mướn một cô giáo dạy cho cô Ma tập đọc, và vì thiếu tiền ăn học, mãi mười năm sau cô mới thành cô mụ. Cô ghét bọn đàn ông và hôn nhân, chỉ muốn sống độc thân, vì đã gặp nhiều nông nỗi làm cho cô tởm tính dục. Buổi chiều đó, đứng ở đầu giường người đàn bà hấp hối, cô rút chiếc găng cao su ra, lẩm bẩm:

---

(1) Ngày mùng 4 tháng 5 năm 1919, sinh viên, các nhà trí thức ở Bắc Kinh biểu tình phản kháng phái đoàn Trung Hoa ở hội nghị Versailles đã bị Nhật và các cường quốc Châu Âu ăn hiếp, bắt phải để cho Nhật thay Đức làm chủ miền Sơn Đông. Phong trào lan ra tới mọi giới trong nước, một mặt đả đảo Nhật, Anh, Pháp, một mặt đòi duy tân.

"*Thối rồi*", cơ thể thối ở trong rồi. Chiếc găng dính đầu một chất nhớp đen.

Cô Ma nhìn chiếc găng rồi bảo tôi thu xếp dụng cụ. Cô hỏi ai là người chịu trách nhiệm trong gia đình, chồng sản phụ đâu? Đám người bà con dính chùm với nhau di động, lắc lư, nhấp nhô như làn sóng, sau cùng một bà già và một thanh niên bước ra: mẹ chồng và chồng của sản phụ. Cô Ma bảo họ: "có thể mua quan tài đi, vô phương cứu được". Bà già muốn mời chúng tôi uống trà, chúng tôi từ chối. Cô Ma bất bình lắm, rảo cẳng bước ra, quên cả phép lịch sự.

Xe bù-ệt đợi chúng tôi ở ngoài. Chúng tôi leo lên. Cút kít, lọc cọc, xe chở chúng tôi trên những con đường hẹp ở giữa cánh đồng trồng lúa xanh như ngọc thạch hoặc trồng đậu hoa vàng, rực rỡ, ánh mặt trời lấp lánh dìu dịu, và không khí êm như lụa, nhẹ nhàng vuốt ve chúng tôi, cảnh vật thật đẹp. Nhưng cô Ma càu nhàu suốt dọc đường, giọng lớn và vang, cô nguyền rủa bọn người trong gia đình nông dân đó đã rước chúng tôi trễ quá, nguyền rũa thân phận phụ nữ, nguyền rủa bọn đàn ông làm cho đàn bà đau khổ như vậy... cô trút hết bao nhiêu nỗi cay đắng cô đã chịu, trong khi bọn phu hì hà hì hục, toát mồ hôi đẩy xe cho chúng tôi dưới ánh chiều tuyệt đẹp đó.

Lại có một người đàn bà nhà quê, từ xa, rất xa tới, từ Tsing hsien, cách bệnh viện sáu chục cây số hay hơn nữa, thím ta tới để sanh đứa con thứ mười, các đứa trước

đều là gái, thấy một người hàng xóm sanh ở bệnh viện chúng tôi được một đứa con trai, thím tưởng rằng muốn có con trai thì cứ lại nhà hộ sinh của chúng tôi. Và thím ngồi xe kéo từ làng lại đây, chắc tốn tiền lắm. Nằm trên bàn đẻ, thím kể cho cô Hsu nghe về những đứa con gái của thím: đứa đầu lòng sống, đứa thứ ba cũng vậy, nhưng đứa thứ nhì thì vừa mới lọt lòng ra, bị chồng thím bóp cổ chết, đứa thứ năm và đứa thứ sáu cũng chịu số phận đó, đứa thứ bảy sanh nhằm một năm đói kém, bụng thím lép kẹp, và chồng thím lấy chiếc rìu đập bể đầu đứa bé, tới đứa thứ tám, người chồng giận quá, cầm nó quật mạnh vào tường cho chết, đứa thứ chín được một tuổi, và đã đem cho người hàng xóm, và bây giờ đây lại có mang nữa... miễn là được một đứa con trai.

Trong khi thím chuyển bụng, cô Hsu cầm ống thính chẩn nghe bụng của thím, hỏi:

- Thế còn đứa thứ tư?

Thím kể lại mấy lần nữa rành rọt lần đầu và lần nào cũng quên đứa thứ tư. Cơn đau tăng lên (sức thím đã kiệt rồi, các bắp thịt ở bụng đã giản ra rồi, gần như có thể trông thấy tử cung ở dưới lớp da, chúng tôi phải đề phòng băng huyết, sản phụ nào đã sanh đẻ nhiều thường dễ bị băng huyết), thím ta vừa khóc vừa kể cái chết của đứa thứ tư. Thấy lại sanh con gái nữa, lần đó thím sợ quá, đem nhận nó vào cái lu để tắm rửa, cho nó chết ngộp. Hết thảy chúng tôi đều hi vọng, hi vọng. Các cô mụ đều biết rõ truyện người đàn bà đó rồi, các bệnh

nhân khác cũng vậy, trong khi thím ta rặn đẻ, có vài người ngồi trên giường của họ cũng cùng rặn với thím, tâm hồn hướng cả về thím, chờ đợi một phép màu, hi vọng, chờ đợi thím sanh một đứa con trai để cho bệnh viện này nổi danh là một nơi thiêng liêng, kì diệu. Nhưng làm gì có phép màu: đứa thứ mười cũng lại là con gái nữa.

Cô Hsu nói với sản phụ nằm im, mắt lạnh lùng ngó lên trên trần nhà: "Em nhỏ xinh quá, thím nhìn nó này. Nhìn nó đi, nó ngộ quá".

"Con gái, lại còn gái nữa". Có lẽ tại thím ta đưa ít tiền quá chăng? Thím cởi hầu bao mà thím đã kéo lên ngực để bụng được thong thả trong khi rặn đẻ, thím chìa ra một tấm giấy hai chục, bảo: "Cháu chỉ có bấy nhiêu, bà cầm lấy hết đi cho cháu đứa con trai".

Cô Hsu bảo:

- Gái cũng như trai chứ khác gì.

Suốt mấy hôm sau, hết thảy chúng tôi đều giảng đi giảng lại cho thím hiểu rằng làm đàn bà mới đáng quí, thời buổi này đàn bà có thể làm mọi nghề được, làm bác sĩ hay làm cô mụ, mà đứa bé lại ngợ nữa. Năm ngày sau thím ta về nhà, muốn để lại đứa hài nhi cho chúng tôi, nhưng chúng tôi nhận sao được. Cô Hsu quấn chặt đứa bé theo tục ở Tứ Xuyên rồi đặt nó vào tay thím bảo: "Rán săn sóc nó, sau này sẽ được nhờ đấy". Rồi cô tiễn thím ra tới cửa, rán thuyết phục thím, trong khi người lao công

chạy đi kiếm xe kéo. Nhiều phu xe kéo và phu xe bù-ệt không chịu chở một sản phụ mới sanh được một tuần hay mười ngày, chỉ chở nếu đứa bé đã đầy tháng, vì họ tin rằng lúc đó tà ma không còn theo người mẹ nữa. Thấy người phu xe nhấc càng xe lên, không chịu chở một người mẹ bồng một hài nhi tám ngày, cô Hsu nổi giận, la: "Anh ở đâu mà ra? Không ở trong bụng đàn bà mà ra ư? Anh không có mẹ ư?" Trong khi người phu xe bỏ chạy. Nhưng ở đường Tiểu Thiên Trúc, nhiều người phu xe quen chở các người đàn bà có thai hoặc mới sanh, thấy bọn đó từ chối, họ cười. Vậy hôm đó kiếm được một người phu xe cho thím ấy, người phu này tươi cười, vui tính, cũng rán khuyên thím giữ đứa bé: "Thời buổi này khác rồi, gái cũng như trai, thím coi các bà bác sĩ đấy!" Sau này, người gác cổng kể chuyện lại rằng, trên đường về làng, thím ấy bảo sợ bồng về cho chồng một đứa con gái nữa quá, thím sẽ kiếm một cái hố nào tiện, liệng đứa bé xuống, không biết thím có làm vậy thực không vì người gác cổng và người phu xe đều không muốn nói ra. Có vài cô mụ nghĩ rằng giá chúng tôi nhận đứa bé thì phải hơn, sau này thế nào chẳng kiếm được người xin nó làm con...

Không một người đàn bà nào dù địa vị cao tới đâu mà thoát khỏi cái thân phận sa đọa kết chặt với bản thể họ đó. Và Pao nện sâu bài học đó vào cái đầu óc tôi: "Tự bản thân, phụ nữ không phải là một cá nhân... Không có giá trị gì cả... không có địa vị trong xã hội, nếu có thì nhờ cha, nhờ chồng hay nhờ con trai thôi..."... Pao bảo nam tôn, nữ ti, đó là "luật bất di bất dịch của hóa công". "Đàn

bà không có tài thì mới có đức". Trên cao là trời, dưới thấp là đất, ở giữa là người đàn ông và người đàn bà phải phục tùng đàn ông? Chính chữ ***nữ*** (đàn bà) cũng diễn cái ý phục tùng đó: nét ngang là gánh nặng hai cái vú, hông nở, chân cong vòng chéo nhau, không hoàn toàn là loài bốn chân, nhưng gần gần như vậy...

Cả trong giới mệnh danh là trí thức thượng lưu, tôi cũng thấy con quái vật cổ tục tàn nhẫn thả vòi ra ghì chặt lấy phụ nữ, y như những móc sắt của các cô mụ vườn, chụp lấy, xé nát bụng của các bà mẹ... khiến cho người ta muốn kêu lên: trời hỡi! Tôi bị nguyền rủa ra sao, bị hình phạt gì đây mà phải sinh làm kiếp đàn bà như vậy?

Một lần nữa, trước cái cảnh đau khổ bi thảm, bất tuyệt của phụ nữ đó, nỗi đau khổ của tôi giảm đi, không còn đáng kể gì cả, khi tôi tin được rằng tôi có thể giúp ích trong cái bệnh viện đường Tiểu Thiên Trúc này, có thể làm cái gì để trị lành, an ủi làm dịu bớt nỗi đau của người khác, và chưa biết chừng một ngày kia có thể thay đổi, cải thiện cả tình trạng đó nữa. Muốn vậy, tôi thấy chỉ có cách là học thành y sĩ như tôi vẫn ước ao từ hồi mười hai tuổi.

Nhiều cô mụ trong bệnh viện không muốn có chồng vì thấy cảnh bi thảm ở chung quanh. Vài cô đã phải chiến đấu lâu năm, để học nghề cô mụ. Nhưng họ không phải là những gái già chua chát, mà là một nhóm phụ nữ chín chắn, độc lập đã lựa một lối sống và quyết giữ vững một

lí tưởng. Vài cô lựa người chồng hợp ý mà mình yêu, và thái độ đó cũng đã là một sự canh tân rồi.

*

Cô Marian thích đọc lớn tiếng những chương cô mới viết xong cho các nhà truyền giáo khác nghe vì cô nghĩ rằng họ biết thưởng thức. Thỉnh thoảng cô rủ tôi lại ăn bữa tối trong gia đình các nhà truyền giáo đó. Ăn xong, cô khoan khoái ngồi đọc một giờ và các người khác cũng như tôi. Tôi không chú ý tới lắm, thỉnh thoảng - chứ không luôn luôn - nhận ra được một đoạn của tôi. Tôi phục cô đọc lớn tiếng như vậy mà không ngượng, tôi thì không thể đọc lớn tiếng tác phẩm của tôi được vì việc viết lách tuy là để cho mọi người đọc đấy, vẫn là việc riêng, thầm kín trong lòng mình. Đôi khi nghe cô đọc mà óc tôi vơ vẩn nghĩ tới Pao và nỗi sợ lại bao trùm tôi như một tấm màn lạnh lẽo. Nhưng giọng cương quyết và vẻ tự tin của cô Marian làm cho tâm hồn tôi dịu xuống. Tôi biết rằng tôi không thể làm cho mỗi chi tiết nổi bật lên, gắn đúng vào chỗ của nó một cách tỉ mỉ như cô làm được, cái thuật làm nổi bật lên đó, sau này tôi áp dụng một cách khác cô, để gây một ấn tượng về một cảnh nào đó, tôi tước bớt đi, dùng rất ít chữ, chứ không dụng thêm, chồng chất thêm vào.

Nhờ cô mà tôi gặp được vài nhà truyền giáo Mĩ và Gia Nã Đại. Mấy nhà đó nay đã rời hẳn Trung Hoa từ lâu rồi, có người viết sách kể đời sống của họ trước kia ở

Trung Hoa, và từ khi có cách mạng, đời họ thay đổi ra sao, ít nhất là có một nhà đã giúp đỡ nhiều cho các sinh viên có tư tưởng tiến bộ bị mật vụ của Tai Lee săn bắt, có nhiều nhà tin tưởng ở Tưởng Giới Thạch, ghét và sợ các hoạt động chính trị vì tình cảm của một cổ hai tròng của họ ở Trung Hoa.

Đại học Thành Đô gồm tất cả sáu đại học mà năm học tị nạn từ miền khác tới, mật vụ lúc nhúc, dò thám các giáo sư, giảng sư và sinh viên. Trừ vài vị rất hiếm, còn thì các nhà truyền giáo cảm thấy bị áp lực, sợ lôi thôi, không theo phe nào cả.

Tôi gặp một cặp vợ chồng Anh, ông bà Parfitt. Bà tên là Jessie, to lớn và đẹp được huy chương vàng của trường đại học Londres, tôi ước ao được như bà: làm bác sĩ, giỏi giang, tự tín. Ông chồng chủ trương hòa bình, rất thành thục và ghét chiến tranh, mà thảo luận hàng giờ về sự bất bạo động, tôi nhớ rõ bà vợ vì tháng 5 năm 1940, khi cái "chiến tranh kì cục" đó đã ầm ĩ ở Châu Âu từ tháng 9 năm 1939, sau cùng phát ra tai hại, đạo quân của Hitler túa vào Pháp, thì một buổi tối nọ chính bà vào phòng tôi ở nhà hộ sinh bảo: "Pháp đã đầu hàng rồi, quân đội Anh bị bao vây ở Dunkerque thế là hết..." Ông bà Parfitt bắt được những tin đó trong máy thu thanh, cho rằng cái thế giới của họ đã tới hồi mạt vận. Tôi thì tôi cho rằng đó chỉ là một biến cố phụ xảy ra ở xa, trong một chiến tranh, thực sự đã bắt đầu ở Trung Hoa từ mấy năm trước... Tôi hỏi: "Như vậy rồi sẽ ra sao? - Jessie đáp:

Tôi không biết. Anh bây giờ cô độc "Bà ấy thực hoảng sợ, tôi chưa bao giờ thấy bà bối rối, đau khổ như vậy, tôi chỉ có thể an ủi: "Tôi cho rằng đã đến nỗi tuyệt vọng đâu". Bà bảo: "Chúng tôi không thể để cho Hitler vô nước Anh được. Không thể được "Tôi nghĩ bụng": "Coi Trung Hoa đó. Nhật đã chiếm được một miếng lớn rồi đấy, đem bao nhiêu quân lại đóng đấy, Trung Hoa cô độc từ lâu rồi, vậy mà vẫn tiếp tục, tiếp tục..."

Cái thế giới truyền giáo đó luôn luôn nửa quen nửa lạ đối với tôi cũng như ở đại học Yen-tching [1] họ cũng "giao thiệp" với các bạn đồng sự Trung Hoa của họ, nhưng mức sống cũng cách biệt nhau quá xa, nhất là vào thời này, thành thử mọi thí nghiệm thành lập một cộng đồng trí thức hợp nhất, bình đẳng, chỉ là để che mắt thiên hạ. Bọn trí thức phương Tây giàu có hơn nhiều, lương bổng cao hơn nhiều, ở những ngôi nhà gạch đẹp đẽ, có kẻ hầu người hạ, còn bọn trí thức Trung Hoa cùng một chức vị với họ, dù tài giỏi hơn, cũng không có được mức sống đó. Do đó Đại học chia làm hai lớp người, mà lớp người Trung Hoa chiến tranh càng kéo dài, sự lạm phát càng tăng, thì lương càng không đủ sống, tới cái nông nổi họ không mua nổi những vật cần thiết bực nhất nữa. Các nhà truyền giáo Phương Tây trái lại, lãnh lương bằng ngoại tệ, tình cảnh không có gì thay đổi, trong khi các bạn Trung Hoa của họ bắt đầu chết đói.

---

(1) Ơ Bắc Kinh.

Ở nhà hộ sinh, năm 1940 không ai được ăn thịt nữa, gà vịt và trứng cũng thiếu. Các cô mụ phải ăn thứ gạo đen, thứ đậu Y Pha Nho để cả vỏ, không ngon, các món ngâm dấm: nếu lại nhà một vị truyền giáo Mĩ, thì sẽ thấy đủ thịt, bơ, gà, bánh kẹo. Tình thế như vậy cho nên không một người Trung Hoa nào dám mời một người Âu ăn cơm, người Âu có thể mời người Trung Hoa được nhưng hiếm lắm, vì các nhà truyền giáo thấy thức ăn mỗi ngày một khó khăn, nên có được thức gì được hưởng những quyền nào, nhận được bưu kiện nào ở ngoại quốc, là họ giữ lấy cho chặt, không chịu rời ra. Đầu 1940, tình trạng thiếu ăn đã gây nhiều tai hại trong giới sinh viên. Có hai hạng sinh viên: hạng có thức ăn và hạng phải ăn cơm nhạt và vét các dĩa thức ăn của bọn trên. Bệnh lao phát triển dữ dội. Vài năm sau có nhiều sinh viên, giảng sư và giáo sư chết đói.

Sau khi Pháp đại bại tháng 5 năm 1940, trong giới quân nhân Trung Hoa, người ta đâm ra khinh bỉ Anh và Pháp, cho rằng họ chịu nhục nhã như vậy là đáng kiếp. Cái vẻ vênh váo, ngạo nghễ của họ ở Á, ở Trung Hoa trước kia, bây giờ còn đâu nữa? Hà Ứng Khâm, Bộ trưởng quốc phòng tin chắc rằng Đức sẽ thắng, "mà tụi Anh, tụi Pháp thì hết thời rồi". Người Anh không còn có thể khinh khỉnh ngó Trung Hoa, chê cảnh hỗn độn, rối beng, những cuộc rút lui, bại tẩu của Trung Hoa nữa, Pháp năm 1940 còn tệ hơn vậy nhiều, mà bọn Anh bại tẩu, lết lại sau, nằm ngổn ngang trên bờ biển Dunkerque như rác rưởi

sóng đánh dạt vào bờ, thì cũng chẳng hơn gì. Dĩ nhiên, chúng tôi không thương hại chút nào bọn người trước kia làm nhục chúng tôi, bây giờ phải chịu nhục lại đó, trái lại ngay cả những người có nhiều cảm tình với Anh Pháp, bây giờ cũng thấy thỏa mãn nữa. Nhưng đối với đa số các nhà truyền giáo, chỉ chiến tranh ở Châu Âu mới quan trọng, họ quan tâm tới nó hơn là tới những biến cố ở Trung Hoa.

Sau bữa tối, họ bàn bạc với nhau về lời gọi lính của Churchill và khi tôi nói với một người trong bọn họ rằng những biến cố ở Trung Hoa mới quan trọng thì người đó đáp: không, tương lai thế giới là tùy mặt trận Âu Châu.

Ngày 17 tháng 6 năm 1940, có tin rằng con đường Miến Điện bị cấm lưu thông: Như vậy là chính phủ Anh trực tiếp khuyến khích Nhật.

Ở Trung Hoa nhiều người bất bình. Churchill có vẻ có đủ tư cách hơn hết để nêu gương chiến đấu, bất khuất mà lại làm bộ không biết tới cuộc kháng Nhật của Trung Hoa, không cho dùng con đường Miến Điện để chở vũ khí cho Trung Hoa. Thái độ đó thật là bất nhẫn, nhơ nhuốc, ba tháng hè năm đó, con đường bị chặn, làm cho uy tín của Anh ở Âu Châu giảm đi. Hành động như vậy, họ mong tách Nhật ra khỏi Đức Quốc Xã, rồi họ thỏa hiệp với Nhật để chia nhau thị trường Trung Hoa mà Nhật sẽ không đem quân chiếm Đông Nam Á, nhưng hậu quả chỉ làm cho chương trình xâm lăng của Nhật hóa rõ rệt hơn. Churchill có một chính sách hay ở Châu

Âu, nhưng hành động rất vụng về ở Châu Á. Ông ta cho rằng Trung Hoa chỉ hỗn độn gồm bọn quân phiệt và bọn ăn mày, chê Gandhi là một "*pha kia*" ở trần, và muốn cai trị Ấn Độ thì có thể dùng hoài chính sách đàn áp tàn nhẫn được. Ông tượng trưng lòng cương quyết chống kẻ thù vô cùng mạnh hơn để bảo vệ nền độc lập của Anh, nhưng ông lại không hiểu rằng người Á và người Phi cũng muốn bảo vệ độc lập của họ.

Khi con đường Miến Điện bị đóng rồi, các nhà truyền giáo nghĩ rằng Trung Hoa phải "thương thuyết" với Nhật. Trung Hoa cần đào tạo những nhà chuyên môn có tài: bác sĩ, giáo sư, kĩ sư, chính sách dài hạn đó rốt cuộc lại có hiệu quả hơn là" quấy rối về chính trị", vậy thì nên học hơn là làm chính trị... các đại học bề ngoài bình tĩnh mà sự thực là nhiều người rất bất mãn. Đồng thời, sự xung đột giữa quân đội cộng sản và quân đội Quốc Dân đảng tăng lên, càng ngày càng xảy ra nhiều cuộc bắt bớ các nhà trí thức thiên tả để giam trong các trại "cải tạo tư tưởng".

Người ta cấm dạy hoặc thảo luận về tình trạng kinh tế nông thôn, về ý nghĩa của chế độ phát xít, đặc biệt là về những việc xảy ra ở mặt trận cộng tại Diên An. Cũng cấm nói về sự lạm phát. Nhưng trong các cuộc hội họp hàng tuần của nhóm Nghiên cứu Thánh Kinh, chúng tôi cũng bàn tới những vấn đề cấm kị đó, như vậy đã là phản quốc rồi. Giản dị lắm: chúng tôi bắt đầu lựa một tiết nào đó trong Thánh Kinh rồi từ đó bàn rộng ra. Trong đám

thính giả luôn luôn có sinh viên và vài giáo sư. Nhà truyền giáo chủ tọa buổi họp luôn luôn mở đầu và kết thúc bằng vài nhận xét tổng quát nho nhỏ, hàm cái ý nghĩa *chỉ trích* chứ không nhắm mắt chấp nhận, những cuộc hội họp như vậy, nếu có kẻ báo cáo với nhà cầm quyền thì có thể rất nguy hại cho các nhà truyền giáo và các giáo sư, sinh viên đó.

Một hôm, trong buổi họp, chúng tôi làm quen với Jack Belden, thông tín viên của một nhật báo Mĩ. Ông ta đã đi thăm những miền giải phóng ở khu cộng sản và sau này viết một cuốn rất hay: *Trung Hoa làm chấn động thế giới.* Ông ta đã có thời làm lính thủy, làm thợ, tới Trung Hoa năm 1933, ở lại chín năm. Ông tới kể cho chúng tôi nghe về Diên An, về Đệ Bát lộ quân, về cuộc kháng Nhật của đạo quân đó. Các người ngoại quốc được hưởng đặc quyền tài phán, không bị xử theo luật Trung Hoa, nên Jack Belden không bị quấy nhiễu, nhưng nếu có kẻ phản thì mấy người Trung Hoa có mặt trong buổi họp đó tất bị nguy tới tính mạng. Một hôm khác tôi gặp David Crooke hiện nay dạy ở Bắc Kinh, hồi đó lại diễn thuyết ở Thành Đô. David dự các cuộc thảo luận của chúng tôi và óc sáng suốt, những nghị luận được cân nhắc kĩ lưỡng của ông gây cho chúng tôi một ấn tượng sâu sắc. Ông là một trong người cổ xúy các nhóm nghiên cứu đó.

Lại có thêm Rutle Weiss, một người can đảm vào bậc nhất. Bà là người Áo, cưới một người Trung Hoa hơi

nhỏ tuổi hơn và sanh được hai đứa con trai. Vài năm sau, chính chồng bà, chứ không phải bà, qua sống bên Mĩ. Mặc dầu từ trước chồng bà vẫn có vẻ "tiến bộ" hơn, và bà ở lại một mình nuôi hai đứa con trong những năm khó khăn nhất khi chế độ Tưởng Giới Thạch sụp đổ. Thời giải phóng, bà ở lại Trung Hoa, bảo con bà là người Trung Hoa thì phải sống ở Trung Hoa. Mới đầu bà sống rất vất vả, trải qua không biết bao nỗi gian truân mà lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ.

Nên kể thêm cô Liao Honging, một thiếu nữ Trung Hoa, giáo sư hóa học. Cô rất liêm khiết, nên bị nhiều quan lại giả đạo đức cho là chướng. Cô đã qua học bên Anh vài năm rồi trở về dạy học ở Thành Đô, chơi thân với cô mụ Hoan Seyouan, bạn của tôi.

Tôi thích những cuộc hội họp đó, mặc dầu thời đó tôi không đồng ý với David Crooke, hồi đó tôi còn tin nhiều cái vô lí, Pao đã nhồi cho tôi vì chúng tôi đều bị tẩy não, mà tôi lại do dự, ngây thơ, dễ tin người lắm. Những cuộc hội họp đó cho tôi được nghỉ ngơi, giúp tôi thêm sức chống lại những tư tưởng của Pao, nhưng mãi sau này mới ảnh hưởng đậm tới tâm hồn tôi.

*

Tôi đi dạo các đường phố ở Thành Đô: phố hàng Bạc, hàng Đào, hàng Thiếc, hàng Sách... với Liao Honging, Hoan Seyouan, và cô mụ Wang, Trưởng phòng hộ sinh. Chúng tôi ăn món mì *lamien* trong một cái quán

đường Tiểu Thiên Trúc. Chúng tôi làm các món dưa ngâm dấm. Các bạn tôi chỉ cho tôi các câu đố Tứ Xuyên luôn luôn ngộ nghĩnh, hóm hỉnh. Chẳng hạn một người "bịt tai lại để ăn cắp chuông" là một người không biết tật của mình mà chỉ nói về mình, "một ông Phật bằng đất mà qua sông" trỏ một người không có khả năng làm một công việc, mà cứ làm rồi bị tổn hại.

Những ngày nghỉ tôi về thăm chú Ba ở ngõ Chợ Cừu, chú rất thích nói chuyện và tôi dắt theo những bạn thích nghe chuyện, để chú có dịp kể chuyện. Thấy tôi ưa các câu tục ngữ Tứ Xuyên, chú mừng lắm, bảo: "Những người ở miền xuôi" không nói như chúng mình. Bảo một người nào đó "có cái mỏ con két", là có ý chê người đó chỉ nói luôn miệng mà không làm, câu đó là thành ngữ ở Thành Đô, vì trước nhiều cửa tiệm ở Thành Đô có những con két đong đưa trên những cái vòng lớn. "Bài luận của ông như những chiếc vớ của một người nội trợ biếng nhác", có nghĩa là văn viết lộn xộn, rườm rà, tật chung của nhiều nhà văn Tứ Xuyên.

Khi chúng tôi lại đỡ đẻ cho các phụ sản tại nhà họ các trẻ em thường bao vây chúng tôi, và trong khi chờ đợi (làm cái nghề đỡ đẻ, phải đợi hàng giờ rồi vội vàng tíu tít lên trong vài phút), một trong những trò tiêu khiển cô Wang thích nhất là hát những câu đố với những em lớn tuổi nhất.

Tôi tiếc không ghi lại những câu chuyện đó và những bài hát ru con, bài hát trẻ em, toàn là những điệu cổ mà

các bà mẹ Tứ Xuyên thuộc rất nhiều. Bây giờ tôi không nhớ nổi, nhưng mỗi khi về Thành Đô, mặc dầu xe cộ ồn ào, lắng tai nghe, tôi vẫn nhận ra được điệu hát quen thuộc của một bà mẹ ru con từ trong một cái chòi rách bằng phên trét bùn phát ra, và những câu hát đó của các trẻ em chơi ở ngoài đường.

Lại còn những tuồng hát ở Tứ Xuyên nữa chói tai hơn, nhưng uyển chuyển hơn các tuồng hát Bắc Kinh cử động không cố ý, cứng ngắc và các vai nữ linh hoạt hơn, Teng Wanhou, cô em họ tôi, mê tuồng và thỉnh thoảng dắt tôi đi coi những tuồng diễn xuất năm giờ. Coi hát ra, chúng tôi thơ thẩn ngoài phố, vào một quán để ăn món *maotutze,* món thịt hầm đặc biệt của Tứ Xuyên, nấu bằng gan, diều và thịt gà băm vụn, thêm rất nhiều hương liệu, trong khi Teng Wanhou và các bạn của cô không ngớt phê bình với nhau những đoạn hay nhất trong tuồng.

Năm 1964 tôi được thấy tuồng Tứ Xuyên đã tiến hóa: Người ta đã bỏ những đề tài cũ: những thư sinh nghèo cưới được những công chúa giàu, mà diễn những đề tài mới, nhưng điệu hát và điệu bộ thì không thay đổi, những chỗ khôi hài cũng vậy, chính nhờ những chỗ khôi hài đó mà tuồng có giá trị lâu bền. Và bây giờ tôi đợi có một tuồng hay lấy giai đoạn *Trường hành* qua Tứ Xuyên, làm đề tài, cuộc Trường hành đó đã thay đổi cuộc đời của biết bao người.

*

8

Cứ sống ở Thành Đô, làm cô mụ và viết văn một thời gian, tôi lại ra Trùng Khánh ở với Pao; những mảnh đời sống ở hai nơi đó khác hẳn, về nơi này không bao giờ tôi nhắc tới nơi kia, mà muốn hoàn toàn ngăn cách hai khía cạnh đó của đời tôi.

Tụi Nhật bắt đầu dội bom từ năm 1939, qua những năm 1940 và 1941, chúng mỗi ngày một dội nhiều hơn. Khi sương mù mùa đông bắt đầu tan là phi cơ tới; từ đầu mùa hè nóng bỏng làm cho con người kiệt sức, cho tới gần cuối thu, bị dội bom là chuyện cơm bữa. Những hoạt động hàng ngày của chúng tôi do đó phải xếp đặt lại để tránh những giờ bị dội bom: chúng tôi dậy thật sớm: vì hơi nóng ban ngày bị hút vào trong núi đá, ban đêm mới tiết ra, cho nên đêm là một cảnh địa ngục, mồ hôi nhễ nhãi, hễ mặt trời mọc là tỉnh dậy; mà buổi sáng cũng chẳng mát mẻ gì, chỉ là bắt đầu một ngày sống trong lò nữa thôi. Lấy mấy cành khô nhóm lửa, quạt quạt cho lửa mau cháy, nước cơm mau sôi, để vào khoảng chín giờ là ăn xong bữa sáng, trước khi bị dội bom. Vừa xong thì còi báo động đầu tiên vang lên. Ai nấy xuống hầm núp, mang theo ít vật tùy thân với cái ấm đun nước và cái lò bằng sắt (sau 1940 không kiếm đâu ra đồng sắt nữa, không có lò để thay) và ở dưới hầm cho tới hết ngày. Có khi bom rớt ngay bên cạnh, và chúng tôi nhận ra được tiếng véo véo

đặc biệt của nó. Có khi nó rớt ở xa, tiếng nổ nghe nhỏ hơn. Phi cơ đôi khi bay tới dội năm, sáu đợt, có ngày hai chục đợt. Một lần, năm 1941, chúng hết lớp này lớp khác, bay lại dội liên tiếp bảy ngày bảy đêm; rất nhiều người chết vì bị trúng bom; mà ngay kẻ núp trong hầm nhất là các em bé cũng chết vì nóng quá, vì kiệt sức, vì bị bệnh chết.

Hầm đục trong núi; vì cả Trùng Khánh là một trái núi, đâu đâu cũng có những chỗ nhô ra, thụt vô, những hang hốc, cho nên dễ núp. Nhưng những hầm công cộng đào trong đất xốp hơn thì chỉ ít lâu là sụp đổ, nguy hiểm lắm. Những hầm đó không thông hơi, chỉ có mỗi một cửa vô, ai núp trong sâu thì thiếu dưỡng khí, nếu dội bom lâu quá, họ vùng vẫy rồi ngất đi. Giữa hai cuộc dội bom, người ta được nghỉ ngơi một chút, mọi người chạy ra khỏi hầm, ngồi gần ở cửa, quạt quạt, hớp không khí nóng bỏng; nhưng như vậy cũng gần mệt như ngồi trong hầm, vì không có một bóng mát, và nếu có được một bụi cây nhỏ nào hơi có bóng một chút, thì các ông cảnh sát hoặc một gia đình công chức sang trọng đã được quyền chiếm mất rồi. Ánh nắng đập vào đá như búa đập trên đe, thời khắc trôi qua chậm chạp như chụp lên đầu chúng tôi những cái nón bằng chì nóng chảy; mồ hôi đổ, ngạt thở, và khát; chỉ có mỗi một cái thùng gỗ lớn đặt ở cửa hầm để cho đàn ông tiêu tiểu. Không có gì cho phụ nữ cả. Còn con nít thì cứ ngồi đại xuống núi bài tiết, cả một khoảng nồng nặc, hôi thối và ruồi thôi là ruồi!

Sau năm 1940, lại còn thêm cái nỗi không dám lấy mù-soa ra chùi mồ hôi trên mặt nữa, vì có tin đồn đã bắt được vài tên "gián điệp" dùng mù-soa trắng làm dấu hiệu cho phi cơ địch. Ai mà bị bắt làm dấu hiệu thì bị bắn bỏ liền... Tôi đã mục kích một vụ không sao giảng được: tôi luôn luôn đợi tới phút chót mới đi, nên lần đó lại hầm hơi trễ, thấy ba người lính dẫn một người đàn ông tay bị trói, mặt bịt một tấm vải đen khoét lỗ ở mắt; phía sau là một cảnh sát bận thường phục, tay lơ là cầm một khẩu súng sáu họng chĩa xuống đất. Phạm nhân đó chắc là sẽ bị bắn một phát vào gáy trong một cái hầm nhỏ của tư nhân nào đó, và tôi không biết vì tội gì. Đó là một trong những cách bọn mật vụ dùng để diệt "cộng". Thường thường, bọn đao phủ lột giày của kẻ bị hành hình mà đem đi, để khỏi bị "hồn ma theo dõi".

Vậy khi ngồi ở cửa hầm, có muốn chùi mồ hôi chảy ròng ròng trên người thì phải dùng những chiếc khăn xám hoặc lam, chứ không được dùng khăn trắng. Tôi chỉ ngồi xuống một lúc là mồ hôi chảy ra, ướt cả mặt phiến đá.

Nhiều lần về nhà, không còn một giọt nước. Bom đã phá hủy các ống nước, và nhà máy điện nhỏ ở Trùng Khánh hai lần bị bom. Vả lại, già nửa dân Trùng Khánh phải thuê người xách nước từ những ống nước lớn hoặc từ dưới sông lên. Xuống, xuống, xuống sáu chục thước, rồi lên, lên, lên sáu chục thước để có được một thùng nước... thứ nước vàng những bùn, nhựa sống của con

sông Dương Tử đó, phải trả mỗi thùng từ 5 tới 10 đồng. Gặp hồi khó kiếm, tôi tập chỉ dùng mỗi ngày một thùng nước thôi cho mọi việc: uống, nấu, ăn, tắm giặt, lau nhà...

Năm 1940 và cho tới mùa hè năm 1941, khi bắt đầu dội bom, vợ chồng tôi thuê căn gác thứ nhất của một ngôi nhà trong vườn họ Tchang. Thực ra không phải là một khu vườn, mà chỉ là một đường dài và hẹp, có nhiều bực như một cái thang, đầy đá sỏi như một đường mòn trên núi, đưa từ con đường chính xuống sông. Nhà chỉ cất ở một bên, bên kia là một cái khe sâu. Bên kia bờ khe đó lại có một sườn núi nữa và một con đường nữa cũng như cái thang, hai bên là nhà. Đó là những căn nhà ở bên cạnh khu quân sự, và một bãi tập chắc là của bọn Sơ-mi-lam, xế cửa nhà tôi là một cầu tiêu công cộng, tiện cho chúng tôi trút các nước dơ. Phòng giấy của phái đoàn quân sự Xô Viết ở trên một mỏm núi khác có đường dốc đưa xuống sông; họ chỉ cách chúng tôi khoảng một cây số nên chúng tôi trông thấy rõ họ.

Hồi đó, vì Tưởng chỉ giả đò kháng Nhật, nên bề ngoài có vẻ thân thiện với Nga Sô hơn với Mĩ. Liên lạc ngoại giao đã được tái lập năm 1934, và một hiệp ước bất tương xâm được kí tháng 8 năm 1937: Nga tiếp tế quân nhu cho Tưởng bằng con đường dài 2.000 cây số mới làm xong năm 1938, nối Tây Bá Lợi Á với Tây An, đi ngang qua Urumchi và Lan Châu. Vì có con đường đó, Mĩ mới mở con đường Miến Điện sáu tháng sau. Sứ thần Nga, ông A. Paniushkin, khi tới Trùng Khánh không chịu ngồi

kiệu để lên các bực thang đưa từ dưới sông lên con đường chính, cử chỉ dân chủ đó rất được lòng dân chúng Trùng Khánh. Nhân viên trong phái đoàn quân sự Nga sống riêng với nhau, không dùng vệ binh, còn nhóm liên lạc cộng sản Trung Hoa do Chu Ân Lai cầm đầu phải chịu nhiều câu thúc nghiêm ngặt. Họ bị giam lỏng trong một căn nhà nhỏ lúc nhúc những mật thám trá hình. Các trại tập trung giam đầy những kẻ bị buộc tội là có tư tưởng nguy hại chỉ vì bị bắt gặp đương đọc sách trong một tiệm sách, hoặc đương đi trên đường lại Diên An. Phái đoàn Nga ở Trùng Khánh không liên lạc với cộng sản Trung Hoa. Suốt chiến tranh, tất cả quân nhu, vũ khí Nga đều gởi cho Tưởng, và cho tới 1941, Nga Sô là nước cung cấp những thứ đó nhiều nhất cho Trung Hoa. Máy bay để ngăn các cuộc dội bom là của Nga do phi công tình nguyện Nga lái; các súng cao xạ phòng không cũng từ Nga chở qua.

Vào khoảng cuối năm 1940, sự lạm phát tới cái mức khó kiếm được thịt ở chợ Trùng Khánh, và nhiều ông chồng phải đem dao phay theo vợ tới chợ, tự chặt các miếng thịt bày ở bàn thịt đem về, vì không ai chịu đứng nối đuôi nhau theo thứ tự, và mạnh ai nấy vồ lấy thức ăn, để trễ, thức ăn còn lại càng ít thì giá càng tăng.

Báo chí đăng các bài xã thuyết yêu cầu bình giá tiền tệ, kiểm soát giá cả và trừng trị những con buôn đầu cơ các nhu yếu phẩm; nhưng nền tài chính Quốc Dân đảng ở trong tình trạng hỗn độn kinh niên, mà Bộ trưởng Tài

chánh cùng bà con họ hàng. Ông ta, do các hãng buôn độc quyền, mua chợ đen các đồ xa xỉ phẩm ở Hương Cảng, Thượng Hải về, thành thử ngay chính quyền cũng không áp dụng những luật lệ họ đã công bố.

Ngoài Bộ trưởng Tài chánh là Khổng Tường Hi ra, còn có tổ chức của Tai Lee và các Công ti độc quyền của hắn nữa; còn quân đội Quốc Dân đảng trực tiếp buôn bán với tụi Nhật nữa. Người ta vận động, hô hào sống khắc khổ, nhưng chẳng ai thèm theo cả, nhất là các ông lớn. Mùa hè năm đó, Mĩ giúp cho Trung Hoa 50 triệu Mĩ kim, nhưng không có kiểm soát về hối đoái, Khổng Tường Hi và bà vợ không muốn vậy. Chính họ và các công chức ở chung quanh họ lợi dụng sự tự do đó để mua ngoại tệ theo hối suất 20 đồng bạc Trung Hoa ăn một Mĩ Kim, thành thử Mĩ cho vay hoặc trợ cấp khoản nào thì lần lần chui vào túi các công chức hết, và mãi lực của hối suất chính thức sụt xuống chỉ còn bằng một phần mười hối suất năm 1937. Năm 1941 chỉ còn một phần năm chục năm 1937.

Để tránh một cuộc khủng hoảng hành chánh, chính phủ trả lương công chức một phần bằng gạo: mỗi tháng 16 cattie [1] gạo cho một người đàn bà, 12 cattie cho mỗi trẻ em, còn đàn ông thì có thể tới 28 cattie, tùy địa vị cao thấp: Biện pháp đó làm cho công chức khỏi chết đói,

(1) Cattie: khoảng trên 500 gam; có lẽ là một cân Trung Hoa.

nhưng thịt, trứng và cả hột đậu nành nữa lần lần biến mất trên mâm cơm. Người nào không phải là công chức thì phải mua chợ đen, còn khó khăn hơn nữa. Trong năm 1941, đồng bạc mất giá trung bình 10% mỗi tháng [1], không làm sao giữ "giá nhất định" cho các nhu yếu phẩm được.

Tôi rán mua thật ít. Tôi không có tài kiếm thức ăn và trả giá. Pao được ăn uống đầy đủ vì mỗi ngày ăn một bữa ở câu lạc bộ của sở, mà câu lạc bộ được hưởng đặc quyền ưu tiên. Tôi mướn một chị ở, một thôn nữ lực lưỡng, sai chị đi chợ. Chị mua con gà giò về nặng quá cỡ, vì người ta đã cho nó uống một bụng nước và nuốt cả cát, cả đá nữa; nhiều khi chị về tay không, cười cười, những món ngon nhất đều dồn về khu Nam ngạn (bờ phía Nam), bán trong các khách sạn ở chợ thường xảy ra các cuộc ẩu đả chung quanh các quầy hàng. Những kẻ khéo xoay xở đem theo thúng rổ về vùng nhà quê mua rau, trứng, thịt thẳng của nông dân. Có người nuôi gà mái, vịt hoặc heo; thiếu chỗ thì họ lấy tre rào mái nhà, nuôi trên đó, người ta kể chuyện một công chức nọ nuôi dưới gầm giường một bầy heo nữa[2]... nhưng chỉ những kẻ được lãnh "gạo chính phủ" mới có dư để nuôi gà vịt, do đó người ta dùng đủ mánh khóe để được cung cấp thêm, hoặc hối lộ, hoặc khai gian số con, số bà con "phải nuôi".

---

(1) Việt Nam hồi này (1973) cũng gần như vậy.

(2) Thời này (1978-1980) ở Việt Nam cũng tương tự

Thời đó ở Trung Hoa không làm giấy khai sinh, có cách nào đâu mà kiểm soát?

*

Chủ căn nhà trong Vườn họ Tchang là một bà rất hoạt động giỏi giang, tham lam. Mới đầu tôi đã ăn chung với bà ta, nhưng thấy tốn kém quá. Cái chị ở của tôi ăn mạnh quá, tới nỗi món ăn nấu xong đem lên, gần như không còn gì cả, vì tôi không có tài như bà chủ nhà, đứng kè kè bên cạnh người ở để coi chừng, rầy la cấm "nếm" thức ăn. Chị ở của bà ta làm việc quần quật suốt ngày, ăn cơm thừa canh cặn của chủ, cho nên không đỏ da thắm thịt, tròn trĩnh như chị ở của tôi. Nhưng rồi tới ngày chị ta tài tình quá, làm thịt một con gà tôi đã cực khổ biết bao mới mua được mà chỉ để lại cho chúng tôi cái cổ và cái phao câu, thì tôi đành phải chịu cho chị nghỉ việc.

Công việc nội trợ càng lúc khó khăn thì tôi lại càng không muốn làm một người nội trợ giỏi. Chung quanh tôi có những bà suốt đời làm những khổ dịch bất tuyệt trong nhà. Họ làm lụng tối tăm mặt mũi, quần áo lôi thôi, không thể nghĩ tới cái gì khác là giá gạo, giá củi, hoặc giá dầu, giá dấm; họ bắt người ở, cu li, người xách nước làm tới kiệt sức; họ cầm một chùm chìa khóa, đi đi lại lại, coi sóc từng tí, tôi nói đó là nói những bà nội trợ quán xuyến nhất. Cái đó dù xấu hay tốt, có ích hay không, thì tôi cũng không chịu để anh Pao bắt tôi phải làm theo ý

anh, vì như vậy tôi sẽ thành một kẻ nô lệ trong nhà mất. Vậy tôi quyết tâm không làm một người nội trợ giỏi - muốn ra sao thì ra. Tôi không chịu chui đầu vào bếp, thiên đường của đàn ông mà địa ngục của đàn bà đó.

Người ta cứ tha hồ khen những bà nấu được một món ăn ngon, tôi không màng tới. Tôi thấy con đường đó là con đường tự hủy diệt tôi... Và Pao vốn thích ăn ngon, không thỏa mãn về những món lâu lâu tôi nấu cho anh... cho nên đành phải cho tôi làm việc ở ngoài... và tôi đi dạy tiếng Anh cho nhân viên phái đoàn quân sự Nga ở Trùng Khánh. Nguyên do cũng hơi lạ.

Hồi tôi học ở Đại học Yen-Tching tại Bắc Kinh, từ 1933 đến 1935, tôi quen một thiếu nữ, mà ở đây, tôi tạm gọi là Yuen-ling. Chị ta người Mãn Châu, cao lớn, trắng trẻo, rất đẹp, tóc dài và đen nhánh. Sớm mồ côi, chị được một gia đình Nga ở Kharbine nuôi, nên nói thạo tiếng Nga. Có lẽ vì vậy mà chị nổi tiếng là có tư tưởng tiến bộ. Chị hoạt động tích cực cho Hội sinh viên ở Yen-tching, dự các phong trào sinh viên chống Nhật Bản năm 1935 và 1936. Tôi gặp lại chị trong miền núi ở Nanyu tháng 10 năm 1938. Hôm đó chị đi dạo trong làng với một nhóm kĩ thuật gia Nga giúp việc Tưởng Giới Thạch! Thấy tôi, chị ngừng lại hỏi han tôi một cách rất thân mật. Chị bảo chị làm thông ngôn cho những người Nga theo chính phủ Quốc Dân đảng lại Nanyu, sau khi Vũ Hán thất thủ.

Chị cười cười, cho hay rằng được nghe nhiều người

nói về đức siêng năng lau chùi căn phòng của tôi, nhưng chị không chê như vậy là kì cục, trái lại khen tôi thích sạch sẽ, ngăn nắp. Lần này tại Trùng Khánh, chúng tôi cũng gặp nhau ở ngoài đường... Tôi thấy chị, cúi chào thôi, chứ không muốn bắt chuyện, vì tôi mắc cái tật đa nghi, tưởng rằng ai cũng chống tôi, cũng nói xấu tôi, anh Pao đã siêng năng gây cho tôi mặc cảm đó, vừa mới kể lại cho tôi hay rằng một sinh viên Trung Hoa ở Bỉ về (hồi ở Bruxelles, một buổi tối, anh này lại mượn tiền tôi rồi không trả) loan những tin xấu về tôi. Nhưng chị Yuenling đã ngừng lại nói chuyện với tôi, vẻ tươi cười, cởi mở, vừa lễ độ vừa tử tế thiệt tình, khiến tôi được an ủi, hả dạ, thật là quí hóa, ít khi lòng tôi dịu dàng như vậy, và lần đó tôi thơ thới về nhà, lòng không sợ sệt, chân như nhẹ bổng.

Chị Yuenling còn lại thăm tôi nữa chứ. Một hôm chị bảo nấu món mì ống, cùng ngồi ăn với tôi, chỉ tỏ ra dễ thương, tử tế, thân tình quá, tôi cảm ơn chị vô cùng, chăm chú nghe chị kể chuyện, phục chị lắm, và khi chị ra về, tôi đứng ở bực cửa một hồi lâu, vẫy vẫy chị, hoặc tiễn đưa chị một khúc đường để được cái vui ở bên cạnh chị. Anh Pao không tỏ vẻ nghi kị gì cả, điều đó thật đáng lạ vì anh cũng biết chị Yuenling có tư tưởng tiến bộ, sống độc lập, tự mưu sinh lấy, đi chơi với người ngoại quốc, làm thông ngôn cho họ, hơn nữa, còn bị nghi ngờ là thân Nga vì đã được dạy dỗ theo lối Nga...

Tôi cho rằng có lẽ tại Pao không biết trước kia chị đã dự vào phong trào sinh viên. Hay là anh đã đổi tính

chăng? có thể lắm... Tôi rất sợ ảnh không cho tôi giao du với chị Yuenling, nên giấu, không cho anh hay.

Có một điều hồi đó tôi không biết là chị Yuenling mà tôi tưởng nhiệt thành khuynh tả, cũng làm việc cho Tai Lee nữa, một cách gián tiếp.

Mãi tới 26 năm sau, một bạn học cũ ở Yen-Tching mới cho tôi hay: Yuenling thực vào cái nhóm "ngụy tả". Nhóm này là sản phẩm của cơ quan "cải tạo tư tưởng" do Tai Lee thành lập; Ông ta dùng Tchang kua-t'ao [(1)] một người bỏ Cộng theo Tưởng dùng phương pháp của Cộng đập lại Cộng... Chị Yuenling là một cán bộ rành nghề chăng? Hay cũng là một kẻ ngây thơ như tôi.

Tôi tỏ ý muốn làm việc, muốn giúp ích, và chị khuyên tôi dạy tiếng Anh cho các cố vấn Nga, vừa đỡ ở không, vừa có tiền chi dụng. Chính chị cũng làm thông ngôn cho Nga và được trả hậu lắm. Chị đem ý định đó nói với Pao, và anh bằng lòng liền, khiến cho tôi ngạc nhiên vô cùng. Không đầy nửa tháng sau, mỗi tuần tôi lại ngôi nhà của phái đoàn Nga ba buổi, mỗi buổi dạy hai giờ, và lãnh một số tiền thù lao không tưởng tượng nổi: trung bình bằng năm số lương của Pao. Bây giờ tôi khỏi phải làm hơn nữa. Tôi vừa cực kì phấn khởi, vừa kinh hoàng:

---

(1) Một người năm 1927 chống Tưởng Giới Thạch, theo Mao Trạch Đông, sau chống đường lối của Mao, bỏ trốn lại Vũ Hán năm 1938 hoạt động cho Tưởng, đào tạo cán bộ dùng phương pháp của Cộng để diệt Cộng, vì vậy gọi là "ngụy tả".

tôi tìm hiểu một quan niệm về thế giới khác với quan niệm của Tưởng Giới Thạch, tôi thầm mong được biết thêm về Nga Sô. Những điều người ta nói với tôi về Staline có thật là đúng không?

Tôi dạy cho ba người đàn ông và một người đàn bà: họ đều dễ thương, vui vẻ, tốt bụng và giản dị. Một người đàn ông gốc Tây Bá Lợi Á, to lớn, vui vẻ, kể chuyện luôn miệng. Ông ta kể rằng mùa đông đem theo một cái gậy trèo núi [(1)], lại hồ Baikal, đục một lỗ trong lớp băng để múc nước lên tắm. Ông ta gồng bắp thịt lên bảo: "Tôi là một con gấu Tây Bá Lợi Á", rồi cười hể hả, khoái lắm, rõ ràng là khoái vì sức khỏe dồi dào. Hai người đàn ông kia nhỏ con hơn, ít cười hơn, ít bắp thịt hơn. Một người nước da bánh mật, cặp mắt rầu rầu, thành tín, thâm trầm, hăng hái kể hằng giờ cho tôi nghe tội của những kẻ mới bị xử tử mấy năm trước ở Nga vì muốn ám hại Staline [(2)]: họ bỏ thuốc độc vào thức ăn, bôi thuốc độc lên tường giữa lớp giấy và lớp thạch cao; họ âm hiểm do thám cho Đức. Năm 1941, tôi gặp lại ông ta còn hăng hái hơn trước, kể tội một bọn đã bỏ thạch tín và các chất độc khác trong sơn để sơn tường cố tình giết nhiều người.

Người thứ ba là một thanh niên mắt xanh lơ, tóc quăn, rất khéo tay, cha làm đồ gỗ; mới đầu ông ta học chậm lắm, sau tiến mau hơn cả anh chàng khổng lồ Tây

(1) Piolet, đầu gậy có một lưỡi cuốc nhỏ.

(2) Tức vụ thanh trừng kinh khủng năm 1935.

Bá Lợi A chỉ ham cười và kể những chuyện lạ. Nữ sinh viên duy nhất của tôi có nhan sắc, mắt xanh lá cây, tóc quăn màu đồng. Cô đưa cho tôi coi những tấm hình cô bận quân phục hàng tướng lãnh, và dĩ nhiên cô học giỏi hơn cả: lanh lẹ lắm và khi nói tới Staline là rưng rưng nước mắt, tỏ vẻ vô cùng kính trọng, ngưỡng mộ: "Vị Thủ lãnh vĩ đại rất được yêu quí của chúng tôi". Cả bốn người đều dồi dào sinh lực, đều cười luôn miệng, ép tôi uống trà, ăn một thứ anh đào rất ngon. Những giờ dạy học đó an ủi tôi nhiều và tôi rất buồn khi họ thôi học. Tôi để dành được hai ngàn đồng, một ngàn đồng để giúp cô Hsu mua một miếng đất cất nhà, còn ngàn đồng kia tôi dùng để mua một em gái nhỏ làm con nuôi.

Mặc dầu rất thành công trên hoạn lộ mà anh Pao vẫn gắt gỏng. Trái với những dự đoán bi quan của anh, anh đã lẹ làng leo được những bực đưa anh lên một chức vụ vững vàng trong cơ quan "Tuân lệnh và Phục vụ" mà anh đã được vô từ mùa hè năm 1940.

Trong thời gian đó, anh không cần phải làm hai ba nghề như nhiều người khác mới đủ ăn: nhờ tôi dạy học cho người Nga, mà tình hình tài chánh trong nhà được cải thiện rất nhiều. Thời đó hành chánh bê bối tới nỗi một công chức khéo giao thiệp, có người che chở thì có thể cùng một lúc lãnh ba nhiệm vụ trong ba sở khác nhau, mỗi ngày chỉ cần lại mỗi nơi mươi phút, thì còn lo buôn bán chợ đen, có lợi hơn. Người ta kể chuyện một sĩ quan có bảy chức vụ, mướn bảy người bà con làm công

việc cho, mỗi người có một con dấu mang chữ kí của ông ta.

Pao không cần phải buôn chợ đen hoặc làm những việc phụ. Anh không mắc nợ, chúng tôi sống ung dung. Vậy mà anh vẫn tiếp tục đối xử tàn nhẫn với tôi, không tuần nào là không kiếm chuyện, vừa đủ để đánh đập tôi cho nguôi cơn giận của anh. Một buổi tối, tôi gặp một chị bạn làm phụ tá xã hội ở Hội Thanh nữ Ki tô giáo, tôi đưa chị về tận nhà chị. Hôm đó tôi về nhà hơi trễ, Pao đã về trước, đi ngủ rồi. Không để cho tôi giảng giải, từ trên giường anh nhảy xuống, đánh đập tôi, mở cửa phòng xô tôi xuống chân cầu thang. Thang bằng gỗ, không dốc ngược, tôi không bị gãy một chiếc xương nào cả, nhưng khi rớt xuống, tôi làm gãy một chiếc tay vịn. Sáng hôm sau tôi thức dậy như mọi ngày, sửa soạn đi dạy học cho mấy người Nga. Anh Pao ân hận lắm, tỏ vẻ rất dễ thương với tôi (nhưng vài ngày sau lại chừng nào tật ấy). Để hòa giải, tối đó anh dắt tôi lại một tửu lầu nổi tiếng, rồi đi coi tướng số.

Ở Trùng Khánh, trong thời chiến tranh, người ta thường lại nhà coi tướng *K'an Hsiang* hoặc nhà một người coi *bát tự* [1] để đoán hậu vận: Có nhà chuyên làm tiêu các nốt ruồi để trừ họa; lại có nhà chuyên rờ xương sọ hoặc nắm bàn tay của ta mà có thể khuyên ta hành động

---

(1) Cũng gọi là tự bình, dùng hai chữ can chi như Tân Hợi, Giáp Dần, của năm, hai chữ của tháng, hai chữ của ngày, hai chữ của giờ, cộng là tám chữ để đoán vận mạng.

cách nào giảo quyệt nhất để được thăng chức. Người ta tin những chuyện tướng số đó lắm và các ông lớn đều đi coi tướng số, không kể các bà nội trợ, các thư kí, chủ ngân hàng, trùm điếm, các nhà đại lí, các tướng lãnh, Hồ Tôn Nam, Tai Lee, cả Tưởng Giới Thạch nữa.

Các nhà tướng số đăng quảng cáo trên báo bên cạnh các lương y. Vài nhà nổi tiếng tới nỗi chỉ hạng quyền qui mới được họ tiếp, và họ sống xa hoa ở Nam Ngạn, ngay trong khu các thân chủ sang trọng của họ, khỏi lo bị dội bom. Tưởng Giới Thạch có một thầy tướng làm cố vấn; mỗi lần có điều gì lo lắng, hoặc sau khi bạt tai bộ hạ, đập bể dĩa chén, ra lệnh xử tử ai, thì ông ta rán nén lòng, nhắm mắt, tụng vài câu cho dịu tâm thần: hoặc cho quay dĩa hát ông thích nhất: dĩa *Ave Maria* của Gounad, sau đó ông bảo thầy tướng tin cẩn của ông xét thần khí của ông ra sao.

Người ta kể nhiều chuyện khôi hài về Hà Ứng Khâm thầy tướng nắn xương của ông ta, nắn hoài mà không thấy một cái xương nào trong bàn tay mũm mĩm của ông ta cả... Nhưng không ai dám chế nhạo Tai Lee và thầy coi số của Tai. Tai tin chắc rằng tâm hồn con người hiện cả trên nét mặt và nét bút, và ai đoán gì xấu cho hắn thì hắn không chịu. Như các giám khảo trong các kì thi thời còn chế độ quân chủ. Tai Lee thích những người viết chữ tốt, và ai viết thư cho hắn mà chịu tập luyện, nắn nót cho chữ thật đẹp thì có thể được hắn cho thăng chức.

Thế là anh Pao cũng lấy cái thói cuồng tín ngây thơ

đó, đâm ra mê đi coi bói, coi tướng, coi số, sửa nốt ruồi cho ảnh và cả cho tôi.

Những thầy sửa nốt ruồi này có vẻ dễ thương, bận chiếc áo dài, đi chậm chậm trong các đường phố, tay cầm một cây cờ vẽ một khuôn mặt đầy nốt ruồi. Mỗi nốt mang một nhãn ghi tên của nó, ảnh hưởng của nó ra sao tới đời sống, vận mạng, tình cảm, tiền tài, hết thảy gom lại thành một cuốn sổ thầy ta đem theo. Nốt ruồi trên má quan trọng nhất, hoặc rất *cát,* hoặc rất *hung,* nốt ruồi ở cổ đáng sợ lắm, có thể bị treo cổ, chặt đầu v.v... Nốt ruồi ở trán và cằm thường là tốt. Và một nốt ruồi ở phía trái cằm dưới (trường hợp người có hai cằm), là một dấu hiệu đại phú, đại quí. Mặt bên đây lá cờ vẽ mặt đàn ông, từ mặt bên kia vẽ mặt đàn bà, cũng có đủ các nốt ruồi. Anh Pao đi coi đủ các thầy nắn xương, coi bát tự, coi tướng, coi chữ; riêng về tôi, anh thường dắt tôi lại những thầy sửa nốt ruồi.

Những thầy này còn mang theo một cái hộp bằng gỗ quàng vào vai, chứa những dụng cụ cần thiết để đánh cho tan các nốt ruồi, một tấm gương, một ve át xít, vài cây kim nhọn. Hôm đó, sau một cuộc dội bom, chúng tôi đương thơ thẩn lại những bục trong ở vườn họ Tchang, thì một người sửa nốt ruồi lại gần chúng tôi, dùng những tiếng văn hoa của Tứ Xuyên, khen lấy khen để tướng mạo anh hùng và phú quí của Pao. Chúng tôi ngừng lại và Pao hỏi người đó có biết đoán hậu vận không. "Biết chứ, tôi còn có tài trừ các nốt ruồi hung mà sửa được vận

mạng nữa". Nhưng thầy ta bảo rằng diện mạo của Pao không có gì phải sửa, phú quí phi thường rồi, sẽ được quyền cao chức trọng. Rồi thầy ta quay lại nhìn tôi, khen tôi là "tướng đẹp có nhiều con trai, sung sướng hoàn toàn, chỉ tiếc một điều là có một nốt ruồi ở dưới mí mắt dưới bên trái, nên phải khóc nhiều, đa sầu đa thảm".

Tôi chưa bao giờ nhận thấy có một nốt ruồi ở chỗ đó, nhưng anh Pao thấy quả thực là tôi khóc nhiều quá, nhờ thầy tướng coi kĩ, và thầy ta toét miệng ra cười tán thành: bảo rằng nốt ruồi của tôi làm hại lây thời vận tương lai của Pao được. Thế là chúng tôi mất toi một đồng.

Và Pao quyết tâm trừ cái trở ngại đó trên hoạn lộ của anh... Chúng tôi trả giá, nhờ coi đại khái cho toàn thể diện mạo, tính tình tôi, rồi coi kĩ các vết trên mặt tôi, sau cùng trừ bỏ cho hai vết nguy hại nhất: vết ở dưới mắt, như giọt lệ sầu não, và một vết ở trên má mà tôi bảo chỉ là một vết tàn nhang, nhưng thầy tướng cứ gọi là một nốt ruồi, có cái tướng hay cãi mẹ chồng; còn tật nào bực mình, khả ố bằng tật đó nữa?

Nhà chuyên môn coi nốt ruồi bèn mở hộp ra, lấy một ve át xít, một sợi dây chì rất nhỏ có một cục ở đầu, nhúng vào át xít, chấm chấm nhẹ lên hai vết đó. "Nó sẽ trắng ra, cứng lại rồi rụng. Nhất là đừng cạy ra. Mười ngày nữa, vận của bà sẽ thay đổi".

Sau lần đó, tôi còn đi nhiều thầy tướng khác nữa, họ tìm ra được nhiều nốt ruồi khác; hai ở trên cổ, bốn ở trên má, trán, thái dương, cằm, thế là tôi tránh được cái họa

bị treo cổ, bị chết đuối, xung khắc với cha mẹ chồng, và chỉ sanh con gái. Nhưng tới mùa hè thì các nốt ruồi của tôi lần lần tái hiện, toàn là tàn nhang cả.

Nhưng một trong những tướng xấu nhất của tôi không cách nào sửa được là vành tai tôi nhỏ quá. Vành tai cũng quan trọng tới vận mạng lắm. Từ lâu anh Pao vẫn bất bình về vành tai của tôi nhỏ xíu, không dịu dàng ló ra, không quăng lại, không thùng xuống, dài và dày; ai cũng biết vành tai dài, dày, có thịt, là tướng khỏe mạnh về tinh thần và thể chất, phong lưu; còn vành tai nhỏ như tôi thì đời sẽ ngắn ngủi, khổ não, cay đắng, rầu rĩ. Các nhà tiện tri đều chê vành tai tôi nhỏ quá, và Pao muốn tỏ mình học rộng, bảo vị anh quân đời Tam Quốc, Lưu Bị, trái tai dài tới chạm vai.

Nhờ đi coi tướng số như vậy, chúng tôi qua được những thời gian giữa các cuộc dội bom, mà tâm hồn được tương đối bình tĩnh. Pao không muốn thấy tôi cầm cuốn sách, cho nên những khi ở gần anh; tôi không được đọc sách. Tôi đã bực; nghe những lời nói bậy của bọn thầy tướng nốt ruồi và nghe Pao nói về chính anh, còn thích hơn nhiều là nghe anh vạch những tội lỗi của tôi, thuyết về đạo đức với tôi.

Lại còn cái nạn bãi tập ở bên kia đường nữa, không sao tránh được. Buổi sáng nào cũng vậy, mùa đông khí trời còn tối và đầy sương mù lạnh lẽo, hoặc mùa hè, khi mặt trời tàn khốc xuất hiện như một tia lửa, khí chúng tôi còn hổn hển, sau một đêm nóng chịu không nổi, khi

núi đá tiết ra những hơi nóng đã hút được, khi những chiếc chiếu trải trên đất ướt nhẹp mồ hôi của chúng tôi, rờ tới thấy nóng như lửa thì tiếng kèn vang lên, lệnh phát ra như những nhát dao chém trong không khí và trên bãi tập tiếng gươm kêu lẻng kẻng, tiếng chân lết đi hoặc dậm dậm báo rằng người ta tập binh buổi sáng, buổi chiều cũng vậy nữa.

Nhưng nhiều khi, rất nhiều khi chúng tôi nghe thấy khác nhau tiếng ồn ào, tiếng la hét. Những tiếng la hét chịu không nổi. Rồi tới những tiếng đánh đập: bịch bịch. Chỉ một lần thôi, tôi được thấy cảnh tượng xảy ra: một người ở trần lưng tét ra đầy máu, vịn vào hai người khác bước đi, rồi tôi nghe thấy những tiếng kêu khóc. Một lần khác vào buổi tối có tiếng chạy và tiếng la: "Đào binh, đào binh" ánh đèn rọi quét qua quét lại trong bóng tối, tiếng người hổn hển chạy. Hết thảy mọi người, từ bà chủ nhà tới các người ở, các người láng giềng của tôi và tôi nữa đều lặng lẽ đi qua như không trông thấy gì, không nghe thấy gì cả...

*

Anh Pao theo: "con đường võ bị" dùng Hồ Tôn Nam làm trung gian để đạt được một chức vụ tốt dưới quyền Tai Lee. Ở Thành Đô, ở Trùng Khánh anh bỏ ra nhiều thì giờ để đi thăm những người có thể nói giúp anh với hai vị lương đống, quyền thế bậc nhất của chế độ Tưởng Giới Thạch đó. Về nhà anh hí hoáy cả tuần viết một bức

thư cho Tai Lee, năn nỉ Tai hạ cố tới anh để cất nhắc anh lên gần ông ta và hứa sẽ tận trung với ông nếu được ông đoái hoài tới. Anh viết đi viết lại biết bao bản nháp bức thư đó cho nét chữ thật đẹp gây được thiện cảm của Tai.

Nhiều sĩ quan trẻ khác, bạn của Pao lại nhà chúng tôi luyện một nét bút mạnh dạn và so sánh nét bút của họ với nét bút của Pao hoặc khuyên Pao những lời xác đáng khi Pao đưa họ coi vài mẫu chữ. Họ thảo luận hăng say làm sao về một nét sổ, nét mát! Họ bỏ ra biết bao nhiêu giờ dài đằng đẳng, buồn chán, để khảo nhau một cách tỉ mỉ về ông này bà nọ và bàn về những thuật "thành công". Muốn thành công thì phải làm gì? Đừng làm gì? Tuyệt nhiên không bao giờ họ thảo luận về những vấn đề do chiến tranh gây ra, hoặc về mặt trận. Không bao giờ họ thốt ra một lời phán đoán có vẻ hơi hợp lí về tình hình tài chánh. Họ chỉ có mỗi một tham vọng là thăng quan tiến chức, và muốn thăng quan tiến chức thì phải làm sao cho cái vị chúa tể mưu mô xảo quyệt mà lại nhẹ dạ dễ tin là Tưởng Giới Thạch và Tai Lee có một ấn tượng tốt về họ, vì những tư ý, yêu ghét bất thường của hai ông còn quan trọng hơn cả luật pháp. Và nếu có một cái gì chắc chắn làm hại cho con đường công danh của họ thì cái đó chính là một nét chữ bất thường, để lộ một xu hướng bất kính, phản chủ một cách nhu nhược, một cái "khí" bất chính... Pao gắng sức oai nghiêm đưa bút bi lên gạch những nét có thể gây lòng tín nhiệm của thầy tướng tin cẩn của Tai Lee mà được Tai "cất nhắc" lên. Tôi thấy những tờ tập viết đó trong giỏ giấy.

Rốt cuộc là một hôm các sĩ quan khác bỗng nhiên lại khen Pao, anh mừng lắm kí tên Tang Pao Houang, Tang Pao Houang đặc trang này trang khác hăng say vì thành công vênh vênh váo váo, anh bắt đầu công cuộc "trừ gian", đả kích những "tư tưởng đồi trụy" đề cao "đạo đức" hơn bao giờ hết. Bằng một giọng dọa dẫm, anh bảo rằng anh muốn làm cái gì là có thể làm được cái đó. "Này, em đừng tưởng trốn thoát được, chỉ không đầy một giờ là sẽ bị bắt về"... Thấy anh bị tham vọng dày vò như vậy, tự ngắm mình trong gương, làm điệu làm bộ, đi đâu thì ăn bận bảnh bao, giày đánh thật bóng, vung vẩy "can" một cách hợm hỉnh, gặp bạn bè thì chào *«nghĩa huynh"* viết những bức thư có vẻ quan trọng, thấy vậy ai cũng đoán hoạn lộ của anh đương lên và các "nghĩa huynh" của anh lại thăm chúng tôi đã bắt đầu có giọng khúm núm, bợ đỡ rồi.

Một biến cố nhỏ xảy ra trong hồi Nhật thả bom mùa hè năm đó làm tăng cái vẻ thành công, tự tín của Pao nữa. Một công chức nào đó đã có ý chế nhạo Pao và (theo lời anh) đã ám chỉ tôi và gốc lai của tôi để làm nhục anh. Hôm sau chính công chức đó đi cầu tiêu (ông ta đau bụng, hầu hết người nào ở Trùng Khánh sớm muộn gì cũng bị bệnh này), và không kịp về hầm núp khi tụi Nhật tới thả bom. Một trái bom rớt đúng chỗ ông ta ngồi chồm hổm. Sau người ta chỉ tìm thấy hai cẳng ông mắc trên bụi cây nhỏ mà ông núp ở phía sau...

Pao tin chắc rằng trời đã nổi giận, trừng phạt con

người đó vì đã nói bậy nói bạ về anh và như vậy là hiển nhiên trời đã nhủ lòng thương anh (Pao), điều đó làm cho anh sửng sốt một cách huyền bí. Suốt mấy ngày, bạn bè của người chết lại nịnh bợ anh, tuy thương khóc nhưng cũng tránh những lỗi lầm của người quá cố. Pao bảo tôi: "Em thấy không trời đã phạt những kẻ tính làm hại anh". Có một ông trời nào mà lại quan tâm đến những chuyện vặt ấy không? Nhưng những điều đó, những dấu hiệu huyền ảo đó. Pao cho là rất quan trọng và từ đó không có gì ngăn anh được nữa, anh không "thuyết" về cái chết của chiến sĩ vô danh xung phong hi sinh cho Tổ quốc ở tiền tuyến nữa, mà lại nói rất nhiều về cách vận linh khí để diệt Cộng và cách làm sao "thành một thủ lãnh". Một hôm anh lo lắng ngắm cái trán anh, rồi hỏi tôi có thấy "hào quang" ở trán anh tỏa ra không. Chắc là một thầy tướng nào đó đã thấy hào quang đó rồi. Tôi phì cười lớn nổi quặng đau ở bao tử, vội vàng chạy lại cầu tiêu công cộng liền (cái khạp dùng làm cầu tiêu trong nhà tôi luôn luôn đầy ăm ắp vì chị ở làm biếng không chịu đổ)...

9

Thôi, sức nóng bỏng của mùa hè với những phi cơ phóng pháo của Nhật không còn nện vào xương cốt chúng tôi nữa mà để yên chúng tôi, nước trong các khe lớn ở núi dâng lên tuôn ra, ánh nắng chói chang và ác hại dịu đi và sông Chialing lấp lánh như một cảnh mới, mưa

hoàng hôn phất phất làm cho bụi rớt xuống, núi đá mát mẻ và chúng tôi lại bắt đầu ngủ được. Sau những vụ dội bom mùa hè, khắp chung quanh Trùng Khánh, đâu đâu cũng vang lên tiếng búa, tiếng đục, người ta xây cất lại và các chòi mới, các ngôi nhà mới lại mọc lên. Sự lạm phát lại nhảy vọt một bước nữa, thiếu gạo, gạo đen mà không giả. Người ta bảo rằng Stafford Cripps lại thăm Trùng Khánh khuyên Tưởng Giới Thạch đừng cho giả gạo để khỏi mất các sinh tố, khó kiếm được gạo trắng, chỉ những nhà giàu và các tửu lầu sang trọng mới mua chợ đen được gạo trắng.

Ngày 23/9/1940, Nhật Bản đem quân vô Đông Dương mà không bị chống cự vì người Pháp ở đó theo chính quyền Vichy, hợp tác với mật vụ Nhật. Rồi Mĩ bắt đầu lo ngại, không biết Nhật tính toán chuyện gì họ đã được hưởng phần lớn nhất ở Trung Hoa rồi, còn muốn đòi thêm nữa chăng? Mà có thể đòi thêm được nữa không? Tháng 10, con đường Miến Điện được mở lại, và tháng chạp Anh cho Trung Hoa vay 10 triệu Anh bảng, Mĩ cũng kéo dài thêm thời hạn cho Trung Hoa 100 triệu Mĩ kim để chi tiêu vào mọi việc, một nửa là để bình giá tiền tệ" mà chống nạn lạm phát. Chính quyền Mĩ bắt đầu cấm xuất cảng sắt và thép qua Nhật, nhưng vô hiệu: bọn con buôn Mĩ vẫn tiếp tục bán cho Nhật, mà thuê tàu nước khác chở, cho tới khi Trân Châu Cảng bị dội bom, tháng chạp năm 1941 mới thôi.

Các phái đoàn quân sự ngoại quốc càng tới Trung

Hoa, các nhân vật ngoại quốc càng ra vô Trung Hoa thì Trung Hoa càng thành một yếu tố quan trọng vụ xung đột quốc tế. Anh phái một tùy viên quân sự tới Trùng Khánh tức tướng Denis một người vui tính, râu mép uốn như cái móc, tính tình khả ái, có óc nhận xét và cặp mắt tinh, chính ông ta chuẩn bị cho một phái đoàn quân sự Trung Hoa đi thăm Đông Nam Á. Sau ông chết trong một tai nạn máy bay ở Assam năm 1942.

Người Mĩ cho một chiếc pháo hạm, chiếc Tutuila neo trên sông trước Nam Ngạn, nơi mà Tòa đại sứ Mĩ chiếm một ngôi nhà lớn bằng đá, vườn xây thành từng bực. Họ thường đãi tiệc ở dưới tàu Tutuila, và anh Pao là sĩ quan liên lạc với các phái đoàn ngoại quốc (lúc đó anh ở dưới quyền Tcheng Tsie ming) nên thường tới dự nhưng không lần nào dắt tôi theo cả. Trong phái đoàn Mĩ có một viên phụ tá tùy viên quân sự, đại tá David Barrett. David Barrett nói thạo tiếng Trung Hoa và hay chơi chữ bằng Hoa ngữ. Pao chế giễu ông ta vì ông ta mập mạp, một hôm ông ta tới phòng giấy thăm Pao, Pao mời ông ta xuống chiếc ghế đẩu nhỏ nhất, đùa như vậy thật là ngu xuẩn, bọn sĩ quan thích chí cười, họ ngầm có ác cảm với Mĩ, nhưng bề ngoài thì tỏ vẻ khúm núm. Sau này Barrett tới Diên An nói chuyện với Mao Trạch Đông và năm 1965 viết cho tôi một bức thư dài kể lại cuộc hội kiến đó với cảm tưởng của ông ta ra sao.

Như nhiều người Mĩ hồi đó, ông Barrett không có nhiệt tình với Tưởng Giới Thạch và ghét Tai Lee. Nhưng

sau ông phải theo đường lối của chính phủ Mĩ, ủng hộ Tưởng và những biến cố xảy ra đã làm cho ông khổ tâm lắm. Ông không có đủ nghị lực chống chính sách diệt Cộng của Mĩ.

Một chính khách nữa lại thăm Trùng Khánh là Henry Wallace mà mới gặp lần đầu Tưởng Giới Thạch đã ghét rồi, Wallace đòi phải gởi ngay một nhóm quan sát viên Mĩ tới Trùng Khánh. Các sĩ quan Hoàng Phố mừng rằng Mĩ quan tâm tới Trung Hoa, nhưng tìm mọi cách cản họ đi thăm mặt trận Diên An. Tưởng lợi dụng người Mĩ để thực hiện những mục tiêu sau này của ông, chỉ nhờ Mĩ giúp đỡ trong công cuộc chống Cộng thôi. Lúc đó ông ta đòi tất cả mọi sự viện trợ của Mĩ phải gởi tới Trùng Khánh, và mấy năm sau, muốn yêu sách Mĩ điều gì thì dùng lá bài chính của ông: dọa thương thuyết với Nhật.

*

Mùa đông năm đó, tôi tấn bộ về mặt xã giao. Vợ chồng tôi thường được mời dự tiệc. Đôi khi tôi cũng dự, nhưng lần nào cũng sợ thất thế về ngôn ngữ, hành động khiến Pao bất bình thường. Do đó tôi gặp Archibald Clark, Kerr đại sứ Anh và Nelson Johnson, đại sứ Mĩ vừa lúc đó ông này sắp rời Trùng Khánh, để Clark thay thế. Clark sáng trí và ăn nói bộc trực, mạnh bạo chê nạn chợ đen thực phẩm, sự nghèo khổ của dân chúng và thói tham nhũng của các công chức cao cấp, vì vậy bọn tả hữu của Tưởng Giới Thạch không ưa ông ta.

Cuối năm 1940 có nhiều cuộc: "đàm phán" giữa Anh, Mĩ và Trung Hoa nhưng hầu hết không có kết quả. Tướng Chang Tchen, Giám đốc phòng ngoại vụ ở Bộ Tổng Tham mưu tổ chức một cuộc thăm Đông Nam Á cho phái đoàn quân sự Trung Hoa; ông là người hòa nhã, có khả năng, ai cũng nhận là khéo ngoại giao. Mọi người đều mong được ở trong phái đoàn để ra khỏi Trùng Khánh, và Pao là một trong những người được đề cử đầu tiên. Cuối tháng giêng 1941 phái đoàn gồm 14 người đi Mã Lai, Singapore, Miến Điện, Ấn Độ và cuối tháng 5 thì về. Người ta dắt họ đi coi đồn lũy Singapore mà người ta khoe là vô phương hạ được, nhưng gần đúng một năm sau tụi Nhật chỉ tấn công mấy ngày là chiếm được. Phái đoàn đi coi khắp Ấn Độ xem các kiến trúc quân sự và dạo các tiệm ở Dehli, rồi trở về với 48 xe cam nhông chở các hàng tơ lụa, mĩ phẩm, giày dép (cho đàn ông và đàn bà), máy chụp hình, y phục đàn ông, đồng hồ, máy hát... Một sĩ quan nọ bận 4 chiếc áo, chiếc trong chiếc ngoài và đeo 16 chiếc đồng hồ ở hai cánh tay. Sở dĩ họ mua loạn lên như vậy là vì Mĩ đã cho mượn tiền để bình giá Hoa kim theo suất 20 đồng ăn một Mĩ kim, và cũng vì ở Trùng Khánh rất hiếm đồ ngoại quốc. Riêng Chang Tchen có 5 xe cam nhông đổ theo đường Miến Điện về Trùng Khánh. Pao có lẽ là người mua ít nhất trong nhóm, chỉ mang về có 7 vali đầy thôi!

Đi chuyến đó về anh gây với tôi vì tôi không ra phi cảng đón anh. Đáng lẽ tôi phải đi đón ảnh, nhưng thấy bao nhiêu hành động gian trá của Tưởng, tôi không chịu

nổi, không thể coi là mọi sự hoàn hảo khi thâm tâm tôi bực tức, nghẹn ngào, phẫn uất mà không nói ra được.

"Anh mất công mang bao nhiêu đồ về tặng em, mà em không thèm ra phi trường đón mừng anh nữa!". Tôi không thể đón mừng anh được, không thể được vì đầu năm 1941 đó tôi ghê tởm thêm, chán ngán thêm về tình thế. Từ tháng giêng năm 1941 tôi đã bắt đầu hiểu rồi, thâm tâm tôi nổi loạn lên, băn khoăn, nhưng đã có một hướng nhất định không lùi bước nữa. Tháng đó Tưởng Giới Thạch ra lệnh tàn sát đạo quân thứ tư cộng sản mới tạo lập. Cuộc tàn sát đó đánh dấu một khúc quẹo lớn trong đời tôi.

*

Ngoài căn cứ chính ở Diên An, cộng sản còn xây dựng nhiều căn cứ nữa ở vài tỉnh làm trung tâm cho các vùng phát triển sau này, gồm một số đảng viên bí mật rải rác trong các miền mà quyền hành cộng sản đã thắng. Cuộc trường chinh nổi danh - nhờ Mao Trạch Đông mà thành công - qua miền nào là gieo mầm cách mạng ở đó, cả trong miền các dân tộc thiểu số không phải là người Hán, như dân tộc Miêu, Tây Tạng, Lô Lô. Còn trong các căn cứ cũ, mặc dầu bị Tưởng Giới Thạch khủng bố dùng chính sách "tiêu thổ" đại qui mô, mà các tiểu tổ bí mật vẫn duy trì được.

Chẳng hạn, năm 1964 lại thăm miền núi Chin Kanshan, nơi Mao Trạch Đông thành lập một căn cứ

năm 1927, tôi còn thấy một nhóm người sống sót, trong số đó có một nông dân rất già đã chôn ở dưới gầm giường một khạp muối, và giữ được mấy chục năm, đội Hồng Quân trở lại; nhờ vậy cộng quân mới có muối ăn trong khi bị Tưởng phong tỏa. Ông lão đó đã đợi hai mươi hai năm với khạp muối ở dưới giường...

Ở Tứ Xuyên, một tỉnh phong kiến, khi Hồng quân đi ngang qua làng nào tuyên truyền thì đàn bà, con gái bị áp bức là những người đầu tiên nổi loạn, tổ chức thành đoàn dân quân, cướp nhà và lẩm các điền chủ.

Nhiều phụ nữ đó đi hàng dặm đường quyên thức ăn để tiếp tế đạo quân trường chinh. Và khi đạo quân lên đường, thì họ tặng giày, chẳng phải chỉ tặng các đôi dép rơm để lội bùn, mà còn tặng cả những đôi giày quí bằng nỉ, đế bằng vải dán nhiều lớp và khâu rất đều, thêu tên người lính ở phía trong nữa. Họ hát:

Em dùng kim làm bút,
Viết rõ ràng lên đây
Tên anh và ý nghĩ của em...

Và các người lính buộc những chiếc giày đó vào cổ, chứ không bao giờ đi... Sau đó là những cuộc trả thù, bọn điền chủ và quân phiệt giết vô số nông dân nam nữ. Ở miền quê bề ngoài rất yên tĩnh đó, nông dân cũng đợi ngày Hồng quân trở về; trong khi đó nhiều người tình nguyện hợp nhau thành nhóm hoạt động. Chính bọn này đã tạo lập nhiều căn cứ đỏ, hành động suốt thời

chiến tranh Trung Nhật, phía sau lưng địch.

Trong dãy núi nổi danh Chin-Kan-Shan, các đảng viên bí mật vẫn hoạt động trong suốt mười năm từ 1927 đến 1937, mặc dầu bị tàn sát mấy lần. Năm 1937 khi cuộc kháng Nhật công nhiên bắt đầu. Mặt trận Thống nhất thành lập, thống chế Trần Nghị hiện nay làm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Hoa được phái lại miền đó để giảng giải cho các quân tình nguyện rải rác ở mỗi nơi lại, tổ chức thành một đội quân mới làm căn bản cho đạo quân mới thứ tư (Tân tứ lộ quân).

Trần Nghị sanh ở Tứ Xuyên, đầu năm 1928 theo Mao Trạch Đông cùng một lúc với Chu Đức. Tháng mười 1934 khi phần lớn lực lượng cộng sản lên đường trường chinh, ông ta ở lại phía sau để bảo vệ cho Hồng quân rút đi và thành lập một căn cứ mật trong những cánh đồng thấp nhất trên lưu vực sông Dương Tử. Ông hoạt động ở đó tới năm 1936, phải chống với quân đội Tưởng Giới Thạch đông hơn nhiều...

Tưởng muốn rằng các du kích quân tổ chức lại thành đơn vị như vậy phải sáp nhập vào quân đội Quốc Dân đảng.

Nhưng Mao Trạch Đông không chịu, tuy hợp tác nhưng vẫn tự trị, biết rằng mục đích tối hậu của Tưởng là diệt Hồng quân, đặt quân đội của ông dưới quyền của Tưởng tức là giao họ cho Tưởng thủ tiêu.

Đạo quân thứ tư đó qua tháng giêng năm 1938 được

bổ túc, tổng hành dinh ở Nam Xương tỉnh Giang Tây. Như tất cả các đạo quân cộng sản khác, đạo quân đó vừa chiến đấu vừa học tập về chính trị, về ý thức hệ.

Không thiếu gì người tình nguyện gia nhập vì tin "Hồng quân trở lại", thu hút các nông dân như "ngọn gió xuân", họ đem các súng cũ bắn đá đã chôn giấu đao, thương, đoản côn, muối, thức ăn lại tặng... Họ tập hợp lại rất đông và chẳng bao lâu quân số của đạo quân thứ tư đó từ mười ba ngàn tăng lên ba chục ngàn rồi sáu chục ngàn.

Khu tam giác Nam Kinh - Wouhou-Kin-Kiang, vùng hành quân Nhật không vô được và là một trong những miền phì nhiêu nhất ở hạ lưu sông Dương Tử thành sào huyệt của đạo quân thứ tư. Sự thành công của họ ở ngay bên cạnh những thị trấn quan trọng khiến cho Tưởng Giới Thạch rất lo ngại, và Tưởng trách họ đã tự ý phát triển, củng cố mà không có lệnh của Hội đồng Quốc phòng, cúp viện trợ, quân nhu và tiền bạc, lại cấm họ tổ chức quần chúng nông thôn, hợp tác hội đồng nông dân, thành lập các đội dân quân.

Không đầy một tháng sau khi tới chỗ hành quân, vào tháng tư năm 1938, các đội du kích của đạo quân thứ tư đã hoạt động trở lại. Trong tám tháng, họ đánh 231 trận, thu được 1.539 súng trường, 32 súng liên thinh, 48 súng tiểu liên và 50 viên đạn. Ba ngàn địch bị giết hoặc bị thương, 200 cam nhông địch bị phá hủy. Giữa năm 1939 họ làm chủ tất cả vùng quê. Tụi Nhật chỉ đóng quân

được ở các thị trấn mà chúng phải đắp thành lũy để phòng ngự, tất cả những con đường băng qua đồng quê đều hóa ra bất an đối với chúng.

Đạo quân đó trải ra trên khu rộng, một phần ở phía Bắc, một phần ở phía Nam sông Dương Tử, mùa hè năm 1939 đã chạm súng với quân Quốc Dân đảng. Năm 1940, Cộng sản và Quốc Dân đảng xích mích nhau nghiêm trọng. Theo lệnh của Tai Lee, 80.000 người trong các hội kín *Tam tài* ở Thượng Hải len lỏi vào khu vực của Đạo quân thứ tư. Tháng 10 năm 1940 tướng Tang En Po đại tấn công đạo quân thứ tư, đem 20.000 quân tiến đánh quân của Trần Nghị ở phía Bắc sông Dương Tử.

Nhưng đến tháng giêng năm 1941, biến cố mà người ta gọi là "Vụ Đạo quân thứ tư" mới xảy ra. Từ ngày mùng 7 đến ngày 13 tháng giêng. Đạo quân thứ tư được lệnh của Tưởng Giới Thạch qua sông Dương Tử, tập hợp lại ở vài trăm dặm phía Bắc, để kết hợp với Đệ Bát lộ quân (của Cộng sản). Khi vài đơn vị thi hành lệnh đó thì 12.000 người kể cả nhân viên y tế bị phục kích: 8.000 người bị giết, trong số đó có một số lớn nhân viên y tế.

Sáu vạn quân Quốc Dân đảng đã phạm tội tàn sát (vì chính là một vụ tàn sát). Quốc Dân đảng bảo Đạo quân thứ tư đã tấn công Tổng hành dinh của họ, bảo đó là một vụ "bất tuân thượng lệnh", cho nên Quốc Dân đảng phải dẹp để "tái lập kỉ luật trong quân đội". Diên An phản đối chuyện dựng đứng lên đó và Mao Trạch Đông cử Trần Nghị làm quyền tư lệnh Đạo quân thứ tư.

Vụ tàn sát đó làm xúc động một số lớn nhà ái quốc Trung Hoa, họ bỗng hiểu rằng Tưởng không hề thay đổi, vẫn là con người năm 1927, hễ có cơ hội là ông ta gây một cuộc nội chiến nữa. Sự thực, năm 1943 ông ta đã muốn tấn công Diên An, nhưng không được các quân phiệt Tứ Xuyên và Vân Nam ủng hộ, nên phải tạm bỏ dự định đó cho tới khi ông thuyết phục Mĩ giúp ông diệt Cộng, năm 1945.

Hay tin đạo quân thứ tư bị Tưởng phản bội, nỗi bất bình của dân Trùng Khánh và toàn thể dân Trung Hoa nổi lên như thác đổ. Chính các thông tín viên ngoại quốc cũng rất thảng thốt: Archibald Kenr vốn thành thực, bảo thẳng Pao: "Thật là một chuyện ghê tởm". Còn tôi, tôi xúc động quá, không thể nén lòng được, la lớn với Pao: "Khả ố, khả ố". Tôi giận muốn nghẹt thở, lang thang, lên lên, xuống xuống những con đường có bực thang ở Trùng Khánh. Tôi bỗng nhận định được rõ ràng, quá rõ ràng rằng phải diệt Tưởng Giới Thạch mới được! Từ hôm đó, trong thâm tâm, tôi tin chắc - tin bằng tâm linh chứ không phải bằng lí trí - rằng Tưởng thế nào cũng phải ra đi, và ở Trung Hoa sẽ có một thay đổi lớn lao, sự thay đổi mà mọi người ao ước nhiệt liệt...

Không phải chỉ một mình tôi cho là khả ố! Nhiều người khác nữa sợ, không dám nói ra, nhưng trong lòng cũng âm ỉ một nỗi bất bình làm tiêu tan chút hi vọng mong manh của họ ở Tưởng Giới Thạch. Tôi nhìn thẳng vào mặt Pao: "Đó cái đức của anh đấy!... Giết đồng bào...

trong khi chiến tranh vẫn tiếp tục..." Suốt ba ngày, Pao có vẻ tiu nghỉu, mắt lấm lét, không dám nhìn thẳng tôi, anh ngập ngừng đáp: "Không phải vậy". Nhưng rồi ít bữa sau anh bình tĩnh trở lại. "Bên mình đã có biết bao nhiêu người bị cộng sản giết? Trường hợp đó là trường hợp bất phục tòng... Đạo quân thứ tư không tuân lệnh Hội đồng Quân sự... vị Thủ lãnh đã bảo... ngay tụi Cộng sản cũng nhận vậy..." Nhưng giọng nói và thái độ anh chưa được tự tín, anh không vênh váo như trước, mặc dầu đã lấy lại được cái vẻ thành thực bị xúc phạm để tự che chở mình mỗi khi bị bắt quả tang là nói láo.

Vài hôm sau, một buổi tối, dạo phố tôi gặp chị Koung Peng.

Chị Koung Peng cũng như chị Yuenling, trước học ở đại học Ken Tching với tôi, nhưng hồi đó tôi không làm quen với chị. Chị đã đóng một vai trò rất quan trọng trong phong trào sinh viên tháng chạp năm 1935 và 1936, rồi vô Diên An. Tôi đã gặp chị một lần ở Trùng Khánh, đi với một chị bạn học khác của chúng tôi, và lần đó không hiểu tại sao tôi có cảm tưởng rằng chị là thư kí Hội Thanh nữ Ki Tô giáo, có lẽ tại chị bạn cùng đi với chị làm việc cho hội đó. Sự thực chị Koung Peng làm thư kí cho Chu Ân Lai, lúc đó làm đại diện ở Trùng Khánh cho Ủy ban liên lạc trong Mặt trận thống nhất. Chu Ân Lai gần như bị giam lỏng, ông ta cùng với vợ, hai thư kí, ba người phụ tá, ở từng giữa trong một ngôi nhà nhỏ tại một đường phố hẹp, tầng trên và tầng dưới đầy những nhân viên mật vụ Tai Lee.

Tối đó đi thăm bà con ở ngân hàng Meifeng về, tôi gặp chị Koung Peng ở đầu kia đi ngược lại, cả hai chúng tôi đều đứng lại. Từ hồi nào tới giờ chị vẫn là người ít nói, bình tĩnh, rất thông minh, thâm trầm, tinh thần quân bình, tỏa ra một vẻ đẹp quyến rũ lạ lùng, không ai bằng; vậy mà hồi đó (mà ngày nay cũng vậy), chị không nhận thấy cái duyên của chị, sức hấp dẫn của vẻ đẹp và trí thông minh sâu sắc của chị. Nhiều khi nhìn chị tôi rưng rưng nước mắt; tôi bảo chị tôi ghê tởm hết thảy, ghê tởm vụ Đạo quân thứ tư đó, ghê tởm Pao, thấy cái gì cũng ghê tởm, mà không biết phải làm gì, lời nói của tôi từ thâm tâm phát ra, hỗn độn, không suy nghĩ gì cả.

Chị Koung Peng đứng nghe mà không thốt một lời, nhưng tôi có cảm giác lạ lùng rằng có một cái gì ở chị an ủi tôi. Tôi về nhà và khi Pao hỏi tôi tại sao về trễ, tôi đáp rằng vì lại thậm bà con ở ngân hàng. Và có lẽ một chút sức mạnh tinh thần của chị Peng đã truyền qua tôi, nên Pao nằm yên, làm thinh, không vùng dậy đập tôi.

Nhiều năm sau chị Peng thú với tôi rằng tối đó, sau khi kể chuyện với Đặng Dĩnh Siêu, vợ Chu Ân Lai, chị đã tính rủ tôi theo phe chị, nhưng ngại tôi có thể đã đóng trò, làm thân để dò la, nghĩa là tôi có thể như chị Yuenling ở trong phái "ngụy tả". Họ bắt buộc phải rất thận trọng...

Nếu hồi đó người ta dụ tôi qua mặt trận bên kia, rủ tôi đi Diên An thì tôi có đi không? Tinh thần tôi lúc đó chẳng bị trói buộc, bị những hành động tàn nhẫn của

Pao làm cho bối rối ư? Chính tôi, tôi chẳng quá rụt rè, thất vọng, không thể quyết định được ư?

Tôi không biết nếu chị Peng đã dụ tôi thì đời tôi có hoàn toàn thay đổi không?... Mãi đến năm 1956, chị mới cho tôi hay. Mười lăm năm, dài quá... dài quá!...

*

Cuộc tàn sát Đạo quân thứ tư hồi tháng giêng năm 1941, là điểm cao nhất trong một loạt tấn công kiểu đó, mà các nhật báo Trùng Khánh tuyệt nhiên không nói tới. Ngay từ tháng 7 năm 1940, Mao Trạch Đông đã hô hào *đoàn kết tới cùng,* mặc dầu bị quân Tưởng Giới Thạch tấn công, bị "sơ mi lam" ám hại, cũng vẫn giữ Mặt trận Thống nhất. Trước hết phải kháng Nhật cho tới hết chiến tranh đã, nhưng như vậy không có nghĩa là phải đầu hàng Quốc Dân đảng. Tháng chạp năm 1940, Mao viết: "Ngày nay, trong cái cao trào diệt Cộng, đường lối chúng ta theo là quan trọng nhất... *không khi nào* Đảng thay đổi chính sách mặt trận Thống nhất trong suốt chiến tranh kháng Nhật..." Và Pao đã đưa cho tôi coi một bản làm sai lạc ý nghĩa của lời tuyên bố đó, để chứng minh rằng Cộng sản đã chịu nhận tội.

Tháng 3 năm 1941, khi dân chúng đã bớt xúc động, bất bình về vụ tàn sát tháng giêng rồi, Tưởng Giới Thạch đọc một diễn văn chống cộng, và Hội đồng Chính trị của Nhân dân biểu quyết một ý chí chống cộng, tố cáo đảng Cộng sản không có "tinh thần đoàn kết". Ở phía cực hữu,

nổi lên những thỉnh nguyện đòi trục xuất các "đảng ngoại quốc". Và công chức Quốc Dân đảng có tà tâm mừng rằng các nghị viên trong Hội đồng Chính trị có thái độ hèn nhát (bọn nghị viên đó hầu hết do chính quyền Quốc Dân đảng chỉ định, trừ một người đại diện cho Cộng sản). "Chỉ cần đẩy nhẹ là bọn đó nhào". Họ kể chuyện những nghị viên đã bị "đẩy nhẹ"; khi Tưởng hỏi: "Rồi bây giờ quyết định ra sao đây?. Dĩ nhiên là các ông đồng ý chứ?", các ông nghị đó run lên bần bật, đáp: dạ, đồng ý ạ. Toang Pi-wou, đại diện Cộng sản, bỏ ra về.

Ngày mùng 6 tháng ba, đảng Cộng sản đánh điện tẩy chay không dự phiên họp Hội đồng Chính trị của Nhân dân nếu không thay đổi vài thể thức và nếu không có những biện pháp "tạm giải quyết" vụ tàn sát Đạo quân thứ tư. Ngày 18 tháng ba, Mao ra chỉ thị cho đảng, phân tích vụ tàn sát đó, cho rằng "nội chiến" đã phát trở lại rồi, nhưng mặc dầu bị khiêu khích mạnh mẽ như vậy, cộng sản vẫn theo chính sách nhường nhịn, hòa giải vì sự kháng Nhật vẫn là quan trọng hơn cả, còn nội chiến chỉ là phụ.

*

Tháng tư năm 1941, tờ báo Nhật *Times and Avertier* đăng kế hoạch "hòa bình thế giới" của chính phủ Nhật. Trên Thái Bình Dương, Nhật đòi các căn cứ hải quân của Anh, Mĩ phải giải giới hết, mà ảnh hưởng của Mĩ không được vượt quá đảo Hạ Uy Di.

Đồng thời Nhật kí một hiệp ước bất tương xâm với Nga Sô, như vậy Nhật khỏi bị tấn công ở phía Nga, và có thể lập kế hoạch xâm lăng Đông Nam Á.

Ngày mùng 6 tháng 4 năm 1941, Đức chiếm Nam Tư, ngày 27 tháng tư, Hi Lạp đầu hàng Hitler. Cũng năm đó, hồi cuối tháng giêng, phái đoàn quân sự Trung Hoa (trong đó có Pao) đi thăm Đông Nam Á. Tháng tư, phái đoàn tới Delhi, các nhà quân sự Anh cao cấp nhất tuyên bố với phái đoàn rằng đã chuẩn bị các kế hoạch để đối phó với mọi biến cố có thể xảy ra, và Hương Cảng với Singapour là những căn cứ không sao chiếm được...

Riêng tôi, tôi cho rằng biến cố quan trọng nhất ở Trùng Khánh, mùa xuân năm 1941, là diễn văn của Chu Ân Lai. Nơi hội họp là một cái hầm nhỏ giữa hai ngọn đồi, hai bên đã đào hầm để tránh bom Nhật. Hai giờ trước khi Chu tới, một đám đông đã nhóm họp rồi, có người leo lên cột tre, hoặc khiêng bàn ghế từ nhà tới để đứng lên mà nhìn Chu Ân Lai cho rõ.

Lần đó là lần đầu tiên tôi thấy Chu, một người mảnh khảnh, mặt mỏng, tóc rậm, đen, rất *bình tĩnh,* rất *phong nhã, cử chỉ mềm mại.* Có lẽ trong số tất cả các chính khách hiện còn sống trên thế giới, ông là người thông minh nhất, hi sinh nhiều nhất, quên hẳn mình đi, mà lại tế nhị, kiên nhẫn, minh mẫn không kém ai. Nhìn ông, là có một cảm giác gần như giật mình, vì đức tự tín, tự chủ và trí thông minh của ông. Trong mấy năm sau này tôi thấy trí tuệ ông vào bậc nhất thế giới, cùng một lúc có

thể nghĩ tới nhiều vấn đề khác nhau; có thể diễn kết quả trong mấy giờ suy tư bằng vài câu ngắn rất cô đọng. Khi ông đứng lên bàn để cho mọi người trông thấy, ông bình tĩnh đưa mắt ngó từng nét mặt một và chúng tôi lặng lẽ đợi ông nói. Ông nói (gần bốn giờ và chúng tôi nghe ông trọn bốn giờ mà không thấy mệt). Ông có thể nói hoài được. Không diễn văn nào đi thẳng vào vấn đề, giản dị, bỏ hết những văn hoa như diễn văn của ông; một diễn văn căn bản, đã tốn công suy tư, không một lời nào thừa.

Chu Ân Lai giảng thái độ của đảng Cộng sản đối với những cuộc tấn công của Quốc Dân đảng, trình bày minh bạch rằng cuộc kháng Nhật mới là chính, ngoài ra đều phụ hết. Nhưng đảng sẽ không chịu đầu hàng "những kẻ có xu hướng đầu hàng địch, và chẳng kể gì tới những quyền lợi chân chính của dân tộc"... Khi ông nói xong, tôi muốn lại nói chuyện với ông lắm, nhưng tôi nhút nhát quá và đám đông cuốn tôi đi, tôi không lại gần ông được. Trong đám đông tôi thấy Pao Houa, em họ của anh Pao đứng cách tôi vài bước. Tôi ngó chú ấy, chú ấy ngó tôi, nhưng chúng tôi làm thinh. Trên đường về, tôi cảm thấy mình đi trên mây, không còn sợ gì cả, tôi bừng tỉnh, thấy hợp lí rồi; Chị Yueng-ling lại thăm tôi, tôi bảo thích diễn văn của Chu Ân Lai lắm, chị đồng ý, thế là tôi càng tin chị hơn trước nữa.

Năm đó, suốt bốn tháng Pao đi theo phái đoàn, tôi về Thành Đô, và trở lại Trùng Khánh đúng lúc anh về. Phi cơ Nhật lại tới dội bom và sức nóng ghê gớm mùa hè lại hành hạ chúng tôi. Lần này chúng tôi đem gởi ít đồ lại

ngân hàng Meifing cho chắc chắn, cho nên hầu hết các đồ vật Pao mua ở ngoại quốc về không bị hư hại khi căn nhà chúng tôi thuê ở vườn họ Tchang bị dội bom tan tành tháng 8 năm đó. Toàn là những đồ lặt vặt, kì cục, không giá trị gì cả, nhưng ở Trùng Khánh thời đó, người ta cho là xa xỉ không tưởng tượng được. Hộp cẩn ngà và gỗ trầm, voi bằng gỗ mun, lụa, nhung, ra trắng, năm đôi giày cao gót mà không bao giờ tôi đi được, hai cái soong, thuốc bôi móng tay, đèn bằng đá hoa trắng, xà cừ, vân vân... Tôi rầu rĩ, mỉa mai. Vờ vĩnh làm gì kia chứ! Tôi nói thẳng với anh rằng không tin ở "phái đoàn". "Phái đoàn" đi vì nhiệm vụ gì? Tôi phân phát gần hết những hàng anh mua cho tôi, chỉ giữ lại một xấp lụa màu nâu thêu bông hồng và một khúc nhung đen để may áo, bận được tám năm, tới năm 1949...

*

Tháng sáu, năm 1941, vợ chồng tôi về Thành Đô với chú Ba, để tránh nắng và tránh bom, vì anh Pao được phép nghỉ sau cuộc công du mệt nhọc ở vùng Đông Nam Á. Ngày 22 tháng sáu, trong khi tôi lại thăm cô Marian Manley ở bệnh viện, thì ngoài đường có tiếng ồn ào, cười, la của các em bán báo; tôi chỉ lờ mờ nhận thấy đường phố náo nhiệt hơn; về tới nhà chú Ba, tôi mới thấy một số báo đăng tin Hitler đã đem quân đánh Nga Sô.

Mấy ngày sau, báo tin những bản đồ tiến quân của Đức trong chiến tranh "chớp nhoáng" đó. Anh Pao hoan

hỉ lắm, các bạn anh cũng vậy; Hà Ứng Khâm tin chắc rằng Hitler sẽ thắng. Buổi tối, chú Ba vừa cầm chiếc quạt bằng lá cọ quạt ngực, vừa nói chuyện với Pao ở ngoài sân. Pao thuyết một hồi về "dân tộc hùng cường" tức dân tộc Nhật Nhĩ Maan; anh giảng rằng một chủng tộc không lai thì mới giữ được sinh lực mạnh mẽ; anh lại giảng tại sao Nga yếu. Chú Ba gật gật đầu, hỏi lại diện tích và dân số Nga là bao nhiêu; tôi coi vẻ chú không tin lắm.

Pao sung sướng theo dõi tin tức chiến tranh vì quả thực quân Đức tiến rất mau, còn tôi càng thấy quân Đức thắng trận tôi càng buồn; sau cùng Pao hoan hỉ trở lại tổng hành dinh của Hồ Tôn Nam ở Tây An. Tôi trở về bệnh viện đường Tiểu Thiên Trúc, làm việc trong vài tuần lễ ngắn ngủi.

Đời sống ở Đại học càng thêm khó khăn. Vật giá tăng hoài, nạn lạm phát làm cho nhiều sinh viên khốn khổ. Họ đau ruột vì phải ăn thứ gạo không giã, mùi nặng và hôi, trộn với thứ đậu lớn hột cứng, và với ớt. Gạo trắng thành món xa xỉ chỉ thấy trong mâm cơm các nhà giàu và các khách sạn sang. Tuy Thành Đô không thiếu thức ăn như Trùng Khánh, người ta cũng trộn đá vào gạo cho thêm cân. Có hai thứ quả cân, thứ lớn và thứ nhỏ, thứ nhỏ chỉ bằng nửa thứ lớn, thành thử một cân gạo có thể nặng 600 gam hay 300 gam. Vì chính phủ định giá gạo nên con buôn phải làm vậy, dĩ nhiên là chính sách định giá thất bại.

Năm đó không trúng mùa, mà nợ nần phải trả bằng lúa, ngay chính phủ cũng thu thuế bằng lúa, bảo là để giữ trong lẫm của nhà nước, nhưng sự thực là vô lẫm của một bọn lũng đoạn thị trường, mà trong bọn đó có nhiều công chức.

Quân đội và vài cơ quan như cơ quan của Pao lãnh lương bằng gạo. Một bao gạo giá chợ đen bằng ba tháng lương của ảnh.

Không kiếm đâu được muối và xà bông; cô mụ Wang có tài xoay xở, làm cái gì cũng giỏi, chỉ cho tôi cách dùng một thứ lá cây vò ra có bọt như xà bông để gội đầu. Người ta đốt một thứ nhánh cây xanh thành tro để dùng thay muối...

Một buổi tối, ở Viện Đại học nhốn nháo lên, Tướng Phùng Ngọc Tường, một quân phiệt anh dũng ở phương Bắc nổi danh vì là người đầu tiên kháng Nhật năm 1932, tối đó lại diễn thuyết cho sinh viên nghe trên sân thể thao. Mọi người đều muốn lại nghe; tôi cùng với các chị Hoan Seôouan, Shen Wang và các cô mụ khác, mặc dầu đi từ sớm mà tới nơi cũng đã đông nghẹt rồi. Sân tối, chỉ có vài ngọn đèn bão, Phùng Ngọc Tường to lớn, mặt chữ điền, bận một bộ quân phục giản dị bằng vải, giọng phương Bắc nghe rất hay, nói về cái nạn phát xít đương tấn công các dân tộc dân chủ trên thế giới; ông tiên đoán rằng Trung Hoa sẽ thắng Nhật và Nga sẽ thắng Hitler. Chúng tôi vỗ tay rầm rộ và các sinh viên rất phấn khởi vì chúng tôi đều mong Nga thắng. Một lát sau, vị giám mục

Kitô giáo Yupin cũng đọc diễn văn. Ông rất hoạt động và quyên tiền ở Mĩ để giúp các hội truyền giáo ở Trung Hoa. Ông cũng ở Hoa Bắc xuống, cho nên người ta nghe ông lắm. Ông rất giảo hoạt, quỉ quái, rất tự tín và có tài hùng biện. Ông bảo rằng Đức và Nga sẽ tự diệt lẫn nhau, vì cũng theo chính thể độc đảng.

Chúng tôi trở về nhà hộ sinh, nhắc chuyện Napoléon đại bại vì mùa đông ở Nga, nhưng có người cãi lại rằng chuyện đó cũ quá rồi, mà Đức bây giờ rất mạnh, chúng tôi nóng lòng đợi mùa đông đến xem sao.

Trong khi chờ đợi, các báo tiếp tục tả các chiến thắng tưởng tượng ngoài "mặt trận", họ muốn nói mặt trận của Tưởng Giới Thạch đấy, nhưng không bao giờ đăng bản đồ cả. Mọi người chế nhạo các chiến thắng đó, kể cả Pao. Sự thực, tháng 5 năm 1941, Nhật tung ra 50.000 quân tấn công miền Hoàng Hà, tại đó có 250.000 quân Quốc Dân đảng; Hồng quân chiến đấu để ủng hộ quân Quốc Dân đảng, nhưng sau ba tuần lễ, Tưởng ra lệnh rút quân, để cho Nhật chiếm đất và bỏ mặc Hồng quân... chính sách của ông ta vẫn như cũ; làm tiêu hao lực lượng của Cộng sản.

*

Mùa hè năm 1941 đó, chính phủ Tưởng Giới Thạch báo cáo rằng Trung Hoa "rốt cuộc" đã được thừa nhận là một cường quốc ngang hàng với cường quốc khác. Mĩ và Anh đã tuyên bố hứa từ bỏ những đặc quyền tài phán

của họ từ năm 1842: Đã một thế kỉ rồi; không một người Âu hoặc người Mĩ nào ở Trung Hoa mà bị Tòa án Trung Hoa xét xử. Họ có thể vô Trung Hoa mà không cần giấy thông hành, có thể ở Trung Hoa bao lâu tùy ý, có thể ăn cắp, ăn cướp, giết người, lái xe cán chết người, chở các chất ma túy và súng ống vô mà không bị Tòa án Trung Hoa truy tố. Chẳng những thường dân, quân đội, con buôn, ngay các nhà truyền giáo của họ cũng được cái đặc quyền vĩnh cửu bóc lột dân Trung Hoa.

Bây giờ chính phủ Quốc Dân đảng tuyên bố rằng các cường quốc phương Tây "tự ý" bỏ các "đặc quyền". Chiến tranh đã quốc tế hóa và nhờ vậy Trung Hoa có một vai trò quốc tế; Tưởng nóng lòng đóng vai trò một chính khách quốc tế lắm. Sự thật, Âu Mĩ hứa từ bỏ các đặc quyền như vậy là để giữ Trung Hoa ở trong "phe" đồng minh; vì năm 1941, Tưởng càng ngày càng công khai đòi đồng minh phải giúp thêm tiền, nếu không thì ông điều đình riêng với Nhật. Bây giờ ông đòi phải giúp ông 500 triệu Mĩ kim. Và ông lựa đúng lúc vì ở Mĩ người ta càng ngày càng lo lắng, không hiểu Nhật còn tính những chuyện gì nữa...

Suốt mùa hè năm 1941, Hồng quân tấn công Nhật ở khắp các mặt trận Hoa Bắc, còn Tưởng thì án binh bất động. Cho tới ngày 24 tháng 11, nghĩa là hai tuần trước vụ Trân Châu Cảng, sứ giả Nhật Kurusu còn dụ dỗ cho Roosevelt tin rằng Nhật và Mĩ có thể thương thuyết với nhau. Nhưng cả hai phía đều chuẩn bị chiến tranh. Từ

tháng 9, Nhật đã chuẩn bị xong kế hoạch tấn công hạm đội Mĩ bỏ neo ở Trân Châu Cảng từ tháng 5 năm 1941, Mĩ tính dùng hạm đội đó để tấn công Nhật hoặc che chở thuộc địa Phi Luật Tân.

Ở Châu Âu, Mĩ đã thừa nhận Pétain và chính phủ Vichy; họ luôn luôn tỏ vẻ lãnh đạm với tướng De Gaulle và các người Pháp tự do, vì Roosevelt có ý chia cắt vĩnh viễn nước Pháp làm hai... Chính sách úp mở đó của Roosevelt cũng áp dụng ở Đông Dương nữa; Roosevelt nói thẳng với Stilwell rằng Đông Dương sẽ là một "xứ ủy trị", bề ngoài là đặt dưới quyền kiểm soát quốc tế mà sự thực là đặt dưới ách của Mĩ. Nhưng năm 1941. Nhật đã có cơ sở vững vàng ở Đông Dương rồi, tại những căn cứ chính phủ Pétain nhường cho họ.

*

Cuối hè 1941, một phần lớn Trùng Khánh đã bị bom san phẳng, kể cả căn nhà chúng tôi thuê trong vườn Tchang, bị tàn phá cuối tháng tám. Bới trong đám gạch vụn, chúng tôi tìm được nửa ve Cognac (đem ở Ấn Độ về) và chiếc giường gãy. Chú Ba lại cho vợ chồng tôi ở nhờ, lần này tại Ta Er Woh, căn nhà của ngân hàng Meifeng, ở ngoài thị trấn Trùng Khánh. Ở đây có nhiều đồi rậm rạp, trên mặt có một lớp đất dày, vì đã nằm vô phía trong đồng rồi; trên sườn đồi có vài biệt thự của nhà giàu, họ có thể ngủ yên, xa chỗ bị dội bom.

Phía bên kia thung lũng hẹp đó, có một sườn đồi

rậm rạp nữa, lưng chừng là ngôi biệt thự đồ sộ của tướng Chang Tchen, trưởng phái đoàn đi thăm Đông Nam Á, sau này làm đại sứ ở Mĩ.

Lại có một dinh thự nguy nga đầy nô tì, ống nhổ và chậu lan, mà một ông quân phiệt Tứ Xuyên cất cho bốn bà vợ ở. Con số bốn đó đã tính trước đấy: nếu là ba hay năm thì khó mà tiêu khiển bằng mạt chược với nhau được. Bốn bà suốt ngày đánh mạt chược, ngày nào như ngày nấy; họ có vẻ như không bao giờ tắm rửa, quần áo nhàu nát, đầu tóc bù xù như mới ngủ dậy; họ ngồi vào bàn mạt chược cho tới khi trở vô phòng ngủ mà tay vẫn cầm quân bài bằng ngà hay bằng tre.

Ở đó chưa đầy hai tuần thì Pao và tôi đều bị sốt rét cơn, Pao bị trước. Cứ ba ngày lên một cơn, rồi tới phiên tôi, bị cảm nặng, mửa, sốt. Bệnh sốt rét của tôi là hình thức hiểm độc nhất, do con đường Miến Điện mà truyền vào Trung Hoa. Có người chết rất mau, trong mười hai giờ, có người chết ngay trong một tuần lễ hoặc hơn! Mới đầu tôi cũng tưởng là bị sốt rét ba ngày một cữ, và tôi uống những viên kí ninh sở y tế phát cho anh Pao. Thứ kí ninh đó là thứ thật chứ không phải thứ giả bán cho người thường trong các tiệm thuốc.

Nhưng thuốc vô hiệu và không đầy ba ngày sau khi lên cơn lần thứ nhất, tôi gần như không ngồi dậy được nữa, chỉ mửa và run, run và mửa. Pao phải trực ở trụ sở "Tuân lệnh và Phục vụ", tôi ở nhà một mình với Yao Niang, người vợ lẽ của chú Ba; sốt rét cơn đối với chị là

chuyện thường. May thay bà vợ tướng Chang Tchen lại thăm tôi, không hiểu vì lẽ gì. Bà to lớn đẫy đà, cương quyết, hoạt động, mắt sắc. Tôi loạng choạng bước ra phòng khách tiếp bà, mệt quá, không nói được. Bà hành động liền, phái tới một lương y, học ở Đức về, và chỉ trị riêng cho những công chức cao cấp và cả tướng Chang. Bác sĩ coi mạch xong, bảo tôi bị một thứ sốt rét hiểm độc, chích cho tôi hai mũi *atébrine* mỗi mũi năm chục đồng. Ba ngày sau tôi bớt nhiều, nhờ một chị ở dìu dắt, tôi qua bên kia thung lũng leo lên tới nhà bà Chang để cảm ơn bà. Nhưng tôi thấy bà Chang khác, không phải là lanh lẹn, dễ thương như hôm trước đã qua thăm tôi và cứu sống tôi, mà một bà gầy ốm, mặt nhợt nhạt như sáp ong... bà này là bà hai. Tôi ngượng quá, nói vài câu xã giao nhã nhặn rồi ra về.

*

Tháng chín năm đó, một thảm kịch xảy ra, khoảng mười ba ngàn người bị chết ngạt trong một hầm núp công cộng ở Trùng Khánh (có tin đồn là hai chục ngàn người lận). Tôi đã nói những hầm đó thực tồi tàn. Vụ khủng khiếp đó xảy ra một buổi chiều thứ bảy trong một lần dội bom cuối mùa của Nhật. Không trông thấy phi cơ, nhưng suốt mấy giờ mà vẫn không nghe còi hụ hết báo động; các người lính gác vũ trang nhốt thiên hạ ở trong hầm rồi bỏ đó, lại khu Nam Ngạn đánh mạt chược hoặc coi chiếu bóng... Thật là điên khùng mới nhốt thiên hạ lại như vậy: họ viện lẽ để giữ "trật tự", không cho

thiên hạ lộn xộn ra vô cửa hầm, hết người này tới người khác để hít không khí. Đáng lẽ phải cải thiện cách thông hơi thì người ta rào cửa hầm bằng chấn song sắt và trong suốt lúc báo động, người ta khóa cửa hầm lại. Những người bị nhốt lúc lắc hàng rào sắt nhưng không mở ra được mà cũng chẳng thấy ai lại. Bọn lính gác vắng mặt suốt mười giờ.

Phải hơn một tuần mới lôi hết thây ma trong hầm ra; Có những đường phố dân cư thưa thớt hẳn đi, có những gia đình chết không còn một người. Suốt một tuần lễ, trong không khí mát mẻ ban đêm, xe căm nhông đi đi về về, chở thây ma đi, mà một bọn người đeo mặt nạ lấy leng xúc nhưng thây đã rữa nát.

*

Mùa thu năm 1941, có thể rằng chúng tôi khẳng định sẽ bị Tai Lee mời dự tiệc, một "danh dự tối cao" đấy. Pao không những ở trong bè đảng ông ta mà còn được ông ta mến nữa; nét chữ và nét mặt của ảnh đã gây được ấn tượng tốt; anh đã leo lên rất mau, khiến nhiều người đã bắt đầu gọi anh là "thành trì trẻ trung" Pao lại càng ham coi tướng số hơn bao giờ hết. Các phái đoàn quân sự và ngoại giao đều do tổ chức của Tai Lee chỉ định, vậy thì thế nào ông ta cũng sẽ phái Pao làm tùy viên quân sự ở Anh hoặc ở Mĩ. Và quả nhiên chúng tôi được mời lại ăn cơm ở nhà Tai Lee.

Tôi nói:

- Em không muốn đi. Người ta đồn rầm lên về những việc ông ta làm. Em không ưa ông ta.

Anh Pao nói ngọt, dỗ dành tôi, tới cái mức mua hoa tặng tôi nữa, và bảo tôi:

- Em phải đi chứ. Thiên hạ đồn bậy. Còn lạ gì chuyện đó, chính trị nào mà chẳng xấu xa, phải, các chính khách bắt buộc phải làm những điều bỉ ổi. Ngay cộng sản cũng phải nhận rằng đạo quân thứ tư đã có lỗi kia mà, đã chịu cho Tưởng rầy la. "Em tin anh đi, đừng tưởng rằng phía bên kia luôn luôn tốt đâu".

Ảnh nói vậy vì một thầy tướng số nào đó coi tấm hình của tôi, đã bảo anh rằng, tôi thuộc vào hạng người luôn luôn tin rằng "hoa nở bên kia tường mới thơm hơn ở bên đây", như vậy ngầm chê tôi là hạng bất chính vô luân. Pao áp dụng câu đó khi đoán rằng tôi bắt đầu có tinh thần chống đối về chính trị. Chu Ân Lai đã diễn thuyết ở Trùng Khánh phải không? Bọn Cộng sản đã làm bao nhiêu điều bậy, mà chính phủ còn cho phép hắn diễn thuyết, như vậy chẳng phải là rất khoan dung ư? Pao có thể tỏ ra nghiêm trang, kiên nhẫn, biết điều, rất giỏi thuyết phục: "Em chẳng hiểu chút gì về chính trị cả, tại sao em lại không chịu lại thăm Tai Lee? Chưa hề gặp người ta lần nào, sao đã vội phán đoán?". Rồi anh nổi quạu, bảo sẽ bắn bỏ tôi nếu tôi không chịu cùng đi với anh. Anh rút súng sáu ra, đập mạnh trên bàn. Rồi anh dọa gia đình tôi nữa. "Này, coi chừng đấy, nếu không có

anh thì chú Ba của em bây giờ ở đâu? Anh có thể sai bắt chú ấy, cho nằm khám lần nữa..."

Anh nói vậy vì chú Ba mới bị bọn Tai Lee bắt cóc, ít lâu sau khi Pao đi Ấn Độ về, và bị nhốt khám về tội đánh mạt chược. Đó chỉ là một cái cớ, chứ thực sự là họ muốn dọa dẫm một số "thân hào" thuộc hạng tư bản ở Tứ Xuyên như chú Ba và các bạn của chú; họ vịn vào cái tội chú bất tuân lệnh "động viên tinh thần (cấm tứ đổ tường); lệnh đó có ý gây áp lực để bọn Sơ mi lam được độc quyền mua bán các sản phẩm trong tỉnh.

Không ai để ý tới lệnh đó cả. Không hồi nào mà Trùng Khánh lại nhiều điếm như hồi đó: do nạn lạm phát, có những gia đình rất đàng hoàng bắt buộc phải cho các con gái không nuôi nổi ra đứng vỉa hè. Năm 1941, các phái đoàn quân sự ngoại quốc tới nhiều hơn, chính phủ Tưởng Giới Thạch lại loan tin rằng các nước Châu Âu sửa soạn bỏ chiến lược ở Châu Âu trước rồi ở Trung Hoa sau (để Mĩ thay thế) do đó một số quan trọng phi công và lính thủy Mĩ sắp tới Trùng Khánh. Bọn gái điếm chuẩn bị trước, có ả nhuộm tóc thành màu vàng coi thấy tởm. Thị trấn Côn Minh ở Vân Nam được lựa làm một căn cứ không quân cho Mĩ, người ta xây cất nhà cửa cho phi công Mĩ, dùng máy bay chở thùng tắm và cầu tiêu máy. Dĩ nhiên bọn điếm kéo nhau lại Côn Minh để tiếp lính Mĩ...

Lệnh động viên tinh thần đó chỉ nhắm vào những người sinh trưởng ở Tứ Xuyên. Họ phải đóng kín mít các cửa lại, chơi mạt chược trên những bàn phủ nỉ xanh để

giảm tiếng lạch cạch đi. Trong khi đó ở trên các vỉa hè, bọn gái điếm tự xưng là nữ sinh viên, cắp sách vở nhởn nhơ qua lại, được nhân viên các phòng giấy quân sự của Tưởng trêu chọc, mời vô dự các cuộc "đàm đạo buổi tối".

Một buổi tối nọ, chú Ba bị bắt đương đánh mạt chược, anh hai lại ngân hàng cho chúng tôi hay. Pao lại ti công an và tức thì người ta thả chú Ba và các bạn của chú ra, nói rằng bắt lầm. Dĩ nhiên Pao khoái lắm, vì có dịp tỏ được uy quyền; Và bây giờ anh nhắc lại công anh cứu chú Ba.

- Em không cần phải nói với Tai Lee một lời nào cả, nhưng anh thề với em, ông ta là người đàng hoàng lắm.

Tôi bận chiếc áo nhung đen để đi dự buổi tiệc đó với Pao. Tôi nghĩ bụng: "Có biết bao kẻ bất lương được tự do, và chúng tôi vẫn ăn uống với họ, nói cười với họ... Bất quá chỉ là thêm một thằng nữa".

Một chiếc xe hơi đen dài có mui lại đón chúng tôi, thứ xe hễ trông thấy là người ta nghĩ ngay tới các cơ quan mật vụ. Một vệ binh bận áo choàng và nón nỉ xá dài chúng tôi. Hồi đó đàn ông có cái mốt bắt chước Tưởng Giới Thạch, bận những chiếc áo choàng dài tới đầu gối. Chú vệ binh đó có nét mặt nghiêm khắc, hai bàn tay xanh xao, hơi mềm, lòi ra khỏi chiếc áo choàng. Pao đi công du đem về vài đĩa hát, có hai đĩa hát bài *Ave Maria* của Gounod và một máy hát. Anh cho chạy đĩa Ave Maria hàng giờ để tỏ lòng tôn sùng Tưởng Giới Thạch. Lần này anh đem một đĩa Ave Maria tặng Tai Lee.

Xe đưa chúng tôi ra khỏi Fou T'ou Kouan, tới một trong những dinh thự của Tai Lee, trên một bờ dốc, có hầm núp bọc sắt để tránh bom. Chúng tôi được những thanh niên vẻ mặt nghiêm khắc, bận đồng phục đen, đeo găng trắng dắt vô, qua hai ba lớp cửa, xuống một cầu thang thì thấy Tai Lee. Tôi cứ tưởng rằng phòng đó ở dưới hầm, không ngờ là ở mặt đất vì chúng tôi đã đi xuống chứ không đi lên. Nhưng ở Trùng Khánh có nhiều nhà cất cheo leo trên những sườn núi dựng đứng, thành thử dinh thự lớn của Tai Lee đã cất ở mặt đất và đưa xuống một mực khác, cũng vẫn ở ngang mặt đất. Dù sao thì kiến trúc bắt chúng tôi đi xuống đó làm cho cuộc hội kiến thêm vẻ long trọng; dẫu Diêm Vương cũng không dàn cảnh khéo hơn: màn lụa, đèn đỏ, một sự yên lặng rùng rợn... Hình dáng của Tai Lee cũng hợp với cảnh trang trí: nhỏ con, gầy, bận toàn đồ đen, lông mày rất rậm, nước da sạm tới nỗi có thể lầm một người Ả Rập. Má và cằm đen, mặt nặng và sắc, và bộ đồng phục đen gây cho tôi ấn tượng rằng ông ta đóng trò, nhưng khi ông ta bước đi thì ta thấy con người đó nguy hiểm như một con rắn hổ cuốn tròn lại.

Ông ta bắt tay chúng tôi, mời chúng tôi ngồi, chúng tôi nhấp trà. Mới đầu chỉ là dọ chuyện hỏi thăm nhau; Pao cố có những cử chỉ ngôn ngữ của một thanh niên con nhà gia giáo. Anh kể cho Tai Lee hay rằng tôi mới qua một bệnh nặng (sốt rét cơn). Tai Lee bỗng nhiên hỏi chúng tôi có mấy con, Pao đáp: Một đứa con gái ở Thành Đô. Phải, anh đã bịa ra rằng tôi có một đứa con,

như vậy tiện; anh có cớ để giảng giải rằng tôi không có mặt ở Trùng Khánh mỗi khi anh không muốn cho tôi trườn mặt ra trước công chúng, hoặc những khi tôi về chơi Thành Đô. Còn một lí do khác nữa, nhưng sau này tôi mới hiểu.

Tai Lee hỏi tôi học ở đâu, Pao đáp: "Ở Anh". Tai Lee gật đầu, cơ hồ câu đó làm cho ông ta hết nghi ngờ. Rồi Pao nói về tình hình ở Anh và ở Đông Nam Á, ở Ấn Độ, bảo Anh không đủ sức chiến đấu, tiêu rồi, và rán dụ Mĩ giúp mình, Tai Lee bảo Anh đương phá sản, thanh toán tài sản trên khắp thế giới, nhưng được Mĩ cho vay và cho mượn, còn Trung Hoa không được vậy, điều đó đúng. Ông ta không ưa ngoại trưởng Quo T'aishi thân Anh, lúc đó hai người cừu thị nhau, có một âm mưu để lật đổ Quo Taishi. Tai Lee ghét người Anh, vì có hồi ông ta ở Hương Cảng, bị Anh nhốt khám hai ngày rồi được thả với ít lời xin lỗi. Pao thốt ra toàn những lời hoa mĩ, dịu dàng, khéo nịnh nọt, anh làm ra cái vẻ rất "chân thành", không một lời nào hớ. Anh chăm chú nghe Tai Lee nói.

Tới bữa ăn, món ăn rất ngon có những hải vị ở các nơi cách biểu trên ngàn cây số này. Đôi đũa của Tai Lee bay tới tấp, gắp cho tôi những món ăn ngon. Pao và ông ta cùng đứng dậy nâng li chúc thọ nhau, thỉnh thoảng Tai Lee hỏi những câu ngắn cho câu chuyện tiếp tục. Trong một lúc cuồng nhiệt, tôi tự hỏi giá thình lình tôi làm bộ nổi cơn điên tát vào mặt Tai Lee rồi lăn trên sàn thì sẽ xảy ra sao. Nhưng chỉ nghĩ tới cái nỗi bàn tay tôi

đụng vào cái má đó tôi cũng đã thấy tởm. Sau một tấm màn lụa vén lên, tôi thấy ở phòng bên, những bình gỗ sơn, những chụp đèn màu hồng có tua, và hai tên vệ binh bận đồng phục đen đương coi chừng các giai nhân bưng thức ăn lên lên xuống xuống. Tai Lee hỏi tôi có thuốc trị chứng đau họng của ông ta không, vì Pao đã bảo: "Nhà tôi là bác sĩ". Rồi thình lình ông nói về tướng số, bói toán, Tai Lee giảng một điều rất bí mật và tế nhị về ông thầy bói mù rờ xương đầu mà đoán vận mạng. Hết bữa chúng tôi uống một tách café rồi cáo từ vì theo phép lịch sự Trung Hoa, ăn xong rồi không nên ngồi lại lâu. Cũng chiếc xe hơi lúc nãy đưa chúng tôi về. Hôm sau Pao khen tôi là lễ độ, đàng hoàng: "Em không nói nhiều quá". Tôi có một lời nào đâu.

10

Có điều gì đó làm cho Pao lo lắng, sau cùng tôi mới hiểu nguyên do. Từ mấy tháng nay chúng tôi được lãnh phần gạo. Người ta phát gạo cho công chức để bình giá thực phẩm, nhưng không hiệu quả. Pao lãnh ba phần gạo chứ không phải hai, tôi ngờ rằng anh đưa phần thứ ba cho chú Pao Houa để đem bán chợ đen, hoặc tặng ai đó để đền ơn người ta đã giúp đỡ anh. Pao ghi tên một đứa con sanh ở Thành Đô để lãnh phần thứ ba đó.

Mà một số lớn các "nghĩa huynh" của anh bảo rằng chẳng bao giờ thấy đứa con đó cả... Không thấy cả trên tấm hình nữa. Pao đương rất quan tâm tới một sự thay

đổi trong hoạn lộ của anh, anh mong được một chân tùy viên quân sự, cho nên sợ có kẻ âm hiểm tố cáo mà bị loại ra mất.

Điều anh trách tôi nhiều nhất là không sanh đẻ gì cả. Giá tôi có mang, có một đứa con trai thì mọi sự hoàn hảo...

Thượng cấp của anh, tướng Hioung mà chúng tôi gặp trong một cuộc tiếp tân, có nhiều con, nhiều người khác tự khoe có tài gây giống, như thể họ khoe mỗi bữa ăn được sáu bảy chén cơm hoặc mời được một số đông "nữ nghệ sĩ" dự một "cuộc đàm đạo ban đêm" vậy.

Pao mong hoài có một đứa con, điều đó dễ hiểu: đàn ông nào mà chẳng vậy. Cho nên tinh thần tôi lúc nào cũng căng thẳng. Đi coi các thầy tướng số, các bà thầy bói, ai cũng bảo rằng tôi sẽ sanh con gái đầu lòng rồi sanh hai đứa con trai. Vì vậy Pao mới bịa chuyện ra rằng tôi đã có một đứa con gái, hy vọng rằng như vậy, ước vọng của anh sẽ tự nó thành tựu.

Một điều bất lợi nữa cho Pao là anh chưa bao giờ lãnh một nhiệm vụ chỉ huy trên chiến trường, vì thế anh không thể "hối lộ" cho vài thuộc viên bằng cách cho họ thăng cấp để họ giúp anh. Mà hạng thuộc viên đó có ích lợi lắm đấy! Người ta kể chuyện một sĩ quan cấp dưới chỉ thêm một nét vào tên một người mà làm cho một kẻ vô tội bị xử tử... Và chuyện một sĩ quan khác được lệnh tìm hồ sơ về một vụ biển thủ mà đánh lạc hồ sơ trong bốn năm. Cũng do cách đó, một viên thư kí quèn có thể trong những lúc báo cáo, đưa tên của Pao ra trước mắt Tưởng

Giới Thạch, khiến vị quyền tối cao đó để ý tới anh... Và anh sẽ không bị bỏ quên. Pao mỗi ngày một thêm ưu tư sầu não, anh có đủ chỗ nương tựa để mở một con đường trong cái bụi rậm ganh đua nó thu hút hết nghị lực của các công chức dưới quyền Tưởng Giới Thạch không? Anh có thể thoát cả ngàn cái bẫy bẩn thỉu do những kẻ ngồi lê đôi mách giăng ra, khiến những kế hoạch chuẩn bị công phu nhất cũng phải tiêu tan không? Anh có tỏ ra khá dễ thương, có gây được ấn tượng tốt với thượng cấp không? Anh thắc mắc đau khổ về tất cả những điều đó. Giá anh có một đứa con trai thì thế anh sẽ mạnh hơn. Anh đòi có một đứa con trai, một đứa con trai, một đứa con trai, như thể anh đã *bốn mươi lăm* tuổi chứ không phải mới *hai mươi lăm,* và anh càng thất vọng càng đánh đập tôi. Rồi bỗng xảy ra vấn đề ba phần gạo đó... có thể nào sự bí mật đó sẽ bị tiết lộ ra không? Rằng anh chẳng có đứa con nào gởi gia đình tôi nuôi ở Thành Đô cả?...

Mùa thu 1941, tôi trở về Thành Đô để từ biệt chú Ba, thím Ba và họ hàng, bạn bè và để mua một đứa con nuôi.

Cô Marian - Manley biết rằng Pao mong hoài có một đứa con, tôi tâm sự với cô, cô rán giúp tôi, khám bệnh tôi thật kĩ, chẳng thấy gì cả. Một nữ bác sĩ khác ở Trùng Khánh khám lại, chữa bằng điện để kích thích tử cung, cách chữa đó đang thịnh hành (mà vô hiệu). Những trắc nghiệm làm hai năm trước tôi bị bế tắc không có bệnh gì cả, nhưng hồi đó người ta không để ý tới những yếu tố tâm lí như ngày nay, mặc dầu cô Marian Manley đã nói tới trạng thái quá kích thích của thần kinh, và

công cuộc nghiên cứu của Hans-Selye về các bệnh tâm thể [1] và về ảnh hưởng của sự ưu tư tới cơ thể mới hơi được truyền bá trong y giới. Cô Marian kể cho tôi nghe có những cặp vợ chồng nuôi một đứa con nuôi rồi thì từ đó sinh đẻ được, cô tin rằng nếu tinh thần tôi thơ thới thì tôi có thể có mang. Nhưng sống bên cạnh Pao thì làm sao tinh thần tôi thơ thới cho được?

Mùa thu đó, ngân sách gia đình của nhiều công chức, tư chức, và nhà buôn nhỏ vì nạn lạm phát mà lâm nguy, những người chỉ trông vào đồng lương thì thấy mãi lực của mình giảm tới mức gần như không còn gì, mà số tiền dành dụm được tiêu tan hết, họ phải bán quần áo, đồ đạc, nhiều người làm hai ba nghề một lúc để kiếm thêm nhưng trong cuộc chạy đua như điên đó, họ vẫn không bắt kịp được vì sự leo thang của giá cả. Chỉ bọn chủ khách sạn là kiếm được nhiều tiền, bọn chủ nhà, chủ ruộng và cho vay lãi cũng vậy vì họ chiếm hết lúa gạo, vải lụa, nhiên liệu [2]. Ở Trùng Khánh trong khi dân chúng đánh nhau vì mấy cái lõi bắp cải ở chợ, và các trẻ em chết vì bệnh phù thũng, thì người ta nhập cảng bơ tươi và cam cho bà con họ hàng của Khổng Tường Hy và Tống Tử Văn, thật là xấu xa, bỉ ổi! Nhiều người lúc nào cũng đói, gầy nhom, hóa ra bơ phờ, thờ ơ, không ra khỏi

---

(1) *Maladies Psychomatiques:* tức những bệnh do tâm thần ảnh hưởng tới cơ thể, như lo lắng quá sinh ra loét bạo tử, tiểu đường v.v...

(2) Vì người thuê nhà, mướn ruộng và vay nợ phải trả họ bằng hiện vật chứ không bằng tiền.

nhà nữa vì đi không nổi, cứ nằm hoài, không làm được việc gì cả, hành khất đầy đường và trong thị trấn nào cũng có nhiều người bán con gái cho các gia đình giàu có, sự mua bán đó rất thịnh.

Nông dân bị bắt nhập ngũ, phẫn uất gây lộn, nổi loạn. Mấy năm trước ở Mienyang người ta lùa nông dân đi làm con đường Tây An. Con đường qua làng nào thì dân chúng trong làng phải cung cấp tất cả các vật liệu, hai mươi ngàn người đã bị bắt làm xâu như vậy mà phải mang cơm nhà đi. Việc đó bây giờ lại tái diễn, nhưng qui mô rộng lớn hơn, nông dân không có thì giờ gặt hái nữa, nổi loạn. Khoảng hai ngàn bị giết, những người khác bị bắt làm lính. Trong số sáu ngàn người bị bắt lính đưa lên miền Tây Bắc, chỉ có bảy trăm người sống sót.

Một cô mụ tôi quen ở bệnh viện có một người bà con sanh được bốn đứa con gái mà đứa cuối mới có ba tháng. Người mẹ muốn bán đứa con thứ ba, vì bán hai đứa lớn thì chúng sẽ gào khóc phản kháng, còn đứa cuối nhỏ quá, không thể xa mẹ được, đợi lớn chút nữa cũng sẽ bán nốt "vì để cho nó sống còn hơn là để nó chết đói", thím nói như vậy.

Đứa thứ ba được một năm rưỡi mà mới chập chững biết đi. Bà mẹ nhờ cô mụ tôi quen tìm xem có ai muốn mua không.

Cô mụ bảo tôi rằng đứa nhỏ không ngộ lắm mà lại xấu tính, nhưng tôi cứ thử lại coi mặt mũi nó xem sao. Người ta đòi tôi một ngàn đồng, giá đỏ đất, vì có những

đứa con gái khỏe mạnh mà bán với giá năm trăm đồng hoặc ba trăm đồng. Vài cô mụ khuyên tôi trả giá năm trăm đồng: "người mẹ chỉ đưa giá đó ra thôi, chứ không hi vọng được một ngàn đồng đâu". Nhưng người mẹ đưa giá đó là một người "có học", biết đọc, biết viết. Đứa bé đã ở thử một nhà khác rồi, nhưng mới đầy một tháng người ta phải đem lại trả vì bướng bỉnh quá. Không nhu thuận.

Một hôm chị Hoan-Seyouan bồng một em bé gái vô phòng tôi. Đứa bé quần áo tả tơi, có vẻ hoảng sợ, mỗi mí mắt long lanh một giọt lệ muốn rớt. Tôi đâm mê nó liền. Nó có mấy vết thương trên mặt và mình mẩy, rõ ràng là người ta đã đánh đập nó tàn nhẫn, có những đường gân xanh dưới lớp da sáng của nó, và da nó đã hơi nhăn nheo, dưới tai bên trái có một vết nhỏ trên một đường nhăn, tỏ ra nó đã bị bệnh sài (Teigno). Nét mặt nó rất dễ thương: mắt to và nghiêm, tròn và màu nâu, tôi chưa thấy em bé nào có cặp mắt như vậy, nó ngó tôi trân trân, nghiêm trang mà ngây thơ, trong khi hai giọt lệ chậm chậm, lặng lẽ lăn trên gò má nó. Lòng tôi thắt lại khi nghĩ tới niềm đau khổ âm thầm của đứa bé mười tám tháng lặng lẽ khóc đó. Nó sợ tiếng động, sợ những người lớn tiếng, khi thấy người lại gần ngó nó, nó nói nho nhỏ: "không chịu, không chịu". Nó để tôi bồng mà không la khóc, tôi lấy nước ấm lau mình rồi chùi khô cho nó, nó để cho tôi xem xét những vết thương ghê tởm của nó. Rồi chị ở bưng ra một chén cơm dẻo nấu với vài miếng gan nhỏ, nước mắt nó lại chảy ra nhưng lần này nó mừng mà khóc

kêu: *«phàn, phàn, phàn"* có nghĩa là cơm, cơm, cơm, nó vồ lấy chén cơm ăn hết trơn.

Tôi xỉa ra một ngàn đồng không trả giá gì cả, cũng không bảo để nuôi thử xem sao đã, chị Hoan - Seyouan "chặc, chặc" lưỡi, bảo tôi có thể trả rẻ hơn được mà đứa bé thật tốt số, tôi đáp lại rằng chính tôi mới tốt số, vì chưa thấy một đứa bé nào ngộ như nó. Thiên hạ mù quáng, không biết thế nào là đẹp sao?

Thực là quá điều tôi ước mong, đứa bé cực kì dễ thương đó, trong hai ngày ngó tôi chăm chăm, trầm ngâm, lúc nào cũng có vẻ nghiêm trang, chỉ trừ khi nó vồ lấy thức ăn mà nhỏ lệ vì mừng. Tới ngày thứ ba, bỗng nhiên nó nhè nhẹ đặt tay lên má tôi mỉm cười.

Tôi mừng tới nỗi bồng nó vô phòng chị Hoan Seyonan khoe: "Coi nè, coi nè, nó mỉm cười nè!". Tất cả các cô mụ chạy tới coi nó mỉm cười, bảo nó ngộ thật, một cô còn trách mẹ nó sao lại đem bán nó, nhưng thím ta đâu có lỗi gì, chỉ nghĩ việc cứu sống con thôi mà; tội là ở chế độ bất công, áp chế, ở sự lạm phát, sự nghèo đói và chiến tranh. Ở Trung Hoa có cả triệu trường hợp như vậy, cả triệu em bé như vậy, thường quá ư? Thành thử ai cũng cho rằng gặp thời đói kém, đem bán con là việc tự nhiên... Và tôi biết rằng mẹ đứa nhỏ đó không vui lòng bán con đâu, chẳng qua là bắt buộc phải vậy, thà vậy còn hơn là giết nó, như một số người vẫn làm, để tránh cảnh cùng khốn... Và đứa bé đó rất có nghị lực, chính vì vậy mà mấy gia đình khác muốn có nô tì, không chịu nuôi

nó; nó bẩm sinh ra không nhu thuận, không đê tiện. Nhỏ như vậy mà nó đã biết nó muốn gì rồi.

Tất cả các cô mụ đều lo may quần áo cho nó, chị Hoan Seyouan đem cho nó một cái mũ trùm đầu, cô Wang làm cho nó một đôi giày bằng nỉ, cô Shen may cho nó một cái áo, một cái quần, còn cô Marian Manley cắt trong những chiếc áo cũ bằng len để may cho nó một cái măng tô lót cho nó bận mùa đông. Cô Hsu mua cho nó một con búp bê, thời đó ở Thành Đô giá đắt lắm. Có lẽ cô Hsu muốn đáp ơn tôi đã giúp cô mua miếng đất mà giá tiền bằng giá tiền mua đứa bé đó (nhưng chỉ trong 6 tuần giá đất đã tăng lên gấp đôi rồi). Đứa bé chăm chú ngó con búp bê rất lâu, rồi đưa tay rờ mũi con búp bê, rồi rờ chính mũi của nó, rờ mắt con búp bê, rồi lại rờ mắt nó. Con búp bê là đồ chơi đầu tiên của nó, nó ghì chặt búp bê vào lòng, ôm búp bê đi ngủ và không khi nào liệng bậy búp bê như những trẻ khác: tôi phải giằng búp bê ra mỗi khi tắm rửa hoặc thay áo cho nó. Rồi cô Maian Manley tìm được một cuốn sách cho trẻ em, có những chữ A, B, C rất lớn mà một gia đình truyền giáo đã bỏ lại, và đứa bé nghiêm trang ngó rồi đưa ngón tay chỉ chữ T bảo: "Máy bay, bùm bùm", như vậy là nó đã trải qua những cơn dội bom rồi.

Sau này tôi mua cho nó một đồ chơi khác, một con gấu giá cũng đắt ghê gớm, bằng giá sáu thước vải. Khi trở ra Trùng Khánh, tôi bán hết những vật vô dụng Pao đã đem ở Ấn Độ về mà tôi chưa đem tặng ai, một số bà

giàu có ở Trùng Khánh hăm hở mua, giá một đôi giày cao gót lúc đó bằng tám tháng tiền lương của anh Hai ở ngân hàng, một cái xắc tay xấu xí bằng hạt trai giả giá năm trăm đồng, bằng nửa giá tôi mua đứa bé đó...

Nhờ vậy tôi có được một số tiền, mua đồ chơi, giày, quần áo cho đứa bé mà không phải xin tiền của anh Pao.

Vết sài ở bên tai đứa bé chuyển qua màu đỏ mà không láng, lan ra mép lồi lên. Tôi bảo cô Marian là một chứng đan độc, cô đồng ý. Ít bữa sau nửa mặt và nửa lưng nó cũng nổi đỏ như vậy và nó nóng. Phải có sulfamide để trị, thứ này khó kiếm, 1 viên giá 25 đồng, nhưng nhờ cô Marian, tôi được bệnh viện để lại cho ít viên. Tôi lau vết đó với tất cả các vết thương khác trên đầu, trên mình đứa bé, da đít và đùi nó bong ra, phỏng lên đầy mủ. Nó không phàn nàn gì cả khi tôi lau rửa cho nó. Trong thời gian đó, cha mẹ nó giao cho tôi tờ bán con, thế là mọi sự xong xuôi. Cô Hsu bảo! "Đáng lẽ chị phải bắt họ giao con thì giao cả quần áo của nó, đừng để họ bóc lột". Nhưng tôi cảm thấy tôi giàu có, giàu vì có được đứa bé dễ thương, mắt rất đẹp và nghiêm trang đó, và tôi rất vui vẻ trả gấp mấy số tiền đó cũng được. Cô Hsu cứ lắc đầu hoài: một đứa bé đau ốm, coi thảm hại như vậy mà mua đắt đến thế. Mọi người ngạc nhiên sao nó mau bình phục thế.

Nó bắt đầu cười thường hơn với nhiều người hơn, và trong trường hộ sinh mọi người khoe với nhau: "Hôm nay bé cười với tôi". Hai đồng tiền hiện trên má nó, nó

bớt gầy đi. Được hai tuần, các vết thương lành miệng, tôi mua giấy máy bay đem nó ra Trùng Khánh, bây giờ nó đã tin cậy hết sợ rồi đưa các ngón tay trỏ các đồ vật bập bẹ, thỉnh thoảng bướng bỉnh - em bé nào thì cũng phải vậy - nhưng kiên nhẫn, lặng lẽ chịu đau khổ, mà chỉ ngó tôi, đợi tôi nhận thấy.

Ra Trùng Khánh tôi hay rằng anh Pao không còn ở tại nhà chú Ba nữa, và đã mướn một phòng ở gần trung tâm Thành phố, phòng đó tốt, sàn ván, kê một cái giường, một tủ "*côm mốt*", một cái phòng trong một căn nhà một công chức đã xây cất mấy năm trước, khi đất và công xây còn rẻ. Thật là may mắn lạ lùng mà nhà không bị bom.

Bây giờ Pao thành công rồi, không thiếu gì người mời anh về nhà họ ở hoặc mời đi ăn tại những khách sạn sang. Bà Ling chủ nhà đã dành cho chúng tôi căn phòng đẹp nhất ở phía trước, mà lui vào phía trong, ở một căn phòng hẹp hơn, gần như một cái kho chứa đồ, bên cạnh bếp, với hai đứa con. Bà nhỏ nhắn, rất giỏi giang. Không có giường cho đứa bé, tôi phải lấy một cái hộc tủ Côm mốt, trút hết đồ ra làm giường cho nó, và để cho chuột khỏi cắn nó, tôi đặt hộc lên bàn bao lưới sắt chung quanh mà tôi đóng bằng đinh, cột bằng dây gai, như một cái nôi tại nhà hộ sinh Thành Đô. Đứa bé nằm gọn trong đó và rất ít cựa quậy trong khi ngủ. Nó mau lớn, háu ăn lắm, một hôm tôi cho nó một trái quít để chơi, nó ăn hết nhẵn cả vỏ, ruột, hột. Các vết thương đã lành rồi, bệnh sài đã

khỏi, tôi dắt nó đi dạo chút chút, tóc nó bạc màu vì thiếu sinh tố, bây giờ đã rậm hơn.

Tôi không báo trước cho Pao ngày tôi tới vì không biết ngày nào mua được vé máy bay: phải hối lộ nhân viên ghi tên, hối lộ nhân viên bán vé, hối lộ nhân viên kiểm soát đóng dấu vào vé... Vậy buổi chiều hôm đó tôi tới Trùng Khánh, buổi tối anh Pao về thấy đứa bé đương ngồi ăn cơm với món gan trước một cái bàn thấp. Nó thích thịt lắm, ăn rất gọn, không bao giờ đánh vãi hột cơm, nó vét những hột còn lại rồi mút tay, cuối cùng liếm cái chén. Anh Pao nói lớn: "À, đứa bé đây", vì nó ở đó rồi, anh không thể không thừa nhận nó được, từ mấy tháng nay anh chẳng lãnh phần gạo cho một đứa con đấy ư?

Hai ba ngày sau thấy nó yên ổn, không làm ồn ban đêm, và ngước cặp mắt tròn lên ngó anh không chớp mắt, anh cũng bắt đầu mến nó, vì Pao bẩm tính không vô tình, tàn bạo, chỉ vì quá tham vọng mà lạc lối thôi, anh không xấu hơn, có lẽ hơi bớt tính toán hơn nhiều người khác trạc tuổi anh trong sự trung thành với cấp trên mà anh đã lỡ phụng sự, rồi bị giam trong chế độ ảo tưởng đó, nó làm cho chúng tôi đều phát điên lên đó.

Anh hỏi tôi: "Đem nó về làm gì đây?" Tôi đáp: "Cho nó sống với chúng mình". - Được. Có thể tập cho nó thành nô tì của em được". Anh vẫn theo cái tục cổ, mua những đứa con gái nhỏ về làm nô tì rồi sau bán lại cho một ông già nào đó làm nàng hầu. Tôi xé miếng giấy cha mẹ nó

nhận bán nó cho tôi. Tôi không khi nào bắt nó phải làm nô lệ, tôi muốn nó thành một người tự chủ. Không khi nào tôi bán cái thân thể ấm áp, quí báu rất âu yếm, rất tin ở tôi đó, tôi không muốn theo tục cổ, nuôi nó làm đứa ở sau này nhờ cậy, như một cách bảo hiểm cho tuổi già vậy...

Tôi làm thinh không đáp Pao.

Và tôi thỏa mãn, sung sướng rằng không có con với Pao. Như vậy chỉ truyền biết bao nỗi đau khổ từ thế hệ này tới thế hệ sau, tới vô cùng thôi. Đứa bé đó không do tôi sanh ra, nhưng vì tình thương và ý chí, nó hoàn toàn là của tôi, nó không phải là một sản phẩm sinh lí ngẫu nhiên tác thành trong đêm tối, không đoán trước được, cũng không mấy mong mỏi, nhưng vì tôi đã có ý lựa chọn nó, thì nó là của tôi còn hơn là do khí huyết tôi sinh ra nữa, tóm lại, nó hoàn toàn làm thỏa mãn tôi, thỏa mãn tới suốt đời tôi.

Vì ái tình mới thực là cái liên hệ giữa cha mẹ con cái, chỉ có thương nhau thì mới có cha con, mẹ con... Và tới ngày nay, tôi vẫn còn mừng rằng tôi không có con, vì tôi nghĩ rằng nếu có, tôi không thể nào yêu nó được và không lo lắng, lo lắng hoài, gần như oán ghét nó nữa. Tôi tự hỏi tôi hoài, trong bản thể tôi có cái gì khiến cho nó muốn tự hủy nó. Tôi không muốn thấy một sự tái sinh của tôi đã khó khăn mà lại tự trừng trị nó, tự hủy hoại nó. Hồi đó tôi đã định rằng đứa bé đó là nguồn yêu của tôi. Nó đã là nguồn yêu của tôi...

Mùa đông lại trở về với lớp sương mù giết người, nuốt cả nhà cửa, cảnh hoang tàn, lẫn đồi núi. Sông Dương Tử đầy bùn, mực nước càng rút lần lần thì dòng nước nặng nề càng chảy chậm hơn. Đâu đâu cũng nghe thấy tiếng búa; nhìn lên đồi thấy những người bé nhỏ dựng cột cất nhà; ngói bị hơi bom đánh bay đi. Bây giờ được xếp thành hàng đều đặn hơn các nóc nhà mới. Ở mái hiên người ta móc những cây sào để hong quần áo mùa đông trong khi mặt trời hổn hển sắp chết ngạt vì sương mù. Người ta xây cất lại Trùng Khánh, nhưng năm nay vật liệu đắt quá, cho nên có nhiều khoảng đất rộng bỏ trống. Giá cả lên, tăng lên, tăng lên, một bữa ăn ở khách sạn bây giờ phải trả trăm rưỡi đồng; sáu tháng trước phải trả bảy mươi lăm đồng...

Tháng mười năm 1941. Phái đoàn quân sự Mĩ ở Trùng Khánh đã tăng cường rất nhiều; nông dân nổi loạn nhiều hơn; thợ đào đất chết vì đói, vì sốt rét cơn, vì dịch tả... Lại mở một chiến dịch chống Cộng nữa. Thêm một chiến dịch "*tinh thần tự tin*" nữa. Ở Côn Minh người ta cất một khách sạn và nhiều dinh thự cho người Mĩ: cả một đoàn cố vấn kĩ thuật gia và nhân viên lực lượng không quân, lại thêm "lính thủy" nữa. Giấy bạc in ở Anh, chở vô Trùng Khánh từng tấn một, do con đường Miến Điện; từ tháng năm năm 1942, phải chở bằng phi cơ, vượt dãy núi Hi Mã Lạp Sơn, khi đường Miến Điện bị Nhật chiếm. Năm 1942, một trăm rưỡi tấn giấy bạc do đường hàng không mà vô Trung Hoa.

Ở Trùng Khánh, các rạp hát bóng chiếu một phim

màu của Mĩ, toàn là con gái với những đồ lót mình, thực khác xa đời sống Trung Hoa, khiến chúng tôi ngạc nhiên, khán giả cười rầm lên chế nhạo những đào hát ở truồng.

Lại ban những sắc lệnh mới trừng trị sự tăng giá và tội tham nhũng, nhưng giá cả vẫn cứ lên. Chính phủ phải bắt một số gia đình tản cư cho vật giá bớt leo thang... Báo chí đã dám chỉ trích "một số công chức cao cấp" sống xa hoa trong cảnh khốn cùng của dân chúng.

Nhưng trong mùa đông tối sớm đó, dân chúng mải theo dõi một vụ tầm thường mà quên những vấn đề chính: lạm phát, đói, chết trong hầm núp, tham nhũng, phiến loạn. Khi một chính quyền chuyên chế, tàn bạo mà gặp nỗi khó khăn thì một vụ ô nhục của một cá nhân trong chính quyền có lẽ lại có lợi, làm cho dân chúng dễ quên những nỗi bất mãn nhất.

Cuộc âm mưu chống Quo Tai-shi bắt đầu thành hình. Quo Tai-shi là viên Ngoại trưởng mà cả Tai Lee lẫn Hồ Tôn Nam đều ghét. Ông ta chống Hitler, chống Nhật, thân Nga. Như vậy không đủ cho Tai Lee tìm cách "bứng" ông ta đi. Quo bị tố cáo là "tằng tịu" với một thiếu nữ không phải vợ ông ta. Không có một mảy may chứng cớ nào cả, không khi nào đưa ra chứng cớ được; chỉ có tin đồn rằng ông Ngoại trưởng đi lại với một thiếu nữ đẹp, thông minh trạc tuổi tôi, cô S, cùng học một năm với tôi ở Đại học Yen-tching, và hai người yêu nhau. Bỗng nhiên, trong cái "giới thượng lưu" Trùng Khánh, các nhân viên cao cấp chỉ kháo nhau chuyện đó thôi. Họ không nói gì

tới nạn đói, dân chúng nổi loạn, sự kiểm duyệt. "Săn" cộng, nạm lạm phát, tham nhũng, các trại tập trung, mà chỉ nói về mối tình chưa chắc đã có thực của một ông Bộ trưởng! Khi tin đồn tới tai tôi, tôi bảo: "Rõ thật ngu xuẩn". Pao tuôn ra một loạt những lời đạo đức bài xích, khiển trách ông Bộ trưởng, cơ hồ như đời tư người ta mà họ đem ra bêu xấu đó là việc tai hại nhất, động trời nhất, chướng tai gai mắt nhất trên đời, có thể làm cho chính quyền đạo đức của chúng tôi lung lay mà kháng chiến Nhật này có thể sụp đổ!

Trong thời gian đó, Tai Lee và nhiều ông lớn khác trai gái lung tung; Tai Lee ve vãn một thiếu nữ, đánh cô ta nhừ tử rồi tống giam cô ta vô một trong những "trường" của hắn; người ta đồn rằng ngay vị quyền uy tối cao cũng bị một bà số 3 nào đó cào cấu nát mặt ra. Người ta bắt đầu kháo nhau về những chuyện xảy ra trong Phái đoàn quân sự ghé Singapour. Hai chục năm, năm 1962, tới Singapour, tôi được nghe người ta kể mối tình của Pao với một mĩ nhân ở đó, hiện nay làm chủ một cao lâu... mà tôi không hay gì cả, vẫn thường tới ăn.

Nhưng cái vụ Quo và cô nhân tình tưởng tượng của ông ta lấn át tất cả những chuyện khác; bà Quo đi đâu cũng cải chính rằng ông chồng rất chung tình với bà, không yêu một người nào khác, thành thử những lời đoán chừng kia càng gây thêm một niềm bất bình thú vị... Bỗng nhiên hết thảy các bà các cô đều hóa ra nghiêm trang rất mực, phỉ nhổ, mạt sát cô S. Vì nói chuyện về

tính dục thì không sao, còn nói tới sự nổi loạn của nông dân, nạn tham nhũng, lạm phát... mới nguy hiểm.

*

Ngày mùng một tháng chạp, Pao ở Sở về cho tôi hay anh được cử làm tùy viên quân sự bổ sung ở Londres trong ba năm. Viễn ảnh đó làm cho anh khoái lắm, mặc dầu anh vẫn thích được cử sang Washington hơn.

Ngày mùng chín tháng chạp chúng tôi phải sang Londres bằng con đường Hương Cảng - Honolulu-Mĩ. Có mỗi một điều làm cho Pao lo ngại là vị đại sứ ở Honolulu chính là tiến sĩ Yang trước làm tùy viên quân sự về Báo chí, có hồi chúng tôi đã gặp ở Bruxelles; ông ta sẽ nhận ra tôi chăng? Nếu ông ta bảo đã biết tôi từ hồi tôi học ở Bruxelles, thì mới làm sao? Vì Pao đã nói với mọi người rằng tôi học ở Anh. Tôi mắng thẳng vào mặt Pao: "Tại sao lại nói láo như vậy?"

Tôi bắt đầu sửa soạn hành lí trong khi Pao nói xấu tiến sĩ Yang. Tới phút cuối cùng, anh quyết định để đứa bé lại, và gây với tôi một trận. Chán nản quá, tôi đánh điện hỏi cô Jessie Parfitt ở Thành Đô xem có thể giữ giùm đứa nhỏ không, cô sáng suốt từ chối (tôi cũng mong vậy).

Rồi sáng ngày mùng 8 tháng chạp, có tin về vụ Trân Châu Cảng.

Sáng hôm đó Pao vừa mới đi làm một lúc thì trở về cho tôi hay, đưa tôi một tờ báo. Tức thì ngoài đường ồn

ào náo nhiệt lên: có tiếng rao bán báo: *«số đặc biệt"*, thiên hạ đổ xô ra mua rồi tụ họp nhau bàn tán lớn tiếng, át cả tiếng xe cộ rầm rầm.

Pao hoan hỉ, cả Hội đồng Quân sự hoan hỉ; Tưởng Giới Thạch sung sướng tới nỗi hát một điệu tuồng cổ và cho chạy đĩa hát *Ave Maria* suốt ngày. Các công chức Quốc Dân đảng mặt mày tươi rói, chúc mừng nhau ríu rít. Họ cho đó là một thắng lợi lớn, họ chỉ mong có vậy thôi: mong Mĩ lâm chiến với Nhật! A, bây giờ thì Mĩ và Nhật choảng nhau rồi! Trung Hoa lại sắp hóa ra quan trọng hơn nữa. Tiền bạc và khí giới Mĩ sắp tuôn vào; Mĩ sẽ cho vay và cho mượn (prêt-bail) nửa tỉ, trọn một tỉ, chứ không phải là số tiền bần tiện 1,5% trong khi Anh được lãnh tới 95%. Hạm đội Mĩ đã bị phá hủy một phần và Nhật sẽ nhắm Hương Cảng và Đông Nam Á mà tấn công.

Nhật làm được việc đó, Nhật diệt được Đại hạm đội của người Da Trắng, khiến cho các sĩ quan Hoàng Phố hoan hỉ gần hóa điên, một phần vì Nhật đã dẹp một Đại cường Da Trắng được một đòn ghê gớm, mà nhóm thân Nhật thêm phần uy tín. Đấy, tụi Da Trắng thua xiểng liểng đấy; một phần nữa cũng vì từ nay có ai vi phạm Trung Hoa, chỉ trích sự hỗn độn, sự thất bại của Trung Hoa thì người ta có thể nhún vai, đắc ý hỏi lại: "Thế còn các ngài?".

Tối đó, trong một bữa tiệc, một sĩ quan nói với những khách khứa hoan hỉ ngồi chung quanh bàn: "Từ nay Mĩ

không thể chơi cái trò nước đôi nữa rồi". Ông ta nói vậy vì trong khi quân đội Nhật đã sẵn sàng để tấn công mà phái đoàn Kurusu ở Washington vẫn làm cho Bộ Ngoại giao Mĩ có ảo tưởng rằng Nhật còn do dự, điều đó khiến cho Trùng Khánh rất lo ngại. Bây giờ người Trung Hoa tha hồ chế nhạo Mĩ! Vì tụi Nhật đã lựa một ngày chủ nhật, một ngày "nghỉ cuối tuần" để tấn công thình lình hạm đội của "tụi con nít to xác" đó, danh từ Nhật dùng để tặng người Mĩ. Một tướng lãnh Trung Hoa say mèm, nâng li rượu để uống những tương lai, la lớn: "*Chúng còn mãi nhậu nhẹt và gian dâm mà!*". Bây giờ Mĩ nhất định phải ủng hộ Tưởng. Nghĩa là đô la Mĩ sẽ chui vào túi các công chức, các tướng tá chỉ huy quân đội, và súng đại bác sẽ được cung cấp cho Hồ Tôn Nam, vì thế nào cũng có một chiến tranh với Mao Trạch Đông ở Diên An...

Vui này còn hơn cả cái vui Đức thắng Nga, nhưng Pao làm ra bộ nghiêm trang có chút thương hại, khi gặp David Barrett, Quốc Dân đảng đã thiên về chính sách liên kết với trục Đức - Ý - Nhật, và Mĩ có thể nhảy vô vòng chiến thì cũng không thay đổi kế hoạch dài hạn đó. Dĩ nhiên, Nhật còn cần sự hợp tác ngầm của Tưởng hơn bao giờ hết. Quo-Tai-Shi thúc Tưởng tuyên chiến với Nhật và Đức, hứa rằng Tưởng sẽ được Anh giúp cho vay 100 triệu bảng Anh. Ngày mùng chín tháng chạp, Tưởng tuyên chiến với Nhật và Đức [1] và được Anh cho vay 50 triệu Anh bảng.

---

(1) Tuyên chiến miệng mà không đánh để vét tiền của Anh - Mĩ.

Ở Trùng Khánh người ta nghĩ rằng Mĩ, vì là một cường quốc ở Thái Bình Dương, sẽ chú ý tới mặt trận Á châu nhất. Hi vọng đó chẳng bao lâu tiêu tan. Frank - Knox, trong nội các Mĩ, đọc một diễn văn tuyên bố rằng phải diệt Hitler trước hết. Liền sau đó quân đội Nhật tiến rất mau, không ai đoán trước được: Hương Cảng bị tấn công hai ngày sau Trân Châu Cảng thất thủ ngày 25 tháng chạp, vài giờ trước khi chiến hạm ở Trân Châu Cảng lúc đó đã thuộc về Nhật, sửa soạn nhổ neo, ở vịnh Cam Ranh (Đông Dương) để tấn công và diệt hạm đội Anh ở viễn đông. Guam, Wake quần đảo Mariannes đều bị tấn công.

Chương trình của chúng tôi phải thay đổi, chúng tôi sẽ đáp máy bay lại Côn Minh, vượt dãy núi Hi Mã Lạp Sơn tới một phi cảng ở phía Bắc Miến Điện, rồi từ đó bay lại Calcutta (Ấn Độ). Từ Calcutta Pao sẽ bay qua Londres còn tôi và đứa bé sẽ đi xe lửa tới Bombay để đáp tàu biển qua Londres. Vì có chiến tranh ở Bắc phi các tàu thường không được qua kinh Suez, chúng tôi sẽ phải đi vòng mũi Hảo Vọng, vô Đại Tây dương, mất nhiều thì giờ.

Tháng giêng 1942, Nhật bắt đầu đổ bộ tấn công Mã Lai và Singapour, Anh lâm chiến với Nhật, chức vụ mới của Pao càng quan trọng hơn.

Đầu tháng giêng chúng tôi rời Trùng Khánh để bay qua Hi Mã Lạp Sơn mà tới một phi cảng ở Bắc Miến Điện. Chúng tôi dậy từ hai giờ sáng, ba giờ rưỡi tới đường bay Shuang-Hupa trong lớp sương mù dày đặc, chúng tôi khó khăn mới xuống được những bực đưa xuống sông

hồi đó đương lúc cạn nhất, rồi xuống phà qua cù lao nằm dài giữa giòng nước. Có mấy cái nhà lá dùng làm phòng đợi, không có những kiến trúc vĩnh viễn vì phi cảng mỗi năm bị ngập sáu tháng.

Hai người Mĩ, một người Anh và vài công chức Trung Hoa cùng đáp chuyến máy bay với chúng tôi. Tôi quấn đứa bé vào trong một chiếc mền bồng nó đi. Chúng tôi ngồi đợi dưới ánh đèn dầu, rồi Tai Lee tới bận một chiếc áo dài đen, đội một chiếc nón nỉ màu đen sậm, có vệ binh tiền hô hậu ủng, ông uy nghi bước vô trong cảnh yên lặng như tờ. Chiếc nón của ông khá cao để cho ông có vẻ bớt lùn đi, nó lại linh động một cách tinh ranh, gần như có nét siêu thực, làm cho tôi nhìn Tai Lee mà không thể nào không nghĩ tới một tên cướp hơi khôi hài và rất đáng treo cổ trong các phim hát bóng. Các sĩ quan Trung Hoa, kể cả Pao, chào ông ta theo kiểu nhà binh, gót giày đập vào nhau: "cắc". Lệnh truyền ra vang dội, người ta pha trà. Tai Lee hỏi bao giờ phi cơ cất cánh, ông ra đây tiễn các Công chức quan trọng và cả Pao nữa, nhưng ông sẽ không đợi được. Ông mỉm cười, môi dưới và cằm xệ xuống rồi tiếp theo nổi cơn lôi đình lên, sùi bọt mép quát tháo, thân hình béo lùn của ông gặp cái gì xô cái nấy, chiếc áo phất phới quạt không khí, nhưng chiếc nón vẫn giữ vẻ khôi hài, không để ý tới cơn gió lốc nó chụp lên đầu nó. Tai Lee đi qua đi lại, la om sòm như thằng điên, đằng sau là mấy vệ binh và Pao.

Sở dĩ ông ta nổi khùng như vậy là vì Sở khí tượng

cho hay cơn giông sắp phát ở trong núi và các phi công định hoãn lại hai giờ nữa mới cất cánh. Tai Lee thình lình nắm khúc giữa cây can đeo ở bên mình, một cây can nhãn có lưỡi gươm, núm bằng ngà. Ông ta làm hai cây can như vậy, tặng Tưởng Giới Thạch một cây. Ông cầm cây can vung tít lên rồi đạp xuống chiếc bàn gỗ sở quan thuế lập ra để kiểm soát hành lí.

Các phi công tuân lời ông bất chấp lời cảnh cáo của Sở khí tượng, cứ mở máy cho phi cơ cất cánh, Pao vẫy tay chào theo lối nhà binh.

Tháng hai năm 1946 Tai Lee chết trong một tai nạn phi cơ cũng vì ông ta không nghe lời khuyên của sở khí tượng, buộc phi công phải cất cánh...

Trên đường đi Côn Minh, phi cơ chúng tôi bị lắc dữ dội vì gặp những luồng gió mạnh mây đen của cơn giông đụng vào phi cơ, thật nguy hiểm, có một hồi phi cơ rớt xuống chỉ cách mặt đất có hai trăm thước: khi thoát chết, chúng tôi cả cười. Nhưng rồi cũng tới được phi trường Côn Minh, chúng tôi nghỉ ở đó một giờ trước khi trở lên phi cơ vượt các đỉnh núi Hi Mã Lạp Sơn. Những cuộc phi hành như vậy đó là chuyện thường mà các nỗi nguy hiểm cũng là cơm bữa, nhưng vì chưa có phi cơ phản lực, chúng tôi bay cao, sức ép của không khí thấp quá, chúng tôi chóng mặt. Nhìn qua các cửa phi cơ chúng tôi thấy núi bao vây chúng tôi ở trên, ở dưới, ở chung quanh. Những ngọn núi tuyết phủ màu lơ nhạt, màu hồng, tím hoặc trắng lóe mắt dựng đứng lên, đồ sộ, trong khi phi cơ như

chìm xuống, đâm thẳng vào chúng. Ánh nắng đổ xuống như tuyết băng ở giữa cái khoảng một bên là mây đen ngòm, một bên là những vòng cầu rực rỡ. Rồi những ngọn núi cực kì trong trẻo lại hiện ra, trơ trơ làm cho chúng tôi hết sợ, có cảm giác như chính sự chết cũng hóa ra nhẹ nhàng, những ngọn núi to lớn, có vẻ đẹp huyền ảo đó như những vị thần linh từ xa dò xét chúng tôi, không khi phi cơ lướt ở bên rồi tránh ra xa.

Và tất cả những cái gì trong phi cơ, cả ghế, cả cánh phi cơ nữa, đều xốc lên, rung chuyển, rít lên không ngừng. Chúng tôi đều im lặng, mỗi lúc một thêm lo ngại và buồn nôn dữ dội.

Phi cơ hạ xuống Lashio trong vùng xanh tươi và nóng hừng hực, tôi bận hai chiếc áo dài nhồi bông, chiếc ngoài dơ dáy vì đứa bé đã nôn mửa. Vì nóng quá nó nhợt nhạt, mồ hôi vã ra. Pao lần lần cởi bớt các lớp áo ngoài rồi phi cơ lại cất cánh, và trong lớp sương mù xanh xanh buổi chiều, Calcutta hiện ra nóng bỏng bốc hơi, bụi và ồn, từng đàn bò lang thang đầy đường. Chúng tôi mệt quá mê man đi.

Khách sạn *Great-Eastern* dành cho chúng tôi một phòng rộng kê được mấy cái giường lớn có mùng, có một phòng tắm như một cái hang tối. Nhưng chúng tôi không thể ngả lưng xuống được vì ông bà đại sứ Trung Hoa ở Calcutta lại mời chúng tôi dự tiệc. Tôi phải thay áo cho đứa bé và dắt nó theo vì không thể để nó một mình ở trong phòng được. Mấy người Anh bận lễ phục *«sì sì*

sì" lớn tiếng chê tôi là ngược đời, bắt đứa nhỏ ngộ nghĩnh đó ngồi ăn với khách lớn... Nó mệt quá không muốn ăn. Sáng hôm sau nó cũng nhịn, không quen món ăn Ấn Độ, không thích chuối, sữa, chỉ đòi cơm...

Ba ngày sau Pao đáp phi cơ qua Londres.

Anh sung sướng tràn trề tự tín. Mã Lai và Phi Luật Tân bị Nhật chiếm... Hai chiếc hàng không mẫu hạm Prince of - Wales và Repulse của Anh bị Nhật đánh đắm. Trong khi sửa soạn ra phi trường anh bảo tôi rằng người thầy tướng cuối cùng coi cho anh đã đoán đúng: Anh sẽ được vinh hoa. Anh tự ngắm nét mặt anh trong gương, hoan hỉ vô cùng bảo tôi: "Ông ta thấy hào quang ở trán anh tỏa ra". *«Thành trì trẻ trung"* trung tín nhất, nghĩa hiệp nhất của uy quyền Tưởng Giới Thạch, tức Tang-Pao-Houang này sẽ sống lâu, có một tương lai rực rỡ. Điều đó chứng tỏ rằng Tai Lee có mắt tinh đời, biết lựa chọn đệ tử tốt. Viễn tưởng đẹp đẽ đó làm cho Pao hóa ra rất dễ thương. Chỉ trong ba năm ngắn ngủi, anh đã leo lên được tới đỉnh danh vọng: anh là tùy viên quân sự trẻ nhất vì mới hai mươi chín tuổi. Tính tình thay đổi bất thường của anh, mới nổi điên đó rồi lại ngọt ngào, âu yếm, ân cần ngay đó, làm cho tôi hoang mang, mãi cho tới khi tôi thấy nhiều người Trung Hoa trong giới của anh cũng có cái đặc tài đó.

Khi rời Calcutta, Pao lựa một tên nên thơ cho đứa nhỏ: Yungmei, *Hoa Mai ở Thành Đô,* vì nó sanh ngày mùng ba tháng giêng âm lịch, vào lúc mà nhà nào cũng

chưng hoa mai. Rồi anh có vẻ suy tư bảo tôi: *«Chưa biết chừng nó mang hên lại cho chúng mình đấy"*. Tôi không đáp, ghì chặt Yungmei vào lòng vẫy tay từ biệt Pao ở phi cảng, cầm tay Yungmei cho nó vẫy theo. Rồi mẹ con tôi về khách sạn, tôi vừa dỗ nó ăn vừa bảo: "Yungmei, bây giờ mẹ con mình rán xoay sở với nhau", vì tôi biết rằng tôi không thể nào sống xa nó được, không khi nào tôi bỏ nó.

PHẦN THỨ NHÌ
1942 - 1948

11

Yungmei và tôi lưu lại Ấn Độ gần bốn tuần, vào tháng giêng và tháng hai năm 1942, mới đầu ở khách sạn *Great-Eastern* (Calcutta) nửa tháng rồi đi xe lửa lại Bombay trọ lại khách sạn Taj-mahal. Hai mươi lăm năm sau, tôi thấy hai khách sạn đó gần như không thay đổi gì cả, vẫn những cột đá hoa, những trần cao xây hình vòm, vẫn cái vẻ trang nghiêm nặng nề, không sao bắt chước được của kiến trúc thời nữ hoàng Victoria, được một lớp bụi kinh niên làm tôn thêm nét cổ kính. Tôi luôn luôn ngạc nhiên về sự hỗn hợp của nét đế quốc già nua đó với sự lao khổ bất tuyệt của một đám phu khuân vác, bồi và dân hạ tiện lau quét hoài hủy, vẻ mặt như nhà hiền triết, thuận thiên an mệnh, nhẫn nhục làm những cử động đó đời này qua đời khác, sao mà hợp với những dinh thự nặng nề bằng đá hoa kia đến thế.

Tôi không nhớ đã gặp được một người Ấn nào mà không phải là một đầy tớ, một phu khuân vác, một Wallah [1] của kẻ này hay kẻ khác, tổ chức này hay tổ chức khác, hồi đó người Ấn chỉ được coi là những vật hữu dụng, và những "Wallah có học thức" chỉ là những kẻ bạo phát, những kẻ khùng khùng đáng nhốt khám. Không một người Ấn nào ở trong một dinh thự: dinh thự để dành cho người Anh hoặc những nhà ngoại giao như chúng tôi.

Ông bà đại sứ Trung Hoa ở Calcutta, và sau này, ông bà đại sứ ở Bombay đều ân cần săn sóc chúng tôi: âu yếm tặng chúng tôi không biết bao nhiêu quà, bao nhiêu nụ cười, lúc nào cũng lễ độ, nhã nhặn, không biết mệt. Các vị ấy dắt chúng tôi đi mua đồ, khoản đãi chúng tôi, tìm cách cho chúng tôi tiêu khiển. Tôi cần nhất những quần áo mùa hè cho Yungmei vì khi tàu qua xích đạo, trời sẽ nóng lắm mà nó chỉ có mấy bộ áo lạnh thôi. Để bớt tốn, tôi bận lại y phục sinh viên (áo sơ mi, quần dài, quần cụt) hi vọng rằng qua Anh cần thứ gì sẽ sắm, vì vậy tôi chỉ mua những thứ cần thiết trong khi vượt biển thôi. Tôi mua một chuỗi san hô nhỏ xíu cho Yungmei và hai viên đá mắt mèo màu sữa để làm hoa tai, như vậy theo tôi, có đồ trang sức hợp với địa vị mới của tôi rồi.

Yungmei hóa rất khó tính, điều đó dễ hiểu: đời sống

---

(1) Một tiếng Anh - Ấn trỏ hạng người làm thuê hoặc đi ở... (Chú thích trong bản tiếng Pháp).

của nó lộn xộn quá, nó ngơ ngàng, mệt mỏi, ăn không được, tôi không biết nó thích món gì nên tôi thử đủ các món, tôi thấy nó đăm đăm ngó tôi, trách tôi bắt nó ăn chuối và uống sữa. Rồi tôi thấy rằng nó có sán đủa...

Thứ sán đủa đó, ngay bây giờ cũng vậy, ở Châu Á nhiều người bị lắm. Ở Tứ Xuyên có tới 90% người bị vì nông dân dùng phân người để trồng lúa, và nhất là vì người ta hay ăn dưa muối. Tôi lại tiệm thuốc mua thuốc sán cho nó, kết quả thần hiệu. Nhờ vậy sức khỏe của nó khá lên, nhưng tôi vẫn không để nó chơi một mình được, hễ tôi rời nó một lát, dù là đi tắm nó cũng gào lên không ngớt.

Tôi thử mướn một chị Ayah để giữ nó, khách sạn kiếm cho tôi một người đàn bà đứng tuổi, gầy trơ xương, hai trái tai vì đeo những chiếc khuyên đồng nặng quá nên chảy dài xuống tới nỗi chỉ còn như những sợi dây. Chị vừa ru Yungmei vừa cho nó nhún nhảy trên đùi chị. Yungmei gào lên, gào hoài. Một giờ sau tôi phải trả công cho chị ấy nghỉ. Tôi đành phải đi đâu cũng bồng nó theo, vì nó chỉ chịu có tôi thôi. Thế là nó thắng tôi và từ đó nó mới chịu ăn.

Buổi chiều tôi thường dắt Yungmei lại Maidan, một khoảng đất rộng trống ở Calcutta để dạo mát và hưởng cảnh êm đềm của mùa đông đẹp năm đó, cũng ấm áp như mùa xuân ở Thành Đô. Tôi thấy những nhóm người Ấn bận áo trắng thơ thẩn kẻ trước người sau thành từng hàng xa xa, không lại gần được. Chung quanh tôi, có rất

ít dấu vết của mĩ thuật Ấn, vì sự đô hộ chiếm hữu của "giống người cao quí" của bọn cầm quyền đã đâm rễ sâu quá rồi. Xe điện chạy qua, ồn ào tiếng chuông leng keng và tiếng bánh xe rít rít, tôi nhìn vẻ bẩn thỉu, bần tiện biếng nhác của đám đông mà không sao hiểu nổi, tôi nhìn bọn người Anh đi trên đại lộ *Chandnichauk* họ như lạc lỏng ở đâu, nhìn những con bò thơ thẩn vừa nhơi, vừa ỉa, nhìn từng bầy hành khất thân thể bị hủy hoại, vừa rên rỉ, vừa kiên nhẫn chìa tay ra, và luôn luôn bị cảnh sát đi "ghết" trắng, cầm dùi cui đen đánh đuổi vào tận các hang cùng ngõ hẻm quanh co, tối tăm và hôi hám. Tôi ngửi những mùi mà hôi đó tôi thấy khó chịu, bây giờ tôi đã quen và yêu rồi. Tất cả những cái đó đối với tôi đều lạ cả, duy có cảnh nghèo khổ của họ là còn có liên lạc với Trung Hoa.

Hồi đó tôi biết nhiều về Châu Âu hơn là về Ấn Độ. Do sự hướng dẫn của các chính quyền thực dân và cũng do nền giáo dục theo Âu, một số đông người Á sống cách biệt nhau, không hiểu biết về các nước láng giềng, về đời sống tại các nước đó, mà lại hiểu các cường quốc Âu Tây đè đầu cưỡi cổ mình. Bị giam hãm trong những thành kiến mù quáng đó, tôi không liên lạc với các phong trào vận động làm lay chuyển Châu Á, không thấy sự bất bình vĩ đại nó sôi sùng sục dưới cái bề ngoài thản nhiên, an phận chịu cảnh khốn cùng phi nhân, tàn nhẫn đó, không thấy những cuộc cách mạng đã nẩy mầm ở Châu Á.

Trên các đường phố chính và tại các ga xe lửa người

ta viết dán những chữ V có nghĩa là chiến thắng [1] sơn hay in bằng màu nâu sẫm trên những bức tường quét vôi trắng, y như một lá bùa vậy. Nhưng trong một đường hẻm hẻo lánh ở Calcutta, ngay sau khách sạn, tại nơi mà các người Hồi bán rong món *vú bò quay* (tôi ăn món đó mà mãi đến năm 1957 mới biết nó là món gì), tôi thấy bôi nghuệch ngoạc trên tường hàng chữ: "Subbas-Chandra-Bose muôn năm". Mà Chandra-Bose lúc đó cầm đầu một đạo quân Ấn giải phóng quốc gia, được Nhật ủng hộ. Một hàng chữ "Quốc hội muôn năm" đã bị bôi xóa nhưng còn đọc được, Quốc hội đó là một Quốc hội hoạt động bí mật. Gandhi đương bị nhốt khám với Nehru và nhiều *«bọn đầu óc khùng khùng"* nữa.

Các nhật báo Anh ở Calcutta như tờ *The Stateman,* tờ *Hindoustan Star* đăng tin các cuộc giao chiến ở Châu Âu, tin Mặt trận Nga, mặt trận Phi châu và Rommel. Ở trang cuối có thuật bài diễn văn của một Babou Ấn viết thành ba đoạn hô hào trung thành với "Mẫu quốc" bảo rằng "chính nghĩa của đồng minh là chính nghĩa của chúng ta", và Ấn phải gánh vác nhiều hơn nữa trong sự "gắng sức chiến đấu". Ở cuối cột đó, có một hàng đăng tin dân chúng đói khổ mà chính quyền dự tính cứu tế. Mục "Sổ tay" có thuật một buổi khiêu vũ từ thiện nhân ngày nguyên đán đã "thành công mĩ mãn", thu được gần 3.000 rubi (tiền Ấn) để chẩn bần...

---

(1) Churchill, thủ tướng Anh hồi đó khi ra trước công chúng thường đưa ngón trỏ và ngón giữa lên thành hình chữ V, mẫu tự đầu tiên của tiếng *Victory;* có nghĩa là chiến thắng..

Các nhà ngoại giao Trung Hoa ở Bombay rất khinh người Ấn. *«Tụi Ấn có tinh thần nô lệ"*. Họ kể chuyện rằng tụi Anh đàn áp dữ dội các cuộc nổi loạn: khám đường nào cũng chật ních, phải xây cất thêm. Vợ các nhà ngoại giao chê người Ấn là dơ dáy, không có khả năng và có thói ăn cắp. Họ không thấy ở Trung Hoa cũng vậy ư? Dân Trung Hoa cũng gần như nô lệ, họ không thấy ư? Mà cảnh khốn cùng của Ấn Độ phơi ra dưới ánh mặt trời có khác gì cảnh khốn cùng của chúng tôi ở Trùng Khánh?

Mà chúng tôi không thấy... không một người nào trong đám chúng tôi đoán trước được rằng một ngày kia Ấn Độ có thể thay đổi, vì chúng tôi quá tin rằng người Ấn chịu an phận, không nuôi chút hi vọng gì cả. Vậy mà đã có những cuộc nổi loạn, một nạn chết đói lớn lao ghê gớm đã bắt đầu phát ở Bengale, sắp làm cho hai triệu người chết vì bọn cầm quyền Anh đã trưng thu lúa gạo, bất chấp nỗi đau khổ của người Ấn...

Và cái tên Subbas Chandra Bose đã bị bôi xóa, chỉ còn lờ mờ kia đối với Ấn Độ có một ý nghĩa thâm thúy, lâu bền hơn những chữ V có nghĩa là chiến thắng do một bàn tay ngoan ngoãn viết lên lớp vôi trắng tinh mới quét lên tường các ga xe lửa.

Hồi đó tôi không gặp một người nào tin ở Ganhdi vì những người tôi gặp không phải là người Ấn mà là những nhà ngoại giao Trung Hoa, và một bà Mĩ ở Bombay, một nhà nữ truyền giáo rất tận tâm nhưng lại cho rằng phải "kích thích" người Ấn để bắt họ phải chiến đấu để tự

cứu. Trong mấy tuần ở Ấn Độ, tôi chỉ nói chuyện với mỗi một người Ấn Độ (không phải là hạng tôi tớ). Còn người Anh thì nhìn chúng tôi một cách soi bói như thấu suốt chúng tôi, họ như những vị thần, nam và nữ, tự tin, ung dung lại dự các buổi khiêu vũ đầu mùa ở câu lạc bộ Gymkana, ngay tiếng cười tự tín, và vui vẻ của họ cũng có giọng hách dịch.

Trên công trường Maiden, một người Bengali nhẹ nhẹ, thận trọng bước nghiêng nghiêng lại gần Yungmei và tôi, một đám chim bay chung quanh như một vừng hào quang: quạ mập, lông đen nhánh, nhiều vô kể đáp xuống thành phố. Yungmei lăng xăng trong đám quạ đó vừa chìa tay ra vừa nói "vịt, vịt" bằng tiếng Trung Hoa, một con kẹp ngón tay của nó trong mỏ. Ông già Bengali đó rất kính cẩn chào tôi, và chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện một hồi lâu về loài quạ: "Thưa bà, chúng tôi tin rằng những con quạ đó là những linh hồn, rằng sinh mạng nào cũng linh thiêng". Vòm trời Ấn Độ lúc hoàng hôn đẹp lạ lùng, đỏ thắm và ánh tà dương làm cho bụi trong không khí rực rỡ, ông lão Bengali âm thầm bất mãn vì tôi để Yungmei chạy theo các con quạ. Ông cũng nói với tôi về Ấn Độ "*xứ của các thần linh*", "*Ấn Độ, bà mẹ của chúng tôi*", câu chuyện của chúng tôi không có chủ đích, lỏng lẻo, thoáng qua, không có "diện mục" chỉ có giọng đều đều như tụng kinh, và thứ tiếng Anh kiểu sức lễ độ của ông khiến tôi lắng tai nghe mà nhớ được.

Buổi tối hôm đó khi bà đại sứ Trung Hoa bất bình và thận trọng khuyên tôi không nên nói chuyện với những

người Ấn ngẫu nhiên gặp ở công trường Maiden, vì "tụi nó chỉ muốn xin tiền bà thôi" hoặc coi chỉ tay cho bà, có thể hành hung bà nữa", tôi mới lại nhớ ông già Bengali đó và phục lòng nhân từ của ông. Và tôi biết rằng ông ta còn muốn nói nhiều nữa, rán diễn cho hết ý nghĩa nhưng thứ tiếng Anh cứng ngắt của ông chỉ gồm những thành ngữ cầu kì do người Anh tạo ra cho xứ ông dùng, và dùng thứ ngôn ngữ của kẻ khác đó, ông không diễn được điều ông muốn nói, tâm hồn ông như mất bản thể đi.

Và cảnh đêm mênh mông của Ấn Độ, vui vẻ mà ai oán, uy nghi bước từng bước một, với mùi cát bụi đóng trên các cành cây chằng chịt với nhau đầy cứt dơi. Đêm Ấn Độ đó không vô được khách sạn kì cục với những đèn treo này, với những phòng mênh mông đầy người Anh, nam và nữ đương khiêu vũ theo tiếng nhạc của một dàn nhạc tấu khúc: *Tôi là bóng của tôi,* và vũ khúc *Chim sơn ca.*

Ở Bombay, tại khách sạn Taj Mahal (cột đá hoa, bồi bận đồng phục đỏ đậm và trắng) tôi gặp cô S, thiếu nữ đẹp đẽ đã bị người ta nói xấu ở Trùng Khánh.

Người ta bảo cô bị chứng thương hàn, không ra khỏi giường và đợi cùng đi chuyến tàu với tôi. Cô qua Gia Nã Đại, Bà đại sứ lại săn sóc cô, đem trái cây và cháo gà nấu ở nhà lại cho cô. Tôi thấy cô dịu dàng và buồn rầu. Một buổi chiều cô ra khỏi giường cùng với tôi lại các tiệm tạp hóa mua vặt. Cô giỏi lựa món hàng và trả giá... Tôi rất phục đức bình tĩnh của cô: mặc dầu, theo Pao đời cô thế

là hỏng rồi, mà tôi thấy cô rất ít đau khổ vì vụ đó, không khi nào nhắc tới nỗi ô nhục cô đã phải chịu. Chỉ có mỗi một lần, mấy tuần sau, ở dưới tàu, là cô tỏ ra yếu đuối. Lần đó tôi mới thấy rằng cô không bị thương hàn, mà bị chứng thần kinh suy nhược, cô sáng suốt nằm ở giường để dưỡng bệnh. Trong suốt thời gian vượt biển, cô chỉ ra khỏi giường những khi đi cầu, tắm rửa.

Tôi lại càng tin hơn bao giờ hết rằng chẳng có chuyện gì cả và chỉ vì Tai Lee căm thù Quo Tai Shi mà cô thành nạn nhân. Chắc chắn là cô không có tham vọng, không mưu mô quỷ quyệt, cô lịch thiệp mà tôi thì không, cô bình tĩnh, quân bình, tôi thì nóng nảy hoặc nhút nhát, cô ăn bận lịch sự và thực tế, tôi thì bận những chiếc áo ngắn lòe loẹt quá, đi những đôi giày rộng quá hay hẹp quá. Khi tàu tới bến tôi cảm thấy kém cô xa. Chúng tôi cùng xuống tàu, cùng ở chung một phòng hạng nhất trong bảy tuần.

*

Sau buổi sáng ngày mùng bảy tháng chạp đó, buổi sáng mà 360 phi cơ Nhật cất cánh từ 6 hàng không mẫu hạm để hủy diệt hải quân Mĩ tại Trân Châu Cảng, nhiều biến cố dồn dập xảy ra. Ngày mười sáu tháng chạp, Nhật đổ bộ ở Bornéo. Vài ngày sau họ qua Xiêm và Miến Điện. Ngày mùng bảy tháng giêng Kuala Lumpur kinh đô Mã Lai thất thủ. Trước ngày hai mươi lăm tháng giêng Nhật đã chiếm xong Mã Lai, Singapour "*thành trì không thể*

chiếm được" lọt vào tay Nhật ngày mười lăm tháng hai.

Tháng ba năm 1942 tất cả quần đảo Nam Dương sau thành Indonésia cũng về Nhật. Mac Arthur với 95.000 quân bị bao vây trên bán đảo Butan, nhốt trong những hầm vĩ đại đào dưới đảo Corregidor. Có tin đồn rằng Nhật sẽ bất thần tấn công Ấn Độ, thành thử dân chúng ở các thị trấn Madras và Bombay bắt đầu tản cư. Người ta bảo tiềm thủy đỉnh Nhật đi lùng Ấn Độ dương.

Chiếc tàu Tjiluwah của chúng tôi khởi hành từ Bombay đầu tháng hai đầy nhóc hành khách: nhà truyền giáo và kinh doanh người Mĩ rời Phi Luật Tân, người ở Hương Cảng và Thượng Hải tị nạn chiến tranh, người Hòa Lan ở quần đảo Nam Dương. Huân tước Victor Sassoon trong giòng họ Sassoon (1) ở Thượng Hải, là một người tị nạn chiến tranh có danh vọng, có một tài sản vĩ đại rất được kính nể. Ông ta khập khễnh bước xuống tàu đeo chiếc kính một mắt với vẻ ngạo mạn của bọn thực dân Thượng Hải mà bây giờ chúng ta cho là một trò làm điệu, làm bộ tức cười.

Cửa quày khép kín, tối tắt hẳn đèn, tàu đi ngoằn ngoèo chữ chi, cọt kẹt, cọt kẹt. Trong tàu ngạt thở. Các hành khách Mĩ tranh luận nhau bất tuyệt về vụ Trân Châu Cảng, kẻ đưa bằng cớ, lí do này nọ, kẻ phản đối, họ như trao đổi trái banh với nhau. Người Anh không nói gì

---

(1) Từ đầu thế kỉ trước, giòng họ Sassoon, Do Thái nhập tịch Anh đã là vua buôn thuốc phiện và võ khí ở Trung Hoa.

về chiến tranh, lặng lẽ đọc tin tức hàng ngày trên báo. Một bà Mĩ thấy vậy, mỉa họ: "Họ làm bộ phớt tỉnh như không có gì xảy ra... họ nói chuyện về mưa nắng, đánh bài *bridge* khôi hài rất đúng điệu tạp chí *Punch,* nhưng thế giới đã thay đổi hẳn, không như trước nữa đâu". [1] Các phòng đều chật cứng, nước phải hạn chế, có mấy chục trẻ em, vì gia đình truyền giáo nào ít nhất cũng có 3 đứa con, và người ta có cảm tưởng rằng đứa nào cũng dưới bảy tuổi.

Khi tàu vô Đại Tây dương, chúng tôi không sợ tiềm thủy đỉnh Nhật nữa, nhưng lại sợ tiềm thủy đỉnh Đức và tàu còn phải chạy ngoằn ngoèo hơn nữa. Tôi nhìn những góc nhọn nối tiếp nhau trên mặt biển do đường tàu rẽ nước. Nóng quá, Yungmei nổi đầy mụn. Nước lại bị hạn chế nữa, không đủ để tắm rửa...

Chúng tôi mắc phải cái tật đặc biệt khi đi tàu biển, coi tàu là tiểu vũ trụ của mình, không để ý tới gì khác, mà bất cứ việc gì xảy ra trong tàu, chỉ trong tàu thôi, dù tầm thước tới đâu, cũng thành một biến cố quan trọng. Người ta tổ chức một đoàn hát tài tử: một giáo sư Mĩ và tôi cùng đóng trò trong một kịch rất tồi không tập kĩ, nhưng cũng được mọi người nhã nhặn vỗ tay khen. Victor Sassoon điệu bộ long trọng như một ông vua, bước vô ngồi vào chiếc ghế bành lớn dành cho ông ta ở giữa hàng đầu, rồi khoảng hai chục phút sau lại long trọng

(1) Ám chỉ rằng Anh đã hết thời.

bước ra. Có ba bốn gia đình tan rã, và cũng có bấy nhiêu cuộc tình duyên bất chính, có thực hay do cái thế giới nhỏ giữa biển đó tưởng tượng ra, cái thế giới mà một cuộc gây lộn vì một chiếc ghế dài để nằm cũng biến thành một khúc anh hùng ca.

Tôi gặp một kí giả trẻ tuổi, trò chuyện với ông ta, ông ta diễn thuyết một hồi về sự qua phân Ấn Độ (sau này sẽ thực hiện) ông rất ngưỡng mộ vị thủ lãnh Hồi, Jinnah và ghét Nehru, nhưng ông cũng ghét người Anh nữa, cho rằng nên để cho Anh mất hết đế quốc và Mĩ thay họ để tỏ cho thế giới biết dưới sự cai trị của Mĩ, Ấn Độ và Đông Nam Á sẽ phát triển ra sao. Ông ta hoàn toàn tán thành chính sách đặt tất cả những xứ đó dưới sự ủy trị của Mĩ và đề nghị chia cho Trung Hoa một phần Đông Pháp (miền Bắc Việt Nam) và đặt phần đó dưới sự: "kiểm soát của các chuyên viên Mĩ". Tôi tiếc rằng không chú ý nghe ông ta một phần lớn những điều ông nói là chuyện nghiêm trang, lúc đó đương được hăng hái bàn cãi ở Washington.

Khi tàu tới mũi Hảo Vọng, chúng tôi ghé lại hai buổi trong một khách sạn, và được niềm nở tiếp đãi mặc dầu chúng tôi là người da vàng. Khách sạn đó là một khách sạn đặc biệt cất trên bờ biển dành riêng cho các nhà ngoại giao không phải là da trắng. Mặt trời và không khí mát mẻ làm cho chúng tôi tỉnh lại và chúng tôi được tắm rửa thỏa thích.

Vô Đại Tây dương, mênh mông bất tận, chỉ có tiếng

nói của biển... tôi nói với viên y sĩ dưới tàu rằng tôi sẽ tiếp tục học y khoa, ông ta cười bảo rằng không thể được, tôi sẽ phải học lại từ đầu. Ái tình và thù oán, giai cấp đấu tranh, giữa hành khách hạng nhất và hạng nhì... bản thông tin hàng ngày được trình cho ông Victor Sassoon, ông ta đeo chiếc kính một mắt lên để đọc một cách ngạo mạn, rồi quả quyết rằng: *«Sang năm chúng ta sẽ trở lại Thượng Hải"*.

Cô S và tôi tránh được tất cả những cái đó, vì cô suốt cuộc hành trình nằm ở giường (trừ một buổi tối, cô xuống phòng ăn, nhưng mới nuốt được một muỗng súp rồi phải bỏ), còn tôi thì vì mỗi khi ra khỏi phòng là Yungmei nhỏm dậy đứng lên chiếc giường nhỏ của nó mà hét. Lần lần tôi đọc hết sách trong tủ sách ở dưới tàu, mỗi ngày một cuốn... Tới bữa tôi dắt Yungmei xuống ăn cùng với các trẻ con, vài bà truyền giáo (họ thay phiên nhau coi cho trẻ ăn) và hai chị *Ayah* Trung Hoa mà hai gia đình Mĩ dắt theo để giữ con cho họ...

Tàu ghé Kingston ở đảo Jamaique và chúng tôi được hai gia đình Trung Hoa tại đó, gia đình Lim và gia đình Tai mời lên chơi.

Kiều dân Trung Hoa ở đây sống phong lưu, họ đem xe hơi lại rước chúng tôi lên nhà của họ ở trên đồi để chúng tôi được ngắm cảnh đẹp của bờ biển, ngắm cây *Jacaranda* (1) trổ bông trong không khí ấm áp, êm dịu

---

(1) Một thứ cây thuộc loại tử uy, hoa tím hoặc xanh lơ.

như nhung trong các vườn ban đêm. Như mọi người Trung Hoa hải ngoại khác họ rất ái quốc, hỏi thăm rất nhiều về Trung Hoa. Một vài người lai da đen lại càng thêm vẻ khỏe đẹp. Họ gởi tiền cho con trai, con gái về tổ quốc, và mặc dầu một số không nói được tiếng Trung Hoa, nhưng lòng họ đều hướng về quê hương.

Tàu ghé Miami rồi sau cùng tới New York trong một ngày lạnh cuối tháng ba. Khách sạn Waldorf Towers đắt quá tôi không trả nổi, cũng may một bà Mĩ tôi quen ở dưới tàu kiếm cho tôi được một chỗ rẻ hơn mười bốn Mĩ kim mỗi ngày bằng nửa tiền khách sạn Waldorf Towers. Tôi mướn được một chị giữ em người Anh, nhanh nhẹn, thạo, sạch sẽ, mỗi ngày lại làm từ chín giờ sáng tới năm giờ chiều, mỗi tuần năm chục Mĩ kim. Nhờ vậy tôi được thảnh thơi một chút, đi thăm viếng, dự tiệc, mua bán, vì các áo dài của tôi rách rồi.

Chị giữ em chỉ cho tôi chỗ mua và cách mua các áo trẻ con. Yungmei thích những chiếc áo đó lắm. Chị giữ em khoe: "Áo Anh đấy". Thứ gì tốt cũng từ Anh chở qua cả, và mọi người đều khuyên tôi mua mọi thứ ở Mĩ đi, ở Anh kiếm không ra nữa đâu. Người Mĩ gởi những gói thức ăn và quần áo qua Anh lúc đó đương bị dội bom và đói.

Những người Trung Hoa tôi gặp ở New York và Washington hầu hết là những nhà ngoại giao, họ tiếp đãi chúng tôi rất niềm nở, tổ chức các buổi tiệc, gây nhiều khó khăn cho tôi vì tôi không thể để Yungmei một mình ở khách sạn được. Tôi còn nhớ một buổi tiếp tân đó.

Tôi phải để Yengmei ở khách sạn một mình và đi một chiếc taxi. Trong một căn nhà rộng tôi thấy bốn chục người đang đánh mạt chược ở các bàn. Bỗng nhiên tôi có cảm tưởng trở về Trung Hoa, và tiếng lắc cắc nhịp nhàng của những quân bài đó như gỡ những giây, những phút của thời Trung Hoa suy đồi này như tiếng móng tay cào cào trên nắp quan tài chế độ Quốc Dân đảng. Không khí trong căn nhà đó không còn là không khí ở Mĩ nữa mà là không khí Thượng Hải, duyên dáng lấp lánh, vô tình chỉ có lớp mỏng ở ngoài là phong lưu, cố tình quên lỗ lún sập ở dưới, cảnh tượng đó làm cho tôi đau nhói ở ngực. Tôi không thể nào quên cảnh chiến tranh được: những trận lớn ở Nga, ở Thái Bình dương. Từ bếp bay lên những mùi thơm ngon, bà chủ má hồng đương chiên những con tôm lớn. Yungmei trong chiếc giường nhỏ của nó, chắc đã tỉnh giấc, mở cặp mắt tròn long lanh trong bóng tối gọi tôi. Ngồi được mươi phút, tôi cáo từ ra về...

Chúng tôi thăm thành phố Washington và những cây anh đào đương trổ bông ở chung quanh Bạch Ốc, chúng tôi thăm ông bà đại sứ Anh, Huân tước Halifax, cả hai đều cao lớn y như bức tượng, chúng tôi nói chuyện uống trà với một vẻ nghiêm trang quí phái, kiểu cách. Trở về New York, tôi thấy vài bạn Mĩ muốn tổ chức những buổi tiệc tiếp đón tôi, tôi không ngờ rằng họ thích “tiếp đãi” thế. Tôi thì tôi còn nhớ đời sống thiếu thốn ở Thành Đô nên cho những tiệc tùng đó là vô lí. Nhiều bà Mĩ muốn giúp đỡ tôi, một bà đề nghị trông Yungmei cho tôi

để tôi dự một vũ khúc Nga từ lâu lắm mới diễn lần này là lần đầu ở Mĩ.

Trước khi kéo màn Helen Hayes ra trước sân khấu báo tin Corregidor thất thủ, mọi người đứng dậy im lặng một phút để tưởng niệm những người hi sinh ở Thái Bình dương. Đại sứ Nga Litvinov và vợ đứng lên, cả rạp vỗ tay hoan hô.

Tháng tư năm 1942 chẳng những biển Java mà gần trọn Ấn Độ dương bị Nhật kiểm soát. Căn cứ Hải quân Anh ở Trincomalle (Tích Lan) và phần còn lại của hạm đội Anh bị phi cơ Nhật dội bom nặng. Người ta tưởng họ sẽ tấn công kinh Suez, để liên lạc với đạo quân Bắc Phi của Hitler. Nhưng việc đó không xảy ra, trái lại họ quay về để củng cố những miền họ đã chiếm được ở Đông Nam Á, và cũng tháng tư đó Mac Arthur sau khi bại trận đã lên phi cơ về Mĩ để cho quân đội ông ta đầu hàng ở Bataan, rồi trở qua Úc chỉ huy cuộc phòng vệ đảo này và thành lập một chiến lũy rất dài gồm các đảo ở Bắc Tân Guinée. Rồi xảy ra cuộc chiến ở biển San Hô, quân Mĩ thiệt hại nhiều hơn Nhật và trận Midway đánh dấu khúc quẹo của chiến tranh Thái Bình dương, từ trận này Nhật lần lần thua.

Ở Mĩ dân chúng sợ bị tấn công, tinh thần gần như thác loạn, người ta bảo có tiềm thủy đỉnh Nhật ở bờ biển California, tôi nghe thấy người ta hô hào bỏ tù tụi Nhật ở Mĩ hoặc liệng họ xuống biển. Cả một dân tộc lớn lao, thô bạo, mạnh mẽ, hò hét, rất dễ xúc động, nóng nảy một

cách vô lí, bỗng nổi giận về vụ Trân Châu Cảng mà họ cho là vụ ghê tởm nhất, không thể tha thứ được. Nghe họ diễn thuyết, tôi làm thinh nghĩ tới Trung Hoa và tới nỗi đau khổ vô cùng lớn lao hơn mà dân tộc Trung Hoa đã phải chịu và còn đương phải chịu.

Trung Hoa lúc đó được đặc biệt chú ý tới: Eleanor Roosevelt chủ tọa một cuộc mít tinh để viện trợ Trung Hoa. Nhưng vài người Mĩ thỉnh thoảng cho tôi hay hành vi của các nhà ngoại giao Trung Hoa sống rất xa hoa ở Mĩ, vì các sứ đoàn ngoại giao cũng bị cái bệnh hối lộ, tham nhũng của Quốc Dân đảng. Tôi nhận được một bức thư của cô Marian Manley cho tôi địa chỉ người đại diện cho cô ở New York, tôi kêu điện thoại rồi lại thăm ông đó vì người ta không cho tôi biết chút gì về việc xuất bản cuốn *Destination Tchoungking*. Ông ta đưa tôi một bản để đọc. Nhà xuất bản đã sửa đổi nhiều chỗ, tôi không đồng ý vì người ta lại cắt một đoạn ở chương cuối trong đó tôi rụt rè chỉ trích chính quyền. Nhưng họ giao thiệp với cô Marian, không tin rằng tôi có góp công trong cuốn đó, nên họ nghi kị tôi.

Trong mấy tuần mùa xuân ở New York, mà không khí kích thích như có luồng điện đó, tôi thấy người Mĩ dồi dào sinh lực mà lại tiều tụy; hăng hái, tính tình rộng rãi mà lại chỉ nghĩ tới họ thôi, tự coi là trung tâm, thần kinh căng thẳng, họ luôn luôn gắng sức tự thuyết thực rằng họ hoàn toàn.

Nhưng ở Trùng Khánh qua đây, tôi kinh ngạc sao

mà người Mĩ bạo nói thế, muốn nói gì cũng được không bị cấm, và lớn tiếng đưa ra những ý nghĩ mà ở Trùng Khánh như vậy chúng tôi đã bị bắn bỏ rồi, ở Trùng Khánh chúng tôi đã quên cái ý niệm tự do ngôn luận. Tôi ngạc nhiên nhất rằng người Mĩ sợ nguy hiểm cho bản thân quá, có lẽ vì chúng tôi đã quen bị dội bom rồi nên không sợ nữa. Londres bị dội bom, mà chính dân chúng New York lại kinh hoảng hơn là dân chúng ở Londres như sau này tôi nhận thấy. Người ta rán thuyết phục tôi đừng qua Anh. Họ bảo tôi: "Người Anh qua đây hết, hoặc qua Gia Nã Đại". Có mấy ngàn người Anh (kể cả trẻ con) trong giới giàu sang tị nạn qua Mĩ mà họ coi như một cuộc di cư lớn lao vậy.

Một bà ở chung khách sạn với tôi, đổi căn phòng ở tầng thứ tám xuống phòng khác ở tầng thứ nhất, bom dội sập những tầng trên của ngôi nhà mười tám tầng đó. Bà hỏi tôi ở Trùng Khánh nhà có bao nhiêu tầng? Tôi đáp rằng nhiều nhất là ba tầng và hầu hết bằng gỗ, bà ta không hiểu nổi như vậy làm sao chúng tôi sống sót được.

Mĩ giàu, đẹp và mạnh, chiến tranh làm cho nước đó giàu thêm, chỉ có mỗi một người Mĩ nhắc lại thời kinh tế khủng hoảng (năm 1929) và thú rằng hồi đó ông ta đói: mà người đó là người coi thang máy. Ông ta bắt tay tôi và bảo ông ta thích Nga và Trung Hoa lắm.

*

Một buổi sáng tháng năm chúng tôi lên phi cơ qua

Anh, ghé lần thứ nhất ở quần đảo Bermudes, ở lại đó hai ngày, tôi làm quen với một bác sĩ tên là Wilkinson, một buổi chiều đẹp trời ông ta dắt Yungmei và tôi đi dạo cảnh bằng xe ngựa. Hai chục năm sau năm 1962, tôi gặp ông ta lần nữa ở Singapour trong một hội nghị quốc tế để bàn về vấn đề kế hoạch hóa gia đình.

Từ quần đảo Bermudes phi cơ vượt Đại Tây dương rồi đáp xuống quần đảo Cap Vert thuộc Bồ Đào Nha, chúng tôi đợi ở dưới nắng, gió biển thổi ào ào, rồi đi dạo quanh một thị trấn trắng, cháy nắng, có tường bao vây chung quanh. Từ đó phi cơ bay tới Lisbonne, giữa cơn mưa lớn, phi cơ bay thấp theo bờ biển Bồ Đào Nha, xốc dữ, nhiều hành khách đau tim, người ta cho hay chúng tôi bay trên không phận của xứ sản xuất rượu Porto và tặng chúng tôi những ve rượu nhỏ nổi tiếng trong xứ.

Sau cùng chúng tôi tới Anh, một buổi chiều mưa khi mặt trời gần lặn. Pao hơi mập lên, vui vẻ, nói nhiều, lái xe đưa chúng tôi về Londres. Anh đã mướn một phòng vào hạng tốt nhất ở Claridge để đón mừng tôi, phòng tắm rộng mênh mông coi như một phần mộ bằng cẩm thạch đen.

Hôm sau chúng tôi đi Egham nơi đó anh đã tìm được một căn nhà nhỏ. Anh có rất nhiều dự tính về hoạn lộ và tương lai... Anh là tùy viên quân sự trẻ tuổi nhất, ai cũng phục, chúng tôi sắp bắt đầu một đời sống mới sung sướng. Anh sẽ thành công... Tôi phải giúp anh thành công.

Vâng, tôi sẽ giúp anh. Tôi sẽ tận lực.

*

Ở đường New Oxford tôi thấy dân chúng Londres giữa chiến tranh mà rất bình tĩnh, đứng sát nhau, có kỉ luật và kiên nhẫn bên những lỗ bom trên đường phố và những tấm bảng nhắc họ: *«Bạn có thực cần thiết phải dời chỗ không?"* Tôi bước vào ngưỡng cửa một đời sống mới. Và trước hết tôi hiểu rằng bức tranh ở New York người ta vẽ về Londres sai bét: dân chúng ở đây không sợ sệt, không đói, không khốn khổ. So với Trùng Khánh thì Londres là cảnh sung sướng, trật tự. Ở Claridge, ở Donset tối tối nhiều người giàu bận lễ phục lại ăn uống. Có thực là chiến tranh đây không?

Ở Egham, căn nhà nhỏ chúng tôi mướn luôn cả với đồ đạc, có đủ tiện nghi, lại có một thím làm bếp nữa. Vậy tôi chỉ việc ở nhà, giúp việc nhà, việc bếp núc, săn sóc Yungmei, và hưởng cảnh sung sướng. Có lẽ tôi có thể trồng mấy luống rau, nuôi mấy con gà ở sân phía sau, gọi là tiếp tay trong công việc kháng chiến. Láng giềng chúng tôi là một cặp vợ chồng già về hưu, người chồng trước là quân nhân, bây giờ dạy một nhóm trẻ hàng xóm cưỡi ngựa.

Sáng nào Pao cũng lái xe tới phòng tùy viên quân sự ở Tòa Đại sứ tại Portland Place. Pao bảo tôi: "Em chỉ có mỗi một việc là sống cho sung sướng". Anh có trách nhiệm lớn: củng cố (tiếng anh hùng) những liên lạc giữa

nước Anh đương chiến đấu và nước Trung Hoa đương chiến đấu. Tôi nhìn qua cửa sổ bồn cỏ xanh và mướt, những lá xuân và những hàng rào mà cây sơn trà phủ lên một lớp bọt trắng. Có đủ sữa cho Yungmei. Chúng tôi được tòa Đại sứ phát thêm phần lương thực bổ sung, nên không thiếu thốn gì cả. Pao tin chắc rằng rốt cuộc Đức sẽ thắng, Nga sẽ quị, nhưng trong khi chờ đợi thì chúng tôi sống ở Anh.

Tháng 5 năm 1942, Anh đại bại ở Miến Điện. Con đường Miến Điện bị cắt đứt, chỉ còn đường hàng không nối Trung Hoa với Assam và Ấn Độ, bay qua Hi Mã Lạp Sơn, cách mặt đất 7.000 thước.

Cuối tháng năm, trận Miến Điện kết thúc, các đạo quân Anh và Ấn vượt biên giới trở về Ấn.

Pao và các bạn đồng sự của Anh ở tòa Đại sứ rất bận việc vì phải lập những kế hoạch - do Mĩ gợi ý - để tái chiếm Miến Điện, mở một mặt trận thứ nhì ở Châu Á. Một tướng Mĩ, Joe Stilwell lúc đó đương ở Trung Hoa để thành lập lại đạo quân Trung Hoa và trong những kế hoạch lớn lao đó. Miến Điện được coi là quan trọng nhất. Người ta chuẩn bị một trận Miến Điện thứ nhì: nhưng ngay từ lúc đầu, kế hoạch đã thất bại rồi vì mỗi "Đồng minh": Mĩ, Anh, Tưởng Giới Thạch, nhắm một mục tiêu khác nhau.

*

Lúc này mở đầu một giai đoạn mới là ba năm trong đời sống của Pao với tôi, ba năm đó cũng bất hòa như hồi ở Trùng Khánh, cũng vì những lí do cũ, Pao muốn nắn tôi thành một người mà tôi không thể nào thành được.

Tôi không trách anh, đức kiên nhẫn theo cách của anh, thực đáng phục. Nhưng mặc dầu tôi có nhiều thiện chí, dễ nghe lời, rán tự sửa đổi, cũng chỉ thành công ít lâu, rồi đâu lại vào đấy, tôi vẫn là tôi.

Giá Pao để cho tôi đều mỗi ngày bỏ ra một buổi làm một việc gì hữu ích, kiến thiết, như tôi đòi hỏi, thì có lẽ mọi sự đã khác. Nếu anh chịu thảo luận với tôi, thì có lẽ chúng tôi đã có thể ảnh hưởng tốt với nhau. Nhưng trước sau anh chỉ muốn tôi là một vật phụ thuộc trong hoạn lộ của anh, một vật hữu ích cho kế hoạch của anh, và tôi chẳng thấy hoạn lộ của anh có một ý nghĩa gì đối với tôi cả, không hiểu kế hoạch của anh nữa. Tôi thản nhiên với danh vọng của anh, tôi cho mục đích anh nhắm, mục đích thành một Hồ Tôn Nam thứ nhì, một người thứ nhì y hệt Tưởng Giới Thạch, là vô lí. Cảm thấy rằng sau chiến tranh, ở Trung Hoa sẽ có nhiều thay đổi lớn lao, tôi muốn cấp bách tìm hiểu ý nghĩa của các biến cố nhưng dốt quá, không nhận định được toàn thể. Tôi chỉ biết mỗi một điều là tôi không tin ở Tưởng Giới Thạch nữa, nên tôi thấy Pao đã mất thì giờ và phí sức theo hoạn lộ của anh, thấy công việc của anh ở Londres có rất ít liên quan với tình hình chiến tranh. Lúc đó nếu có ai hỏi tôi: Vậy chứ bà muốn cho ông nhà làm cái gì? thì chắc tôi đã đáp:

Ra khỏi chính phủ, thành một người thường, rồi làm việc.

Vậy mà các ông tùy viên quân sự không quân, hải quân, các nhà ngoại giao ở tòa Đại sứ đó, bàn tới một mặt trận thứ nhì ở Châu Á, làm ra vẻ lăng xăng, quan trọng, nghiêm trang lắm; các ông ấy đòi viện trợ tiền bạc, khí giới, đâm bổ đầu này đầu kia, hoạt động hỗn độn, như điên! Vì ở trong nước, Tưởng Giới Thạch rú lên rồi phân lệnh cho các tướng lãnh, hoặc bất chấp thứ tự quân giai, ra lệnh thẳng cho các sĩ quan trẻ, khiến họ chống đối lẫn nhau: thì đối với các tòa Đại sứ ở Londres, Washington, ông ta cũng đánh hàng xấp điện tín trái ngược nhau, gởi những phái đoàn đi, hết lớp này tới lớp khác, lần nào cũng ra những lệnh quyết đoán, bắt phải tuân hành liền. Trong cái mớ lệnh và phản lệnh nhiều kinh khủng đó, chỉ có mỗi một điểm chung là xin tiền.

Về điểm đó, Tưởng hi vọng được Mĩ giúp hơn là Anh giúp, tòa Đại sứ Trung Hoa ở Anh chú tâm nhất tới việc làm sao cho Washington bỏ bớt một số viện trợ ưu tiên cho Londres để dùng vào mặt trận ở Châu Phi.

Vì vụ Trân Châu Cảng, Mĩ phải tuyên chiến với Nhật và Hitler đã dại dột tuyên chiến với Mĩ, làm cho Mĩ và Anh xích gần lại nhau hơn (mặc dầu có một số người Mĩ thân Đức, muốn Mĩ trung lập trong chiến tranh ở Châu Âu). Anh lo nhất về vấn đề làm sao cho Mĩ đừng viện trợ mặt trận Châu Á, mà viện trợ nhiều cho mặt trận Châu Âu, đặc biệt là cho Anh lúc đó đương cần được tiếp tế về lương thực, khí giới cho các đạo quân ở Trung Đông.

Vậy đầu năm 1942, vấn đề mà Anh luôn luôn quan tâm tới, là nên tấn công ở Thái Bình dương hay nên chú trọng tới mặt trận Châu Phi. Mĩ sẽ cho mặt trận nào là ưu tiên?

Tháng giêng 1942, một hội nghị ở Washington thành lập một Ủy ban gồm các Tham Mưu trưởng Mĩ Anh, và người ta quyết định rằng muốn thắng Hitler phải chiếm Châu Âu, mục tiêu "quan trọng bậc nhất".

Hay tin đó Tưởng Giới Thạch nổi giận. Tháng hai năm 1942, ông ta qua thăm Ấn Độ (cuộc viếng thăm này đã chuẩn bị từ năm trước) và đọc một diễn văn tuyên bố rằng Trung Hoa và Ấn Độ có "một số phận chung", như vậy là chửi vào mặt người Anh, vì Anh đương lo những cuộc khởi nghĩa của Ấn và đã bỏ tù Gandhi vì Gandhi hô hào bất hợp tác với Anh trong chiến tranh này.

Trong suốt chiến tranh, Tưởng Giới Thạch và Anh chống nhau rõ rệt vì kế hoạch hai bên khác nhau, một điểm xung đột hiển nhiên là mặt trận Miến Điện. Chưa bao giờ ở một xứ nào một đạo quân, một kế hoạch hành quân mà lại vụng về, do dự thay đổi hoài như cái mặt trận tội nghiệp Miến Điện, mãi tới khi tướng Mountbatten qua chỉ huy tình thế mới thay đổi.

Vì vậy, Pao và các nhà ngoại giao khác chạy đầu này đầu kia, bận rộn lăng xăng, ra vẻ quan trọng lắm. Cái gì cũng làm cho tôi ngán. Bây giờ tôi có thể nói rằng dù hồi đó tôi có làm cho Pao thỏa mãn, là một người vợ

hoàn toàn, một người nội trợ giỏi, giúp anh đắc lực trong hoạn lộ của anh thì rốt cuộc kết quả đối với Pao cũng vậy thôi. Dù có được lòng người hay không, dù có tài giỏi hay không, thì một nhà ngoại giao ở dưới quyền Tưởng Giới Thạch cũng không thể làm được gì để thay đổi trào lưu lịch sử vĩ đại đương lay động thế giới trong chiến tranh. Mĩ có giúp tiền, hàng hóa, khí giới bao nhiêu đi nữa thì cũng không ngăn được Tưởng Giới Thạch sụp đổ.

Nhưng hồi đó kiến thức của tôi mơ hồ quá, nên không diễn ra được như vậy ngay cả cho tôi nữa. Trong thâm tâm, tôi có một cảm giác trống rỗng, như thể mọi việc chính tôi làm chưa xong thì đã bị sâu đục rỗng hết bên trong rồi. Tôi rán sung sướng, rán tin rằng một nhà ngoại giao có một trách nhiệm, một địa vị quan trọng mà thực ra tôi buồn chán muốn chết.

*

Thời đó, tinh thần tập cấp [1] rất rõ rệt ở Anh. Vì là vợ một tùy viên quân sự, tôi giao thiệp với các giới ngoại giao, ngạc nhiên thấy sự phân biệt tập cấp ở Anh có những tế nhị khả ố, khác hẳn những cái hố vĩ đại phân biệt các giai cấp xã hội ở Trung Hoa. Ở Anh, không có sự phân biệt về y phục mà có sự phân biệt về giọng nói, thái độ, cách nói bóng nói gió. Mới đầu tôi không nhận được sự tôn ti rất tế nhị trên thang giai cấp đó, tôi không biết giữ

(1) Caste.

một sự cách biệt hợp pháp, tùy trường hợp, đối với hạng người buôn bán, với người làm vườn mỗi tuần lại làm việc cho tôi hai lần (chú ta nhận thấy ngay rằng tôi sợ chú), với chị giúp việc nhà nữa, mỗi ngày lau quét cho tôi rồi khi về thì đem theo một miếng thịt để trong chạn... Tôi không biết đối với mỗi giai cấp phải nói chuyện ra sao.

Phải giao thiệp với giới ngoại giao, mà tôi lại có thói lớn tiếng đưa những ý kiến hơi ngược đời, thiếu tài nói những chuyện phiếm, không biết dò xét xem một người nào đó vào hạng nào, lại thiếu đức kín đáo, không khéo léo vui vẻ để chẳng nói gì cả, không biết tỏ ra hăng hái thích thú quá đáng. Tất cả những tật đó làm cho người ta có cảm tưởng rằng tôi kì cục, không xứng với địa vị. Mặc dầu tôi khỏi phải lo về y phục trang sức cho mĩ miều vì đương lúc chiến tranh, những cái đó được giảm xuống mức tối thiểu, nhưng giao thiệp với giới thượng lưu Anh thì cũng phải học một ngôn ngữ mới, thuộc những tín hiệu mới.

May thay, thời đó Londres đầy những nhà ngoại giao ngoại quốc Pháp Tự do, Ba Lan, Tiệp Khắc, Na Uy rồi sau này Mĩ, cho nên nhiều người cũng lầm lỡ như tôi. Có nhiều thiếu nữ diễm lệ, bà con xa gần với các ông lớn làm thư kí, (họ càng đẹp thì hình như càng dễ khỏi bị các cơ quan khác trưng dụng), cho nên để tổ chức các buổi tiếp tân long trọng, trong đó rượu ngoại giao làm cho người ta coi phẩm hạnh của mỗi người là chuyện thứ yếu. Năm 1943 khi người Mĩ xuất hiện đông đảo, thì

các câu lạc bộ tự mọc lên vô số, như nấm mùa mưa, hàng chục, hàng chục, tại những ngôi nhà đẹp đẽ sửa soạn sẵn rồi, hơi cách xa Londres cho được yên ổn, nhưng xe hơi tới được dễ dàng. Các nhà ngoại giao được vô những câu lạc bộ đó, và người ta vui vẻ khiêu vũ để nâng cao tinh thần của các chiến sĩ dũng cảm của chúng ta.

Rốt cuộc, nước Anh đối với tôi không phải là những bữa tiệc ở Dorchester, hoặc ở khách sạn Czardas, cũng không phải là những buổi tiếp tân buộc phải bận lễ phục ở câu lạc bộ Đồng Minh, mà về mọi phương diện là hạng bình dân Anh thực phi thường, đáng phục mà sau cùng tôi cũng tìm hiểu được mặc dầu phải sống cuộc đời lố lăng của bọn sứ thần mà riêng tôi, tôi cho là chán ngán, bực bội đến cùng cực. Tôi đi thăm các xưởng ở Midlands [(1)], xưởng A.T.S [(2)], xưởng W.A.A.F. [(3)], thăm các thiếu nữ trong các sở chế tạo khí cầu. Những cuộc viếng thăm đó nâng đỡ tôi, bổ ích cho tôi vì những công việc đó có một ý nghĩa. Tôi thấy những làn sóng nữ công nhân Anh tới xưởng từ sáng sớm, trời lạnh lẽo và ẩm thấp, làm việc cho tới tối, ngồi điều khiển các máy móc, tóc thu gọn lại dưới những cái nón trùm đầu. Tôi thăm phòng ăn chung của họ, uống trà với họ và tôi mong được đi thăm nhiều nơi nữa vì thật là thú vị, mở mang kiến thức.

---

(1) Miền Trung châu.

(2) Auxiliary Territorial Service: *Cơ quan địa phương hỗ trợ.*

(3) Women's Auxiliary Air force: *Không lực bổ trợ của phụ nữ.*

Tại những nơi bị dội bom, những kí nhi viện, một hai đại học, đâu đâu tôi cũng thấy người ta trưng dụng rất nhiều đàn bà, hễ chỗ nào có những công việc rất nặng nhọc là người ta cũng dùng tới họ, những kíp phụ nữ làm đêm đều có tinh thần tổ chức, vui vẻ và bình tĩnh, không hề nao núng, muốn đánh giá cho đúng dân tộc Anh thì phải xếp hạng phụ nữ đó, chứ không phải những chầu *cocktail* trong các sứ quán, hoặc những bà không đoán được tuổi, giọng nhè nhè, tóc nhuộm rất khéo và làm những công việc tôi không sao hiểu nổi. Dĩ nhiên, có những lệ ngoại rất đáng phục, có những bà rất giàu, rất đẹp, lại lau chùi thực sự sàn các bệnh viện, điều khiển máy móc, làm những công việc nguy hiểm và không bao giờ khoe khoang cả... Những bà đó, tôi cũng muốn được biết. Và có vài bà nói tới tình trạng bất công ở xã hội Anh, nhờ chiến tranh mới được biểu lộ ra.

Vì nhờ sự tản cư 750.000 trẻ em trong các xóm nghèo ở Londres và các thành phố lớn, đưa chúng về đồng ruộng, người ta mới thấy tình trạng sa đọa, thiếu ăn, nghèo khổ, nhớp nhúa của các khu đó. Những trẻ em tàn tật, ốm còi trong giới đó, về thể chất và tinh thần cũng không hơn gì mấy bọn cùng dân trong bất kì một nước nào ở Châu Á. Hai bà Anh thấy tình cảnh đó đâm hoảng, cho tôi hay đã gắng sức ra sao để diệt tệ trạng đó. "Hết chiến tranh, phải làm sao cho không còn một cái nhà ổ chuột nào nữa". Trong những công việc do sáng kiến tư nhân đó, tôi để ý tới các phụ nữ cùng hoạt động của họ và rốt cuộc nỗi khó chịu của tôi càng tăng

lên, vì thấy mình cứ phải sống cuộc đời vô tích sự này.

Tôi hùng hồn thuyết phục Pao tới nỗi trong một thời gian anh có vẻ bị kích động. Có lần anh thình lình muốn bỏ nhiệm sở mà học... môn Kinh tế.

Lúc đó có người giới thiệu với chúng tôi một ông tên là Owen, nhỏ bé, ít nói, đeo kính, rất nhiều lương tri. Chúng tôi có ý định nghe những buổi giảng ngoài chương trình ở trường kinh tế Londres, và ông Owen có ý khuyến khích chúng tôi. Nhưng Pao không làm sao học được, không bao giờ anh đọc sách để tiêu khiển hay để mở mang kiến thức, mà chỉ để lòe thiên hạ mà dễ thăng quan tiến chức. Tôi thấy ngay rằng anh không bao giờ thay đổi mục tiêu. Thôi, tôi cũng không tìm cách sửa đổi anh nữa, nhưng cái cao vọng muốn thành bác sĩ y khoa âm ỉ trong lòng tôi lúc đó cháy bừng lên. Tôi bị cái ý này ám ảnh học tiếp cho ước mong của tôi mạnh thêm lên thôi.

*

Vậy một lần nữa, tôi lại bị giằng co trong thời gian và không gian [1] một bên là việc tôi đang làm, một bên là việc tôi muốn làm, và tôi không làm sao hòa giải được sự mâu thuẫn nội tâm để chỉ có việc nuôi nấng Yungmei

---

(1) Trong không gian thì tôi có thể hiểu được: Tác giả muốn sống ở Trung Hoa để giúp dân nghèo Trung Hoa, chứ không muốn sống ở Anh, trong đám sứ thần, nhưng còn trong thời gian...?

là một trách nhiệm rõ rệt, nhất định tôi hiểu được, chấp nhận được. Những bổn phận khác trong địa vị của tôi càng ngày càng hóa ra phù phiếm, tôi tưởng mình nô lệ những cái vô vị không cứu chữa được mà cực kì hao tổn tinh lực: tiệc tùng, hội họp, xã giao, uống trà, nói chuyện phiếm. Ăn uống ở Prunier, ở Savoy, ở Kitz, ở Doncheter với các nhà ngoại giao khác, nghe cô X... và cô Y... bảo rằng buổi này, buổi nọ tôi đã tỏ ra rất yêu kiều, khả ái, mà họ khen tôi và với một vẻ kẻ cả nhã nhặn, bằng một giọng mà tôi chịu không nổi... giả dối, giả dối một cách vô lễ không tưởng tượng nổi! Tôi tự cảm thấy rầu rĩ, ngây dại: "Tất cả những trò đó để làm gì vậy?" Các buổi tiếp tân với những tiếng của ồn ào mà vô nghĩa, làm cho tinh thần tôi thêm chán nản, và nỗi lo ngại áy náy của tôi tăng lên.

Hai tháng đầu chúng tôi ở Egham (ngoại ô Konches), mỗi tuần hai lần ông hàng xóm dạy cho tôi thuật cưỡi ngựa, một thuật ít nhất có cái lợi này là không bắt tôi phải nói những chuyện tầm phào trong một phòng khách... Hết hai tháng đó, Pao nói riết để tôi tạm gởi Yungmei vào một nhà kí nhi, như một cặp vợ chồng Trung Hoa khác mới làm, có vậy tôi mới được rảnh mà làm trọn cái nhiệm vụ xã giao. Với lại anh em cũng muốn được ở Londres, đỡ mất thì giờ đi đi về về. Chúng tôi kiếm được một chỗ ở tại đường Walbeck, một căn lộng lẫy ở từng thứ bảy ngôi nhà Walbeck House, tiền thuê hơi rẻ, đồ đạc nặng nề, đắt tiền, kiểu gô tích (gothique) bằng gỗ sên - thế thực - chạm trổ; có mấy tấm màn nhung, một

chiếc piano lớn, nhiều tấm thảm trên sàn. Và tiền thuê chỉ đắt hơn căn nhà nhỏ ở Egham có hai guinea [1] mỗi tuần. Thế là biết bao nỗi khó khăn kế tiếp nhau xảy ra. Tôi không có người giúp việc nhà, tôi không thể vừa sống cuộc đời làm vợ một nhà ngoại giao, vừa lo việc nhà cửa, bếp nước, đứng nối đuôi để mua thực phẩm, săn sóc Yungmei. Không sao kiếm được người giữ đứa nhỏ. Cặp vợ chồng Trung Hoa đó bảo đứa con trai của họ sống ở nhà kí nhi sung sướng lắm; Londres bị dội bom, không nên cho trẻ ở. Tôi đành nghe lời, gởi Yungmei vào một trường Mẫu giáo cách Londres một chút. Nó vô trường được mười lăm ngày thì tôi lại thăm, vì tưởng tượng nó mở mắt thao láo tìm tôi trong bóng tối, tôi thương nó quá, ngủ không được. Tôi thấy nó đương chơi trong cái sân nhỏ nhà sau, gọi là nhà chứ sự thật chỉ là một cái chòi chứa được khoảng mười hai đứa trẻ. Nó đã mập ra và có vẻ khỏe mạnh. Nó đăm đăm ngó tôi, tôi cầm tay nó và bà hiệu trưởng bảo nó: "Con đưa má con vô coi phòng của con đi". Chúng tôi bước vô phòng nhìn cái giường nhỏ của nó bên cạnh hai cái giường em bé khác, và nó kéo một hộc tủ ra, bảo: "Má coi này con để đồ của con ở đây..." rồi bỗng nhiên nó òa lên khóc níu chặt lấy tôi, la: "Má đừng đi má", tôi cũng khóc, rồi đưa nó về. Dù dội bom hay không, muốn xảy ra cái gì thì xảy, thấy nó khóc tôi chịu không nổi. Tôi bảo nó: "Con về ở với má, đừng

---

(1) Tiền Anh bằng 21 *shilling,* mà mỗi Anh bảng *(pound)* là 20 *shilling.*

khóc nữa, má không rời con đâu". Người ta muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói, hễ tôi còn giữ nó được thì khỏi tới trường Mẫu giáo. Nhưng các bạn Trung Hoa của tôi thấy vậy kì cục quá, con của họ thích ở trường, ở Londres rất khó kiếm được người giữ trẻ. Quả thực là rất khó kiếm.

Chẳng bao lâu, thu qua rồi đông tới. Tin tức chiến tranh ở Châu Phi năm đó (1942) lấn áp tất cả các tin tức khác, rồi tới trận El-Alamein (1). Tôi làm bếp, tôi làm mọi công việc trong nhà, tôi đứng nối đuôi để mua thực phẩm, và Pao dắt bạn về, li tách để bừa bãi mọi chỗ, nửa đêm đòi ăn. Tôi gầy sọm đi, một phần vì mệt quá, một phần vì trong lòng lúc nào cũng bất bình về cuộc sống hoàn toàn vô lí của tôi đó. Tôi không phải là một người nội trợ giỏi, vì tôi không muốn vậy; một lần nữa, bản năng tôi bảo tôi rằng tôi không nên làm những công việc đó mất thì giờ mà hủy hoại thân mình thôi. Ngày nay tôi là một người nội trợ rất giỏi vì tôi đã có một nghề chính tôi lựa chọn lấy, và tôi làm công việc trong nhà để khuây khỏa, do đó thành ra một việc phụ cần thiết, có ý nghĩa.

Tôi tiếp tục đăng quảng cáo tìm một người giữ em, một chị bếp, nhưng không tìm được. Họ làm việc cho các cơ quan của quân đội hoặc trong các xưởng. Sau cùng tôi tìm được một bà vú rất già, bà chịu làm với điều kiện là mùa hè để cho bà về Bognor Regis. Bà không

(1) Ở Bắc Ai Cập Rommel (Đức) bị Montgomery (Anh) đánh cho đại bại, từ đó Đức lùi hoài ở Bắc Phi.

làm gì cả ngoài cái việc thay quần áo cho Yungmei, dắt nó đi chơi và cho nó ngủ. Tôi phải nấu thức ăn cho bà, bưng điểm tâm vào trong phòng của bà. Được ba tuần bà bảo tôi cư xử với bà không tử tế. Tôi kiếm được người khác: chị này vừa đi đi, lại lại trên cái phòng, vừa nói nho nhỏ một mình, bỏ cà rốt vào trong sữa rồi nấu. Ban tối, tôi nghe chị lết chân đi ngang cửa phòng tôi, mà nói một mình. Một hôm trời rất lạnh mà chị tính dắt Yungmei đi dạo mát, lại không khoác áo ngoài cho nó, may thay tôi thấy chị vừa ra khỏi cửa với nó thì gọi giật lại. Ít bữa sau, tôi nghe thấy chị sửa soạn nước tắm cho nó, tôi chạy vô vừa kịp để cản chị, nếu không chị đã nhúng nó vào cái bồn đầy nước nóng gần như nước sôi rồi; bây giờ tôi mới hiểu chị ta điên, đuổi ra liền, tuần lễ sau tôi thấy chị bận áo ngủ đi lang thang ban đêm trước thương điếm lớn Selfridge...

Sau đó, tôi lại phải săn sóc lấy Yungmei, vì tôi không thể để nó buổi tối ở nhà một mình, nên không thể đi đâu được cả; mà Pao muốn tôi phải cùng đi dự các cuộc tiếp tân với anh. Hồi tôi mới ra Londres ở, chưa ai để ý đến nét mặt của tôi; người Anh rất lễ độ, dù biết chắc rằng Pao nói dối, họ cũng không cãi, làm bộ tin. Họ thấy tôi lại thì cũng làm thinh. Vì vậy Pao tưởng rằng họ tin anh, và mặc dù tôi hay nói thẳng, đôi khi họ thấy khó chịu, nhưng vẫn cho tôi là "làm nổi đình đám", cho nên vợ chồng tôi "được lòng" nhiều người.

Dĩ nhiên, Pao gần như bắt buộc phải đi thăm nhiều

quân nhân Anh, chúng tôi gặp được nhiều người danh tiếng, những cuộc hội kiến đó cũng thú nhưng chỉ thoảng qua thôi. Thú thật có lẽ lần gặp đại úy Liddell Hart. Ông ta cao lớn, lêu nghêu, nói mau mà hay, rất tự nhiên, không có chút gì câu thúc, không thể nào giao thiệp với ông một cách hời hợt được, vì ông như một cơn lốc, xoáy vào tinh thần ta, từ cái vấn đề này nhảy qua vấn đề khác, hoa tay múa chân, để lộ nhiệt tâm và sự hấp tấp của ông, đưa ra những lí lẽ cay độc, và ham nói về chiến tranh, vấn đề ông thích nhất...

Đúng vào lúc tôi luýnh quýnh vì việc nhà, lại thêm rắc rối về cái khổ dịch tiệc tùng, xã giao nữa, thì như có phép màu, cô Mabel Marcham - Gillam (từ đây tôi sẽ gọi là Gillie) xuất hiện, do một sĩ quan Anh bạn học của Pao ở trường võ bị Sandhurst giới thiệu, vì cô ta đã săn sóc mấy đứa con của ông. Cô thay tôi săn sóc Yungmei trong nhiều năm. Chỉ có xã hội Anh nhiễm những đặc quyền giai cấp mới sản xuất được hạng người như cô, hạng "nannie", tức nữ quản gia, một hạng phụ thuộc không thể thiếu được, mà chức vụ được tất cả các luật bất thành văn xác định, những luật đó áp dụng khắp nơi cho tới năm 1945, khi Anh không còn là đế quốc nữa. Cô Gillie hi sinh suốt đời cho con cái người khác, và khi cô tới nhà tôi, tôi tin chắc ngay rằng cô dự một phần thiết yếu trong chế độ giáo dục con cháu của giai cấp chỉ huy ở Anh...

Và thực là phúc đức cho Yungmei, vì hồi đó nó đã thiếu ăn, ăn mất ngon, không có giờ nhất định, hóa ra

ương ngạnh, hay nhè. Hai cô "nannie" tai hại trước kia gần như bỏ đói nó, vì tôi đâu ở hoài bên cạnh mà coi chừng được. Khi cô Gillie tới, mọi sự đâu vào đấy hết. Yungmei được săn sóc kĩ lưỡng, ăn bận sạch sẽ; nó sung sướng và bắt đầu nói cái ngôn ngữ thanh nhã, thận trọng của hạng người rất sang. Chưa hết: Cô Gillie còn giúp tôi làm bếp, dọn dẹp trong nhà, đi chợ, nhờ có cô trong nhà, tôi kiếm thêm được một chị giúp việc nhà nữa, rất giỏi, mỗi tuần lau chùi nhà ba lần thật kĩ, chị là người lương thiện nhất, siêng năng nhất đời.

Thế là một lần nữa, tôi lại nhảy vọt lên, đi học tiếng Nga cho trí óc khỏi làm biếng, mỗi tuần hai buổi, mỗi buổi một giờ, tôi lại thầy Berlity, đường Oxford - ngay gần nhà tôi. Tôi ham học vì sự kháng cự vĩ đại, anh dũng của dân Nga trong thành phố Stalingrad đã làm cho óc tưởng tượng của tôi bừng bừng lên. Tôi thèm trường, đọc nghiến đọc ngấu tất cả những sách báo gì tôi có thể đọc được về các trận ở Nga.

Trong lớp học tiếng Nga đó có hai người đàn ông và tôi. Theo cái tục ít nói, lãnh đạm của người Anh, chúng tôi ngồi chung quanh một cái bàn mà không bao giờ hỏi chuyện nhau cả, và tôi cũng không biết tên hai người kia nữa. Một người học trước vài tuần rồi bỏ. Tôi còn nhớ giáo sư của tôi rất giống Lénine, chỉ khác có đeo thêm một cặp kính, lưa thưa chút râu cằm bạc lấp lánh, ông ta yêu ngôi nhà của ông lắm, nổi điên lên mỗi khi chúng tôi ấp úng. Học với ông tôi rất tấn tới. Nhưng khi Pao biết

rằng giáo sư của tôi là một người đàn ôg thì anh cấm không cho tôi học ở Berlitz nữa.

Tôi phải kiếm một bà giáo, bà Kirilova, nhỏ nhắn, tròn trĩnh, dễ thương, quần áo thật lôi thôi, nhưng cực kì vui tính. Chúng tôi bỏ ra nhiều thì giờ đọc thơ, và một hai lần tôi lại căn phòng nhỏ, bụi bặm, đầy đồ đạc của bà. Tôi học được rất ít tiếng Nga với bà, nhưng đều đều đúng kì, tôi được bà dạy cho cười. Cứ hai lần một tuần, tôi được một buổi vui cười, xa Pao, khỏi phải thấy những cơn giận của anh lúc này lại tái hiện. Chính ở nhà bà Kirilova mà tôi gặp bà Cluny, một người Tô Cách Lan, làm chủ một lâu đài vĩ đại và nhiều ruộng đất gần Aberdeen, lúc đó lại Londres học vũ với một vũ đoàn, khoảng hai năm sau, khi Pao đã rời Anh rồi, tôi dắt Yungmei và cô Gillie lại chơi hai tuần trong lâu đài của bà Cluny ở Aberdeen.

Bà cao, mãnh khảnh, tóc hung hung, thân hình tuyệt đẹp, (có lẽ nhờ vũ), tinh thần rất ngông, khác người. Rất tốt, đủ giàu để sống theo sở thích, bà rất yêu các loài vật, nuôi cả một bầy trong vườn: ngựa tơ xứ Shetland, vô số chó và mèo, rùa, công, gà tây, cừu và một con vịt chỉ có một chân, bà rất quí, cho nó ngủ trên một cái đệm nhồi bông bằng sa tanh, trong phòng ngủ lộng lẫy của bà. Bà nuôi cả bò mọng nữa, để tranh giải...

Tôi còn giữ được nhiều tấm hình về nửa tháng sung sướng ở Aberdeen, một tấm chụp bà Cluny với con vịt, bà ngồi trong cái giường có màn cao, thứ giường của

hạng vua chúa, con vịt đứng thẳng trên chiếc đệm xa tanh màu lơ, bên cạnh bà.

*

Mặc dầu lương của một tùy viên quân sự Trung Hoa không được là bao, hồi đầu chúng tôi cũng xoay xở được, lại còn đãi những tiệc rượu (cocktail) lớn, nhiều người lại dự, nhưng chúng tôi chỉ mời mỗi năm được hai lần thôi, vì mỗi lần tốn từ 150 đến 200 Anh bảng. Đa số các nhà ngoại giao Trung Hoa thích ở Finchley hoặc những khu ít đắt đỏ hơn và họ so đo mỗi khi thết tiệc. Hầu hết rán để dành được càng nhiều ngoại tệ càng tốt, như vậy rất có ích cho họ sau này, khi chế độ Tưởng Giới Thạch sụp đổ, họ phải tự lo lấy thân. Tôi thì muốn làm cái gì cũng đàng hoàng, nên mỗi khi tiếp khách là lo lắng, mệt nhọc lắm.

Một bữa tiệc đãi viên tướng Quí tộc đại diện cho Nước Pháp Tự Do [1] tốn 70 Anh bảng và thất bại hoàn toàn vì thời tiết. Hôm đó lớp sương mù dày đặc màu nâu, người ta gọi là "đậu nghiền nhừ", có ánh vàng, gợi cho ta cảm giác cô liêu ấm áp trong một khám đường nhầy nhụa [2] hôm đó không hiểu sao lớp sương mù đó lại cao hứng sa xuống thành phố. Có khoảng mười sáu người ngồi chung

(1) Tức De Gaulle.

(2) Tác giả thường dùng những hình ảnh lạ lùng, như ở đây: prison viscérale (khám đường nội tạng) chúng tôi không sao dịch sát được.

quanh chiếc ghế dựa kiểu gô tích phủ khăn thêu mũi rất nhỏ; tôi đã mướn một người bếp Trung Hoa nổi tiếng nhất Londres, nấu ăn rất ngon, nhưng đĩa chén, vật dụng để ngổn ngang trong bếp, bừa bãi ghê gớm. Tối đó, khí thắp đèn - trong thời chiến tranh, luôn luôn bị giảm thiểu - bỗng nhiên không chịu hợp tác với chúng tôi nữa, từ cái rê sô (rechaud) rất lớn, chỉ phát ra ngọn lửa yếu ớt, màu xanh lơ, tôi rán nhóm lửa trong cái lò sưởi vĩ đại bằng đá hoa; không làm sao kiếm được củi, tôi phải dùng những cục than luyện thành hình đá cuội [1] mà người ta cam đoan rằng cháy rất đượm.

Tôi tràn trề hi vọng, chất than và giấy báo vào lò, rồi vẫn tràn trề hi vọng, tôi nhóm lửa. Vài ông khách đã bắt đầu tới; mặc dầu sương mù dày đặc, họ vẫn kiếm được đường: vị Đại sứ Trung Hoa Tiến sĩ Wellington Koo và vị khách danh dự, tức ông tướng Quí tộc Pháp, vài quí khách khác nữa... uống đồ giải khát một lúc rồi qua bàn ăn. Món súp bưng lên, và sương mù quyện với khói than, không bốc lên ống khói mà chậm chậm hạ xuống luồn vào trong phòng. Khi ăn món đầu, không những mọi người đều kín đáo ho, mà còn thêm nông nổi trong đám sương và khói đó, người nọ gần như không thấy mặt người kia nữa; khi ăn đồ tráng miệng, câu chuyện của vị tướng Quí tộc anh dũng và lão luyện bắt đầu rời rạc, ông đưa tay do dự đâm cục "bôm lát xê" (bombe glacée) *Tướng de Gaulle,* do người bếp Trung Hoa làm riêng để

---

(1) Chắc như thứ than quả bàng của mình.

đãi ông. Tiến sĩ Wellington Koo mắt đã kém, đứng dậy và khi chúng tôi trở qua phòng lớn để uống cà phê thì ông ta lại bắt tay tôi lần nữa, tưởng là một vị khách mới tới. Sau tai nạn thê thảm đó, chúng tôi thử đãi khách ở khách sạn, nhưng tốn kém quá tai hại, có lần được coi là thành công đáng ghi nữa. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng cái đó hoàn toàn vô ích, tầm phào, rằng tôi không còn suy nghĩ gì được cả, bị xô vào một nhà luôn luôn gồm toàn những người điên (dĩ nhiên họ điên nhưng rất lễ phép, có ồn ào là ở phía sau sân khấu thôi), rằng tất cả những việc tôi làm đều là phí thì giờ vô ích, không liên quan chút gì với những vấn đề thực tại. Sự thất vọng đó mỗi ngày một tăng riết rồi không chịu nổi. Chiến tranh ở sa mạc, Tobrouk, Stalingrad chém giết nhau, thác loạn, và Trung Hoa, Trung Hoa năm 1942, mà tại đó chỉ có sự lạm phát và sự đói kém là càng ngày càng thịnh. Những cái đó đối với tôi mới là thực, và làm cho tôi hối hận. Willington Koo hồi trước làm Đại sứ ở Washington, năm 1942 đó, được phái tới làm Đại sứ ở Londres. Bà vợ là ái nữ của ông Vua đường ở Java, đã tới sau ông vài tháng. Khi bà xuất hiện ở Londres với cái mũ ở Đại lộ thứ 5 (New York), chiếc áo bằng da con hắc điêu thử, dắt mấy con chó giống Bắc Kinh (Pékinois) thì mọi người đều chú ý tới bà. Tên bà là Huilan Koo. Tính tình rất khác người, cho nên bà hay tranh luận lắm. Rất can đảm, rất nhiều sinh lực, bà đã viết chung với một người khác một cuốn tự truyện, xuất bản ở Mĩ, và ông chồng bỏ ra không biết bao nhiêu tiền để nhà xuất bản thu sách về, không phát hành nữa.

Bà là bà Đại sứ của chúng tôi và trong một thời gian bà và tôi thường gặp nhau. Tôi rất thích mấy con chó của bà, vì vậy mà chúng tôi thân với nhau. Bà có cả một kho chuyện về thiên hạ ở mọi nơi. Trong khi chúng tôi nói chuyện với nhau, những con chó Bắc Kinh của bà lăng xăng giỡn xung quanh như các em bé, như vậy đủ cho chúng tôi thích rồi. Chúng làm cho tôi nhớ lại thời thơ ấu quá.

Thời đó, chiều chiều các em gái tôi và tôi lại chơi Công viên Trung ương ở Bắc Kinh, và lần nào cũng thấy một ông thái giám to lớn dị thường, đi ngang qua mặt chúng tôi, trên con đường rộng trồng cây phong, tay ôm mấy con chó Bắc Kinh nhỏ nhất, còn khoảng mười con khác thì chạy giỡn chung quanh ông ta.

Mùa xuân đó, ông tới vườn với ba con chó con mới, một con nhỏ xíu, màu đồng đỏ và vàng đỏ, coi y như ngọn lửa, đuôi xòe như vây cá chép, hai con kia trắng và đen. Không có gì thú bằng thấy chúng nhảy nhót lanh lẹn như con ngựa nòi, và sủa rất can đảm khi đưa cái mõm nhỏ xíu ra cắn những chân ghế bằng gỗ! Mấy ông già cầm lồng chim đi dạo, cũng phải ngừng lại ngắm. Giá đắt lắm: mỗi con ba bốn trăm đồng. Thông minh như khỉ, can đảm như sư tử, đuôi như đuôi cá vàng, có chùm lông xòe ra như lụa mẫu đơn, đó, loại chó Bắc Kinh, chó săn của các vua Mãn Thanh như vậy. Chị em tôi thích những con chó đó quá, và hôm sau, nhằm ngày thứ bảy, chúng tôi năn nỉ Ba chúng tôi dắt chúng tôi lại công viên. Chúng tôi đợi viên thái giám tới, đúng giờ

mọi ngày, ông ta tới, bệ vệ, nhã nhặn, bận chiếc áo dài lam, với mấy con chó quí, tuyệt đẹp, nhỏ xíu chạy giỡn chung quanh: ba con nhỏ xíu, chạy lăng xăng bên này, bên kia, bay vun vút như những sợi lông, đuôi dựng lên rực rỡ. Em Tiza và tôi chạy lại, chìa tay ra để vuốt ve chúng. Loài chó Bắc Kinh rất bạo, và mấy con đó để chúng tôi bồng, ôm chặt mà không sợ gì cả. Trong khi đó Ba tôi có nói chuyện với viên thái giám; ông này cho hay sắp bán một con trắng và đen cho một bà Anh. Ba tôi bảo: "Chính là bà Anh chiều nào cũng ngồi xe đi dạo đường Toung Tchang An đấy mà".

Đó cũng là một cảnh lạ ở Bắc Kinh: chiều nào bà Anh đó cũng đội nón, mạng mỏng che mặt, ngồi cứng đơ như một bà chúa, đi dạo trong một chiếc xe song mã, giữa hai người bồi bận chế phục xanh lá cây và trắng với người đánh xe; trong xe có mấy con chó Bắc Kinh mà bà ta rất thích. Khi xe gần tới đường Hataman thì một trong hai người bồi thả chó xuống cho chúng chạy nhảy một chút, tiêu tiểu, rồi lại lên xe về nhà.

Tôi không biết tên bà Anh đó; bà ở một thế giới khác thế giới chúng tôi, nhưng bây giờ ở Londres, cách bao nhiêu năm tôi nhớ lại bà khi tôi ngồi chiếc xe lộng lẫy Rolls Royce của tòa Đại sứ Trung Hoa, bệ vệ qua công viên Hyde Park, với Huilan Koo và mấy con chó Bắc Kinh. Bà Huilan Koo kể chuyện ông nội bà cho tôi nghe; cụ hồi xưa theo Thái Bình Thiên Quốc, chống lại Mãn Thanh, và để khỏi bị lột da, đã trốn xuống một chiếc

ghe; vượt biển qua Java, rồi làm giàu tại đó. Con trai cụ, tức thân phụ bà Huilan Koo thành ông Vua đường ở Java. Ông cụ này có nhiều con tới nỗi đếm không xuể, mà tiền cũng đếm không xuể. Cụ tậu một dinh thự ở Bắc Kinh cho Huilan Koo. Bà chép lại tất cả những chuyện đó trong cuốn sách mà chồng bà bỏ tiền ra mua hết để hủy bỏ...

*

Mùa hè năm đó chúng tôi được yết kiến Anh hoàng George VI và Hoàng hậu Elisabette ở điện Windsor, đồng thời với ông bà Đại sứ Tiệp Khắc, chúng tôi chỉ được hay tin đó sau bữa trưa mà mấy bạn của chúng tôi hầu hạ trong Hoàng tộc đãi chúng tôi; bà Đại sứ Tiệp Khắc hơi lo ngại, hỏi nhỏ tôi: "Tôi không có găng... bà cho tôi mượn được không? Tôi cũng thì thầm đáp lại: "Chỉ cho bà mượn một chiếc thôi, không biết như vậy được không?"

Về đồ trang sức, tôi chỉ có đôi bông tai bằng đá mắt mèo mua ở Ấn Độ, chiếc nhẫn cưới. Nhưng khi gặp buổi lễ hoặc buổi dạ hội ở Câu lạc bộ Đồng Minh khi dự tiệc trong các tòa Đại sứ, tôi có thể mượn hột xoàn của cô bạn. Phyllis Tai. Một thiếu nữ Trung Hoa sinh trưởng ở quần đảo Antilles.

Chính cô khuyên tôi đeo hột xoàn: "Chị có vẻ nghiêm quá, y phục đứng đắn quá. Em cho chị mượn hột xoàn để đeo khi cần dự các buổi hộp họp, tiệc tùng". Và cô đưa tôi một cái hộp bằng giấy bồi, chứa hột xoàn đáng giá 12.000 Anh bảng, bảo tôi cứ tùy ý sử dụng. Tôi đeo

hột xoàn của cô mười lăm ngày, tự thấy mình thành một "con người khác" không ai bằng Cô Phyllis bảo: "Chị có chắc rằng chị không muốn giữ thêm nữa không? Khi nào chị muốn mượn thì cho em hay, em sẽ đưa liền". Tôi đeo những hột xoàn đó hôm vô điện Windsor.

Ở điện Windsor. Pao vui mừng khôn xiết, anh bảo rửa một loạt tấm hình gởi về Trung Hoa. Được bắt tay một ông vua lập hiến, anh cho là một thành công trên hoạn lộ, một điều quan trọng đặc biệt, và có lẽ sự yết kiến đó, về địa vị trong xã hội, là một bước tiến lớn đối với anh. Nhưng tôi không chịu nhìn theo khía cạnh đó, vì như vậy làm mờ mất cái buổi chiều có nắng, vui vẻ đó, làm mờ màu tùng - lam (pastel) thanh nhã của chiếc áo và chiếc mũ của Hoàng hậu, nhất là làm mờ nụ cười rất dịu dàng và tự nhiên của vua George VI, đối với tôi thì nụ cười và thái độ rất nhã nhặn của nhà vua khi hỏi tôi: "Bà thấy khí hậu nước chúng tôi ra sao?" mới làm cho tôi sung sướng, chứ không phải ý nghĩ rằng nhà tôi đã thành công trên hoạn lộ:

Một buổi chiều cuối năm 1942, sau khi nhận được thư của Jonathan Cape - sau này thành một người bạn rất trung thành mà cũng là nhà xuất bản sách của tôi nữa, tôi lại thăm ông lần đầu ở số 30 đường Bedford Square. Ông rất to lớn, tóc bạc phơ, cực kì đẹp. Trong phòng giấy trần lộng lẫy của ông, tường chất đầy sách, tôi trút hết được trong một lát bao nhiêu nỗi lo lắng lớn lao làm thần kinh tôi căng thẳng.

Ông Janathan muốn nói chuyện với tôi về việc xuất bản cuốn *Destination Tchoungking*. Tôi bảo tôi viết chung cuốn đó với một người nữa, chứ không viết một mình. Ông đáp rằng tất cả các tác phẩm đầu tay đều là những công trình hợp tác cách này hay cách khác. Tôi ngắm các ngăn đầy tác phẩm ở sau lưng ông: thực vậy chăng, tôi sắp được đứng chung với các tác giả đó chăng? Tôi bảo: "Nhưng tôi có biết viết lách gì đâu, tôi không phải là nhà văn, tôi chỉ ước ao được thành y sĩ". Ông Jonathan đáp: "Hễ bà cảm thấy muốn lâu lâu ghi một việc gì đó lên giấy thì bà là một nhà văn rồi". Sau đó ông đưa tôi lại ăn trưa ở một khách sạn ông thường tới, ở khu Etoile [1] tôi rất rụt rè ăn một mình với một người đàn ông... Anh Pao mà biết được thì sẽ rầy mình ra sao đây? Tôi dấu ảnh việc đó và xin ông Jonathan đừng gởi thư lại nhà tôi, có chuyện gì phải bàn tính tôi sẽ kêu điện thoại. Nhưng không bao giờ tôi dám kêu điện thoại nói chuyện với ông cả, và hơn một năm sau tôi mới lại gặp ông.

*

Cũng như hồi ở Trùng Khánh, Pao lại bị các danh từ giam hãm, bị những hình ma tưởng tượng, ám ảnh những hình ma do những tin đồn mơ hồ gây ra - anh quyết tâm tự làm khổ thân, và lại hành hạ tôi theo lối thất thường, mâu thuẫn, gần như điên khùng của anh.

---

(1) Chắc chỗ này là một ngả năm ngả sáu gì đó.

Tưởng Giới Thạch nhiều khi ra lệnh cho một tướng lãnh tiến quân, rồi hai giờ sau buộc phải rút lui, để rồi ít giờ sau nữa lại ra lệnh phải chuẩn bị tấn công; Pao cũng vậy, giận dữ la hét với tôi: "Em không được nói chuyện với hạng người đó...?" "Anh cấm em cười!..." "Đừng có bộ mặt rầu rĩ đó, vui lên chứ!" "Anh muốn rằng em từ chối khiêu vũ..." "Em phải khiêu vũ..." "Tại sao không nói gì cả cứ làm thinh thế?" vân vân. Như vậy là một lần nữa, anh lại tạo ra một thế giới ảo ảnh, kì quái về tôi. Anh cũng sinh ra hồ nghi, tưởng tượng rằng người ta nhục mạ anh và lấy lẽ rằng tôi giỏi tiếng Anh hơn anh, có thể diễn những nỗi "bất bình" của anh thay anh, nên đòi tôi giúp anh để thỏa lòng trả thù của anh.

Trong một cuộc tiếp tân, người ta sắp anh ngồi vào một chỗ thấp hơn chức của anh, và anh bắt tôi viết thay anh một bức thư. Khi viên sĩ quan Anh lại xin lỗi anh vì không biết mà hóa ra sơ suất, anh bảo ông ta: "Nhà tôi bất bình về vụ đó", anh đã hoàn toàn nói dối, vì tôi có để ý tới chút gì về sự sắp chỗ ngồi đó đâu. Vì vậy tôi phải giữ kín tất cả những chuyện vô hại nhất. Và tôi dấu anh vụ ông Jonathan mời tôi ăn trưa như phải đấu một điều vô hại như vậy, tôi bực mình, hóa ra tinh thần căng thẳng, từ chuyện nhỏ này thêm chuyện nhỏ khác, riết rồi những ảo ảnh kì quái đó hóa ra lớn lao ghê gớm.

Và tới mùa hè 1943 thần kinh tôi hoàn toàn suy nhược, trầm uất.

12

Mùa thu năm 1942, *Destination Tchoungking* được xuất bản ở Anh. Thiếu tá Kerr một sĩ quan liên lạc Anh cho Pao hay tin đó và ngỏ lời mừng anh. Cuốn đó hợp với không khí thời đại: chiến tranh, "tình đoàn kết giữa các đồng minh" có tất cả những lời sáo dùng khi nâng li chúc mừng Tưởng Giới Thạch, Staline và Anh hoàng mà không một chút gì vô lễ. Sách được nhiều nhà phê bình khen, ra đúng lúc những cơ quan, Ủy ban vận động cho Trung Hoa và Viện trợ Trung Hoa đương gây lại phong trào tìm hiểu Trung Hoa. Nhân dịp đó chúng tôi làm quen được với Stafford Cripps và bà vợ Isabel với Kingsley Martin, Dorothy Woodman và Margery Fry, hết thảy đều hoạt động cho Trung Hoa. Họ khác xa hầu tước phu nhân W, các bà mệnh phụ F, B, các sĩ quan cao cấp và các nhà ngoại giao mà vì nghề nghiệp chúng tôi bắt buộc phải tiếp xúc. Hầu tước phu nhân làm cho tôi hoảng sợ, các bà mệnh phụ S và B nâng niu Pao, và bà quả phụ M đóng vai hơi kì cục - mặc dù với những thiện ý tốt đẹp nhất đời - làm như một thứ mẹ đỡ đầu trong đời sống của vợ chồng tôi vậy.

Riêng tôi, tôi có nhiều cảm tình ngay với ông bà Cripps, với Dorothy và Kinsley, với Margery Fry hơn với các người kia; vì họ có một ý thức xã hội và cuộc đàm đạo của họ thông minh không làm cho tôi sợ. Trong giới

rất thủ cựu hồi đó chúng tôi tới lui ông Stappord. Cripps bị coi là người ở phe tả, cực đoan gần như vô thần. Nhưng rồi vì mệt mỏi về chiến tranh, vì phong tục thay đổi, vì tiếng đồn về kế hoạch Beveridge, từ nghi kị người ta hóa ra mến ông, Stafford đã có hồi qua Trùng Khánh thăm Tưởng Giới Thạch, chắc chắn là ông ta có đủ tư cách phán đoán về các biến cố ở Trung Hoa hơn nhiều khách phương tây khác. Mới đầu Pao ra lệnh cho tôi không được giao thiệp với ông bà Cripps "họ là cộng sản". Sau anh hiểu rằng trong xã hội Anh ông bà ấy không thể coi là cộng sản được, và anh đổi ý bảo phải làm quen với họ. Còn Dorothy Woodman và Kingsley Martin thì Pao không ưa, còn chế nhạo nữa, nhưng bề ngoài thì làm duyên, làm dáng với họ...

Khi chuyện trò với ông bà Cripps, Kingsley Martin Dorothy Woodman Margery Fry, tôi vui vẻ, cởi mở biểu lộ chân tướng không lo nghĩ về chuyện bị rầy, bị hành hạ nếu Pao biết được; những vị khách đó để cho tôi một kỉ niệm rực rỡ, và chỉ tới khi tôi ra về, lại sống cuộc đời tù túng, tôi mọi, rầu rĩ, mà mọi sự đều tùy thuộc một nét cau mày của Pao, chỉ khi đó, những ý nghĩ, ước ao của tôi mới sụp đổ, thành những bóng hư ảo.

Tôi lại trở về cái miễu hoàng hôn nghi kị, bệnh hoạn đó nó lần lần tách tôi ra khỏi thế giới thực. Hết giờ này tới giờ khác, bị một nỗi sợ sệt ám ảnh, tôi nghi ngờ, cân nhắc những gì đã xảy ra, những gì không xảy ra... *Có thực* người ta đã nói vậy không? Hay là mình đã *nghe lầm?* Phải trả lời ra sao thì *mới đúng, mới hợp?* Những

lời người ta nói có một ý nghĩa nào *khác* mà mình không nhận ra chăng? Tôi trằn trọc hàng giờ xét đi xét lại tất cả những lời đã nói, những việc đã làm, và thấy cái gì cũng có nhiều ý nghĩa *khác*. Pao sẽ hỏi tôi về chuyện này chuyện nọ, và tôi biết rằng nếu tôi kể lại đúng những lời người ta nói, người ta đáp, thì anh sẽ gây với tôi, cho rằng có điều khả nghi. Anh sẽ hỏi tôi tại sao lại nói câu đó, câu nọ, rồi có cớ để chất vấn tôi hàng giờ, và sau đó, tôi sẽ phải từ chối không tiếp xúc với bất kì ai... Vậy tôi ở nhà ra đi, trong lòng sợ sệt, rồi trở về nhà cũng sợ sệt, tôi do dự không dám dự những cuộc đàm đạo hơi có ý nghĩa một chút, vì sợ sẽ bị anh Pao trừng trị.

Hồi đó không ai biết rằng Pao lại hành hạ tôi trở lại. Người khác đâu có thích nghe tôi tả cái cảnh địa ngục trong gia đình tôi, chuyện đó thường quá rồi. Theo Pao thì chính Isabel, Stafford, Kingsley và Dorothy Woodman đều ngạc nhiên về thái độ của tôi. Chỉ có mỗi một người anh quên, cố ý quên, là Mangery Fry...

Một buổi tối, Pao dắt về nhà một thiếu phụ Gia Nã Đại, tóc hung hung, mắt xanh lá cây. Anh đã gặp cô ấy trong buổi khiêu vũ ở Câu lạc bộ Đồng Minh. Vậy họ dắt nhau về, tôi đương ở trong bếp làm cơm đãi họ thì Pao vô xem tôi làm những món gì, và bảo: "Cô ấy là nữ bác sĩ đấy, nấu cho ngon nhé". Cô ta đâu phải là bác sĩ, chỉ là y tá. Tuần sau, anh đi nghỉ cuối tuần với cô ấy, mà không cho tôi hay là đi đâu. Hai đêm đó, tôi trằn trọc, lo lắng không biết anh có bị tai nạn gì không, tôi kêu điện thoại cho người thư kí của anh và ông tùy viên hải quân Trung

Hoa để hỏi anh ở đâu. Cả hai đều hứa sẽ rán dò la tìm kiếm, nhưng rồi thôi, không cho tôi hay gì cả, mãi đến chiều thứ hai. Pao trở về, và nổi quạu lên khi tôi cho hay đã điện thoại cho ông tùy viên hải quân (mà anh ghét cay ghét đắng). Sau đó anh ra đi để dự tiệc (trong khi tôi khóc mướt), tôi thấy trong túi áo dài của anh tấm hình của cô ả với lời tặng này "Kỉ niệm với người vợ bé nhỏ rất sung sướng của anh". Lệ tôi lại trào ra nhiều hơn nữa, không khổ tâm về sự lạc lỏng tà dâm đó mà chỉ rầu vì thấy hài kịch đó đê tiện quá. Lại thêm tôi mệt quá rồi. Mấy hôm sau cô ả lại tới, uống cà phê với chúng tôi rồi với Pao: họ nhắc đi nhắc lại với tôi rằng cô ta là bác sĩ... còn tôi thì không học nổi cho hết môn y khoa.

Một tuần lễ sau, tôi kêu điện thoại cho cô ta, bảo nếu cô không ngừng đi thì tôi sẽ kiện cô. Cô cam đoan rằng "không hề làm cái gì bậy", chẳng qua chỉ là một trò đùa thôi, phải, Pao có đi nghỉ cuối tuần với cô, nhưng cả hai đều thành ý thực tâm cả; cô bảo tôi cô đã dọa huých chó cắn anh; không, cô không phải là bác sĩ, thân phụ cô mới là bác sĩ. Rồi cô trở mặt, dọa tôi: thân phụ cô là một ông lớn, sẽ có biện pháp trừng trị cái thứ "Âu lai Á đê tiện" là tôi...

Từ đó cô ta không trở lại nhà tôi nữa, và trong mấy hôm Pao chỉ nói chuyện mưa nắng, hỏi tôi thích ăn món gì để trưa đưa tôi đi ăn tiệm. Tôi một mực làm thinh, anh thôi không nói nữa, ngồi trên đi văng, cau mày làm bộ đọc sách; hoặc nhắm mắt lại, ngả đầu ra sau, làm bộ ngủ. Chúng tôi đi đi, lại lại trong nhà mà cơ hồ như không

nhìn thấy nhau, cả hai như những bóng ma ngạo mạn; chúng tôi ngủ trên cái giường lớn có trướng rũ bằng sa tanh, và sáng thức dậy chẳng nói với nhau một lời, vì cả hai đều lạnh như đá, đều có một ác mộng, một niềm ghét riêng mà không lời nào có thể giải được.

Rồi bà quả phụ M. lại dạy tôi về bổn phận làm vợ. "Ông ấy không phàn nàn một lời, nhưng tôi thấy ông ấy có vẻ đau khổ lắm". Bà vừa liếc tôi, khóe mắt lạnh như băng, vừa nói với tôi như vậy; tôi đáp rằng tôi muốn học y khoa để thành bác sĩ. Cặp mắt xanh lơ long lanh của bà lại liếc tôi, lạnh lùng chê tôi. Bà bảo tôi cùng với bà lại bàn thờ cầu xin Chúa cho tôi nghị lực để "nhận định được và làm tròn bổn phận của tôi". Bà nói thêm rằng bổn phận của đàn bà là phải đặt Chồng, Con, Gia đình lên trên cả, ngoài ra là phụ hết. Vậy chúng tôi đi cầu nguyện - đúng hơn là bà cầu nguyện xong rồi ra về.

Bà ta về rồi, tôi ra cửa sổ nhìn rồi đoán phỏng xem từ cửa sổ xuống tới sân là bao nhiêu thước. Tôi có nên tự tử không? Có nên để lại mấy chữ không? Nếu không thiên hạ có thể tưởng rằng bà M. đã bức tôi phải chết mà hại cho thanh danh của bà... Bao nhiêu ý nghĩ điên khùng như vậy hiện lên trong đầu óc con nít và hay gây gổ của tôi, riết rồi tôi phì cười, hết lo lắng được một lát, tôi bỏ cửa sổ đi chỗ khác, thoát chết, nhờ một cái bản ngã khác của tôi. Vì mặc dầu mỗi lúc tôi lo sợ, suy nghĩ rời rạc thêm lên (tôi cảm thấy cảnh đêm tối xâm chiếm tôi, nó đợi đó, và tôi liếc mắt rình con quái vật quen thuộc, tức

sự sợ sệt, nó trùm cái áo tơi rộng và đen mà rình tôi) còn may là có Yungmei linh động, xinh đẹp. Tôi không ngó về phía cửa sổ nữa mà gom tất cả những ý tưởng liên lạc lại, tôi bỗng lập những kế hoạch đứng vững được. Tôi thu xếp để cho Yungmei và cô Gillie đi nghỉ ở bờ biển. Cô Gillie không thích ở Londres. Những vụ dội bom làm cho cô sợ ghê gớm; ban đêm mà máy bay tới là cô bồng Yungmei xuống tầng nhà ở dưới mặt đất. Ít lâu nay, cô thường nói bóng bẩy cho tôi hiểu rằng cô muốn về ở miền quê, cô nói có những gia đình trước kia cô giữ trẻ giùm, đã cho trẻ về miền quê hết rồi, để tránh bom... và một trong những gia đình giàu có, tử tế đó, đã bằng lòng tiếp cô và Yungmei, như hạng "khách tới ở mà trả tiền"; dĩ nhiên là riêng cô thì chẳng tốn kém gì cho ai cả, trái lại là khác, vì dù lại nhà nào đi nữa, ngoài Yungmei ra, cô còn săn sóc thêm cho những đứa khác, đỡ đần được các bà mẹ kiệt lực, hoặc các bà nội cương quyết "đương đầu" với một bầy trẻ trong khi đàn ông ra mặt trận, còn đàn bà thì can đảm chiến đấu, đứng nối đuôi để đợi phát phần ăn. Được cô trông nom giúp trẻ cho, họ sẽ rất mừng rỡ.

Yungmei rất yêu cô Gillie, thích ở với cô, còn tôi thì cảm thấy trí óc suy nhược mau quá đến nỗi muốn cho Yungmei đi ở ngay một nơi khác yên ổn, (dù chỉ là để nó tránh khỏi cơn điên của tôi) trong khi tôi giải quyết vấn đề - ác mộng của tôi với Pao.

Như vậy khỏi phải lo về Yungmei và Gillie trong vài

tuần, tôi có thể ngọa bệnh mà buông xuôi hết cả. Nhưng tôi còn đợi, cố tự chủ mà đợi giọt nước cuối cùng làm tràn li nước, tức biến cố buộc tôi phải hành động; Quyết định đó của tôi vừa giảo quyệt, vừa thản nhiên, như vậy tôi đâu có thực là bệnh hoạn; luôn luôn tôi nhận thấy khía cạnh quỉ quyệt đó, nhưng cũng vẫn phải làm.

Và biến cố đó tới. Pao buộc tôi phải rút về bản *Destination Tchoungking* in ở Anh. Anh đấm đá tôi túi bụi luôn mấy ngày, và la: "Phải ngưng lại, bảo các nhà xuất bản ngựng lại hết đi". Nhưng anh chẳng làm gì cả, muốn để tôi một mình lãnh trách nhiệm về vụ đó. Trước đó đã có trường hợp Willington Koo ngăn không cho phát hành tác phẩm của vợ ông. Tôi kêu điện thoại nói chuyện với ông Jonathan Cape. Ông mới tái giá và mời tôi lại uống trà với vợ ông, tên là Kathleen; tôi tới thấy hai ông bà đương ngồi chung quanh lò sưởi. Ông hỏi tôi: "Chồng bà hành hạ bà từ bao lâu rồi?". Tôi khóc suốt buổi nói chuyện, và khi ra về, tôi còn say nước mắt. Nhưng khi tôi nói về trường hợp ông Welington Koo cấm phát hành sách của vợ, ông Jonathan chỉ cười; dĩ nhiên về cuốn của tôi, ông cứ cho phát hành. Tôi quyết định lại nhà bà Margery Fry có lẽ vì có lần bà bảo tôi khi nào cần nghỉ ngơi thì cứ lại nhà bà. Tôi bèn gọi điện thoại: "Bà Margery, tôi không được mạnh. Tôi có thể lại ở nhà bà ít bữa không?". Bà đáp: "Được lắm, đem bàn chà răng lại". Tôi bảo bà "tôi không được mạnh" vì mấy bữa nay tôi khóc hoài và lần cuối cùng gặp bà thì nước mắt tôi chảy ròng ròng trên má. Lát sau, tôi bật cười, không dứt. Tôi nhớ

cô S. và cách cô tự trị bệnh: lên giường nằm và nằm luôn mấy tuần tới khí mạnh mới thôi. Tôi biết rằng nếu tôi ngủ lâu, thật lâu thì chẳng cần y sĩ, chẳng cần thuốc thang, tôi cũng hết bệnh. Tôi đã thực hành cách đó hai lần trong đời tôi.

Tôi lấy một bàn chà răng, một cái áo ngủ, nhưng quên chiếc khăn bông và một chiếc áo dài để thay. Tôi viết mấy chữ cho Pao: "Em không thể chịu nỗi đời sống này nữa, em đi nghỉ vài ngày", rồi đặt lên bàn, chỗ gần cửa. Chìa khóa, tôi nhét dưới chiếc nệm. Người gác cửa có râu mép ngắn, giơ tay rờ chiếc nón cát két để chào tôi, đưa tôi xuống bằng thang máy. Pao sẽ về vào khoảng từ 5 giờ tới 7 giờ chiều, nếu không thì khuya mới về, lúc đó tôi không còn ở nhà nữa. Tôi tự hỏi hoài không biết còn thức ăn trong tủ lạnh không. Tới ngôi nhà cao của bà Margery thì bà đã đứng ở sau chiếc cửa sổ lớn ngóng tôi; tôi rất quen thuộc hòn núi non bộ ở đây; trà đã có sẵn trên khay, phòng có lò sưởi bằng khí thắp đèn, nhưng vẫn còn lạnh.

Bây giờ tôi có thể vừa uống từng ngụm trà, sữa, vừa kể lể qua những việc đã xảy ra cho bà Margery nghe, nhưng câu chuyện của tôi có vẻ vô lí, rời rạc, nhảm nhí, tới nỗi tôi suýt trở ra về liền, nhưng vì lệ cứ trào ra hoài, nên tôi lại không đi.

Bà Margery bắt tôi lên giường nằm: "Coi cháu bơ phờ quá". Tôi nằm suốt một tuần, chỉ thỉnh thoảng dậy đi tắm, và từ ngày thứ tư mới xuống buồng ăn. Tôi bị một

cơn hoảng hốt, sợ sệt, đòi kéo màn che kín cho không thấy ánh sáng nữa. Ngay phòng khách mà tôi cũng không chịu xuống. Bà Margery thật tốt bụng, đáng quí lắm, cứ để tôi nằm, đòi được đích thân bưng bữa tối lên cho tôi nữa... mệt cho bà quá vì bà gần thất tuần rồi. Tôi ích kỉ, để bà chiều tôi, như chiều một em bé và tôi ngủ thiếp đi.

Chiều hôm sau, Pao lại. Anh dễ dàng kiếm được tôi; anh biết rằng tôi chỉ trốn ở nhà ba bốn người ngôi: Isabel Cripps, Dorothy Woodmann hoặc Margery Fry. Anh kêu điện thoại cho bà Margery. Bà mời anh lại chơi, anh tới và hai người nói chuyện với nhau. Khi anh ra về rồi, bà vô phòng tôi, bảo: "Chân tôi bây giờ yếu quá", vì nhà toàn là cầu thang, mà bà chỉ mướn một bà làm bếp, già lắm rồi. Tôi rưng rưng nước mắt nhìn bà: vì tôi mà bà phải lên lên xuống xuống như vậy. Bà kể lại rằng Pao tỏ ra biết điều lắm. "Này cháu, chồng cháu đồng ý rằng cháu cần nghỉ ngơi vài ngày. Và hứa sẽ không quấy rầy cháu đâu..." Rồi bà kết: "Con người đó tỏ ra nhiều lương tri". Pao cũng đã nói với bà rằng Yungmei không phải là con của tôi, điều đó tôi không hề cho ai hay vì không muốn cho nó xen vô chuyện đó, tôi muốn tránh cho nó không thấy những nỗi đau khổ của tôi, che chở nó, về phía Pao, cũng như về phía tôi.

Tôi lại khóc. Cho tôi nghỉ ngơi, anh Pao tỏ ra cao thượng và tốt bụng thật! Tôi sẽ ngủ vài ngày nữa, lấy lại sức, rồi lại rán nữa... Tôi viết mấy chữ lên bưu thiếp, gởi cho Yungmei và Gillie.

Sáng hôm sau, có người bấm chuông: Pao cho người đem lại một bó hoa, một thứ cúc vàng lá nhuộm đỏ rực. Tôi lại khóc và bà Margery khịt mũi; bà đã chế ngự được cái mà bà gọi là "thứ bom mát" (1) của Pao bà bảo: "Tôi có nghĩ rằng tình cảm con người đó cũng gần gần xác thực, như thứ lá vàng này". Tôi năn nỉ bà: "Xin bà nói với ảnh rằng tôi hết chịu nổi rồi, chỉ mong được nghỉ ngơi vài ngày thôi", và tôi dậy cắm bó bông vào một bình bông gần giường.

Bà đưa sách của anh (hay em) bà, ông Robert Fry, viết về nghệ thuật Trung Hoa, cho tôi đọc để tiêu khiển. Bà mấy lần muốn mời bác sĩ, tôi từ chối: "Tôi có đau gì đâu, chỉ có dao động về tinh thần thôi, và mệt, mệt lắm". Tôi viết một bưu thiếp nữa cho Yungmei, mỗi ngày gởi cho nó một tấm; trong nhiều năm sau, tôi giữ thói quen đó mỗi khi tôi xa nó.

Buổi chiều đó, tôi nằm, trằn trọc nghĩ tới dĩ vãng: lần Pao trở lại Vũ Hán kiếm tôi, lần anh với tôi ở Quế Lâm, khi tôi bị đám đông xô té xuống sông... anh tốt bụng, anh cao thượng, khoan dung, tất cả những gì xảy ra đều tại tôi cả... Buổi tối hôm đó, vào khoảng tám giờ, có ai bấm chuông ở cửa, bà Margery đương ngồi cạnh tôi uống tách cà phê sau bữa ăn. Sáo đã hạ xuống, để ánh sáng khỏi lọt ra ngoài. Bà xuống xem có chuyện gì. Rồi tôi nghe có tiếng chân nặng nề lên cầu thang. Bà trở

(1) Thuốc sáp để thoa dịu hoặc sáp xức tóc, nghĩa bóng là lời nịnh bợ, tán tụng, thoa dịu.

vô, phía sau bà là hai người điều dưỡng bận đồng phục trắng, trình một lệnh do bác sĩ kí. Do lời yêu cầu của Pao, họ lại chở tôi vô một dưỡng đường để bác sĩ khám xem thần kinh tôi có thác loạn không... Pao đi sau hai người khiêng băng ca đó: anh ăn bận rất bảnh bao, sinh lực tràn trề, chạy lại giường tôi, nói bằng tiếng Trung Hoa: "Dậy đi, anh tới đón em đi, dậy đi".

Bà Margery la lớn:

- Đại tá Tang, ông đã hứa với tôi, hứa với tôi rằng để yên bà ấy trong vài ngày mà...

Hai người khiêng băng ca vô phòng, thận trọng nghiêng băng ca cho khỏi đụng, rồi dăng tấm vải trắng ra, đứng đợi. Tôi ngồi dậy, gào thét. Pao ra lệnh "chở bà ấy đi". Anh cấm bà Margery xen vào. "Bà biết không, tôi có thể bắt giam bà? Vợ tôi thì tôi chở đi, tôi có thể săn sóc nó được." Hai người điều dưỡng lại gần tôi, tôi la lớn: "Tôi không muốn đi! Tôi không muốn đi!... Tôi xin các ông đừng khiêng tôi đi, tôi mệt lắm." Một người điều dưỡng nói với Pao: "Thưa ông, tôi rất ân hận, nhưng bà ấy không muốn thì chúng tôi không thể khiêng bà ấy đi được." Bà Margery bảo Pao: "Đại tá Tang, chúng mình cùng xuống phòng khách nói chuyện về việc đó." Người điều dưỡng quay lại nói với bà: "Bà ấy không có vẻ điên mà". Ông ta hỏi ý bạn, rồi cả hai lại nặng nề bước xuống cầu thang, thận trọng, quả quyết, vừa đi vừa nói với Pao: "Thưa ông, chúng tôi rất tiếc nhưng chúng tôi không thể khiêng đại bà ấy đi được, như vậy không nên." Bà

Margery bảo Pao: "Ông theo tôi, chúng ta cùng thảo luận về tình cảnh." Trong cầu thang, một người điều dưỡng hỏi bà: "Phải là một trường hợp ngược đãi không?" Tôi không nghe thấy bà trả lời.

Pao bước theo la lớn: "Tôi ra lệnh cho các ông phải khiêng bà ấy đi... Tôi là tùy viên quân sự đây." Rồi một người cảnh sát xuất hiện, to lớn, bận áo đôi, đứng chật cả cửa. Ông này nói với Pao: "Mời ông xuống, chúng ta sẽ cùng thảo luận với nhau.", Pao đáp: "Vợ tôi đấy, vợ tôi đấy!" - "Vâng, vâng, nhưng thưa ông, không ai có thể bắt một người phải vô nằm bệnh viện nếu chính người đó không chịu". Ông cảnh sát và Pao có vẻ sắp tranh luận với nhau, tôi nói lớn với ông ta: "Tôi xin ông, xin ông đừng bắt anh ấy, anh ấy không biết anh ấy làm cái gì đâu". Pao bèn tiến lại phía tôi, bảo: "Em, em của anh, được. Thôi em nằm nghỉ ở đây đi". Anh muốn hôn tôi, tôi quay mặt vào tường, bảo: "Tại sao anh lại làm như vậy? Bậy quá." Rồi tôi bật cười, nín không được, Pao đi ra. Nửa giờ sau, trong nhà bình tĩnh rồi, bà Margery trở lên, vẻ mệt mỏi, hốc hác, có hai nếp nhăn đen đi từ mũi xuống cằm.

Hôm sau bà cho tôi hay rằng Pao đã trình bày sai sự kiện cho một bác sĩ đường Wimpole, xin ông này kí một chứng thư y nghiệm, cho tôi vô nằm bệnh viện để khám xem óc có thác loạn không. Nhưng Pao không biết rằng luật Anh không cho phép vô bệnh viện như vậy; Pao lấy tư cách là nhà ngoại giao, đã thuyết phục bác sĩ, khiến ông ta chẳng khám xét gì tôi cả mà ra lệnh càn, nhưng

hai người điều dưỡng biết luật, không chịu làm trái luật.

Rồi Pao tính kiện bà Margery. Sau đó, anh phàn nàn với bà Isobel Cripps, bà này lại thăm tôi hai ngày sau cái đêm các điều dưỡng tới để định khiêng tôi đi. Tôi giảng cho bà nghe rằng một điều tôi không chịu nổi là ảnh bắt tôi phải nói dối với mọi người: vì tôi là người Âu lai Á, chứ không là Trung Hoa thuần túy, và Pao lấy vậy làm xấu hổ, tôi không thể sống mà nói dối hoài được, Bà bình tĩnh nghe tôi kể hết cả đầu đuôi, rồi bảo sẽ nói chuyện với Pao (bà nói chuyện với Pao thật). Bà còn nói thêm rằng bây giờ Pao đã làm rùm lên, không biết vụ mày có thể đi tới đâu, rắc rối lắm. Tốt hơn là tôi tới ở nhà em gái và em rể bà, một ngôi nhà lớn ở vùng quê. Tôi nghe lời bà, tối đó. Rồi sau tôi lại đổi chỗ một lần nữa, lại ở nhà một người bạn khác, bà Margaret Godley, cũng yên tĩnh, cũng ở vùng quê, với tư cách là «khách trả tiền". Yungmei và cô Gillie lại đó với tôi. Sau sáu tuần xa Pao, tôi bình phục trở lại, hết khóc mà cười trở lại được. Tôi lại muốn, muốn mãnh liệt, làm một việc gì. Tôi biết rằng muốn sao thì sao, tôi cũng phải học cho thành y sĩ[1].

Rồi một buổi chiều (do bà Isobel đứng giữa dàn xếp) Pao và tôi gặp nhau trong giờ uống trà ở nhà hai ông bà Stafferd và Isobel Cripps, hôm đó vào tháng chạp, hai ngày trước lễ Noel. Ông Stafford hơi ngượng nghịu, rít những hơi dài, gõ ống điếu cho rơi tàn, rồi nhồi một điều

(1) Cả đoạn in ngã này, do chúng tôi tóm tắt.

khác. Pao bước vô vẻ mặt cởi mở, ngay thẳng, bận một bộ quân phục mới, hết sức bảnh bao và dễ thương. Anh nói rất hay, nhận rằng chỉ riêng anh có lỗi và hứa sẽ sửa tính. Bằng một giọng rất nghiêm trang, anh gợi hoàn cảnh của Trung Hoa, bảo chúng tôi phải vì Trung Hoa đang chiến đấu để sống sót: Isobel và Stafford nghe anh thuyết mà rất cảm động. Dĩ nhiên anh lại dùng lá bài ái quốc ái quần. Hồi đó, đối với tôi và nhiều người trong bọn chúng tôi, đó là một lời hô hào phải hi sinh.

Vì có hoàn cảnh đó, nên tôi đáp: vâng, tôi sẽ trở về, ông bà Cripps bước ra, để chúng tôi ngồi một mình với nhau. Pao bảo anh yêu tôi; và anh cho hay sự thực: một phái đoàn quân sự Trung Hoa do tướng Hsiung cầm đầu, mới tới để bàn về vài vấn đề quân sự, một bữa tiệc để tiếp rước họ sẽ tổ chức tối hôm đó... tôi đau nặng nhưng đã đỡ nhiều. Tôi ngó anh trừng trừng: mặt anh tươi rói, hăng hái mà trẻ trung, hoàn toàn giả dối, mà anh lại tự cho là rất thành thực; tôi chán nản nghĩ bụng: "Tại sao cứ cái trò nói dối hoài đó vậy?", nhưng tôi đáp: "Vâng, tôi sẽ đi dự, nhưng tôi muốn học y khoa". Anh đáp: Dĩ nhiên, em muốn làm gì thì làm". Thế là từ nay, tôi có quyền làm mọi việc theo sở thích, từ những việc lớn tới những việc nhỏ nhất.

Vậy buổi tối đó, tôi đi dự tiệc. Có bảy hay tám quân nhân; họ đem theo cái xú khí tham nhũng thối nát của Trùng Khánh; khoe những thắng trận tưởng tượng. Tướng Hsiung bảo: "Tôi mà gặp bọn sĩ quan Anh thì tôi sẽ quay chúng như những con vụ. Ông ta lấy làm vinh

hãnh rằng Tưởng Giới Thạch sai khiến được người Mĩ và đã tống cổ được Stilwell. Trong cái canh bài quyền hành, quanh co, tế nhị, quỉ quyệt đó, họ đang chơi một ván mà tôi được chứng kiến. Nhưng lần này tôi không còn bị gạt nữa.

*

Mùa đông 1943 bước qua 1944. Stalingrad anh dũng kháng Đức; chiến tranh ở sa mạc (Bắc Phi), do tướng Montgomery chỉ huy đã làm lật ngược tình thế, phần thắng về Đồng Minh; người ta nói nhiều tới một mặt trận thứ nhì ở Châu Âu, Tưởng Giới Thạch, Roosewelt và Churchill gặp nhau ở Caire, rồi ở Téhéran tại đây người ta hủy bỏ hết những lời hứa với Tưởng.

Tháng 8 năm 1943, Huân tước Đề đốc Louis Mountbatten, vị chỉ huy tối cao của Đồng Minh, tổ chức lại mặt trận Đông Nam Á. Mountbatten bay qua Trùng Khánh để gặp Tưởng và trong tờ *Paris Match* ông viết rằng, tới nơi ông hay tin Stilwell đã bị Tưởng Giới Thạch đuổi đi.

Ông tướng hay quạu Joe Stilwill (biệt danh là Joe Dấm) đó được Washington phái qua Trùng Khánh từ 1942. Chiến lược của Mĩ (đã bị bỏ từ hồi đó) là tổ chức lại quân vĩ đại của Trung Hoa, phát cho họ khí giới, luyện tập họ, đặt họ dưới sự chỉ huy của Mĩ mà dùng trong những trận lục địa lớn lao ở Á, chống lại Nhật.

Một trong những trận lớn lao chuẩn bị theo lối đó,

mở đầu cho những trận Miến Điện từ tháng 5 năm 1942 tới tháng 5 năm 1945. Nhưng mục tiêu của các Đồng minh xung đột nhau rõ rệt quá, và những quân đội gởi qua Miến Điện thành ra "một đạo quân bị bỏ quên" trên "một mặt trận bị bỏ quên".

Chiến lược lớn lao của Stilwell về Miến Điện là luyện tập ba mươi sư đoàn Trung Hoa: số lính là X, Y, Z: một ở Ramagarh tại Ấn, một ở Côn Minh, một ở Quế Lâm. Ba đạo quân đó, khi chuẩn bị xong rồi, sẽ tiến lên, tập họp lại thành một mặt trận từ Ấn Độ tới bờ biển phía Đông của Trung Hoa, cắt đứt mọi đường giao thông với Nhật, và đuổi hết Nhật ra khỏi Miến Điện. Xong rồi sẽ làm một con đường nối Ấn Độ với Trung Hoa, đi ngang qua Assam và Bắc Miến Điện. Con đường đó - người thì gọi là đường Bắc Miến Điện, có người lại gọi là đường Stilwell - sẽ thay thế con đường Miến Điện cũ, đã bị Nhật chiếm hồi tháng 5 năm 1942.

Ngay từ mùa hè 1941, trước khi xảy ra vụ Trân Châu cảng, Hội đồng Quân sự Trung Hoa đã đồng ý để cho Mĩ sử dụng ba chục Sư đoàn. Nhưng khi Stilwell yêu cầu thực hiện lời hứa đó thì Tưởng dùng Hà Ứng Khâm, con người có thiên tài trong nghệ thuật không bao giờ giải quyết xong một việc gì cả, để thoái thác, rồi hứa nữa mà không bao giờ thực hành. Một nửa số sư đoàn của Tưởng chỉ có trên giấy tờ, mà không một sư đoàn nào có được trên nửa số quân ghi là "còn sống", vậy thì làm sao các quân ma đó thành quân thực được, điều đó có gì khó hiểu đâu.

Để nâng cao tinh thần của dân chúng, tháng hai năm 1942, Doolittle tổ chức một cuộc tấn công Nhật bằng phi cơ, để trả thù, Nhật phá hủy tan tành phi trường Chiết Giang ở bờ biển Trung Hoa, rồi rút lui, tỏ rằng họ không phải là không biết thâm ý của Mĩ là muốn dùng những phi trường, hải cảng và quân đội Trung Hoa để tấn công họ. Tưởng Giới Thạch bất bình rằng các mặt trận khác được Đồng minh coi là ưu tiên, giở cái trò lộn sòng mà ông thường dùng: ra lệnh cho quân đội đừng ngăn tụi Nhật phá các phi trường. Stilwell không sao hiểu nổi những động cơ khiến cho Tưởng hành động hay không hành động, nổi quạu lên, phàn nàn rằng người ta bắt ông sa lầy trong cái mà ông gọi là “hố rác”, tức Trùng Khánh. Ông cho Tưởng là tính tình bất thường, ngu xuẩn, tự mâu thuẫn hoài, là thứ *«Đậu phụng già”*. (Sự thực chính nhóm người Trung Hoa học ở Mĩ về, làm tay chân cho Tống Tử Văn, em vợ của Tưởng, đã đặt ra tên đó để gọi Tưởng). Sau cùng Stilwell viết rằng hễ còn Tưởng thì Trung Hoa không thể nào tiến bộ được. Trong hội nghĩ Téhéran, tháng chạp năm 1943, tiếp theo ngay hội nghị ở Caire, Roosevilt và Staline đã bác bỏ một phần lớn chiến thuật của Mĩ mà Stilwell đã nhiệt tâm chuẩn bị và thực hành trong hai năm. Vậy những trận đã dự tính ở Miến Điện chỉ là để phô trương, đã hi sinh vô ích biết bao nhiêu lính không có đủ khí giới.

Những lời Đồng minh gần như là đã hứa với Tưởng ở Caire tháng mười một năm 1943, bây giờ Đồng minh rút lại hết, họ thay đổi hoàn toàn chiến thuật. Stilwell bị

chính phủ của Ông (Mĩ) hi sinh, chứ không phải là bị "Tưởng đuổi đi", ông ta bị hi sinh từ trước khi người ta cho ông hay, vì trọn kế hoạch tấn công Nhật bằng đường bộ đã phải hủy bỏ. Có tin đồn rằng người ta đã bí mật bỏ kế hoạch đó từ đầu năm 1943, trước khi có hội nghị Téréran.

Nếu thực hiện kế hoạch Stilwell thì các đạo quân Mĩ và Trung Hoa sẽ vô các thuộc địa của Anh ở Đông Nam Á, ở Miến Điện. Các đạo quân Trung Hoa được cung cấp khí giới và huấn luyện đúng theo ý Stilwell, sẽ như một sự khiêu khích thực dân Anh ở Đông Nam Á. Lòng tham của Mĩ đã lộ rõ (chiếm địa vị của Anh ở Châu Á) và khiến cho Anh càng bám chặt lấy vị trí của họ, điều đó dễ hiểu. Chẳng những họ không muốn sự thống trị chung của Mĩ - Hoa, mà sự thống trị của Mĩ, họ cũng không chịu. Họ cương quyết mong rằng hết chiến tranh, thuộc địa của họ sẽ trả lại họ. Giới Trung Hoa ở Londres đều biết cái trò mờ ám, nước đôi đó, và giữa người Trung Hoa và giai cấp thống trị ở Anh, xuất hiện một sự cừu thị ngầm nhau.

Tháng 8 năm 1943, Mountbatten tới Miến Điện và thấy ở đó một tình trạng tệ hại kinh khủng mà ông đã kể lại một cách rất linh động: cứ 100 quân nhân thì trong một năm có một trăm ba mươi lăm trường hợp vô nằm bệnh viện vì bệnh sốt rét cơn; trong khi chỉ có một thương binh vì có tới một trăm hai chục quân nhân bị sốt rét đó mà phải loại ra khỏi vòng chiến. Các sĩ quan Anh lúc đó còn nhớ rõ cảnh hỗn độn rối beng kinh khủng của trận

Miến Điện năm 1942, mà tình trạng đó vẫn tiếp tục, về phương diện ưu tiên, mặt trận đó vẫn đứng hạng chót, và còn đứng hàng chót thêm một năm nữa. Không có phi cơ, không có khí cụ, không có quân nhu. Những chiếc tàu người ta phái lại đó, đã bị gọi về chỉ có Wingate và các Chindit (1) của ông là hoạt động lai rai nhưng lực lượng 132 ở Mã Lai, vì lí do tâm lí và cũng là muốn thu thập tin tức (coi xem ảnh hưởng của Cộng sản trong miền mạnh yếu ra sao, mà sau này tìm cách diệt như ở Nam Tư ở Hi Lạp) để cho báo chí cùng đại chúng lâu lâu nhắc tới tên Miến Điện...

Mountbatten kể lại rằng ông thuyết phục Tưởng Giới Thạch đừng đuổi Stilwell về năm đó (tháng chín năm 1943) bằng cách hứa với Tưởng sẽ thành lập ngay một trận thứ nhì ở Miến Điện. Nhưng thình lình người ta lại rút về hai phần ba hạm đội của Mountbatten, sau khi hạm đội đó tới các cảng Ấn Độ, để phái qua hoạt động ở Địa Trung Hải sau tháng chạp 1943.

Nực cười thay, Tưởng được Roosevelt cho hay tin đó! Tại hội nghị Caire. Tưởng xin Roosevell một triệu Mĩ kim. Sau đó Roosevelt kể rằng: "Tôi đâu chịu cho cái th... đó một triệu Mĩ kim", ông ta cho hay mặt trận Địa Trung Hải mới là "ưu tiên bậc nhất". Thế là Tưởng Giới Thạch có một cớ rất tốt để đuổi Stilwell về. Các quốc trưởng khác không giữ lời hứa, thì tại sao ông ta lại phải

---

(1) Lính biệt kích thành phần là Anh, Miến Điện và Népal.

giữ? Và một lần nữa. Tưởng dọa hòa giải với Nhật thế là Mĩ phải viện trợ cho nửa triệu Mĩ kim.

Tưởng Giới Thạch hỏi Mountbatten ai sẽ chịu trách nhiệm về hành chánh và duy trì trật tự trong những miền Miến Điện có quân đội Trung Hoa đóng và hành quân: Mountbatten đáp rằng trách nhiệm đó về người Anh. Tưởng cho rằng như vậy không khác gì quân đội Trung Hoa phải chiến đấu để khôi phục quyền hành của người Anh ở Miến Điện. Anh đề nghị thành lập một Ủy ban "Dân sự"; các sĩ quan trong Ủy ban đó sẽ đi theo các lực lượng Đồng minh, dùng những biện pháp cần thiết để "tập trung các sự liên lạc" giữa thổ dân (tức người Miến) và người Trung Hoa. Vậy là quân đội Trung Hoa sẽ chiến đấu, nhưng không được tiếp xúc với dân chúng trong những miền họ đóng. Trung tướng Sư đoàn trưởng Huân tước Adrian Carton de Wiart V.C. (1) được lệnh xếp đặt, chỉnh lí biện pháp đó. Sẽ đặt một cơ quan liên lạc ở Côn Minh. Carton de Wiart lại dùng bữa tối với chúng tôi, ông ta nhã nhặn khả ái, bữa trưa ông ăn với Phái đoàn Trung Hoa ở Bộ Chiến Tranh, và tướng Hsiung được đưa đi xem xét các cơ sở quân sự.

Tưởng Giới Thạch không chịu để cho quân đội Trung Hoa chiến đấu dưới sự chỉ huy của Mountbatten trừ những đạo quân Trung Hoa đã đóng từ trước ở Ramgarh (Ấn Độ). Mệnh lệnh rồi phản mệnh lệnh cứ tới

---

(1) Chúng tôi không hiểu là gì, đoán là Victoria Cross viết tắt, huân chương lớn nhất của Anh.

tấp bay lại Londres cũng như lại Washington. Đại sứ Wellington Koo làm việc mệt quá, hóa ra lử đử. Các tùy viên quân sự (lục, hải, không quân) Anh xoay, vặn, vì Anh cũng tìm cách lập cơ quan liên lạc riêng của họ ở Trung Hoa.

Từ tháng 11 năm 1943 tới tháng 5 năm 1944, quân đội Trung Hoa án binh bất động; không ai có thể làm cho họ nhúc nhích được. Chính sách hoãn binh đó với thói "thay đổi như chong chóng" của Tưởng làm cho Stilwell nổi quạu lên, ông ta có vẻ như không biết rằng chính Washington đã đổi ý và phá ngầm kế hoạch của ông.

Tháng 5 năm 1944, quân đội Trung Hoa lại qua sông Salween, nhưng Anh không nhận được một thông cáo nào về sự hành quân đó cả, Carton de Wiart lo ngại lắm, lại xin phép gởi ngay một phái đoàn quan sát Anh, không phải là quân nhân để "đi theo các đạo quân Trung Hoa" ở Miến Điện. Người Anh đưa ra, điều khoản này: "Các người vi phạm có quốc tịch Anh mà không phải là quân nhân" (người Miến Điện, vì là dân thuộc địa Anh, ở trong trường hợp đó) chỉ bị các tòa án dân sự Anh xử thôi, như vậy là họ có ý sau chiến tranh, sẽ chiếm lại các thuộc địa của họ ở Đông Nam Á.

Tháng sáu năm 1944, vài công chức Anh được phép bay tới Côn Minh; nhưng Tưởng Giới Thạch chẳng chấp nhận một điều khoản nào cả, và cũng không chính thức cho phép Anh gởi phái đoàn tới Trung Hoa.

*

Nhưng tháng giêng năm 1944, Nhật đã phát động một cuộc hành quân lớn, đem đại quân vượt sông Chindwin, vô Assam; vì vậy tháng 3 năm 1944 là thời nguy cấp cho Đồng minh, cơ hồ như Assam (1) sắp bị chiếm. Calcutta sắp lâm nguy.

Nếu Nhật thành công lần đó thì họ cắt đứt được các đường giao thông đưa tới các phi trường, mà cầu hàng không tiếp tế cho Trung Hoa cũng phải ngưng.

Lại thêm Nhật tuyên truyền mạnh hơn nữa, hứa cho Ấn độc lập. Họ phù trợ Đạo quân Độc lập Ấn của Subhas Chandra Bose, một người gốc ở Bengale, và họ hi vọng khuấy động một phong trào đòi độc lập ở Bengale.

Trong nửa năm đầu 1944, mặt trận thứ nhì ở Miến Điện cũng sụp đổ, Đồng minh phải bỏ tất cả các kế hoạch dùng Trung Hoa làm căn cứ để tấn công Nhật, và chiến lược mới của Mĩ là nhảy từ đảo này tới đảo khác trên Thái Bình Dương, tấn công trực tiếp quân Nhật trên những đảo mà họ đã lần lần chiếm được. Nhưng Mĩ cũng quyết định giữ cho Trung Hoa chiến đấu ở phe Đồng minh, để tận dụng tiềm năng cùng vị trí chiến lược của Trung Hoa, và hi vọng sau chiến tranh, lập một trật tự chính trị ở Viễn Đông mà Mĩ sẽ thống trị. Họ thực hiện những kế hoạch để Mĩ thay thế bọn "thực dân" Anh, Pháp, Hòa Lan, mà chế ngự Viễn Đông cả về quân sự lẫn kinh tế. Một hậu quả của mục tiêu đó là từ năm đó, Mĩ

---

(1) Một miền rộng ở Đông Bắc Ấn.

càng nhúng tay vào Trung Hoa sâu hơn nữa, mà Quốc Dân đảng càng ngày càng phục tòng Mĩ, lệ thuộc Mĩ, sau này thành một quân cờ trong chính sách của Mĩ.

Nhưng Trung Hoa không thể đóng vai trò Mĩ giao phó cho đó, nếu cứ tiếp tục sa lầy trong cảnh nội chiến hỗn độn, do đó kế hoạch thành lập một chính phủ "liên hiệp", Quốc và Cộng sẽ "hợp tác" với nhau, thực hiện những cải cách làm cho tổ chức của Tưởng Giới Thạch có sức tồn tại được hơn, còn lực lượng Cộng sản thì loãng dần đi thành một thứ sền sệt, bán dân chủ.

Roosevelt càng ngày càng bị Tưởng Giới Thạch "làm tiền" bằng cách cho ông ta có ảo tưởng rằng Trung Hoa làm hậu thuẫn cho chính sách của Mĩ ở bất kì nơi nào. Cả hai vợ chồng Tưởng đều tìm mọi cách tăng cường ảo tưởng đó lên, bà Tưởng, trong lần qua thăm Mĩ, mùa đông 1942 - 1943, đã xác nhận với Harry Hopkins rằng sau chiến tranh "Trung Hoa sẽ tiến song song với Mĩ".

*

Trận Imphal, tháng sáu 1944, làm tan rã cuộc tấn công của Nhật ở Miến Điện, nhờ Mountbatten đã tổ chức lại lực lượng Miến Điện. Nhật tấn công nữa ở Miến Điện một cách tuyệt vọng, đồng thời lại tấn công Trung Hoa, nhưng Tưởng Giới Thạch cũng không chống cự.

Mountbatten biết rằng phải giữ Tưởng đứng về phía Đồng Minh với bất kì giá nào, trong chiến tranh đó; nhưng Tưởng lại chuẩn bị một cuộc tổng tấn công, đem toàn lực

đánh Diên An, căn cứ của Mao Trạch Đông. Mountbatten bay tới Trùng Khánh để thảo luận với Tưởng.

Trận thứ ba ở Miến Điện còn dữ dội hơn, và rốt cuộc tháng Giêng 1945. Nhật phải rút hết ra khỏi Bắc Miến, và qua tháng sáu, công việc tái chiếm Miến Điện đã hoàn thành.

Hậu quả ngược đời của những biến cố rời rạc và của những kế hoạch giả dối đó, tiết lộ được nhiều điều thú vị.

Nếu người ta theo kế hoạch của Stilwell và mặt trận Miến Điện, nếu con đường Stilwell được mở sớm hơn, thì chế độ Tưởng Giới Thạch đã được củng cố mạnh rồi, vì cuộc tấn công do Stilwell chuẩn bị, đã tặng cho Tưởng những hậu phương mênh mông, rất phong phú, phì nhiêu tại đó không có một căn cứ Cộng sản nào cả.

Nhưng người ta đã không làm vậy, và đầu năm 1945, khi Bắc Miến được giải thoát, thì sự tan rã về kinh tế và chính trị của Tưởng đã tới mức Quốc Dân đảng, so với hồi 1942, yếu hơn Cộng sản nhiều. Vậy mà chính ông ta đã dự một phần trong việc ngầm phá kế hoạch của Stilwell chứ.

Nhưng kế hoạch của Stilwell thành công, thì vũ lực của Mĩ ở Trung Hoa đã lớn gấp mấy sức mạnh của họ khi chiến tranh chấm dứt, tháng 8 năm 1945.

Và chính trong mấy năm đó, các đạo quân Cộng sản đã lớn mạnh phi thường, lại chiếm được nhiều đất đai nữa, như vậy không phải do họ cứ ngồi yên chờ thời

đâu, mà do họ chiến đấu liên tục, cực khổ, không hề nghỉ, lúc thì dùng vận động chiến, lúc thì du kích ở phía sau địch, thành thử khi thế chiến chấm dứt thì ở Trung Hoa, tương quan lực lượng giữa Quốc và Cộng đã trút hẳn về phía khác rồi.

*

Người ta thuyết phục tôi trở về sống với Pao. Bà Margery cho rằng Isobel khuyên tôi vậy là lầm, rằng tôi phải đoạn tuyệt và làm lại cuộc đời.

Tôi trở về căn nhà lớn ở đường Welbeek. Bà Isobel bảo tôi nên đổi chỗ ở vì căn nhà đó hại chủ, như thể đổi nhà thì thay đổi được cả tâm tính con người...

Trong mấy tuần, mọi sự tốt đẹp hơn nhiều; chúng tôi có thể nói chuyện cả với nhau nữa miễn là chịu khó giữ ý. Tôi bảo với Pao rằng "tôi muốn học y khoa vì đã tới lúc tôi cần phải học trở lại". Sẽ có nhiều sự thay đổi ở Trung Hoa mà dân chúng không thể tiếp tục sống trong cảnh khốn cùng như vậy. Tôi tưởng tượng tôi đã làm y sĩ, ý đó tôi đã ấp ủ từ lâu lắm, tôi kiên nhẫn, ương ngạnh nghĩ rằng từ bấy lâu nay tôi chỉ hoãn lại ngày thực hiện dự định của tôi thôi, chứ không bỏ hẳn, và bây giờ tôi nhất định trở lại Đại học, học nốt Y khoa, như tôi ước ao từ hồi mười hai tuổi (mười lăm năm trước).

Pao có vẻ do dự: tin tức lạm phát ở Trùng Khánh làm cho các nhà ngoại giao lo ngại: Trùng Khánh đã cho chỉ thị giảm mọi chi tiêu. Những lời George Yeh chua

chát chỉ trích chính phủ, trong chỗ thân mật, khi lại chơi chúng tôi, có lẽ đã làm cho Pao lo nghĩ.

Bà Isobel giới thiệu với tôi trường Y khoa (ở đường Hunter) cho Phụ nữ. Tôi có một chứng chỉ ở Đại học Bruxelles mà chú Ba đã gửi cho tôi.

Mùa xuân năm 1944, tôi được phép vô học trường Y khoa cho Phụ nữ *Royal Free* (Bệnh viện miễn phí của Hoàng gia) miễn là tôi phải qua một kì thi vô trường; kì thi đó sẽ mở vào tháng ba 1945 ở Trường. Vậy tôi phải lại trường ở đường Hunter để ôn lại các môn giải phẫu, sinh lí, nhất là môn sinh vật - hóa học mà tôi không biết chút gì cả, vì môn đó không có trong chương trình. Ban Khoa học tự nhiên ở Đại học Bruxelles ở Bỉ, lên năm thứ tư người ta mới dạy môn đó [1].

Vậy tôi phải học lại bằng tiếng Anh tất cả các môn giải phẫu sinh lí và hóa học ấy là chưa kể môn sinh vật - hóa học và một môn mới nữa: môn dược vật học. Phải học tất cả những môn đó trong khoảng từ mùa xuân 1944 đến tháng ba 1945; tôi bắt buộc phải học tại nhà trước đã, cho tới khi đủ sức theo nổi trọn các bài giảng và các lớp giải phẫu vào mùa thu 1944.

Chương trình đó, tôi có thể đạt được không? Tôi đã rời Đại học Bruxelles để về Trung Hoa bảy năm trước... quyết định đó đã đem lại cho tôi nhiều ngày chẳng lấy gì

---

(1) Tác giả mới học hết, năm thứ ba thì về Trung Hoa.

làm sung sướng lắm, nhưng tôi cũng không tiếc. Những ngày đó đáng sống: bây giờ đây cách ba chục năm rồi, tôi còn tin chắc điều đó hơn nữa.

Vậy năm 1945 tôi phải bắt đầu trở lại từ điểm mà tôi đã ngừng năm 1938, nhưng có bảy năm từng trải, tôi tự cấm tôi không được nghĩ rằng sự tiếp tục lại đó sẽ rất khó.

Tôi không nghĩ tới nỗi khó khăn, chỉ chú hết tinh thần vào mục đích tôi muốn đạt thôi. Còn vấn đề tiền nong? Rồi còn Yungmei và cô Gillie, sẽ ra sao? Pao nữa? Cơ hồ như không sao tưởng tượng nổi vợ một tùy viên quân sự Trung Hoa lại thình lình đi học Y khoa.

Sự lạm phát ở Trung Hoa lúc đó có vẻ kinh khủng: giá một Mĩ kim là 25.000 đồng Trung Hoa ở chợ đen, mà sau này còn tệ hơn vậy nữa. Giá trung bình tháng hai 1944 cao gấp hai trăm năm mươi lần giá mùa hè 1942. Số quân nhân và các nhà đại diện Mĩ ở Trung Hoa tăng lên nhiều từ 1941 đến 1945, ảnh hưởng tai hại tới sự lạm phát. Các hoạt động quân sự Mĩ ở Trung Hoa phải trả bằng Hoa kim (đồng bạc Trung Hoa): đoàn *Cọp Bay* của tướng Mĩ Chennault với đội không quân thứ 14, Stilwell và Bộ Tham Mưu của ông ta: sự huấn luyện và duy trì những lực lượng Trung Hoa do Mĩ đảm nhiệm; cầu hàng không vượt Hi Mã Lạp Sơn, các cuộc dội bom, và luôn luôn chính phủ phải kêu gọi dân chúng đóng góp thêm để có tiền trả người Mĩ, tất cả những cái đó, như Arthur Young, nhà cố vấn tài chánh Mĩ đã nói, nhất định phải

đưa tới chính sách "in thêm giấy bạc mỗi ngày một mau hơn".

Từ mùa thu 1942, các công chức Mĩ ở Trung Hoa được trả lương bằng giấy bạc Mĩ mà họ có thể tự do bán trên thị trường; như vậy càng làm cho đồng Hoa kim mau phá giá. Mĩ và Tưởng Giới Thạch đã nhiều lần bất hòa với nhau về vấn đề tiền tệ; Trung Hoa ương ngạnh đòi giữ hối suất 20 Hoa kim ăn một Mĩ kim, chứ không chịu hối suất 100 Hoa kim ăn một Mĩ kim, vì theo Young, Roosevelt đã hứa "một cách không quả quyết" rằng sẽ chịu mọi phí tổn về hoạt động quân sự Mĩ ở Trung Hoa: lời hứa đó, Roosevelt không giữ, và Trung Hoa phải trả cho Mĩ tất cả các phí tổn về lương thực, chỗ ở, tiêu khiển xây cất đường sá, phi cảng (chỉ riêng việc xây cất phi cảng, ba trăm ngàn người Trung Hoa đã bị trưng dụng ngay một lúc). Giữa năm 1944, Trung Hoa phải trả mỗi tháng hai trăm triệu Hoa kim kia để nuôi và lo chỗ ở cho các lực lượng của Mĩ. Năm 1945, vật giá tăng lên dữ dội, ngân sách đó tăng lên tới hai mươi lăm tỉ Hoa kim mỗi tháng (nghĩa làm tăng lên gấp trăm lần).

Vì sự lạm phát đó, tôi biết rằng tôi phải tự mưu sinh lấy. Tôi đoán trước sẽ chẳng bao lâu tôi phải tự kiếm tiền nuôi thân tôi, nuôi Yungmei và cô Gillie... Kiếm tiền cách nào được? Tôi không muốn xin tiền Pao, tôi muốn được tự do.

*

Do bà Isobel Cripps làm trung gian, tôi gởi đơn cho British Council. Tôi có thể xin học bổng được không? Vợ một nhà ngoại giao mà xin học bổng, điều đó có thể kì cục, nhưng sự thật nhiều nhân viên trẻ trong tòa Đại sứ Trung Hoa đã lén lút xin học bổng Đại học hoặc xin một chân giảng viên ở Đại học.

British Council trả lời rằng nếu tôi đậu kì thi vô trường tổ chức vào tháng ba năm 1945 thi có thể cấp học bổng cho tôi được. Và tôi bắt đầu học.

Hồi này các bom bắt đầu trút xuống Londres như mưa, chúng tôi kiếm được một ngôi nhà ở ngoài thành phố, gọi là Barney Cottage, Maiden's Green, gần Winkfield: nhà nhỏ, có vườn, tầm thường nhưng sạch sẽ. Tôi sửa soạn để dọn nhà. Lúc đó vào tháng giêng năm 1944. Tháng ba tôi thấy rằng tôi có mang.

Bây giờ mới có mang, mà có mang đúng vào lúc khó khăn nhất. Làm sao đây? Đứa bé sanh ra, tôi sẽ nuôi nó với Yungmei, tôi sẽ xoay xở chứ biết sao. Và tôi vẫn cứ học, không thay đổi các dự tính của tôi.

Tới đi bác sĩ Greene Armytage, nhà chuyên viên về phụ khoa, nhờ khám, ông ta xác nhận rằng tôi có thai. Tôi về căn nhà ở đường Welbeck, cho Pao hay. Tôi tưởng rằng anh sẽ mừng, nhưng không, anh không mừng có lẽ vì nạn lạm phát và cũng vì anh đã quen sống yên ổn rồi, không muốn gặp những nỗi khó khăn mới. Hồi mới có thai, tôi thấy khoan khoái, sinh lực tăng lên. Tôi cho rằng không có gì tôi không đạt được, không làm được. Chính

Pao mới lo lắng, nổi quạu với người Anh vì anh đã xin theo học một lớp ở Trường sĩ quan Tham mưu mà bị từ chối. Anh và các bạn anh, càng ngày càng hay nói - nói vắn tắt thôi nhưng ngụ nhiều ý nghĩ - về nội chiến, về bọn “Cộng sản”. Tôi lặp lại: “Sáu chiến tranh, sẽ có nhiều sự thay đổi”. Pao bảo: “Nếu người Mĩ chịu giúp đỡ chúng ta thì mọi sự sẽ tốt đẹp”.

Một buổi chiều, ở tiệm thợ giặt về với vài tấm “ra” và hai bộ đồ, tôi bước lên thềm nhà ở đường Welbeck, bỗng thấy đau nhói dữ dội trong bụng... nhức nhối ghê gớm tới nỗi tôi xuýt ngất đi. Nhưng tôi cũng rán lên được thang máy, mở cửa, bước vào phòng ngủ rồi nằm dài trên giường. Cơn đau mỗi lúc một tăng, như xé ruột ra, chịu không nổi. “Có cái gì đương nổ trong bụng tôi, có lẽ tôi trụy thai chăng?” Tôi lết tới máy điện thoại gọi Pao: “Anh về ngay đi, có lẽ em trụy thai mất, anh ạ. Anh làm ơn kêu điện thoại cho bác sĩ phụ khoa hay giùm em”. Pao kêu điện thoại. Bác sĩ Greene Armytage cho một xe Hồng thập tự tới chở tôi vô nằm dưỡng đường Londres. Tối đó Pao phải dự một buổi tiếp tân. Tôi bảo anh, tôi sẽ xoay xở một mình được.

Greene - Armytage lại coi mạch và để một nữ y tá săn sóc cho tôi. Tôi đau nhói lên tới vai bên phải, đau dữ dội và mửa hoài. Gần sáng, tôi khó thở, hổn hển.

Sáu hôm sau, Greene - Armytage đưa tôi vào phòng mổ, lúc đó mạch tôi lên tới 160, nhiệt độ xuống còn 35 độ, như vậy là triệu chứng nội xuất huyết. Tôi bị chụp thuốc

mê; khi tỉnh dậy, tôi thấy người ta đương sang máu cho tôi, mà bụng tội bị băng bó. Một lát sau, Greene Armytage vô thăm, cho hay rằng tôi có thai ngoài tử cung, mất nhiều huyết, nhưng bây giờ không ngại nữa. «Nhưng bà đừng lo, có thể có được nữa". Tôi cười rồi ngủ thiếp đi [1].

Trong thời kì dưỡng bệnh, tôi rất sung sướng; tôi có một máy thâu thanh, bắt nghe kịch Volpone của Ben Jonson; tôi cười, tôi thấy vui hoài, gần như không ngớt. Ở ngoài, bom rú lên rồi bỗng im bặt, nhưng ở trong dưỡng đường không ai để ý tới cả. Pao vô thăm, tôi rán giảng cho anh hiểu bệnh của tôi, nhưng anh chỉ đi bách bộ trong phòng và bảo anh sắp phải trở về Trung Hoa sau ba năm ở tòa Đại sứ, để về "cầm quân".

- "Anh muốn nói để chiến đấu với tụi Nhật phải không?

- "Không, để chiến đấu với tụi Cộng sản."

Khi anh ra về rồi, tôi đọc tập *thơ Aragon* mà tôi đã mua được ở tiệm Bumpus đường Oxford, ngay trước khi lại tiệm thợ giặt, hôm tôi bắt đầu thấy đau dữ dội. Bây giờ thì tôi tha hồ đọc cái gì tôi thích; Pao không thể khủng bố tôi mà bắt tôi đọc sách nào anh thích hoặc cấm tôi đọc sách nào anh không thích.

Sau một tuần nằm ở Dưỡng đường London, tôi về nhà. Trong thời gian đó, Pao, Gillie và Yungmei đã dọn

(1) Đoạn in ngả này, chúng tôi đã tóm tắt.

lại ở Barney Cottage và tôi được đưa thẳng về đó. Trời còn lạnh lắm, nhưng mùa xuân đã sắp tới. Chúng tôi ở xa, không phải chịu các cơn báo động ở Londres. Nhờ một bà bạn giới thiệu, tôi được một nữ y tá rất dễ thương săn sóc cho một tuần nữa; chẳng bao lâu tôi đi đi lại lại được. Rồi mùa xuân ở Anh tới; không khí ngào ngạt hương sơn trà và kim ngân hoa (chèvre faulle); tôi cắm đầu học môn giải phẫu hoặc đi dạo cảnh với Yungmei và Gillie. Qua tháng sáu 1944, Đồng minh mở mặt trận thứ nhì ở Châu Âu; hôm đó tối trời, ánh nắng rực rỡ, chúng tôi thấy phi cơ bay về phía châu Âu, hàng trăm hàng ngàn chiếc, tiếng vù vù vang cả không khí, Gillie đưa tay vẫy vẫy, Yungmei bắt chước, và các người láng giềng lại thăm chúng tôi, chúng tôi qua thăm họ, ai nấy đều sung sướng, vì chiến tranh sẽ chấm dứt mau, có lẽ rất mau nữa...

*

Mùa hè 1944, mọi người luôn luôn xúc động vì tin tức các trận lớn, các thắng lợi ở châu Âu. Hè ở Anh rất đẹp. Pao và các tùy viên quân sự khác rất bận rộn, bị lôi cuốn trong nhịp điệu tăng lên của chiến tranh, ngập đầu vì giấy tờ của Bộ Chiến tranh. Họ nóng nảy được qua châu Âu để thấy tận mắt chiến tranh; người ta tổ chức cho họ các cuộc đi thăm chiến trường và Bộ Chiến tranh lần nào cũng cẩn thận gởi cho họ những tấm hình kỉ niệm các cuộc viếng thăm đó. Một tấm hình chụp Pao đứng giữa một đám tù binh Đức, họ là những lính còn trẻ măng, mới mộ thêm trong mấy tháng cuối cùng tuyệt

vọng đó. Vẻ mặt của Pao bắt đầu héo hắt đi. Anh hết mong Đức thắng. Chính phủ Tưởng Giới Thạch rất lo lắng vì sự bại trận của Đức, và vì có thể sẽ phải đương đầu, trên một biên giới cực dài, với một nước Nga hùng cường tích cực giúp đỡ Cộng sản Trung Hoa chiếm chánh quyền... Và suốt mùa hè đó, tôi nghỉ ngơi ở Barney Cottage, học và lấy lại sức để chuẩn bị cho cuộc sống sau này; chúng tôi không bao giờ đem tương lai đó ra bàn với Pao. Mặc dầu tôi trải sách lên trên bàn mà anh làm bộ như không thấy. Ngày tháng trôi qua: một sự yên lặng rầu rĩ kéo tấm màn đêm ngăn cách anh với tôi và chúng tôi không thể nói chuyện với nhau được nữa.

13

Tháng chín năm 1944, tôi vô trường Y Khoa ở đường Hunter, và bắt đầu lần thứ nhì đời sống sinh viên của tôi, mà vẫn không bỏ hẳn đời sống vợ một tùy viên quân sự, vì Pao vẫn còn đó.

Như vậy, trong một thời gian, tôi là hai con người khác hẳn, nhưng do một sự ngẫu nhiên, hai đời sống đó làm trở ngại lẫn nhau.

Người ta thấy tôi bận áo mưa đi ở đường Poond cùng với một bạn nữ sinh viên, và đáp lại lời chào ngạc nhiên của một quả phụ khả ái bạn của Pao. Tôi dắt một bạn sinh viên đi uống trà ở khách sạn Dorchester với một người trong giới ngoại giao. Nhiều người thấy vậy mà

chưng hửng. Còn tôi, tôi không buồn quan tâm tới những cái đó nữa... tôi đã bỏ lại phía sau tôi mọi oán hận. Tôi không có trả thù Pao hay các bạn dễ thương của anh, những người đã làm cho tôi thêm khổ sở. Các bà quả phụ, các vị "danh giá" X và Y, những người có nhiều thiện ý và giữ đúng lễ nghi một cách nghiêm khắc đó, có vẻ như hạ cố đối với tôi. Họ thương hại cho Pao, gặp tôi thì lạnh lùng gật đầu chào, như vậy để tỏ rằng họ chê tôi, nhưng tôi không còn đau lòng vì vậy nữa.

Ấn tượng đầu tiên của tôi khi trở về đời sống sinh viên là nỗi sợ sệt khi vô chỗ người ta gọi là Quad [1], một cái sân lớn chung quanh là một nhà tu kín, kiến trúc cổ điển hình cung nhọn, và đứng ở giữa một đám thiếu nữ chen chúc nhau, ồn ào, người nào cũng lớn tiếng, giọng chỏi tai, dùng một thứ tiếng mà tôi không hiểu, thứ tiếng lóng của sinh viên Anh.

Trong nửa giờ đầu hoảng hốt đó, một người lại hỏi tôi:

"Này, chị muốn dùng chung tủ [2] với tôi không?" Tên người đó là Cherry Heath, sau thành bạn thân của tôi... Tôi ngoan ngoãn theo chị ấy vô phòng để tủ. Hai thiếu nữ nữa cũng vô, giới thiệu nhau xong, chúng tôi lại phòng ăn đứng nối đuôi lấy phần xúp, thịt hầm (ragout) và bánh ngọt làm bằng đường tinh (saccharine).

(1) Quadrangle nói tắt, trỏ cái sân vuông, lớn ở giữa một trường Đại học.

(2) Thứ tủ làm vào trong tường để sinh viên cất đồ.

Chị Cherry là một người bạn quí vô cùng: trung tín, giỏi giang, có tài xoay xở, cương quyết, biết rõ cách thức của đời sống sinh viên...

Ấn tượng thứ nhì của tôi là cái mùi trong phòng mổ, sau này chẳng những tôi thấy quen mà nó còn thấm vào tất cả các quần áo đồ dùng của tôi nữa. Ấn tượng thứ ba là trái khí cầu để che chở thành phố, màu xám bạc, chằng chịt trên cả triệu ống khói, trải ra trên đầu chúng tôi, vừa che chở mà lại vừa gợi cho chúng tôi một điềm gở trong khi chúng tôi mổ các tử thi trong phòng thí nghiệm.

Cherry và các bạn của chị thấy tôi kì cục (kì cục một cách dễ thương... họ nói vậy), ngây thơ tức cười lắm, nhưng mãi đến hôm tôi dắt họ lại ăn bánh uống trà ở tiệm Gunthers [(1)], họ mới tin rằng tôi là vợ một nhà ngoại giao... Họ tin chắc rằng "không thể nào tôi đi tới nơi tới chốn được", nghĩa là thi sẽ rớt thôi. Cherry cũng nghĩ rằng đóng tiền để ghi tên thi vô dưỡng đường, chỉ là "liệng tiền qua cửa thôi".

Lần lần và chẳng ngần ngại chút gì cả, tôi mượn các tập "ghi chép" của các bạn học tôi "chốp" kiến thức họ, luôn luôn lựa con đường tắt, siêng năng nhưng bề ngoài thì ngớ ngẩn... Cherry và các bạn của chị đều tử tế cả, chỉ bảo tôi cho, bài giảng nào tôi không dự được thì tóm tắt những điểm chính cho tôi. Nhờ vậy, tôi kéo lại được thời gian đã mất, mà theo kịp được các bạn rất mau.

---

(1) Một tiệm bánh, trà chỉ khách sang mới tới.

Cũng như họ, tôi hóa ra hơi lười tắm giặt, hơi coi thường các vết dơ trên quần áo; trái lại, bây giờ tôi mới được sống đời sống ở Anh trong chiến tranh; đấy mới thực là nước Anh, với dân tộc Anh. Tôi san sẻ những nỗi khó khăn cực khổ thiếu tiện nghi, thiếu nước nóng, thiếu xà bông của dân chúng, tôi dùng mẹo để xoay xở, đứng nối đuôi trước phòng ăn, tôi chịu cảnh lạnh lẽo, mưa gió, đi bộ mệt nhọc, ăn uống thiếu thốn, thèm thuốc lá, vậy mà tôi thích từng phút một của thời gian khắc khổ đó!

Bây giờ bom V1 và V2 bay trên nền trời Londres và rớt xuống thành phố, nhưng chẳng ai sợ. Chúng tôi tiếp tục làm việc, mặc dù các chậu vĩ đại ngâm cốc, li ở trong phòng "la bô" (1) ở tầng trên dùng khá nguy hiểm đấy. Tôi mang theo một ve dầu thơm Chanel số 5 do một ông bạn của Pao, đại tá, đeo hai hàng mề đai ở ngực, (đem từ lục địa Châu Âu qua) cả vào phòng mổ, và trong các buổi tiếp tân ở khách sạn Claridge, tôi làm cho cả phòng sặc mùi Formol.

Rome đã thất thủ hồi tháng sáu 1944, quân Đồng Minh lần lần tấn công lên phía Bắc bán đảo Ý, đánh những trận nhỏ trong hai chục tháng, rồi hăng hái hơn lên, khi có cuộc đổ bộ lên Normandie, ngày mùng sáu tháng sáu. Paris được giải phóng ngày 25 tháng tám; các phim "thời sự" chiếu cảnh dân chúng ôm hoa chen chúc nhau đi đón các vị anh hùng khải hoàn ngồi trên chiến xa; ít lần

---

(1) Labo: laboratoire; phòng thí nghiệm.

sau chúng tôi cũng thấy, trong phần tin tức, hình những "phụ nữ Pháp" bị gọt đầu vì đã "hợp tác với Đức", nhưng người ta không chiếu những hình xấu xa hơn về cách người Pháp trả thù bọn hợp tác với Đức, chúng tôi chỉ được nghe nói thôi.

Lúc đó Montgomery - mà chị Cherry và nhiều người Anh khác rất quí mến - được thăng chức Thống chế, sau khi thắng Rommel ở Bắc Phi, ông chỉ huy Đạo quân thứ nhất của Gia Nã Đại và Đạo quân thứ nhì của Anh, vượt dãy núi Ardennes (ở Pháp), trong bốn ngày tiến được 300 cây số, và Bruxelles được giải thoát ngày mùng ba tháng chín, Anvers ngày mùng bốn tháng chín.

Từ mặt trận Nga, tin tức thắng trận cũng dồn dập đưa về, trên màn ảnh, từng đoàn tù binh Đức diễn thành hàng trong đường phố Moscou; Von Paulus với bộ mặt bị chứng giật gân, tù binh Đức bị bắt trong sa mạc, rồi những người đi thành hàng dài bất tuyệt, vừa đi vừa hát bài *Lili Marlène.* Càng sắp tới lúc chiến thắng hoàn toàn thì Pao càng rầu rĩ. Bây giờ thì Đức sẽ đại bại, không còn nghi ngờ gì nữa. Pao phải trở về Trung Hoa vì "từ nay chúng ta phải chiến đấu với bọn Đỏ". Cuộc nội chiến mà Tưởng đã chuẩn bị từ lâu sắp phát. Đầu năm 1945 ai cũng thấy rằng người Mĩ sẽ tiếp tục xen vào việc nội bộ Trung Hoa.

*

Tôi phải dậy sớm để tới lớp học đúng giờ, từ Barney

Cottage ở Winkfield, lại đường Humter ở Londres, đi mất trên hai giờ. Tôi mua một chiếc xe máy dầu để đi ra ga, cách nhà tôi bảy tám cây số, từ đó có chuyến xe lửa đi suốt lại Saint Pancras. Từ Saint Pancras tôi đi bộ lại đường Hunter, buổi tối có khi tôi khó về nhà được.

Sau tháng chạp 1944, Pao bán chiến xe hơi đi. Giờ làm việc của anh thất thường, anh đi dự (một mình) nhiều buổi tiếp tân. Vừa mới ở giảng đường hoặc ở phòng thí nghiệm đường Hunter ra về, phải tắm rửa, thay y phục để dự các buổi tiệc ở nhà các vị ngoại giao. Việc đó đối với tôi mỗi ngày một thêm khó. Những tối thứ bảy tôi lại sống cuộc đời tiệc tùng, hội họp đó trong những câu lạc bộ sang trọng dành riêng cho một số người, còn chủ nhật thì gần suốt ngày và một phần ban đêm, tôi lo học, lo "nhồi" cho kì thi tới.

Không phải chỉ có tôi là có chồng, còn một chị nữa cũng học một năm với tôi, chị Sanchia, có tới ba con, chị đầy sinh lực, tóc dài, hung hung, học rất siêng năng, kiên nhẫn, nhưng kì thi nào cũng rớt đều đều. Chị cương quyết tiếp tục học hàng năm, năm này qua năm khác nếu cần, và rốt cuộc chị thành một y sĩ rất giỏi. Tôi thấy rằng ở trường Y khoa, đa số các sinh viên chưa có gia đình cho bọn có gia đình là hạng "phá đám". Một số giảng sư và giáo sư chắc cũng nghĩ như vậy, nhưng không bao giờ nói ra, và tỏ ra rất nhã nhặn với hết thảy chúng tôi. Chị Sanchia bồng em bé theo lại giảng đường, cho nó bú sau một thứ bình phong chị chế tạo ra, và đã tả dài

dòng những cái vui trong đời sống hôn nhân cho cái phe ngưỡng mộ chị nghe. Tôi làm thinh về vấn đề hôn nhân vì lúc đó gần như li thân rồi, không những sự thèm khát nhục dục mà ngay đến cái ý niệm về tính dục cũng gần hoàn toàn bị diệt trong lòng tôi rồi, tình trạng lạnh như đá đó kéo dài bốn năm. Tôi, trước kia lành mạnh như mọi người, mà lúc đó hễ nghĩ tới nhục dục là muốn buồn nôn... và trong những cuộc ái ân mà tôi bắt buộc phải chịu, tôi thấy cực kì đau đớn, gần như chịu không nổi. Nhưng Pao sắp đi rồi, đi tới nơi rồi, và tôi kiên nhẫn rán chịu, chỉ vài tháng, vài tuần nữa thôi... cho nên tôi không từ chối anh, một phần vì bây giờ đã thắng cuộc, tôi đâm ra thương hại anh, một phần nữa vì không muốn cho anh có cơ hội rầy la, quát tháo tôi. Nhưng mùi thuốc sát trùng tôi đem ở phòng giải phẫu về cũng như cảnh sọ và xương tôi vất bừa trên bàn trong phòng ăn, thường làm cho Pao cụt hứng... lại thêm ở dưới giường ngủ của chúng tôi có một bộ óc ngâm formol trong một cái soong nữa; ấy là chưa kể hai bàn tay của tôi nhuộm đủ màu bởi các thí nghiệm hóa học.

Bốn năm mùa hè của đời tôi đó, từ hai mươi tám đến ba mươi hai tuổi, tôi chỉ ghi lại như một nhận xét lâm sàng. Đó là thời chịu cực, chịu khổ; nó giúp tôi hiểu nhiều phụ nữ khác hơn khi tôi thành y sĩ. Tôi không tưởng tượng, không mơ mộng ái ân gì cả. Cái ý niệm ái tình thể chất, không phát hiện ra nữa, đã bị vùi sâu tới nỗi biến mất và bốn năm sau mới hồi phục lại.

Một hôm, một người bạn của tôi, chị M. và tôi so

sánh những nhận xét của chúng tôi về điểm đó; chúng tôi sống cách biệt nhau nên có thể nói về đời sống của nhau được. Sự tàn nhẫn của người chồng đầu tiên của chỉ đã có một tác động ngược hẳn: chị hóa ra một thứ đàn bà say đắm xác thịt. Chị thú: "Tôi không nhớ đã ngủ với bao nhiêu người đàn ông nữa, chắc tới mấy trăm người, như vậy trong ba năm". Rồi bỗng nhiên chị thấy mất cái nhu cầu khẩn thiết đó, không còn muốn tự chứng tỏ với mình rằng mình có duyên dáng, đàn ông thích mình nữa. Rồi chị cưới người chồng sau, thành người vợ hoàn toàn trinh thục.

Mặc dầu chị Cherry tiên đoán một cách bi thảm rằng thế nào tôi cũng thất bại, và chỉ bốn tháng sau, tôi đã truyền thụ những bí mật của môn sinh vật - hóa học ít nhất là cho một nữ sinh viên khác, vì cách tốt nhất để học một môn là dạy nó. Tôi tự nghĩ ra đầu đề những bài tập, bài toán để tôi làm, tôi tự đặt ra câu hỏi về giải phẫu học, sinh lí học rồi tôi lớn tiếng tự trả lời cho tôi. Tới một lúc tôi hốt hoảng thấy rằng tôi không thể học ôn xong môn giải phẫu cho kịp được, vì còn phải học nhiều quá. Tôi bèn quyết định bỏ một chương, chương về cẳng chân.

Mùa đông tới, tôi không lúc nào bỏ chiếc áo mưa vì tôi lạnh, mệt mỏi hoài nên lạnh, và vì không đi vớ dài, uống một chén trà nóng bỏng, pha sữa và đường, tôi thấy khỏe khoắn, khi đói hoặc mệt quá, tôi uống từng ít một. Tôi vô các quán ăn rẻ tiền, kêu món cá và món khoai tây rán, vì bụng đói, trời lại lạnh, mà trở về tới tận Barney Cottage thì thế nào cũng xây xẩm mặt mày.

Vào hồi nghỉ lễ Noel, một phái đoàn quân sự Trung Hoa nữa mới qua và tôi phải nấu nướng đãi họ, đi dự các cuộc tiếp tân với họ. Cũng may tôi nấu ăn dở quá, các ông ấy vội vàng rời Barney Cottage để đi ăn trong một tiệm cao lâu Trung Hoa có tiếng ở Londres.

Như vậy qua được mùa đông lạnh lẽo 1944 - 1945. Giá đóng trên những thân cây đen trơ trọi và lấp lánh như kim cương, đường trơn và nguy hiểm. Tôi lái xe máy dầu đi học, Gillie làm bếp, giữ nhà (vợ chú làm vườn lại làm giúp những công việc nặng nhọc) và buổi tối về tôi thấy trong lò còn vài món ăn.

Bộ óc người mà tôi ngâm trong cái soong lớn đặt dưới gầm giường để học làm cho Yungmei tò mò muốn biết. Bây giờ nó đã bốn tuổi, khỏe mạnh. Nó rất thích dắt các bạn nó vô phòng, giở cái nắp soong, nhìn vào trong bảo: "Cái đó là óc của má đây, má cất ở dưới giường". Những bà hàng xóm đàng hoàng nhất đều có ý ngầm chê phẩm hạnh của tôi, rồi chẳng bao lâu họ lên tiếng trách móc. Một bà dễ thương nọ mời tôi lại nhà uống trà và thuyết giáo cho tôi nghe về bổn phận làm vợ, làm mẹ, bảo tôi phải lo săn sóc con tôi chứ đừng bận thứ quần sinh viên mà "lê la" khắp nơi nữa. Tôi nhìn bà ta mà có vẻ buồn ngủ, vì mệt quá, không thể giảng giải được, nguy nhất là tôi suýt bật cười như điên, may mà nhịn được. Nhìn vẻ long trọng khi các bà ấy diễn thuyết, tôi thấy có cái gì rất nực cười... Các bà ấy không biết rằng tương lai của Pao bấp bênh tới mức nào...

Mà chính Pao cũng không biết: ảnh không thể tin rằng Tưởng Giới Thạch sẽ đổ. Nhưng tôi thì tôi cảm thấy trong xương tủy rằng thế nào cũng có một cuộc cách mạng. Tôi cảm thấy sự thay đổi lớn lao tương đối gần, tới gần... Một ngày kia, Pao sẽ không thành công như vậy nữa đâu; cái tham vọng hẹp hòi, khô khan của anh không có tương lai đâu... Tôi đã bảo anh, nhưng anh không nghe tôi. Một ngày kia, tôi phải nuôi Yungmei; tôi không muốn nó bị đem bán một lần nữa. Tội chỉ trông cậy ở sức tôi thôi để tự nuôi tôi và nuôi nó.

Tôi hoàn toàn không tin gì ở Pao nữa, cho nên tôi nhất định không xin tiền anh. Tôi gặp nhiều bà Anh thuộc phe cổ và nghiêm; một hôm tôi cho một bà đó hay rằng vật giá ở Trung Hoa, lấy chỉ số là 100 cho năm 1937, thì tám năm sau, đã tăng lên 125.000, nhưng bà ta có vẻ không hiểu.

Hồi đó và ngay bây giờ nữa, hạng người mệnh danh là trí thưc Anh mắc cái bệnh thiếu hiểu biết thông thường đó, cái bệnh không chịu nhìn biến cố nó bắt đầu xuất hiện, dự liệu trước nó: họ mắc có lẽ còn nặng hơn ở một xứ khác nữa... Có lẽ tại họ tin rằng cứ xoay xở, vụng hay giỏi gì rồi, thì cũng thành công? Cho nên không lấy làm lạ rằng những chương trình truyền hình và phát thanh của họ về các thời sự, biến cố chính trị "mới xảy ra" thường bị những lời bàn cổ lỗ làm cho mất hay.

Tới tháng hai 1945 đã mãn thời hạn ba năm tùy viên quân sự của Pao. Anh chuẩn bị để trở về Trung Hoa:

phải đóng nhiều thùng đồ đạc, phải mời mọc những ai, đi thăm những ai... Sự bất đồng ý kiến giữa chúng tôi càng hiện rõ. Anh bảo sẽ phải dấn thân vào cuộc nội chiến nó sắp xảy ra. "Bởi vì bây giờ chúng ta phải chiến đấu với Cộng sản", mà anh chưa bao giờ cầm quân ra trận, phải tập lại cho kịp người. Tôi bảo: "Anh chưa bao giờ chiến đấu với Nhật mà bây giờ lại muốn đánh nhau với người Trung Hoa, cái đó không nên. Em tin chắc rằng Cộng sản sẽ thắng. Rồi anh coi, sắp có một cuộc cách mạng ở Trung Hoa". Năm trước mà tôi nói như vậy thì thế nào anh cũng nổi cơn lôi đình, đánh đấm tôi túi bụi, nhưng bây giờ anh cảm thấy anh thua rồi, tuyệt vọng rồi, thỉnh thoảng anh dò xét tôi trong khi tôi học. Và một hôm anh bảo tôi: "Trước kia anh không biết rõ em. Bây giờ anh mới thấy em ương ngạnh tới mức nào... khi em đã thực tâm muốn cái gì thì em làm việc chăm chỉ thật!". Trong thâm tâm anh hiểu rằng suốt mấy năm đó, anh không coi tôi là một con người, chỉ coi là một đồ vật thuộc quyền sở hữu của anh, và càng ngày anh càng thấy rõ rằng tôi thắng, thành thử mấy tuần cuối cùng trước khi anh đi, giữa chúng tôi, tình nghĩa mong manh như thủy tinh.

Tội ích kỉ, không muốn rằng Pao nản chí, chịu thua, mà ở lại Anh ăn bám tôi: anh ở không, quanh quẩn ở bên tôi, giúp được gì cho tôi? Hai năm trước thì tôi không cương quyết tống khứ anh đi như vậy; tôi đã rán khuyên anh bỏ nghề đó đi, mà học một ngành khác, bây giờ tôi sợ anh thành một gánh nặng cho tôi, vì tôi biết rằng không

khi nào anh chịu học, không khi nào chịu nghiêm trang làm một việc gì cả. Óc anh không như vậy được. Anh không thể nghĩ tới cái việc hiểu biết thêm, tới cái vui phụng sự, cái vui sáng tạo, làm một việc gì vì thích làm nó. Đối với anh, lời giảng nào hợp với mục đích anh muốn đạt là lời đó đúng, đáng gọi là chân lí. Kiến thức nào cũng phải được người khác nhìn nhận, thành công là leo lên tới tột đỉnh quyền hành trong chế độ quân phiệt của Tưởng Giới Thạch, mà phụng sự là nhắm mắt vâng lời một vị Thủ lĩnh.

Bàn bạc, thảo luận, suy tư, kiên nhẫn làm việc trong bóng tối, không được nhiều người ưa... tất cả những cái đó đối với Pao không có ý nghĩa gì cả. Ngay cả những lần lâu lâu anh ước ao có một cái trại để về vườn sống đời sống "nông dân", thì đời sống "nông dân" anh gợi ra đó cũng vẫn là đời sống một địa chủ sống giữa ruộng đất của cha mẹ để lại.

Pao không thể tin rằng mục tiêu của tôi khi học Y khoa là để thỏa lòng khát khao hiểu biết và hành động, anh không thể hiểu rằng tôi không mong thành một vị Giám đốc bệnh viện hoặc một vị Tổng trưởng y tế... Và bây giờ tôi muốn anh giữ lấy riêng cho anh những mộng đã tan tành và cả trái tim tan nát của anh nữa, nếu thực sự nhận thấy rằng những cái đó đã tan nát. Và mặc dầu tôi tin rằng anh còn có thể lựa một cuộc đời khác, không phụng sự Tưởng Giới Thạch nữa, tôi cũng muốn rằng anh sống cuộc đời đó một mình anh. Tôi không muốn giúp đỡ anh nữa. Có lúc tôi thương hại anh hơn bao giờ

hết đấy, nhưng tôi tự chống lại sự mềm lòng đó, để khỏi trở ngại cho sự học của tôi.

Vậy Pao đi chụp hình, may thêm vài bộ quần áo và vài bộ quân phục để đem theo, lại nhờ một họa sĩ chuyên vẽ các trận mạc, vẽ cho một bức chân dung nữa; các tùy viên quân sự khác, thết tiệc đãi anh, tặng anh một cái đĩa bằng bạc khắc những chữ đầu tên của họ. Anh giao đĩa cho tôi giữ và hiện nay nó vẫn còn đó.

Vài người mời chúng tôi: ông bà Cripps, Kingsley và Dorothy Martin... Những người khác không dễ thương lắm: nhưng chỉ riêng đối với tôi họ mới nói cái vẻ nhã nhặn, cay chua và cái giọng cộc cằn thôi. Lại có người mời Pao dự những bữa tiệc tiễn đưa đầy nước mắt. Bận quần và khoác áo mưa, tôi hấp tấp chạy khắp Londres, lần lần có dáng dấp của hạng sinh viên nghèo - mà quả thực hồi đó tôi đã thành một sinh viên nghèo - Dáng dấp đó giống với cái tôi "thực sự" hơn là cái "tôi" vợ một tùy viên quân sự rất bảnh bao; hiển nhiên là tôi có cái gì đó không bình thường nữa, khác hẳn với Pao lúc nào cũng rất mực lịch sự trong bộ quân phục.

Pao thỉnh thoảng nói bóng tới tình yêu thắm thiết của anh đối với tôi mà bị tôi hiểu lầm... và bi đát nhất là khi nói vậy, anh hoàn toàn thành thực. Vì quả thực anh yêu tôi, bây giờ đây tự biết là thua cuộc, anh biết nói gì khác nữa. Nhưng anh chỉ có thể nói với cái đầu tôi cúi trên trang sách, nói với một cái "tôi" không còn ở bên cạnh anh, thuộc quyền anh nữa, cái "tôi" đó đã trốn khỏi

rồi, núp trong các bộ xương và các cuốn sách rồi, một cái "tôi" mà mắt lờ đờ nhìn qua anh chứ không thấy anh, tai cũng không nghe thấy anh. Anh dắt tôi đi ăn ở những cao lâu sang trọng, tôi ăn mà nghĩ đâu đâu, không biết mình ăn gì, không quan tâm tới. Tôi thường một mình lại những quán ăn tồi tàn, trả một shilling mười một penny rưỡi [1] rồi nuốt một đĩa canh đuôi bò (sự thật là đuôi ngựa), ăn món đậu với bánh phết bơ nước, mà thấy ngon lành, vui vẻ lắm.

Trong một bữa tiệc của nhà ngoại giao ở Dorchester, tôi nói chuyện về các con ếch rút óc ra để thí nghiệm: bàn tay dính các chất hóa học, thật không hợp với các "câu lạc bộ" sang trọng ở ngoại ô Londres này, mà thức ăn và rượu không bị hạn chế, khách hàng chỉ gồm những người Mĩ và các nhà ngoại giao. Trong các buổi tiệc vui vẻ đó, tôi thường ngủ gục. Chính bà Isobel cũng rất ngạc nhiên khi tôi tới ăn ở Café Royal, mà bận chiếc áo mưa, nồng nặc mùi xác người ngâm formol, sách cặp ở nách, giày đế thấp bê bết bùn mà không đi vớ. Tôi cứ tự nhiên, chẳng buồn xin lỗi. Tôi đã thề không bao giờ bận cái áo măng tô bằng da lông nữa vì tôi muốn Pao đi rồi, tôi sẽ đem bán nó.

Pao bắt đầu nghĩ tới cuộc hành trình về Trung Hoa. Anh có thể lựa chọn về bằng đường qua Mĩ hoặc bằng đường qua Nga và anh quyết định lựa con đường trên.

---

(1) Nghĩa là non hai shilling, non một phần mười Anh bảng.

Ở tòa Đại sứ Trung Hoa, vài nhân viên hành chánh trong bộ tham mưu đã tính qua Mĩ ở nếu "tình thế hỏng bét". Có lẽ chỉ người Mĩ mới cho rằng Cách mạng Trung Hoa xảy ra một cách thật bất ngờ, như một tiếng sấm giữa mùa xuân, vì họ không để ý tới thực trạng tình thế Trung Hoa mà chỉ mãi đeo đuổi ý muốn của họ là làm cho Trung Hoa thành một lãnh thổ, một thị trường lớn nhất của họ. Còn đa số các nhà ngoại giao Trung Hoa ở Londres thì đã cảm thấy đất rung chuyển dưới chân họ rồi.

Một buổi sáng sớm tháng ba, trời mưa, gió lạnh lẽo, hồi sáu giờ rưỡi, Pao lại ga Euston đi xe lửa tới một hải cảng để xuống tàu qua Mĩ: tên hải cảng - chiếc tàu và ngày nhổ neo đều được giữ kín. Mấy ngày cuối cùng chúng tôi lại ở trong một khách sạn tại Londres mà phòng ăn bi thảm như một nhà mồ, còn bồi thì là những ông già run rẩy (họ quá tuổi nhập ngũ rồi) dọn cho chúng tôi những khúc xúc xích nhồi đầy ruột bánh mì, có thể là mạt cưa nữa, không có trứng, cũng không có bánh phết bơ. Tôi nhớ đã phản kháng và người ta đã đáp tôi: "Còn đương chiến tranh, bà không nhớ sao?" Những lúc đó một số con buôn thích bắt khách hàng chịu những cảnh ngược đãi tệ nhất, thói quen đó tôi vẫn còn thấy ở Anh lâu lắm sau khi chiến tranh chấm dứt.

Pao và tôi không có gì nói với nhau cả. Ảnh đi, tôi ở lại, không ai có dự tính gì cả, không quyết định, không bàn về tương lai, vì cả hai đều sợ làm tan mất sự hòa hợp tạm thời trước khi chia tay nhau. Pao bảo anh về nước

xem tình thế ra sao rồi sẽ viết thư bảo tôi về. Tôi đáp rằng muốn học xong, càng sớm càng tốt. Lời nói của chúng tôi có thể là thành thực, có thể là giả dối: việc sẽ xảy ra không tùy quyết định của chúng tôi. Bỗng Pao bảo tôi: "Biết đâu chừng chẳng có ngày anh bắt buộc phải lãnh một chân giáo sư Đại học", như vậy là anh tính trước một tương lai không còn quyền hành trong tay nữa. Tôi không cãi lại anh rằng anh không thể dạy bất kì một món gì được. Anh kêu điện thoại nói chuyện với Yungmei ở Barney Cottage, và anh khóc khi nghe nó vui vẻ chúc anh: "Ba đi mạnh giỏi". Mặt anh nhăn nhó, đau khổ vì cảm thấy anh đã không luôn luôn có lí về mọi việc; nỗi nghi ngờ xâm chiếm, gậm nhấm anh, anh không chịu nỗi sự thiếu tự tin đó.

Đẹp trai, khỏe mạnh, thân hình ngay ngắn, tay cầm can, vẻ tự tin, anh đi đi lại lại như diễn binh ở sân ga, và tôi bước theo anh, mình phủ chiếc áo mưa, sách cắp dưới nách. Sau khi tiễn anh lên xe, tôi phải trở về thẳng đường Hunter vì ngày hôm đó bắt đầu kì thi, môn đầu là môn sinh lí học. Sân ga vắng tanh, lại thêm mưa phùn, lạnh, rót xuống cùng với mồ hóng luôn luôn có trong không khí Londres: cảnh thật hợp với một cuộc biệt li ảo não. Mưa đập vào mái tôn, bao tử tôi chưa tiêu hết tách cà phê ghê tởm ban sáng, không biết pha bằng thứ bột những hột quái quỉ gì đó. Pao bảnh bao, giày bóng láng (do tôi đánh) và áo choàng mới tinh. Chúng tôi chia tay nhau, anh leo lên xe, nghiêng mình ra ngoài cửa sổ, và đưa chiếc can vẫy vẫy khi xe chuyển bánh.

Tôi trở về đường Hunter và ngay chiều đó tôi thi bài viết về môn Sinh lí học. Ở nhà ga Saint Pancrs, có một hàng dài người nối đuôi nhau đợi một chén trà, và ở quày chỉ có mỗi một chiếc muỗng cột bằng một sợi dây gai. Phải đứng nối đuôi để lãnh một chén trà; đứng nối đuôi để khuấy trà rồi đặt trả chiếc muỗng, nước trà còn chảy ròng ròng, trên quày; nối đuôi để trả tiền chén trà nóng và nhờn đó vì đã có biết bao nhiêu người cầm rồi; tối đó tôi lái chiếc xe máy dầu về Barney Cottage, chiếc xe hổn hển mới leo nổi cái dốc khá dựng đứng ở Winkfield.

Mấy ngày sau, tôi bị kích thích dữ vì lo lắng và làm việc, tùy kết quả kì thi này mà tôi được học bổng của British Council hay không, và có học bổng thì mới tiếp tục học Y khoa được. Pao hứa sẽ gởi tiền cho tôi, nhưng tôi biết anh chỉ hứa hão, vì làm gì có dư tiền mà gởi: một chén cơm hồi đó phải trả 6.000 đồng và *một Mĩ kim ăn 100.000 đồng*. Năm 1948, *một Mĩ kim ăn mười triệu đồng.* Về Trung Hoa, Pao lãnh tiền Trung Hoa, không có ngoại tệ để đổi, và mặc dầu, các nhà quân sự được đặc quyền buôn bán vàng nén và các xa xỉ phẩm, anh không sợ thiếu tiền tiêu, tôi cũng không mong gì được anh gởi tiền, vì dĩ nhiên, tôi nghĩ vậy là phải. Anh đã vẩy vẩy cây can, vẻ tự tín mà bước ra khỏi cuộc đời của tôi, thế là xong; bây giờ tôi có thể đoạn tuyệt hẳn với cuộc đời đó. Từ hôm đó, tôi không trở lại tòa Đại sứ Trung Hoa nữa, trừ một lần năm 1947. Cũng vậy, tôi tuyệt giao với tất cả bạn ngoại giao của tôi, bằng cách lánh mặt đi, không trở lại cuộc đời đó nữa.

Tiền mướn Barney Cottage đã trả trước hai tháng; vậy chúng tôi còn được ở tới ngày mùng 1 tháng 5; sau đó tôi phải kiếm cách nuôi Yungmei và Gillie. Làm sao trả được tiền công của Gillie? Làm sao trả được tiền ăn, tiền ở? Xoay xở cách nào được đây? Tôi không biết nữa. Ba người có thể nào sống với ba chục Anh bảng mỗi tháng, số học bổng của British Council được không? Nội tiền công của cô Gillie cũng nuốt hết nửa số đó rồi, không kể tiền ăn, tiền quần áo, tiền nhà. Rồi làm sao cho Yungmei học?... Nhưng trước hết phải lo thi cho đậu đã.

Trong tuần lễ thi đó, một buổi tối, chiếc xe của tôi chết máy ở dọc đường. Tôi phải đẩy nó ba giờ đồng hồ mới về tới nhà vì xe thì nặng mà đường thì dốc. Mười một giờ khuya tôi tới Barney Cottage, mệt lã và năm giờ rưỡi sáng cô Gillie đã đánh thức tôi để ra Londres.

Tuần lễ đó, tôi gần như không ngủ được vì mệt và lo lắng... rớt thì tai hại quá. Tôi tiếc năm trước đã từ chối một số tiền, trọn gia tài mà anh Louis, vị hôn phu trước kia của tôi ở Bỉ, đã để lại cho tôi.

Vì Louis đã tái hiện; một buổi chiều năm 1943; Pao và tôi đương đi băng qua Piccaitilly Circus (ở Londres) thì tôi thấy anh đứng cạnh hàng rào thay cái tượng Eros [(1)] dựng trên bệ, anh bận quân phục Không lực Hoàng gia và đăm đăm ngó tôi. Anh đã thoát khỏi tụi Đức, trốn qua Anh, đầu quân vô Không lực Hoàng gia...

---

(1) Thần ái tình.

Tôi nhìn anh nhưng thản nhiên bước qua, vì Pao đi với tôi. Đã đoạn tuyệt rồi. Vả lại, biết nói gì với nhau đây? Tôi không xúc động. Sự thật, khi một tình cảm đã hết ý nghĩa thì thái độ thẳng thắn nhất là coi nó như đã hết ý nghĩa.

Vài ngày sau tôi nhận được một hộp trà nhỏ. Không đề tên Louis. Anh không tìm cách lại thăm tôi. Rồi một buổi chiều năm 1944, một đại tụng (avoué) Bỉ ở tòa Đại sứ Bỉ kêu điện thoại lại trường học đường Hunter, trường lại chuyển về nhà tôi, cho tôi hay rằng Louis đã chết trong một phi vụ ở Assam, trong trận Miến Điện năm 1944. Phi cơ của anh đụng vào núi, rớt. Trong di chúc, anh muốn để lại cho tôi tất cả gia tài của anh, viên đại tụng hỏi tôi làm sao gởi tiền cho tôi được. Ông ta vừa thận trọng vừa kín đáo. Tôi đáp rằng không muốn nhận số tiền ấy, phải gởi về Bỉ cho hai chị (hoặc em gái) của anh. Khoảng 640 Anh bảng đã chia cho hai người đó.

Trong khi lái chiếc xe máy dầu, trong khi uống trà nóng bỏng - để khỏi lạnh - tại các phòng ăn bẩn thỉu, hư nát ở nhà ga, trong khi bới đầy những tờ giấy học trò, chép hết các chi tiết về hệ thống ***thần kinh phản giao cảm*** (système nervenx parasympathique), về phản ứng với chất acétylcholine, và các cơ năng của lá gan, tôi luôn luôn lo lắng về vấn đề tiền nong.

Ngày 25 tháng ba, chúng tôi hội họp ở trường để chờ kết quả; một nhân viên ban quản trị đọc tên những người đậu theo thứ tự cao thấp, rồi dán kết quả lên bảng.

Nếu rớt, có lẽ tôi có thể xin một chân thư kí được... Tôi có thể kiếm được một phòng vừa là phòng làm việc, vừa là phòng ngủ, khá rộng để chứa ba chúng tôi không? Tất nhiên Gillie không thích sống ở Londres trong một phòng như vậy... Nếu cô bỏ tôi, đi làm chỗ khác thì tôi bắt buộc phải gởi Yungmei vào một trường mẫu giáo? Giáo sư Giải phẫu học bước vô đọc số hiệu các thí sinh đậu. Tôi đậu, chị Cherry rớt. Tối đó, để ăn mừng, chúng tôi gọi thêm một đĩa cá và khoai tây rán gói trong giấy báo, và uống ba chén trà nóng ở sân ga. Chị Cherry khóc, một chị bạn khác cũng khóc vì rớt. Hai chị ấy qua tháng 10 thi lại, đậu và sau thành những y sĩ rất giỏi.

Vậy trong ba năm sau tôi sẽ được lãnh ba chục Anh bảng mỗi tháng; còn Yungmei và Gillie, phải tính sao đây?

*

Pao tới Mĩ đúng vào lúc Roosevelt từ trần; anh buồn rầu tả cho tôi đám tang của Tổng thống, và hăng hái tán tụng Mĩ". "Họ thật tử tế... họ sẵn sàng giúp chúng ta tới cùng... họ khác hẳn bọn Anh keo kiệt..." Anh gởi tôi cuốn tự truyện của bà Wellington Koo: chỉ còn vài bản không bị ông chồng hủy bỏ. Như vậy Pao muốn tôi tha thứ thái độ trước kia của anh.

Sau đó, Pao viết thư cho tôi từ Trùng Khánh. Trước hết tôi trả lời mấy hàng vắn tắt cho anh hay rằng mọi sự đều tốt đẹp.

Dĩ nhiên anh không bao giờ gởi tiền cho tôi cả: tôi phải trả hóa đơn tiệm chụp hình, khoảng 45 Anh bảng, hóa đơn tiệm thợ may, trên 30 Anh bảng. Tôi bán chiếc áo da lông được 90 Anh bảng, đủ trả nợ.

Trở về Trung Hoa, Pao bị lôi cuốn ngay vào những cuộc thương thuyết giữa Quốc Dân đảng và Cộng sản, người Mĩ đóng vai "trọng tài". Người ta nói nhiều tới một chính phủ "liên hiệp"; ý đó rất hợp với thái độ của Mĩ đối với Trung Hoa, thái độ này do họ nghĩ rằng Trung Hoa sắp thành "bất động sản" lớn nhất tại Á châu của các nhà kinh doanh Mĩ. Họ mong thấy Trung Hoa được hòa bình, cải cách, nhưng trước hết, họ muốn "ở lại" Trung Hoa... và đó là lỗi lầm lớn của họ. Còn đâu nữa cái thời người Da trắng làm chủ châu Á, họ có vẻ như vẫn chưa thấy vậy.

Mùa thu 1945, Pao viết cho tôi: "Chúng ta không thể tin tụi Cộng sản được...". Nhưng hai năm trước anh đã nói sẽ dùng viện trợ Mĩ để diệt Cộng, thành thử tôi không mấy xúc động, sao bỗng nhiên anh lại phát ra đạo đức như vậy.

Tôi không tưởng tượng được Cộng sản mà lại buông khí giới để chiều lòng người Mĩ, chấp nhận một chế độ "liên hiệp" để rồi nhất định bị Tưởng Giới Thạch tàn sát. Chuyện đó đã xảy ra rồi; có lí gì bây giờ họ lại ngu xuẩn, buông khí giới để đổi lấy một sự thừa nhận có tính cách giả tưởng, không sao thi hành được?

Lần đó tôi không hồi âm; mà năm sau cũng vậy, khi

anh báo tin đã được thăng chức và lên phía Bắc; sự thật anh lên Hoa Bắc và Bắc Kinh, tại đó anh gặp ba tôi. Ba tôi kể lại cuộc gặp gỡ khác hẳn lời trong thư Pao viết cho tôi. Pao viết:

«Anh đã gặp ba em, thực tình ông không có một chút sinh khí nào cả. Ông chỉ mỉm cười hoài và gật đầu khẽ chào... Anh muốn trách ổng đã không biết cách dạy dỗ em. Nếu anh biết trước em sinh trưởng trong một gia đình như vậy thì anh đã không cưới em để làm ô danh của anh đi".

Anh viết vậy vì hai người em gái của tôi đã kết hôn với hai người lính Mĩ, anh nổi quạu vì vậy.

Lâu lắm sau này, đọc bài tự phê của ba tôi, tôi mới thấy ba tôi, kể lại cuộc gặp gỡ đó. Hồi mà chế độ cũ bị diệt, và Cộng sản lên cầm quyền, ba tôi cũng như mọi công chức, phải viết bài tự phê, không phải một lần mà nhiều lần.

«Tôi lúc đó biết rằng con gái tôi đã kết hôn với một người tên là Tang Pao Houang. Năm 1946 anh ấy tới Bắc Kinh. Tôi đã được ông bạn tôi Ping Shih nói về anh ta và khuyên tôi nên lại thăm vì anh ta là một nhân vật rất quan trọng: tôi do dự, nhưng Tang Pao Houang viết cho tôi mấy chữ cho biết khách sạn anh ta ở. Tôi bèn lại thăm. Câu chuyện chúng tôi nói với nhau chẳng có gì quan trọng lắm... Sau đó anh ta lại đáp lễ tôi, nhưng không ngồi lâu lắm. Có tin đồn anh ấy sắp cưới một cô tên là Sun Chia Houei ái nữ của tướng Sun, một cựu quân phiệt. Cô đó đã theo Tang Pao Houang tới Bắc Kinh và

hai người cùng ở một khách sạn. Tôi biết rằng con gái tôi và anh ấy không hòa thuận với nhau, nhưng trong câu chuyện tôi không nhắc tới chuyện ấy".

Pao có chụp chung một tấm hình với ba má tôi đứng trên bực thềm đưa từ vườn lên hàng ba. Năm 1956, khi trở về Trung Hoa, tôi thấy tấm hình đó cùng với nhiều tấm khác, trong cái rương cũ mà má tôi đã chở từ Bỉ qua từ bao nhiêu năm trước.

Đầu năm 1947 tôi nhận được một bức thư khác đã gởi từ lâu. Pao có giọng đau khổ, phẫn uất. Câu chuyện anh kể lại rất rắc rối. Một sĩ quan khác và anh đứng gác phòng cho Tưởng Giới Thạch, trao đổi với nhau vài nhận xét, có người nghe lỏm được, thuật lại sai trong một tờ phúc trình gởi lên Tưởng... Pao bị trừng phạt: giáng chức và tống lên Mãn Châu trên mặt trận... Tội nghiệp cho Pao, từ bao lâu nay anh tránh được khỏi bị đày ra mặt trận...

Cùng lúc đó tôi nhận được thư của chị bạn Yuenling, lúc đó ở Bắc Kinh. Chị cho hay có gặp Pao, Pao phàn nàn với chị rằng không nhận được tin tức gì của tôi cả, chị khuyên tôi nên viết thư cho ảnh, vì chị nói thêm - Pao có tâm hồn cao thượng đẹp đẽ, chỉ phụng sự Tổ quốc thôi. Tôi hồi âm rằng tôi mạnh giỏi, Yungmei đã lớn thêm, nhưng tôi không đả động gì tới Pao cả. Cuộc thương thuyết đổ vỡ và nội chiến bắt đầu năm 1947 lan tới khắp nước. Tôi viết thêm một câu ước ao rằng sẽ không đổ máu. Yuenling đáp rằng phải diệt "bọn côn đồ".

Trong khi tôi còn tìm hiểu bí mật đó thì báo Anh đăng tin chiến tranh đã phát, làm cho nhiều người xúc động. Tờ *The Times* long trọng khuyên rằng Trung Hoa đã bị chiến tranh xâu xé bây giờ phải "liên hiệp" với nhau để có hòa bình thì hơn. Có nhiều người đưa ra những đề nghị cải cách ảo dịu, người ta tin rằng một nhóm "trí thức không Cộng sản" có thể "cứu vãn được tình thế" bằng những biện pháp chí lí... Nếu Trung Hoa chịu nghe. Nhưng tôi biết rằng không thể có giải pháp dung hòa được, theo tôi tất cả những điều đăng trên báo chí phương Tây đều gần như vô lí cả. Tôi theo dõi các trận nội chiến, bỏ ngoài tai những tin tức lạc quan "hòa bình" và "ngưng bắn". Kế hoạch tạm thời đó mà tác động được gì? Trước mắt tôi đã diễn ra những cảnh mà tôi mục kích: Hàng dãy người hấp hối cột với nhau bằng dây thừng, có khi bằng dây chì nữa, họ bị lùng bắt để nhốt vô trại lính. Đánh đập tàn nhẫn. Tôi nhớ lại hình ảnh Pao một hôm ở ngoài đường nhảy bổ tới nắm cổ một người cu li trẻ chở mấy bành bông nặng tới nỗi không thấy đường nữa, phải vừa hổn hển vừa la: "Xin tránh giùm cho tôi đi qua, tôi mang nặng đây".

Pao hất chú ta té xuống đường, các bành bông vung vãi ra, rồi Pao đá vào sườn chú ta chỉ vì chú ta đã lỡ chạm vào cánh tay Pao. Bây giờ tôi còn nghe thấy tiếng la khóc của chú ấy, mà Pao chỉ hành động như nhiều người khác trong hoàn cảnh đó thôi. Tôi không nghĩ rằng "hòa bình" hay "liên hiệp" mà thực hiện được.

Tôi tiếp tục học, không viết thư cho Pao nữa và đợi coi chung cuộc của nội chiến ra sao.

*

Năm 1946, khi thế chiến thứ nhì kết thúc chú Ba đã gởi được hai người con trai ra ngoại quốc: người con lớn mà tôi gọi là em Ba qua Mĩ học, còn người thứ tư Kouangti thì qua Londres.

Kouangti ở cách xa nhà tôi, học một trường công nghệ ở khu bắc Londres. Trường thường phái tôi lại các bệnh viện ngoại ô Londres thành thử chị em tôi họa hoằn mới gặp nhau, nhưng mùa hè 1947 tôi theo học một lớp ba tháng về các bệnh mũi, tai, họng ở Londres. Chị Cherry, tôi và một nữ sinh viên khác tên là Belty chia nhau một căn phòng, ở dưới mặt đất tại đường Doughty. Kouangti thỉnh thoảng lại đó thăm tôi, mặc dầu con đường từ Bắc Londres lại đó chẳng có gì đẹp. Em ấy cho tôi biết tin tức về chú Ba và thím Ba. Cũng cho biết tin lạm phát nữa. *Một chén cơm bấy giờ phải trả 30.000 Hoa kim,* và vô tiệm ăn thì vừa ngồi xuống đã phải trả tiền liền vì đôi khi chưa ăn xong giá bữa ăn đã tăng lên 10 hoặc 20%. Koungti vừa cười vừa bảo: "Thiên hạ phải chở giấy bạc bằng va li hoặc xe bồ ệt để mua vé xe buýt". Chúng tôi vẫn thường cười trước một tai vạ vô phương cứu vãn.

Sáng sớm ngày 17 tháng 10 năm 1947 ba tháng trước kì thi ra trường của tôi, Kouangti bổng lại phòng tôi: "Có

hung tín, chị", Pao đã chết một cách vẻ vang trên mặt trận ở Mãn Châu, gần mỏ than Fou Shou.

Dĩ nhiên tôi khóc, khóc ròng, tự cảm thấy có tội lớn... Tôi kêu điện thoại báo tin cho bà Isobel Cripps. Bà Margaret Godley lại phân ưu, ngồi một lúc với tôi để an ủi tôi. Tôi lại bệnh viện Elizabeth Garrelt Anderson, đi lang thang hết phòng này tới phòng khác rồi trở về nhà để khóc nữa. Pao chết rồi, Margaret Godley bảo: "Không, không phải lỗi của bà". Tôi cãi lại: "Đáng lẽ tôi phải cản không cho anh ấy về". Nhưng chưa qua hai ngày thì tôi đã hết hối hận.

Tôi không nhận được lời xác nhận chính thức của tòa Đại sứ Trung Hoa... Có lẽ vì họ không biết địa chỉ tôi. Trước kia tôi đã nhất định không lại tòa Đại sứ nữa, lần này, Kouangti thúc tôi lại thăm ông Đại sứ. Cuộc hội kiến lạnh lẽo làm sao, viên Đại sứ (không phải là tiến sĩ Wellingtou Koo nữa mà là một người khác, tiến sĩ Tcheng nào đó) không hay gì cả. Ngồi vài phút rồi tôi ra về. Hôm sau tôi tới tòa Đại sứ và người ta gởi cho tôi một tờ chứng từ lớn có gắn mấy con dấu bằng khăn đỏ cho hay rằng Pao đã "cao thượng hi sinh trên chiến trường" và tôi là quả phụ, được chính phủ cấp cho 10 triệu Hoa kim. Tháng 10 năm 1947 số tiền đó chỉ bằng khoảng 3 Anh bảng, tôi không mất công đi lãnh làm gì.

Sau đó tôi nhận được một bức thư của chú Ba hết lời khuyên tôi về Trung Quốc làm đám tang cho Pao. Quả phụ của một vị "anh hùng" thì thế nào cũng phải đi

đưa đám "tay dắt con". Chỗ tái bút, chú nói tới một "cô Sun nào đó" tự cho là vợ chính thức của Pao, như vậy nếu tôi không về thì sẽ mất phần gia tài. Tôi nói với Kouangti rằng tôi không nghĩ tới việc hưởng gia tài.

Kouangti ngồi đối diện tôi, vẻ mặt nghiêm trang, cao cao, muốn cho tôi nghe lời khuyên của chú Ba mà giữ đúng tục cổ. Sao tôi lại có thể không phản kháng, để cho một người đàn bà khác xưng là quả phụ mà đi sau quan tài của chồng tôi, làm lễ táng cho chồng tôi được? Tôi đáp: "được chứ, quan trọng gì cái đó?" Kouangti đánh điện cho hay tôi đau không thể về được, như vậy là mọi người hiểu rồi. Một bức thư khác của ba tôi, cũng khuyên tôi về để đòi lại "quyền" của tôi, vì cô Sun nói với mọi người rằng Pao đã để (li dị) tôi và chính cô ta mới là vợ chính thức. Nhưng *những con chim bị giết mùa hè đó,* đối với tôi đã chết hẳn rồi [(1)] . Tôi sẽ không đóng cái hài kịch để tang. "Lúc đó vào tháng 10 mà qua tháng giêng tôi phải thi ra trường để lấy bằng bác sĩ. Pao chết rồi. Tôi không có tiền về Trung Hoa rồi trở lại Londres".

Vị Đại sứ Trung Hoa - một ông già đáng kính, sau này sống những ngày tàn ở Mĩ, làm chuyên viên về vấn đề Trung Hoa - cho mời tôi lại văn phòng ông, bảo tôi rằng tôi là vợ một vị anh hùng, phải đem con về ở trong gia đình của Pao, với thân mẫu của Pao, như vậy mới

(1) Chúng ta nhớ tác giả cho mấy năm sống với Pao là «*Mùa hè vắng tiếng chim*" của đời tác giả.

phải đạo, vì theo tục Trung Hoa thì bổn phận của tôi từ nay là nâng đỡ mẹ chồng trong nỗi đau khổ của bà. Tôi đáp rằng không có tiền về nước. Tiến sĩ Tcheng cho rằng tôi muốn xin tiền tòa Đại sứ (dù sao, tôi vẫn còn tờ thông hành ngoại giao mà) vội vàng bảo tôi: "Bà phải là một quả phụ gương mẫu. Phải viết thư về thăm mẹ chồng. Cứ 10 ngày viết một bức. Tục lệ như vậy."

Vậy là đám tang không có mặt tôi, bổn phận tôi theo tôi hiểu là thi lấy bằng bác sĩ, cách đó hai tháng... Kouangti và tôi bàn bạc với nhau một hồi lâu, lựa người nào trong họ có thể thay mặt tôi trong đám táng. Kế đó cả Mãn Châu sụp đổ, Hồng quân thắng trận cuồn cuộn như làn sóng lan tràn khắp Trung Hoa, và tôi không nghe nói đến đám táng, đến tục lệ, đến cô Sun nữa.

Một ý nghĩ thoáng qua trong nỗi buồn của tôi: Pao đã muốn tôi tự tử sau khi anh chết, để lưu lại cái danh thơm là một quả phụ tiết nghĩa, làm cho gia đình đạo đức của anh được thêm tiếng tăm. Nhưng tôi không chịu hứa với anh như vậy. Không đầy một tuần sau, tôi lại chăm chỉ làm việc.

Khoảng cuối tháng 11, tôi nhận được một gói nhỏ: Tập nhật kí tâm tình anh gởi cho tôi cùng với một bức thư anh gởi cho tôi đầu tháng 10, khoảng 10 ngày trước khi anh mất.

Bức thư chỉ có năm sáu hàng chứ không hơn: "Anh ra mặt trận để chiến đấu đây. Anh không biết sẽ ra sao, nhưng anh ngờ rằng hỏng rồi, không cứu vãn được nữa.

Anh đã đối xử với em không được tốt lắm, nhưng nếu trời cho anh sống thì anh sẽ đối xử với em tốt hơn".

Tập nhật kí đó ở trước mắt tôi; không có bìa, có lẽ ai đó đã xé đi cho nhẹ, chỉ còn những trang bên trong; chữ viết đều và khít, anh đã tập một thủ pháp để tự chủ về tinh thần leo được thang thành công: nét không xơ, không ốm, nhưng nét nhỏ viết rất cứng cáp, đều đặn, tỏ rằng tâm hồn bình tĩnh... Tôi lật coi qua rồi đem vào bếp đốt.

Tôi chỉ đọc đây một chữ, kia một đoạn... tôi biết anh muốn tôi đọc những tư tưởng cao thượng của anh; tôi nghĩ cái lòng trung thành bị ngược đãi của anh, tới tình yêu của anh đối với tôi... nhưng chỉ nội cái tên "nhật kí" cũng đủ làm cho tinh thần tôi mất quân bình và tôi nổi lên một cơn cười như điên. Trước hết tôi phải nghĩ tới kì thi ra trường của tôi đã, không thể phí thì giờ vào những giao động thần kinh, vào những xúc cảm mãnh liệt, buồn rầu, cảm kích, nhớ nhung, tiếc hận được... Phải tiến tới cho mau, tự vượt tôi đi, không có thì giờ để khóc, phải tiếp tục...

Năm năm sau, tôi ở Hương Cảng nhận được một bức thư của Yuenling cho tôi những chi tiết khác về cái chết của Pao. Lúc đó chị ở Đài Loan vì chị đã theo Tưởng Giới Thạch. chị mời tôi qua chơi với chị. Chị thành một họa sĩ vẽ phong cảnh, có chồng và một con trai, coi hình thấy chị cao lớn, duyên dáng, có vẻ sung sướng... Chị kể cho tôi nghe Pao đã chết ra sao.

Trong hai chục năm nay tôi không có ý tìm hỏi mà cũng đã được nghe về bốn thuyết về cái chết của Pao. Theo thuyết chính thức thì Pao đã anh dũng chống cự tới cùng, rồi bị đạn bắn đầy mình mà chết ở mặt trận.

Theo một báo cáo mật khác, quân lính của Pao cũng như nhiều đội quân khác của Quốc Dân đảng, đào ngũ từng đám theo Hồng quân và cuộc chiến đấu thành một cuộc bại tẩu. Chỉ còn trơ lại Pao với một bộ hạ; Pao bảo bộ hạ đâm thủng ngực mình đi, người đó không nỡ, Pao đã tự tử bằng một cách nào đó không ghi rõ.

Một thuyết thứ ba còn gây xúc động hơn nữa: quân lính của Pao nổi loạn và hạ sát anh.

Rùng rợn nhất là thuyết của Yuenling. Chị gởi cho tôi một bức họa đẹp, có núi sông và một hiền triết tầm tư mặc tưởng, do chị vẽ, với mấy chữ đề tặng: "Rất thân ái" ngỏ ý mời tôi qua Đài Loan, trở về với Tưởng Giới Thạch. Chị viết:

Tụi đó là loài thú dữ. Chúng giết chóc một cách dã man không tưởng tượng nổi! Chị muốn làm gì thì làm, chúng cũng không tin chị đâu, chị ạ. Tôi sợ chị xiêu lòng, có lẽ chúng rán dụ dỗ chị... Chị nên nhớ chúng đã giết anh nhà ra sao? Chúng khoét mắt, lột da anh, cột vào một con ngựa cho nó lôi đi tới khi anh chết mới thôi...".

Năm 1958, tôi kể lại những thuyết đó cho một chị bạn tôi. Koung Peng ở Bắc Kinh, một phần buồn vì chuyện cũ, một phần vì mong biết được sự thật. Nhưng

Koung Peng làm thinh, không thốt một lời nào cả.

Bao nhiêu máu đã đổ từ ba chục năm nay... Bao nhiêu người đã chết vì bom đạn trong cuộc chiến đấu bất tận đó, trong cuộc trường chinh, trong cuộc nội chiến; Bao nhiêu người không biết vợ con, cha mẹ, người yêu... của mình ra sao; Còn những người khác thì phải mục kích cảnh người thân của mình bị tra tấn; Lại có người như Mao Trạch Đông trong cuộc trường chinh, gởi con cái lại cho một gia đình nông dân nuôi giùm rồi cha con không bao giờ gặp lại nhau...

*

Sự chiến thắng của Cộng đảng và Hồng quân đạt tới tột đỉnh năm 1949, điều đó dễ hiểu nếu ta coi chiến thắng đó chỉ kéo dài thêm thiên anh hùng ca, sử gọi là cuộc *Trường chinh*. Cuộc Trường chinh này mới đầu là cuộc rút lui sau khi các căn cứ chính của Cộng sản ở Hoa Nam bị bao vây năm 1933. Tưởng Giới Thạch đã tập hợp non hai triệu binh sĩ với chiến xa và phi cơ để thực hiện chiến dịch vĩ đại thứ năm mục đích là diệt Cộng. Ông ta dùng chiến thuật gọng kềm đại qui mô, tàn phá những miền mênh mông, mong đánh bật Cộng sản xuống biển.

Hồng quân vượt qua những đồn lũy xi măng, các dàn đại bác, các hầm mà Tưởng xây cất thành 4 lớp bao vây căn cứ của Cộng. Hồng quân mở một đường thoát ra mùa thu năm 1943 bắt đầu cuộc viễn chinh phi thường gọi là *Trường chinh* đó.

Mặc dầu thành công, Mao Trạch Đông đã bị một số lảnh tụ Cộng sản chỉ trích, Ủy ban Trung ương ẩn náu từ lâu ở Thượng Hải, rất quan trọng tới lí thuyết nhưng không áp dụng cụ thể vào hoàn cảnh Trung Hoa. Ảnh hưởng và danh vọng của Mao trong quân, dân Trung Hoa thật lớn lao. Mặc dầu trong khoảng ba năm, ông khó khăn lắm mới làm cho Đảng chấp nhận ý kiến của mình, ông vẫn duy trì và cải thiện đường lối. Những kĩ thuật quân sự ông sáng tạo không được người ta theo, do đó sinh ra nhiều thất bại, sau ông phân tích những lầm lẫn đã mắc phải, trong số đó có thái độ bè phái đối với tướng Thái Đình Giải ở Phúc Kiến; Thái và Lộ quân thứ 19 của ông ta đã anh dũng kháng Nhật ở Thượng Hải năm 1932 rồi bị Tưởng Giới Thạch phản. Mao Trạch Đông khuyên phải liên lạc với những đạo quân ái quốc mà không Cộng sản, nhưng các người khác không nghe, vì lúc đó phe theo chính sách "khép cửa" thắng thế.

Tháng 10 năm 1934 sau những cuộc chiến đấu kinh khủng, đạo quân Cộng sản phá được vòng vây (quân đội và đảng viên gồm 130 ngàn người hết thảy) mà tiến về hướng tây.

Họ đi bộ từng dãy dài, vô miền Tứ Xuyên trong thời tiết lạnh lẽo mùa thu. Đàn bà đeo con nhỏ trên lưng, heo, gạo, máy móc (trong một xưởng binh công nhỏ), va li; có vài chiếc xe bò để chở những đàn bà có mang, có gì họ mang đi hết.

Đoàn người đó dài 300 cây số; đoàn hộ vệ cách đoàn

tiên phong bảy ngày đường. Ngày nào, giờ nào cũng bị tấn công, đêm cũng vậy, bị phi cơ thả bom, bị phục kích trên mọi con đường, nhưng họ cứ tiến.

Cuộc Trường chinh kéo dài hơn một năm, vượt qua 11 trên 18 tỉnh, 18 dãy núi có những đèo tuyết phủ cao 4.000 thước; đi bộ 12.000 cây số, mỗi ngày 40 cây số. Khi đi là 130.000 người, tới nơi còn 30.000 người mà trong số này có nhiều người mới nhập vô đoàn ở dọc đường.

Trong hai tháng đầu, các vị chỉ huy cãi nhau, chia rẽ nhau về hành trình phải theo, về mục tiêu, tới đâu thì ngừng lại.

Tháng giêng năm 1935 ba mươi phần trăm những người đi tiên phong (khoảng 40.000 người) đau. Tới một nơi gọi là Tsun Yi (Tuân Nghĩa) (?) họ quyết định tạm nghỉ chân và họp nhau để thảo luận. Chia làm hai phe chính: phe Mao Trạch Đông xuống lập một căn cứ ở Tây Bắc, từ đó xuất quân để kháng Nhật; và phe "thân Nga" của các sinh viên "Tây du" về, như Lý Lập Tam và nhiều người khác muốn tấn công và chiếm những "thành phố lớn" (1) để thành lập những "căn cứ tương lai vững vàng".

Cuộc hội nghị Tsun-Yi (Tuân Nghĩa) (?) đó quan trọng bực nhất: hồi đó, từ các nhà chỉ huy quân sự tới lính tráng đều thấy chủ trương của Mao Trạch Đông đúng. Ông được bầu làm Tổng Bí thư của đảng và của

---

(1) Vì họ theo thuyết của Nga, trông cậy ở thợ thuyền hơn ở nông dân.

Ủy ban Trung ương, và chiến thuật của ông được mọi người chấp nhận.

Việc thứ nhất Mao thi hành là ra lệnh bỏ hết các gánh nặng vô ích làm cho cuộc Trường chinh chậm lại mà dễ bị Quốc Dân đảng tấn công. Đồ dùng, tiền bạc, cả tới súng trường nữa, cũng phải để lại ở dọc đường hoặc chôn giấu. Con nít cũng phải giao cho nông dân nuôi giùm, trong số đó có hai đứa con của Mao.

Trút nhẹ được rồi, họ tiếp tục đi. Nhờ chiến thuật uyển chuyển, tháng hai năm 1935, Mao đánh tan được bốn sư đoàn Quốc Dân đảng. Rồi Hồng quân bước vô giai đoạn gay go nhất, cực khổ nhất của hành trình, vượt những núi cao và những con sông ở nội địa.

Ở Bắc Kinh tôi làm quen một người đàn bà sống sót sau cuộc Trường chinh, đứa hài nhi của bà hồi đó đặt trong một cái giỏ trên lưng một con la cái, cùng chung với cái gói đồ. Khi leo một ngọn núi rất cao, chậm chạp đi ven một dốc núi rất hẹp, con la trượt chân té xuống đáy vực sâu gần 2.000 thước với đứa nhỏ và các gói đồ, không thể ngừng lại để tìm kiếm được, vì địch đuổi theo sau không xa... Sau cùng Hồng quân tới Diên An.

Từ 1937 đến 1945, trong chiến tranh Trung Nhật và thế chiến thứ nhì. Hồng quân chiến đấu không ngừng với Nhật và các quân Trung Hoa làm tay sai cho Nhật; họ tấn công cả phía trước lẫn phía sau của địch, dùng thuật du kích, cướp khí giới, lương thực của địch để tồn

tại và lần lần mạnh lên, qua miền nào cũng được dân chúng làm hậu thuẫn. Họ gieo khắp nơi những mầm du kích mới, gây thành những đạo quân mới, giải phóng được những khu vực mới.

Kế hoạch của Tưởng Giới Thạch là án binh bất động, để cho Cộng sản kháng Nhật mà tiêu ma sức lực đi, kế hoạch đó hoàn toàn thất bại. Hồng quân sở dĩ mạnh là nhờ chiến đấu không ngừng.

Vừa chiến đấu, Hồng quân vừa *giáo dục* quần chúng cho họ có ý thức về chính trị. Trong cuốn hồi kí về cuộc Trường chinh, Đặng Dĩnh Siêu, vợ Chu Ân Lai kể cách thức như sau:

"Các nữ đồng chí dự trong cuộc Trường chinh cũng cương quyết và can đảm như nam đồng chí... Trong Đạo quân thứ nhất, có ba chục nữ cán bộ - những chị nào mạnh nhất đều đeo trên lưng mùng mền và bao gạo. Bộ đội ngừng ở đâu để nghỉ ngơi là các chị ấy lợi dụng cơ hội để tuyên truyền chính trị trong dân chúng, săn sóc bệnh nhân và giúp đỡ trong việc nấu ăn. Tất cả các nữ đồng chí đều đi tới cuối đường Trường chinh, không một người nào bỏ dở hoặc chết ở dọc đường. Cả ba chục người đều tới nơi tới chốn".

Chính Đặng Dĩnh Siêu bị lao phổi nặng, mà theo lời bà thì "thật lạ lùng, sau một năm sống vô cùng cực khổ trong cuộc Trường chinh, tôi chẳng chạy chữa gì cả mà khỏi bệnh".

Cuối chiến tranh, năm 1945, quyền lực của Cộng sản tăng lên rất mạnh. Mới đầu chỉ có một triệu rưỡi dân ở một xó Tây Bắc nghèo, đất khô cằn, bây giờ họ đã mở mang rộng thêm đất đai và có một số dân là 93 triệu người. Đảng viên năm 1937 gần 40.000, năm 1945 lên tới 1.200.000.

Chiến tranh du kích và chiến tranh lưu động làm cho mấy trăm ngàn nông dân tình nguyện vô bộ đội: nhiều người tài giỏi về quân sự, về chính trị, nhiều cán bộ trẻ và nhiệt tâm chỉ huy bộ đội. Từ 35.000 người năm 1936, năm 1945 Hồng quân đã tăng lên 910.000 quân chính quy và 2.500.000 dân quân bổ trợ.

Tưởng Giới Thạch càng ngày càng dùng những biện pháp áp bức nghiêm khắc đối với Cộng sản, về cả hai phương diện quân sự lẫn kinh tế, cắt hết các nguồn tiếp tế ngay cả ở phía sau lưng họ. Họ bị đại tấn công bốn lần, còn tấn công nho nhỏ thì có tới mấy chục lần. Mà tuyệt nhiên họ không bao giờ nhận một chút viện trợ của Nga hoặc của Mĩ.

Trong hai chục năm mà Cộng sản thành lập được một cơ cấu Quân sự, kiểm soát được cơ cấu đó về chính trị và làm cho nó được sự ủng hộ rất mạnh của dân chúng, là nhờ những tư tưởng của Mao Trạch Đông khéo áp dụng vào hoàn cảnh Trung Hoa. Như nhà văn Anh John Gittinos đã nói, Mao Trạch Đông đã tạo được từ 1927 đến 1949, cái kiểu mẫu một quân đội cách mạng nhân dân, chỉ nhờ vậy mới thắng được. Ngày nay cuộc cách mạng Văn hóa

vô sản đề cao kiểu mẫu đó, mà đả đảo những quan niệm khác về Quân đội, tức quan niệm coi Quân đội là một «dụng cụ" có tính cách giai cấp của người cầm quyền, một giai cấp chuyên nghiệp phụng sự một nhóm nắm chủ quyền [1]

✱

Tháng 8 năm 1945, Nhật vừa mới đầu hàng là Tưởng Giới Thạch và Cộng sản chạy đua để chiếm các đất đai và thị trấn mà Nhật mới rút ra khỏi. Ngay từ lúc đầu, Tưởng đã được Mĩ giúp đỡ để đưa quân đội của ông ta tới những vị trí lợi nhất trong cuộc xung đột sắp xảy ra.

Tháng 8 năm 1945 vài ngày sau khi Nhật đầu hàng, tướng Mac Arthur, tư lệnh tối cao ở Tokyo ra lệnh số 1, bắt quân đội Nhật chỉ nộp khí giới cho Quốc Dân đảng thôi và trong khi chờ đợi, phải duy trì "trật tự và sự hợp pháp", như vậy là xong được bước đầu. Những đạo quân Nhật đã rút khỏi vài khu vực ở Mãn Châu, bèn tấn công quân du kích Cộng sản ở Mãn Châu, và được Mĩ tán thành.

Trong thời gian đó, người ta tổ chức (trực tiếp dưới quyền Washington) sự dời quân bằng phi cơ Mĩ: một cầu hàng không được thành lập, 235 chiếc Dakota chở 110.000 lính của Tưởng lên Hoa Bắc và Mãn Châu.

Ngày 12 tháng 8, một số đơn vị Hồng quân ra khỏi

---

(1) Đoạn in ngả này do chúng tôi tôi tóm tắt (Người dịch).

Diên An để tiến vô Nội Mông, đi bộ qua Hoa Bắc, tới Mãn Châu, mục tiêu là kiểm soát các đường giao thông ở Hoa Bắc và Mãn Châu trước khi Tưởng chiếm được. Sự hành quân đó được công nhiên loan báo trên đài phát thanh Diên An.

Hạm đội thứ 5 của Mĩ cho đổ bộ thêm 50.000 lính thủy lên Trung Hoa. Và sau khi Nhật đầu hàng, số quân Mĩ đóng ở Trung Hoa tăng từ 60.000 lên 130.000.

Cô Anna Louise Strong, hồi đó làm thông tín viên Mĩ ở Mãn Châu kể lại giai đoạn dưới đây trong việc thành lập cầu hàng không Mĩ. Trong khi quân đội Quốc Dân đảng (và Mĩ) được chở tới bằng máy bay thì quân đội Cộng sản phải cực nhọc đi bộ mỗi ngày 30 hoặc 40 cây số. Mao Trạch Đông ra lệnh cho Lâm Bưu tổ chức du kích chiến ở Mãn Châu. Nhờ được một chiếc phi cơ Mĩ cho quá giang một khúc đường nên Lâm Bưu tới chỗ mau hơn. Chiếc phi cơ đó được phái tới Diên An để kiếm các phi công Mĩ mà máy bay đã bị hạ ở Hoa Bắc. Cô Strong đặt câu hỏi: "Người Mĩ lúc đó có ngờ được rằng con người mảnh khảnh, có vẻ nhà trí thức đó, sau đóng một vai trò quan trọng bực đó không?" Dĩ nhiên là không, cho nên mới cho con người có vẻ vô hại đó "quá giang", mà quân đội của Tưởng Giới Thạch mới đại bại trong các trận đánh chiếm Mãn Châu sau đó.

Lâm Bưu trong trận Mãn Châu đã theo các kế hoạch của Mao Trạch Đông mà hoạch định chiến lược. Vậy không lấy gì làm lạ rằng ngày nay, trong cuộc Cách mạng

Văn hóa - một cuộc chiến đấu còn rắc rối, khó khăn hơn bất kì một cuộc nội chiến nào - Lâm Bưu vị tướng chiến thắng ở Ping Hing Kouan (Bình Hình Quan), chiến thắng ở Mãn Châu, ở Hoa Bắc, vượt Đại giang (tức sông Dương Tử) đổ xuống Hoa Nam, được coi là Mao Trạch Đông thứ nhì, người kế vị Mao, người đã hiểu rõ nhất và đã áp dụng đúng nhất tư tưởng quân sự của Mao mà thắng được trong cuộc Cách mạng năm 1949.

Cuối tháng 8 năm 1945, Mao Trạch Đông bay lại Trùng Khánh để thương thuyết thành lập một chính phủ "liên hiệp", Mĩ sẽ đóng vai trò "trọng tài và trung gian" trong khi đó hai bên điều động quân sự như trên đã nói, và đâu đâu cũng xảy ra những cuộc xung đột giữa Cộng sản và quân đội Quốc dân đảng do Quốc dân đảng cố ý gây ra và tấn công trước.

Ngày song thập, hai bên hòa giải với nhau được, nhưng Mĩ chỉ viện trợ riêng cho Tưởng và Tưởng đưa quân đội vô tràn ngập cả Mãn Châu. Lâm Bửu tổ chức các đội du kích địa phương; các đội du kích đó, hợp với quân từ Diên An tới thành một đạo quân nhân dân gồm 300.000 chiến sĩ. Mĩ đặt các "đoàn hưu chiến" ở các thị trấn. Nga, vì ngày mùng 9 tháng 8 năm 1945 tuyên chiến với Nhật, nên cũng đã chiếm vài thị trấn Mãn Châu, và Tưởng yêu cầu Nga "hoãn lại" cuộc rút lui khỏi Mãn Châu để quân đội Cộng sản không vô được những miền quân đội Nga chiếm đóng...

Trong khi đó Mĩ tiếp tục gởi quân đội cho Tưởng

bằng phi cơ, và ngày 12 tháng chạp năm 1945, Nga cho phép quân đội Quốc dân đảng vô miền họ chiếm đóng.

Lâm Bưu không được Nga giúp một chút gì cả. Cô Anna Louise Strong nói rõ như vậy. Cô hỏi Lâm Bưu: "Ông được Nga giúp đỡ những gì?" Lâm Bưu quả quyết: "Không được chút gì cả. Quân đội, không; khí giới; không; cố vấn cũng không, không có gì hết. Đạo quân Xô Viết đem gì vô Mãn Châu, từ người tới vũ khí, lại chở hết về Nga khi họ rút đi. Tất cả những khí giới và quân nhu họ tước được của Nhật, họ chở hết về Nga, hoặc hủy tại chỗ."

Các nhân viên hành chánh Xộ Viết che chở trong mấy tháng ròng những người mà Tưởng đã đặt ở các thị trấn Mãn Châu. Một thiếu tá Nga, nói với cô Strong: "Bọn cộng sản Trung Hoa rất bất bình khi chúng tôi đuổi họ ra khỏi Thẩm Dương (Moukden) để cho người của Tưởng vô thay. Nhưng chúng tôi biết làm sao bây giờ. Chúng tôi đã kí một hiệp ước với Tưởng."

Về phía Mĩ, tướng Marshall đã được cử làm "trọng tài" để "tái lập hòa bình" ở Trung Hoa. Ngày mùng 10 tháng giêng năm 1946, Tưởng và Cộng sản lại kí một hòa giải nữa. Nhưng chiến tranh vẫn tiếp tục, do Tưởng cố ý gây nên, chính các nhà quan sát Mĩ cũng xác nhận điểm đó. Chính Marshall cũng tuyên bố rằng "chính phủ (của Tưởng) bỏ hết các thủ tục dân chủ mà theo một chính sách võ lực độc tài".

Có thể chia cuộc nội chiến làm hai giai đoạn: giai

đoạn thứ nhất theo đúng chiến thuật của Mao: "địch tiến thì ta lùi", giai đoạn này bắt đầu vào mùa hè 1946 và kéo dài tới mùa hè 1947. Mới đầu có vẻ như Quốc Dân đảng thắng ở khắp nơi. Ở Mãn Châu, các thị trấn lớn đều ở trong tay họ. Lâm Bưu bảo: "Tất cả các thị trấn đó... sẽ là những gánh nặng trên lưng Tưởng".

Sức của Quốc Dân đảng tiêu ma lần vì phải chiếm đóng ở các thị trấn giống các đồn lũy, đóng quân ở đó, tự nhốt họ trong đó, các tướng lãnh không chịu ra khỏi mấy bức thành, không chịu giao chiến; và chẳng bao lâu xảy ra nạn tham nhũng. Chung quanh các thị trấn đó Cộng sản tự do tổ chức thôn dã.

Trong suốt một năm, dưới sự chỉ huy của Lâm Bưu, Hồng quân lo cải cách điền địa, khẩn hoang, trồng trọt (để khỏi thành một gánh nặng cho nông dân) và gặt hái; họ dạy dỗ nông dân hơn là chiến đấu. Nhờ chính sách đó mà họ thành công; Hồng quân sở dĩ vô được là vì họ không phải là một tổ chức tàn sát mà là một đạo quân ý thức hệ, dạy và thực hành các tư tưởng và phương pháp cách mạng.

Nhiều nhà chuyên môn quân sự ngoại quốc ngồi buồn đánh cá nhau: cá về Tưởng thì năm ăn một; cá về Mao thì ba ăn một. Cộng ít quân, Tưởng nhiều quân mà lại có khí giới Mĩ. Nhưng không thể nào so sánh Đạo quân Nhân dân Giải phóng được giáo dục, có ý thức về chính trị, hết sức làm nhiệm vụ, với những lính bắt buộc phải nhập ngũ, thiếu ăn, bị hành hạ và phản bội, của Tưởng.

Trong năm rút lui theo chiến lược đó, Mao Trạch Đông dụng tâm để cho Hồ Tôn Nam chiếm Diên An.

Cuộc rút lui ra khỏi Diên An thực vĩ đại, không để lại một chút gì cả; các y sĩ và nữ y tá ở Bệnh viện Hòa bình Quốc tế khiêng hết các bệnh nhân vô núi hai ngày trước khi quân đội ra đi. Các bà mẹ mới sanh được khiêng đi bằng cáng, từ trong những hang đục trên những đồi hiểm trở. Hai ngày sau khi Mao đi rồi, Hồ Tôn Nam cùng sĩ tốt ăn bận bảnh bao sau mấy năm ở không, tiến vô Diên An tuyên bố đã chiến thắng lớn mặc dầu Diên An đã trống rỗng. Để ăn mừng thắng lợi đó, Hồ Tôn Nam cưới vợ: hình như ông ta đã thề chiếm được Diên An rồi mới cưới vợ.

Cách đó khoảng vài chục cây số, ở Wah Yao Su, đảng Cộng sản hay tin: *«Hồ Tôn Nam mắc bẫy"*.

Sau đó, là một trò chơi. Quân đội Mao Trạch Đông nhử cho quân đội Hồ Tôn Nam đi một vòng vĩ đại khắp Hoa Bắc. Để săn Cộng, Hồ thúc quân tiến tới, mà quân của ông không quen đi bộ, không quen chiến đấu. "Địch mệt thì ta đánh". Hồ đã hết lương thực - các đường giao thông xấu lắm - mà lính đã mệt mỏi... Hồng quân lúc đó mới xung phong và giải quyết vụ đó rất mau.

Mùa hè 1947, Đạo quân Nhân dân Giải phóng chuyển qua thế công.

Trong ba tháng đầu năm đó ở Mãn Châu, Lâm Bưu tung ra năm cuộc tấn công để dò xét, theo chiến thuật

"đánh rồi rút lui", chỉ dùng ít quân đội, khoảng 60 ngàn người, mà làm cho quân Quốc Dân đảng mệt mỏi. Khi Cộng rút lui thì Quốc Dân đảng tuyên bố thắng trận, nhưng không dám truy kích mà rút vào trong đồn. Tháng năm, lần tấn công thứ tư được chuẩn bị kĩ, thi hành đúng và Cộng đại thắng, lần đó Lâm Bưu dùng ba trăm ngàn quân chánh qui, lại thêm dân quân nữa, thành tới hai triệu người, vận động nhân dân, được dân Mãn Châu [1] tích cực tham gia để tấn công quân Tưởng Giới Thạch.

Từ đó bắt đầu sự sụp đổ: Hồng quân tràn tới bao vây các thị trấn Thẩm Dương, Trường Xuân, Cát Lâm của Quốc Dân đảng. Tới tháng 7 thì một nửa đất đai Quốc Dân đảng đã chiếm được ở Mãn Châu lọt vào tay Hồng quân, quân lính đào ngũ rất nhiều, khiến lực lượng của Quốc Dân đảng giảm đi trên 50%.

Từng đoàn binh chạy tán loạn, bỏ lại hết các kho quân nhu, các toa tiếp tế, xe cộ và khí giới. Theo lời của Đại sứ Mĩ tại Thẩm Dương, cuối tháng năm năm 1947, Hồng quân mỗi ngày mỗi mạnh hơn, lại được các đơn vị bí mật giúp sức, còn quân Quốc Dân đảng thì "thờ ơ, oán hận, chủ bại, bị dân chúng ghét, ngay trong quân đội, sự bất bình càng ngày càng tăng, vì sĩ quan thì làm giàu mà quân lính thì lãnh số lương chết đói...", chính vì vậy mà Quốc Dân đảng mau thua.

Tưởng Giới Thạch vẫn ương ngạnh, đưa các đạo

(1) 93% dân Mãn Châu là gốc Trung Hoa, chú thích bản tiếng Pháp.

quân thiện chiến nhất lên Mãn Châu; và chính ở Mãn Châu mà ông ta thua trận, do đó mất Trung Quốc.

Hai cuộc tấn công thứ 6 và thứ 7 của Lâm Bưu xảy ra trong sáu tháng cuối năm 1947. Ngay ở Mãn Châu dân chúng cũng ghét bọn tướng và quan lại Quốc Dân đảng, vì họ tham lam, tàn bạo không thể tưởng tượng được (họ cướp phá các lăng tẩm vua chúa).

Sự chỉ huy quân sự thật hỗn độn, Tưởng vẫn chơi cái trò ra lệnh rồi phản lệnh, ra lệnh thẳng cho cấp dưới, bất chấp các viên tư lệnh, đổi nhiệm sở của họ theo ý riêng nay vầy mai khác của ông ta, thực là vô trật tự, thác loạn.

Bọn sĩ quan Hoàng Phố cũng vẫn dùng những thuật cũ để chiếm quyền. Khi các tướng lãnh thay nhau cướp bóc Mãn Châu thì giá một chân tư lệnh tăng lên dữ dội... F.F. Lieou hồi đó ở trong quân đội Quốc Dân đảng, hiện nay dạy học ở Princeton viết một cách nhã nhặn rằng "sự bất bình len lỏi cả vào những giai cấp tầm thường nhất".

Ngày 15 tháng 9 năm 1947, cuộc tấn công cuối cùng bắt đầu. Mục tiêu là chiếm con đường xe lửa Thẩm Dương để cắt Mãn Châu ra khỏi Hoa Bắc.

Hồng quân từ chiến thuật du kích chuyển qua dùng chiến xa và đại pháo. Tưởng Giới Thạch kêu viên tổng tư lệnh về, phái Tou Youming lại thay, với Hsiung Shih-hui, tham mưu trưởng của viên thống chế Mãn Châu, ông

này mấy năm trước đã cầm đầu một phái đoàn qua Anh. Ai cũng biết thói vênh váo của bọn sĩ quan Hoàng Phố đó. Chính Hsiung phái Pao chỉ huy một đạo quân ở Mãn Châu.

Trong khi đó, ở bản thổ Trung Hoa, Hồng quân dùng chiến thuật của Mao mà củng cố được những căn cứ lớn tại Thiểm Tây và Hà Nam. Ngày 25 tháng chạp năm 1947, Mao Trạch Đông viết: "Chúng ta tới một khúc quẹo lịch sử. Đây là điểm quyết định mà chính quyền phản cách mạng do Tưởng Giới Thạch nắm từ hai chục năm nay tới đường cùng rồi, sắp bị tiêu diệt. Đây là điểm quyết định mà chính quyền đế quốc sắp bị tiêu diệt ở Trung Hoa... Quân đội Nhân dân Giải phóng đã làm cho bánh xe phản cách mạng quay ngược lại; nó làm cho Đế quốc Mĩ tháo lui, cho cả cái bọn bất lương do Tưởng Giới Thạch cầm đầu phải tháo lui..."

Chính trong những trận do Lâm Bưu chỉ huy ở Mãn Châu vào mùa thu và mùa đông 1947, mà quân lính của Pao đã bỏ anh hoặc giết anh. Từng sư đoàn một, quân lính bỏ qua phía Cộng và qua bên đó rồi thì họ thay đổi hẳn đi, chiến đấu giỏi...

Mùa hè năm 1948, ba trăm ngàn quân Quốc Dân đảng bị cầm chân trong các thị trấn Mãn Châu, hoàn toàn nhờ phi cơ Mĩ tiếp tế lương thực và quân nhu, còn dân chúng thì chết đói.

Giai đoạn cuối cùng chia làm bốn chiến dịch chính từ tháng 9 tới tháng chạp năm 1948, và kết thúc bằng sự

tan rã hoàn toàn của quân đội Quốc Dân đảng tại Mãn Châu.

Sau đó, bằng những cuộc cưỡng hành từ *bốn mươi tám* tới *năm chục cây số mỗi ngày,* quân đội của Lâm Bưu vô Hoa Bắc và chiếm các thị trấn: Thiên Tân, Bắc Kinh tháng giêng năm 1949; kế đó Lâm Bưu xông xuống Hoa Trung, vượt sông Dương Tử tháng tư - trong hai ngày mà 300.000 người qua được con sông rộng 1.600 thước đó, tức là tới Hoa Nam.

Mùa hè năm 1949, mọi việc đều xong, Trung Hoa, được giải thoát, sự thống trị của Tưởng Giới Thạch, Tai Lee và các Sơ-mi-lam chấm dứt.

14

Mùa hè 1945 ở Anh rực rỡ hơn các năm trước, mặt trời chói lọi hơn; nhưng có lẽ cảm giác đó chỉ là do tâm trạng tôi hết buồn rồi. Tôi ngẩng đầu lên nhìn mặt trời quí báu đó, nhìn nền trời có chim bay ngang; những luồng gió nhẹ làm cho các hàng rào và đồng ruộng gợn sóng, đạp xe mệt quá, tôi ngồi phệt xuống đám cỏ cao: cánh đồng Anh đẹp đẽ, êm dịu như nhung và phì nhiêu. Tôi hít hương thơm các loài lan nhỏ mọc tự nhiên trong đồng miền Dorset, hít mùi mật miền Wiltshire đầy những dốc, những đồi đường nét cong cong uốn lượn mềm mại, như chất phác mà gợi cảm, khinh thường tất cả những cảnh núi cao rừng rậm, cho rằng không địch nổi chúng.

Các phi cơ phóng pháo thường vù vù xuất hiện, bay đi bay về từng đoàn, phát lên tiếng kêu ai oán ghê rợn. Tôi nhớ một buổi chiều nọ, chúng tôi đạp xe trên những đường ngòng ngoèo, nằm trũng xuống, hai bên là những hàng rào đầy hoa sơn trà, mỗi bông là một ngôi sao mới rực rỡ, trên đầu tôi một trái bom bay rít lên khi đi ngang, nhưng cánh đồng mát mẻ, trong trẻo thản nhiên không biết tới... Chúng tôi đưa tay lên che mắt, vừa nhai bánh nhồi thịt, vừa ngó lên, không giận mà cũng không sợ.

Tôi đã bắt đầu tập sự ở bệnh viện từ tháng tư; vì trường Y khoa ở đường Hunter trúng một trái bom V1, nên người ta đưa chúng tôi lại các bệnh viện ở vùng ngoại ô: Arlesy, Saint Albans... Trong hai năm sau tôi học từng thời hạn ba tháng một, về y khoa, mổ xẻ, trong nhiều bệnh viện ở vùng lân cận Londres...

Trong thời gian đó tôi ở trọ trong những căn phòng có sẵn đồ đạc, bữa ăn do người thuê phòng nấu; tôi dùng những rề sô nhỏ xíu đốt bằng khí, bỏ một đồng Shilling vào thì có khí để đốt; trời lạnh như cắt, tôi đạp xe trên những con đường đóng giá; ăn thì hầu như bữa nào cũng có món cá và khoai tây rán, phải đứng mà nuốt vội nuốt vàng, không có vớ dài, vớ ngắn bằng len, treo vào một sợi dây trên cái rê-sô, tám ngày mới khô; Ở một phòng dưới mặt đất, chung với hai nữ sinh viên khác trong chín tháng năm 1947, trả hai Anh bảng, mười shilling mỗi tháng, như vậy đã là xa xỉ, sung sướng phong lưu rồi đấy. Trong phòng đó chúng tôi có được một cái bếp nhỏ

xíu, một cái thùng tắm, và một con mèo cái đặt tên là Minnehaha.

Tôi bận áo bờ-lu trắng (không mấy sạch) bỏ ống thính chẩn trong túi, đi thăm bệnh. Tôi tưởng tượng sau mấy năm cực khổ tôi thành bác sĩ y khoa, và ý đó làm cho tôi phấn khởi trong cảnh thiếu thốn, trong thời gian đó tôi biết được nhiều tình bạn đáng quí, nhất là tôi thực sự tập sống như đa số người Anh sống trong và sau chiến tranh, nhận những phần thực phẩm như họ, cũng túng thiếu mà vẫn vui vẻ như họ. Tôi đi những chuyến xe lửa, đáng lẽ theo thời gian biểu phải chạy hồi mười bảy giờ, nhưng cứ nằm ỳ ở sân ga hằng mấy giờ nữa rồi mới chuyển bánh, một hôm nọ, tôi ngồi sáu giờ rưỡi trong một toa xe chật cứng, đợi xe chạy, mà không một người nào nói với một người nào lấy một lời. Tôi thường chịu lạnh, thường sống dơ dáy, vậy mà sung sướng; có được ít ngày đáng kể là sung sướng nhất trong đời tôi, vì những ngày đó trẻ trung mà vô tư lự, nhưng có nhiều ngày khác không vui.

Vì trong mùa hè của đời tôi đó, lòng tôi dịu rồi, nhưng một niềm lo sợ ngấm ngầm vẫn lởn vởn chung quanh vì: sức khỏe của Yungmei sút đi. Tôi chưa thành y sĩ thì nó đau.

Số ba chục Anh bảng học bổng của British Council đủ cho tôi sống và trả học phí, nhưng còn Yungmei và Gillie, thành thử thiếu. Tôi phải kiếm tiền bằng những cách khác: bán quần áo và bản quyền tác giả; tôi làm

nhân viên quản thủ Viện Bảo tàng Bệnh lí học ở bệnh viện Royal Free được 5 Anh bảng mỗi tháng. Nhưng người giúp đỡ tôi nhiều nhất chính là cô Gillie.

Gần trọn hai năm 1945 và 1946, cô nâng đỡ đời sống của mẹ con tôi. Cô vẫn tôn trọng các tập tục xã hội mà lại sống với *con người kì cục nhất, đáng ngờ nhất* (tôi muốn nói tôi), điều đó đa số các bạn của cô không sao hiểu nổi. Cô hi sinh cho Yungmei, tìm được những cách tài tình để ở gần chúng tôi, nhờ vậy tôi mới học được, mới chiến đấu để đạt được mục đích thành một bác sĩ trong một thời hạn ngắn nhất. Hễ còn có phương tiện thì tôi rán cho Yungmei có nhà cửa đàng hoàng, chứ không thể dắt nó theo tôi, sống trong những phòng mướn nhơ nhớp, hoặc lôi nó từ bệnh viện này tới bệnh viện khác. Mức sống của Yungmei không giảm theo mức sống của tôi; được vậy là hoàn toàn nhờ cô Gillie tìm chỗ giữ trẻ trong các gia đình phong lưu, và dắt Yungmei theo và chỉ nhận của tôi mỗi tuần một Anh bảng thôi. Vậy là cô đã làm việc để nuôi Yungmei.

Tôi cần nhấn vào điểm này; bất kì lúc nào cô cũng có thể thôi giúp việc cho tôi, và tôi sẽ phải bận bịu về một đứa bé năm tuổi là Yungmei. Nhưng cô khăng khăng không chịu xa nó, và đưa điều kiện rằng cô chỉ có thể săn sóc các trẻ khác, nếu cô dắt Yungmei theo; thời đó thiếu hạng nữ phó, mà cô lại có tài không ai bằng (vì quả thực cô có nhiều khả năng lạ lùng) thành thử không biết bao nhiêu người nhờ cô giúp việc. Và bà hàng xóm chúng

tôi ở Winkfield, bà F mừng lắm khi cô nhận lời giúp. Cô săn sóc mấy đứa cháu nội của bà F lãnh tiền công của bà, nhưng thấp hơn, vì có Yungmei.

Nhưng Yungmei mỗi ngày một suy yếu: nó hóa ra khó tính, hơi gây gổ, và ngồi ăn không ngoan nữa. Trong cuộc đời bé bỏng của nó có nhiều sự thay đổi quá, cái đó ảnh hưởng đến thái độ của nó đối với cô Gillie và bà chủ nhà. Nó không hiểu tại sao lâu lâu mới gặp tôi, tại sao tôi phải làm việc nhiều như vậy, tại sao một số người lại thăm bà F, thỉnh thoảng có những nhận xét vô ý, vô tứ (làm cho nó tủi). Nó có kiến thức rất rõ rệt rằng nó là một con bé Trung Hoa, nó biết tự trọng, nhận ra cái giọng hạ cố của mấy người đó, hễ tôi lại thì nó níu chặt lấy tôi, không chịu rời ra mà khi tôi đi rồi thì nó không chịu ăn, hóa ra khó tính. Làm sao giảng cho nó hiểu rằng tôi phải làm việc cho nó và cho tôi, để hai mẹ con sống được?

Cuối mỗi tuần tôi rán lại thăm nó. Tôi không dám ở lại lâu ngại lạm dụng lòng tốt của chủ nhà. Một hôm tôi đem nó đi, mướn một phòng trong khách sạn rất nhỏ để mẹ con ở với nhau hai ba ngày. Lần đó tôi bắt gặp chị bồi khách sạn có bệnh "suyễn" đương nựng và hôn hít nó. Khoảng hai tháng sau, nó "phải cảm" nhưng dây dưa không hết. Nó mửa, nóng sút cân, Bà F cho mời bác sĩ lại, ông này bảo nó bị chứng sưng khí đạo, nhưng tôi ngờ rằng bệnh nặng hơn, đem nó ra Londres, nhờ bác sĩ chuyên môn về bệnh lao con nít, ở bệnh viên Royal Free chẩn bệnh cho. Tôi báo trước với nhà chuyên môn đó

rằng hình như nó bị bệnh lao phổi ở giai đoạn đầu.

"Có cái gì khiến cho chị nghĩ như vậy?"

Nữ bác sĩ đó không tin lời tôi, vì ai còn lạ gì, sinh viên Y khoa thường dễ cho rằng người thân của họ hoặc chính họ bị những bệnh do đương học: và lúc đó chúng tôi đương học về bệnh lao ở giai đoạn đầu...

Tôi kể lại cho bác sĩ nghe rằng tôi bắt gặp chị bồi ở khách sạn hôn Yungmei, áp mặt vào mặt nó, mà nói và chị đó tự cho là bị bệnh suyễn, có tiếng ho khan rất đặc biệt, giọng lại khàn khàn. Yungmei được vô nằm phòng của trẻ em để bác sĩ xem xét: trong bốn mươi tám giờ nó mất cái giọng thanh nhã, lịch sự đã khó khăn tập được, mà nói bằng cái giọng nghẹt mũi "cockney" giọng bình dân Londres.

Bốn tuần sau, đưa nó về cho cô Gillie săn sóc thì cô nghe giọng mới của nó mà đâm hoảng.

Rọi phổi thấy một lá phổi đã bị lao nặng, ở thời kì thứ nhất... Tuy nặng nhưng săn sóc, nghỉ ngơi, tẩm bổ thì cơ thể nó cũng thắng được.

Vậy Yungmei trở về ở với cô Gillie tại nhà bà F... Nó nói giọng "cockney", cố ý làm cho cô bực mình; nó đương ở thời kì phản kháng quyết liệt, đêm nào cũng mửa vì nó muốn được ở với tôi. Tôi giảng cho cô Gillie hiểu rằng chứng mửa đó có nguyên nhân tâm lí. Vài người có thiện ý đưa ra những lí do về huyết thống, chủng tộc để giảng giải tại sao Yungmei lại làm bậy, lấy dao rạch một cái

ghế bành cổ, đẹp nhất của bà F. Tội nghiệp cô Gillie, bị tứ diện tấn công, mọi người tới tấp khuyên cô phải thế này thế nọ. Riết rồi tới phiên cô cũng đau nốt, điều đó không có gì lạ. Dù sao thì tôi đã giao phó Yungmei cho cô, nó gần như là con cô, chính cô săn sóc nó suốt ngày, chứ tôi chỉ lâu lâu, rảnh mới lại thăm nó được một lát.

Tôi kiếm cách đưa Yungmei đi nghỉ cuối tuần ở miền Dorset gần Lulworth Cove; thế là phải tiêu một món trong số tiền tác quyền cuốn *Destination Tchoungking* mà tôi đã cố dành dụm, không dám động tới. Trong mấy ngày đó, nó không mửa nữa mà ăn như hổ đói. Vậy tôi tin chắc rằng nguyên nhân chỉ tại nó thâm oán cô Gillie, có lần nó quay lại nói thẳng vào mặt cô: "Khi má về thì cô có thể cút đi". Đó là vấn đề tâm lí, nó cố ý hủy hoại sức khỏe của nó, nó phản kháng không ngừng, vì nó rất đau khổ, tội nghiệp cô Gillie, cô yêu nó như con, hi sinh tiền công vì nó, làm tất cả những gì cô có thể làm được, như là vì nó, mà cũng vì tôi nữa! Mà cũng tội nghiệp cho Yungmei, mới 5 tuổi đầu đã muốn lập lại cái tổ ấm gia đình! Ban đêm tôi trằn trọc suy nghĩ về vấn đề đó mà không tìm được giải pháp... và tôi đi hỏi ý kiến một nữ y sĩ chuyên trị bệnh thần kinh. Bà khuyên tôi thử gửi nó vô trường Caldecott ở miền Nam nước Anh xem sao. Tôi viết thư cho trường và tuần sau, cô Rendall, hiệu trưởng của trường, có dịp lên Londres, chúng tôi hẹn ngày giờ gặp nhau. Cô to lớn, khá béo tốt, cực kì cương quyết và thông minh, nói chuyện một lát chúng tôi hoàn toàn đồng ý với nhau. Tôi nói nhiều về Yungmei cho cô nghe rồi tôi

đi thăm trường. Trường là một ngôi nhà rất đẹp ở giữa một khu vườn mênh mông, trồng cây lớn và có nhiều bồn cỏ rộng. Trường nuôi trẻ ưu uất, có đứa lạc loài, hoặc cha mẹ đau khổ quá làm chúng chịu lây. Trẻ ở trong mọi cộng đồng, mọi giai cấp. Tôi hỏi ý cô Gillie. Cô còn đau lòng hơn nữa vì vẫn tưởng Yungmei được học một trường "đàng hoàng" như hầu hết các trẻ khác cô đã dạy dỗ. Nhưng tôi tin rằng Yungmei phải rời cái giới lịch sự, hoàn toàn thiếu thực tế mà tôi có lẽ đã dại dột cho nó sống thử, mong rằng nó sẽ được sung sướng, an toàn, cái giới sang trọng, trẻ phải thay quần áo rồi mới đi uống trà [1] không bao giờ chơi dơ, chủ nhật có nữ phó dắt lại giáo đường, và luôn luôn cảm ơn bằng một giọng thanh nhã nhất. Vậy Yungmei ở trường Caldecott trong hai năm 1947 và 1948, và cô Gillie đành xa hẳn chúng tôi, làm cho tôi mấy đêm không ngủ được; nhưng như vậy có lợi cho cả cô lẫn Yungmei, vì những xúc động mạnh mẽ đó mà không khí phân biệt giai cấp xã hội ở Anh có thể làm cho phát sinh ra, sẽ khiến Yungmei dễ bị những thác loạn về cảm xúc. Phải cho nó tìm thấy cái mức độ của nó, mức độ của hạng người thường. Trường Caldecott sẽ giúp nó trong việc đó.

Trường đó rất tốt về mọi phương diện. Có nhiều trẻ, hầu hết là Anh, nhưng cũng có trẻ em Pháp, Ý, có đứa cha mẹ giàu có, có đứa cha mẹ nghèo khổ. Yungmei

---

(1) Bữa bánh và trà hồi 5 giờ chiều thành một tục lệ gần như trang trọng trong các gia đình quí phái Anh.

sống chung với chúng thật là tốt, vì hết thảy đều đã đau khổ; Yungmei không cảm thấy lạc lõng "ở ngoài" nữa; nó không thấy tác hại vì tôi là mẹ nó, trái lại, trong một vũ trụ mà người ta chấp nhận sự mẹ con xa nhau là thường tình, và ai cũng phải chịu những cảnh khổ não - trong các gia đình sang trọng nó đã sống, người ta cho rằng không có những cảnh đó - nó bắt đầu mở lòng ra tiếp nhận thế giới, trong thâm tâm không phủ nhận từ chối thế giới nữa, mà bề ngoài thì không lộ vẻ phản kháng nữa.

Không ngờ gì cả, Yungmei được cứu thoát nhờ trường Caldecott, nó lớn lên, hết đau phổi. Tôi được phép đặc biệt mỗi tháng lại thăm nó một lần, chứ không phải ba tháng một lần theo lệ; và tháng nào tôi cũng đều đều đi hành trình dài đó (thời đó coi là dài), mất hơn bốn giờ - đi và về - bằng xe buýt, bằng xe lửa, và tuy mẹ con tôi chỉ ở với nhau có vài giờ mà rất có lợi cho nó. Bây giờ nó đã khoe với bạn nó: "Má cưng tôi lắm. Tháng nào má cũng lại thăm". Những lần thăm viếng đó rất quí cho cả nó lẫn tôi, cũng như những tấm bưu thiếp, những bức thư tôi rán gởi liên tiếp cho nó, để nó lúc nào cũng tin rằng nó được tôi yêu, quí, và sở dĩ nó phải sống xa tôi chỉ vì hoàn cảnh bắt buộc thôi.

Được khoảng sáu tháng, tôi thấy hơi vững tâm, dám viết thư mời cô Gillie lại uống trà và cùng đi chơi với Yungmei và tôi một ngày. Cô thật có tinh thần sáng suốt và hiểu biết đáng phục, vì cô đã vui vẻ, đại lượng chấp nhận sự việc đã xảy ra: mà cô làm sao không đau khổ

được sau khi hi sinh mấy năm cho chúng tôi như vậy. Cho nên cô vẫn còn là một trong những người bạn quí nhất của tôi, tình thân thiết không một chút gợn, hiện nay Yungmei đã có con (nó nuôi con giỏi hơn tôi), tình đó cũng không hề giảm.

Đời sống chúng tôi lại tiếp tục. Nhưng bấy giờ tôi phải trả tiền trường cho Yungmei tất cả vào khoảng bốn Guinée [1] mỗi tuần, thành thử mẻ một miếng lớn trong số ba mươi Anh bảng học bổng tôi nhận được mỗi tháng. Nhưng rồi khéo tính toán, tiết kiệm, nhịn tiêu, tôi cũng trả được tiền trường, tiền mua giấy xe lửa, lại thỉnh thoảng đưa Yungmei ra ngoài chơi, cho nó ăn tiệm, mua cho nó đồ chơi, sách và kẹo. Chị Cherry cũng giúp tôi; nhiều khi chị trả tiền phòng, tiền ăn trọ chung cho tôi nữa.

*

Mùa hè 1947 lại có thể du lịch châu Âu được rồi, mặc dầu mỗi người chỉ có quyền mang theo năm Anh bảng. Yungmei lúc đó đương nghỉ hè, chị Cherry và tôi, cùng nhau đáp tàu qua Bỉ, vì có chị Georgetic Acker mời qua chơi. Chị Georgette là bạn học của tôi ở Đại học Bruxelles mười năm trước, chị nhờ tòa Đại sứ Bỉ ở Londres cố tìm tôi cho được.

Hồi học với nhau, chị đã theo Cộng. Khi chiến tranh Trung Nhật xảy ra năm 1937, chị và chồng chị ở trong

(1) Mỗi Guinée gần bằng một Anh bảng.

Hội Ái Hữu Trung - Bỉ, với tu viện trưởng Bolland mà tôi đã diễn thuyết giúp cho nhiều lần về Trung Hoa. Tôi nhớ nhất chị Georgette vì đức kiên nhẫn sắt đá của chị trong mọi công việc chị làm. Mười năm sau tôi thấy chị cũng như trước: dịu dàng, dễ thương, đời sống khó khăn mà vẫn vui vẻ, thành thực, hi sinh vì lí tưởng; trong thời chiến tranh, chị hoạt động cho quân đội giải phóng trong dãy núi Ardennes; rồi sau trở về Đảng, chị gặp “một bọn thanh niên trong chức vụ chỉ huy”, họ đặt chị trở về địa vị cũ của chị. Chị quả quyết tin rằng có Cộng sản mới tạo được một tương lai tốt đẹp hơn cho cả nhân loại và chị mỉa mai một cách nghiêm khắc đảng Cộng sản Bỉ là “một bọn tiểu tư sản chỉ lo đếm tiền lời các cổ phần. Rồi chị cười, nói thêm: “Tương lai thế giới ở Trung Hoa, nên theo dõi kĩ cuộc cách mạng đương xảy ra ở đó, nó sẽ làm chấn động thế giới đấy”...

Chúng tôi ra bờ biển, ở Ostende, tôi bỏ ra ba ngày kiếm bà con bên ngoại, thấy nhiều người đã không còn; tôi gặp lại bác Hers. Một ông bạn của Georgette cho hay bác làm ở ngân hàng Bruxelles, tôi kêu điện thoại lại, nhận ra giọng nói của bác; bác không ngạc nhiên khi nghe tiếng tôi, nhưng tỏ vẻ hơi cách biệt. Nhưng bác cũng mời tôi lại ngân hàng, lúc đó 10 giờ sáng, tôi lại liền. Bác ngồi trong phòng giấy trang nghiêm, bàn ghế to lớn, chắc chắn, láng bóng, bọc da màu nâu. Tôi bảo: “Ha, ha, bác đã lên chức rồi!” Bác đáp: “Bây giờ tôi đã có vợ, phải, có vợ rồi! - Xin có lời mừng bác”. Rồi, mặt lạnh

như bức tường, bác tiếp tục: "Bác đã cưới một thiếu nữ trẻ, rất trẻ: ghen một cách vô lí. Nó nghe ai kể chuyện về cháu, rồi không muốn gặp mặt cháu, nó ghen kinh khủng, ghen thời dĩ vãng của bác, ghen với tất cả những người bác đã quen; nó còn trẻ lắm. Bác không muốn giới thiệu cháu với nó đâu, vì bác muốn tránh chuyện rắc rối trong gia đình". Tôi đáp: Nhưng bác gái không có lí do gì để ghen với cháu - Bác biết chứ, "nhưng nó bị thiên hạ đầu độc sao đó và nó ghét cháu lắm". Tôi bật cười, thấy bác mà trước kia tôi vẫn tưởng là con người rất độc lập, có thể bắt bất kì ai cũng phải theo ý mình, bây giờ sao bỗng hóa ra nhút nhát tới mực đó. "Bác biết chứ, cháu từ hồi nào chỉ để ý tới những người đàn ông trạc tuổi cháu thôi mà!". Tôi buột miệng nói ra như vậy rồi mới thấy rằng mình có giọng hiểm độc, vì năm 1947, bác Hers sáu mươi tuổi mà cô vợ mới khoảng đôi mươi.

Vài tuần sau, tôi làm quen với cô đó, thấy cô đẹp, dễ thương, thông minh, khác hẳn lời bác Hers tả. Bác lần lần hóa ra một đạo sĩ quá mức, nhà lúc nào cũng đầy cha cố, nữ tu sĩ... theo lời cô. Cô có tài điêu khắc mà chồng không cho phát triển, bằng cách giản dị này: bắt làm tối tăm mặt mũi các công việc trong nhà (họ có ba con) tôi nói cô phải phản kháng lại một cách tàn nhẫn như tôi đã cư xử với Pao.

Năm 1947, khi tôi thấy bác Hers lật lật các hồ sơ trên bàn một cách ngượng ngùng, tránh không nhìn thấy tôi, tôi suýt bật cười. Tôi cho bác hay rằng tôi đương học

Y khoa còn Pao cầm quân ở một nơi nào đó tại Trung Hoa, và tôi tính học xong sẽ trở về nước. "Trở về Trung Hoa? Cháu điên hả? Hồi nào tới giờ cháu vẫn điên, và bác tin chắc rằng cháu không học xong Y khoa được đâu - Bác nói vậy là "trễ tàu" rồi: cuối năm nay cháu học xong".

Rồi tôi lại thăm Jeanne, chị của anh Louis. Chúng tôi bắt đầu viết thư cho nhau từ hồi tôi không chịu nhận gia tài của Louis, và từ đó chúng tôi tiếp tục hỏi thăm nhau. Chị mời Cherry, Yungmei và tôi về ở một tuần với chị tại miền quê. Chúng tôi đáp một chuyến xe lửa nó ỳ à ỳ ạch, lúc la lúc lắc đưa chúng tôi tới một làng quê miền Wallonie, nơi đó có cái trại của Jeanne. Trại cớ một sân rộng chất đầy phân - vài nơi miền Bắc nước Pháp cũng vậy - coi đống phân cao hay thấp mà người ta biết chủ nhà giàu hay nghèo. Nhưng người ta bảo chúng tôi rằng nước giếng ngọt (nó ngọt thực) và tha hồ ăn kem và sữa. Ruồi nhiều vô kể. Yungmei lại tỏ tài thích ứng: nó với đứa con trai nhỏ của Jeanne chạy khắp nơi, đánh nhau với trẻ con trong làng và học tiếng địa phương ở đó một cách dễ dàng tới nỗi tôi ngại nó quên hết tiếng Anh. Nó lại nhiễm rất mau những thói xấu của đứa con chị Jeanne: đưa ngón tay ngoáy lỗ mũi, ăn bốc...

Tôi cũng như chị Cherry thấy cảnh thôn quê đó khó chịu, bực bội quá, lại thêm bao tử tôi không chịu nổi thứ kem trộn với ruồi đó, muốn mửa, và lúc nào cũng lo Yungmei gây lộn với bọn trẻ mất dạy trong trại, có lần bị

chúng cầm gậy nhọn đâm lòi mắt ra thì khốn, cho nên chúng tôi nồng nàn từ biệt chủ nhân, lại đáp chuyến xe chạy chậm như rùa để trở về căn nhà thích thú của Georgette ở Bruxelles...

*

... Làm nữ sinh viên trong chiến tranh và vài năm sau chiến tranh là phải sống cuộc đời thiếu tiện nghi, thiếu vệ sinh và chịu rét, thường chịu đói nữa, lâu lắm mới được tắm rửa, tới nỗi thành một thói quen ở dơ, khiến cho bà Lloyd Wilhans, giám đốc bệnh viện Royal Fee, một năm sau chiến tranh phải khuyên chúng tôi tập có thứ tự, sạch sẽ hơn.

Trong những tuần, những tháng đó, tôi gắng sức không ngừng, ương ngạnh xông tới, không hiểu được tại sao lại có những người cứ bình tĩnh thủng thẳng học, không rán rút thật nhiều kinh nghiệm khi theo giáo sư đi khám bệnh. Sau hai năm chín tháng, khi được phép, tôi ghi tên thi một lúc tất cả các môn, để có bằng cấp cho thật mau và thi đậu được bằng cấp Y khoa trong một thời gian kỉ lục, ít lâu sau tôi thi lấy bằng cấp của trường y khoa Đại học Londres và đứng trong số bốn người đầu trên hai ngàn thí sinh.

Tôi hấp tấp, vội vàng, hung hăng tiến tới như vậy làm cho có người mến mà cũng có người không ưa. Tôi là một *con quỉ làm việc,* điều đó không ai chối cãi: nhưng khi tôi thành nội trú về khoa mổ xẻ, nghị lực đó khiến tôi

chiếm hết cả các giường trống, thành thử số bệnh nhân tôi săn sóc nhiều gấp đôi số bệnh nhân của chị bạn nội trú kia, như vậy, đối với chị, tôi nhất định là không lương thiện. Sau lưng tôi, tôi nghe thấy Thời gian và sự Túng thiếu thúc đẩy tôi phải chạy cho hết tốc độ. Ngoài việc lo cho Yungmei, tôi còn một niềm bận tâm nữa, và lần này cũng như mười năm trước, nỗi bận tâm đó là Trung Hoa.

Tôi tuyệt nhiên không bao giờ nghĩ ở lại Anh làm việc. Thế nào tôi cũng phải về nước, con đường đó đã vạch rồi, tôi sẽ theo; tôi sẽ không lết lại ở phía sau, ngồi đó, thơ thẩn, ung dung hưởng đời... tôi sẽ hết sức chiến đấu, rồi trở về, trở về...

Tháng 8 năm 1945, trái bom nguyên tử thả xuống Hiroshima làm cho tôi đau khổ mấy ngày. Lúc đó chung quanh tôi ở Welwyn Garden City và tôi còn nhớ rõ buổi chiều tháng tám đẹp trời đó, hàng rào rất xanh, và những hàng tít lớn trên các tờ báo người nào cũng cầm trong tay. Nhiều năm tôi đọc Kingskey Martin, thấy phản ứng của ông như của tôi, cũng ghê tởm như tôi và nỗi bất bình giày vò tôi, không cho tôi yên. Tôi ép chị Cherry đi dạo phố dưới ánh nắng với tôi, tôi bảo chị rằng đó là hành động tội lỗi nhất, vô tiền trong lịch sử nhân loại... Tôi lại thấy trong lòng tôi nổi lên sự ghê tởm, tàn ngược, muốn nguyền rủa hết thảy loài người: chị Cherry, như hầu hết các sinh viên cho rằng trái bom đó "rút ngắn chiến tranh" làm cho tôi nổi giận không tưởng tượng được. Người Nhật muốn có tội gì thì tội, không đáng bị

cảnh đó; những kẻ chết kia là dân trong một thành phố, đàn ông, đàn bà, trẻ em; nhưng chung quanh tôi, thái độ chung là tự đắc, vui mừng nữa, một chị nội trú còn nối rằng đáng lẽ phải thả bom nguyên tử tàn phá trọn nước Nhật kia. Thời gian qua đi, nỗi lo lắng không thể hiểu nổi của tôi khiến tôi lầm lì, làm thinh, nhưng nó không bao giờ mất hẳn.

Tháng 9 năm 1946, tôi qua Irlande để làm Y sĩ phụ khoa tại bệnh viện Rotunda. Chị Cherry và tôi xuống tàu đi Dublin (kinh đô Irland). Ở Anh, thực phẩm còn phải hạn chế (mỗi tuần được một quả trứng), mà ở Irlande trứng rất nhiều [1] hai ba quả để điểm tâm mỗi buổi sáng, chúng tôi cho là một sự xa xỉ không tưởng tượng được. Trái lại, chúng tôi kinh ngạc, trong các nhà nghèo, rệp sao mà nhiều thế. Tôi chưa hề thấy ở đâu rệp lớn và mập như vậy. Chị bồi phòng của chúng tôi bảo "Đó là rệp Cabra".

Khu Cabra ở cách bệnh viện chúng tôi khoảng sáu cây số, chúng tôi đi xe đạp lại đó thăm bệnh nhân, và nhiều khi chúng tôi tới trễ. Ở khu đó thì phải là hạng người rất nghèo, thất nghiệp, có ít nhất là 5 con. Vậy mà chúng tôi luôn luôn được tiếp đãi với những lời chúc tụng niềm nở. Chúng tôi nghe giọng Irlande rung lên êm đềm như tiếng hát, các "bác sĩ" được đãi trà, bánh mì (trắng) phết bơ. Ngay thai nhi cũng chào chúng tôi nữa: "Thưa

(1) Irlande là một quốc gia độc lập trong Liên hiệp Anh.

bác sĩ, tôi rầu quá, tôi đã rán giữ nó lại đợi bác sĩ tới mà không được". Rồi các sản phụ đó xin lỗi chúng tôi như thể đã bất lịch sự với chúng tôi vậy; chúng tôi tiu nghỉu, cắt cuống rốn rồi bôi thuốc tím (teinture d'iode) lên.

Ở bệnh viện Rotunda, cả bên trong lẫn bên ngoài đều đồ sộ, chúng tôi không lúc nào thiếu việc. Ở trong vô số phòng đẻ, ngăn cách bằng bức bình phong, sản phụ nằm từng hàng, từng hàng, người nằm cũng chịu những nỗi đau đớn và hưởng những niềm vui như nhau. Có phòng không lúc nào ngừng sản xuất em bé. Chúng tôi đỡ đẻ cho họ, nhưng cũng tập đừng can thiệp một cách vô ích.

Bệnh viện Rotunda có nhiều nam sinh viên Y khoa rất sẵn sàng mời các nữ sinh lại các quán rượu ở Dublin. Qua Irlande, bệnh tởm đàn ông của tôi đã không hết mà còn tăng vì ngay cái đêm chúng tôi tới, bọn nam sinh viên liệng vào cửa phòng cài then kĩ của chúng tôi bốn mươi hai cái vỏ chai la ve, cứ mười phút một cái, như vậy suốt đêm...

Trong khi chúng tôi ở Rotunda, một thanh niên Anh tên là John Coast, thình lình lại Dublin thăm tôi. Mặc dầu tôi có ác cảm với toàn thể đàn ông mà John Coast vẫn tìm cách gây cảm tình với tôi. Tôi gặp ông ta là do Dorothy Woodman giới thiệu. Tính tình thực thà, cởi mở, rộng rãi và ân cần với tất cả mọi người, bất kì nước nào, sau chiến tranh, bà Dorothy tổ chức rất nhiều ủy ban giúp đỡ châu Á, mở rộng nhà ở Londres và ở thôn quê để

tiếp đón nhiều sinh viên châu Á; những ngày "thứ năm" của bà, ai tới nhà bà cũng được, bà nấu vô số món ăn chay rất ngon để đãi một đám trí thức Á châu lơ mơ (nhưng cũng có người thực sự) theo một tả đảng; những khi người chủ nhà của tôi keo kiệt quá về khoản ăn, thì nếu có thể được, tôi lại dự những bữa cơm chay đó.

Dorothy Woodman cũng như Kinesley Martin là sản phẩm của tài cai trị của người Anh: họ thuộc cánh tả của chế độ. Người Anh [(1)] ngây thơ săn sóc kẻ thù tương lai, nuôi họ cẩn thận và vui vẻ nghe họ chửi rủa, mạt sát mình, biết rằng hễ thời thế thay đổi thì những kẻ thù đó không quên lòng tốt của mình. Trong căn nhà rộng rãi của Dorothy, người ta tha hồ thảo luận, đưa những ý kiến cực kì táo bạo và chống đối, và nhiều người Á coi những giờ thảo luận đó là những giờ đẹp nhất trong đời.

Bận một chiếc áo dài may theo kiểu phương Đông, Dorothy mời mọc chúng tôi ngốn từng núi thức ăn, đưa những nhận xét tế nhị, mỉa mai để kích thích chúng tôi thảo luận, dắt các bạn Á châu của bà đi nghe hòa nhạc, coi hát bóng hoặc triển lãm họa phẩm.

Tôi không thuộc hạng "ngựa tơ" của bà, không bàn chính trị, không có tài tranh luận. Tôi chỉ đem cái háu ăn vĩ đại của tôi lại các cuộc hội họp đó thôi. Tôi còn mải ăn, đâu có nói được, ăn mau ghê gớm (vì thì giờ của tôi hạn chế lắm), khiến Dorothy thất vọng chê tôi là "tài tử",

---

(1) Tác giả muốn nói giới cầm quyền và quí phái Anh.

tiếng đó không đúng Bà bảo tôi là "câm miệng như hến". Tôi gật đầu, miệng đầy thức ăn, thì làm sao đáp được. Bà có thể nói thêm tôi là con hến miệng ngậm bánh "săng-duýt" (sandwich...) Mặc dầu vậy, bà đối với tôi rất tử tế, vì tôi có đáp lại được gì đâu. Bây giờ tôi còn trông thấy bà bận một cái *longyi* Miến Điện, hoặc một cái *sà-rông* Mã Lai, một cái *sà-ri* Ấn Độ, đeo chuỗi san hô, chạy tới nhóm này qua nhóm khác, vui vẻ khoe "Tôi đã sút được gần hai chục kí". Số cân lúc tăng lúc giảm của bà là một đề tài quan trọng trong câu chuyện.

Dorothy rất quan tâm tới Trung Hoa và mời tôi dự một buổi mít tinh do Ủy ban Vận động cho Trung Hoa tổ chức, trong buổi đó, Michael Lindsay sẽ nói về Diên An.

Hồi đó Lindsay chưa là "huân tước", đã ở Hoa Bắc được vài năm, đã vô Diên An rất lâu, gặp Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Chu Đức; đã cưới một thiếu nữ Trung Hoa ở Diên An. Ông trở về Anh và khen Diên An lắm...

Chính trong buổi đó, bà Dorothy Woodmay giới thiệu John Coast với tôi; ông này đã bị Nhật bắt giam bốn năm, đã làm việc trên đường xe lửa mà Nhật xây cất ở Xiêm; lúc đó ông trở về Anh, thì cuốn *Railroad of Death* của ông mới xuất bản, John ngồi ở hàng ghế sau, ngay sau lưng tôi; ông ta cố mời tôi trưa hôm sau đó đi ăn tiệm, rồi hỏi cưới tôi liền, bảo rằng mê cái phía sau ót của tôi.

Tôi không còn nghĩ tới cái chuyện yêu một người

đàn ông nào nữa nên lời nói đó chẳng làm cho tôi mất lòng mà cũng chẳng làm cho tôi xúc động. Tôi đáp rằng tôi biết ông ta nói đùa, và dĩ nhiên tôi không nhận lời được vì đã hoàn toàn không chú ý tới đàn ông nữa. Như vậy lại càng làm cho ông ta hăng hái đeo đuổi trong mấy tháng, cứ hai tuần một lần lại mời tôi đi nghe hòa nhạc hoặc coi các vũ khúc, hi vọng rằng tôi sẽ đổi ý.

Nhưng ông ta không hiểu rằng tôi mệt mỏi, lúc nào cũng mệt tới cái mức ngủ say trong khi nghe nhạc. Ông ta không hiểu được tại sao tôi phải làm việc không ngừng, tại sao tôi không muốn đi chơi với ông: vì tôi thiếu ngủ. Chẳng lãng mạn chút xíu nào, quần áo, đầu tóc lôi thôi, tôi cứ tự nhiên như vậy. Ông ta tin chắc rằng có thể cải hóa tôi được: "Cô rất đẹp... nếu chịu bỏ bộ đồ nữ hướng đạo sinh đó đi...". Tôi không chịu bỏ, ông ta bảo tôi bị cái tật "quá nghiêm trang". Đúng.

John Coast lại Dublin ba ngày trong khi tôi làm ở bệnh viện Rotunda. Ông ta chấp nhận hoạt động của tôi nhưng bắt đầu cảm thấy rằng khó mà cải hóa tôi thành một người đàn bà đẹp đẽ, lịch sự, tự tín mà lại vui vẻ được. Kế đó ông ta yêu một người khác, và chúng tôi vẫn giữ tình bạn với nhau. Sau ông ta làm ở Bộ Ngoại giao, được phái làm tùy viên Văn hóa ở Bangkok rồi ở Indonésia, viết được hai cuốn sách hay: *Recruit to Revolution* và *Dancing out of Bali*...

Trừ cuộc tình duyên không thành đó ra, không có gì khác xảy ra trong bốn năm học và nội trú đó. Không

có gì làm cho tôi xúc động, từ trước tới sau vô tình như vậy; tất cả tinh lực của tôi chỉ hướng vào mỗi một chiều: yêu và săn sóc Yungmei. Mùa đó là một mùa khô khan, không có những sự thống khổ nó bồi dưỡng ta, không có những sợ sệt run rẩy không giận, không ham, không thất bại, chỉ là một mùa làm việc không nghỉ, không ngừng. Tuy nhiên, mặc dầu chống với xu hướng mơ mộng, mà tôi vẫn cảm động trước các cảnh đẹp thiên nhiên...

... Nụ cười của Yungmei còn hơn niềm vui nữa, nó là không khí ấm áp bao bọc tôi, tiếng lá xào xạc trong những con đường nhỏ hai bên trồng cây mà mẹ con tôi dạo gót. Yungmei siêng năng, nghiêm trang hái hoa mao lương [1]. Nhìn nó vui chơi, sức khỏe dồi dào, đôi khi tôi nghĩ tới cái bệnh lao nó mang trong người, và tôi tự hỏi một ngày nào đó, bệnh có âm hiểm tái phát không... và tôi lạnh mình lo sợ, vội vàng trở lại làm việc, làm việc hăng hái, siêng năng... Chỉ có sự thành công của tôi là che chở cho Yungmei khỏi bị mọi tai họa thôi.

*

Tháng giêng năm 1948, tôi thi, mới đầu đậu bằng cấp L.R.C.P [2] rồi đậu bằng cấp M.R.C.S [3] để được vô làm nội trú trong bệnh viện Royal Free. Ngoài mấy giờ làm việc ở Viện Bảo Tàng Bệnh lí học đường Hunter,

---

(1) Bouton-d'or.

(2) Cử nhân Y khoa ở Đại học Hoàng gia.

(3) Hội viên Giải phẫu gia ở Đại học Hoàng gia.

trong sáu tháng cuối tôi còn học ở Trường Y khoa miền nhiệt đới và vệ sinh công cộng. Vì tôi muốn trị những bệnh như dịch tả, typhus [1], dịch hạch, cùi, rất hiếm tại Âu châu mà lại hoành hành ở Trung Hoa. Sau tôi nhận được bằng cấp M.B.B.S [2] với khả năng riêng về Giải phẫu và Bệnh lí.

Suốt thời gian học, tôi có cảm tưởng rằng ngoài cách giải thích mà người dạy và truyền cho chúng tôi một cách nghiêm trang, long trọng còn có cách giải thích khác nữa. Về nội khoa, có sự chuyên môn đến cao độ (giải phẫu, phụ khoa, sản khoa) thì cũng vậy, tôi không đồng ý với các y sĩ chỉ xét riêng có bộ phận đau của bệnh nhân. Vài ông hình như cho rằng cái gì cũng do tim hoặc gan hoặc bao tử gây ra cả, khuynh hướng đó không chỉ nực cười mà sinh ra biết bao sự lầm lẫn trong khi trị bệnh. Về khoa giải phẫu, có lẽ còn tệ hơn nữa; người ta cứ cắt đại bao tử, giáp trạng tuyến (glandes thyroides) và các bộ phận khác nữa, trong khi có thể trị bằng cách khác.

Nhưng tôi có tư cách gì mà dám tỏ ý nghi ngờ? Tôi chăm chú đọc các tác phẩm của Hans Selye viết về các bệnh tâm thể [3] về sự mệt nhọc, mà lí thuyết hồi đó bắt

---

(1) Tên gọi một số bệnh truyền nhiễm, như bệnh thương hàn, bệnh hoàng nhiệt...

(2) Tú tài Y khoa và Giải phẫu ở Đại học Londres.

(3) Maladies psychosomatiques: do tâm lí (lo sợ, buồn rầu) mà sinh ra bệnh cơ thể.

đầu được chấp nhận, và tôi càng cảm thấy rằng muốn trị cho công hiệu bất kì một bệnh gì, cũng cần xét kĩ "toàn thể bệnh nhân". Nhưng còn, nhiều tin tưởng cổ lỗ nổi danh từ lâu về nó. Người ta dạy chúng tôi những qui tắc lầm lẫn, do trí thức còn thiếu sót. Người ta bảo rằng ở châu Á không có chứng sốt cấp tính do phong thấp [1], cũng không có chứng huyết áp cao vì người châu Á ăn gạo và tính khí "thụ động" hơn; hai huyền thoại đó nay không còn ai tin nữa. Tôi lo lắng vì nhiều sự chẩn đoán sơ sài quá. Sau này trong mười lăm năm trị bệnh ở châu Á cho người Trung Hoa, Mã Lai. Ấn Độ, tôi đã phải bỏ nhiều điều sai bét người ta đã dạy cho tôi, vì tôi cứ coi sách mà ra toa chứ không chịu xét toàn thể bệnh nhân, tinh thần lẫn thể chất. Khi lầm lẫn mà lại cho bệnh nhân chết hoặc tàn tật suốt đời, thì y sĩ không sao chuộc được tội của mình cả. Những yếu tố tinh thần của mỗi bệnh, những nguyên nhân sâu xa nằm trong thái độ của bệnh nhân, cách phản ứng với biến cố, cách chấp nhận hay không chấp nhận hoàn cảnh, khi gặp cảnh đau khổ, sợ sệt, thất bại hay rầu rĩ... những yếu tố đó cũng như những yếu tố vui vẻ, hạnh phúc, tôi cho là rất quan trọng trong nghệ thuật trị bệnh, nhất là khi trị bệnh cho phụ nữ và cả trẻ em nữa...

*

Cuối tháng hai năm 1948, tôi đã xong một năm nội

(1) Fiévre rhumatismale aigrié.

trú về khoa giải phẫu ở Bệnh viện Royal Free; và tôi có thể hoặc ở lại Anh, làm việc trong các bệnh viện, hoặc trở về Châu Á. Cách thứ nhất dễ mà lại hợp lí hơn cách thứ nhì.

Nội chiến ở Trung Hoa sắp kết thúc trong cơn bão tố của một cách mạng thành công. Những chiến thắng của Mao Trạch Đông làm cho tôi mừng lắm (bất kì chế độ nào cũng còn hơn chế độ Quốc Dân đảng): nhưng đồng thời tôi cũng lo vì không ai biết được sẽ xảy ra những gì. Cái lỗi thực điên khùng mà người Mĩ đã mắc khiến cho họ phải vĩnh viễn từ bỏ hết các tham vọng của họ là đã lựa chính sách ủng hộ triệt để (chỉ không chính thức liên kết thôi, may cho họ là biết ngừng ở đó) một kẻ thối nát đến xương tủy, bị 85% dân Trung Hoan oán ghét từ bỏ, tức Tưởng Giới Thạch. Vậy mà họ vẫn tiếp tục "tiêm" rất nhiều tiền bạc, khí giới cho Tưởng, họ vẫn cướp bóc, vì để kiếm tiền và khí giới, bọn Tưởng đã bán cho Mĩ cả không khí ở trên đầu, cả sông biển của Trung Hoa, và tất cả các đặc quyền thương mại, nếu Tưởng mà thắng thì Trung Hoa sẽ vĩnh viễn thành một thuộc địa của Mĩ.

Viện lẽ để giúp chính quyền hiệu hữu mà đưa quân đội ngoại quốc vô Trung Hoa thì chỉ làm cho chính quyền đó mau sụp đổ: như vậy là làm cho nỗi bất bình, oán hận của dân chúng tăng lên là đồng hóa Mĩ với Tưởng Giới Thạch, mà chính Mĩ bị thêm cái bệnh ảo tưởng rằng mình tuyệt mạnh, rồi dùng những ngôn từ đạo đức huênh hoang để giảng sự can thiệp của họ và có tâm trạng tự

cao, tự đại điên cuồng đó thì tới khi thất bại chỉ còn cách la om sòm rằng bị phản bội thì dân Mĩ mới nuốt trôi được.

Những hoạt động cuồng loạn (không thể gọi bằng tên nào khác được) của Mĩ ở Trung Hoa trong thời nội chiến chỉ giảng được bằng nguyên nhân này: họ muốn thực hiện một kế hoạch thống trị đại qui mô: vì cho tới ngày cuối cùng, bàn tay tham lam của bọn con buôn Mĩ làm áp phe, cố moi móc, vơ vét trong tòa nhà đổ nát của Trung Hoa, kí khế ước, lập kế hoạch độc chiếm thị trường, đem sản phẩm Mĩ vô tràn ngập các thị trấn Trung Hoa. Ngày nay, trước chiến tranh Việt Nam - tột đỉnh của chính sách tai hại thống trị châu Á - đa số dân chúng Mĩ đã bắt đầu hiểu rằng bao lâu nay họ đã bị chính quyền gạt gẫm.

Cuối năm 1946, năm mươi bảy sư đoàn Quốc Dân đảng gồm 707.200 người đã được Mĩ huấn luyện và cung cấp khí giới để dùng trong nội chiến; việc huấn luyện nhân viên mật vụ vẫn tiếp tục. Mười ba đạo quân Quốc Dân đảng gồm 473.000 người đã được phi cơ và tàu Mĩ chở đi đánh Hồng quân; tám trong số mười ba đạo quân và mười hai liên đội kĩ sư và kĩ thuật gia đó, được chở bằng đường bộ và đường hàng không lên Mãn Châu để đánh Lâm Bưu. Từ 1945 đến 1949, Mĩ huấn luyện, cung cấp khí giới và trả lương 850.000 người để chiến đấu cho Tưởng Giới Thạch.

Như trong mọi cuộc cách mạng, phong trào bài Mĩ phát sinh từ giới sinh viên tại tất cả các thị trấn lớn vào

tháng giêng năm 1947. Nguyên nhân gần là một thiếu nữ Trung Hoa bị một bọn "lính thủy" Mĩ hiếp dâm, nhưng đó chỉ là một vụ rắc rối nhỏ như nhiều vụ khác. Sau này chính ba tôi tả cho tôi nghe lòng dân chúng căm thù người Mĩ ra sao "Chúng muốn làm gì thì làm, chửi người ta, đấm đá cu li, buộc cu li phải chạy đua như bầy súc vật".

Và một ông bạn sau này tôi gặp ở Hương Cảng: "Tụi Mĩ đi tới đâu là mở ổ điếm tại đó. Họ là một đạo quân chiếm đóng. Họ chở tới rất nhiều vật dụng và họ phung phí cho hết. Cái gì họ cũng có quá nhiều, họ bán số thừa thải để lấy tiền. Bọn "lính thủy" bán thuốc lá, thịt, vớ... có một số đàn bà giao thiệp với họ để kiếm son bôi môi, hàng lụa, vớ ni lông, thức ăn. Họ mua quịt, họ hành hạ kẻ nào họ không ưa. Thành phố nào cũng hóa ra thối tha. Mọi người đều oán ghét họ, cả những người rút rỉa tiền của họ. Quả là đạo quân chiếm đóng". Và bọn G.I [1] cũng biết rằng họ ghét: "Bọn đó ghét chúng ta. Mà tại sao chúng ta lại tới đây?". Sinh viên biểu tình lớn để bài Mĩ: "Mĩ cút đi!". Ở Thượng Hải, ở Bắc Kinh, Nam Kinh, Thiểm Tây: "G.I cút đi!".

Nhưng người Mĩ cứ bám tới cùng, không muốn Mĩ hóa hoàn toàn nội chiến Trung Hoa, như vậy phải cần một triệu G.I. để chiếm đóng vài thị trấn, mà cũng không chịu rút hết ra khỏi Trung Hoa.

---

(1) Binh nhì Mĩ.

Năm 1948, khi Tưởng Giới Thạch qua Đài Loan, ông ta mang theo được 450 triệu Mĩ kim bằng vàng thoi; Mĩ đã tốn vào trong chiến tranh đó, 5,9 tỉ Mĩ kim [(1)]. Vì thất bại chua chát, họ xoay ra "săn bắt bọn phù thủy" [(2)] do đó mới có bi kịch của giai đoạn Mac Carthy [(3)] ở Mĩ.

Mặc dầu các bạn thân khuyên tôi ở lại, tôi cũng quyết định rời Anh để về Trung Hoa. Isobel Cripps cho rằng tôi làm vậy là mạo hiểm. Tôi bảo rằng dù tôi không vô lục địa Trung Hoa thì tôi cũng muốn về gần nó hơn chứ ở Londers xa quá. Tôi đã sống xa Trung Hoa sáu năm rồi, và tôi bắt đầu thấy khó chịu, áy náy, vì tôi không có ý học Y khoa để rồi sống yên ổn, đông thân chủ ở Londres. Dĩ nhiên còn phải nghĩ tới Yungmei nữa, cô Rendal, hiệu trưởng trường Coldecott bất bình lắm; "Ở đó có cách mạng mà bà muốn lôi con bà về, bắt nó sống trong cái địa ngục khói lửa đó". Tâm hồn tôi giao động. Một y sĩ giải phẫu mà tôi đã giúp việc, cho tôi một chỗ rất tốt, làm nội trú cho một bệnh viện khác. Tổ chức Buroughs Wellcome đề nghị với tôi một chỗ làm trong phòng bệnh lí của họ vì tôi đã đậu môn bệnh lí cùng với môn giải phẫu. Tôi lại hội kiến và rốt cuộc tôi từ chối.

Tôi bảo tôi phải về châu Á; thực khó giảng quá vì ai cũng mong tôi nhận lời. Người đề nghị tôi đâm ra bực

---

(1) Ở Việt Nam, Mĩ đã tốn gần 120 tỷ.

(2) Ám chỉ việc săn Cộng sản ở Mĩ.

(3) Một thượng nghị sĩ tố cáo bậy vô số nhân vật Mĩ là theo Cộng.

mình bảo: "Bà không thể tiếp tục liệng bánh của bà xuống nước như vậy được". Tôi từ chối vài nơi khác nữa.

Tháng chạp năm 1948, hai ngày trước khi hết hạn một năm nội trú, tôi sửa soạn hành lí, lại trường đón Yungmei ra, còn chút tiền tác giả về cuốn *Destination Tchoungking,* tôi mua hai vé máy bay và đầu tháng giêng 1949 chúng tôi đi Hương Cảng. Trong một năm nội trú ở bệnh viện Royal Free, tôi được lãnh khoảng 2 Anh bảng mỗi tuần, ăn ở trong bệnh viện.

Trong khi máy bay gầm thét và cất cánh (thời đó đi du lịch bằng máy bay thật là lãng mạn, mê hồn), tôi cảm thấy đã làm xong một nhiệm vụ. Tôi bỗng nghĩ tới con người của tôi mười năm trước, năm 1934 khi tôi rời châu Âu mà trở về Trung Hoa đương kháng Nhật. Lúc đó tôi thực là chân thành, thật thà, nhiệt tâm, mắt đăm đăm hướng về Trung Hoa - và về Trung Hoa tôi đã bị hành hạ tàn nhẫn - mà bây giờ tại sao tôi lại từ bỏ một cuộc đời an toàn, êm đềm, bỏ một nghề chắc chắn, lại dắt Yungmei theo nữa? Tôi sẽ làm gì bây giờ đây? Tại sao lại có cái nhu cầu không cưỡng được phải đi đó? Tôi lại sắp trở về cảnh địa ngục chăng?

Nhưng tôi gạt ngay ý nghĩ đó đi. Vì tôi đã học được chút ít gì rồi: tôi đã hóa ra thận trọng hơn, đa nghi hơn, không ngây thơ như trước nữa. Mặc dầu tôi chưa hề lầm lẫn một cách ngu xuẩn đến nỗi coi tất cả đất nước Trung Hoa đều giống như Pao hết, mặc dầu có một sức tiềm tàng sâu trong lòng tôi hơn là sự an toàn, mặc dầu tình

thương kéo tôi lùi lại [1] lần này tôi sẽ không mạo hiểm. Tôi sẽ không nhắm mắt xông bừa vào lò lửa đó, mà tôi sẽ đứng ở chung quanh, tôi sẽ nhận xét, đợi xem tình hình ra sao... Theo những tin tức cuối cùng tôi nhận được về Tòa Đại sứ Trung Hoa ở Londres thì một số nhà ngoại giao đã mua nhà, mua tiệm ăn, một số đã cuốn gói không phải để về Trung Hoa mà để qua Mĩ...

Chị Cherry bảo tôi: "Chị sắp nhảy vào miệng sư tử đấy". Sai. Bây giờ tôi biết rằng có thiện chí chưa đủ, rằng tôi không phải ham làm một việc hữu ích với bất kì giá nào, rằng có thể có vô số Pao núp sau những khẩu hiệu mát xít... Tới lúc đó mà tôi cũng không tin rằng cách mạng đã thực hiện xong khi lật đổ được chính quyền Quốc Dân đảng... từ nay còn xảy ra gì nữa đây?

Tôi đã quá tin ở Trung Hoa thời kháng Nhật, tin một cách lãng mạn quá; tôi tự thuyết phục tôi rằng chính nghĩa làm cho những kẻ bênh vực nó cao thượng lên. Bây giờ tôi hiểu rằng, con người có thể tuyên bố những qui tắc rất đạo đức mà vẫn có thể phạm những tội ác ghê tởm... Cái đó lại tái diễn nữa không đây?

Cách mạng đã thắng về quân sự, còn nhiệm vụ quét sạch chế độ cũ với những thối nát của nó, nhiệm vụ đó, cách mạng sẽ làm không? Hay là những tệ hại thời trước lại tái sinh dưới những bộ mặt khác, bề ngoài khác? Mà

(1) Tôi không biết bản Pháp văn dịch có đúng không, tối nghĩa quá. Lùi lại có nghĩa là trở về Trung Hoa như năm 1939 chăng?

cách mạng là gì? không trả lời những câu đó được, trừ những điều tôi được đọc, được nghe nói về cách mạng Nga. Và cái đó không làm cho tôi tin rằng tôi sẽ được tiếp đón niềm nở. Vì chính tôi cũng là con người của chế độ cũ; tôi là vợ của Pao; và một chế độ cách mạng có được công bằng không; bị cơn giông lôi cuốn, quét cả trăm triệu người... nó có thì giờ để ý tới tôi không? Trong khi cơn nước dâng lên, gầm thét tràn ngập Trung Hoa, trong khi cơn giông làm trốc gốc bao nhiêu chế độ cũ, thì một con người lẻ loi, vô nghĩa, ngu dốt như tôi có tránh khỏi họa được không?

Nhưng tôi không thể "sống yên ổn" ở Anh trong khi nước Trung Hoa lớn lao như con Phượng hoàng (1), đương tái sinh trên dàn lửa còn bốc khói của cuộc xung đột đại chúng đó. Không thể được. Ít nhất thì tôi cũng đứng ở bực cửa, coi chừng xem: tôi không từ bỏ Trung Hoa, tôi không quay lưng lại với nó...

Vì Trung Hoa không phải là Pao, không phải là sự tàn bạo mà tôi đã mục kích và chịu đựng, không phải là chế độ đáng khinh bỉ của Tưởng Giới Thạch và bọn quan liêu của ông ta. Trung Hoa hơn vậy nhiều: Trung Hoa là những kẻ tôi đã thấy vác những bao nặng toát mồ hôi, chết đói, chiến đấu và bị giết hàng triệu, hàng triệu... Cách mạng ở về phía họ...

---

(1) Tên của một tác phẩm sau của tác giả *La Moisson de Phénix* (Mùa gặt của chim Phượng).

- Bà đi đâu, thưa bà?

Cô chiêu đãi viên cúi xuống đưa một chiếc kẹo nữa cho Yungmei.

- Hương Cảng, chúng tôi đi Hương Cảng.

Tôi giữ cho Yungmei đứng trước cửa kính để nó ngó nhìn cánh đồng bằng phẳng của Anh trôi qua ở dưới đất. Bờ biển, biển xanh viền bạc, trải ra, lấp lánh dưới ánh sáng buổi chiều. Tôi mở sổ thông hành ra, cho Yungmei thấy hình của nó hồi bé; theo sổ đó, tôi còn vợ của Tang Pao Houang. Sổ thông hành ngoại giao đó còn có giá trị tới năm 1951.

Chỉ không đầy năm ngày sau, kể tất cả những chỗ ghé, chúng tôi sẽ tới Hương Cảng, cửa ngỏ của Trung Hoa: Hương Cảng tuy là thuộc địa Anh, nhưng vẫn là Trung Hoa. Tới đó tôi sẽ cho nó vô học một Trường Trung Hoa. Và tôi sẽ nhận xét, đợi xem sao, rồi sẽ quyết định cho nó và cho tôi.

NHÂN DANH

Những nhân vật ai cũng biết tên như Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông... thì chúng tôi nghĩ không cần phải giới thiệu, còn những nhân vật khác, chúng tôi chỉ giới thiệu sơ lược để độc giả hiểu được truyện thôi.

Ở Âu Mĩ có ít nhất là ba lối phiên âm tên Trung Hoa: *lối Wade Gila* của người Anh, *lối E.F.E.O.* (Ecole Francais d'Extrème Ouast: Trường Viễn Đông bác cổ) của người Pháp, *lối bưu điện*". Mấy lối đó đại khái hơi giống nhau như tỉnh Sơn Tây, Pháp phiên âm là Chansi, Anh phiên âm là Shansi. Từ năm 1958, Trung Quốc lại qui định một lối phiên âm khác gọi là *pinyin* (phiên âm), mà nhiều tên khác hẳn với những lối trên. Như Chu Đức, họ phiên âm là Zhu De, Anh là Chu Teh, Pháp là Tchou Teh; Tưởng Giới Thạch họ phiên âm là Jiang Jie-Shi, Anh là Ching Kai-shek, Pháp là Tchiang Kai-shek.

Những tên đặt trong dấu ngoặc đơn trong bảng dưới đây là theo trong bản tiếng Pháp của nhà Stock, người dịch Marcelle Sibon, đã dùng lối phiên âm của Pháp.

*

Bạch Sùng Hi (Pai Tchong-hsi) sanh năm 1893 ở Quảng Tây, học võ bị, một quân phiệt có tiếng cầm quân giỏi, từ 1937 đến 1946, làm tổng tư lệnh tỉnh Quảng Tây, đứng trong phe Tưởng Giới Thạch, nhưng không ưa Tưởng, có tinh thần độc lập.

Chu Ân Lai (Tchou En Lai) (1896-1976) sanh ở Giang Tô. Từng làm ngoại trưởng kiêm thủ tướng Trung Quốc trong nhiều năm cho đến khi qua đời. Trong cách mạng văn hóa có lúc bị tố "thiên hữu". Lúc sống tới khi qua đời ông được nhiều người quí mến.

Chu Đức (Tchou Teh) sanh ở Tứ Xuyên 1886, một thống chế giỏi cầm quân, một nhân vật quan trọng của Trung Quốc, từng giữ chức Tổng tư lệnh Hồng quân Trung Hoa cho đến cuối đời (1979?) được mọi người nhất là quân đội tôn kính.

Đặng Dĩnh Siêu (Teng Ying-tchao) vợ Chu Ân Lai.

Đổng Hiển Quang (Hollington Tong) sanh năm 1887 ở Chiết Giang, học ở Mĩ, viết báo, sách. Từ năm 1938 - 48, làm Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Bộ Thông Tin Quốc Dân Đảng; 1956 - 58 làm Đại sứ Trung Hoa ở Mĩ.

Đường Tung (Tang Tsung) có hồi làm Đại sứ Trung Hoa Quốc Dân đảng ở Nam Hàn; 1946-49 làm bộ trưởng Nội vụ.

Hà Ứng Khâm (Ho Ying Kin) sanh ở Quế Châu năm 1889, tướng lãnh hồi 1938-45, làm bộ trưởng Quốc phòng trong chính phủ Tưởng Giới Thạch.

Hồ Tôn Nam (Hou Tsong Nan), một tướng được Tưởng tin cậy, đóng ở Tây An để phong tỏa Diên An của Mao Trạch Đông trong thời chiến tranh Trung Nhật.

Khổng Tường Hi (Kung Hsiang hsi) sanh ở Sơn Tây năm 1881, từ 1947 qua sống ở Mĩ, làm Bộ trưởng Tài chánh trong những năm 1933-1944, từ 1947 qua sống ở Mĩ. Dòng dõi Khổng Tử mà rất giàu, người Trung Hoa gọi ông là *Khổng tài thần*.

Lâm Bưu (Lin Pao) (1907-1971) sinh ở Hồ Bắc năm 1907, học trường võ bị Hoàng Phố, có tài cầm quân, có công lớn với Trung Cộng, chỉ huy mặt trận Mãn Châu và Hoa Bắc hồi 1947-49. Trong cách mạng văn hóa năm 1966 là nhân vật thứ hai của Trung Cộng sau Mao Trạch Đông. Theo tin chính thức của Trung cộng thì Lâm bị trục xuất ra khỏi Đảng, năm 1971 và bị mất tích trên một máy bay ở biên giới Trung Quốc - Mông Cổ. Theo Yao Mingle thì Lâm bị Mao thủ tiêu (cùng với vợ) sau một bữa tiệc ở Cẩm Thành vì Lâm muốn giết Mao.

Lý Lập Tam (Li Li-san) sanh ở Hồ Nam năm 1900, học ở Pháp, trong Ủy ban Trung ương của Trung Cộng, làm cố vấn chính trị cho Lâm Bưu năm 1940.

Lý Tôn Nhân (Li Tsong yan) sanh ở Quảng Tây năm 1890, học trường võ bị Quế Lâm, cùng với Bạch Sùng Hi cai trị tỉnh Quảng Tây từ 1929 đến 1937, làm phó tổng thống Trung Hoa Quốc Dân đảng từ 1948 đến 1954, sau qua Mĩ ở.

Mao Trạch Đông (1893-1976) (Mao Tse-tung) sanh ở Hồ Nam 1893 trong "một gia đình nông dân mà không phải là nông dân". Người từng làm chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc trong nhiều năm. Theo Đặng Tiểu Bình: "Mao trước giải phóng là người có công lớn, sau giải phóng mắc sai lầm. Trong cách mạng văn hóa phạm nhiều tội ác."

Phổ Nghi (Pou Yi) sanh ở Bắc Kinh năm 1906, ông là vua cuối cùng của Mãn Thanh, bị truất ngôi năm 1912, năm 1934 Nhật đưa lên làm vua Mãn Châu, bị quân đội Nga bắt năm 1945, từ năm 1956 sống ở Bắc Kinh với nghề làm vườn, sau khi bị cải tạo 9 năm. Mất năm 1967 vì bệnh ung thư.

Phùng Ngọc Tường (Fong Yu hiang), một quân phiệt nổi danh vì là người đầu tiên kháng Nhật năm 1932. Trước theo chủ nghĩa cộng sản, sau liên kết với Tưởng Giới Thạch, nhưng vẫn có tinh thần độc lập.

Quách Mạt Nhược (Koue Ma Jo), sanh ở Tứ Xuyên năm 1892, một cây bút nổi danh hiện sống ở Hoa lục. Từng giữ chức Chủ tịch Hàn lâm viện Khoa học Trung Quốc. Trong cách mạng văn hóa bị tố rồi mất chức.

Tăng Quốc Phiên (Tsang Koue fan) danh thần của triều đình Mãn Thanh, có tài cầm quân, thắng được Thái Bình Thiên quốc năm 1864, mất năm 1872, cuối triều vua Mục Tôn (sanh năm 1811).

Tôn Dật Tiên (1866-1925) (Sun Yat Sen), sanh ở

Quảng Đông năm 1866. Mất năm 1925. Người sáng lập nền Cộng hòa Trung Quốc, người Hoa xưng tụng là "Quốc phụ".

Tống Tử Văn (Soong T.V) sanh ở Quảng Đông năm 1894, học ở Mĩ, em vợ Tưởng Giới Thạch. Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Trung Hoa từ 1935 đến 1943, Bộ trưởng Ngoại giao từ 1942 đến 1945, sau qua Mĩ ở, chết ở Mĩ năm 1970 hay 1971.

Từ Hi (Tso Hi) (1835-1908) Thái Hậu - Bà phi của vua Văn Tôn đời Thanh, mẹ vua Mục Tôn, chuyên quyền, dẹp cuộc chính biến Mậu Tuất (1898) dùng Nghĩa hòa đoàn tính để diệt người Âu ở Trung Hoa, làm cho nhà Thanh mau sụp đổ.

Tưởng Giới Thạch (Tching Kai-shek) (1887-1975) sinh ở Chiết Giang năm 1887, vợ là Tống Mĩ Linh, em Tống Khánh Linh (vợ Tôn Văn) Tống Ái Linh (vợ Khổng Tường Hi) lãnh tụ Quốc Dân đảng. Sau năm 1945, chống lại đảng cộng sản Trung Quốc. Năm 1949 thua Cộng chạy ra Đài Loan.

Thái Diên Giải (Ts'ai Ting K'ai) sanh ở Quảng Đông năm 1890, học võ bị, nổi tiếng nhờ đánh Nhật năm 1932 sau theo Cộng.

Trần Lập Phu (Tcheng Li-fu) sanh ở Chiết Giang năm 1900, học ở Mĩ, Bộ trưởng Giáo dục Quốc Dân đảng từ năm 1938 đến 1947.

Tai Lee: (Phong Để) (... - 1946): cựu sinh viên Hoàng

Phố, thủ lãnh *hội Phục hưng* đứng đầu *Sở Tuân lệnh phục vụ,* Giám đốc mật vụ của Quốc dân đảng (đứng đầu sau Tưởng Giới Thạch) trông coi về an ninh mật vụ, buôn thuốc viện... của Quốc dân đảng. Chết vì tai nạn máy bay trong năm 1946 ở Trùng Khánh.

Trần Nghị (Tchen Yi) (1901-1972) sanh ở Tứ Xuyên năm 1901, học ở Pháp, theo Cộng, có nhiều quân công làm Thống chế, năm 1958 làm bộ trưởng Ngoại giao. Trong cách mạng văn hóa bị tố là thiên hữu, rồi mất chức. Ông được Chu Ân Lai tín nhiệm.

Trương Học Lương (Tching Hsue liang) chưa tra được sanh năm nào, ở đâu, tướng có tài, nổi danh vì bắt cóc Tưởng Giới Thạch ở Tây An năm 1936 để ép Tưởng thỏa hiệp với Cộng mà lập mặt trận kháng chiến chống Nhật. Sau năm 1949, bị Tưởng giam ở Đài Loan, đến năm 1956 mới được thả ra.

Uông Tinh Vệ (Wong King wei) chưa tra được sanh năm nào, ở đâu, hồi trẻ có tinh thần cách mạng, được Tôn Trung Sơn tin cậy, sau vì ghen với Tưởng Giới Thạch và tham vọng, theo Nhật, Nhật cho lập chính phủ bù nhìn ở Nam Kinh trong thời Trung Nhật chiến tranh.

Viên Thế Khải (Yuen Che K'ai) Tướng thời vua Đức Tôn (Mãn Thanh) được Từ Hi thái hậu tin dùng, khi cách mạng Tân Hợi 1911 thành công, làm bộ theo cách mạng, được Tôn Trung Sơn nhường cho chức Tổng thống, vì tham quyền, phản cách mạng, lên ngôi vua năm 1915 nên bị toàn dân phản đối, lo sợ mà chết năm 1916.

ĐỊA DANH

Bắc Bồn (Pei pei) một thị trấn ở tỉnh Tứ Xuyên, phía bắc Trùng Khánh.

Bắc Kinh (Pekin) từ khi Tưởng Giới Thạch dẹp xong các quân phiệt phương Bắc, đổi tên là Bắc Bình (Peiping).

Cam Túc (Kam Sou) một tỉnh ở Tây Bắc Trung Hoa.

Cát Lâm (Ririn) một tỉnh và cũng là tên một thị trấn ở Mãn Châu.

Côn Minh (Kunning) Thủ phủ tỉnh Vân Nam.

Chiết Giang (Tçhe Kiang) tên một tỉnh ở bờ biển phía bắc tỉnh Phúc Kiến.

Diên An (Yenan) căn cứ lớn của Trung Cộng trong tỉnh Thiểm Tây.

Dương Tử (giang) (Yàngtsé) một trong hai con sông lớn nhất của Trung Hoa chảy qua Trùng Khánh, Hán Khẩu, Nam kinh.

Đài Nhi Trang (Tai Erchouny) tên một nơi ở gần ranh giới tỉnh Sơn Đông và tỉnh Giang Tô.

Giang Tây (Kiangsi) tên một tỉnh ở phía bắc tỉnh Quảng Đông.

Hải Nam (Hainan) một đảo lớn ở ngang Bắc Việt Nam.

Hán Dương (Han Yang) một thị trấn ở sát Hán Khẩu trong tỉnh Hồ Bắc.

Hán Khẩu (Han Kisu) một thị trấn lớn ở tỉnh Hồ Bắc; Hán Khẩu cùng với Hán Dương và Vũ Xương hợp lại thành một thủ phủ gọi là Vũ Hán.

Hà Nam (Honan) tên một tỉnh ở phía nam sông Hoàng Hà.

Hành Sơn (Hang Shen) tên núi ở tỉnh Hồ Nam, đừng lộn với Hằng Sơn cũng là phiên âm là Hangshen, cũng là tên núi, ở tỉnh Sơn Tây.

Hồ Nam (Hounan) tên một tỉnh ở phía nam sông Dương Tử, phía Tây tỉnh Giang Tây.

Lan Châu (Lang Tchesu) tên một thị trấn ở tỉnh Cam Túc, trên bờ sông Hoàng Hà.

Lư Câu Kiều (Loulou Ki'eo) cũng gọi là cầu Marco Polo, cách Bắc Kinh khoảng 10 cây số. Năm 1937 Nhật đánh một đòn Trung Hoa ở đây, gây chiến tranh Trung Nhật 1937-1945.

Mân (Min) tên một con sông ở tỉnh Tứ Xuyên, đổ vào sông Dương Tử.

Nam Kinh (Nankin).

Nam Xương (Nan tch'eng) tên một thị trấn ở tỉnh Giang Tây.

Nội Giang (Nei K'iang) tên một nơi ở tỉnh Tứ Xuyên.

Phúc Kiến (Fu Kien) tên một tỉnh ở bờ biển, ngang đảo Đài Loan.

Quán Huyện (Kouon bsion) tên một thị trấn ở tỉnh Tứ Xuyên.

Quảng Châu (Canton) thủ phủ tỉnh Quảng Tây.

Quảng Đông (Kouang Tong) tên tỉnh sát với biên giới Bắc Việt Nam.

Quảng Tây (Kouang Si) tên tỉnh sát với biên giới Bắc Việt Nam.

Quế Lâm (Koucilin) thư phủ tỉnh Quảng Tây.

Quế Châu (Koueitcheou) tên một tỉnh ở phía bắc, tỉnh Quảng Tây, phía Tây tỉnh Hồ Nam.

Sơn Tây (Shonsi) tên một tỉnh ở Hoa Bắc.

Tây An (Sian) tên một thị trấn ở tỉnh Thiểm Tây.

Tây Khang (Si Kang) tên một tỉnh ở phía Tây tỉnh Tứ Xuyên.

Tứ Xuyên (Setchouan), tên một tỉnh phía tây, trên tỉnh Vân Nam và tỉnh Quí Châu, thủ phủ là Trùng Khánh. Tứ Xuyên là quê của thi hào Đỗ Phủ đời Đường.

Tương (sông) (Hsiang) tên một sông ở tỉnh Hồ Nam.

Thành Đô (Tchengtou) thị trấn lớn nhất của tỉnh Tứ Xuyên.

Thượng Hải (Changhai) tên một thành phố lớn nhất của Trung Quốc.

Thẩm Dương (Chen Yang), cũng có tên là Moukeen), một thị trấn lớn của Mãn Châu.

Trà Long (Tchaling) tên một thị trấn ở tỉnh Hồ Nam.

Trùng Khánh (Tchoungking) thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, trên bờ sông Dương Tử.

Trường Sa (Tchongsa) thủ phủ tỉnh Hồ Nam.

Trường Xuân (Changchoun) tên một thị trấn ở Mãn Châu, phía tây Cát Lâm.

Vân Nam (Yunnan) một tỉnh ở Hoa Nam, giáp giới Bắc Việt của ta, phía tây tỉnh Quảng Tây.

Vũ Hán (Wouhan) coi Hán khẩu.

Vũ Xương (Woutchang) coi Hán khẩu.

Thiểm Tây (Shensi - đừng lộn với Shansi: Sơn Tây), tên một tỉnh ở Hoa Bắc, ở phía tây tỉnh Sơn Tây.